

Viết Về Nước Mỹ

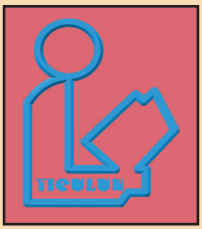
Năm thứ XIX



GIẢI THƯỞNG VIỆT BÁO

2018

VIẾT VỀ NƯỚC MỸ
2018
Quyển 2



Lạc Mất Mùa Xuân

Mai Hồng Thu là tên Việt của tác giả Donna Nguyễn/ Donna Nguyen. Với ba bút danh này, cô đã từng góp nhiều bài Viết Về Nước Mỹ và đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2013. Sanh tại Sài Gòn, sang Mỹ năm 1985, hiện là cư dân San Jose, California, tác giả đã dịch thuật và xuất bản 3 tập truyện ngụ ngôn dành cho thiếu nhi của Thornton W. Burgess dưới bút danh Nguyễn Nhã Đan Na (Nguyễn Donna). Sau đây là bài viết mới nhất của cô.

Năm cuối tiểu học, nó là một trong những học sinh giỏi đại diện bạn học đi đám ma thầy hiệu trưởng. Thấy nhiều người thương tiếc khóc lóc thảm thiết, nó thắc mắc người chết có nghe, thấy và cảm nhận được nỗi buồn của người ở lại không ? Mỗi lần trong xóm có đám ma, nó hay chăm chú lắng nghe người thân kể lể than khóc với người chết. Cảnh người mẹ, người vợ trẻ, người yêu gục xuống bên quan tài người lính trẻ của cả hai chuyến tuyến, cho nó biết nỗi đau tử biệt. Cảnh những người thân lặng người nuốt nước mắt vào lòng khi hạ quan tài lấp đất, lặng lẽ u ám quá.

Nó không tưởng tượng được nó sẽ làm gì trong hoàn cảnh của họ. Vì đi Mỹ và thời gian bó buộc, nó không

có dịp đưa tiễn linh cữu của những người nó yêu thương nhất. Nỗi đau tử biệt cũng đã hòa vào nỗi đau sinh ly tự lâu rồi. Tình thương của họ vẫn sống mãi bên nó, giúp nó đi tiếp đoạn đường đời buồn vui lẫn lộn bấy lâu nay. Thỉnh thoảng, nó vẫn thắc mắc, người chết có đầu thai không, có linh hồn không, có thế giới vô hình không ? Và nó, đôi lúc ước gì, mình sẽ được đoàn tụ với những người thương yêu đã khuất, một ngày không xa.

Sống vui hay buồn, nó vẫn phải sống. Nhưng chết vui hay buồn, thỉnh thoảng nó vẫn còn lo. Nó cố gắng sống tốt để mong được chết tốt. Sức khỏe yếu, tinh thần của nó cũng bị ảnh hưởng ít nhiều. Càng học hỏi nghiên cứu, nó càng khẳng định yếu tố di truyền, môi trường sinh trưởng và nhân sinh quan là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến giá trị sống chết của một người.

Nó sợ là người vô dụng, là gánh nặng của xã hội và người thân. Nó sợ vì nó đã từng gặp rất nhiều trở ngại, vất vã đấu tranh để cố sống cho đúng nghĩa một người tử tế, dù chỉ làm một tia nắng nhỏ góp mặt với đời. Khi gặp trắc trở, nó càng suy tư và nghiệm thấy mình vẫn còn may mắn hơn rất nhiều người mắc bệnh nan y, những người vô gia cư, những người bán linh hồn cho quỷ dữ, và nhất là những người đánh mất chính mình giữa cõi đời gian truân đầy thử thách này. Nó cố vơ vét

chút niềm tin, hy vọng và tự vực mình lên từ đáy sâu tận cùng của tuyệt vọng rất nhiều lần, để sống vui và hữu ích hơn.

Mười bảy tuổi, lần đầu tiên nó thấy hai người con gái xóm bên tự tử để chống đối người cha tập kết trở về chưa lâu đã theo vợ bé. Người đàn bà mất chồng, sau mất con, vật vã khóc than và trở thành ngơ ngáo. Bà đổi nghề lên đồng bám víu linh hồn các con và sống lang thang nhờ lòng tốt của những người biết quá khứ của bà. Nó tự hỏi : không biết con bà có linh thiêng phù hộ mẹ ? Người cha nghĩ gì, sống ra sao, sau cái chết đó ? Ai nghĩ sao cũng mặc, một gia đình đã tan nát.

Về Bình Long, nó chứng kiến cảnh hai người bạn hàng ngoài chợ, tự tử vì họ là một cặp tình nhân đồng tính bị cha mẹ phản đối và từ bỏ. Bàn tán xì xầm rồi lại lắng dịu. Mặc trời vẫn mọc. Sự thiếu hiểu biết về gốc rễ của giới tính, thường đã, đang và sẽ còn tạo ra những thảm kịch khắp nơi trên thế giới.

Qua Mỹ, lạc lõng giữa những người Bắc đồng hương của chồng, nó thường nghe anh Thế, hàng xóm người Nam tâm sự. Anh buồn khi bị mẹ mắng nhiếc đay nghiến vì không giỏi kiếm tiền bằng em trai. Từng chung hoàn cảnh nên nó thông cảm và thân với anh. Anh nói : đã lớn tuổi, tiếng Anh kém học không nổi, làm công nhân

thì không thể một bước lên trời, đành phải cố nhẫn nhịn. Một ngày kia, hàng xóm hô hoán anh treo cổ tự tử. Mọi người xì xầm, mẹ anh khóc lóc than trách rồi mọi sự cũng trôi vào quên lãng. Ánh mắt trầm buồn của anh vẫn thỉnh thoảng ám ảnh nó. Nó không hiểu linh hồn anh có bình an nơi cõi vĩnh hằng không.

Ở Cali, nó từng giúp một người quen thoát khỏi ý nghĩ tự tử vì tình. Linh, bồ bạn nó, quen lúc học tóc. Cô nói, quen anh để nhờ vả chứ không yêu. Anh có con riêng và không chăm nom đàng hoàng, nên cô không quen lâu dài. Cô còn qua lại với một cây si khác. Biết vậy nhưng Linh cam lòng chấp nhận. Một hôm, cô bay qua Florida gặp cây si thứ ba có điều kiện tốt hơn, kệ Linh năn nỉ. Nó, cùng một người bạn khác, được Linh mời đi ăn tối, nghe nhạc và về nhà anh tán dóc. Anh kể chuyện tìm cách mua súng tự tử. Họ không bán ngay, bắt học luật trước, anh muốn chết thôi, không học. Hơn nửa đêm, tiệc tàn mọi người chuẩn bị ra về. Nó không an tâm khi thấy anh bắt đầu hít thuốc phiện. Nó đem phần bột trắng còn lại bỏ vào bồn cầu dội đi. Ngủ tạm ở phòng bên dù đã khóa chặt cửa, nó cũng sợ nhưng không nỡ bỏ về. Thỉnh thoảng nó chạy ra dòm chừng anh đang nằm lờ đờ nghe nhạc ầm ĩ ở phòng khách. Chợt nó nhớ tới Tân, bạn anh. Trời cũng đã sáng, nó gọi anh Tân nhờ anh đến lo giùm. Biết chuyện, anh Tân lật

đật chạy đến. Sau đó, anh Tân liên lạc gia đình Linh để họ khuyên giải anh. Hai tháng sau, Linh vui lại và tỉnh táo hơn nhiều. Anh gọi nó ra ăn trưa và ngỏ lời cám ơn nó đã giúp anh lần đó. Nó lại thắc mắc, không biết nếu nó bỏ về, thì anh có vì mớ bột trắng mà đi «bán muối» hay sa vào nghiện ngập không. Nhưng nó thấy anh Linh biến thành cay cú hằn học, nó thắc mắc anh ta từng lạc lòng vì yêu người hay chỉ yêu mình. Nó tránh liên lạc với anh từ đó.

Rồi nó ngỡ ngàng khi nghe tin một anh nha sĩ tài ba trẻ, hiền, có nhiều cống hiến cho cộng đồng Việt, tự tử ở nhà riêng. Tin danh hài Robin Williams của phim Good Morning,Việt Nam tự tử càng khiến nó có thêm nhiều suy tư thắc mắc. Nó tìm tòi học hỏi, lấy nhiều lớp tâm lý học và các khóa trị liệu giúp đỡ người bị trầm cảm. Nó có dịp gần gũi và an ủi nhiều người chán đời nặng, nhẹ đủ kiểu. Nó cố học cách đồng cảm và thấu hiểu họ nhiều hơn. Muốn gần những tâm hồn thiếu nắng, gõ cửa trái tim họ, không dễ. Muốn sưởi ấm và giúp họ mở lòng chữa trị vết thương lại càng khó khăn tột bực. Chỉ cố gắng thôi.

Nó thêm bàng hoàng khi một người bạn thân đột ngột qua đời vì tai nạn, người gây tai nạn là một kẻ chán đời. Cơn đau chưa nguôi, nó nhận được tin em cũng kết liễu

cuộc đời ở một nơi xa xôi lắm. Cô gái khả ái, kín đáo, tế nhị đã không thể xóa bỏ được những ám ảnh dĩ vãng tang thương trong lần vượt biển năm xưa. Em cô đơn sống sót và sinh tồn nơi xứ người. Nhưng em luôn dành thời gian tìm kiếm tông tích của những người thân đã mất tích trên biển Đông. Khi em đặt chân tới hòn đảo cuối cùng thì hy vọng cũng tắt lịm theo hoàng hôn. Em chọn gieo mình vào lòng nước lạnh giá để đoàn tụ với họ.

Em, cánh én bơ vơ lạc lõng, yếu lòng lạc mất mùa xuân. Em để lại trong lòng những người thương em, nỗi buồn vời vợi, nuối tiếc khôn nguôi.

Nghĩ về em, nó thấy ghét mùa xuân vô hạn. Mùa xuân của sum vầy, của lễ hội, của những bắt đầu. Nhưng em tìm ai để sum vầy, em không tìm thấy sự bắt đầu. Em tài hoa, sâu sắc, hiểu biết rộng và luôn luôn nhẹ nhàng như tia nắng ấm. Những nỗ lực khó khăn khi xây dựng một cuộc đời mới nơi xứ người đã cho em cuộc sống tự do, thành đạt, nhưng không đủ hạnh phúc để em xóa bỏ những đau thương mất mát cũ. Nơi đây, em không tìm được tình thân, không tìm thấy quê hương. Vì thế, em cô đơn vùng vẫy tuyệt vọng trong nỗi đau quá khứ, cùng những kỷ niệm ngọc ngà bên mẹ và em. Họ đã không được may mắn như em được bình an đến miền

đất hứa. Nhiều năm trôi qua, em sống dằn vặt, đau xót nhớ thương, tìm kiếm trong tuyệt vọng, và cố gắng buông bỏ tìm quên. Rồi em đã bỏ cuộc. Em chọn con đường phi khoa học, phi hiện thực để tìm đến bên người thân, chìm theo dòng nước lạnh.

Em tự biến mất khỏi cuộc đời như một vì sao băng.

Nó hiểu được vì sao em thích sống khép kín khi cố giữ mình đứng bên lề cái thế giới duy vật hời hợt đầy bon chen ngoài kia. Em gói tâm hồn mình với vùng trời kỷ niệm xưa, bên những người thân yêu đã mất. Quê hương và đất nước đã đổi chủ thay lòng. Những con đường xưa chỉ còn trong ký ức xót xa. Đời sống tất bật khiến vài tình bạn tốt, những sinh hoạt cộng đồng đây đó, không đủ xoa dịu nỗi đau của em. Người người bận rộn chạy đua với thời gian và sự tiến bộ của hệ thống điện não. Em vẫn muốn đi lùi về quá khứ để chờ mong một phép màu. Thảm cảnh biển Đông, vẫn chưa thể nhòa vào dĩ vãng.

Cái giá của tự do, khi phải mất đi những người thân yêu nhất, một mình lạc lõng sinh tồn nơi xứ người, đắt quá. Nó hiểu vì sao em chọn ra đi dứt khoát và âm thầm. Nó nghĩ hoài về sự bỏ cuộc của em, để chấm hết những khoảnh khắc đau đớn yếu lòng. Những kẻ tài hoa như em, thường dằn dặt, dấu kín tâm tư, dù vẫn

gượng mang niềm vui cho đời. Họ không thể thảnh thơi với cuộc sống thực dụng và những đam mê danh vọng tầm thường. Chính nó cũng có những đêm trằn trọc, quằn quại, vùng vẫy cố quên đi quá khứ, níu kéo niềm tin vào tương lai. Đêm vẫn dài đằng đẵng như ngày mai mù mịt.

Và hy vọng cứ dần hao mòn khiến người ta mệt mỏi vô biên.

Không phải ai cũng dễ hòa mình vào thế giới đầy bon chen, xa hoa, trót lưỡi đầu môi, khoe khoang chức vị và danh vọng. Đôi khi nó cũng thấy mình bế tắc và bất lực với những hoài bão khó thành hiện thực. Nó vẫn cô độc giữa những nụ cười và những cuộc họp mặt quấn quýt tạm thời. Nó không thích những lời tâng bốc, ngọt ngào sáo rỗng đầy phần lịch sự, lễ nghi. Nó không thể nào dung hòa nổi vào ánh hào quang bề nổi chớp nhoáng che đậy bao nhiêu toan tính trá hình. Bốn bức tường mà nhiều người cô độc sợ phải đối diện, với nó lại là cái vỏ ốc an toàn ẩn úp những lúc lạc lòng, bất an. Nó không sợ cô đơn nhưng nó buồn vì thế giới rộng lớn ngoài kia, chân tình sao mong manh và không biết đang chơi trốn tìm nơi nào. Nó không muốn thoát tục nhưng nó không thể dung tục vô tội vạ. Nó từng lăn lộn kiếm ăn, chung đụng với nhiều tầng lớp xã hội; nhưng nó chưa bao giờ

cảm thấy hãnh diện vì mình đã có nhiều cơ hội sống vô tâm để đạt thêm thành công. Giá trị đích thực làm người tử tế khó định nghĩa ở thời đại văn minh này. Và những người con xa xứ, vẫn luôn hướng về quê hương dân tộc, thêm mệt nhoài khi không thể ngoảnh mặt quay lưng.

Nó cố gắng không chạy đua theo nhịp sống của một xã hội tiến triển không ngừng. Sự thay đổi đến chóng mặt giúp mọi người tiết kiệm nhiều sức lao động chân tay và trí óc, nhưng lại cướp đi rất nhiều thời gian, tâm tư và trí tuệ người tiêu dùng. Vô hình chung, người ta say mê những kỹ thuật mới hơn yêu thương nhau. Nó tránh lại bên lề, chạy lùi về dĩ vãng của một thời thiên nhiên là sức sống của muôn loài. Nó chọn giết thời gian vào công việc và những dự định tương lai. Nó tạm thời thả bị «đô» vật, để tham «dzọng», mong lấp kín khoảng trống trong tâm hồn. Những ngày cuối tuần và những ngày lễ, là những lúc nó tham công tiếc việc, bận rộn, tránh bớt những mối giao du vô bổ. Nó không muốn có thời gian để những ý nghĩ tiêu cực ám ảnh. Nó trở thành con người lập dị, khác thường. Thỉnh thoảng, quá mệt mỏi, nó muốn buông xuôi nhưng vẫn không chịu cam lòng.

Nó vẫn gàn bướng, khư khư lạc loài đi tìm mùa xuân của riêng mình. Mùa xuân tuổi thơ, ấm áp dưới mái

gia đình bình an, nơi chôn nhau cắt rốn, dẫu khốn khổ một thời. Thứ ấm áp không thể tìm lại và cũng khó cầu mong ở tương lai. Phải sống thờ ơ để hòa mình vào những trào lưu mới ngày càng duy vật, giả tạo, với nó, là một cực hình khó chịu đựng được. Khi người ta lấy tự do làm cái cớ xuyên tạc đạo đức và lương tâm, mọi tranh biện trở thành vô nghĩa. Khi người ta hăng say xây dựng tương lai mới bỏ quên cội nguồn, họ vẫn không thể thay đổi màu da, màu mắt. Bơi ngược dòng, lạc lõng giữa hai dòng văn hóa Việt Mỹ, cố gắng dung hòa, níu kéo, ngày tháng mâu thuẫn thật là khó trôi. Có ai thích «sống qua ngày, chờ qua đời» ? Trong khi đó, bọn tư bản đỏ «nằm vùng» ngày ngày càng tràn lan như bệnh dịch, chuyện góp sức cho cộng đồng Việt, cho quê hương gặp biết bao nhiêu là khó khăn trở ngại.

Nó hiểu vì sao nhiều người âm thầm bỏ cuộc, tự tử khi tuổi còn quá trẻ, bỏ cơ hội và hy vọng trở mình.

Hai chữ tự do, hạnh phúc bao la quá, mà nhiều lúc ta lại nhỏ bé khôn cùng.

Một cánh én có làm nên mùa xuân ? Bao cánh én lẻ loi, vẫn còn đang nhọc nhằn giang cánh. «Làm được bao nhiêu hay bấy nhiêu», bạn nó thường nhắc nhở. Mặc dầu, cô đã thành đạt vượt trội trong cuộc sống mới, nhưng lòng cô vẫn còn khắc khoải băn khoăn, trăn trở

nhìn về quê hương và quá khứ.

Những lúc nghe mưa, nhớ đến Sài Gòn và kỷ niệm tuổi thơ bình an, nó nhớ đến sự ra đi của em. Hằng năm, nó cũng lấy phép như em, bay đến phi trường Suvarnabhumi, đến những nơi em đã đến, cầm những tấm hình em đã cầm, gõ cửa từng nhà hỏi thăm, với vốn tiếng Thái ít ỏi học vội, để nhận lấy những cái lắc đầu ái ngại đó đây. Nó đã ngắm nhiều hoàng hôn xứ tháp chùa, nghe bao giọt mưa tích tách, lắng nghe lòng mình và để cảm nhận nỗi đau của em, người bạn chưa một lần biết mặt. Nó hối hận vì có chuyện buồn riêng, đã bỏ lỡ dịp tìm gặp em năm nào.

Vài năm sau, trong lúc cầm ảnh mẹ em đi hỏi thăm, có người dẫn nó đến làng kế bên. Nó gặp được cô gái giống y như người trong ảnh. Người ta kể, họ cứu được cô trong một lần đi đánh cá. Cô nóng sốt mê man bất tỉnh mấy tuần. Sau đó, cô bình phục nhưng không nhớ gì về quá khứ. Cô giỏi tiếng Việt, Anh, và Thái. Hiện cô dạy trẻ trong làng học tiếng Anh. Cô trò chuyện với nó bằng tiếng Việt thân thiện vui vẻ, dù không còn nhớ nó là ai. Cô nói, lâu rồi không có dịp nói tiếng Việt. Nó nhận là chị họ của cô, sống ở Mỹ. Ở đó, hệ thống Internet rất mắc, ít ai có nhu cầu sử dụng. Mọi người sống gần gũi với thiên nhiên, hiền lành chất phát, hạnh

phúc bình phàm. Nó và cô tâm sự rất nhiều, nói gì cô cũng tin và không hề hỏi về quá khứ, và nó thấy không cần phải khơi lại dĩ vãng buồn đau.

Cô sống bình an và hài lòng với hiện tại, bên cha mẹ nuôi và em gái người Thái. Nó gởi họ chút tiền giúp tu bổ trường. Chia tay trong lưu luyến, nó hứa sẽ trở lại thăm cô hàng năm vào mùa này.

Xin cầu nguyện cho những linh hồn lạc lõng ở biển Đông, những tâm hồn tha hương luôn vọng quốc, và cầu nguyện cho mùa xuân tự do an lành mau về trên quê hương Việt Nam thân yêu.

Mai Hồng Thu

Cô Bé và Mưa

Thụy Nhã

Thụy Nhã, sinh năm 1980, dự Viết Về Nước Mỹ từ năm đầu tiên, khi vừa học vừa làm «full time job» tại trạm kiểm soát hành khách trong phi trường Salt Lake City. Năm 2001, khủng bố cướp phi cơ tấn công nước Mỹ, cô viết «Check Point, Những Ngày Ta Mất Nhau» và nhận giải bán kết Vinh Danh Tác Phẩm. Bảy năm sau, cô nhận giải Chung Kết Tác Giả Tác Phẩm Viết Về Nước Mỹ 2008, với bài «Chuyện của Cây Vông». Tác giả tốt nghiệp cử nhân ngành tâm lý học và đã hoàn tất chương trình thạc sĩ (master) ngành điều dưỡng, chuyên về AGNP, hiện làm việc tại một bệnh viện và là cư dân Nam California. Bài sau đây, chuyện từ một dòng suối trên cao nguyên miền Nam tới Bolsa Chica, trích từ báo xuân Việt Báo Tết Mậu Tuất.

Con bé ngồi trên căn gác xép, ôm chặt Mina vào lòng. Mina màu nâu nhạt, bé bỏng, còn chưa tự mình bú được. Mina nhắm nghiền mắt, thỉnh thoảng rúc vào mình con bé và rên hừ hừ để tìm hơi ấm. Mina rùng mình, dưới gác có tiếng nói của một người đàn ông vọng lên : Mina đái nữa rồi hả con. «Dạ ba». Con bé cười khúc khích.

Bên hông căn gác xép là một cửa sổ nhỏ, đứng nơi đây con bé có thể thấy được con hẻm nhỏ dẫn vào xóm trong. Con hẻm sâu hun hút, có những lần đi coi văn nghệ văn công về, trong bóng đêm nó nghe được vài câu vọng cổ vọng ra. Tuyệt nhiên nó không hề thấy một bóng người hay bóng đèn.

Nó đứng tựa vào khung cửa sổ nhìn ra ngoài. Bầu trời xám đen, sắp chuyển giông. Phía dưới ngay cạnh bức tường của nhà nó là một đống rác.

Xen lẫn vào đống rác là những miếng vải dính máu đỏ. Một vài người đi ngang, bịt mũi lên tiếng chê chỗ này hôi quá rồi bước đi nhanh như chạy. Nó vội nhìn để coi có thể nào nhận ra người nào đã xả rác hay ai đã nỡ bắt đi con gà trống choai bà nội cho nó nhưng ai cũng nhìn rất ma quái nên nó đành chịu thua.

Mina trở mình, nó quay lại kệ sách ở trong tìm tập nhạc để ru Mina ngủ. «Mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ»*. Nó nhắm mắt, không thấy tháp cổ, chỉ thấy mấy miếng băng đầy máu. Nó chuyển tông, ngân nga «rầu rầu rầu your boat»**, Mina lại rên hừ hừ rồi thở đều.

Ngoài trời mưa rơi rào rạt. Nước mưa đánh chan chát vào lớp đất bazan đỏ đặc quánh. Hoa bơ từ trên bay xuống đáp mình lên từng chiếc lồng đèn mưa, xanh

biêng biếc.

Cô hàng hoa, người đàn bà điên

Sáng sáng nàng theo chúng bạn ra chợ bán hoa. Mẹ mất năm nàng mười chín đôi mươi, ba lấy vợ khác. Nàng và mấy đứa em được bà ngoại nuôi thay mẹ. Rồi nàng lấy chồng. Chồng làm sĩ quan, lương ba cọc ba đồng. Nàng mở nhà hàng, buôn bán để phụ chồng nhưng quán nào nàng mở cũng bị đóng cửa vì quá ế.

Người đi mua sắm còn thưa thớt, có tiếng nhạc vang vọng ra từ quán café «ta ngồi đây trên đồi Tăng Nhơn Phú, chiều đong đưa tiếng đại pháo ru về»**. Trên đầu nàng thỉnh thoảng có một chiếc trực thăng bay ngang. Thời loạn ly, người sống vẫn sống và người chết nhiều khi đu theo những chiếc trực thăng bay la đà.

Nàng rút trong túi ra tấm vé số mua hôm trước rồi dò trên bảng. Tim nàng đập loạn nhịp. Từng con số giống in như những con số trên bảng. Nàng reo lên trúng rồi, trúng độc đắc rồi. Các bạn hàng hùa lại, ai cũng vui mừng hớn hở, mỗi người chúc mừng nàng một câu, cả khu chợ xôn xao. Nàng vui quá, móc túi lấy hết tiền bán hàng từ hôm qua phân phát cho mỗi người một chút và tặng luôn cả gánh hoa tươi rói. Nàng vui, ai cũng vui theo.

Phân phát xong, nàng lấy vé số ra nơi bán để đổi tiền. Đến nơi, nàng khoe ngay đã trúng số độc đắc. Người bán vé đỡ tấm vé từ tay nàng, dò cẩn thận và nói xin lỗi bà, bà không có trúng số. Nàng tá hỏa. Người đó chậm rãi nói : bà đã nhầm ngày.

Mấy năm sau ngày trúng số hụt, mọi chuyện thay đổi. Đổi đời. Chồng nàng bị bắt đi. Bà ngoại nàng mất. Nàng ngoài một đàn em, bây giờ có thêm một đàn con. Cô hàng hoa thơ ngây ngày nào giờ thành con gà mẹ xù lông.

Nàng thôi bán hoa, chuyển qua bán bồ quân, vú sữa, bánh khoai mì, bánh ít, kiêm luôn làm cô giáo. Các em nàng đứa bán cà rem, đứa đi làm lao động. Các con nàng đứa bán hàng rong, đứa đi chặt gỗ. Vậy mà vẫn đói, quá đói.

Hôm đó là ngày đầu tháng, nàng và cả nhà rất mong chờ ngày này vì hôm nay là ngày đổi gạo. Cả gia đình nàng sẽ được một bao gạo để ăn cả tháng. Mấy đứa nhỏ rất mong chờ được ăn cơm độn khoai vì nhà nàng hết gạo đã lâu.

Nàng chở bao gạo đi ngang qua cây cầu trắng, bao gạo nhẹ tênh mà nàng vẫn hổn hển đạp, bao nhiêu lâu rồi nàng chưa được ăn no. Nàng nhìn xuống bờ hồ nơi

có những xác chó, xác mèo nổi lềnh bềnh. Xa hơn chút nữa là một nhóm người. Nàng nhìn kỹ hơn, hình như có một người trong nhóm đi vào lòng nước, tay kéo theo những người kia. Dừng lại, dừng lại, nàng thét lên rồi bỏ xe đạp, chạy ù xuống bờ hồ. Nàng giang tay kéo người kia lại. Chị ơi, chị làm gì vậy, nàng thảng thốt. Tôi đói quá cô ơi. Mấy mẹ con tôi muốn chết luôn cho rồi. Chị ơi đừng làm vậy, tội nghiệp mấy đứa nhỏ. Mà hôm nay tụi tôi không chết thì cũng sẽ chết đói thôi cô. Thôi chị, tui có bao gạo nè, chị lấy về cho sắp nhỏ đi. Còn cô thì sao, tôi đâu thể nào lấy của cô. Tui hông sao chị à. Tụi mình phải sống chờ mấy ổng về chứ chị.

Nàng đạp xe về. Cái xe đạp nhẹ tâng còn lòng nàng trĩu nặng. Nàng hình dung ra những đứa con đang chờ ở nhà nhưng rồi nàng mỉm cười. Thật may mắn làm sao hôm nay nàng đã đi cầu trắng về nhà, nếu nàng đi cây cầu đen thì đã có mấy đứa nhỏ sẽ không được gặp cha và người vợ sẽ không được gặp chồng.

Sau hôm đó nàng được gọi là bà điên.

Điên quá mạng. Có cơm không ăn mà lo đi cúng cô hồn, mọi người rủa nàng. Ừ thì điên. Còn gì để tỉnh nữa đâu.

Một bài luận văn

Đề bài được đặt ra cho cô bé chín hay mười tuổi là hãy tả về hình ảnh một anh bộ đội trong mắt em. Con bé chưa bao giờ thấy một anh bộ đội nào nhưng cũng may mắn cho nó, nó đã được coi cọp một bài tả về anh bộ đội của một người học lớp trên. Trong bài viết có câu «ánh mắt anh bộ đội rực lửa nhìn quân thù». Nó rất thích câu này vì nó có thể hình dung ra ánh mắt rực lửa của má nếu nó không được điểm cao trong bài luận. Vậy là nó cọp dê y chang câu viết và nó được tám điểm. Nó thấy thật phục anh bộ đội vì nhờ anh nó đã làm má vui.

Một bài luận khác : «hãy tả một người tốt». Nó cũng chưa bao giờ gặp một người tốt nhưng trí tưởng tượng của nó khá phong phú. Người tốt nhất định là một người đàn bà, nó chắc mẩm. Cô phải tên Lành. Rồi còn gì hay hơn nếu nó bị chó cắn và cô Lành xông vô đánh con chó để cứu nó.

Bài luận có bố cục vững chắc và nó được giải nhất cuộc thi viết văn ở huyện và chuyển vào cuộc thi ở tỉnh. Tại cuộc thi ở tỉnh nó lại tưởng tượng ra một tình huống gay cấn khác nhưng lần này nó chỉ được điểm cao nhất ở trường, chuyển lên tỉnh thi thì rớt vì bị lạc đề.

Nó học thêm một bài học, nói dối cấp cao hơn phải đúng theo đề tài, chính sách.

Cá đá và cá bảy màu

Ngay con đường dẫn lên đồi là một dòng suối nhỏ, trong vắt. Tụi nó hay trốn ba má ra đây chơi, lội nước và ngắm nhìn đàn cá bảy màu bơi lội. Cho đến ngày thằng T khoe nó mới tậu được một con cá đá. Con cá đá là con cá gì, tụi nó ngơ ngác hỏi. Tụi mày không biết đâu. Con cá đá có đuôi dài, người nó có màu xanh đậm và nó có thể đá chết mấy con cá khác. Đứa nào cũng kêu thằng T xạo vì cá không có chân làm sao đá. Thằng T nghe mấy đứa dè biểu chê bai bèn chạy ngay về nhà lấy ngay con cá đá ra khoe. Con cá một mình bơi trong cái ly, nó điềm nhiên trong thế giới của riêng mình. Chung quanh nó là xác những con cá khác. Tụi nó châu đầu lại, trầm trồ trước con cá xinh đẹp và mạnh khỏe.

Nó tức tối, không nói gì mà âm thầm bắt đi một bầy cá bảy màu. Nó bỏ bọn cá vào cái lu nước sau nhà, mỗi ngày nó ra ngắm bọn cá và âm thầm hậm hực vì bọn cá này không hề giống con cá đá xinh đẹp của thằng T. Nó không cho bọn cá ăn vì cá sẽ có lăng quăng để ăn. Mặc dù ngày nào nó cũng ra coi cá và chưa hề thấy con lăng quăng nào nhưng nó đinh ninh bọn cá đã ăn hết bầy lăng quăng trong đêm. Nó cũng không thay nước

cho cá. Cá sẽ biết tự chăm sóc cho mình. Rồi dần dần đàn cá mất đi màu lấp lánh, nó nghĩ chắc bọn chúng đang lột da. Rồi con cá đầu tiên chết đi, nó nghĩ không sao, nó còn cả một bầy cá. Rồi cách ngày có một con cá chết. Rồi ba bốn con cá chết một ngày. Rồi nó mong sao cho cả bầy cá chết để nó có thể đổ đi lu nước hôi thối. Không có con cá đá, bầy cá bảy màu cũng chết như thường, nó tự nhủ.

Vụn Vỡ

Mina lớn lên, màu tóc nâu nhạt chuyển thành màu vàng lấp lánh. Mina trổ mã thành một cô tiểu thư xinh đẹp rồi Mina trở thành đàn bà và có thai. Mina sẽ làm mẹ.

Rồi Mina bị đánh và xịt thuốc trừ sâu vào đúng ngày Mina mang bụng chửa lặc lè. Người đánh Mina không phải là cô Lành. Mina kêu ăng ẳng, rên xiết. Không có cô Lành, không có người tốt, chỉ có những con người đã ra tay đánh Mina, một con chó.

Nó trở lại dòng suối nơi có những con cá bảy màu lấp lánh. Ngay bờ suối mọc ra một căn nhà, một người đàn ông với sợi lông dài trên cằm giống ông Bùi Kiệm ló mặt ra và nói nó không được chơi ở bờ suối. Tại sao, cháu vẫn thường chơi ở đây mà. Không tại sao gì hết.

Tao không cho mày chơi ở đây. Người đàn ông nói và có tiếng một người đàn bà phía trong nói vọng ra phụ họa : «con nít ranh». Nó òa khóc và chạy đi. Nhưng con suối này không phải là của chú. Nó nói vọng lại nhưng nó biết chắc không ai nghe nó nói gì. Nó ước gì nó có can đảm nhìn thẳng vào mắt ông ấy và nói cho ông ta biết con suối này là của ai, đất nước này là của ai.

Lúc thôi khóc, nó nhớ tới bà nội hay đọc Vân Tiên cõng mẹ chạy ra, đụng phải cột nhà cõng mẹ chạy vô... Rồi nó nhớ tới cọng râu của Bùi Kiệm trong tuồng cải lương Lục Vân Tiên nó coi cọp, cọng râu nằm giữa cái nốt ruồi đen thui làm nó nhớ mãi.

Rồi nó phải chia tay Mina, chia tay với dòng suối và những con cá bảy màu. Ngày nó đi mưa vẫn rơi. Những chiếc lồng đèn mưa đập chan chát lên má nó rồi vỡ vụn.

Mười chín đôi mươi, một giọng ca

Năm mười chín đôi mươi tuổi nó mặc chiếc áo dài trắng. Nó đứng áp mình vào vách tường và nghe người ca sĩ hát như cánh vạc bay. Nó nhắm mắt, đứng im, nó muốn giữ lại người ca sĩ và giọng ca cho riêng nó. Nó chắc rằng nếu nó đứng im, không mở mắt, người ca sĩ đó và giọng ca đó sẽ thuộc về nó. Người ca sĩ cất giọng bắt qua một bài hát khác «mưa vẫn mưa bay trên

tầng tháp cổ»*. Nó rùng mình, hình ảnh căn gác xép và Mina hiện lên mồn một.

Năm đó nó biết yêu, tình yêu đầu đời. Nó đã nuôi dưỡng tình yêu bằng những con lăng quăng như ngày xưa đã nuôi những chú cá. Rồi tình yêu cũng như những chú cá đã được cho ăn những con lăng quăng vô hình. Tình yêu đổi màu, rồi tình yêu chết đi. Nó buồn. Buồn vì đã mất đi một người yêu mà không hề buồn vì tình yêu đã chết.

Rồi người ca sĩ cất lên tiếng ca «Ai ? Ai đó ? Ai ? Ai đó vừa kêu tôi. Ahaá, anh dế mèn ! Đúng là. Anh dế mèn năm xưa. Một thời, đêm mưa Một mùa giông tố. Có anh dế mèn phất phơ, lạc vào cát sô. Đùa vui với người tù***»... Nó chưa bao giờ tưởng tượng ra tầng tháp cổ nhưng sao nó lại rất gần gũi với nhà tù. Có phải nơi đó là nơi đã giam cầm ba, bạn hữu của ba và ông, người bạn của dế mèn ? Hay đó là nơi nó đã sống bao nhiêu năm qua ? Một đất nước, một cát sô, có khác gì nhau ?

Hát trên đồi Tăng Nhơn Phú

Nàng ngồi trong phòng ngủ coi ca nhạc Vstar với chồng và đứa con út. Năm nay có Thương Linh thi. Cả nhà nàng bàn tán sôi nổi về những giọng ca. Đứa con

út chợt lên tiếng hỏi làm sao hồi xưa ba má quen được nhau.

Chàng cất giọng trầm trầm : «hồi xưa ba và má đi chơi rồi gặp nhau trong một buổi đi thi đua thuyền». «Vậy ba gặp má là yêu liền hả ba ?». Không hồi đó má con gầy gầy, nước da ngăm ngăm, ba chỉ coi bói cho má rồi xin địa chỉ để ba mang hình tặng má. Hôm đi tặng hình, ba tìm không ra nhà mà cũng không nhớ má tên gì, ba chỉ nhớ má nói ở nhà bà ngoại gọi má là Tiền. Lúc ba hỏi nhà cô Tiền, mọi người chỉ ngay ra nhà má. Ba tặng má tấm hình và một tấm thiệp, trên đó ba viết chúc em một mùa xuân vĩnh cửu».

Sao má lại thương ba hả má ?

Hồi đó ba hát hay lắm con. Ba đánh đàn hay rồi thổi sáo hay nữa. Ngày mới quen nhau ba dẫn má lên đồi ở trường sĩ quan Thủ Đức. Ba hát «ta ngồi đây trên đồi Tăng Nhơn Phú, chiều đong đưa tiếng đại pháo ru về...»** lúc ba hát có nhiều máy bay chở xác người về.

Má có sợ không má ?

Không con. Lúc đó má có ba, được ở bên ba nên không sợ.

Nàng nhắm mắt. Đã mấy chục năm rồi nàng không hề nghĩ tới những giây phút ngồi bên đồi cùng anh. Nàng đã quên đi những cái nắm tay, những nụ hôn. Đã bao lâu rồi nhỉ nàng và anh đã thôi hát cho nhau nghe, thôi hôn nhau, thôi cầm tay. Mấy chục năm rồi nàng bận làm cô bán hoa, làm con gà xù lông, bận làm bà điên. Nàng và anh thôi hát.

Hôm nay nàng trở lại với đồi Tăng Nhơn Phú và sống lại với tình yêu đầu tiên. Hôm nay lần đầu nàng nói với con gái về những kỷ niệm đẹp nhất của nàng. Hôm nay nàng được tin nàng bị ung thư túi mật. Và sau hai năm kể từ hôm nay, nàng chết.

Quân thù

Nàng đi, anh ở lại. Anh không nói gì nhiều chỉ lẳng lặng lo toan những việc còn dang dở.

Anh và con mang đàn ra đàn hát những bài hát hồi xưa anh đã dạy con. Nó cứ hát «rầu rầu rầu» rồi anh hát «your boat». Đó là một bài dân ca Mỹ anh dạy nó từ nhỏ. Row row row, your boat. Cả anh và con đều rất nhớ nàng.

Con gái hỏi anh về những ngày anh đi lính, về đồng đội của anh. Tuy chưa bao giờ nó cho anh nói dứt câu

nhưng anh vẫn kiên nhẫn kể lại.

Nó ngồi bên, vừa nghe anh nói vừa ngắm anh.

Nó ngắm mãi, ngắm mãi vẫn không hình dung ra được anh là quân thù của anh bộ đội. Nhưng dù có nhắm mắt, nó vẫn tưởng tượng ra ánh mắt rực lửa của anh bộ đội, người mà nó từng quý mến vì nhờ anh nó đã được điểm tám trong bài luận văn năm xưa.

Vùng Vịnh Bolsa Chica

Ông là ai ?

Vùng vịnh thật yên tĩnh. Thỉnh thoảng một con chim cất cánh bay lên hay một con cá búng mình làm mặt nước sáng lấp lánh.

Một cô bé đi qua chiếc ghế kê cạnh bờ đá và lên tiếng «no, no, no». Cô bé nói gì vậy ? Người đàn ông ngồi trên chiếc ghế hỏi. Cha mẹ cô bé cười ồ lên và nói «oh, ông đang ngồi trên chiếc ghế của cô bé». Người đàn ông vội ồ lên xin lỗi và đứng lên. Cô bé ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh cha mẹ.

Trong lòng nước có thật nhiều cá, những chú cá đuối và cá biển bơi lội tung tăng trong làn nước trong vắt. Cô bé ngồi yên, cô không hề có ý định bắt những chú cá

về nhà. Làm sao cô bé con lại có thể hiểu được những chú cá chỉ xinh đẹp khi chúng còn sống, cũng như tình yêu vậy.

Phía bên kia cầu là một người đàn ông đang dần tiến lại. Đầu ông cúi xuống. Lưng ông hơi gù. Ông là ai ? Có phải ông là đồng đội của ba tôi hay ông là ánh mắt rực lửa ? Có phải ông đã xả rác ở nhà tôi, bắt trộm con gà, đá con chó Mina, đuổi tôi ra khỏi dòng suối và ra khỏi đất nước ? Hay đó là ông, người chủ một tòa tháp cổ. Hay là ông, người làm bạn với dế mèn ? Ông là ai ?

Tôi, đứa nhỏ đã từng nói dối, một đứa đã gọi chính cha mình là quân thù. Tôi đã từng giết đi một tình yêu và những chú cá bảy màu. Tôi đã giam cầm tiếng hát của một người ca sĩ. Tôi đã từng mất đi một tuổi thơ. Tôi có khác gì ông đâu.

Chúng ta sẽ làm gì nhau ?
Tha thứ hay tiếp tục dằn vặt ?
Trời đổ mưa.
Ông đi về cuối chân cầu.
Ông ngẩng đầu nhìn lên, tôi nghiêng qua.
Hai ánh mắt chạm vào nhau. Trong mưa./.

Thụy Nhã

Ghi chú :

* Lời ca khúc Trịnh Công Sơn, Như Cánh Vạc Bay & Diễm Xưa, tiếng hát Khánh Ly

** Hát trên đồi Tăng Nhơn Phú, ca khúc của Vũ Đức Sao Biển

*** Cảm Ơn Dế Mèn, ca khúc Trần Dạ Từ, tiếng hát Khánh Ly.

Cancun, Hạ Vàng Biển Xanh

Nguyễn Văn Tới

Với bài đầu tiên «Hôm nay tôi Đi Xe Đạp», tác giả được trao giải Đặc Biệt Viết Về Nước Mỹ 2017. Ông hiện sống và làm contractor (hợp đồng) ngành hàng không ở Vail, Arizona cho quân đội Mỹ. Sau đây là bài viết mới nhất.

Arizona, nắng nóng, nắng vàng, nắng chói chang báo hiệu mùa hè lại đến. Sa mạc Arizona có thừa nắng nhưng thiếu biển xanh. Không khí khô như ngói, mặt đường bốc khói. Người ta lười biếng, người ta nhíu mắt, người ta nhăn mặt khi bước ra khỏi nhà. Xa xa phía Tây Nam, bên kia biên giới, Cancun với hạ vàng biển xanh màu ngọc bích (turquoise blue), với những làn gió mát mẻ, mơn man da thịt như đang mời gọi.

Máu lãng du thôi thúc, chạy rần rật trong huyết quản, chân cứ như có cánh. Lại nghĩ, ở xứ Mỹ này mình đi cày cực quá, thì cũng phải đi chơi cho sướng cái thân ròm, tiết kiệm tiền mai mốt «đi đoàn tụ» với ông bà, ở trển không có nhà bank. Thế là ba lô và vali kéo, cả nhà cưỡi mây đạp gió với United Airlines đến xứ hạ vàng biển xanh, miền duyên hải thần tiên xứ Mễ Tây Cơ.

Cancun là thiên đường nghỉ hè của rất nhiều người Mỹ trong đó có người Mỹ gốc Việt mình. Ai đi về cũng khen nức nở, nào là đẹp lắm, nên thơ lắm, cát trắng lắm, và màu nước xanh lắm, cái gì cũng lắm lắm. Sau nhiều năm với nỗi lo cơm áo gạo tiền, giờ đến lúc phải «cho có với người ta», phải đến nơi rờ tận tay, day tận mặt mới đã chứ du lịch «chay» thì khoái cái nỗi gì ?

Cancun, tên của thành phố du lịch nằm ở phía Đông Nam duyên hải của bang Quintana Roo thuộc xứ Mexico và cũng nằm trên bán đảo Yucatan (Peninsula). Chạy dài theo bờ biển Carribean là những bãi cát trắng mịn màng và làn nước xanh trong như ngọc phách (turquoise) làm đắm say lòng du khách và người yêu thiên nhiên.

Tên Cancun nguyên thuỷ từ ngôn ngữ xứ Maya, Kaan Kun nghĩa là «nest of snakes» tổ rắn. Chẳng lạ gì khi thăm viếng các đền đài, chúng ta có thể thấy nhiều hình tượng rắn khắp nơi. Nơi đây cũng là cái nôi văn minh của dân tộc Maya, một nền văn minh sáng chói đã nở rộ trước khi ChâÂu Mỹ được khám phá. Nay người Maya vẫn còn tồn tại nhưng đang bị đồng hoá bởi nhưng sắc dân khác.

Tương truyền vào thế kỷ 16, một nhà chinh phục viễn dương người Tây Ban Nha, ngài Francisco Hernández de Córdoba và cũng là người khai sinh ra nước Nicaragua,

khi đến bán đảo này, gặp người Maya địa phương bèn hỏi vùng đất này tên là gì ? Vì bất đồng ngôn ngữ nên ông cứ gặng hỏi mãi, những người Maya nghe ông này phát âm ngộ quá mới thốt lên Yucatan ! Yucatan ! Có nghĩa là «I don»t understand what you»re saying». Ông bèn đặt tên cho bán đảo này là Yucatan.

Chiếc xe mini bus đưa chúng tôi về khách sạn Mayan Palace thuộc khu resort hotel Riviera Maya. Vừa bước xuống là một dàn chào với những «ma nữ» Mayan trong trang phục hoa lá cành rực rỡ, với những nụ cười nghiêng thùng đổ...rác và những anh bồi đồng phục thẳng nếp sẵn sàng phục vụ, trên miệng lúc nào cũng tươi cười «Bienvenidos to Mayan Palace».

Họ đẩy xe hành lý đến tận cửa phòng rồi giới thiệu tên không quên kèm theo câu nếu senior cần gì cứ kêu tôi nhé, bất cứ lúc nào. Họ rất nhiệt tình để có nhiều tiền tips vì đây là 1 khách sạn cho dân du lịch từ khắp nơi trên thế giới đổ về.Ngả người lên giường khách sạn với máy điều hòa không khí mát lạnh, tôi đang thiu thiu nửa tỉnh nửa mơ, thì «lệnh bà» hỏi chìa khóa vali đâu, mở dùm để lấy quần áo thay. Lục túi trong lẫn túi ngoài mà chùm chìa khóa vẫn không thấy đâu, toát mồ hôi hột, chắc nó nằm đâu đó ở phi trường Cancun rồi.

Xuống front desk hỏi mượn đồ nghề để cậy hai ổ khóa, họ kiếm mãi rồi đưa cho 1 cái tuốc nơ vít dẹt, cuối cùng mở được cả hai vali nhưng sự thiệt hại là hai cái vali Samsonite phải vất đi vì hai ổ khóa đều hư hại nặng không đóng lại được.

Cancun có những nơi vui chơi (theme parks) rất lý thú như XPlor, Xcaret, và Xel-Ha ($160/tour/person) với các môn thể thao nước như Snorkeling, jet skiing, hay water-jet-packs, swimming with dolphins, ocean safari, raftings (bè gỗ), underground swimming và scuba diving v...v..., đường rừng thì có Camel/horse ridings, amphibious vehicles, zip lines (đu dây tử thần) v...v...

Đủ thứ để mà chơi, chỉ sợ không đủ tiền vì môn chơi nào cũng khá mắc. Hầu hết trò chơi liên quan đến nước nên không ai dám đem theo smartphone hay máy hình thường, vì thế họ bán hình cho mình sau khi xong 1 trò chơi là $100.00, còn mua 1 tấm $30.00 ($1= 20 pesos). Cho em xin các ngài Mayan ạ, có hình thì hay nhưng không thì cũng chẳng sao. Đôi khi không có còn hay hơn vì lúc đu dây tử thần, mặt cắt không còn giọt máu, miệng thì la làng xém rớt hàm răng giả, mắt nhắm nghiền vì tốc độ đu dây có thể lên đến 40 Km/giờ, «dung nhan» có gì đẹp đâu mà mua. Vả lại đi với bu nó chứ có phải

với bồ nhí đâu mà cần hình với hài, phải không các cụ ?

Sáng sớm ngày 2 ngày đầu tiên, chúng tôi được xe bus đến tận khách sạn đón đi đến Chichen Itza (Đọc là Chít Chần Nít Za, dân Mỹ gốc Mít ta đọc là Chicken Pizza, nghe «ngon» hơn) để chiêm ngắm những đền đài sụp đổ và kim tự tháp của người Maya. Nếu ai thích tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại và khảo cổ học thì đây rất thích hợp. Tôi tự hỏi tại sao người Maya bây giờ vẫn không văn minh, nếu không muốn nói là chậm tiến, thế mà tổ tiên họ lại có thể xây dựng được những công trình để đời như thế. Cũng như người Khmer đã để lại tuyệt tác Angkorwat mà bây giờ du khách vẫn còn trầm trồ và thán phục.

Ngày hôm sau chúng tôi đi tàu qua đảo Isla Mujeres. Đây là 1 hòn đảo rất nhỏ, năm 1970 khi mới được quyết định thành lập địa điểm du lịch, dân số ở đây chỉ có.... 1 người được đưa ra đây để trông coi chim và cây cối. Khi du lịch đã trở nên 1 nguồn lợi lớn, dân số tăng lên đến chóng mặt, và bây giờ đông đến nỗi không còn chỗ chen chân. Hiện tại là hơn 15 ngàn người và khách sạn mọc lên như nấm. Tiếng Mễ Isla Mujeres dịch ra là đảo đàn bà vì cứ 1 người đàn ông sống trên đảo thì có 2 người đàn bà. Chàng nào muốn được các nàng «cưng» thì cứ ra đảo này mà sống, ngày nào cũng được «cưng»

đều đều, cưng cho tới lúc nào lết không nổi nữa thì kiếm đường mà về đất liền. Theo tôi 1 miền đất mà âm thịnh dương suy như thế cũng là nơi đáng để mà hy sinh cả kiếp làm giai 12 bến nước này lắm chứ phải không, các đấng trượng phu ?

«Chưa đi chưa biết Cancun,
Đi rồi mới thấy chân run như gà.
Run vì có quá nhiều bà,
Bà nào bà nấy toàn là Maya.»

Đảo Isla Mujeres rất nhỏ với chiều dài 7 cây số (4.3 miles), chiều ngang 650 mét (2130 feet) nổi tiếng là nơi cư ngụ của loài rùa biển (sea turtles) và nơi du khách có thể ngụp lặn (snorkeling) xem cá, hoặc đeo bình hơi lặn sâu bơi theo những đàn cá đủ màu tuyệt đẹp (scuba diving). Bãi cát ở đây thì tuyệt vời và mê hồn so với Cancun. Cát trắng và mịn màng. Nước biển ấm và trong xanh. Bơi thả ngửa giữa làn nước, nhìn lên bầu trời xanh lơ không 1 chút gợn mây thì còn gì thanh bình hơn. Còn úp mặt xuống nước với mặt kính và ống hơi, đàn cá muôn màu sắc tuyệt đẹp còn hơn trong phim Disney. Chúng tôi mướn một chiếc moped 50 phân khối như ở Việt Nam nguyên ngày khoảng $25. Vì khi mướn, không biết diện tích đảo bao lớn nên lỡ mướn 8 tiếng, chúng tôi đi chỉ «dăm phút đã về chốn cũ», không biết

làm thế nào cho hết giờ nên tôi đi thăm khắp nơi, hóc bò tó nào cũng tìm tới mà cũng vẫn chưa tới giờ trả xe. Thậm chí câu giờ bằng cách dừng chân bên «cầu biên giới» uống nước dừa tươi đấu láo với anh chàng bán quán để hỏi rõ nguồn cơn và «thân phận đàn ông» của cái đảo đàn bà này. Hỏi anh ta có kinh nghiệm gì về việc này không ? Có được cưng chiều như người ta nói không ? Hắn trả lời vì được 2,3 bà cưng chiều nhiều quá, nên bây giờ mới phải đứng đây bán dừa tươi để phục vụ lại 2,3 ba giờ này đang ở nhà binh xập xám. Nghe anh ta than thân trách phận ví thân mình như bèo dạt hoa trôi làm tôi cảm động quá, ráng uống thêm 1 trái dừa nữa để anh ta có thêm tí tiền còm về nhà nuôi 2,3 bà chúa đảo.

Thương cho số phận đàn ông,
Từ khi lấy vợ, người không ra người.

Bơi mãi cũng chán, chạy xe xông xáo khắp nơi cũng mệt, chúng tôi trả xe rồi đi vào những gift shops để mua ít đồ kỷ niệm cho gia đình và bạn bè.Những người bán hàng đủ mọi thành phần, đa số nói tiếng Mỹ bồi nghe chán lắm, cuối cùng gặp 1 anh bán hàng nói giọng Mỹ rất chuẩn, hỏi ra mới hay bố anh ta sống ở Mỹ, anh đi học ở Mỹ, tháng hè về đây giúp mẹ bán hàng.Nói thách tấm lịch Maya bằng đồng 450 Pesos, cuối cùng chúng

tôi đông ý với giá 300 Pesos (vẫn bị hớ !). Có lẽ chúng ta còn nhớ năm nào, báo chí các nước nhất loạt đăng tin ngày 12 tháng 12 năm 2012 sẽ là ngày tận thế vì lịch Maya chỉ ghi đến ngày đó là hết. Báo hại nhiều người nhẹ dạ và các giáo phái cực đoan đổ xô đi mua lương khô, nước uống và nhiều vật dụng gia đình phòng thiên tai may ra có thể sống sót. Họ còn đồn tổ tiên người Maya vốn từ hành tinh khác đến địa cầu nên họ biết trước được những gì sẽ xảy ra, và ngày tận thế được ghi rõ ràng trên lịch Maya.

Ngồi trong quán nước giữa chợ, ly Pina colada (Nước trái thơm pha rượu mạnh) ngọt mát trong tay, tôi cứ uống cho đã không ngờ cũng thấy hơi phê, đôi mắt thả rông theo những bóng hồng Mayan qua lại, tôi thấy tôi chu du lên những bậc thang cao vút của kim tự tháp quyết tìm gặp những thầy mo người Maya hỏi cho ra lẽ.Kìa một ông đầu đội cái mũ lông sặc sỡ rất cao, trên người khoác một cái áo choàng đủ màu dài chấm gót,vì coi phim Hollywood nhiều nên đoán chắc là thầy mo, tôi lên tiếng chào, giới thiệu thân thế xong là vào ngay câu hỏi chính :

«Thưa ngài, lich Maya của dân tộc ngài nói ngày tận thế phải xảy ra vào 12 tháng 12 năm 2012 ?»

Thầy mo trợn mắt :

« Đâu phải vậy, số là thằng học trò tôi đang khắc những con số vào cuốn lịch thì hết chỗ, nó báo cho tôi hay, tôi bèn nói hết chỗ thì «xì tốp» chứ mắc mớ gì mày phải bẩm báo. Sau này tôi mới biết được vì cái «hết chỗ» này mà làm cho thế giới văn minh các ông phải một phen «són đái ra quần». Thật tôi ân hận hết sức ! Nếu ông về dưới đó, cho tôi gởi lời xin lỗi nhé !»

Chưa kịp gật đầu thì tôi cảm giác ai đang huých 1 cái thật mạnh vào ba sườn, kèm theo câu : «Gớm ! làm gì mà nhìn chằm chằm vào cô Mayan kia dữ vậy ?» Thế là giấc mộng Lưu Nguyễn-Maya bị bà xã phũ phàng dập tắt không thương tiếc.

Ngày kế tiếp, chúng tôi chọn môn chơi Water-Jet Pack, một môn nguy hiểm và cần có thể lực và lá gan lớn 1 chút, mắc tiền nhất trong các trò chơi. Người chơi mang water-jet pack gear (bộ áo với ống đẩy phản lực), đội mũ bảo vệ có ống nghe/nói (walkie-talkie helmet), nhờ sức nước đẩy mình bay lên cao, nếu biết điều khiển khéo léo, có thể bay trên mặt nước với độ cao khoảng 15, 20 mét. Huấn luyện viên sẽ mặc áo cho mình vì bộ «Gear» rất nặng, họ chỉ cho mình nút điều khiển để lái theo ý muốn. Những ai thích cảm giác mạnh thì nên chơi, còn không thì đừng bao giờ vì chẳng những nguy

hiểm mà còn uống nước no khỏi cần ăn cơm. Chỉ hai cha con tôi đồng ý chơi, đứa con trai 14 tuổi và tôi (gần 6 bó). Thật là một kỷ niệm không bao giờ quên vì tốc độ rất nhanh, nếu không điều khiển giỏi thì sẽ lao đầu xuống nước như 1 mũi tên, ráng nín thở mà «bay» dưới mặt nước, rồi điều khiển sao cho ngoi lên lại để bay trên không.

Tôi bay là đà trên mặt nước và bắt đầu cất cánh. Nhân viên túc trực sẵn sàng cứu cấp nếu cần.

Thưa độc giả, khi «thi triển khinh công» lăng ba vi bộ và bay vi vút như trong phim kiếm hiệp, thú thật lúc bay, hồn phi phách tán, thần hồn nát thần tính, chứ chẳng có cảm giác oai phong lẩm cẩm hay bảnh tỏn gì đâu. Từ Zero mà trở thành Hero như vậy là an ủi rồi, phải không các cụ ? Khi quyết định chơi, tôi chắc đã uống nhầm 1 viên thuốc liều thay cho viên «One a day» rồi thì phải ? Nói nào ngay, tôi cũng có nghĩ đến sau này, khi cuộc đời về chiều, nằm trong nhà dưỡng lão, con cháu vào thăm thì có cái mà khoe :

«Này nhé, ông mày đây cũng một thời «oanh oanh liệt liệt», giờ mất chữ «oanh» còn có chữ «liệt» mà thôi!»

Những hình trong bài này là những lúc tôi đang «ngon lành» họ mới chụp, còn những tấm cắm đầu xuống nước hay nằm bổ ngửa ra trên mặt nước, nhờ bộ Gear có phao nổi nên không sợ chìm, mũi miệng phun nước có vòi như cá voi xanh, mũi dãi lòng thòng, ho sù sụ vì sặc nước thì họ... chả dám chụp vì không muốn lưu lại những hình ảnh «nhạy cảm.»

Đây là 1 video clip về môn thể thao Water jet pack, mà dân Mỹ gọi là «extreme sport», coi để biết cảm giác như thế nào :

https : //youtu.be/aiE58Ri5axQ

Và tôi cũng từ từ bay bổng lên cao như trong bài hát «I believe I can fly» do ca sĩ R. Kelly.

Như thường lệ, cuộc vui nào cũng phải tàn, đêm hết nhường cho ngày đến; những ngày vui Cancun cũng qua mau, không còn «sáng rượu sâm banh, tối lóps tờ» (lobster). Cứ nghĩ phải về nhà làm kiếp con trâu đi cày mới sợ làm sao ! Nhưng đời là bể khổ, mà chúng sinh lại không biết bơi. Than ôi !

«Bái bai» các nàng Mayan của tôi. Về lại Mỹ, cái nước tư bản giãy hoài không chết của tôi, đi cày thôi.

Nguyễn Văn Tới

References :

https : //en.wikipedia.org/wiki/Canc%C3%BAn

YUCATAN :

https : //en.wikipedia.org/wiki/Yucat%C3%A1n_Peninsula

Hàng Hiếm Nơi Xứ Lạ

Y Châu

Tác giả là cư dân Miami, Florida, đã góp nhiều bài viết tinh tế, cho thấy tấm lòng của ông với quê hương, con người, và nhận Giải Đặc Biệt Viết Về Nước Mỹ 2015. Sau đây là bài mới của ông.

Mọi người đều biết hàng hiếm có dễ trở thành hàng quý. Tùy theo chủng loại : có những loại chỉ có ở nơi rừng sâu núi thẳm mà ít người bước chân đến, có loại chỉ có ở những hải đảo xa xôi, có những loại chỉ có dưới lòng đất, có những loại chỉ có khi đến mùa vụ ngắn ngủi, có những loại trăm năm, một ngàn năm mới có một lần,... Sau khi qua «truyền thanh, truyền miệng» thì giá trị của nó tăng lên, không còn đo đếm được; trong chúng ta không ít thì nhiều đã từng trải qua hay nghe thuật lại, những câu chuyện cười ra nước mắt.

Mấy chục năm trước, lúc đó chúng tôi cần phải dời nhà để thuận tiện gần chỗ làm, cũng như đưa đón con đi học. Người môi giới (broker), dẫn đến nhiều căn nhà để xem, nhưng chưa xong căn nào. Một hôm đứa con chạy về thông báo :

- Con vừa thấy một căn nhà mới đăng bảng, bán bởi chủ nhà (sale by owner), con đã đi vòng quanh căn nhà đó rồi, chắc chắn ba mẹ sẽ vừa ý; nhưng phía sân sau nhà hơi «âm u» !

Rồi chúng tôi lấy hẹn đến xem nhà.

Một ngày cuối tuần, hơi sương còn lảng vảng hòa với ánh nắng ban mai, làm cho mọi người cảm thấy thoải mái, khởi đầu một ngày mới; cả nhà chúng tôi dồn lên chiếc xe «SUV» đi coi nhà.

Căn nhà nằm trên khu dân cư yên tịnh, tuổi nó gần bằng tuổi của tôi, nhưng còn trẻ hơn những căn nhà ở những khu vực lân cận. Căn nhà được sửa sang, sơn phết lại thấy xinh xinh. Mọi người còn ở trong nhà, riêng tôi đi ra sân sau.

Phía sau nhà có cái sân khá rộng, đầy cây cỏ um tùm, nó nằm trên bờ kinh nhỏ Sneak Water, rộng khoảng 10 thước dẫn nước ra biển Đại Tây Dương. Tôi vạch cỏ, chen chân ra bờ kinh. Bất ngờ nhìn thấy bên kia bờ kinh, có một người với cái cần câu kéo miếng mồi lên xuống nhấp nhử. Ở dưới nước là một con vật màu xám xịt, há miệng rộng... hỏng lẽ !

- Hi ! Anh ơi, anh đang câu gì vậy ?

Anh ta không nhìn tôi, chăm chú nhìn vào sợi dây câu :

- Đang câu con «alligator», mấy hôm nay trời mưa, nó lội vào đây.

Tôi nhìn kỹ dưới nước, đúng là con cá sấu, chừng bằng em bé khoảng vài chục ký. Ghê quá, tôi hỏi anh ta :

- Sao anh không gọi thành phố cho người đến bắt nó ? Anh ta trả lời :

- Chuyện nhỏ thôi, để tôi bắt nó, rồi gọi thành phố...

Sau này tôi mới biết anh ta là một ngư phủ, có thuyền ra biển đánh bắt thủy sản.

Trên bờ kinh, dưới cỏ dại, trên cây cao tàng rộng che bóng mát, tôi đang đuổi một bầy muỗi đói tìm mồi... Bỗng nhiên có tiếng ùm ùm ! Hổng lẽ «ma nhát» ? Thì ra là mấy chú kỳ đà (iguana) từ trên cây thấy có tiếng động, nhảy xuống kinh trốn. Người dân Nam Mỹ thích ăn thịt iguana, nhứt cái đuôi có gân, sụn (sợ loài bò sát nầy có nguy cơ bị tuyệt chủng, Florida có luật giới hạn săn bắt).

Khi dời về nhà nầy, tôi phải tốn mấy tháng trời để dọn dẹp và trồng lại những trái cây hiếm, quý của quê hương mình.

Vùng SW (Đông Nam) đất rộng người thưa, mỗi khi đi chợ Á Đông mới gặp người Việt Nam, là hàng hiếm nên quý lắm. Tôi làm quen được một sư huynh là Tôn Đ. qua định cư ở Mỹ tuổi cũng xê xích như tôi, nên dễ dàng thông cảm với nhau. Một hôm gặp nhau, anh hỏi tôi có từng thử qua một loại rau mà anh không nhớ tên, nó dòn dòn, bóp gỏi với tôm tép... ăn rất ngon; trị được bệnh nhức mỏi. Anh đem hột giống từ Việt Nam qua, khi coi kỹ thì mới biết đó là rau càng cua (vì rau nầy cái bông nó cong cong như cái càng cua), ở quê tôi mọc hoang rất nhiều ở sau vườn.

Anh chị dẫn tôi giới thiệu cái miếng vườn nhỏ sau nhà, trồng toàn là hàng hiếm, hàng quý :

- Lá lốt : trị đau nhức khớp xương.

- Me đất : khi đau cổ họng, hái một ít rửa sạch nhai với chút muối thì thuyên giảm.

- Cây vạn linh : trị đẹn, lở miệng.

- Lô hội : hượt trường, làm đẹp da.

- Cây thuốc dấu : cầm máu.

Về hoa :

- Mai tứ quý : nở bốn mùa

- Mai vàng : bông có tám nhánh (8 đài hoa, thông thường 4 đài hoa).

Đi đâu ta cũng mang theo

Cần thơ, Châu đốc xóm nghèo quê hương

Rau xanh, cây thuốc sau vườn

Hoa mai nở rộ, vương vương trong lòng.

Mỗi năm khi bước qua tháng chạp, tôi hỏi thăm anh Minh Ch. ở Homestead xem có trái cây gì cho ngày Tết? Thường thì anh có bón phân cho nhãn ra trái nghịch mùa, đúng vào dịp tết ta, mọi người đều ưa thích, là hàng hiếm nên phải dặn trước. Anh cho biết : do bão Irma, nên nhà vườn Miami năm nay thất thu, vườn cây gãy đổ phải dọn dẹp và trồng lại,... tết này không có gì hết, ngoài mấy trái cóc chua lè !

Làm tôi nhớ lại lời khuyên của người Nhật, về cách ăn uống để sống khỏe, sống thọ, do sư huynh Sao Nam gởi cho :

«Ăn ít, nhai nhiều
Thịt ít, rau nhiều
Đường ít, quả nhiều
Ngọt ít, chua nhiều...»

Nhưng với ngày tết, ngày trọng đại của người Việt Nam : «chua» thì không được tốt lắm. Mọi người cần ngọt ngào, «dừa đủ xoài», mọi điều may mắn tốt lành,... lấy hên đầu năm.

Mỗi năm theo thông lệ, trước tết khoảng một tuần tôi gởi một ít trái cây cho mấy đứa con, làm quà đầu năm. Lý do ngoài ý muốn, năm nay không có nhãn, tôi phải thay thế bằng : lồng mức, quýt si-ma và trái cóc, vô thùng ra bưu điện gởi đi.

Thông thường thì thơ từ, bưu kiện gởi đi trong US khoảng hai, ba ngày là nhận được, nhưng một tuần sau (tới ngày tết) mà mấy đứa con cũng chưa nhận được thùng quà. Khi xem lại số «tracking»* thì mới biết, nó đang nằm ở nhà kho của bưu điện. Họ gọi đến nhận, vì thời gian quá lâu cả tuần, nên số trái cây đã hư hết, nhưng an ủi là món quà «lì xì» trong bao thư gói kỷ còn nguyên vẹn, hú hồn !

Mấy đứa con than phiền là USP** dạo này không tốt: thư từ, bưu kiện chậm trễ, có thể do ngân sách chánh

phủ chưa được Hạ viện thông qua; nên đề nghị là lần sau ba mẹ nên gởi qua UPS***, một công ty tư nhân, tuy có đắt hơn, nhưng luôn đúng ngày !

Qua những trận «Hurrican» tàn phá, rồi đến những luồng khí lạnh không mời mà cũng đến, nắng xuân lan nhẹ trên cành cây, ngọn co, mang đến sự sống cho muôn loài.

Cây xoài nằm nghiêng ngả trên bờ kinh, do bão, nay vươn lên mạnh mẽ, trổ đầy bông, cây mít đầy nụ non, cây nhãn nào thua kém,... Tôi vội đi mua phân «potting soil» về tủ ấm gốc cây, đợi một mùa bội thu. Tôi kể chuyện này cho thân hữu nghe, trong đó có bà Năm, bà truyền cho tôi kinh nghiệm về cây mít.

Theo truyền thuyết, thì cây cỏ cũng có tình cảm : yêu thương giận ghét; nhiều cây oằn trái, nhiều cây lại không ! Khi chúng ta yêu thương cây, vung phân tưới nước nó trả ơn ta bằng cách cho ra nhiều trái, nếu ta trồng cây mà bỏ bê nó giận ta không thèm ra bông kết trái !

Riêng cây mít là cây đặc biệt, có rất nhiều mủ, nhựa, chưa có cây nào lại có ba loại trái khác nhau : mít ướt, mít dừa, mít nghệ (mít khô) là loại lạ lùng : trồng gần nhà thì nhiều trái, trồng xa nhà thì ít trái, có người nói

cây mít «sợ ma» !

Để đền cho hai đứa con, không nhận được thùng trái cây ngày tết, tôi «mót» được một ít trái cây còn sót lại gởi đi. Một thùng tôi gởi qua UPS và thùng khác tôi gởi qua USP. Ba ngày sau, hai đứa con đều báo là đã nhận được quà đầy đủ :

- Cám ơn ba mẹ đã gởi cho con : «hàng hiếm, hàng quý».

Y Châu

* Tracking : số mật mã của mỗi thùng hàng gởi đi, khi muốn xem nó đang ở đâu chỉ cần điền số tracking lên «internet».

** USP : viết gọn, bưu điện USA.

*** UPS : viết gọn, tên một công ty tư nhân chuyên nhận gởi hàng.

Câu Chuyện Đầu Năm

Chu Kim Long

Tác giả lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ từ đầu năm 2018. Ông tên thật là Chu Văn Huy, hiện là cư dân San Jose, cựu tù, vượt biển, đã nghỉ hưu sau 37 năm làm việc cho các hãng điện tử tại Silicon Valley - Thung lũng Hoa Vàng, California. Sau đây là bài viết thứ hai. Mong tác giả sẽ tiếp tục viết. Bài đăng 2 kỳ. Tiếp theo và hết.

Các bản tin thời tiết dự báo trong những tuần lễ đầu mùa Xuân năm nay, tiểu bang California có thể bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thay đổi khí hậu toàn cầu, nên thời tiết tương đối lạnh giá hơn những năm trước. Tuy nhiên, bầu trời mùa Xuân vẫn có những ngày nắng ấm với những vạt nắng vàng như dải lụa, làm tăng thêm sức sống cho những mầm cây đang đâm chồi nẩy lộc, tạo cơ hội cho du khách từ các tiểu bang khác đến thăm các danh lam thắng cảnh của tiểu bang cali, cũng như thật thuận lợi cho bà con người Việt tổ chức đón Xuân, thưởng ngoạn và thăm viếng lẫn nhau.

Những năm còn đi làm, tôi thường bận rộn hết chuyện này tới chuyện khác của gia đình, và vui thú với những cây trái, hoa kiểng trong khu vườn nhỏ bé để thư giãn

tâm trí sau những giờ làm việc tại hãng xưởng, hiếm khi tôi đi du lịch đó đây, ngoại trừ những trường hợp chẳng đặng đừng - hiếu hỉ. Bây giờ về hưu, đời sống tương đối nhàn hạ, bình thản hơn. Cuối tuần vừa qua, nhà tôi đi làm, tôi ở nhà một mình vui thú điền viên, rồi vợ chồng người em gọi điện thoại rủ tôi lên thăm thành phố San Francisco, cây cầu Golden Gate, dạo quanh các cầu tàu vùng vịnh và ghé nhà hàng trên bến cảng cũng như Golden gate park, và buổi chiều trên đường về ghé thăm gia đình người anh em kết nghĩa của em tôi nhân dịp đầu năm.

Khi nghe em tôi rủ lên San Francisco chơi và ghé đến thăm cây cầu Golden Gate, tôi đã nói :

- Ờ, năm mới, cũng đang vào mùa Xuân, nếu tiện thì ghé thăm gia đình người anh em kết nghĩa của em, bán anh em xa mua láng giềng gần, đồng hương gặp nhau nơi xứ lạ trở thành tình thân, thật qúy. Còn cây cầu và thành phố thì anh cũng biết sơ sơ rồi, để những dịp đi chơi khác mình ghé thăm cũng được.

- Anh qua Mỹ đã lâu, ngày ngày lo đi làm, tính anh lại không thích đi chơi đây đó. Vậy mà anh lại nói đã biết thành phố San Francisco và cây cầu Golden Gate rồi ! Anh nói gì lạ vậy - em tôi đáp lại.

- Hồi anh học Anh văn, trong cuốn Practice Your English có bài viết về thành phố Cựu Kim Sơn và cây cầu này, nên anh cũng biết sơ sơ rồi - tôi trả lời.

- Ồ, anh đọc sách làm sao bằng thấy tận mắt. Anh tới coi cây cầu, anh sẽ ngạc nhiên và thán phục người kỹ sư có bộ óc siêu việt đã nghiên cứu và thiết kế cây cầu - ông Joseph Strauss, sinh quán tại Cincinnati. Năm tháng mà ông sinh ra và lớn lên cách đây cả hơn trăm năm, ngày đó đâu có hệ thống máy móc tinh vi, hiện đại như ngày nay, thế mà ông đã tạo dựng lên một cây cầu có một không hai trên thế giới, như một cuộc cách mạng trong kỹ nghệ cầu đường vậy. Anh biết không, nội cái đường kính của dây cáp treo cũng bằng chiều ngang của cái thùng phuy đựng xăng mà anh thấy ở các cây xăng Việt Nam trước đây. Anh nên đi coi cho biết, anh sẽ cảm thấy bộ óc của ông kỹ sư Joseph Strauss vĩ đại như thế nào, và phải công nhận nước Mỹ có nhiều nhân tài, xứng đáng là một cường quốc. Vợ chồng em đã ghé thăm nhiều lần rồi, mà nay lại muốn ghé lại xem có gì mới lạ không - em tôi nói.

Sau hơn một giờ trên đường xa lộ 101, đi về hướng Bắc, chúng tôi ghé phố Tàu dùng điểm tâm rồi ra thăm cây cầu Golden Gate. Đúng như lời em trai tôi nói với tôi : trăm nghe không bằng một thấy. Đứng bên cạnh

các dây cáp treo khổng lồ, to lớn như cái thùng phuy nối tiếp nhau, chạy từ thân cây cầu lên đến đỉnh các cây trụ cao vút của các nhịp cầu đã làm tôi hoa mắt và kinh ngạc. Tâm trí tôi như người vừa mở cánh cửa nhìn ra bầu trời hừng sáng, với những hiện tượng lạ lùng khi đứng nhìn cây cầu : Từ xa xa, ngoài tầm mắt, những dòng xe chạy tới chạy lui ngược chiều trên các lane khác nhau, như con rắn khổng lồ đang trườn mình trên các nhịp cầu, dưới gầm cầu tấp nập những chiếc ghe căng buồm, những chiếc tàu to lớn chạy xa chạy gần trên một vùng biển xanh bao la, với những đàn chim sải cánh tung bay trên bầu trời như đang đón chào du khách đến từ muôn phương. Để có thể thấy rõ những cảnh đẹp của cửa biển, nhiều du khách đã nhìn qua viễn vọng kính được lắp đặt ở hai bên vùng vịnh, tiếp giáp với hai đầu cầu để quan sát.

Đứng trên đầu cầu nhìn cảnh vật trên vùng vịnh bao la, rồi đi dọc theo thân cầu nhìn ra biển, tôi cảm thấy mình thật quá bé nhỏ trước biển cả mênh mông, với một màu xanh biếc chạy tới chân trời xa xăm, con người như một hạt cát trong một vũ trụ bao la, huyền bí. Tôi rùng mình nghĩ đến sự liều lĩnh mà gan dạ của mình và bao nhiêu người khác đã vượt biên bằng những chiếc thuyền gỗ mong manh mà không biết sợ những cơn thịnh nộ của biển cả, với những con sóng bạc đầu, dựng đứng, đánh

vào thân tàu. Đứng ở giữa thân cây cầu nhìn xuống vịnh, tôi ngậm ngùi liên tưởng đến bao nhiêu người dân Việt đã xuôi theo biển cả, dưới giòng nước sâu khi vượt biên tìm tự do, ý thức được ý nghĩa cao quý của hai chữ tự do, và hơn thế nữa tôi hiểu được niềm tự hào, sự hãnh diện của người dân Mỹ và của chính quyền Mỹ, mà cây cầu Golden Gate là một trong những biểu tượng về một đất nước tự do, hùng cường và phát triển đối với các quốc gia trên thế giới.

Rời cây cầu lịch sử của thành phố Cựu Kim Sơn, dạo thăm các cầu tàu dọc theo vịnh, thưởng thức các hương vị hải sản, vào công viên Golden Gate - một công viên rộng lớn bao la với những kỳ quan, di tích và hình ảnh quý hiếm, giá trị, cùng hòa chung niềm vui với các du khách của đủ mọi sắc dân trên thế giới tấp nập đi lại như đi dự ngày đại hội thế vận. Và sau hơn bốn tiếng đồng hồ đi tới đi lui, nghe chừng đôi chân đã hơi mỏi, chúng tôi trở ngược lại thành phố San Jose để ghé thăm người anh kết nghĩa của em tôi.

Căn nhà mái ngói đỏ nằm giữa khu đất rộng với các cây ăn trái trồng chung quanh, thuộc vùng ngoại ô thành phố. Như đã quá quen thuộc với cảnh vật của căn nhà, vừa bước xuống xe, vợ chồng người em tôi dẫn tôi đi thẳng ra sân sau nhà bằng lối đi tráng xi măng chạy

vòng qua đầu căn nhà.

Sau những lời chào thăm hỏi, giới thiệu, cùng với những cái bắt tay thân thiện trong khu vườn có những loại cây ăn trái, xen kẽ với những chậu bông của nhiều loại hoa kiểng cạnh hòn non bộ có hệ thống nước chảy róc rách được thiết trí giữa vườn, ông bà Ngân mời chúng tôi vào phòng khách, rồi bà Ngân hướng về cô gái người Mỹ mà ông bà vừa giới thiệu với chúng tôi là cô con dâu mới về thăm, đang cùng ông bà chùi bóng bộ lư hương trước khi chúng tôi tới. Bà Ngân vừa nói chậm rãi bằng tiếng Việt, vừa cười mỉm chi, nói với cô con dâu :

- Anne, con rửa tay vô lấy nước mời chào các cô chú giúp mom đi con.

Tôi hơi ngạc nhiên khi nghe bà Ngân nói tiếng Việt với cô gái Mỹ. Và trong lúc cô gái Mỹ đang rửa tay, ông Ngân nói :

- Cuối tuần, nghỉ đi dạy, cháu nó mới đến thăm và phụ chúng tôi lau chùi bộ lư hương, tuần tới nhà có kỵ ông ngoại, tiện dịp mời anh và cô chú tới với gia đình chúng tôi nhé.

Tiếp lời chồng, bà Ngân nói với chúng tôi với niềm tự hào trên nét mặt và nụ cười mỉm chi :

- Là dâÂu Mỹ, nhưng cháu nó ngoan lắm. Tôi không ngờ. Có lẽ cháu là cô giáo nên muốn có sự hiểu biết về văn hóa các xứ xa lạ để trau dồi kiến thức hay sao, mà cháu thích học tiếng Việt và hay hỏi tôi về phong tục tập quán Việt Nam lắm - như vừa rồi, khi cháu lau chùi cái lư hương đỉnh đồng này, cháu cũng hỏi chuyện liên quan đến giỗ tết và bộ lư hương, tôi lại phải nói nhà tôi giải thích cho cháu. Nhiều lúc tôi nghĩ cháu giống như con gái tôi chứ không phải là dâu con người Mỹ. Cháu nó cũng có năng khiếu về ngoại ngữ sao đó, nên nó cũng tỏ vẻ thích học và hỏi mình những điều gì mà cháu không hiểu.

- Cháu chào các cô chú mạnh khỏe - cô gái Mỹ cao mảnh khảnh, mỉm cười đỏ hồng đôi má, lộ vẻ thẹn thùng, đi từ sân sau vào phòng khách, đứng bên cạnh bộ salon khẽ cúi đầu chào, nói chậm từng chữ, giọng nói còn cứng, lơ lớ của người ngoại quốc nói tiếng Việt.

- Cháu nói tiếng Việt giỏi quá - chú em tôi khen cô Anne.

- Dạ cháu đang học, nói khó lắm, cái lưỡi nó cứng rồi, cháu nghe, hiểu, nhưng nói được ít thôi, dady, mom và chồng cháu đang dạy cháu.

Cô nói xong và đi vào phòng ăn bưng ra khay nước cam mời chúng tôi và ông bà Ngân.

- Thôi Anne, mom cám ơn, con tiếp tục clean giúp mom cái lư hương đi - bà Ngân bảo cô con dâÂu Mỹ.

- Dạ, cháu xin phép - cô nói nhỏ nhẹ như hơi e thẹn, và đi ra sân sau nhà tiếp tục lau chùi bộ lư hương.

Chúng tôi vừa uống nước vừa nói chuyện và dùng bánh Cookie Hạnh nhân - bà Ngân nói bánh cookie này do cô Anne vừa làm sáng nay, thơm ngon lắm, bà cũng cho biết cô con dâu và con trai bà quen biết nhau từ thời học trung học, mỗi lần đến chơi đều yêu cầu ông bà dạy nói tiếng Việt. Nên cháu nói và hiểu cũng tương đối ngày một khá hơn, cái giọng thì còn chưa chuẩn. Quay sang phía tôi, bà kể lại : Chúng mới cưới nhau được gần một năm nay, vợ chồng cô chú đây có đến dự tiệc cưới, đám cưới của hai đứa trẻ khác chủng tộc nhưng lớn lên ở Mỹ, có nhiều bạn học cũng như khách nhà gái nên trong tiệc cưới có nhiều tiết mục nửa Việt nửa Mỹ, hơi khác lạ một chút, nhưng cũng vui lắm, hai đứa có vẻ đang sống rất hạnh phúc. Ngưng lại giây lát, rồi bà nói :

Được như thế này là tôi mừng lắm, cám ơn hai đứa nó, chứ các cô chú nghĩ coi, tôi tiếng tăm ù ù cạc cạc, lại mẹ gà con vịt thì biết làm sao mà ăn với nói. Cháu nó ngoan, hiền, lại chịu học nói tiếng Việt, thích các món ăn và gia vị Á châu nữa, nhất là nó thương yêu chúng tôi lắm, thỉnh thoảng nó gọi điện thoại hỏi mom muốn ăn cái gì để con mua cho, tôi nói cám ơn con, mẹ không cần ăn gì cả, hai con thương nhau là mẹ thích rồi. Tôi vẫn nói với ông nhà tôi là nhà mình còn có phúc nên mới được Trời cho đứa con dâÂu Mỹ tốt như vậy đó - bà Ngân cười, vui, nói một hơi dài.

Ông Ngân cầm cái cooki lên ăn, khen ngon và mời chúng tôi dùng, rồi ông nói :

- Không những cháu Anne nó ngoan, mà hai ông bà suôi tôi cũng lịch sự và hòa nhã lắm. Họ sinh đẻ ở miền nông trại vùng Sonoma, miền bắc Cali, nơi chúng tôi sống trước đây và hai đứa trẻ học chung một trường nên quen biết nhau. Ông bà suôi tôi là một gia đình người Mỹ có đời sống bình dị, phóng khoáng lắm, chất phác như dân nhà nông Việt Nam mình vậy, không bao giờ tỏ vẻ phân biệt giàu nghèo, chủng tộc hay tôn giáo, hai ông bà mến chúng tôi lắm, họ mời chúng tôi lên chơi hoài. Ông bà ấy cũng thương thằng Hà nhà này, ông ấy nói với tôi thằng Hà không phải là son in law mà là

good boy của ông bà ấy. Cách cư xử của họ làm hai vợ chồng tôi trẻ thêm mấy tuổi đó các cô chú - ông Ngân cười với câu nói khôi hài.

Chuyến thăm xã giao của chúng tôi được xoay quanh bởi những câu chuyện về hạnh phúc gia đình của ông bà Ngân do cô con dâÂu Mỹ đã mang lại, làm cho chúng tôi cũng cảm thấy vui lây với tình người bản xứ hòa đồng với người nhập cư một cách bất ngờ, nghe ông bà kể chuyện làm tôi thêm tự tin về sự phát triển của cộng đồng người Việt sau những năm tháng đã hội nhập vào các sinh hoạt của người dân bản xứ.

Nhấc ly nước Cam lên định uống, song ông lại bỏ xuống bàn, ông Ngân cười lớn tiếng rồi nói :

- Tôi có con dâu ngoại quốc, và qua lối sống của cháu tôi thấy rằng : Nền giáo dục nhân bản và khoa học ở Mỹ dạy cho bọn trẻ ở đây sống tự nhiên, thật thà và cầu tiến. Để tôi kể lại cho các cô chú nghe : Tuần trước tết, gia đình người bạn chúng tôi ở San Francisco làm giỗ ông cụ nội, có mời bà con nội ngoại, bạn hữu đến tham dự. Trong lúc sửa soạn bữa ăn nhẹ, bà mẹ chồng cũng có con dâÂu Mỹ như chúng tôi và vợ chồng thằng con trai của bà đã làm mọi người cười muốn bể bụng luôn - ông nhấp một chút nước Cam, rồi nói :

- Ông bà bạn tôi có thằng con trai du học ở Nhật Bản, quen biết và yêu thương cô sinh viên Mỹ khi hai người thực tập môn Hóa tại phòng thí nghiệm. Sau khi tốt nghiệp, hai người trở về Mỹ làm việc tại một thành phố nhỏ, miền Bắc Hoa Kỳ, nơi quê nhà cô sinh viên Mỹ, ở đó chỉ có một vài gia đình người Việt định cư, và họ đã cưới nhau, sống bên nhau thật hạnh phúc với cô con gái rất xinh. Hôm tôi gặp hai người tại San Francisco, tôi thấy ngoài tiếng Mỹ, cả hai vợ chồng đôi lúc nói tiếng Nhật với cô con gái nhỏ dễ thương, có lẽ cả hai người đều thông thạo tiếng Nhật nên muốn cho con gái học thêm một ngoại ngữ là tiếng Nhật. Vì hai vợ chồng sống và làm việc trong một thành phố nhỏ, đa số là người Mỹ với lác đác một vài gia đình các sắc dân thiểu số khác nhau, nên cả hai không cảm thấy có nhu cầu giúp nhau học tiếng Việt. Và đó cũng là chuyện bình thường phải không các cô chú, vì vậy mới có chuyện buồn cười để kể cho các cô chú nghe chiều nay đây. Ông bà bạn tôi thì mới sang định cư ở San Francisco sau ngày anh con trai đã lập gia đình với cô gái người Mỹ, hai ông bà đã lớn tuổi, không nói và không hiểu tiếng Mỹ. Ông bà bạn tôi thường khoe và tặng chúng tôi những món quà mà con dâu ông bà mua ở trên miền Bắc Hoa Kỳ để chồng gởi về Cali biếu bố mẹ. Dù sống xa gia đình bố mẹ chồng, không biết nói tiếng Việt, nhưng cô con dâu

người Mỹ mỗi năm vẫn lấy những ngày nghỉ phép để theo chồng con về thăm bố mẹ và gia đình chồng, cũng như thường mua những món quà địa phương cho chồng gởi về biếu tặng bố mẹ chồng. Sự liên hệ tốt đẹp giữa hai gia đình rất đằm thắm, hạnh phúc. Hai ông bà bạn tôi vẫn tự hào là hai gia đình chúng tôi đều có con dâÂu Mỹ vừa đẹp vừa ngoan. Vậy mà chiều hôm lễ giỗ, bà ấy làm mọi người tức cười và cảm động quá sức :

Năm nay, trên đường đi nghỉ hè tại Hawaii, hai vợ chồng dẫn con gái ghé San Francisco thăm bố mẹ chồng, trùng hợp với ngày giỗ cụ nội chồng. Nên bà mẹ chồng khoe với mọi người là có vợ chồng và đứa cháu nội từ miền Bắc Mỹ cũng vừa về thăm. Bà vừa huyên thuyên nói chuyện vừa thúc dục các con cháu chuyển các phần ăn và bánh trái, trà nước lên mời bà con, ngay sau khi vừa hoàn tất phần cầu nguyện cho tổ tiên. Bất chợt bà chỉ tay về phía cô con dâÂu Mỹ đang ngồi lo cho con gái ăn ở phòng ăn, phía đối diện, hơi chênh chếch với chiếc ghế bà đang ngồi, vừa cười vừa giới thiệu với mọi người, bà nói :

- Cô Mỹ trắng và cháu gái đó là con dâu và cháu nội chúng tôi, hiền lành, thương yêu và chăm sóc cho chồng con chu đáo lắm. Vợ chồng nó ở cái thành phố gì đó mà chỉ có vài gia đình người Việt mình, lại sống rải

rác, xa nhau, nên con dâu tôi không biết nói tiếng Việt Nam, chỉ nói được ba chữ ông bà nội rồi cười thôi, cứ như khách ngoại quốc vậy. Các ông bà thấy con dâu tôi đó, đúng là mẹ dâu chứ không phải con dâu. Ai đời nhà có giỗ, có kỵ mà cô nàng cứ ngồi nói chuyện với con, cho con ăn tỉnh bơ như thế có chết không cơ chứ. Tôi thì không biết tiếng Mỹ mà nó thì không biết nói tiếng Việt - chúng tôi là mẹ gà con vịt như các cụ mình vẫn nói, con nói con hiểu, mẹ nói mẹ nghe - rồi bà cười và nói tiếp : Có lẽ nó không nói được tiếng mình nên nó ngại ngùng, cứ ngồi yên một chỗ thế kia. ́y, thế mà nó thương chúng tôi lắm, vợ chồng tôi cũng vui khi thấy chúng nó thương yêu nhau. Nhưng mình đâu nói được tiếng Mỹ cho nó hiểu như vậy.

Nghe thấy mẹ tả oán về vợ mình, anh chồng đang đứng cạnh nhà bếp vừa cười vừa nhanh chân bước đến bà mẹ đang cười cười nói nói về vợ mình, hai tay xoa vào nhau, anh ta nói :

- Mẹ, mẹ cần làm cái gì để con làm cho mẹ ? mẹ, mẹ cần làm cái gì...

- Làm cái mẹ anh, chứ làm cái gì - bà mẹ vừa cười vừa nói và lấy tay đánh nhẹ vào tay thằng con trai. Anh con trai biết tính mẹ mình đang trách mắng yêu, nên lại nói :

- Mẹ, mẹ muốn nhà con làm cái gì, để con làm cho - anh con trai vừa cười vừa khua tay nói.

- Làm mẹ anh chứ làm gì, thôi ra với vợ con anh đi, mẹ không cần gì cả - bà nói, và cùng mọi người cười rộ lên.

- Mike ! What is mom talking about ? Why are they laughing, are they very happy ? - cô con dâÂu Mỹ gọi và hỏi chồng.

- She just says : You are very good, very nice, she loves you very much. Yes, they are very happy and proud about you, and I am too - anh chồng vừa cười vừa trả lời vợ.

Cô con dâÂu Mỹ nghe chồng nói như vậy, vội bảo con gái ngồi lên ghế, rồi chạy lại ôm lấy mẹ chồng, nói với giọng lơ lớ của người ngoại quốc nói tiếng Việt, trên khuôn mặt lộ vẻ xúc động :

- Thank you bà nội, thank you bà nội, bà nội... Cô con dâÂu Mỹ lập đi lập lại nhiều lần, và cô chỉ nói được hai chữ bà nội thôi - mọi người cười vang lên và vỗ tay trong khi cả hai mẹ chồng và nàng dâu đang ôm nhau với nước mắt doanh tròng, vì hạnh phúc đến thật bất ngờ, với hai người trong những tiếng vỗ tay của mọi

người.

- ừ, ừ bà nội thanh con, ừ bà nội thanh con, thanh con, thanh con... Bà mẹ chồng nói đứt quãng, muốn nói thank you con dâu, nhưng chỉ nói được chữ « thanh « mà quên mất chữ « cưu «. Hai mẹ con ôm nhau và nói cám ơn nhau rối rít, làm mọi người cảm động, nổi lên những tràng pháo tay dòn dã cùng những tiếng cười dài cả vài ba phút.

Ông Ngân kể xong câu chuyện, rồi nói : Thế mới biết ngôn ngữ là quan trọng, và sign language hay body language signs cũng quan trọng không kém, nó giúp cho con người diễn tả được tâm tư hoặc biểu lộ nỗi niềm hạnh phúc muốn trao gởi cho nhau... Hạnh phúc đôi khi đến thật bất ngờ, phải không các cô chú !

Trên lối đi tiễn chúng tôi ra xe. Đột nhiên ông Ngân hỏi trống không : Mình dịch chữ sign language và body language signs ra tiếng Việt thế nào cho đúng nghĩa nhỉ? Dịch là ngôn từ diễn tả bằng hai bàn tay và ngôn ngữ bằng các động tác thân hình, được không các chú cô ? Dài dòng quá phải không ?

- Dịch vậy là diễn tả chính xác cái hình ảnh hạnh phúc của bà mẹ chồng Việt Nam và nàng dâÂu Mỹ ở San Francisco đã trao cho nhau, như anh vừa kể chuyện

lại đó. Dịch như anh là tuyệt bích rồi - ông gật gù và mỉm cười khi nghe tôi trả lời.

Ra đến xe, trong lúc trao cho nhau cái bắt tay thân tình, tạm biệt. Chúng tôi không quên cám ơn ông bà đã kể cho chúng tôi nghe câu chuyện vui về tình yêu thương giữa mẹ chồng Việt và nàng dâÂu Mỹ thật chân tình, thân thương, và xúc động. Rồi chúng tôi hẹn gặp lại gia đình ông bà trong những dịp khác.

Sau một ngày dài vui chơi cuối tuần với vợ chồng chú em, và thăm gia đình anh em kết nghĩa của người em. Tôi ngủ vùi trong giấc ngủ mê say với những hình ảnh đẹp, lúc ẩn lúc hiện đến trong giấc mơ - một giấc mơ nói về tình yêu và hạnh phúc đầy thơ mộng, và tình người cao đẹp như trong các câu chuyện cổ tích mà tôi đọc đã lâu, khiến tâm trí tôi như tươi mát hơn khi vừa thức dậy lúc sớm mai, và cảm thấy đời sống con người sẽ thật là hạnh phúc khi được sống trong một thế giới chan hòa yêu thương và bình đẳng, dù khác màu da, tiếng nói và chủng tộc.

Chu Kim Long

Cậu Bé và Người Nhặt Rác

Lê Quang Sinh

Tác giả sinh năm 1929 tại Quảng Trị, Cựu Trung Tá QLVNCH, cựu tù cải tạo. Định cư tại Sacramento, Cali. Năm 1991; Hội trưởng sáng lập Hội Thơ Tài Tử Việt Nam Hải Ngoại từ 1994; Sách đã xuất bản : Truyện ký «Người Trai Thời Chiến»; tập thơ «Chuyện Ngày Xưa»; Từng nhận «Certificate of Recognition do The Sacramento International Poetry Hall of Fame tại Đại Hội Thi Ca Quốc Tế Sacramento 2006; Tác giả hiện là cư dân thành phố Garland, Texas và là Hội Trưởng Hội Người Việt Cao Niên Dallas nhiệm kỳ 2016-2017. Cho tới nay, với tuổi 89, ông cũng là vị tác giả cao niên nhất trong năm 2018 dự Viết Về Nước Mỹ. Kính chúc ông vui khỏe.

Ngày 13 tháng 3 năm 1991, gia đình chúng tôi qua định cư tại Sacramento, thủ phủ Cali, Hoa Kỳ dưới diện HO sau 8 năm tù gọi là cải tạo dưới chế độ Cộng sản.

Năm 1994, chúng tôi cùng Nhà thơ Nguyễn Phúc Sông Hương, bút hiệu Thái Luân, và Nhà thơ Nguyễn Lý Tưởng thành lập Hội Thơ Tài Tử VNHN, và tôi được đề nghị làm Trưởng Ban Điều Hành cho đến nay

đã được 24 năm.

Sau khi thành lập hội thơ, chúng tôi nghĩ đến sự phát triển hội bằng cách in một tập thơ mang tên CỤM HOA TÌNH YÊU để giới thiệu cùng độc giả và tổ chức các buổi ra mắt sách tại Hoa Kỳ và các nước khác trên thế giới. Dù sao vấn đề tài chánh vẫn là một yếu tố quan trọng đã thúc đẩy tôi phải tìm cách làm sao có ngân quỹ để trang trải cho các chuyến đi xa. Thế là trong một buổi «trà dư tửu hậu», có người bạn vui góp ý là tôi muốn đi làm nghề nhặt rác trong khu cư xá không, lương mỗi tháng 700 đô tiền mặt. Cơ hội đến là tôi đồng ý ngay. Thế là từ một sĩ quan cấp tá tôi trở thành một người lao công giống như anh chàng trong bản nhạc «Người Phu Quét Đường». Và rồi người nhặt rác VN đã gặp cậu bé Mỹ trong bài thơ « Cậu Bé và Người Nhặt Rác» mà tôi hân hạnh được giới thiệu cùng quý độc giả hôm nay.

Sau khi lập hồ sơ nhận việc, tôi bắt đầu hành nghề. Sáng sớm tinh sương lúc 6 giờ tôi đã phải bắt đầu công việc. Một tay xách cái thùng đựng rác, một tay cầm cái kẹp nhặt rác. Khu vực đầu tiên phải dọn dẹp là vườn trẻ với bãi cỏ xanh và các phương tiện vui chơi cho trẻ em như xích đu, trèo cao tuột dốc v.v... Sau đó phải đi loanh quanh trên các con đường trong khu cư xá, sân trước nhà, bãi cỏ để nhặt rác rưởi bỏ vào xô rồi đem đổ

vào các thùng Connex đặt gần đó.

Khu cư xá khá rộng phải mất nhiều giờ mới làm xong công việc. Nhất là về mùa Đông lá vàng rơi từ các cây cao tỏa bóng mát, nên cần thời gian cào lại từng đống rồi bỏ vào bao nylon lớn. Về mùa Hè nóng bức, lao động một hồi là mồ hôi nhễ nhại, tôi ngồi dưới bóng mát để nghỉ xả hơi.

Công việc nhặt rác này không có gì vất vả nặng nhọc, nhưng so sánh với các nghề khác như chạy bàn, bán báo, hoặc dọn dẹp làm sạch sẽ văn phòng, nhà vệ sinh trong bệnh viện hay các trường đại học, hoặc thợ điện, thợ hàn, thợ tiện, thì nó là cái nghề thấp nhất trong xã hội mà đồng lương chỉ có 700 đô một tháng.

Hoa Kỳ là một đất nước tự do, không phân biệt màu da, giàu nghèo, không phân biệt lao động trí óc và lao động chân tay, nghề nào cũng cao quý. Sĩ quan QLVNCH từ cấp úy đến cấp tá, cấp tướng khi di tản đến Hoa Kỳ đều có thể làm bất cứ nghề gì trong giai đoạn đầu mới đặt chân trên xứ lạ quê người để kiếm sống. Dần dà họ đã trở thành những thương gia giàu có, những triệu phú, tỷ phú, khoa học gia, bác sĩ, kỹ sư, tiến sĩ...

Cái nghề nhặt rác không mang lại chức tước, danh vọng hay tiền tài, nhưng nó đã đem lại cho chúng tôi một kỷ niệm đẹp nhất trong đời, đó là câu chuyện mà tôi xin kể hầu quý vị sau đây.

Một buổi trưa mùa Hè, trời nóng như thiêu đốt, tôi dừng chân nghỉ mát dưới bóng cây trước sân nhà của một căn chung cư. Bất ngờ một em bé khoảng 4 tuổi, tên Mckee từ hiên nhà chạy ra, ôm lấy chân tôi và nói : «I love you». Rồi nhanh nhẹn bé lấy cái xô và cây gắp đi loanh quanh khu nhà gần đó nhặt rác bỏ vào xô. Cảm giác của tôi lúc đó thật bàng hoàng xúc động. Cậu bé mới tí tuổi mà đã biểu lộ được một cử chỉ đẹp, một tấm lòng yêu tha nhân quá tuyệt vời, như một thiên thần nhỏ bé mang lại tình yêu cho người trần thế.

Cảm kích trước hành động dễ thương của bé Mckee, tôi đã viết nên bài thơ «Cậu Bé và Người Nhặt Rác», và dịch ra tiếng Anh «The Little Boy and The Groundsman» đề tặng cháu bé và ba mẹ của cháu. Tôi cũng đã tặng bài thơ này cho bà quản lý khu chung cư tôi làm việc. Bài thơ như sau.

Cậu Bé và Người Nhặt Rác

Thương về bé Mckee

Cơn nắng hạ chói chang/ Như thiêu như đốt/ Người nhặt rác âm thầm/ Từng bước từng bước một/ Kéo lê đôi giày mòn mỏi/ Như quá khứ gặm nhấm đời anh/ Trong chiến tranh, lao tù, bất hạnh.

Cơn giá buốt mùa Đông/ Cắt da xé thịt/ Người nhặt rác âm thầm/ Từng cử động chắc nịch/ Vung đôi bàn tay chai cứng/ Anh nhặt không ngừng.

Từ sáng sớm tinh sương/ Thiên hạ đang yên giấc/ Người nhặt rác âm thầm/ Từng bước từng bước một/ Lướt nhẹ qua những con đường/ Đầy xác lá vàng rơi rụng/ Cùng mãnh hồn anh vỡ vụn tan thương.

Rồi một ngày như mọi ngày/ Dưới nắng trưa hè gay gắt/ Người nhặt rác lau mồ hôi trán/ Đứng lặng nhìn trời suy tư miên man/ Bất ngờ một cậu bé/ Từ hiên nhà chạy ra/ Ôm lấy chân người nhặt rác/ Ngước nhìn lên đôi mắt sáng trong/ Hồn nhiên em nói : Cháu yêu ông - I love you/ Rồi đôi chân nhỏ bé/ Thoăn thoắt trên thảm cỏ/ Bé nhặt rác bỏ vào xô/ Người nhặt rác bàng hoàng xúc động/ Nghe như từ trời tiếng hát yêu thương/ Xóa tan bao mệt mỏi chán chường.

Cao đẹp thay tình yêu của bé/ Tình yêu không đổi trao/ Tình yêu không vụ lợi/ Tình yêu không lý luận/ Tình yêu bình an cho người/ Ôi ! Tình yêu tuyệt vời !

Viết đến đây tôi nhớ lại một bài báo của tờ Việt Báo mà tôi đã cất giữ từ mười mấy năm nay trong tủ sách dưới nhan đề «Đời Nhặt Rác» trong mục Thư Saigon, xin ghi lại như sau.

Bạn,

Chuyện kể với bạn trong lá thư này là chuyện về những người nhặt rác ở thành phố Huế. Theo báo Giáo Dục Thời Đại, hễ đi đến bất kỳ bãi rác nào lúc chập choạng tối trong thành phố, phóng viên báo này đều nhận thấy có rất nhiều người đang dùng que đào bới rồi nhặt rác. Những người nhặt rác là những người nghèo khổ. Báo GDTĐ viết về tình cảnh của những người kiếm sống bằng công việc nhặt rác ở Huế qua đoạn ký sự sau đây.

Bãi rác nằm ở đường Tùng Thiên Vương (Tp Huế) chỉ là một bãi nhỏ nhưng cũng có từ bốn đến năm người tham gia nhặt rác ở đây mỗi tối. Dưới ánh đèn vàng hiu hắt và những hạt mưa bụi bay bay, những người này cần mẫn dùng que gạt đi gạt lại đống rác rưởi hôi thối mong tìm được cho mình một thứ rác có thể sử dụng được để

đem bán lại. Dụng cụ lao động của họ khá đơn sơ và không an toàn chút nào. Mỗi người có một chiếc đèn pha trên đầu, một bao tải móc sau lưng cùng với một cái que dùng bới rác... Chẳng có một phương tiện nào bảo hiểm trên con người họ, dù chỉ là chiếc bao tay hay đôi ủng cao. «Kiếm cả buổi tối chưa chắc đủ ăn thì làm sao tụi tôi có tiền mua đồ bảo hiểm hở anh ?». Câu trả lời của người có vẻ lớn tuổi nhất trong số những người ở đó khiến phóng viên lúng túng trong chốc lát. Rồi như không chú ý đến sự có mặt của tôi, họ vẫn tiếp tục làm việc.

«Nghề nhặt rác này vất vả và tủi hổ lắm anh ạ. Cứ nghĩ đến việc gặp người quen là mình đã lo ngại rồi, còn nếu lỡ gặp thì chỉ có việc độn thổ đi cho khuất mắt». Anh lớn tuổi nhất trong đám tâm sự nhưng vẫn không chịu cho tôi biết tên. Khi anh quay đi, Tèo - cậu bé nhỏ nhất trong số người nhặt rác thì thầm vào tai phóng viên : «Chú ấy có vợ con rồi nên không chịu nói thật tên và địa chỉ mô mà anh hỏi».

Tại một bãi rác khác ở cuối đường Chế Lan Viên, trong khi các công nhân của Công ty Vệ sinh Môi trường đang tiến hành công việc của mình thì vẫn có mặt ba người nhặt rác. «Trung bình một đêm nhặt rác cũng kiếm được từ bảy đến mười ngàn đồng. Nếu gặp

đêm vở bở thì cao hơn. Nhưng cũng có nhiều đêm cúi đến cong lưng cũng chỉ kiếm được một đĩa cơm bụi». Hoàng, một cậu bé thường xuyên nhặt rác ở bãi rác Phú Thượng (Phú Vang) cho phóng viên biết. Hai nỗi lo lớn nhất của người nhặt rác là tai nạn và không nhặt được rác. Tai nạn là chuyện thường xuyên xảy ra. Trong bất cứ bãi rác nào cũng ẩn chứa vô vàn nguy hiểm.

Phóng viên báo Giáo Dục Thời Đại viết tiếp : «Hình ảnh mà phóng viên nhìn thấy được vào buổi sáng ở đường Nguyễn Tri Phương làm tôi nhớ mãi. Có ba bé gái với ba bao tải đựng rác sau lưng đứng lặng nhìn các bạn đồng tuổi mình đang nô đùa trong sân trường với ánh mắt buồn bã. Không biết các người có trách nhiệm sẽ nghĩ gì khi nhìn thấy cảnh tượng này, và cũng không biết tương lai của những em bé nhặt rác hôm ấy sẽ đi về đâu ?».

Chúng tôi viết lại câu chuyện nhặt rác ở VN kể trên để chúng ta có một khái niệm về tình hình kinh tế và đời sống của người dân hai nước. Đành rằng không thể so sánh một nước lớn với một nước nhỏ, nhưng cái nghề nhặt rác là cái nghề tận cùng của xã hội dù văn minh hay nghèo khó, mà nó cũng không mang lại được cái hạnh phúc nhỏ bé nhất cho con người ở nước mình.

Trở lại câu chuyện nhặt rác ở xứ Mỹ làm đề tài cho bài viết hôm nay. Với số tiền 700 đô kiếm được một tháng, chúng tôi đã sử dụng để phát triển Hội Thơ Tài Tử VNHN trong giai đoạn đầu tài chánh còn eo hẹp. Tháng 9 năm 1995, chúng tôi in một thi tập mang tên Cụm Hoa Tình Yêu I-95, gồm 17 tác giả ở Hoa Kỳ và VN. Tập thơ này được giới thiệu lần đầu tiên ở thành phố New Jersey với 250 khán thính giả tham dự do sự tổ chức của Thi sĩ Nguyễn Thanh Huy, Thi sĩ Trần Trung Đạo, và ông Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt New Jersey, cùng với sự trình bày thư họa, tranh ảnh của Thi họa sĩ Vũ Hối đến từ Thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Năm 1996 hội xuất bản thi tập CHTY 2-96 với 45 tác giả; những năm kế tiếp số tác giả tăng lên nhiều hơn. Mười năm sau, 2005 số thi hữu góp mặt lên đến 500 người gồm từ các nước Tunisia, Congo, Pháp, Úc, Canada, Hungary, Ukraine, Nhật Bản, Đức Quốc, Peru, Hòa Lan, Thụy Sĩ, Na Uy, Hoa Kỳ, và Việt Nam. Nhà văn Tống Diên (hậu duệ Nhà văn Bình Nguyên Lộc) đã viết bài «Mười Năm Người Với Ta» nói về sự phát triển nhanh chóng của Hội Thơ Tài Tử VNHN đăng trên báo chí ở Cali và Paris lấy tài liệu trong các thi tập CHTY xuất bản từ năm 1995 đến năm 2005 và ông đã kết luận : «Chính tại nơi đây mà hàng trăm người đã hồi tưởng quá khứ, kể lại quá khứ của mình, nghe quá khứ của bạn bè, trau

dồi quá khứ với người khác. Duyên văn nghệ tạo hội ngộ văn nghệ để qua đó con người văn nghệ tìm đến với nhau cũng như tìm lại chính bản thân mình».

Với số tiền nhỏ bé gom góp được từ công việc nhặt rác, chúng tôi đã gầy dựng hội thơ lúc ban đầu hầu làm bàn đạp tiến đến những bước khả quan hơn như đi đến các nước Đức, Pháp, Thụy sĩ, Na Uy, Hòa Lan, Belgique, và các thành phố lớn ở Hoa Kỳ : Hoa Thịnh Đốn, Sacramento, Westminster, Orlando để tổ chức các buổi ra mắt thi tập CHTY, thi tập tam ngữ Anh-Pháp-Việt «Flowers of Love» với sự đóng góp thơ, văn, nhạc, họa của các nhà thơ, nhà văn, thi họa sĩ, tiến sĩ, bác sĩ, kỷ sư, thương gia, chính trị gia, mục sư, thượng tọa, sĩ quan QLVNCH từ cấp úy đến cấp tướng, tá như Thiếu Tướng Tôn Thất Xứng-Canada, Đại tá Lê Khắc Lý -Cali, Tiến sĩ Lê Mộng Nguyên -Hàn Lâm Viện Pháp, Thi sĩ Hàn Lâm viện Pháp, Ali Smaoui -Tunisia, Tiến sĩ Thierry Sinda -Congo, Giáo sư Be Herrera -Hoa Kỳ, Thi họa sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh-Paris, Tiến sĩ Phạm Trọng Chánh -Paris, Kỷ sư Quyện Tâm -Paris, Thi họa sĩ Vương Thu Thủy -Paris, Thi văn sĩ Duyên Hùng -Lyon, Thi họa sĩ-Thư họa Vũ Hối -Hoa Thịnh Đốn, Giáo sư Nguyễn Lý Tưởng -Cali, Bác sĩ Bùi Quang Dũng -Orlando, Thương gia Phan Long - Orlando, Mục sư Nguyễn Huệ Nhật -Berlin, Thượng Tọa Thích Giác

Lượng -Cali, và nhiều nhà thơ nổi tiếng khác như Trần Vấn Lệ -Cali, Cao Mỵ Nhân -Cali, Tràm Cà Mâu -Cali, Lê Phạm Lê -Cali, Phạm Thiên Thư -Saigon, Thế Phong -Saigon, Lưu Hoài -Saigon, dịch giả Truyện Kiều qua Anh-Pháp ngữ. Ngoài ra một số bài thơ trích từ thi tập CHTY đã được các nhạc sĩ Võ Tá Hân, Hoàng Gia Thành, Nguyễn Hữu Tân phổ thành ca khúc.

Từ một sĩ quan cấp tá QLVNCH, tôi đã trở thành người nhặt rác ở Mỹ. Nhưng nhờ một nghề nghiệp khiêm nhượng trong một xã hội văn minh giàu có mà tôi đã học được một bài học quý giá trong đời, đó là Tình yêu mang đến từ một cậu bé người Mỹ làm xúc động tâm hồn khiến tôi viết nên bài thơ «Cậu Bé và Người Nhặt Rác» thương tặng bé Mckee đáng yêu.

Xin cám ơn bé Mckee.

Xin cám ơn Tình yêu bình an cho Người.

Garland, Tháng Giêng 2018

Lê Quang Sinh

Hồi Ức Mậu Thân : Xuân Này Nhớ Xuân Xưa

Võ Trang

Nhân thời điểm 50 năm sau trận chiến Mậu Thân 1968 Viết Về Nước Mỹ 2018 sẽ có thêm giải thưởng đặc biệt về «Hồi Ức Mậu Thân».

Sau đây, xin mời đọc một bài viết cũ của tác giả Võ Trang, một kỹ sư điện làm việc cho Bộ Hải Quân Hoa Kỳ tại San Diego, kể từ hồi ức đau thương về người cha bị cộng sản chôn sống trong trận Tết Mậu Thân 1968 tại Gia Hội, Huế, khi tác giả còn là cậu bé 15 tuổi. Bài viết đã nhận giải danh dự Viết Về Nước Mỹ 2009.

Vo Trang

Tác giả Võ Trang nhận Giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2009 do Hòa Bình Lê, chủ nhiệm Việt Báo, trao tặng. Ảnh : Anh Việt.

Tôi có nghe tượng đài chiến sĩ Việt-Mỹ tại Westminster, California đã được khánh thành từ tháng 4 năm 2003 nhưng mãi đến năm 2008 tôi mới có dịp tham quan, nhân lễ kỷ niệm 40 năm biến cố thảm sát vào Tết Mậu-Thân tổ chức tại đây.

Đến nơi mới thấy đây không phải chỉ là nơi trình bày công trình điêu khắc 2 tượng đồng lớn bằng người thật để làm đài kỷ niệm chiến binh Việt-Mỹ mà còn là một công viên đủ lớn để làm nơi tụ họp cho hàng trăm người, có chỗ để ghế ngồi cho quan khách tham dự lễ lớn. Tôi đến sớm vì coi lộn giờ, nhưng cũng vì thế mà có thì giờ thảnh thơi quan sát nhiều nơi.

Buổi chiều nắng nhạt trên công viên, thêm chút lành lạnh của những ngày cuối đông như phảng phất chút u ám của những linh hồn đang còn quằn quại đâu đây... Thời gian như ngừng lại trong một thoáng bàng hoàng. Ngày tháng có khi trôi qua thật nặng nề, chậm chạp thế mà 40 năm đã qua tưởng chừng chỉ mới hôm qua.

Tết Mậu Thân 1968 đến với tôi mang nhiều niềm vui chỉ vì không phải đến trường, học bài trong nhiều ngày. Đêm giao thừa năm ấy pháo nhà tôi nổ rất giòn. Sáng Mồng Một Tết, ba tôi còn dẫn đầu phái đoàn anh em tôi xuất hành đầu năm lấy hên. Nhưng qua Mồng Hai Tết thì không khí có vẻ khác thường. Có tiếng súng nổ rải rác mà lúc đó chúng tôi cứ ngỡ là tiếng pháo.

Khởi đầu là việc có người lạ trốn vào nhà cầu ở vườn sau trong khi cả đám trẻ con chúng tôi đang chơi bài gần đó. Người đàn ông ăn mặc chỉnh tề, áo sơ mi bỏ vào quần có nịt lúng túng không thể giải thích tại sao

anh trốn ở đấy. Về sau tôi mới hiểu anh này đang trốn vì thành phố Huế đang mất vào tay Việt Cộng mà chúng tôi không ai hay biết. Anh này chắc phải là công nhân viên hay quân nhân của quốc gia đã thay đổi thường phục nên mới sợ hãi như thế.

Ba tôi linh cảm điều gì không ổn, ông lấy xe gắn máy đi một vòng để xem xét rồi trở về thất sắc bảo chúng tôi là ông thấy có người cảnh sát gác cầu Đông Ba bị bắn chết nằm bên đường. Việt Cộng đã tấn công và đang làm chủ tình hình khu Gia Hội. Thật là khó tin, Việt Cộng tấn công nhẹ nhàng như vậy - và «ngay trong 7 ngày hưu chiến do chính họ đề nghị.» Từ đó khu Gia Hội nằm trong kiểm soát của Việt Cộng trong suốt 20 ngày cho đến khi Tiểu Đoàn Thủy Quân Lục Chiến xuất hiện trên đường phố vào sáng ngày 21 âm lịch.

Ba tôi được mời đi «họp» chỉ có 2 ngày trước khi quân đội quốc gia tái chiếm thành phố Huế, trong chính sách thanh trừng của cộng sản trước khi rút lui. Hầu như chúng tôi không hề hiểu được những nguy hiểm thật sự, ngay cả ba tôi ! Trong chiến tranh bị bắt làm tù binh là cùng, cho nên lo nghĩ chính là làm hầm trú ẩn để chống pháo binh lạc đạn. Vả lại ba tôi làm việc ở Đà-Nẵng, chỉ về ăn tết với gia đình, cứ coi như thường dân, ai mà biết được.

Trong khi tôi đang ngồi cạo chiếc ghế xích đu cũ để sơn lại lúc Tết ra thì bỗng có người vỗ vai tôi và hỏi nhẹ «Em ơi ! Có ba ở nhà không» Tôi bàng hoàng quay lại : hai người, một dân quân áo bà ba quần cụt, một chính quy với dép râu và quân phục, nón cối màu vàng. Tôi hỏi lại họ muốn kiếm ai thì họ nói tên rõ ràng. Tôi vào kêu ba tôi trong hầm dã chiến. Làm sao họ có thể vào tận bên trong nhà. Ai đã mở cửa sau cho họ vào ?

- Chính là chị giúp việc mà gia đình tôi vừa thuê vài tháng trước.

Vườn nhà tôi có đến 3 gia đình, không hàng rào dù ai cũng ở riêng. Hết đường chạy ! Phòng chỉ có một cửa ra vào thì họ đã đứng chận rồi. Ba tôi mặt tái xanh và không nói gì nữa. Trong hầm còn có một người em trai của me tôi, cũng là một cảnh sát viên, đã khuyên ba tôi nên đi ra để họ khỏi xông vào bắt thêm những người họ không dự định. Me tôi đưa thêm chiếc áo len cho cho ba tôi mặc vào. Người anh thứ hai của tôi chạy theo xin đi thế nhưng họ không cho. Anh trở vào quỳ trước bàn thờ Phật xin nguyện giảm thọ 10 năm để ba tôi được an toàn trở về... hôm đó là ngày 19 âm lịch năm Mậu-Thân.

Khoảng 2 tuần sau người ta bắt đầu phát hiện các hầm chôn người tập thể. Trong Khu Gia Hội là các hầm nằm phía sân sau của trường Tiểu Học Gia Hội. Thây người được kéo lên để nằm ngổn ngang trên mặt đất. Vì chỉ hơn một tuần nên chưa bị rữa nhưng xác chết đã sưng tấy lên và đã bốc mùi.

Cái thây người được kéo lên để nằm ngửa người trên một u đất, miệng há hốc, mặt đen xám và dính đầy đất, cái hình ảnh mà cả cuộc đời tôi không bao giờ quên được, là ba của tôi. «Làm sao chỉ trong hai tuần mà đã hoàn toàn khác ?» Hay là tôi cố tình ngụy biện với chính mình. Lời ông hứa khi về lại Đà-Nẵng sẽ còn mua cho tôi thêm nhiều banh nữa để đá vẫn còn đâu đây. Nhưng những chứng cớ thì không thể chối cãi. Chiếc áo có vẽ 4 cái đầu của ban nhạc the Beatles bên ngực trái là chiếc áo độc nhất vô nhị của anh tôi mà ba tôi rất thích. Hai chiếc tất thêu lủng lỗ mà anh em chúng tôi đều biết được chia đều vào 2 túi quần rõ ràng là dấu hiệu ba tôi để lại cho gia đình nhận diện.

Tôi không biết ba tôi đã đau đớn như thế nào vào giờ phút đó nhưng mẹ tôi và các anh em tôi thì vẫn đau đớn cho đến bây giờ... Xung quanh tôi người ta khóc lóc thảm thiết khi nhận diện được thân nhân của mình. Nhưng tôi không khóc. Hồn tôi lạnh ngắt vì không biết

mình có cảm nghĩ gì nữa. Sự việc xảy ra dường như không phải thật trong cảm nhận của một đứa trẻ 15 tuổi.

Có một người duy nhất sống sót trong lần thảm sát tập thể tại trường Tiểu Học Gia-Hôi vì được xô vội xuống hầm trước khi bọn đồ tể bỏ đi là một thanh niên «Xây Dựng Nông Thôn» ngồi khóc kể lể chuyện xảy ra đêm đó. Không còn nghi ngờ gì nữa. Các cán bộ cộng sản nằm vùng đã lập đầy đủ danh sách. Những viên chức chính quyền Việt-Nam Cộng-Hoà đều được tuyên án trước khi bị hành hình - kể cả những người chết thế như trường hợp người em gái 19 tuổi của anh Tùng, một nhân viên cảnh sát ở cách nhà tôi 2 căn. Trong nước mắt, anh giải thích đêm Tết anh phải vào trực ở sở không trở ra nên họ đã mời cô em gái đi «họp» thế !

Sau khi ba tôi đi rồi, mẹ tôi đã từ bỏ vai trò của một người vợ thuần túy để trở ra làm việc lạ, với số vốn liếng Pháp văn mà bà đã học được từ trường Couvent des Oiseaux ở Đà Lạt trước khi lấy chồng. Mới 44 tuổi, bà ở vậy cho đến suốt đời. Nhiều lúc tôi nghĩ bà phải cô đơn và đau khổ lắm. Anh em tôi đứa nào cũng trở thành thầy giáo tư, vừa đi dạy vừa đi học.

Có lẽ trong thơ mộng nào đó còn lại trong tâm hồn của một học sinh Quốc-Học để ông Hoàng Phủ Ngọc Tường cho rằng việc thảm sát tại Huế chỉ là một sai lầm

có tính cách cục bộ. Sự việc này đã xảy ra nhiều nơi Cộng Sản kiểm soát ở miền Nam : bị bắt bớ, được mời đi họp rồi thân nhân không bao giờ thấy trở về... Đây là một chính sách !

Thảm sát tập thể như thế này cũng đã xảy ra ở Sịa, Thừa Thiên vào năm 1947. Trước khi rút lui vì nghe tin quân Pháp sắp trở lại, Cộng Sản đã kêu gọi dân chúng đi đào hầm chống Pháp. Những hầm này thật ra chính là những hầm chôn tập thể chỉ trong vài ngày sau đó. Theo lời chú tôi kể lại họ đi bắt người cả ban ngày và ban đêm. Ông Cố Nội của tôi, đã 70 tuổi cũng đã bị bắt đi vào ngày 17 tháng 2 nhằm ngày 20 Tết m Lịch. Lúc đầu người ta phát giác xác anh TH., một nhân vật có võ được biết trong làng, chết bên vệ đường với nhiều vết chém, đứt cả bàn tay. Rồi lần theo vết máu người ta tìm đến những hầm chôn người tập thể trong đó có cả Ông Cố Nội của tôi và em của Ông. Những vết cắt cho thấy họ bị chặt đầu bằng mã tấu !

Nhiều người nói với tôi Cộng Sản thắng được là nhờ họ dám tàn nhẫn. Với tôi, họ không những chỉ tàn nhẫn trong những thủ đoạn giết người mà còn tàn nhẫn bóp méo cả lịch sử, tình quê hương, lòng nhân đạo, những giá trị nhân bản, những tổn thương văn hoá của dân tộc mà rồi đây khi thanh bình thực sự về với quê hương, đất

nước tôi sẽ còn phải tốn rất nhiều công sức để hồi phục.

Trời trở lạnh hơn. Nắng đã tắt trên công viên tượng đài chiến sĩ. Một số quan khách đã bắt đầu đến nhưng tôi thì phải sắp ra về vì nhà ở quá xa. Có người mệnh phụ tóc bạc nói rặt tiếng Huế trách nhẹ nhàng người Việt sao lúc nào cũng trễ giờ. Tôi hỏi bà có biết anh người Huế làm cảnh sát, ở sau lưng chùa Diệu Đế và có người em chết thế cho bây giờ ở đâu không thì bà chỉ còn biết trả lời « không có tên họ thì làm sao tôi nhớ ra được». Lúc đó tôi nghĩ mãi không ra tên anh Tùng.

Một quân nhân đã già ân cần phát cho tôi hơn 10 tập Đặc San kỷ niệm 40 năm thảm sát Mậu-Thân để tôi truyền cho bà con ở tỉnh nhà đọc. Những ai biết và hiểu chuyện Mậu Thân thì ít nhất là đã vào cái tuổi «tri thiên mệnh» rồi !

Tôi rời công viên tượng đài trong nỗi bồi hồi bâng khuâng. Cảm tạ những tấm lòng sắt son chung thủy và những buổi lễ kỷ niệm như thế này, để cho những người như tôi tìm thấy chút ánh sáng trở về, trong buổi hoàng hôn của một chính nghĩa đang còn bị vây phủ trên quê hương khốn khổ của tôi.

San Diego 2009

Võ Trang

Loki Mắt Hai Màu

Năng Khiếu

Tác giả tên thật Trần Năng Khiếu. Trước 1975 là Công Chức Bộ Ngoại Giao VNCH. Đến Mỹ năm 1994 theo diện HO. Đã đi làm cho đến năm 2012. Hiện là công dân hưu trí tại Westminster. Tham dự Viết Về Nước Mỹ từ tháng 8/2015. Đã nhận giải đặc biệt 2016. Nhận giải danh dự VVNM 2017.

Năm nay là năm Mậu Tuất, năm con chó. Đã nhiều người viết chuyện vui, buồn liên quan đến chó. Tôi cũng xin kể về tấm lòng một người cha bên Mỹ, khi con cái yêu thích chó, nhưng chăm sóc thì ông bố lãnh đủ.

Cũng tại vợ ông chiều Hương con gái út, muốn gì là được nấy. Một hôm nhà đang có tiệc mừng lễ rửa tội thằng cháu nội. Bỗng chuông điện thoại reo vang, ông Vượng nhấc phôn chưa kịp A lô thì đã nghe :

- Ba ơi ! Má có nhà không ? Bạn con cho một con chó mới thôi bú, nhỏ xíu dễ thương lắm, ba cho con đem về nuôi nha ba !

Ông Vượng nghe nuôi chó là dội ngay :

- Không được đâu, dơ lắm !

Vợ ông đứng kế bên nói nhỏ :

- Cho con nuôi đi ông ạ ! Con nó yêu thú vật thì tốt, mà một con chó nhỏ chẳng đáng gì.

Ông miễn cưỡng cho con đem về, chứ thực ra ông biết con vừa đi học vừa đi làm bận rộn cả ngày, thời giờ đâu mà chăm sóc chó với mèo.

Hương đặt tên nó là Lychie, mang đi chích ngừa, thấy họ để giống chó lai Becgier. Lông vàng sậm, hai mắt đen tròn, tai vểnh cao như tai thỏ, càng lớn càng quậy phá, hơi hé cổng sau là phóng ra chạy bạt mạng, ông Vượng phải dán giấy tìm trẻ lạc hai ba lần. Một năm sau người con trai thứ hai của ông Vượng đem về con chó Chihuahua của thằng bạn đổi đi xa gửi ông nuôi, rồi nó bỏ luôn không thấy quay lại. Con chó màu đen nhỏ xíu, nặng chừng 3 pounds, cao khoảng 15cm, nó rất khôn và biết nghe lời. Từ đó con Lychie có bạn cún, không trốn đi chơi lang thang nữa.

Mỗi chiều các con ông Vượng đi làm về ra sân cỏ sau nhà, bế ẵm, vuốt ve, đùa giỡn với hai con chó, dạy nó đứng lên ngồi xuống, bắt tay, bắt banh, hoặc dắt đi bộ.

Bạn trai cô con gái ông, thấy người yêu mình thích chó, nhân ngày sinh nhật cô, anh ta mua một con chó giống Husky được năm tháng tuổi đến tặng. Trông nó thật dễ thương, cặp mắt hai màu, có hình hạt hạnh nhân, hơi xếch ngược lên với vẻ kiêu sa và lạnh lùng. Hương đặt tên là Loki, rồi đưa nó đến trước mặt hai đàn anh, Hương chập hai chân Loki lại trước ngực, gập đầu lạy lạy và nói : « Chào hai anh, xin cho em gia nhập bầy đàn, sống chung một nhà hòa thuận với các anh» Loki được các thành viên giống chó họ khuyển chấp nhận dễ dàng.

Thế là trước sau, ông Vượng phải chăm tới ba con chó, mới đầu chưa quen ông rầu thúi ruột. Hai con chó đực, Lychie và Chihuahua nuôi trước, tới tuổi trưởng thành sống với nhau như hai con đồng tính, trông ngứa mắt hết sức, phải đem thiến bằng phương pháp chích triệt sản, không đau đớn lắm. Riêng con Loki hiền, dễ đe bảo, nhưng lớn lên lại có vẻ mặt «hình sự» ai nhìn cũng sợ. Vì thế lúc gần một tuổi, con ông Vượng phải nhờ một huấn luyện viên, có trình độ chuyên môn dạy chó cách sinh hoạt có kỷ luật. Cuối tuần hai bố con ông dắt Loki ra ngoài park học những động tác cần thiết, để biết nghe hiệu lệnh của chủ như đi, đứng, nằm, bò. Biết thân thiện hơn với mọi người xung quanh...

Loki rất thông minh, tiếp thu nhanh. Đưa Loki đi tập chưa hết một khóa, ông bắt chước cách thức, về nhà cứ vậy ông tập tiếp cho nó. Có người hỏi sao ông không đem cả ba con chó đến trung tâm huấn luyện ? Nhưng ông tiếc tiền nói : «thôi cứ để ở nhà huấn luyện cho hợp sở thích của mình hơn».

Ông Vượng mày mò đóng lại cái kệ đựng đồ, có bốn góc bằng cây sắt, vây gỗ xung quanh thành một cái chuồng chắc chắn, rộng rãi đặt sát vách sau nhà, mỗi con nằm một góc ấm áp và thoải mái. Chúng chỉ loanh quanh ở patio, nô đùa ngoài vườn, hoặc quanh quẩn trong family room không bao giờ bước lên nhà trên, như ông đã huấn luyện.

Ông tâm sự ! Không phải con cún nào cũng dễ dàng tuân theo, mỗi con có tính cách khác nhau.Loki thông minh nhưng không gần gũi với chủ bằng con Chihuahua. Con Lychie thì ngang bướng và ham chơi, leo trèo như con sóc. Khổ nhất là nuôi những con chó nhỏ vừa rã bầy,đang giai đoạn măng sữa, giống như một đứa trẻ, thường trải qua tuổi ngứa răng, cắn xé đủ mọi thứ trước mặt. Từ cái tô nhựa để ăn, cái chậu đựng nước uống hay con thú nhồi bông cô chủ đưa cho nó chơi... bông bay, rác rến tùm lum ông dọn mệt nghỉ. Con ông phải mua mấy cục xương giả cho chúng gặm. Qua được một tuổi

là chúng đỡ phá phách. Sau hai tuổi chó điềm tĩnh hơn.

Hàng ngày ông Vượng tắm rửa, tập cho chúng đi vệ sinh ngoài các gốc cây, rồi ông hốt đổ trong thùng đậy kín. Nhờ ông chăm sóc kỹ lưỡng, nên chúng ít khi bệnh, chỉ tội con Loki, cứ vào mùa nắng nóng lại bị ruồi bu theo cắn vành tai chảy máu, ông Vượng phải mua hộp thuốc Flys-off để xức cho nó suốt mùa nóng. Hai con chó đàn anh tai to mặt nhỏ, lại không bị ruồi chiếu cố, không hiểu tại sao ?

Mỗi năm ông nhắc các con đem chó đến bác sĩ thú y chích ngừa, rồi mua cho mỗi con một tấm lắc đeo ở cổ, ghi tên chó và địa chỉ, phòng khi đi lạc. Thoạt đầu không thích nuôi chó, nhưng chỉ một thời gian ngắn, ông sửng sốt trước những hành động của con chó có đời sống tình cảm không ngờ. Mỗi khi không thấy ông, Loki chạy đi tìm, ngó vào nhà rồi nhìn ra vườn, gặp ông nó chạy đến đứng dựng hai chân sau cao ngang ngực như ôm ông một cái, rồi mới bỏ chạy đi chơi.

Thỉnh thoảng ông Vượng đi thăm con ở xa, vắng nhà hai ba ngày, Loki cứ đứng trong cổng ngóng ra đường, không chịu ngủ, rồi tru lên nho nhỏ rên rỉ «khóc»cả đêm, khiến ông thấy thương và gắn bó với chúng lúc nào không hay. Về hưu mấy năm nay, nhưng ông Vượng chẳng lúc nào ngơi tay. Có mấy con chó quấn quýt,

cũng vui vui, vốn «thương con thì ngon mọi sự».

Bầy chó của ông, không cùng giống, không cùng tầm cỡ, nhưng chúng thản nhiên sống không sợ sệt, lo lắng đối phó với nhau. Con nhiều tuổi nhất là Chihuahua lại nhỏ con nhất, ăn bao nhiêu cũng không lớn hơn. Con Lychie lai Becgier kén ăn, chậm lớn. Con Loki sẵn «gien» di truyền chó Alaska, sanh sau đẻ muộn nhưng phàm ăn, lớn nhanh như thổi.

Mới đầu cho ăn, ông phải chia ba cái tô bằng inox làm ba nơi, con Chihuahua ở trên nóc chuồng cao, con Lychie trên chiếc bàn kê bên cạnh, còn con Loki chỗ thấp nhất, tô đồ ăn to nhất, nhưng đớp thật nhanh, loáng một cái là hết sạch rồi chồm lên tô của hai anh, thấy thế ông Vượng lớn giọng : «Loki, không được» và đưa tay làm hiệu cho nó đứng tại chỗ, ông đổ thêm thức ăn vào tô cho Loki ăn no cành hông, vài lần như vậy là nó quen, sau ông để chúng ăn gần nhau, nhưng phần ai nấy ăn, không dòm ngó lôi thôi nữa. Ở xứ sở thực phẩm dư thừa, ngay cả con chó cũng có phẩm cách trước miếng ăn. Loki rất dễ dậy, ngước mắt nhìn ông như tỏ vẻ biết ơn. Vì to xác vượt hẳn hai thằng đàn anh, lại là chó cái, người lạ đến cứ tưởng nó là mẹ của hai chó con.

Loki được hai tuổi, ngang ngửa với con người mười tám đôi mươi. Có lẽ đang tuổi dậy thì thân hình cơ bắp, ngực nở nang, lông màu đen, nhưng mặt, bụng và bốn chân màu trắng mượt mà, dáng đi uyển chuyển, nhẹ nhàng. Loki không sủa như chó bình thường nó chỉ biết hú nhưng vì sống chung với hai thái giám lắm mồm sủa dai, nên nó cũng bắt chước sủa từng tiếng một chậm chạp. Tới chu kỳ «động đực» nó hú thật cao và kéo dài ra nghe não nùng lắm. Ông Vượng cũng muốn tìm chó phối giống, để ra những con chó con dễ thương như nó hồi nhỏ, nhưng ông không biết tìm đâu có chó đực cùng giống ? Trước kia Thắng là bạn con trai ông, cũng có một con chó đực giống Husky (tính làm sui) nhưng nó quậy phá quá Thắng đành phải đem thiến, không đợi Loki lớn được.

Lần chích ngừa vừa qua con Loki cân nặng 55 pounds, nhưng nhờ chiều cao 60 cm, nên nhìn cũng cân đối. Còn hai thái giám không có chiều cao nên mập ú, bị over pound. Nhưng chúng rất thính tai, đang ở sau vườn đùa giỡn, nghe tiếng xe của cô chủ, cậu chủ về là chạy như bay chen lấn tranh giành nhau bên cánh cổng, con tới trước muốn khẳng định «ê» đây là cô chủ của tao, mày tránh ra. Giống y như những đứa con nít.

Giống chó Husky, anh em huyết thống gần gũi với giống chó Alaska, được lai tạo nhằm phục vụ cho việc kéo xe trên tuyết, vì vậy rất giống nhau về diện mạo. Nhưng tầm vóc nhỏ hơn chó Alaska, nó thuộc loại lông dầu, nếu lùa tay vào bộ lông ta có cảm giác trơn trơn. Mắt chó Husky có nhiều màu khác nhau, như Loki, con ngươi bên phải của nó màu xanh ngọc, bên trái màu nâu trông rất ngộ, khiến vẻ mặt Loki trông «láu cá» nhưng thực sự nó rất hiền lành. Sống chung với các bạn rất hòa đồng, không ganh tỵ, không kỳ thị, nó quên mất thân thế mình là giống chó «quý tộc». không bao giờ ỷ to con mà ức hiếp hai đàn anh chỉ nhỏ bằng bắp đùi của nó, suốt ngày đùa giỡn với nhau, con to chạy trước, nhỏ theo sau, lồng lộn từ cổng bên trái vòng sau nhà, qua cổng bên phải như ngựa phi. Khi thì Chihuahua nằm ngửa giơ bốn cẳng lên trời cho Loki há miệng ngoạm trọn cái đầu kéo lê khắp vườn, ông Vượng sợ con Loki ngậm thật sẽ chết ngắc, nhưng Chihuahua lại có vẻ thích thú. Có lúc Loki ghé mõm sát mặt Lychie như đang thì thầm trò chuyện hay âu yếm hôn nhau, cảnh tượng dịu dàng và ấm áp quá, khiến vợ ông Vượng cảm động đã dùng Iphone ghi lại khoảnh khắc đáng yêu này.

Từ ngày có Loki, cây quýt, cây lê tàu, cây ổi xá lỵ sau vườn nhà ông Vượng, không bị chuột gặm nham nhở và phá phách như mấy nhà hàng xóm. Mấy con mèo hoang

không dám vào phóng uế trong vườn như trước. Bản năng săn mồi rất giỏi vẫn tồn tại trong Loki. Sáng nào bắt được con chuột ăn vụng đêm, nó đem đến bỏ dưới chân, rồi ngồi ở cửa sau chờ ông Vượng ra, nếu ông đi tay không, nó cúi xuống ngậm con chuột vào mồm chạy vòng vòng quanh vườn. Sợ Loki ăn bẩn, ông rượt theo để giựt con chuột ra khỏi miệng nó. Ông ra khẩu lệnh rồi hiệu lệnh, nhưng chạy bở hơi tai nó cũng không đứng lại. Con ông Vượng nhanh trí, cầm miếng Grilled beef, ra gọi : «Loki come here !» Nó chạy đến và nhả con chuột xuống chân cho ai muốn làm gì thì làm, rồi nhận phần thưởng. Từ hôm đó mỗi lần ông Vượng thấy Loki bắt được chuột, ông chỉ việc cầm miếng bò nướng dành cho chó, giơ cao là Loki thả con chuột cho ông đem đi đâu tùy ý. Thỉnh thoảng có con Opossum bén mảng đến ăn cắp trái cây, ba con đổ xô lại sủa cả tiếng đồng hồ cho đến khi con chuột khổng lồ này nằm giả chết, hoặc bỏ đi.

Người lạ từ cửa sau nhà bước vào vườn, phải giật mình vì con Loki, nó không sủa chỉ ôm chân thật chặt, cũng làm khách mất hồn, nhưng ông Vượng đe một tiếng là nó buông ra ngay và lảng ra xa. Ông Tiến hàng xóm phía tay phải nhà ông Vượng, trước kia có nuôi con chó cũng thuộc giống Husky. Con ông Tiến đã đem đi huấn luyện, nhưng là chó đực không thiến, rất nghịch

ngợm.

Một hôm nó xổng cửa chạy bạt mạng ra ngoài đường, con ông lại đi vắng, ông Tiến nắm được xích cổ, nhưng nó khỏe quá kéo ông té trật cổ tay, phải buông ra, gọi không quay lại ông đành chạy theo nó, thấy ông rượt, nó càng cắm đầu chạy từ đường Bolsa, đến đường McFadden thì nó bị xe đụng chết, mấy cha con khóc lóc thương tiếc, như vĩnh biệt người thân. Vài năm sau, thấy ông Vượng nuôi con Loki. Ông Tiến nhớ tới «thằng con trai bướng bỉnh» thường đứng bên nhà ném thịt nướng cho nó ăn. Nghe tiếng ông huýt sáo là ba con chạy tới ngửa cổ nhìn lên tường chờ đợi.

Năm ngoái, ông Tiến bị bệnh chết bất tử. Sau khi gia đình chôn cất ông, vài đêm sau, một mình con Loki đứng ngay chỗ ông hay cho nó ăn, chõ qua nhà ông sủa gióng một như «chó cắn ma» từ hai giờ đêm đến năm giờ sáng. Ngày hôm sau, bà Tiến nói đêm qua chồng bà về, chỉ có mình con Loki nhìn thấy nên sủa miết. Người ta nói giống chó Husky này mắt nó nhìn ban đêm rất tinh, nên có thể thấy ma được. Không biết có đúng không ?

Từ việc chăm sóc bầy chó bất đắc dĩ, mà ông Vượng nhận ra rằng, chó là một loài trung thành, có tình có nghĩa. Nhưng thật đáng buồn và ân hận, khi ông hồi

tưởng lại ngày còn ở Việt Nam, ông đã từng «khoái món cờ tây».

«Cầy tơ thui nấm rơm thu.
Càng ướp riềng sớm lời ru càng buồn !»

(Sưu tầm)

Sống tại Mỹ, một đất nước văn minh, ông Vượng học hỏi được nét văn hóa Tây phương đáng quý. Luôn biết thương yêu và trân trọng từng sinh vật, trong đó chó là loài gia súc đầu tiên sống gần gũi với con người. Chúng trở thành người bạn bốn chân đáng tin cậy, luôn bảo vệ bất vụ lợi cho chủ nhân. Qua đôi mắt chúng như hiểu những gì chủ nói, làm theo những gì chủ dạy bảo, một sinh vật trung thành nhất, mà con người có được ở cái thế giới đầy lọc lừa và ích kỷ này.

Như danh ngôn ngưỡng mộ sự trung thành của loài chó : «Chó là loài duy nhất trên trái đất, yêu bạn hơn chính nó.»(John Billing). Hoặc «Thế giới sẽ là nơi tốt đẹp hơn, nếu ai cũng có khả năng yêu thương vô điều kiện như loài chó» (M.K Clinton)...v...v...

Tại Mỹ mỗi năm người ta tốn cả bạc tỷ để chế tạo đồ ăn cho chó. Có trường huấn luyện chó, hoặc trung tâm cải huấn chó hỗn «Dog Reform School». Có tiệm

chuyên tắm rửa, cắt tỉa lông chó, chưng diện, mặc áo đẹp để đi thi hoa hậu chó. Có khách sạn chó, để nhỡ chủ đi đâu xa mang chó đến gửi, có giường để chó nằm. Ốm đau thì có bệnh viện chó, mèo (Dogs and Pets Hospital). Có bác sĩ và y tá thú y chữa trị. Giải trí nô đùa thì có công viên dành cho chó. Chết thì được chôn ở nghĩa trang chó, mèo riêng. v..v...

Người Mỹ cưng chó như một thành viên trong gia đình, thậm chí có người còn làm di chúc để lại cả bạc triệu cho con pets của mình, như con chó Laxy của nữ tài tử Audrey Hepburn. Những con chó được con người yêu thương và ưu đãi như vậy, có lẽ chỉ số IQ sẽ cao hơn những con khác.

Ông Vượng cũng thường nhớ lan man về thân phận chó tại Việt Nam. Miền quê nơi ông lớn lên, hầu như nhà nào cũng nuôi chó, ít thì một con, nhiều thì hai ba con trở lên. Cứ việc thả rông ngoài đường, bà con đi đâu phải cúi mặt nhìn kỹ mà bước, không thì đạp phải «vàng đen» đầy dép. Mục đích nuôi chó để giữ nhà, khỏi bị trộm dòm ngó. Nhưng cũng có nhà nuôi chừng năm bảy tháng, được khoảng tám chín ký, là thịt «Khách đến nhà không gà thì chó».

Vì nhiều người coi thịt chó là món ăn giàu dinh dưỡng, như ông Chiến bạn ông Vượng, chuyên mở quán «Cây

còn» đông khách như quán bò bảy món. Ông ta hạ một con chó dễ như làm con gà. Thế nên ông đi tới đâu, giống chó thính mũi, nó đánh hơi mùi riềng, mùi xả từ người ông Chiến bay ra. Lập tức lao tới, chó to, chó nhỏ, khoang, đốm, vàng, mực, gâu gâu sủa vang trời, điếc tai.

Nhưng không phải mọi người đều tàn nhẫn với gia cầm như vậy. Vợ ông Vượng vẫn kể về người cha quá cố của bà, lúc sinh tiền cụ luôn thương yêu loài vật. Trong nhà lúc nào cũng nuôi chó, nuôi mèo, cụ ngồi đâu thì con chó nằm dưới chân, con mèo leo vào lòng. Ngoài sân thì nuôi chim bồ câu, mỗi sáng rải thóc cho chim ăn như một niềm vui. Cụ huấn luyện những con chó becgier rất khôn, vì cụ nói giống chó này tinh khôn và trung thành nhất. Cụ bà đi chợ chuyên mua lòng bò bạng nhạng, về xào cả chảo cho chó, nếu chó ốm chê cơm, thì cụ sai con gái mua phở về cho nó ăn. Đặc biệt không bao giờ cụ ăn thịt chó, nếu nó già hoặc bị bịnh mà chết thì cụ đem chôn.

Tại Việt nam hiện nay, theo truyền thông báo chí, ước tính mỗi năm Việt Nam tiêu thụ khoảng năm triệu con chó, đứng thứ nhì trên thế giới chỉ sau Trung Quốc. Theo Liên Minh Bảo Vệ Chó Châu Á (ACPA) thì nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam, biện hộ rằng : «Thịt

chó là nền văn hóa truyền thống» nhưng xét về khía cạnh nhân đạo, vẫn là vấn đề gây nhiều tranh cãi.

Ngày đầu năm trong bầu khí ấm áp, cầu mong nhiều điều tốt lành, may mắn, đến với mọi người và cả đất nước thân yêu của chúng ta. Riêng những quý vị nào tuổi Mậu Tuất, theo sách tử vi tướng số thì tâm chất khoan hòa, hiền lành, thích tự lập, biết tính toán khôn ngoan «Tâm hồn hướng thượng tu hành. Cán cân đạo nghĩa lợi danh hài hòa. Cuộc đời sẽ được thăng hoa. Bình tâm vui vẻ độ tha giúp đời». Xin chúc mừng.

Năng Khiếu

Nhịp Đập Trái Tim

Phương Hoa

Định cư tại Mỹ từ 1994, Phương Hoa vừa làm nail vừa học. Năm 2012, bà tốt nghiệp ngành dạy trẻ tại Chapman University khi đã 62 tuổi và trở thành bà giáo tại Marysville, thành phố cổ vùng Bắc Calif. Với loạt bài về Vietnam Museum, «Bảo Tàng Cho Những Người Lính Bị Bỏ Quên,» tác giả đã nhận giải chung kết 2014 và vẫn tiếp tục gắn bó với Viết Về Nước Mỹ. Sau đây, thêm một bài viết mới của tác giả.

Tất cả xong rồi !

Rick nói và thở phào sau khi dán nốt cây đèn cầy cuối cùng lên vách, hoàn thành phần trang trí. Anh mày mò từ sáng sớm mà mãi đến giờ mới xong. Bạn bè muốn phụ giúp nhưng Rick không cho. Ai lại gần anh cũng xua họ ra bàn thưởng thức các món khai vị anh dặn nhà hàng đem đến sớm và chờ giờ khai tiệc. My cự nự, giãy nảy, nhất định không chịu làm bữa tiệc quy mô này. Nhưng Rick cố ép, vì anh đã xin phép ba mẹ nàng cho anh đứng ra tổ chức, và nhờ đám bạn thân xúi giục cho My đồng ý nên cuối cùng nàng để yên với một thái độ không hài lòng. Anh xắn tay áo lên tự tay trang trí để My và gia đình thấy được tấm lòng của anh. Bạn bè đều

biết tình cảm Rick dành cho My lâu nay. Ai cũng nói đây là cặp «Kim Đồng Ngọc Nữ». Họ tin chẳng chóng thì chầy My cũng sẽ lấy anh. Rick vừa đẹp trai, có học, việc làm ngon lành, và là con trai độc nhất của một nhà kinh doanh bất động sản tầm cỡ ở vùng Bay Area.

Bước lui vài bước, Rick ngắm nghía và mỉm cười hài lòng với tác phẩm của mình. Hai dãy cờ tam giác hoa văn ngũ sắc đâu chéo với nhau trên đầu tường. Chòm đèn cầy bằng giấy đủ màu xanh tím đỏ hồng, nhìn sống động như những ngọn lửa nến lung linh đang cháy bập bùng dưới ánh đèn rực rỡ. Bên trên cụm đèn cầy, Rick dán hình chiếc bánh sinh nhật ba tầng màu trắng quyện với những đường viền hồng thắm có khắc mấy chữ «Happy Birthday to My Le» to tướng, lấp lánh kim tuyến vàng. Phòng khách nhà My rộng thênh thang, đủ chỗ cho khách khứa và còn một khoản trống đủ để làm cái khán đài dã chiến và sàn nhảy. Bàn ghế anh thuê từ chỗ catering, họ đem đến trải khăn hoa, cài nơ trắng bản to lộng lẫy. Tiếng nhạc vang lên xập xình. Bạn bè ngồi khắp nơi nhâm nhi, nhịp chân khảo chuyện, cười nói rầm trời át cả tiếng nhạc.

- I am sure ! Tao biết chắc chắn hôm nay thằng Rick sẽ cầu hôn My ! Tiếng thằng bạn Mỹ tên Bob vang lên từ nhóm người đang ngồi nhai món rau câu chiên giòn

ở cái bàn trước cửa. - Tụi mày nhìn hắn kìa ! Từ sáng đến giờ hắn cứ «loăng quăng như thằn lằn đứt đuôi». Dù sao thì hắn cũng theo đuổi My mấy năm rồi còn gì !

- Tao cũng nghĩ thế ! Một người trong nhóm đáp lời Bob. - Nhưng mà My có nhận lời hắn không thì chưa biết à nha. Tao có cảm giác hình như dạo sau này My có vẻ bớt thân thiện với hắn, không giống trước kia chút nào.

- Còn chờ gì nữa mà không nhận lời ? Danh, anh chàng làm chung hãng với Rick, người có tiếng là ăn nói «vung côn bửa củi» nhất trong nhóm, ồn ào bênh vực bạn. - Rick vừa đẹp trai lại có job tốt, con nhà giàu. Bọn con gái khác thèm rỏ dãi, mong được nó ghé mắt đến mà trước giờ nó chỉ «chơi giải sầu» chứ không «chơi sâu đậm» với em nào cả. Thật tình mà nói, nếu là trước kia thì tao thấy Rick cũng lo, vì thằng Đạt còn khỏe mạnh. Nhưng bây giờ nó đã là «con trâu què» rồi, sức mấy mà địch lại thằng Rick chứ !

Nghe Danh nói, mọi con mắt đều đổ dồn về phía Đạt, người thanh niên từ sớm ngồi im lìm trên chiếc xe lăn chỗ cái bàn vuông trong góc. Dường như anh không hề chú ý đến ai.

- Oh boy ! Mày nói nghe sao tàn nhẫn quá vậy Danh? Hưng người bạn thân và cũng là hàng xóm của Đạt nói.
- Tội nghiệp thằng Đạt hiền lành tốt bụng mà lại xui xẻo bị tai nạn, bây giờ ngồi một chỗ mất hết cả tương lai. Tất cả cũng vì cái lần chạy Dirt-Motor Bike ngày đó.

Rick vừa bước lại thì nghe được câu cuối của Hưng. Anh bỗng giật nẩy mình đứng sững lại nhìn qua Đạt. Một niềm ân hận dâng lên tràn ngập tâm can. Khúc rễ cây đó. Khúc rễ cây oan nghiệt bất ngờ chòi ra giữa đoạn dốc ngoằn ngoèo trong khu Dirt-Bike Part mà xe anh đã cày lên khi thắng gấp. Bánh xe xoay tròn một vòng, ngoáy vào đám gốc cây ven lối mòn và lôi ra khúc rễ gãy. Chiếc mô tô nghiêng đổ về một bên, người anh rạp xuống. Bụi đất tung lên mịt mù. Mịt mù u ám như cái tâm địa đen tối của anh trong một buổi chiều thu, khi khắp công viên đều trải thảm lá vàng rực rỡ. Tâm địa nào đã khiến anh thay vì nhặt khúc cây vất ra khỏi mô đất, anh lại dùng chân khoa bụi lấp che vì biết xe Đạt sắp chạy qua.

Rick, Đạt, Hưng, Danh, bốn sinh viên Việt là bạn chơi với nhau rất thân từ những năm đầu đại học đến giờ. Rick và Đạt đều chơi Dirt-MotorBike rất chuyên nghiệp. Họ thường kéo nhau tham gia chạy đua mỗi khi thành phố nào mở cuộc thi Dirt-Motorcycles. Từ

Sacramento đến Marysville, Yuba, Tracy, vùng Bay Area... Rick chạy cũng khá nhưng Đạt còn uyển chuyển hơn nhiều. Cái kiểu Đạt cho mô tô bồng lên từ đồi đất, lộn một vòng trên không rồi hạ đáp xuống nhẹ nhàng rất đẹp mắt, đã làm bạn bè ngồi xem nhiều lần sợ đến lên ruột. Mỗi khi hai người thi đấu cả nhóm đều theo cổ võ, và dù thắng dù thua họ đều kéo nhau đi ăn mừng.

My học cùng trường với bọn họ, dưới hai lớp, nhưng chơi thân với cả Rick và Đạt. Tình cảm của nàng có vẻ hơi nghiêng về phía Rick, có lẽ vì anh sốt sắng hơn, ga lăng hơn, và vì Đạt nghiêm nghị lại ít nói. Còn một điều quan trọng nữa, là My chơi thân với Loan cô em gái thua Rick hai tuổi. Hai đứa học cùng lớp cùng trường từ High School đến giờ, nên My thường đến nhà Rick chơi với Loan. Đến khi My đoạt giải hoa khôi cuộc thi thời trang áo dài do cộng đồng Việt Nam ở địa phương tổ chức thì Rick lộ rõ vẻ muốn chiếm nàng làm của riêng. Thấy My thân mật với Đạt sự đố kỵ lại hiện rõ trong anh. Trước đây ngoài tiền bạc ra, Rick cũng đã rất «ngán» Đạt vì thứ gì Đạt cũng hơn anh. Dáng người nho nhã, tính tình điềm đạm, phong thái chững chạc, dù ít nói nhưng Đạt rất hoà đồng với bạn bè, lại học giỏi hơn Rick. Đạt chiếm cảm tình nhiều người từ giáo sư trong trường đến bè bạn.

Tai nạn đó tuy không nặng lắm, nhưng đã làm cho cột sống Đạt bị tổn thương gây nên bại liệt cả hai chân. Từ ngày Đạt bị nạn, nhiều đêm Rick không ngủ được, trằn trọc mãi trên giường vì lương tâm cắn rứt. Suốt thời gian qua, cái hình ảnh Đạt cùng chiếc mô tô bay lên cao lộn một vòng rồi rớt xuống, trúng phải khúc cây, xe mô tô trượt bánh bay về phía con đê và ném Đạt ra tận bờ sông nằm bất động, cứ mãi lởn vởn trong đầu Rick.

Hôm đó Loan và My cùng mấy đứa bạn cùng lớp đã la khóc rầm trời. Trong khi Rick đứng như trời trồng, Hưng và Danh chạy ào ra chỗ Đạt cùng với những nhân viên cứu hộ. Anh phát hoảng vì thấy Đạt nằm bất động trên băng ca khi họ đẩy lên xe cấp cứu. Nhưng dù gì Đạt cũng đâu có chết. Đôi lúc Rick tự an ủi như thế. Anh còn đổ thừa tại Đạt bất cẩn để bào chữa cho tội lỗi của mình. Bắt chước người xưa, Chu Du bên Tàu, khi sắp lìa đời đã cất tiếng than «Trời sinh Du sao còn sinh Lượng» Rick nhiều lần thầm nói «Tại sao trên đời có Rick lại còn có Đạt làm gì».

Đến nay thì sức khỏe Đạt đã ổn định nhiều, dù bác sĩ nói khả năng anh hồi phục sẽ rất khó và có thể phải ngồi xe lăn vĩnh viễn. Chỉ có chút ít hy vọng mỏng manh nếu cố gắng tập luyện trong nhiều năm. Đạt là một kỷ sư giỏi nên dù bị thương tật hãng Intel vẫn gọi anh làm

lại khi nào khỏe hẳn. Rick thấy an tâm vì Đạt dường như chấp nhận số phận, không buồn rầu hay chán nản. Và Rick càng nhẹ lòng hơn nữa khi thấy thỉnh thoảng Đạt sáng tác những bài thơ, những bản nhạc hay, gửi đi đăng báo đó đây. Đạt yêu đời trở lại Rick cũng bớt thấy có lỗi phần nào. Nhưng anh đã vô tình không thấy Loan rất đau khổ sau tai nạn của Đạt. Thỉnh thoảng Loan nhìn anh bằng ánh mắt thật lạ kỳ. Dù hai anh em rất thân nhưng dạo sau này Loan thường tránh mặt anh.

Đúng như lời Danh, bây giờ tình trạng Đạt như thế Rick không còn lo sợ mất My về tay Đạt nữa. Nhờ thân thế tốt, anh lấy lòng cả gia đình My gồm ba mẹ ông bà nội ngoại và mấy đứa em.

Đang suy nghĩ miên man, Rick chợt giật mình khi nghe tiếng Don người MC oang oang gào lên từ sân khấu :

- Các bạn chú ý ! Chú ý ! Hãy gửi một tràng pháo tay thật to cho hoa khôi My của chúng ta !

Tiếng vỗ tay rào rào. My bước ra trong chiếc đầm hồng thướt tha uyển chuyển. Chiếc nơ to bản thắt ngang eo làm nàng trông giống một cô gái Nhật. Chiếc vương miện bằng vòng hoa tươi do Loan và mấy cô bạn cùng trường đã tếch cho, My trông nhí nhảnh trẻ trung. Dưới

ánh đèn neon, làn da nàng trắng hồng, mắt to mũi cao, môi trái tim, cộng với sự trang điểm hài hòa làm cho khuôn mặt nàng nhìn thật là thanh tú.

Rick đứng sững sờ. Hôm nay sao My đẹp lạ lùng, anh thầm nghĩ. Nàng nhìn quanh phòng một lượt với nụ cười tươi khoe hàm răng trắng đều như hạt lựu, càng làm Rick cảm thấy ngộp thở, thấy mình bỏ công tổ chức buổi tiệc này thật là xứng đáng. Lòng hân hoan anh nghĩ đến chiếc nhẫn kim cương to bằng hột lựu trong túi quần mà anh đã bí mật dắt em gái My đi mua tuần trước. Nhất định anh sẽ trao nàng để cầu hôn đêm nay vào cuối bữa tiệc này.

Khi những tiếng vỗ tay chấm dứt và My chào khách xong, Don kêu mọi người cũng hát chúc mừng sinh nhật My, rồi nhắc nàng cầu nguyện và thổi nến.

- Bây giờ là giây phút quan trọng nhất ! Don lại xướng tiếp. - Tiết mục cắt bánh ! Mời mọi người đứng lên. Hoa khôi My của chúng ta sẽ đến mời «người trong mộng» cùng lên cắt bánh ! Don dừng lại một chút cho tăng phần trịnh trọng, rồi xoay qua bàn chụp lấy chiếc vương miện màu vàng, trên có đính nhiều hột đá sapphire lấp lánh như mũ của một vị vua thời trước, đưa cao lên và nói to : - Người được My mời cắt bánh hôm nay sẽ đội chiếc mũ Hoa Vương này và cùng người đẹp nhảy một

bản mở màn cho buổi tiệc.

- Hoan hô ! Hoan hô ! Yay ! Yay ! Những tiếng vỗ tay la hét thích thú vang lên làm rung rinh cả căn phòng.

Mọi người đồng loạt xoay qua Rick, chờ đợi. Họ biết chắc ai sẽ là người được My mời cầm dao cùng cắt bánh, nên muốn chứng kiến niềm hạnh phúc của anh. Tiếng nhạc tiếng đàn trỗi lên cuồn cuộn rộn ràng, nhặt khoan như thúc giục bước chân My. Nàng cầm con dao bằng nhựa trong veo có răng cưa đưa lên cao từ từ ngắm nghía. Cán dao cũng thắt nơ màu hồng, màu của chiếc bánh sinh nhật ba tầng mà Rick đi đặt ở một tiệm bánh cưới ngon có tiếng từ thành phố San Jose.

Trong nhà ba mẹ My nghe bọn trẻ ồn ào nhộn nhịp cũng vội chạy ra xem. Mặt mày ông bà trông thật vui và hạnh phúc.

- Biểu lẹ dùm mà hỏng chịu lẹ dùm ! Biểu lẹ dùm mà hỏng chịu lẹ dùm ! Biểu lẹ dùm mà hỏng chịu lẹ ngay !

Tất cả thực khách vừa vỗ tay vừa đồng loạt ca lên, ngoại trừ mấy người khách Mỹ, hối thúc. My cười cười, bước từng bước chậm rãi tiến về hướng Rick.

Rick đứng im nhưng tim đập rộn ràng. Mắt anh liếc nhìn chiếc vương miện mà anh và Danh tốn công đi năn nỉ đặt làm chỗ cho thuê đồ cưới. Phải trả cũng khá tiền họ mới chịu làm vì họ không có sẵn vật liệu cho loại này.

Cuối cùng, My cầm con dao dừng lại trước mặt Rick, miệng vẫn giữ nụ cười tươi làm hớp hồn anh.

Rick run run đưa tay ra.

Và kìa...

Thật bất ngờ, My đột nhiên chồm qua khỏi người Rick rồi đặt con dao vào tay Đạt, người thanh niên mặt mũi sáng sủa đang ngồi trên chiếc xe lăn, và nói thật ngọt ngào :

- Đạt ơi ! Anh cùng lên cắt bánh với em nha !

Nói xong nàng vén áo đầm, nhanh nhẩu bước ra sau lưng Đạt và bằng một động tác rất thuần thục, nàng đẩy chiếc xe lăn đi một hơi thẳng tới chỗ bàn để chiếc bánh.

Sự việc xảy ra chỉ trong tích tắc. Dàn nhạc đang chơi rộn ràng bỗng nhiên im bặt. Cả gian phòng đột ngột tĩnh lặng như tờ. Mọi người như nín thở. Vài người đưa tay lên dụi mắt, không tin vào những gì đang thấy. Ba

mẹ My đứng há hốc miệng mắt mở to từ phía hành lang gần cửa phòng.

Mất cũng hết mấy chục giây. Căn phòng khách bỗng vỡ oà lên tiếng vỗ tay như sấm dậy. Rick mặt tái mét, rồi chuyển sang xanh như tàu lá. Anh hết nhìn My lại nhìn qua Đạt, người run lên, mắt nổ đom đóm.

Tại nơi chiếc bàn đặt cái bánh kem, Đạt run run cầm chung con dao tay trong tay với My. Mặt anh ửng đỏ. Không thốt lên được lời nào, anh chỉ đưa tay làm động tác cắt bánh theo My như cái máy. Ánh sáng của máy hình xung quanh chớp lóe liên tục. Mọi người vây quanh Đạt và My để chụp hình. Bản nhạc Happy Birthday lại một lần nữa trổi lên âm ỹ hòa cùng tiếng hát của mọi người, nhưng lần này tiếng hát rất to, rất rộn rã. Cắt bánh xong, My nhìn xuống thấy Rick đứng mặt mũi hằm hằm, hai tay nắm chặt run rẩy. Nàng bước lại gần, nghiến răng thì thầm vào tai anh :

- Anh làm ơn đứng yên đó cho tôi ! Đừng có mà tính gây chuyện ! Loan đã nói tôi biết hết tất cả sự thật rồi ! Từ chỗ bãi «Dirt-Bike Part» Loan đã tìm thấy khúc cây anh gây tai nạn cho Đạt ngày hôm đó khi nó nhìn anh biểu diễn. Loan đã thấy anh dùng chân đùa cái gì đó dưới con dốc nên nó trở ra chỗ đó để tìm và đã vất đi để tội lỗi của anh khỏi bị phát hiện. Thật là uổng công tôi

lâu nay có cảm tình với anh ! Rồi My lên giọng giận dữ : - Đồ độc ác ! Nếu không nhờ Loan năn nỉ khóc lóc xin tội cho anh, tôi đã nói anh Đạt biết rồi !

Nói xong, My liếc mắt về phía Loan, thấy Loan gật gật đầu với vẻ mặt rất buồn bã. Loan biết

được tội lỗi của anh trai, nhưng vì tình anh em nên lâu nay cô đã ráng giữ im lặng tuy lòng luôn cảm thấy vô cùng có lỗi với Đạt. Vừa rồi tình cờ My đọc lén được nhật ký của Đạt anh thú nhận từ lâu đã yêu nàng nên My kể cho Loan nghe. Và Loan đành phải thú thật với My mọi chuyện sau khi My hứa sẽ bỏ qua cho Rick chứ không truy cứu.

Tâm trạng vẫn còn đang giận, My bước lên khán đài không nói một lời giật lấy cái microphone từ tay Don :

- Thưa các bạn ! Nàng nói. - Xin mọi người đừng ngạc nhiên về hành động của My. Anh Đạt là người xứng đáng được My yêu. My vừa tình cờ đọc được quyển nhật ký của Đạt trong lần đến thăm, khi anh lấy ra viết rồi ôm nó ngủ quên. Những dòng nhật ký tự đáy lòng anh viết trước khi lâm nạn đã làm thay đổi đời My. Nói đến đây nàng bật khóc. - Thì ra lâu nay Đạt cũng yêu My, nhưng vì thấy Rick thích My nên Đạt đành giữ mối tình câm trong lòng để nhường My cho Rick. Quay

qua Đạt nàng nói trong nước mắt : - Anh đừng lo ! Từ nay em sẽ giúp anh tập luyện đôi chân. Hôm qua em đã hỏi bác sĩ và họ nói anh còn trẻ nên có rất nhiều hy vọng đi đứng được trở lại như xưa, chỉ có điều phải tốn thời gian khá lâu. Nhưng em không ngại đâu !

Đạt nhìn nàng sững sờ. Anh bỗng trở nên cà lăm, lắp bắp :

- Em...em...đã đọc nhật ký của anh ?

My không trả lời. Đôi mắt đẫm nước của nàng nhìn sâu vào mắt Đạt thật lâu. Ánh mắt nồng nàn tha thiết, ngùn ngụt lửa yêu đương. Đạt cũng nhìn lại My đắm đuối. Bên dưới mấy cô bạn gái của My trong đó có Loan đang sụt sịt quệt nước mắt khóc vì cảm động. Chợt thấy ánh mắt tức giận của anh trai, Loan bước lại gần nói nhỏ :

- Anh đáng bị như vậy lắm ! Cái giá này quá rẻ đối với anh. Từ lâu em đã cố giúp anh che dấu chuyện tội lỗi, nhưng sau khi biết anh Đạt cũng yêu My, em đành phải nói ra để đền bù cho Đạt, cũng như giải tội cho anh. Đạt rất xứng đáng được My yêu, anh không có tư cách để buồn giận đâu ! Trước khi bước đi, Loan còn đay nghiến thêm một câu : - Em thật là thất vọng vì anh! Dù gì hai người cũng là bạn bè với nhau, sao anh

lại vì muốn giật lấy My mà làm hại bạn như thế ?

Rick nghe em gái nói thế thì xấu hổ đứng cúi gằm mặt, buông thõng hai tay. Không ai nhìn thấy những giọt nước mắt ân hận đang lăn dài trên đôi má của anh.

Trên kia, My cầm chiếc vương miện đội lên cho Đạt rồi đưa cây đàn ghi ta cho anh :

- Đạt ơi ! Anh không thể mở màn khiêu vũ thì hãy hát một bài để «tạ tội» với mọi người.

Tiếng vỗ tay lại vang lên. Đạt mỉm cười âu yếm gật đầu. Anh nâng đàn lên và cất cao giọng hát. Bị bất ngờ nên Đạt hơi run, nhưng giọng Đạt thật trầm ấm, thật ngọt ngào. Lời hát xuất phát tận đáy lòng đã gây nhiều cảm xúc cho thực khách :

Đôi tim giờ đã hoà chan
Cùng rung nhịp đập ngút ngàn yêu thương
Yến oanh tình ngọt vấn vương
Dìu nhau đi hết đoạn đường trần gian
Kiếp này dù có lầm than
Lòng ta một hướng thiên đàng là đây...

Phương Hoa

Hưởng Thụ Mùa Đông Minnesota

Thanh Mai

Tác giả là cư dân Minnesota, đã nhận giải vinh danh tác giả Viết Về Nước Mỹ 2008. Với những bài viết thuộc nhiều thể loại đề tài, cô là một tác giả rất được bạn đọc yêu mến.

Cả chục ngày nay toàn nước Mỹ bị không khí lạnh và băng giá bao trùm. Ai cũng than trời trách đất và lắc đầu le lưỡi đòi ở nhà trùm mền chẳng muốn đi đâu. Nhiều người chụp hình dự đoán thời tiết dưới 0 độ F post lên Facebook khoe và than thở. Riêng vợ chồng tôi thì thích lắm, cầu cho lạnh như thế thêm cỡ vài tuần đủ cho mấy cái hồ và thác đông đá hết để được đi ngắm cảnh thiên nhiên ngủ đông.

1. Thác Minnehaha !

Hôm nay nhiệt độ được dự báo ấm lên cỡ 20 F nên chàng rủ đi thăm thác Minnehaha cách nhà 30 phút lái xe. Thác này nếu rủ đi mùa khác thì tôi không đi nữa đâu vì nhỏ xíu hà. Nhưng vừa rồi thấy họ đưa lên Facebook hình thác vào mùa đông khá đẹp nên đồng ý đi thử xem sao. Rủ Lộc đi luôn cho biết mùi Ba Má đi chơi trên tuyết như thế nào và nó cũng chịu luôn.

Ba người chúng tôi mặc mỗi người 2, 3 cái quần, 3 hoặc 4 cái áo và che đầu, bịt mũi thật kỹ. Tôi còn đem theo mấy cái túi nhỏ giữ ấm phòng xa nữa. Mấy cái túi này hay lắm, khi mình lắc nó cỡ 5 phút nó sẽ nóng lên để mình nhét trong lưng, bàn chân hoặc bàn tay cho ấm và có thể giữ nhiệt cho đến 12 tiếng đồng hồ lận.

Tới nơi thấy cũng khá đông du khách rồi. Chắc mấy hôm nay thiên hạ cũng bị cuồng cẳng như chúng tôi. Nhìn xa đã thấy toàn cảnh thác đông đá trắng xoá đẹp lắm và nhiều người đang chụp hình gần thác. Nhưng khi chúng tôi đến chỗ bậc tam cấp đi xuống thác thì thấy có bảng ngăn không cho phép đi xuống. Thấy thiên hạ ai cũng nhắm mắt leo qua rào cản thì mình cũng nhắm mắt leo theo. Hi Hi. Có bị bắt thì bắt cả đám cũng vui.

Xuống dưới thác lại phải chui rào mà qua nữa. Lộc lần đầu được Má bày chui rào khoái lắm. Dẫn Lộc đi cũng hơi khó khăn vì đường đi cheo leo và trơn trượt nhưng hai má con tới đích mà không bị chụp con ếch nào. Chàng thì xách máy quay phim đi trước.

Lộc cũng tội. Đi cho biết thôi chứ mắt Lộc đâu nhìn thấy được cảnh đẹp như thế nào. Chụp cho Lộc vài hình rồi cho Lộc ngồi dựa tuyết mà chờ. Chàng và tôi chụp vài tấm hình cho nhau rồi anh chàng tìm đường leo lên sau thác nước đông đá quay phim. Chàng từ trên quay

xuống, tôi từ dưới quay lên. Tôi chụp được cho chàng mấy tấm hình lấp ló sau màn nước đông đá đẹp lắm.

Đường leo lên trên thác đã khó mà xuống còn khó hơn vì quá trơn trượt. Có người bị tuột một cái vèo từ trên xuống chắc cũng bễ mông vì đá lởm chởm. Chàng chọn leo đường khác xuống trông có vẻ khá cheo leo và nguy hiểm nhưng theo chàng thì dễ hơn.

Cuối cùng chàng cũng xuống được an toàn. Chúng tôi vội về cho kịp giờ ăn trưa chở con trai là Lộc đi đờn.

Xem sơ video clip quay sau thác nước thấy đẹp quá nên chở Lộc tới chỗ đờn là hai đứa tôi lại chạy ngay tới thác nước hồi sáng. Chàng biết ý tôi muốn leo lên sau thác nhìn cho thỏa mãn.

Bò lên nửa chừng thì tôi sợ quá không dám bò tiếp. Thoáng nghĩ trong đầu sao mình liều mạng quá, trợt xuống bên dưới không bể đầu thì cũng bễ mông. Chao ơi là trơn trợt mà chỗ có thể đặt bàn chân thì có chút xíu. Vách núi cũng toàn tuyết đông đá khó bám. Chàng leo lên trước cứ động viên cho tôi tiến tới nên tôi liều mạng bò lên tiếp và cuối cùng cũng bò tới đích. Không dám nghĩ tới lúc leo xuống sẽ như thế nào nữa.

Quả thật đằng sau bức màn đá là hang động quá đẹp. Những thạch nhũ bằng nước đá rủ xuống từ trên trần và những cột nước đá màu xanh da trời sáng ngời, lấp lánh trông như ngọc. Thác nước khi chưa đông thì màu trắng bình thường nhưng khi đông lại có màu xanh da trời đẹp ghê. Cứ như các tảng băng xanh trôi ở Alaska hoặc Bắc cực vậy.

Rồi cũng đến lúc leo xuống. Tôi không chịu theo lối cũ của chàng leo xuống vì ghê quá. Bò theo lối nhiều người leo trông ngắn và không nguy hiểm bằng. Ai cũng bị tuột ê mông không nhiều thì ít mà tôi thì không vì tôi chống cây gậy leo núi bò xuống từ từ. Hên ghê ! Tự cho mình 10 điểm.

2. Ice Caves, Hang Băng Nhũ

Sau đi xem thác Minnehaha đông đá quá tuyệt, chàng hứng chí xin nghỉ làm, rủ tôi đi xem Ice Caves (hang băng nhũ) cách nhà 3 tiếng lái xe.

Những Ice Caves này rất đẹp và nổi tiếng nhưng không thường xuyên cho phép khách du lịch đến viếng vì lý do an toàn. Năm 2016 và 2017 không mở cửa nhưng có 2 người có lẽ dân địa phương đã đến và chụp được bộ ảnh phải nói là tuyệt vời. Họ đưa lên Facebook cho thiên hạ chiêm ngưỡng được mấy bữa rồi không

hiểu vì lý do nào không còn xem được nữa.

Còn những năm cho du khách đến xem nghe nói một mùa cỡ 1 tháng có đến hơn 170 ngàn du khách từ khắp nơi. Riêng buổi cuối tuần đầu tiên có hơn 15 ngàn người. Mỗi du khách mua vé vào cửa 5 đô để có tiền trả cho nhân viên ở đây. Họ phải lo theo dõi đo đạc đá đông để cập nhật tin tức cho mọi người và tổ chức lo vệ sinh, cứu hộ...v.v

Những Ice Caves này nằm trải dài cỡ 1 dặm ở hồ Superior thuộc nhóm Ngũ Đại Hồ. Đến mùa đông nước và tuyết đông lại tạo ra những thạch nhũ đẹp vô cùng. Muốn đến xem phải đi bộ trên mặt hồ đông đá cỡ 1.1 dặm mới tới hang động đầu tiên. Đi thêm nửa dặm sẽ gặp một dãy hang động nữa. Rồi đi thêm 1 dặm sẽ tới cái hang cuối cùng. Nếu đi hết tất cả các hang động cả đi lẫn về chắc cũng phải đi bộ 5.2 dặm trên mặt nước đông đá và trời lạnh không phải chuyện giỡn chơi. Ở đây họ có trang web cập nhật tin tức mỗi ngày về độ đông của nước. Phải đông thật dày, cứng để đủ an toàn cho hàng ngàn người bước lên mà không sụp xuống nước sâu. Còn phải trời không có gió lớn vì gió lớn sẽ làm cho sóng lớn đập vào làm bể lớp nước đá đông rất nguy hiểm.

Hôm nay chúng tôi liều đi thử mặc dù trang web này bảo là độ đông của nước hiện nay chưa đủ an toàn cho hàng ngàn người bước lên. Không an toàn cho số đông người chứ cho hai người có lẽ không sao. Hôm nay nhiệt độ ở đó được cỡ 25 độ F tức là cỡ -4 độ C và sức gió cỡ 4 dặm/giờ rất tốt cho cuộc thám hiểm.

Chúng tôi không rủ Lộc đi theo vì chuyến đi này phải ở ngoài trời lâu và rất nguy hiểm. Chúng tôi còn cẩn thận đem theo gậy leo núi để dò chỗ nào an toàn mà bước lên, đem theo phao đeo vào người để lỡ có sụp xuống nước còn nổi và đem theo dây dù để kéo lên nữa. Hi Hi. Hy vọng sẽ không dùng đến chúng và sẽ trở về kể cho bà con nghe chứ.

Theo bước chân Nai

5 : 30 sáng chúng tôi khởi hành chạy xe một mạch tới Duluth kịp xem mặt trời mọc lúc 7 : 50. Có lần tới đây lúc sáng tinh mơ được ngắm một dòng sông mây đủ màu do hơi nước sông tạo nên đẹp lắm. Chụp vài tấm hình cho có mà cóng cả hai tay vì lạnh. (Bàn tay có mang găng nhưng vì để tiện cho việc chụp hình nên tôi đã cắt bớt mấy đầu ngón).

Đường đi đến Meyers Beach sạch sẽ không có tuyết và vắng xe. Đến nơi lúc 9 : 30 parking chẳng có ai. Chúng tôi tới được vài phút thì có xe của police khu này chạy đến, nghía chúng tôi một chút rồi chạy đi mất. Thấy chỗ cầu thang đi xuống bãi biển có để bảng là Ice Caves chưa an toàn để đến nhưng chúng tôi mặc kệ, họ chỉ bảo không an toàn chứ đâu có cấm. Không sao ! Lỡ bị chết mình cũng không kiện họ đâu !

Chúng tôi choàng phao nổi vào bụng, nhét dây dù vào túi, cầm túi ủ nóng trong lòng bàn tay rồi đeo găng ra ngoài. Cần nhất bàn tay cho ấm vì hay chụp hình quay phim dễ bị cóng lắm. Mũi miệng bịt kín cho khỏi hít hơi lạnh vào trông hai đứa giống như khủng bố ISIS. Mỗi đứa đeo một ba lô trong có nước, túi ủ ấm và ít kẹo ngọt để ăn trưa.

Mặt Biển Hồ đông đá tuyết trắng xóa từ rất xa gần hết tầm mắt chỉ còn thấy một đường chỉ xanh của nước tận chân trời. Một vài ụ tuyết hơi cao nhô lên chứ không chập chùng đầy dẫy như năm ngoái. Nhìn tuyết trắng xoá như vậy nhưng có lẽ nước chỉ đông cứng vài chục mét gần bờ thôi.

Chúng tôi đi dọc gần bờ và theo dấu giày mờ mờ trên tuyết mà đi cho an toàn. Hình như nhân viên của nơi này đã đi từ hôm qua hay mấy ngày trước để đo mức

đông đá của nước. Được cỡ 100 mét thì mất dấu giày, chúng tôi cứ dò dẫm trên tuyết mà đi tiếp, cũng hơi sợ vì có chỗ tuyết xốp và dày nên bị sụp chân xuống gần đầu gối tưởng bị lọt xuống nước.

Đưa chàng cái gậy dò đường đi trước, tôi theo dấu giày của chàng để lại bước lên đó theo sau. Không đi ngang hàng lỡ cùng bị sụp xuống nước không ai kéo lên. (Mà lỡ Hoàng bị lọt xuống nước không biết tôi có kéo anh chàng lên nổi không ta ?). Đôi khi tôi lơ đễnh bước trợt ra khỏi dấu giày là bị sụp chân lún xuống tuyết hoặc bị trợt mất thăng bằng té ngay. Đường đi không bằng phẳng mà đầy đá tảng và đá cuội to do cát và tuyết tạo nên rất khó đi. Tổng cộng cả ngày tôi chụp được...6 con ếch, rơi mất cái kính mát, và rớt cái đế giày cao su có gai nhọn để gắn vào giày đỡ bị trợt. Cái đế này trên đường về tìm lại được nhưng cái kính mát thì mất luôn.

Đi được một lúc chàng reo lên :

- A ! Dấu chân Nai. Tụi nó là dân bản địa chắc rành đường. Mình cứ đi theo dấu chân của nó là chắc ăn.

Vậy là chúng tôi cứ theo dấu chân Nai mà đi tới. Nó dẫn vào mấy lùm cây thì cũng chui theo vô mấy lùm cây, dẫn ra bãi đá thì theo ra bãi đá, cứ thế đi được một đoạn khá xa cho tới một con suối nhỏ thì mất dấu. Có

lẽ con Nai đã phóng qua bên kia suối chăng ? Có một khúc thân cây gãy ai đặt ngang qua suối chắc thay thế cho cây cầu nên hai đứa bám vai nhau nhích chân từng ly từ từ qua được bên kia suối. Người xưa nói vững như kiềng ba chân mà chúng tôi có đến năm cái chân lận mà. (Hai đứa tôi và một cây gậy làm sao mà té được.)

Rồi lại thấy dấu giày trên tuyết nên chúng tôi lại đi theo dấu giày cho đến một chỗ có vết nứt dài trên mặt băng thì dấu giày biến mất. Chẳng lẽ tới đây thì người ta lại quay về ? Đang đứng ngẩn ngơ suy nghĩ thì cả hai chúng tôi cùng nghe một tiếng «xào» vang lên, âm thanh nghe lạ lắm. Tôi hỏi :

- Hoàng có nghe tiếng gì lạ lắm không ?

Anh chàng gật đầu gương mặt tỏ vẻ lo lắng :

- Hình như là tiếng sóng nước vỗ vào đá nghe cái xào.

- Vậy dưới chân mình là nước sâu rồi. Tôi đoán.

Hoàng nhìn lên bờ và nói :

- Đúng rồi ! Năm ngoái mình đi bộ dọc theo bờ hồ khỏi con suối nhỏ một lúc thì hết đi được nữa vì nước rất sâu sát với vách đá. Chỗ này quá vách đá tức là mình đang đứng trên mặt nước đóng băng là cái chắc.

Rồi chàng tiếp :

- Sao không thấy bước chân người nữa mà lại có đường nứt như thế này, không biết có sao không ? Gần tới hang động đầu tiên rồi, mình tới đó xem một chút rồi quay về ! Thấy hơi ớn.

Tôi không chịu :

- Đá đông cứng như thế này làm sao mà sụp xuống nước được. Không sao đâu, bỏ công cực khổ đi tới đây xem có chút xíu tiếc lắm.

Anh chàng nghe giọng tôi mạnh dạn quá nên đi tiếp.

Có lẽ vì là ngày làm việc và cũng vì chưa an toàn để đi xem Ice Caves như thông báo nên chỉ có hai đứa tôi trên bãi biển rộng lớn băng giá này. Chàng hơi ớn sợ là đúng nhưng ngoài cái sợ hai đứa tôi đã có được cảm giác hồi hộp, thú vị khó tả khi phiêu lưu, đơn độc giữa thiên nhiên mênh mông bao la và...nguy hiểm này.

«Chưa đi chưa thấy an toàn,
Đi rồi mới thấy mình gan cùng mình»

Băng thạch nhũ !

Dọ dẫm bước thấp bước cao chúng tôi tới được một cột băng thạch nhũ rất lớn từ trên vách đá cao thòng

xuống khá đẹp. Chàng lo quay phim để làm video clip, tôi tới gần vịn nó để chụp hình. Vừa đụng nhẹ tay vào một nhánh băng thạch nhũ nó gãy và rơi xuống đất làm hai đứa hết hồn. Nếu cả cột băng nhũ rơi xuống đầu chết chắc !

Chúng tôi đi thêm chút xíu nữa vừa tới hang động băng nhũ thứ nhất thì nghe tiếng sóng vỗ vào vách đá vang lên từ dưới lớp tuyết. Hơi sợ nhưng chúng tôi tin là lớp đá đông dày và cứng sẽ là lớp nền chắc chắn không thể nào lủng hoặc bể để chúng tôi lọt xuống nước được.

Cũng có những chỗ nước chưa đông cứng mà giống như những miếng kính mỏng và nhỏ kết lại, khi bước lên nghe tiếng lạo xạo dưới chân sợ lắm.

Đa số các hang động bị sóng đưa tuyết vào và đông lại nên nền hang cao hơn trước. Lại thêm trần hang động có băng nhủ thòng xuống nên một số hang động bị nhỏ hẹp đi nhiều khó vào để chụp hình hoặc đi lòn qua như hồi chèo thuyền. Có hang tôi phải rón rén bò vào sợ đụng nhằm băng nhũ rơi xuống lủng đầu và làm mất đẹp cho những ai đến sau. Cố gắng không đụng và làm hư không gian tuyệt đẹp này dù một tí ti !

Băng nhũ khắp các vách đá và trần hang động. Chúng có nhiều hình dáng rất đặc biệt như những chùm đèn pha lê trên trần nhà hoặc như những cái lưỡi dài nhưng đa số có màu trắng trong và đục. Một số ít nhũ có màu đất và màu xanh da trời. Màu sắc của chúng không đẹp bằng màu băng nhũ ở Minnehaha Falls và lóng lánh đủ màu như người ta chụp trong Facebook năm ngoái, nhưng nó vẫn đẹp tuyệt vời. Nhất là không gian vắng lặng không một ai ngoài hai đứa tôi, cứ ngỡ như thời kỳ băng hà xưa xửa chỉ có... Adam và Eva. Hi Hi ! Nói chơi chứ ăn mặc như hai người đó thì hai tôi sẽ thành tượng người tuyết cho khách du lịch chiêm ngưỡng luôn.

Trời không được sáng sủa lắm như trong dự báo thời tiết. Nếu nắng lên rọi vào thì tuyệt biết mấy. Băng nhũ có nắng chiếu vào mới lóng lánh nhiều màu đẹp hơn. Trời cũng không có gió nên cũng không lạnh bao nhiêu mà còn thấy nóng nữa. Có lẽ vì đi bộ nhiều tiêu hao nhiều năng lượng và cũng vì mặc nhiều lớp quần áo quá. Tôi mặc đến 3 cái quần dày và...5 cái áo lận nên ấm và té không bị đau ! Và một điều nữa là Handwarmers (túi ấm giữ nhiệt) rất tốt, giữ ấm được hơn 12 tiếng đồng hồ giúp tôi không bị cóng tay.

Thình lình có tiếng máy bay và một máy bay nhỏ màu vàng bay trên đầu. Tôi thắc mắc :

- Không biết có phải họ đi tìm mình ? Người police nghía mình hồi sáng thấy cái xe của mình mà không thấy người cả buổi họ sợ có chuyện nên đi tìm mà cứu.

Chàng nói :

- Có số xe thì họ sẽ biết rõ mình là ai. Khi nào nhận bill phạt tiền đi tìm trẻ lạc thì trả thôi. Cũng đáng mà !

Ừ ! Đáng mà ! Khung cảnh quá đẹp và hiếm có đâu phải ai có tiền là xem được ! Chúng tôi đã chờ hai năm nay mới có cơ hội và phải liều mạng để đi chiêm ngưỡng ! Lại còn đi lụi vì chưa được cho phép nên cũng hồi hộp lắm. Càng kích thích ! Nói chung là đủ mọi cảm giác rất thú vị làm quên cả đói bụng. 5 tiếng đồng hồ qua cử ăn trưa rồi mà không thấy muốn ăn gì. Nhưng cũng đến lúc phải trở về vì hang động kế tiếp phải đi thêm 1 dặm nữa mới tới.

Đường trở về theo bước chân cũ nên đi nhanh hơn. Chàng vẫn đi trước nhưng cây gậy thì nhường cho tôi cầm theo sau để khỏi té nữa. Thấy anh chàng đi nhanh mà không vấp té như tôi hồi sáng nên tôi khen :

- Hoàng giữ thăng bằng hay hén. Không có cây gậy mà đi như bay !

Chàng cười :

- Sao lại nói là không có gậy ? Lúc nào cũng có mà !

Hi Hi ! Vừa đi vừa nói đùa nên chỉ mất 1 tiếng đồng hồ là về tới xe. Có bắp luộc còn nóng hổi trong nồi ủ nên uống nước luộc bắp cho ấm bụng và cạp thêm bắp rồi dọt về nhà có Lộc và bún cá chờ sẵn.

Tính ra đi bộ tổng cộng hơn 5 dặm và lang thang hết 6 tiếng đồng hồ. Lái xe đi, về là 7 tiếng rưỡi. Ngồi trên xe rục cả giò nhưng vui vì đã đạt được ước nguyện mà không bị trầy vi tróc vỏ gì cả.

Ice Caves ! Hẹn gặp lại một ngày gần đây !

Thanh Mai

Đối Diện Với Khó Khăn

Phước An Thy

Tác giả là cư dân Garden Grove, California, lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ từ 2018. Ông qua Mỹ trong một gia đình H.O. từ tháng Sáu năm 1994, vừa làm vừa học và tốt nghiệp kỹ sư điện tử. Sau đây là bài viết về nước Mỹ thứ ba của ông.

Sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975, người Việt đến Mỹ trong nhiều thời kỳ và đủ thành phần xã hội. Dù đến trước hay sau, ai cũng phải trải qua những khó khăn bước đầu nơi xứ lạ quê người, phải tiếp thu văn hoá, hòa nhập thích nghi với môi trường mới và bị trở ngại ngôn ngữ vì hầu hết tuổi đã không còn trẻ.

Ba mươi mấy tuổi, tôi mới qua Mỹ theo diện HO cùng gia đình. Tuy tôi có thuận lợi hơn một ít so với những người qua năm 1975 hay những người vượt biên những năm sau, nhưng tôi cũng có những khó khăn khác vào thời điểm lúc đó.

Sau năm 1975, gia đình tôi phải lên sống ở vùng rừng núi hẻo lánh gần hai mươi năm. Tôi không còn được đi học nên thời gian đầu mới qua Mỹ, sinh hoạt ngoài xã hội và vào làm việc trong hãng, tôi bị vài người xem

thường, chế giễu vì nói tiếng Anh sai, dáng điệu quê mùa, nhưng tôi phớt lờ, xem đó như động lực để học hành và vươn lên. Vừa học vừa làm, dần dần tôi cũng hoà nhập thích nghi với môi trường mới và có công việc ngày càng tốt hơn.

Tôi làm việc trong một hãng điện tử chuyên thiết kế và sản xuất thiết bị giao diện mạng, bộ chuyển đổi truyền thông và bộ ghép kênh được triển khai trong mạng LAN và WAN trên toàn thế giới. Hầu như những công việc trong hãng, tôi đều đã làm qua. Bắt đầu bằng những việc đơn giản trong bộ phận sản xuất, rồi lên làm kiểm tra chất lượng thiết bị, qua nhiều cấp bậc kỹ thuật viên điện tử và phụ bộ phận thiết kế sản phẩm mới.

Sau khi có bằng kỹ sư điện tử, tôi được cất nhắc làm quản lý, trông coi bộ phận kỹ thuật và sản xuất của hãng.

Ngày xếp lớn, phó tổng giám đốc, giới thiệu tôi được thăng cấp làm quản lý trước các nhân viên trong bộ phận, tôi thấy có mấy kỹ sư và vài nhân viên khác đỏ mặt. Họ có vẻ không hài lòng vì trước đây tôi cũng ngang hàng như họ mà nay tôi lại làm xếp của họ.

Sau khi nhận chức vụ mới, tôi thay đổi và phân chia công việc có khác trước một ít. Vì tôi làm lâu năm ở

đây, tôi biết từng người nên tôi tùy theo khả năng mỗi người mà giao việc. Tôi chuyển những nhân viên không thể làm những việc tỉ mỉ ra làm những công việc khác và đưa người Việt Nam làm việc cẩn thận, chu đáo vào làm bộ phận kỹ thuật.

Từ khi thay đổi như vậy, công việc của bộ phận tiến triển thấy rõ. Tuy nhiên, chỉ một thời gian ngắn, xếp lớn gọi tôi lên văn phòng vì có nhiều lời phàn nàn về việc sắp xếp lại nhân sự và công việc của tôi.

Xếp lớn hỏi tôi :

- Sao anh chia việc có vẻ phân biệt như vậy ?

Tôi trả lời :

- Họ không phân biệt tôi thì thôi sao tôi dám phân biệt họ. Tôi chỉ quan tâm đến công việc. Trước đây công việc chỉ đạt sáu mươi, bảy mươi phần trăm, nhưng bây giờ ông thấy đó, lúc nào cũng hoàn thành công việc một trăm phần trăm trước thời hạn và không bị khách trả lại hàng vì kém chất lượng.

Xếp gật gù suy nghĩ một chốc, rồi căn dặn :

- Cố gắng đừng để bị nhân viên thưa gửi với tôi nữa.

Trong thời gian này có nhiều người Việt mới qua Mỹ theo diện thân nhân bảo lãnh. Dù ở Việt Nam họ có trình độ cao như thế nào không biết, nhưng khi tới Mỹ thì việc tìm được một công việc phù hợp với bằng cấp đã học ở Việt Nam là điều rất khó. Vì vậy, đa số họ phải làm việc lao động chân tay với đồng lương tối thiểu. Nhiều người phải đi làm các việc tạm thời ở chợ, nhà hàng hay các hãng xưởng do người Việt làm chủ vì không biết tiếng Anh.

Biết tôi có thể giúp, bà con và bạn bè quen biết đã giới thiệu, nhờ tôi đưa những người Việt mới qua Mỹ vào làm trong hãng. Cũng may vào thời điểm này, hãng ký được nhiều hợp đồng với các nước ở Châu u và Châu Á hơn nên cần thêm nhân viên. Vì những người này không giỏi tiếng Anh, nên xếp lớn phải gọi tôi làm thông dịch trong các cuộc phỏng vấn. Trước đó, tôi đã giúp làm bản tóm tắc lý lịch nghề nghiệp cho từng người và chỉ cách trả lời khi phỏng vấn nên cũng tạm ổn. Về phần bài thi kiểm tra căn bản điện tử, toán cũng như tiếng Anh, tôi đã đưa sáu mươi bốn câu đáp án cho họ xem trước và cẩn thận dặn họ phải giả vờ cặm cụi làm bài, chờ gần hết giờ mới nộp mà phải để sai vài câu cho có vẻ như thật, nên ai cũng qua được phần thi này.

Sau mỗi cuộc phỏng vấn, xếp tôi thường không chịu mướn người vì họ không biết tiếng Anh. Ông ta cằn nhằn :

- Người anh đưa vào làm đã không có kinh nghiệm nghề nghiệp, mà khi tôi nói với họ, cứ như đang nói chuyện với bức tường vậy.

Tôi thuyết phục xếp :

- Họ chuyên cần, học hỏi nhanh và họ làm việc trực tiếp với tôi thì nói tiếng Việt cũng được có sao đâu.

- Vậy khi anh đi nghỉ phép, làm sao tôi nói cho họ hiểu được.

- Ông thấy, tôi không nghỉ phép liên tiếp hai, ba tuần mà thường chỉ hai, ba ngày.

Tôi năn nỉ :

- Ông cũng nên cho họ một cơ hội chứ. Nếu sau sáu tháng thử việc, ông nói mà họ không hiểu thì lúc đó cho nghỉ việc cũng không muộn mà. Tôi hứa với ông, chúng tôi sẽ làm tốt và hoàn thành đúng thời hạn các công việc được giao.

Tôi mạnh dạn hứa như vậy vì tin rằng đa số người Việt mình làm việc cần cù, chăm chỉ học hành, vả lại khi họ được vào làm rồi thì xếp cũng không đi theo từng người vì đó là trách nhiệm của tôi. Mặt xếp không vui mấy, nhưng sợ tôi buồn nên nhận những người đó vào làm.

Trước đây hãng chỉ có vài người Việt Nam, bây giờ thì đông hơn nhiều. Có nhiều người mới qua Mỹ phải làm các việc lao động cực nhọc, nay được ngồi làm trong phòng có máy điều hòa không khí, môi trường làm việc sạch sẽ, công việc nhẹ nhàng, lại được tôi đào tạo, hướng dẫn cách sử dụng máy vi tính và biết sửa chữa nhiều thiết bị điện tử nên họ mừng lắm. Để tỏ lòng biết ơn tôi, họ mua quà cáp tặng tôi vào dịp lễ lớn. Lòng tôi vui sướng vì thấy họ biết ơn mình, nhưng tôi nói với họ, đừng bao giờ làm như thế nữa.

Nếu tôi đưa những người biết tiếng Anh và đã có căn bản về điện tử hay biết sử dụng máy vi tính vào làm thì tôi ít mệt hơn, nhưng nhờ vất vả đào tạo mà giờ đây tôi mới có sự thân tình giữa họ và tôi. May là ai cũng kiên trì, chịu khó, nhất là tinh thần cầu tiến nên sau một thời gian ngắn, họ đã vượt qua khó khăn ban đầu và thạo việc một cách đáng khâm phục. Tuy vậy tôi nói với họ, đừng vì làm việc trực tiếp với tôi và chỉ nói tiếng Việt

mà quên việc học thêm tiếng Anh.

Phần đông những người Việt mới vào làm đã tích cực dấn thân với nghề nghiệp mới, nhưng cũng có mấy người nghĩ xứ Mỹ là thiên đường, khi qua đây gặp thực tế không như mong muốn nên họ thất vọng. Họ cứ than vãn, ở Mỹ buồn, sáng đi làm ở hãng, tối về bận rộn với việc nhà chẳng mấy khi được thảnh thơi, còn ở Việt Nam họ sống sung sướng hơn, công việc nhàn hạ, biết vậy ở Việt Nam cho rồi.

Những người qua Mỹ diện bảo lãnh, họ đang có nhà cửa, công việc, nhiều người được thân nhân gửi tiền về giúp nên họ có cuộc sống thoải mái hơn. Họ nghĩ rằng đi Mỹ sẽ có cuộc sống sung sướng, dễ dàng kiếm tiền vì thấy nhiều Việt kiều áo gấm về làng, xài tiền như nước. Với suy nghĩ thiếu hiểu biết như vậy, nên khi qua đây, đối diện với khó khăn họ đã không thích ứng được, nên than thân trách phận, rồi trách luôn cả thân nhân đã bảo lãnh họ sang khiến sứt mẻ tình cảm gia đình.

Tôi biết cuộc sống ở Việt Nam hiện nay đã có phần sung túc hơn so với lúc tôi chưa được đi Mỹ, nên khi nghe họ than vãn, tôi chỉ khuyên, bước đầu mới qua Mỹ ai cũng gặp phải khó khăn như vậy hết. Chịu khổ một chút, vừa học vừa làm một thời gian, khi quen cuộc sống ở đây, giỏi tiếng Anh thì mọi việc sẽ khá hơn. Sống

ở Việt Nam hay ở Mỹ, nơi nào sung sướng hơn là tuỳ ở suy nghĩ, hành động và hoàn cảnh của mỗi người.

Có một anh là kỹ sư điện tử ở Việt Nam, qua đây không rành tiếng Anh phải đi làm công việc chân tay không phù hợp với bằng cấp mà lương lại thấp, đến xin tôi đưa vào làm trong hãng.

Tôi gặp sếp lớn, nói tốt về anh ta :

- Tôi có người bạn, tốt nghiệp kỹ sư điện tử của một trường nổi tiếng ở Việt Nam, tôi muốn ông mướn anh ta vào làm vì anh ta giỏi lắm, có thể giúp tôi nhiều việc.

Xếp lắc đầu nói :

- Nhân viên của anh đủ rồi, ông chủ không cho mướn thêm người nữa đâu.

Tôi năn nỉ :

- Ông cứ thử nói với ông chủ đi.

Thấy tôi nài nỉ, xếp nói :

- Để tôi gặp ông chủ xem sao.

Tôi biết chỉ cần xếp lớn đồng ý thì ông chủ cũng đồng ý thôi, nên mấy ngày sau tôi lại phải chuẩn bị viết giúp

bản lý lịch nghề nghiệp cho anh ta, đưa câu trả lời bài thi nhận vào hãng và làm thông dịch cho buổi phỏng vấn anh ta.

Khi anh ta vào làm việc, tôi mới thấy thực tế anh ta không giỏi như lời anh ta đã nói với tôi. Tôi nghĩ chắc kỹ sư ở Việt Nam học lý thuyết nhiều và ít thực hành nên anh ta hầu như chẳng biết gì. Ngay cả cách sử dụng các thiết bị đo lường giá trị, tín hiệu dao động điện tử mà anh ta cũng không rành. Tôi phải dạy lại anh ta từ cách đọc sơ đồ mạch điện cho đến việc tìm và sửa chữa các sự cố của các thiết bị điện tử trong hãng.

Thời gian đầu, anh ta chăm chỉ học, làm việc siêng năng và rất ăn ý với tôi, nhưng khi anh ta biết rành rẽ hầu hết công việc thì có vẻ không còn phục tôi nữa. Tôi giao việc và hướng dẫn cách làm thì anh ta trề môi cười kiểu như anh ta giỏi hơn tôi, không cần tôi phải chỉ vẽ. Anh ta gặp những người không phải gốc Việt thuộc bộ phận khác, làm quen với hy vọng sẽ được chuyển lên làm công việc cao hơn. Trước mặt, anh ta vẫn nói chuyện bình thường với tôi, nhưng sau lưng, anh ta chê bai kiến thức về điện tử cũng như cách thức quản lý nhân viên của tôi với những kỷ sư và nhân viên trong bộ phận. Tôi nghe biết hết, nhưng nghĩ công việc trôi chảy tốt đẹp là được rồi.

Một hôm xếp lớn gọi tôi lên văn phòng của ông ta. Ông nói :

- Nhân viên của anh đã gửi cho tôi một bản báo cáo về những việc làm sai trái của anh. Tôi muốn xác minh những điều này.

Tôi hơi sửng sốt :

- Ông có thể cho tôi một bản sao của báo cáo đó không ?

- Tôi chỉ có thể cho anh xem mà thôi.

Đọc xong bản báo cáo ghi rõ ngày tháng về mười mấy «tội lỗi» sai sót của tôi do anh ta viết, tôi mỉm cười nói với sếp :

- Tôi sẽ giải thích tất cả với ông và anh ta cùng một lúc.

May là tôi nhớ và luôn ghi chép hết công việc hằng ngày nên những việc mà anh ta cho rằng tôi làm sai nguyên tắc, không theo thủ tục kiểm tra bình thường đều không đúng.

Trong cuộc họp tay ba, gồm xếp lớn, tôi và anh ta, tôi giải thích, trả lời từng vấn đề mà anh ta tố cáo tôi. Tôi đưa ra ngày giờ làm và chuyển hàng đi nước nào, theo

lệnh của ai, theo yêu cầu đặt hàng không bình thường của khách hàng nào. Tôi giao việc cho anh ta và những người khác trong phòng làm đúng theo ý của cấp trên và khách hàng, nhưng anh ta không biết, tưởng tôi tự ý làm như thế.

Sau khi nghe tôi giải thích cụ thể từng vụ việc, xếp lớn xác nhận tất cả đều đúng. Xếp nói với anh ta :

- Anh có điều gì cần nói thêm không ?

Có vẻ ấm ức, anh ta tiếp tục kê khai thêm các lỗi khác của tôi. Vì anh ta viết tiếng Anh thì được, còn nói thì xếp lớn không hiểu nên xếp bảo tôi thông dịch lại. Thế là tôi phải thông dịch những lời kết tội tôi. Sau mỗi câu thông dịch lời anh ta kể tội tôi, tôi lại phải giải thích điều anh ta nói là không đúng bằng tiếng Anh cho xếp và bằng tiếng Việt cho anh ta. Vì cuộc họp phải thông dịch qua lại bằng hai thứ tiếng nên mất cả nửa ngày trời mới xong. Kết thúc, xếp lớn nói với anh ta :

- Xếp của anh giao việc, anh cứ làm theo, nếu có sai sót đó là trách nhiệm của xếp anh.

Sau đó xếp lớn hoà giải :

- Mọi sự hiểu lầm này phải bỏ qua và cùng nhau làm việc vui vẻ.

Xếp lớn hỏi thêm anh ta :

- Anh còn có thắc mắc gì nữa không ?

Anh ta đỏ mặt, lắc đầu. Tôi nói :

- Tôi chỉ quan tâm tới công việc chung, còn chuyện cá nhân tôi không để tâm.

Hôm sau xếp lớn gọi tôi lên văn phòng, ông nói :

- Bạn của anh không tốt, anh đưa vào làm mà nó tìm cách hại anh như vậy thì không nên giữ lại. Tìm người khác thế vào, tôi ủng hộ anh.

- Cám ơn xếp, để tôi xem lại.

Tôi phớt lờ ý kiến của xếp lớn vì nghĩ anh ta cũng có gia đình, vợ trẻ, con thơ như mình và lại mới qua Mỹ chưa ổn định, nếu sa thải anh ta thì cuộc sống gia đình của anh ta chắc sẽ khốn đốn.

Mấy ngày sau, thấy tôi không trả lời, xếp lớn hỏi tôi :

- Việc sa thải anh ta, anh nghĩ sao ?

Tôi nói với sếp :

- Hãy cho anh ta cơ hội sửa sai.

Xếp còn hỏi tôi thêm mấy lần nữa vì sợ sẽ có rắc rối về sau. Tôi xin xếp cho thêm thời gian, xem anh ta có sửa đổi hay không.

Tôi giận và buồn mất mấy ngày. Tôi giận vì anh ta đã âm thầm thu gom những điều không đúng về tôi để tố cáo với sếp lớn. Tôi buồn vì thấy tình cảm giữa tôi và anh ta bị sứt mẻ. Tôi suy nghĩ nhiều về việc tại sao anh ta lại tố cáo tôi với xếp lớn như vậy. Phải chăng vì tôi muốn hoàn thành công việc nên có hối thúc và khi giao việc có thể lời nói của tôi thiếu tế nhị với anh ta, hay vì mới qua, anh ta vẫn còn tư duy lề lối làm việc theo kiểu trong nước chăng.

Sau sự việc đó, anh ta trở lại vui vẻ với tôi, làm việc chăm chỉ hơn. Anh ta hỏi tôi những việc thuộc trách nhiệm của tôi, nhưng tôi nói, anh không cần biết những việc cấp trên giao hay khách đặt hàng, chỉ cần anh biết việc của anh là đủ rồi. Nghe vậy mặt anh ta hơi tái đi.

Có mấy nhân viên trong phòng báo cho tôi biết, anh ta thường gây ra nhiều vấn đề nơi làm việc để đổ lỗi cho tôi và đang lôi kéo họ, lập phe để đấu hất tôi ra khỏi công việc của tôi.

Nhiều đêm tôi khó ngủ vì buồn về việc đi làm chung với nhau mà anh ta lại đối đầu, đấu với tôi như vậy. Trước tôi đã có hai người quản lý bị đuổi việc vì chậm trễ việc giao hàng và có nhiều sai sót khiến hãng bị mất nhiều khách hàng, nhưng từ khi tôi đảm nhiệm công việc này thì may mắn chưa bị khách trả hàng lại lần nào nên cũng không còn quan tâm nhiều đến việc anh ta sẽ hại tôi nữa.

Tôi tin mình làm việc với lương tâm ngay thẳng, rõ ràng, không làm gì sai trái vượt ra khỏi quyền hạn của mình và nhất là công việc trôi chảy tốt đẹp thì không có ai hại mình được. Tuy vậy, tôi vẫn yêu cầu những người trong bộ phận cố gắng hơn trong công việc, đừng để sai sót vì đây là cuộc sống của họ và tôi, nơi mình kiếm tiền để nuôi sống gia đình.

Nhiều người làm xong công việc hằng ngày của mình, họ thường ngồi nhắm mắt thiếp ngủ, có người chơi với phone tay, lên mạng xem tin tức, mở nhạc Việt, nhạc cải lương ra nghe. Tôi thấy, nhưng không nói gì vì tôi nghĩ họ làm xong việc là tốt rồi và nếu nơi làm việc vui vẻ, không quá nhiều áp lực thì nhân viên sẽ làm việc hăng hái hơn.

Mấy tháng sau, xếp lớn lại gọi tôi lên :

- Lần này anh ta không chỉ làm báo cáo một mình mà còn có người khác nữa.

Xếp đưa bản báo cáo dài ba trang, có chữ ký của anh ta và một kỹ sư khác trong bộ phận cho tôi đọc.

Tôi ngạc nhiên vì mới vừa qua, trong buổi tiệc cuối năm của hãng, tôi đã mừng khi anh ta ngồi nói chuyện với tôi một cách bình thường như không có chuyện gì xảy ra. Đọc bản báo cáo của anh ta, tôi càng ngạc nhiên hơn vì anh ta tố cáo «tội lỗi» của tôi thì ít mà của những đồng nghiệp làm chung trong bộ phận thì nhiều. Có lẽ anh ta muốn chứng minh, tôi không có khả năng quản lý nhân sự và công việc.

Lần này xếp lớn gặp riêng từng người một để nghe sự trình bày của mỗi người rồi mới họp chung. Khi gặp riêng tôi, xếp nói :

- Tôi muốn hỏi gì thì anh ta cứ lấy bản báo cáo in sẵn ra đọc. Có thể anh ta không hiểu lời tôi nói.

- Tôi có thể làm rõ những điều trong bản báo cáo đó.

Xếp lớn xua tay :

- Hãy giải thích trong cuộc họp chung luôn.

Cuộc họp lần này có xếp lớn, tôi, anh ta, người kỹ sư đồng ký tên trên bản báo cáo và một phó tổng giám đốc khác. Vì đã có sự đề phòng nên những báo cáo liên quan đến công việc, tôi đều có chứng cứ cho thấy tất cả những điều anh ta đưa ra là hoàn toàn bịa đặt. Còn việc tôi nhờ một nhân viên làm hư hỏng vài thiết bị tốt, giao cho bộ phận hỗ trợ kỹ thuật khách hàng để trình bày cho khách hàng những sự cố có thể gặp là lệnh của xếp lớn. Anh ta báo cáo là tôi toàn đưa người nhà vào làm trong hãng, thực ra chỉ có vài người bà con xa, không có ai là thân nhân trực hệ trong gia đình tôi và điều đó hãng không cấm. Còn đưa bạn bè vô làm là bình thường vì nếu không quen biết làm sao tôi dám tin tưởng mà đưa họ vào làm trong hãng và anh ta cũng là bạn bè của tôi vậy.

Việc anh ta đưa hình ảnh, video kèm theo bản báo cáo cảnh anh ta quay, chụp những người ngủ trong giờ làm việc, tôi biện hộ cho họ, đôi khi họ nhắm mắt lại chỉ vì phải nhìn kính hiển vi, sửa chữa thiết bị dưới ánh đèn phóng lớn của kính lúp suốt cả ngày nên họ cần nhắm mắt đôi phút để khỏi mỏi mắt chứ không phải ngủ trong giờ làm việc. Đối với tôi, họ làm việc rất tốt vì nếu ngủ, làm sao họ có thể hoàn thành công việc vượt hơn cả sự yêu cầu. Rồi những việc lặt vặt như tôi bao che những người nói chuyện, mở nhạc lớn, nhân viên

lấy giờ giải lao dài hơn sự cho phép... Nói chung tất cả những phản ánh của anh ta đều sai sự thực hoặc không phải là chuyện lớn.

Sau khi nghe sự trình bày bằng hai thứ tiếng Anh, Việt để ai cũng hiểu và xem những tài liệu của tôi phản bác lại những điều trong bản báo cáo của anh ta, anh ta xin rút lại bản báo cáo. Còn người kỹ sư đồng ký tên, đã xin lỗi tôi và cũng xin rút lui chữ ký trong bản báo cáo.

Hôm sau, tôi viết một bản báo cáo gửi cho xếp lớn, rằng tôi luôn giữ sự hợp tác của chúng tôi trong phòng kỹ thuật do tôi phụ trách. Là một nhân viên có trách nhiệm, tôi luôn quan tâm đến công việc và tạo điều kiện cho các nhân viên khác trong bộ phận, nhờ đó mà tất cả các công việc đều được hoàn thành tốt đẹp. Cho đến nay, tôi thấy các nhân viên trong phòng đang làm việc rất tuyệt, không như những gì mà bản báo cáo của anh ta đã nêu ra. Tôi sẵn sàng nghe sự góp ý để thay đổi nếu sự góp ý đó làm cho bộ phận kỹ thuật tốt hơn, nhưng tôi không chấp nhận với việc anh ta lôi kéo các nhân viên khác tạo nên sự chia rẽ và làm báo cáo đưa ra những vấn đề sai sự thật. Anh ta làm báo cáo này, chỉ cố tạo ra những vấn đề, những sai lầm của tôi và những nhân viên khác với hy vọng anh ta có thể có được một công việc tốt hơn. Tôi luôn giữ gìn sự hoà thuận giữa các

nhân viên cũng như tạo điều kiện để họ làm việc hiệu quả, nên tôi sẽ rất vui nếu xếp có thể chuyển anh ta lên làm một công việc tốt hơn, ở một bộ phận cao hơn như anh ta mong muốn.

Xếp gọi tôi lên, nói :

- Tôi biết anh và anh ta như thế nào, nên tôi không thể đưa anh ta vào làm ở bộ phận khác vì trình độ, năng lực của anh ta và dù làm ở bộ phận khác, anh ta cũng sẽ gây rắc rối.

- Vậy ông muốn tôi làm gì với anh ta.

- Anh nên để anh ta nghỉ việc.

- Tôi đã dạy anh ta cách sửa chữa và kiểm tra nhiều sản phẩm mới nên anh ta có thể làm nhiều công việc mà những người khác chưa làm được. Bây giờ phải đào tạo lại một người mới thì mất rất nhiều thời gian. Thôi, hãy cho anh ta thêm một cơ hội nữa.

Xếp lớn nói :

- Tuỳ anh, nhưng tôi thấy ý đó không hay.

Tôi đã yêu cầu những nhân viên khác không được nói chuyện ồn ào nữa, nếu muốn nghe nhạc hay tin tức thì phải dùng dây đeo tai để khỏi làm phiền anh ta cũng như người khác. Tôi cố gắng hoà nhã hơn với anh ta để mong níu kéo tình cảm cũng như công việc được trở lại như thời anh ta mới vào làm.

Tuy nhiên, anh ta không muốn làm việc chăm chỉ nữa, trong ngày anh ta dùng nhiều thời gian hơn để thư giãn. Để phản đối tôi, anh ta không chịu học những sản phẩm mới và lấy nhiều ngày bệnh hoặc nghỉ phép một cách bất thường. Vì có nhiều công việc tôi chỉ đào tạo riêng cho anh ta nên khi anh ta nghỉ như vậy cũng gây ít nhiều khó khăn trong phòng kỹ thuật. Tôi nói với anh ta, anh làm như vậy là gây khó cho tôi, cho công việc chung của bộ phận, nhưng anh ta không để ý đến lời tôi, vẫn làm việc lơ là và thường xuyên nghỉ phép một cách đột ngột.

Không thể làm cho anh ta thay đổi cách làm việc, tôi đành phải làm bản báo cáo với sếp lớn. Xếp gọi luật sư của hãng để bàn thảo, xem xét việc đuổi anh ta. Tôi xin, hãy cho anh ta nghỉ việc chứ không phải bị đuổi. Cùng lúc đó ở những bộ phận khác cũng muốn cho vài người nghỉ vì có ít việc hơn, nên hãng cho nghỉ việc một lúc mấy người trong đó có anh ta.

Từ lúc anh ta nghỉ việc, những người theo phe anh ta, nhưng không chịu đồng ký tên trong bản báo cáo, họ không còn ngấm ngầm chống đối tôi nữa. Tuy công việc trong bộ phận có chậm lại một chút vì thiếu mất một người và phải đào tạo người khác thay thế anh ta, nhưng chỉ một thời gian ngắn, công việc đã trở lại bình thường.

Nếu bây gặp anh ta ngoài đường, chắc anh ta sẽ không thèm nhìn mặt tôi, nhưng tôi không quan tâm đến điều đó. Điều làm tôi nghĩ nhiều và lòng thấy bứt rứt là tôi đã không giữ được một tình bạn. Tôi thấy áy náy khi nhìn tấm hình chụp chung các nhân viên, nhớ lại lúc anh ta mới vào làm có đưa vợ con tới nhà tôi chơi để kết tình thân ái, nhớ những buổi tiệc trong hãng có anh ta và những kỷ niệm vui buồn trong thời gian cùng nhau làm việc.

Tôi mừng khi hay tin, sau thời gian hưởng tiền thất nghiệp, anh ta đã tìm được việc làm khác. Tôi mong, anh ta sẽ nhận thức, có sự suy nghĩ đúng đắn về cách làm việc khi sống lâu ở đây. Ở Mỹ muốn thăng tiến trong công việc không phải nhờ sự liên hệ, quen biết hay phe phái, mà nhờ vào chính năng lực của bản thân, nỗ lực làm việc và học hỏi không ngừng.

Những người qua Mỹ sau, tất nhiên là có sự khó khăn, nhưng những người qua Mỹ trước cũng đã phải trải qua một thời gian dài phấn đấu vất vả mới có thành công như hôm nay. Tôi hy vọng với sự thất bại trong hãng này sẽ là động lực cho anh ta dấn thân tiến bước, chứ đừng vì đó mà trở thành thất chí.

Nước Mỹ là nơi mà tất cả mọi người đều có cơ hội thăng tiến như nhau, nơi có những điều kiện tốt nhất để thực hiện ước mơ của mình.

Phước An Thy

Saigon 68 Và Ông Sáu Lèo

Capvanto

Capvanto là một bút hiệu khác của Philato, có lẽ do lối viết cách điệu từ Tô Văn Cấp, tên thật tác giả. Ông sinh năm 1944, từng là một đại đội trưởng thuộc TĐ2/TQLC, đơn vị có biệt danh Trâu Điên. Với nhiều bài viết giá trị, ông đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Bài viết mới của ông là một hồi ức về trận chiến năm Mậu Thân, khi Đại Đội TQLC do ông chỉ huy được biệt phái theo tướng Nguyễn Ngọc Loan trong trận chiến Mậu Thân tại Saigon 1968.

Khoảng trung tuần Tháng 6/2017, cựu Đại Úy Nguyễn Quang... chánh văn phòng Thiếu Tướng Tư Lệnh Binh Chủng TQLC/VN gọi điện thoại cho tôi báo cho biết có toán truyền hình người Mỹ muốn tìm hiểu thêm về việc Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan bắn tên đặc công VC Bảy Lốp vào dịp Tết Mậu Thân 1968 tại Chợ Lớn, anh nói :

- Trường đại học Mỹ ở Texas (Briscoe Historical - University of Texas) tài trợ cho Mr Douglas Sloan cùng một toán chuyên viên truyền hình để quay cuốn phim «Saigòn 68,» họ đang tìm những TQLCVN đã tham dự trận đánh ở Chợ Lớn trong Tết Mậu Thân 1968, để hỏi

về vụ Tướng Loan bắn tên VC Bảy Lốp, vậy anh có muốn «đóng phim» không ?

- Lại truyền thông Mỹ ! Khi còn sống Ông Tướng đã bị truyền thông và phản chiến Mỹ phê bình và phản ứng gay gắt về bức hình này rồi, nay ông đã mất, họ cần gì nữa, hay lại muốn đóng thêm cái đinh vào quan tài của ông ?

- Không phải đâu, họ muốn tìm hiểu thêm sự thật để trả lại công bằng cho Ông. Tôi nghĩ anh nên tham gia, ít nhất cũng cần một vài tiếng nói của chúng ta, những TQLCVN đã chứng kiến hoặc biết ít nhiều về vụ này. Tôi sẽ giới thiệu anh với cô Thúy Lan, một người trong toán quay phim và cũng là thông dịch viên, nếu anh muốn.

Chuyện Ông Sáu Lèo bắn tên đặc công VC Nguyễn Văn Lém (tự Bảy Lốp) bị phóng viên Adams chụp hình đã qua nửa thế kỷ rồi (1968-2017), truyền thông và phản chiến Mỹ đã làm Ông Sáu Lèo «lao đao» khi còn sống, lúc Ông Sáu qua đời, ông Adams gởi vòng hoa phúng điếu đến cho gia đình Thiếu Tướng Loan, với lời xin lỗi chân tình :

«Tôi xin lỗi ông. Nước mắt đang dâng tràn trong mắt tôi».

Khi còn sống Ông Sáu giữ im lặng trước làn sóng phê bình chỉ trích, ngày nay Ông đang ở trên chốn bình yên, một lời xin lỗi hay trăm lời khen chê, «một nửa sự thật», chẳng ý nghĩa gì đối với Ông, nhưng «một nửa sự thật» còn lại rất cần thiết để làm sáng tỏ thêm chính nghĩa, tính nhân bản trong công cuộc chống cộng của đồng đội ông và Quân Đội VNCH nói chung.

Nghĩ vậy tôi đồng ý với đề nghị của Quang để nói với toán quay phim Saigon 68 những gì chúng tôi nhìn tận mắt, nghe tận tai, tay sờ vào sự thật. Tôi nói với Quang :

- Nếu thế thì được, bạn nói cô Thúy Lan liên lạc với tôi và cho biết qua sự việc...

Vài ngày sau tôi nhận được email của cô Thúy Lan :

ThuyLan Phan <phanthuylanXXX@gmail.com>

To : CAP TO

Jul 20 at 9 : 24 PM

Kinh goi bac To Van Cap,

Ten cua phan dau cuon phim la Saigon - 68. Co the de ten nay, hay co the thay doi.

website : www.Saigon68.com

This is the first part of the film : https : //vimeo.xxx

Password : xxx

- Đây la ve ong Douglas Sloan : https : //xxx

- Funding, tai tro cho cuon phim tu :

1. Sundance

2. Briscoe Historical - University of Texas.

Cuon phim nay de noi len su that ve Tuong Nguyen Ngoc Loan.

Xin hen gap bac tai...

Cam ơn bac

Thuy Lan

...

Sau vài lần trao đổi thêm tin tức, tôi và anh KCC đồng ý gặp Cô Thúy Lan, ông Douglas Sloan và toán chuyên viên quay phim tại văn phòng của người «nổi tiếng» Võ Đức Văn. Trong buổi tiếp xúc sơ khởi này ông Douglas và cô Thúy Lan xác định mục đích... và trao đổi với chúng tôi những công việc làm cho buổi quay phim chính thức. Ông Douglas cũng yêu cầu chúng tôi

giới thiệu cho gặp thêm những Thủy Quân Lục Chiến có liên quan... nhất là «người trong hình» (tức là Tr/Tá TĐT/TĐ2/TQLC có mặt trong tấm hình khi Tướng Loan bắn Bảy Lốp)

Sau khi được biết mục đích của cuốn phim là tìm hiểu sự thật để trả lại công bằng cho Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan thì chúng tôi nhận lời sẽ tham dự buổi phỏng vấn quay phim. Còn việc Thúy Lan và Douglas muốn gặp «người trong hình», tức Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/TQLC thì hơi khó, bởi vì ông đang tu tại gia.

Những TQLC có thể cung cấp thêm sự thật về bức hình và Tướng Loan gồm có :

- Tr/Tá NVĐ...Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2/TQLC, (người trong hình bên phải, đội nón sắt). Hiện nay ông ở San Jose», nhưng sau khi hiền thê qua đời, ông đã tu tại gia, không tiếp xúc với ai cả.

- Th/Úy KCC... Đại Đội 4/TĐ2, người bắt được Bảy Lốp từ trong chùa Ấn Quang chạy ra.

- Tôi, Đại đội trưởng Đại Đội 1/TĐ2, được biệt phái đi theo Tướng Loan.

- Th/ÚyHVQ... ĐĐ1/TĐ2. Nhưng Q. đang bị bệnh, nói năng khó khăn không tham dự được.

(Xin mở ngoặc ở đây : Khi biết HVQ... bị bệnh, ông Douglas, cô Thúy Lan cùng đi với cựu Đại Tá Trần Minh Công đã đến thăm Q... tại nhà. Một nghĩa cử đẹp của phái đoàn khiến tôi thấy cần nói thay cho Q..., vì Q... là trung đội trưởng của tôi).

Trong ngày quay phim tại chùa BQ, tôi được biết có thêm Ông B.. một phi công đã từng bay ra Bắc... với Tướng Loan, và Anh Sáu Trần Minh Công (cựu Đại Tá Cảnh Sát, một cộng sự viên đắc lực và luôn đi sát với Tướng Loan).

Mặc dầu buổi quay phim chỉ có 3 «diễn viên» nhưng chuyên viên thì gần 10 người, máy quay quá nhiều, họ làm việc hết sức cẩn thận, điều chỉnh từng chi tiết về âm thanh, ánh sáng, cho đến cả thế ngồi và động tác của «diễn viên». Đây là lần đầu tiên trong đời tôi được người đẹp (Cô Thúy Lan) đánh phấn tô son gương mặt sao coi cho được trước ống kính khiến tôi ngượng chín người.

Buổi quay phim kéo dài trong nhiều giờ, từng người riêng biệt nên tôi không rõ Ông B, Anh Sáu Công nói những gì và bằng ngôn ngữ nào, nhưng với tôi, vốn

liếng tiếng Mỹ đong không đầy bàn tay, chỉ đủ giao tiếp hằng ngày, còn trình bày vấn đề quan trọng này thì tôi xin nói bằng tiếng Việt và cô Thúy Lan dịch lại cho Mr Douglas nghe.

Đã từ lâu tôi muốn kể chuyện «Mậu Thân và Ông Sáu Lèo», kể từ đầu tới đuôi, nhưng chưa có cơ hội, nay nhân dịp truyền thông Mỹ, Ông Douglas muốn biết thì bao nhiêu chất chứa bấy lâu nay như tự động tuôn ra, không cần suy nghĩ không cần đắn đo. Tôi nói như đang nhìn thấy khói lửa mịt mù Mậu Thân 68 ở khu vực chùa Ấn Quang Chợ Lớn, như nhìn thấy Ông Sáu Lèo và Bảy Lốp, tai như đang nghe đạn nổ đì đùng. Nhiều lúc cao hứng, tôi vừa nói vừa vung tay khiến Ông Douglas Sloan ngơ ngác vì cô Thúy Lan phiên dịch không kịp, nên Ông Douglas thường ra dấu cho tôi «Stop talking» để ông đặt câu hỏi.

Vì quay phim nên mọi động tác phải phù hợp với chuyên môn và thời gian nên họ stop tôi là đúng, nhưng đối với tôi thì đây lại là một trở ngại lớn khiến tôi không nói được hết những điều cần phải nói, thôi thì tôi đành phải viết ra giấy kể đầu đuôi để tường trình cùng độc giả và may ra góp thêm được chi tiết nào có thể trả lại sự công bằng cho Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan.

Trước tin, xin trở lại chuyện của 50 năm trước. Đêm giao thừa Tết Nguyên Đán Mậu Thân 1968, VC vi phạm lệnh hưu chiến, tung quân tấn công nhiều thành phố miền Nam VN, trong đó có Sài Gòn !

Sáng Mồng Một Tết, Tiểu đoàn 2 TQLC được trực thăng Chinook bốc từ Cai Lậy rồi đổ quân xuống ngay sân cờ của Bộ Tổng Tham Mưu (BTTM). Sau một ngày, một đêm giải tỏa xong các toán đặc công VC xâm nhập vào BTTM, Tiểu đoàn 2 TQLC được tăng cường cho Tổng Nha Cảnh Sát, dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan để thanh toán VC đang chiếm khu vực chùa Ấn Quang.

Khi chúng tôi đến nơi thì thấy súng nổ giữa Cảnh Sát Dã Chiến và VC, khói lửa ngút trời, đồng bào đang tìm cách thoát ra khỏi vùng lửa đạn. Trong tình trạng hoảng loạn, họ mang theo bất cứ thứ gì có thể cầm tay như manh chiếu, cái chổi, cái nồi... Trong khi ấy thì tài sản quý nhất của đồng bào là mạng sống con người thì đã bị VC cướp mất. Đó đây, những xác người nằm bên vũng máu !

Đại Đội 1 của tôi và Đại Đội 4 của Đại Úy Vũ Đoàn Dzoan được lệnh bao quanh khu vực các con đường Bà Hạt, Vĩnh Viễn, Trần Nhân Tôn, Minh Mạng, Nguyễn Tri Phương v.v.. để xiết chặt vòng vây quanh chùa Ấn

Quang, nơi VC cố thủ.

Vì khu vực đông cư dân nên chúng tôi không được phép dùng pháo binh hay không quân mà chỉ có vũ khí cá nhân để tiến vào nơi địch đang cố thủ trong những căn nhà kiên cố nên đành «chấp nhận thương đau», vài đồng đội đã nằm xuống ! Sau nhiều giờ kiên trì kêu gọi địch đầu hàng và dùng lựu đạn cay, lựu đạn khói (không sát thương, nhưng cay mắt, khó thở) khiến toán VC trong chùa Ấn Quang buộc phải nhảy qua tường bỏ trốn.

Trung Đội 41/ĐĐ4 của Th/Úy KCC đã bắt được vài tên, trong đó có một tên mang súng lục K54 (loại súng của cấp chỉ huy), trong người hắn còn dấu bản đồ có vẽ những vị trí quan trọng trong thành phố Saigon cần phải đánh. Biết đây là tên chỉ huy nguy hiểm, từng gây nhiều chết chóc khu vực chùa Ấn Quang và sẽ còn những nơi khác nữa nên Th/Úy KCC vội giải giao hắn lên Ban 2 Tiểu Đoàn và Tr/Tá TĐT/TĐ2 giao tên này cho Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan, đang chỉ huy cuộc hành quân tại đây, để kịp thời điều tra ngăn chặn âm mưu đánh chiếm của chúng ở những nơi khác. Gã chỉ huy này chính là tên đặc công khủng bố Nguyễn Văn Lém, tự Bảy Lốp. Hắn đã bị Tướng Loan bắn.

Biết tôi có mặt tại chỗ khi nội vụ xảy ra, Ông Douglas hỏi tôi :

- Vì sao Ông Loan lại bắn Bảy Lốp khi hắn đã bị bắt, ông có thấy không ?

Tôi hiểu ý Ông Douglas muốn tìm một sự thật rõ ràng trong vụ này để trả lại «công bằng» cho Tướng Loan nên tôi cũng phải nói thật, không vì bênh vực cho ai mà nói sai tình hình tại chỗ lúc đó.

Khi Trung Tá NVĐ, Tiểu Đoàn Trưởng TĐ2 TQLC giải giao Bảy Lốp cho ông Tướng, tôi đứng trong đám đông xung quanh, đang nói chuyện với anh Trương Tấn Bảo, nhiếp ảnh gia phòng Giảo Nghiệm của Tổng Nha Cảnh Sát. Bảo là người luôn đi theo Ông Tướng để chụp hình thời sự.

Tôi bảo Ông Douglas rằng việc dí súng dọa bắn một tù binh để khai thác tin tức là chuyện bình thường nơi chiến trường, nhưng thường thì cũng chỉ là dọa thôi. Vì vậy, khi nghe tiếng súng nổ ai nấy đều ngạc nhiên giật mình. Quay lại, mọi chuyện đã xong. Sự việc xảy ra quá nhanh, nhanh như một tai nạn. Hầu như mọi người chưa kịp hiểu diễn tiến nội vụ, nhưng chẳng bao giờ có cái vụ : «Ông Loan mời báo chí đến chứng kiến phiên tòa xử tội...» như một số cây viết tưởng tượng ra cho có

vẻ lâm ly bi đát, tàn ác dã man kiểu «tòa án nhân dân».

Sự thật chỉ là một tiếng nổ bất ngờ và một người ngã xuống như hằng chục anh em TQLC của tôi ngã xuống, như hằng trăm người dân ngã xuống giữa hai làn đạn giao tranh trong đó có nhiếp ảnh gia Trương Tấn Bảo.

(Xin xem hình anh Bảo ngồi vespa với máy hình).

Khi VC tấn công Sài Gòn đợt hai, sáng 28/5/68, chúng xâm nhập vào cư xá Phú Lâm A, nơi anh chị Bảo cùng «Ngũ Long Công Chúa» cư ngụ, anh vội bảo chị và các con lánh nạn vào nhà thờ trên đường Lục Tỉnh, còn anh ở lại... Khi im tiếng súng, chị và các con trở về nhà thì thấy Anh Bảo nằm trên vũng máu, hai tay bị trói, vết đạn ở cổ họng, ở bụng, máy hình bể nát bên cạnh xác anh !)

Cùng cầm máy ảnh, nhiếp ảnh gia Adams được giải thưởng Pulitzer, được nổi tiếng vì chụp hình Ông Loan bắn gã đặc công khủng bố Bảy Lốp, còn nhiếp ảnh gia Trương Tấn Bảo chưa chụp được hình các đồng chí của Bảy Lốp, đoàn quân «Giải Phóng» thì anh bị phỏng... và «được» giải là 2 viên kẹo đồng của VC, kèm theo nước mắt cùng những tiếng nấc nghẹn của vợ con ! Nỗi kinh hoàng đó nào ai hay ai biết. Hai nhiếp ảnh gia, một vinh quang vì tấm hình. Còn một thì nằm xuống, để lại

niềm đau kéo dài mãi, bám theo những người thân yêu của Anh Bảo cho tới ngày nay !

Mỗi tấm huy chương «đều có hai mặt». Nếu nhìn phía trước tấm hình rồi hỏi : «Vì sao Ông Loan bắn Bảy Lốp» thì cũng nên lật «phía sau» tấm hình rồi hỏi : Vì sao Bảy Lốp có mặt tại Sài Gòn, mang K54 vào chùa ngày Tết Nguyên Đán ? Hỏi vậy, sẽ thấy câu trả lời giản dị :

- Vì hắn là một tên khủng bố, không phải là một tù binh chiến tranh.

- Vì sao trong giờ phút thiêng liêng của dân tộc Việt đang đốt pháo, dâng hương, cúng tế tổ tiên ông bà thì súng VC nổ thay pháo, VC đốt nhà thay đốt nhang, thay vì con cháu mời tổ tiên về thì con cháu lại xách quần áo chạy giặc ?

- Vì sao 10 người trong gia đình Trung Tá Nguyễn Tuấn gồm ông bà cha mẹ con cháu đang quây quần bên mâm cơm ngày Tết trong một trại gia binh thì bị đồng chí của Bẩy Lốp cắt cổ, chỉ một bé trai thoát chết ? Bé trai, con ông Tuấn ngày ấy, nay đang là một quân nhân trong quân đội Hoa Kỳ, đó là một nhân chứng sống cho sự thật mà Ông Douglas có thể tiếp xúc dễ dàng.

Xin mang lên bàn cân, một bên xác hàng ngàn dân vô tội và một bên Bảy Lốp rồi trả lời những câu hỏi «vì sao» ở trên thì mới chính xác và công bằng.

Sau khi giải tỏa xong khu vực chùa Ấn Quang và vụ Bảy Lốp, TĐ2/TQLC được lệnh biệt phái một đại đội cho Tổng Nha Cảnh Sát. Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng chỉ định tôi dẫn ĐĐ1 đi theo Ông Sáu.

Thú thật là tôi không thích nhiệm vụ này chút nào, thà đi hành quân với tiểu đoàn còn hơn bị biệt phái. Kinh nghiệm cho biết mỗi khi bị biệt phái đến nơi nào thì nơi đó họ «hành» quân (biệt phái) chết bỏ, nay lại phải dẫn quân chạy theo Ông Tướng Cảnh Sát, Ông chạy đi đâu là TQLC phải «chầu» theo đó khiến tôi chán vô cùng ! Ông chạy như con thoi, «nơi nào cần thì Ông có, nơi nào khó có Ông». Ông mặc áo giáp phanh ngực, đầu không nón sắt, vác cây súng đúng tác phong của một chú lính «ba gai».

Ông nhẩy lên xe jeep cùng CSDC chạy trước, 4 xe GMC chở anh em TQLC chúng tôi theo sau, chạy lung tung khắp nơi, khi Ông đến điểm nóng nào đó thì tôi phải cho quân xuống xe ngay để bố trí chuẩn bị... thế rồi vù một cái, Ông lại lên xe jeep chạy đi, nhiều khi chúng tôi theo không kịp, lại phải liên lạc tới lui khiến tôi bực mình.

Một buổi xế trưa đầu Tháng 5/1968, Ông dừng xe tại ngã ba đường Nguyễn Du và Công Chúa Huyền Trân (đường phía sau Dinh Độc Lập), Ông gọi tôi đến đưa tay chỉ cái «biu-đinh» cao khoảng 8 tầng, đang xây dở dang, nằm ngay bên hông Dinh Độc Lập, tại góc đường Nguyễn Du và Nguyễn Trung Trực, Ông nói :

- Trong cái biu-đinh kia còn một toán VC mà CSDC của «moi» chưa thanh toán được, liệu «toi» có thể giúp «moi» giải quyết được không ? Điều quan trọng nhất là làm sao bắt sống được tụi nó.

Ông là cấp Tướng chỉ huy, tôi là cấp Úy biệt phái, lệnh Ông ra là tôi phải thi hành, nhưng kết quả đạt được như thế nào còn tùy thuộc vào tình hình «địch, bạn». Địch chưa biết, nhưng «bạn» thì có CSDC... Ông Tướng Cảnh Sát lại thân mật «toi-moi», thay vì chỉ tay 5 ngón ra lệnh, Ông hỏi ý kiến thân tình : «Liệu toi có thể giúp moi...» nên tôi cảm thấy vui vui, cần phải nghĩ cách «giúp» Ông.

VC cố thủ trên biu-đinh cao tầng ngó vào ngay Dinh Độc Lập thì nhức nhối và nguy hiểm quá. Các anh CSDC đã cố gắng hết mình mà chưa chiếm được lại còn bị tổn thất nên Ông Tướng mới dùng TQLC giúp. Tiêu diệt thì dễ nhưng cái khó là Ông yêu cầu phải bắt sống. Bắt sống VC mà lính tôi chết thì sao đây ? Nhưng

vì danh dự của «Trâu Điên», của Binh Chủng, tôi phải cố gắng. Để giảm thiểu thiệt hại tối đa, tôi trình Ông :

- Thưa Thiếu Tướng, chúng tôi sẽ cố gắng bắt sống, nếu họ muốn sống, còn nếu họ muốn chết khiến lính tôi chết theo thì đó là ngoài ý muốn. Chúng tôi đã có mặt lạ, áo giáp và khói màu rồi, xin CSDC cung cấp thêm lựu đạn cay và bao vây xung quanh..

Ông Tướng cam kết sẽ có lựu đạn cay ngay, còn bao vây thì CSDC đã xiết chặt rồi. Hơi cay và khói màu không phải vũ khí sát thương nhưng sẽ làm cay mắt, ngộp thở, vì bản năng sinh tồn, địch phải tìm cách thoát thân trừ khi chân bị xích...

Một yếu tố tâm lý hết sức quan trọng khi chúng tôi đi vào chỗ chết để bắt sống VC trước con mắt chăm chú theo dõi của Ông Tướng Cảnh Sát, của anh em CSDC và của đồng bào khiến Th/Úy HVQ... điều động trung đội tiến vào mục tiêu như đóng phim, anh em Trung Đội 14/ĐĐ1 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ : bắt sống 6 tên VC trong tình trạng ngơ ngác, lảo đảo say khói màu như say thuốc lào 888.

Ngày N/7/2017 khi gặp cựu Đại Tá Cảnh Sát Trần Minh Công tại chùa B.Q. ở Quận Cam để Mr Douglas Sloan phỏng vấn và quay phim về Thiếu Tướng Loan, tôi có nhắc lại vụ bắt sống VC này với Đại Tá Công thì Ông ngạc nhiên và thích thú nói : «Không ngờ nửa thế kỷ sau, chúng ta gặp nhau ở đây, ở Saigon Nhỏ tôi mới biết người giúp chúng tôi bắt sống toán VC ngày ấy tại Saigon Lớn lại là anh»).

VC vào thành, nhiệm vụ của CSDC và các quân binh chủng là phải hành quân giải tỏa, điều đáng chú ý ở đây là lệnh của Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan : «Bắt sống tụi nó». Điều này chứng tỏ Ông quý mạng sống của con người, dù người đó là thủ phạm gây ra bạo loạn, chiến tranh chết chóc, những người đó sẽ bắn Ông và họ đã bắn Ông !

Ông dẫn đầu mấy xe jeeps CSDC, 4 xe GMC chở TQLC chúng tôi theo sau, đoàn xe dừng lại trên đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, đoạn nằm giữa hai con đường Phan Đình Phùng (có đài phát thanh) và Phan Thanh Giản (có cây cầu xi măng bắt đầu của xa lộ Saigòn-Biên Hòa), trong khi anh em TQLC chúng tôi đang xuống xe thì Ông và mấy anh CSDC đi vào con hẻm dẫn xuống xóm nhà sàn nằm dọc bên bờ kinh, vài phút sau tôi nghe mấy tiếng «cắc-bù, cắc-bù».

Nghe «cắc-bù» là tôi biết tiếng súng của VC nên tôi vội ra lệnh cho anh em TQLC nhanh chóng dàn quân tiến vào khu nhà sàn thì cũng là lúc gặp mấy anh em CSDC khiêng Ông ra. Tôi nhìn Ông Sáu sững sờ, không thể ngờ chuyện lại xảy ra nhanh như thế đối với Ông, một vị chỉ huy cao cấp, một cấp tướng, mà ngoài chiến trường chỉ những anh em khinh binh, anh em tiền sát mới thường gặp phải.

Ông ngồi trên bốn cánh tay của hai anh CSDC đan vào nhau, máu thấm ra từ một trong hai chân thõng xuống đong đưa. Tôi biết ông bị thương vào chân, nhưng chắc không sao, bị nhẹ thôi, vì Ông không có vẻ gì là đau đớn cả.

Chúng tôi cẩn thận tiến vào và lục soát hết những căn nhà sàn dọc bờ kinh, không súng nổ, có lẽ vài tên du kích lợi dụng lúc nước con kinh dâng cao nên chúng đã lặn mất tiêu rồi, chỉ tìm thấy một tên bị thương nặng đang thoi thóp chờ chết trong một góc nhà sàn, tên này đã bị thương ở đâu đó được đồng bọn mang về đây cất giấu trước khi Ông Sáu và CSDC tiến vào lục soát.

Quân Đội VNCH đã có những vị tướng bị tử thương ngoài chiến trường khi các vị này điều động quân sĩ từ trên trực thăng, nhưng một vị tướng mà bị thương trong nhiệm vụ của một «tiền sát viên» như trường hợp của

Ông Sáu Lèo thì chưa bao giờ xảy ra, một chuyện khó tin nhưng có thật.

Chính vì khó tin nên một vài bản tin của những ông ký «giả» không tận mắt chứng kiến đã tưởng tượng ra những tình khúc lâm ly bi đát, nào là một tên VC núp dưới chân cầu Sài Gòn dùng súng có ống ngắm bắn ông, nào là một giới chức cao cấp Mỹ (CIA) từ trên trực thăng, muốn giết Ông v.v... toàn là những chuyện tưởng tượng không một chút hợp tình hợp lý, nhưng họ đã viết như thế.

Ngoài chiến trường, thành phần bị thương, tử thương nhanh nhất và nhiều nhất chính là các anh em trong tổ tiền sát, trong các tiểu đội trung đội đại đội đi đầu. Ông Sáu Lèo là Tư Lệnh Cảnh Sát cứ phoong-phong dẫn đầu toán CSDC đến những điểm nóng có VC ẩn núp trong thành phố thì lại là chuyện khác, vì Ông Sáu không những là cấp chỉ huy mà còn là người lãnh đạo. Người lãnh đạo luôn sát cánh với thuộc cấp trong mọi hoàn cảnh, đồng lao cộng khổ làm gương khiến cho thuộc cấp tâm phục khẩu phục.

Ông Sáu Lèo là người như thế, không ai hiểu rõ tài chỉ huy và lãnh đạo của Ông Sáu bằng chính thuộc cấp của Ông. Cựu Đại Tá Cảnh Sát Trần Minh Công nói :

- Chúng tôi biết rõ tài năng của cấp chỉ huy của chúng tôi, vì sao Ông chỉ huy như thế... chúng tôi hiểu tấm lòng của Ông nên kính nể Ông.

Ông Sáu Lèo gốc Không Quân, là Tư Lệnh Cảnh Sát, còn người viết là một TQLC đã đôi ba lần bị biệt phái làm việc dưới quyền Ông và đã hoàn thành nhiệm vụ, dù không được Ông thưởng công một lời khen hay huy chương, nhưng tôi kính phục Ông vì lối sống bình dân, thân thiện và làm gương cho thuộc cấp trong chiến đấu, nhất là luôn luôn tôn trọng tín ngưỡng, tài sản, tính mạng của người dân, kể cả mạng sống của địch quân, đó là tính nhân bản của Ông, của Quân Đội VNCH trong chiến tranh.

Tôi không ngạc nhiên khi biết chính nhiếp ảnh gia Eddie Adams, người tự nhận đã giết ông tướng bằng tấm ảnh được giải Pulitzer, sau khi hiểu ra «mặt sau» của tấm ảnh mà ông chụp, mắt cũng đã đẫm lệ khi viếng tang ông.

Gọi ông bằng biệt danh Sáu Lèo, với người lạ, có vẻ khó nghe, nhưng giữa ông tướng và các thuộc cấp của ông, đây là cái tên thân mật mà chính ông thường vui vẻ khi nghe gọi như vậy. Là một TQLC, chưa từng làm thuộc cấp trực tiếp của ông trong Không quân hay Cảnh Sát, nhưng khi nghe tin Tướng Loan ra đi ở miền Đông,

không thể tới viếng tang ông như nhiếp ảnh gia Adams, tôi đã đứng một mình tại California và gọi «Ông Sáu Lèo.» Cùng lúc nghe tiếng gọi vang dội trong lòng, tôi thấy trên mặt mình đẫm lệ.

Cố nhiếp ảnh gia người Mỹ Eddie Adams lừng lẫy và anh lính VNCH mạt vận cựu tù lưu vong như tôi, dĩ nhiên khác nhau, nhưng hình như vẫn có chút tương đồng. Ấy là cùng kính trọng Tướng Nguyễn Ngọc Loan. Không chỉ kính trọng mà còn yêu quí ông.

Captovan

Năm Đó, Chị Em Tôi Mất Bố

Deborah Tường Vân

Tiếp theo chuyện «Saigon 68» đây là một hồi ức Mậu Thân về khu Thành Nội Huế. Định cư tại vùng Bắc Cali từ 20 năm trước, Deborah Tường Vân là nhân viên Sở Xã Hội San Jose và từng chăm sóc Bà Trùng Quang -vị niên trưởng của giải thưởng Việt Báo- liên tục hơn 6 năm cuối đời. Cô đã nhận Giải Đặc Biệt Viết Về Nước Mỹ 2012. Hồi ức Mậu Thân của Tường Vân là chuyện kể về khu Tây Lộc trong thành nội, nơi phải gánh chịu nhiều tang tóc nhất trong địa ngục Huế Tết Mậu Thân.

Đã năm mươi năm trôi qua. Nhưng năm nào cũng vậy, dù Tết quê nhà hay quê người, cứ nghe tiếng pháo đì đùng là tôi lại thấy ruột gan mình quặn thắt và nhớ liền tức khắc đủ loại tiếng nổ trong những ngày Tết Mậu Thân, 1968.

Năm ấy, dân Huế đang sửa soạn một cái tết an bình vì có tin hưu chiến bảy ngày. Riêng vùng Tây Lộc bên bờ bắc sông Ngự Hà, một trong bốn phường chính của Thành Nội, còn được coi là nơi yên lành nhất. Khu xóm nơi gia đình tôi sống tại đây, bà con lối xóm coi nhau như người thân. Thật không thể ngờ Tây Lộc lại là nơi đầu tiên của Huế bị cộng sản tấn công.

Mọi chuyện bắt đầu từ đêm Mùng Một rạng ngày Mùng Hai Tết. Lúc đó, nhóm bạn trẻ chúng tôi đang tụ tập chơi bài ở nhà anh Phú, ông anh lớn trong xóm. Khi tiếng nổ càng lớn, càng gần, mọi người kinh hãi :

- Không phải tiếng pháo mi nợ...

- Ai bắn rứa ?

- Tết hưu chiến mà bắn chi...

Anh Phú lắng nghe, nói :

- Hình như có đánh lớn phía cửa Chánh Tây !

Thêm một loạt tiếng nổ dồn dập từ phía khác. Lần này thì anh Phú la hoảng :

- Thôi rồi. Đó là phía phi trường Tây Lộc. Vừa đại bác nổ vừa đủ loại súng nhỏ. Chắc Việt Cộng «tiền pháo hậu xung.» Loạn to rồi. Ai về nhà nấy đi !

Trong nỗi sợ hãi bọn nhỏ chúng tôi chạy ra khỏi nhà anh. Tôi và cô em gái tên Hà chạy ngõ sau về nhà mình.

Từ nhà dưới chạy lên nhà trên tôi thấy Bố tôi đang thúc giục mọi người vào núp trong nhà tắm cho an toàn vì nhà tôi bằng gỗ từ nhà trên xuống nhà dưới, nhưng nhà tắm và nhà vệ sinh xây bằng gạch chắc chắn hơn.

Suốt đêm đó là lần đầu tiên trong đời tôi và các em nghe tiếng súng vang ầm trong đêm tối. Trong lòng hết sức sợ hãi nên tất cả đều im lặng, chỉ nghe tiếng Bố nói lúc được, lúc mất :

- Lũ chết tiệt ! Lại phá vỡ lệnh ngưng bắn...

Tôi nhớ như in cả thân thể mình run bần bật khi nghe tiếng đạn bay chíu kéo dài rồi kết thúc bằng tiếng ầm cách đó không xa. Như đạn có thể nổ ngay trên đầu mình bất cứ lúc nào.

Đêm thấy dài vô cùng. Trong đêm tối mịt mùng, chúng tôi thiêm thiếp nửa mê, nửa tỉnh cho đến lúc tiếng súng thưa dần.

Trời ửng sáng. Tôi mở mắt ra nhớ lại những gì tối qua tưởng mình nằm mơ, khi nhìn các em còn ngủ trong phòng tắm mới hoảng hốt vì đó là sự thật. Bố tôi đi thăm dò trong xóm đã về dục Mạ nấu cơm nhiều, bảo tôi tìm chiếu, lấy thêm mền gối, chọn áo quần dày mặc vào.

Tôi thắc mắc :

- Hết bắn súng rồi mà Bố, mình không mặc đồ đẹp đi chơi Tết sao Bố ?

- Không ăn Tết rồi con ạ...

- Sao vậy Bố ? !

- Việt Cộng tràn vào xóm mình rồi... Các con cứ ở dưới này vậy...

Sau đó cả nhà ăn cơm trong im lặng, buồn bã. Khi tôi giúp Mạ rửa chén, Bố gọi em trai đi chặt thật nhiều cây chuối của hai nhà gần nhau rồi đem vào nhà sau của ông cậu tôi chất hết trên nhà giữa làm thành căn phòng tứ phía là cây chuối. Ông cậu bảo Mạ tôi và các em vào ngủ trong đó cho an toàn chỉ về nhà để nấu cơm giặt giũ.

Cứ thế ban ngày chúng tôi ở nhà mình sinh hoạt ở nhà dưới gần nhà tắm, ban đêm Bố ngủ với bốn đứa ở nhà, Mạ ngủ với bốn đứa bên nhà ông cậu. Ban ngày tiếng súng nghe xa xa, nhưng ban đêm lại nghe thật gần, dữ dội như ngày đầu vậy.

Một buổi sáng tôi vừa mở cửa sổ nhà trên nhìn thấy một người thanh niên mặc quần đùi xám trên lưng đeo khẩu súng dài với cái túi vải dài tròn, đội nón vải che hai tai. Tôi nhìn không chớp mắt vì lần đầu tiên thấy con người kỳ lạ này. Hắn bước lom khom, khi hắn ngước lên nhìn, tôi thấy da mặt hắn xanh xao. Không nói tiếng

nào tôi hoảng sợ đóng cửa lại, sau đó mới nhớ ra mình có nghe nói về bộ dạng như vậy. Lúc đó mới sợ điếng người, tôi đoán chắc hắn là Việt Cộng rồi.

Tôi nói cho Bố nghe, Bố nói con nghĩ đúng rồi, con đừng ra ngoài nữa. Bố tỏ vẻ nôn nóng thường đi ra ngoài xóm nghe ngóng tình hình rồi trở về, lo lắng hiện rõ trên nét mặt. Tối đó hỏa châu sáng rực trong đêm, chiếu rõ màu vàng cam của những lằn đạn sáng rực giữa bầu trời.

Tôi bỗng nghe có tiếng nói rì rầm ngoài sân, nhìn ra theo kẽ hở của gỗ tôi thấy hai ba cái võng khiêng người nằm dừng lại ngồi trước hiên nhà.

Bố tôi nằm trong giường cũng nghe tiếng nói nhỏ bên ngoài nên hỏi :

- Ai thế ? Ai thế ?

Tôi chạy vội lại lấy tay bịt miệng Bố lại, nói nhỏ vào tai Bố :

- Bố đừng hỏi, Việt Cộng núp ngoài sau ấy...

Sau đó đạn bắn tới tấp. Bố kêu các con chạy qua nhà ông cậu núp. Sáng hôm sau chúng tôi nghe tin cô Thanh bên hàng xóm có bầu gần đẻ trúng mảnh đạn vào đầu

chết, con gái năm tuổi bị thương. Ba của bạn học tôi là Cảnh Sát bị Việt Cộng lôi ra bắn chết ngay trước sân. Cả hai gia đình người xấu số chỉ có thể tìm kiếm vật liệu chôn cất vào ban ngày, vừa sập tối là Việt Cộng lại bắn phá tơi bời, nên mấy ngày sau mới chôn trong sân nhà. Hôm đó là mùng Sáu Tết.

Hai ngày sau, có nhiều tiếng chân chạy rầm rập ngoài sân, Bố vui mừng rú lên :

- Lính cộng hoà đến rồi !

Bố nói chuyện với các chú lính thật lâu, họ kéo nhau đi lên xóm trên. Bố bàn với gia đình ông cậu khuyên mọi người vào trú ẩn trong cô nhi viện ngoài đường lớn vì lính Cộng Hoà cho biết Việt Cộng tràn lan thành phố Huế rồi nên Mỹ sẽ thả bom. Máy bay nhìn thấy cờ Quốc Gia sẽ tránh nên dân ở những nơi công cộng sẽ được bình an.

Khi vài gia đình trong xóm ra tới cô nhi viện mới biết dân chúng đã vào ở đầy các phòng rồi, thế là gia đình tôi tạm trú với các cháu cô nhi.

Sáng sáng tôi và Mạ về nhà nấu cơm đem vào, có lần tôi thấy một xác chết đàn ông mặc đồ bình thường nằm chơ vơ bên lề đường mà ớn lạnh sống lưng. Có khi

đang ăn cơm thì trận chiến xảy ra, chén cơm trộn lẫn đất cát từ trên tường đổ xuống, nuốt trệu trạo để có sức mà sống sót !

Chúng tôi chỉ ở đó được hai ngày là bọn ác ôn đã tràn vào đuổi hết dân chúng ra khỏi cô nhi viện. Chúng gặp bác sĩ Tự có phòng khám tại tư thất ở đối diện cô nhi viện, khi chúng hỏi ông nói tôi là bác sĩ, chúng nói chúng tôi rất cần bác sĩ. Chúng lôi ông đi, trên tay ông vẫn còn cầm đòn bánh tét, nét mặt ông đầy lo lắng, sợ hãi. Từ đó về sau không ai còn gặp lại ông bác sĩ này nữa !

Bố tôi dặn Mạ nấu cơm mang đồ ăn theo, nhắc tôi đem cho mỗi người hai bộ đồ dày ấm để tản cư về Tây Linh đang yên ổn có nhà thờ rất lớn. Việt Cộng không tới đó được vì có phi trường nhỏ nơi lính Mỹ và lính Cộng Hoà chốt ở đó. Mạ nói ăn cơm cho ấm bụng rồi đi, Bố nói tới đó ăn cho ngon !

Mạ với cái bụng bầu to phải gánh cơm, thức ăn, áo quần. Mạ bắt buộc Bố ôm theo cái thẩu mứt gừng ngậm cho ấm bụng ! Tôi bế em nhỏ nhất 18 tháng, còn mỗi đứa em đeo trên vai bọc áo quần của mình. Dọc đường di tản chúng tôi đi xuyên vườn nhà người ta, không dám ra đường lớn vì đang bắn rải rác, thỉnh thoảng nghe tiếng đạn bay vèo trên đầu.

Mạ nghe tiếng đạn chiu chíu trên đầu, Bố thì cao lênh khênh nên sợ bị lạc đạn. Mạ vừa gánh vừa nhắc liên tục:

- Ba mi cúi thấp xuống chút đi !

Nhờ ơn trời, cả nhà đến khu vực nhà thờ an toàn. Nhà thờ đầy nhóc người là người ! Bố đi tìm gặp chú Khoa là bạn quen xin được tá túc. Khu này toàn là nhà lá nên trước mỗi nhà đều có hầm trú ẩn mà dân chúng đã vào khu trồng cây khuynh diệp chặt mang về làm hầm.

Thời gian đầu ở đây khá bình an, khi nghe tiếng súng lớn và gần thì chạy ra hầm ngồi đến khi thấy êm trèo lên nấu ăn, giặt giũ tiếp. Tối chúng tôi đều ngủ trong hầm chuyện trò, ra câu đố, thấy vui mà quên bớt hoàn cảnh đang chạy giặc.

Bố tôi rất lo lắng vì nghe tin Mỹ sẽ thả bom tại khu vực Tây Lộc mà Việt Cộng đã chiếm nên ngày nào cũng ra đứng gần phi trường nhỏ nhìn về hướng nhà mình. Mạ xúi đi ra nhà thờ họp với mấy ông chơi cờ tướng cho khuây mà Bố không nghe dù rất mê cờ tướng. Ông cằn nhằn :

- Còn đầu óc đâu mà cờ với tướng !

Đến ngày thứ hai mươi của cuộc chiến, Bố và em trai đi ra ngoài. Hồi lâu sau em chạy về vừa khóc vừa la thật lớn :

- Mạ ơi ! Chị ơi ! Bố bị thương rồi hu...hu...

Mạ la lên :

- Chừ Bố mô rồi ?

- Xe cứu thương chở Bố đi rồi...

- Răng mi không đi theo Bố ?

- Họ không cho, noái mai vô Mang Cá tìm...

Cả nhà ai cũng khóc. Em tôi đưa cho tôi cái đồng hồ lột ra từ tay Bố :

- Bố nói chị giữ đi. Bố nói Bố thấy đau lắm. Việt Cộng bắn từ trên xuống trúng mấy người, có người chết gần Bố...

Đêm ấy, có lúc tôi ra ngoài, chợt nghe bom nổ, thấy cả bầu trời sáng rực lên, nhà cửa rõ như ban ngày. Hôm sau mới nghe tin phi cơ Mỹ đã thả bom xuống khu xóm nhà chúng tôi ở Tây Lộc. Đầu xóm một quả phía sau nhà tôi, nhà ông cậu sập tan tành, nhà bạn Hương cũng vậy để lại một hố bom rộng sâu như cái ao. Trong số

những người vì lý do nào đó không di tản đã bị liên lụy, có tám người chết. Người kể còn cho biết mấy em bé chết người thâm tím mắt trợn ngược vì ngạt thở.

Hai hôm sau em trai tôi đang ngủ bỗng la ầm lên :

- Bố ơi ! Đừng đánh con nữa, con muốn đi với Bố mà họ không cho...

Cả nhà bừng tỉnh nghe em kể : Bố đuổi con nói tại sao con không theo Bố, con sợ Bố đánh nên chui dưới bàn trốn...

Bom đạn rền vang khắp nơi, không cách gì đi tìm thăm bố hoặc hỏi tin tức về ông.

Sau một đêm không ngủ, Mạ quyết định phải đi tìm bố. Trước khi đi, bà cắm cúi nấu cơm, làm thức ăn vừa nói :

- Nấu cơm xong bới vô cho Bố ăn một miếng...

Mạ đi thật lâu trở về mặt mày bơ phờ, mắt đỏ chạch, lột nón lá liệng xuống đất, ngồi xuống mép giường hai tay bợ bụng bầu thở hắt.

Chú Khoa hỏi lớn :

- Thầy đỡ chưa cô ?

Mạ nhìn trừng trừng ra phía trước, nói gằn từng tiếng:

- Ông Quý chết rồi !

Quý là tên bố.

Ba của chú Khoa, cả chú cũng như tôi và em trai sững người. Cả nhà cùng khóc. Đứa em trai vừa khóc vừa la :

- Bố ơi ! Bố ơi, Con xin lỗi Bố...

Em nói thật nhiều, tôi xiết chặt đứa em nhỏ nhất vào lòng, khóc nức nở, mấy đứa kia cũng khóc theo. Mạ lặng lẽ vào bếp soạn thức ăn ra mâm để riêng một chén đôi đũa kế bên kêu các con lại ăn cơm với Bố đi không thôi Bố sắp lên núi ở luôn rồi.

Mạ bình tĩnh thuật lại việc vào quân y viện rất khó khăn vì không có giấy tờ tùy thân. May mắn gặp được Thiếu Tá Bác Sĩ là người khâm liệm cho Bố, ông nói rõ từng chi tiết cái áo len màu xám Bố đang mặc. Ông đưa Mạ ra mộ Bố, hẳn Mạ đã khóc rất nhiều rồi.

Hai ngày sau, tôi đang bế em ngồi chờ ăn trưa, bên ngoài tiền súng lại vang rền hàng loạt càng lúc càng lớn, chú Khoa la lớn :

- Xuống hầm mau !

Tôi chưa kịp bỏ chân xuống giường chợt nghe mắt trái của mình nhói lên như bị ném đá cùng với tiếng súng bên ngoài, tay trái tôi vẫn bế em tay phải tôi đưa lên mắt mình, có tiếng la : nằm sát xuống. Tôi lăn xuống đất, nghe bắn nhiều quá mà không chạy xuống hầm được. Tôi nằm đó thấy mắt đau quá, mà tay thì ướt đẫm. Tôi la lên :

- Mạ ơi ! Con bị rồi !

Nhưng ai đó đã dìu Mạ tôi xuống hầm rồi. Em trai giật em nhỏ trong tay tôi, chú Khoa bế xốc tôi chạy ra cửa, miệng nói :

- Thằng Dũng chạy theo chị !

Lúc đó ngoài đường có xe cứu thương đậu rải rác để chở người bị thương đi cấp cứu, dọc đường tôi nghe tiếng nhiều người nói :

- Tội nghiệp con bé... Con mắt nó...

Tôi vào tổng y viện nơi Bố tôi đã vào rồi chết trong cô quạnh. Phần tôi, viên đạn chỉ xước qua phần làn da mỏng dưới chân mày trái. Bác sĩ cho biết sẽ phải khâu năm mũi, rồi ông vừa may vừa nói :

- Con còn may mắn lắm đó. Lớn lên kẻ lông mày đậm là không thấy sẹo đâu !

Tôi nằm trong quân y viện ba ngày, được chích penicillin đau nhói, buốt cả người, lịm đi không la được nhưng không ai biết mà lại cho rằng «con bé này chịu đau giỏi». Có chú lính nằm giường trước mặt, mỗi lần chích thuốc là đau đến la rống lên vì chú bị cưa cả hai chân nên liều thuốc nhiều hơn người khác. Những khi Việt Cộng pháo kích, những người bị thương nhẹ như tôi còn chạy được xuống hầm, chỉ có chú này nằm một chỗ trân mình chịu mà thôi !

Đến giờ ăn em trai tôi cũng được cho phần ăn như bệnh nhân khác, có lẽ chị em tôi giờ đã thuộc thành phần cô nhi tử sĩ rồi !

Sau khi xuất viện cả xóm nhỏ đó đều phải di tản vì trận chiến đã lan tới. Chúng tôi lang thang. Đến dãy nhà đối diện cổng Cầu Kho, vì quá mệt mỏi mấy mẹ con tấp vào ngồi nghỉ trước hiên một căn nhà rất khang trang. Cô chủ nhà đẹp người, đẹp nết thấy mẹ góa con côi cho vào ở hẳn trong nhà, Cả bà mẹ và cô em gái của cô cũng quan tâm đến Mạ tôi rất nhiều !

Lúc này Mạ tôi đem cái vòng xuyến rất đẹp và nặng đi đổi lấy tạ gạo, còn rau cải, rau diếp phải luộc mới ăn được vì rất nhiều sâu !

Ngày thứ 28 đã yên ắng tôi và em trai đi về thăm nhà, lúc hai chị em thấy cầu Trường Tiền bị gãy khuỵu xuống sông. Tự nhiên cả hai đều khóc thành tiếng, có chú lính đi lại cười và nói :

- Khóc cái gì ? Mai mốt công binh sửa lại có gì đâu ! Đi đi không thôi Việt Cộng nó bắn cho giờ !

Chú lính này nói tiếng miền Nam, hai chị em đi vô cửa Thượng Tứ rồi lần về Tây Lộc. Khi đứng ngay sân bay nhỏ nhìn cảnh đổ nát nhà cửa thành bình địa, bỗng dưng tôi thấy lạnh cả người, hai chân như sụm xuống vì sợ hãi. Tôi gắng gượng bước tới đi về phía trạm xá, thấy ven đường có một xác chết mặc đồ Việt Cộng nằm thòng hai tay xuống mặt ngửa lên trời. Trên mặt hắn như có đóa hoa hồng đỏ thắm, khi nhìn gần mới biết một bên mặt nát đỏ thẫm màu máu ! Về gần đến nhà có rất nhiều xác chết rải rác thấy ghê rợn vô cùng,

Căn nhà của tôi như bị bứng lên cao. Sau nhà, đúng như đã nghe kể, có cái ao thật lớn và sâu là nơi quả bom đã rơi xuống. Hai chị em leo lên tìm đồ đạc, tôi thấy bọc quần áo nhìn kỹ là đồ mới chưa kịp mặc của mấy

chị em, tôi lượm lên một cái, rồi hai cái... Thấy như bị vướng cái gì đó tôi giật mạnh lên lòi ra một cái chân người chết, tôi liệng hết cắm đầu cắm cổ vừa chạy vừa la ú ớ không thành tiếng.

Một chú lính ngồi dưới hỏi :

- Bộ thấy Việt Cộng hay sao mà la dữ vậy ?

Tôi run rẩy chỉ tay về phía nhà mình :

- Có người chết trong đó...

Chú lính gật đầu :

- Ừa... chết nhiều lắm, lát xe tới xúc họ đi chôn.

Đó là những người hàng xóm không di tản, đã vào ở chỗ của gia đình tôi, nơi có căn phòng bằng cây chuối che chung quanh, nhưng với bom thì chẳng che chắn gì được cho họ.

Gia đình của thầy giáo nhà bằng gỗ ở đầu đường chết hết năm người chỉ có hai anh em ruột của thầy sống sót. Mấy ngày sau tôi ghé vào nhà thấy trên tủ sách thầy ghi mấy câu thơ : «Gia đình tôi chết hết năm người / Mẹ, vợ, em dâu và hai cháu / Nỗi buồn này biết bao giờ nguôi !»

Vậy là trong biến cố Tết Mậu Thân này xóm tôi chết nhiều nhất nhưng đau buồn nhất là tôi mất người cha yêu thương và đứa bạn thân có tên đẹp như người : Như Hoa. Khi anh Phú báo «Vân ơi, Như Hoa chết rồi em nợ !» tôi không tin, còn nói chắc anh nghe lầm rồi...

Anh phải giải thích

- Chính anh bồng nó ra, nhà lớn quá sập làm nó chết ngộp.

Trên đường đi tôi như bước trên mây, lòng chùng xuống nước mắt tuôn rơi, nhớ lại những hình ảnh vừa qua. Chẳng còn gì nữa...

Nhà tôi được nhóm sinh viên ở trong Nam ra để ủy lạo cho trẻ em uống sữa nóng, phát cặp sách và họ tình nguyện sửa nhà cho gia đình tôi, dựng căn nhà lợp tôn mới, trong nhà vẫn có cái hầm dựng bằng bao cát để ngủ cho bớt nóng.

Khi Mạ đưa áo dài tang trắng cho chi em tôi mặc để đi đắp bia mộ cho Bố, nhìn một đoàn người vận áo tang, ai nấy đều cảm thương cho một mẹ sắp tới ngày sanh với tám đứa con thơ dại. Hiền, bạn tôi, nói :

- Mi mặc áo dài thấy lớn ghê !

Có lẽ bạn tôi đã nhận ra cái vẻ người lớn mới có trong con người của tôi : trách nhiệm của người chị cả với bảy đứa em bé nhỏ của mình.

Tháng sau Mạ sinh em bé trai khỏe mạnh. Mạ sanh thường không phải mổ như bác sĩ đã dự định vì khi gần sanh Mạ đã gánh nặng và chạy nhiều khiến máu cục máu bầm ra trước em bé cả tuần nhưng em vẫn bình an.

Nhưng, thật ra, em đã bị mất mát rất lớn từ khi chưa chào đời : năm đó chị em tôi mất Bố.

Deborah Tường Vân

Công Viên Xưa

Lê Như Đức

Tác giả sinh tại Saigon năm 1962, hiện cư trú tại Tulsa, Oklahoma. Nghề nghiệp : kỹ sư cơ khí, làm cho hãng Boeing, OKC. Học vấn : cao học. Gia đình : vợ và ba con : hai gái, một trai. Góp bài Viết Về Nước Mỹ từ năm đầu tiên, Lê Như Đức là một tác giả rất được quý trọng. Mừng ông tiếp tục viết.

Kim mở email ra coi khi ngồi vào bàn làm việc như mọi lần mỗi sáng. Nàng rất ngạc nhiên khi thấy bác sĩ Bob gửi điện thư cho nàng viết bằng tiếng Việt chứ không phải bằng tiếng Anh như mọi khi :

Kim mến,

Chắc Kim ngạc nhiên lắm khi anh viết thư cho Kim bằng tiếng Việt Nam. Ba tháng nay anh cố học viết tiếng Việt Nam để viết cho Kim cái email ngắn tí này. Anh không nói xạo Kim đâu. Anh có nhờ một người bạn Việt Nam từ thành phố Chicago xưa sửa trước khi gửi cho Kim. Không phải anh sợ viết không được, nhưng sợ Kim hiểu lộn ý của anh nhiều nên mới nhờ người bạn xét lại có thấy vi phạm văn hóa hay lễ giáo của Việt Nam không ?

Khi xin đổi về San Francisco làm, anh gặp được Kim lần đầu khi chúng ta làm chung với nhau một vụ mổ sáu tháng trước đây. Năm năm sau ngày ly dị với người vợ cũ, anh cứ nghĩ sẽ suốt đời sống một mình nuôi đứa con Jimmy. Trái tim anh đã vỡ tan sau khi ly dị nhưng lành lại nhau ngay sau ngày gặp Kim.

Một ngày về nhà ăn trưa, anh thấy Kim tới công viên ngồi ăn. Từ đó anh thấy Kim thường tới công viên mỗi trưa. Anh muốn xin Kim cho anh được ăn trưa với Kim từ hôm nay để tìm hiểu nhau có được không ?

Bob,

Tái bút : Anh viết xưng tôi, nhưng người bạn sửa thành anh cho nó có thêm nhiều yêu đương.

Kim phì cười khi đọc xong phần tái bút của bác sĩ Bob. Câu trên vừa nói xin được ăn trưa để tìm hiểu thì câu dưới đã khẳng định có nhiều yêu đương rồi. Cách hành văn của Bob nghe không suôi lắm, nhưng cũng làm Kim cảm động khi thấy Bob chịu khó bỏ giờ ra học tiếng Việt ba tháng nay.

Giống như Bob, mười một tháng trước Kim cũng tan nát cõi lòng khi phải ký giấy ly dị chồng. Mười năm vợ chồng chung sống với nhau thật hạnh phúc cho ra

đời được hai đứa bé trai thật kháu khỉnh là Khang và Khánh. Kim đặt chúng tên Mỹ là Houston và Dallas để kỷ niệm chuyến đi Houston thăm người anh họ và gặp Bảo trên đường bay từ Dallas về lại San Francisco.

Sau khi ly dị, bán nhà chia đôi gia tài, mỗi buổi trưa Kim vẫn thường ra công viên gần bên căn nhà cũ vừa ngồi ăn, vừa nhìn cảnh xưa để thầm nuốt nước mắt. Cho tới giờ phút này, Kim cũng không tưởng tượng nổi gia đình mình đang quá hạnh phúc rồi bỗng tan vỡ thật nhanh chóng chỉ qua mấy tháng.

Ngày này năm trước, nếu có ai tiên đoán vợ chồng Kim sẽ ly dị năm sau, chắc chắn Kim sẽ cười to và bước nhanh không thèm trả lời. Vậy mà chỉ có gần một năm thôi, tất cả đều mất hết chỉ vì một phút chiều chồng.

Lấy nhau một thời gian dài, Kim tin tưởng chồng mình nhiều hơn bất cứ người đàn bà nào hết vì Bảo chỉ biết đi làm và về nhà sống hạnh phúc với vợ con. Bảo không la cà quán nhậu cũng như quán cà phê. Bảo không bạn bè, ngoài bạn cùng sở. Bảo không biết hút thuốc nói chi tới xì ke, ma túy. Uống bia thì chỉ được nửa lon là mặt Bảo đỏ như son nên chả bao giờ dám đụng đến rượu. Khi rảnh, Bảo không lấy sách ra học thêm thì lại dắt vợ con đi bộ vòng vòng trong cái công viên trước nhà. Mười năm chung sống, Bảo chỉ biết vào

sở làm và về sống hạnh phúc với vợ con.

Tất cả bỗng nhiên chỉ qua vài ngày, Bảo thay đổi như lột xác hoàn toàn khiến cho đến giờ phút này Kim cũng không hiểu được tại sao Bảo lại bằng lòng bỏ hết tất cả hạnh phúc, gia đình, vợ con để đổi lấy con...Đầm già.

Ngoài những lần phải đi công tác xa nhà, Kim thấy chồng làm lụng bao nhiêu năm không hề rời vợ, xa con dù chỉ một lần nên đã đồng ý cho Bảo xả hơi xuống Las Vegas chơi với bạn trong sở một cuối tuần. Duy chỉ có một lần thôi mà từ đó Bảo cứ công tác xa nhà liên tu bất tận. Kim nghi ngờ hỏi thì Bảo mở Internet ra chỉ cho nàng thấy hãng mới trúng hợp đồng bạc tỷ nên tất cả mọi nhân viên, không chỉ riêng Bảo, công việc tăng gấp đôi, phải ở lại sở làm tới khuya và business trip liên tu bất tận.

Khi Chase bank báo cho Kim biết công của nàng bị hụt tiền trả thẻ tín dụng tự động tháng này nên phải đóng phạt, Kim cười to. Kim chắc chắn Chase bank đã lộn người vì không những Việt Nam mà Mỹ cũng có rất nhiều tên Kim. Nàng còn nhắc khéo nhân viên nhà băng trước khi gửi email nên xét lại công việc làm của người chủ account. Bảo làm kỹ sư trước khi lập gia đình, Kim là y tá trưởng cho bệnh viện hơn chục năm thì làm gì có chuyện hụt tiền.

Ngày hôm sau Kim lại nhận email thông báo về tài chánh của hai vợ chồng mình. Kim vào internet mở công mình ra coi lập tức gọi cho nhà băng hay không những mọi thẻ tín dụng mà công của hai vợ chồng nàng cũng bị kẻ trộm vào biển thủ hết. Nhà băng khuyên Kim nên hỏi những người có quyền rút tiền hay ký check trong nhà trước khi đổi thẻ tín dụng và khóa công của nàng. Khi nhân viên nhà băng cho biết phần lớn nơi rút tiền từ các casino, Kim sững sờ hiểu ra được kẻ trộm không ai xa lạ, chính là ông chồng mà mình đã đặt hết tin tưởng bao năm qua.

Nhìn thấy trương mục tiết kiệm, tiền hưu trí, tiền để dành cho tương lai con vào đại học cũng bị rút sạch, Kim bấm điện thoại gọi Bảo nhiều lần vẫn không thấy chồng trả lời. Kim lấy nửa ngày nghỉ về nhà thì thấy Bảo nằm trong phòng ngủ li bì. Đánh thức Bảo dậy không những Kim biết được Bảo nướng hết sạch tiền mà còn bị sa thải tháng trước vì đánh bạc thâu đêm nên vào sở làm cứ lờ đờ ngủ gật. Kim chết lặng người, chỉ biết đứng nhìn Bảo mà không thốt được tiếng nào.

Bảo cúi đầu lặng im một lúc rồi từ từ gom ít đồ ra xe và biến mất từ đó.

Tháng sau, Kim nhận được giấy không những Bảo đòi li dị mà còn đòi bán căn nhà chia của vì Bảo cần tiền biếu không Las Vegas. Kim cũng chả muốn mình và con hằng ngày phải thấy lại những kỷ niệm xưa nên ký bán vội căn nhà. Bán được vài tuần, lòng Kim vẫn ray rứt nên những khi công việc ít, nàng thường ra cái công viên nằm đối diện căn nhà xưa, vừa ăn trưa, vừa thầm khóc.

Một đôi khi, Kim còn đi dạo lại trên những con đường nhỏ dành cho khách bộ hành chạy quanh co quanh công viên. Cũng trên các con đường nhỏ hẹp này, các con Kim từng bước chập chững tập đi, rồi chạy chơi, rồi tập lái xe đạp. Nước mắt Kim đẫm ướt mỗi khi thấy một cặp vợ chồng dắt con ra đây dạo chơi hay vài đứa bé đạp xe chạy ngang qua cái ghế đá mà chỉ mới năm ngoái Kim thường ngồi im lặng ngắm chồng và hai con đuổi nhau để hạnh phúc từ từ ngấm vào lòng.

Nhiều lần Bảo bắt được đôi mắt Kim đỏ ửng. Kim trả lời : «em khóc vì cảm nhận được hạnh phúc của gia đình mình thấm vào trong lòng». Bảo thường ôm Kim rồi hứa : «em sẽ phải khóc mãi mãi vì hạnh phúc của chúng ta».

Sau khi ly dị, Kim khóc nhiều hơn xưa.

Ba hôm nay công việc quá nhiều nên Kim phải ăn trưa ngay tại bàn làm việc. Đọc email của Bob xong, Kim bâng khuâng một lúc rồi nhẹ nhàng từ chối trước khi ra công viên ăn trưa một mình. Kim thường chọn cái băng ghế khuất dưới tàn cây để ngắm căn nhà cũ.

Chưa kịp ăn trưa, Kim để ý thấy có một bao thư màu vàng nhạt đặt cuối băng ghế, phía đầu bên kia. Cứ ngỡ ai đó để quên, nhưng nhìn kỹ thấy hai chữ thật to viết trên bao thư : «Gửi Kim». Vừa mở bao thư, Kim vừa lẩm bẩm : «Lại Bob năn nỉ ăn trưa chung chứ gì ?». Bob biết Kim thường mặc áo màu vàng nhạt đi làm.

Kim mến,

Đọc thư này chắc Kim ngạc nhiên lắm chứ gì. Tôi mua căn nhà cũ của Kim đã hơn tháng nay. Tôi là dân IT nên thường làm việc tại nhà. Bàn làm việc của tôi hướng về phía công viên nên thấy Kim ra ngồi ăn trưa và nhìn vào nhà tôi.

Khi vào nhà, dọn dẹp những đồ cũ trên atic, tôi có thấy mấy tấm hình cũ gia đình của Kim, và cả video tape nữa. Có mấy lần tôi giả bộ đi dạo quanh công viên xem xét nên biết Kim là chủ nhà cũ, thường lấy lunch qua công viên nhìn nhớ về những kỷ niệm xưa. Lần nào tôi cũng thấy Kim khóc thật nhiều trước khi ra về.

Tôi cũng là người chịu nhiều đau khổ trong hôn nhân nên rất thông cảm hoàn cảnh của Kim. Nếu Kim muốn vào nhà cũ ôn lại kỷ niệm xưa thì xin cứ tự nhiên. Số code để mở cửa nhà tôi chính là tên tôi «Canto» tiếng Việt là Cần Tô. Có ngày tôi trong sở nhưng thường thì ở nhà làm. Kim cứ tự nhiên vì có ở nhà, tôi cũng chỉ ngồi quanh quẩn ở bàn làm việc mà thôi. Khỏi khai, Kim cũng biết tôi sống một mình.

Có nhà văn nào đó đã viết : tình chỉ đẹp khi còn dang dở. Thật chí lý vì chúng ta không chịu dang dở nên tiến vào hôn nhân để tình hết đẹp.

Tô Bá Cần

Kim nhìn vào căn nhà cũ, rồi lại nhìn bức thư. Không hiểu hôm nay là ngày gì mà nàng nhận liền lúc hai bức thư tình trong vòng một tiếng. Ngồi suy nghĩ một lúc, tay cầm bức thư, Kim bước qua đường bấm code vào lại căn nhà cũ.

Cần không có nhà. Căn nhà vẫn như xưa chỉ quá ít đồ đạc. Nhà quá trống trải nên hôm nay dù San Francisco nắng ấm nhưng Kim vẫn thấy lạnh. Mọi thứ đều trống vắng. Không những hai cái phòng ngủ mà cái Master bedroom cũng trống trơn, chỉ có ba cái airbag để mỗi góc phòng. Không như khi xưa, lúc nào nhà Kim cũng

chật ních đồ đạc và ồn ào vì hai cậu con trai Khang và Khánh đuổi nhau.

Cần chỉ sống ở cái bàn làm việc của mình. Bên cạnh cái bàn thật to là tấm nệm mỏng. Làm, ăn rồi ngủ chỉ một góc nhà. Nhìn vào bàn làm việc của Cần, Kim nhận ra Cần cũng làm cùng hãng xưa với Bảo.

Kim thở một hơi thật dài.

Đang ngồi làm trong sở, tôi nghe điện thoại rung nhẹ. Nhìn vào cái phôn tay biết bà cô bên California gọi nên bấm trả lời :

- Cô vẫn khỏe chứ ? Lâu quá cháu không thấy cô gọi cháu nên đợi cô gọi dài cả cổ đây.

- Ối giời ơi là giời. Giời xuống đây mà coi. Ông cháu yêu quí của tôi. Cháu tôi hỏi tôi sao lâu quá không gọi hỏi thăm nó đây ? Giời ạ.

- Năm nào cháu cũng gọi hỏi thăm cô ít nhất là ba lần. Ngày Tết, ngày sinh nhật cô và ngày giỗ chú. Năm nay, ngày sinh nhật của cô, cháu gọi thấy cô nói chuyện khác mọi khi. Cô không nói chút gì về em như mọi lần. Mà cô cũng không cười nhiều như mọi khi. Cháu có nghe loáng thoáng gia đình em có chuyện. Thấy cô không muốn nói nên cháu không gọi nữa.

- Giời ơi là giời. Nó ở tận bên Oklahoma, tôi ở bên California mà nó nghe loáng thoáng, rồi trách tôi không kể cho nó nghe. Nghe loáng thoáng là nghe làm sao ? Ai nói loáng thoáng đây hả ?

- Cháu nghe loáng thoáng chứ có thấy loáng thoáng đâu mà biết ai nói. Haha. Mà sao hôm nay cô lại gọi cho cháu. Chắc là có gì không ổn rồi ?

- Cô cũng muốn nói chuyện của nó cho cháu nhưng nó không chịu. Nó sợ cháu trách nó chuyện thằng Trọng. Cuối tuần qua nó về thăm cô. Thấy nó lại buồn. Mắt đỏ hoe. Cô nói có gì không nói được cho mẹ thì gọi cho anh hỏi. Ngày bố gần mất có trăn trối lại, con còn nhớ chứ ? Bố cả đời có việc gì khó đều qua vấn kế bác cả hết. Giờ bố chết, nhà không có con trai, con có chuyện gì thì gọi hỏi anh. Ngay từ nhỏ con không có anh chị em, nên thường qua lại với anh. Anh là con út, không có em nên thân với con như ruột thịt. Bố tin anh như tin bác cả đó.

- Sao nó lại sợ cháu trách nó chuyện Trọng nhỉ ? Trọng với cháu chỉ là bạn. Cháu qua Cali thăm cô, nó đòi đi theo. Nó gặp Kim rồi thương Kim nên hỏi cháu. Cháu nói nó có tài thì vào cua chứ cháu không bao giờ làm mai cho ai hết. Cháu chịu cho nó tới nhà cô là trong nhà ai cũng biết nó là người tốt rồi. Kim cũng thích nó

nên bay qua bên cháu, tiếng là thăm nhưng thật ra hai anh chị muốn có dịp đi chơi với nhau. Trên đường bay về lại Cali, nó gặp thằng Bảo bay cùng chuyến rồi nhờ nó ở cùng thành phố nên phỗng mất Kim. Cháu có nói với Trọng là vợ chồng là duyên nợ. Có duyên gặp nhau nhưng không nợ cũng không thành. Tại sao mọi người lại cứ nghi ngờ cháu bực mình chuyện thằng Trọng ? Nó chỉ là người bạn thôi.

- Thì cô cũng nói như cháu nói đó. Nhưng nó không nghe. Nó nói anh mà la nó thì suốt đời nó không nói chuyện với cô. Mà sao cháu không gọi hỏi thăm nó khi không thấy cô gọi ?

- Hỏi thăm Kim như thế nào ? Chả lẽ cháu gọi hỏi : em ly dị xong có thấy khoẻ ra không ? Nhưng thôi, giờ cháu phải làm. Cô nói Kim tối nay cháu sẽ gọi.

Tối hôm đó tôi gọi, nhưng chưa kịp hỏi gì thì Kim đã khóc rưng rức trên phôn. Đợi cho Kim vừa khóc vừa kể chuyện tình xong tôi cười nhẹ và hỏi :

- Hai tháng nay bị lưới tình bủa vây nên giờ đây chắc là em đang do dự không biết chọn ai chứ gì ? Coi nào, một tên là Bóp, tên kia là Cầm. Tay bóp, tay cầm, không biết ta nên chọn tay nào nhỉ ?

Đang mủi lòng khóc, Kim bật cười trả lời :

- Em đang rầu muốn chết mà anh còn chọc em nữa. Cần chứ không phải là Cầm.

- Thì đọc trại ra là Cầm cho nó dễ...nắm. Haha. Mười năm trước chắc chắn là em chọn tay Cầm rồi. Em biết cô không bao giờ chịu cho em lấy Mỹ đâu. Anh còn nhớ ngày bà bay qua bên anh nói với mợ anh : «Nhà mình có phúc lắm chị ạ. Bỗng dưng thằng Đức bỏ con bồ Mỹ, con Kim cũng bye bye thằng tình nhân Hoa Kỳ. Em nói chúng nhiều lần mà : Hamburger rồi cũng về với hamburger, nước mắm rồi cũng về với nước mắm. Chẳng có ai sơi hamburger với nước mắm đâu ? Chị bảo».

- Vậy ý anh muốn em chọn Bob à ?

- Bây giờ không như xưa. Em có hai con, phải lo cho tương lai của chúng. Lấy nhầm thêm thằng mê bài cào nữa thì con em mai sau có nước chùi restroom cho trường chứ không làm sinh viên của trường đâu. Khi ly dị, ông tòa không chú ý nhiều đến ai đúng ai sai mà chỉ để ý cái nào có lợi cho những đứa con. Ông cho Bob giữ con là ông biết đứa con sẽ có chỗ tốt để trưởng thành. Như em kể, Bob lo cày trong nhà thương. Cô vợ ở nhà diện đẹp đi shopping cho đã xong cà ỏng, cà eo

với tên thợ tới nhà thay cửa sổ. Nếu giao con cho chị ta thì sau này đứa bé không là nhân viên bốc xếp cho shopping mall thì cũng làm thợ lau cửa sổ. Cũng giống như trường hợp của em vậy. Nếu giao hai con em cho Bảo thì sau này chúng không chia bài cho casino thì cũng chùi cửa kính cho casino. Ông tòa cũng không cho tay Cầm giữ con y là ông biết sẽ giao trứng cho ác, tương lai của chúng sẽ hai năm mươi. Còn bàn về vấn đề tài chánh thì khỏi nói ai cũng biết, có tay cờ bạc nào mà không trắng tay. Dù không cờ bạc thì cái túi tiền của bác sĩ mổ ruột chắc chắn phải to hơn của IT Cầm.

- Cần chứ không phải là Cầm.

- Ừ, thì Cần Tô chứ không phải Cần to. Như nó kể với em là em với nó cùng hoàn cảnh. Nó cũng lấy nhầm cô vợ mê bài bạc. Wow, đồng bệnh tương lân. Tình cờ bạc nghe cũng hay hay đấy chứ hả ? Em tin nó chứ anh nghe không thông rồi. Anh hỏi em chỉ một câu thôi nhé. Trên đời này có anh nào mà ngu tới độ cứ cuối tuần chở vợ tới casino, bắc ghế cho con vợ vô sòng enjoy rồi mình ơn lên phòng ngủ, ngồi tập thiền không em ? Mà em lấy thằng ngu tới độ đó thì làm sao đời em và con em khá nổi ?

Đợi Kim im lặng một lúc, tôi tiếp :

- Em có kể với anh là nó làm cùng hãng với Bảo. Chắc chắn là nó phải biết Bảo rồi. Người Pháp có câu : Hãy cho tôi tên của hai người bạn của bạn, tôi sẽ biết sở thích của bạn. Cần Tô có hai người bạn là Bảo và vợ y, nó không mê cơ rô thì cũng yêu chuồn bích. Chưa hết, anh sợ cái nhà cũ của em là nó dùng kế để bầy trò gạt em đó. Nó ly dị, child support trả khờ luôn, rồi làm IT thì tiền đâu mà mua cái nhà nửa triệu đô, sống một góc, để trống không ba phòng ngủ.

- Ý anh nói là y mướn nhà chứ không phải mua hả ?

- Không những mướn mà nó còn share nhà với nhiều người khác nữa kìa. Anh là dân đi đánh contract cả chục năm đây mà cũng chưa dám chơi nổ : mướn cái nhà năm ngàn đô rồi để trống không như nó. Anh sợ một trong người share đó chính là ông chồng cũ của em đó. Chúng nó thấy em còn lưu luyến tình xưa, biết em dành dụm tiền nên bày trò giựt tiền em. Anh nghĩ đây là mưu của thằng Bảo chứ không của Cần Tô. Đệ tử của thần đổ bác chỉ biết tiền chứ không có tình đâu em.

- Anh bảo em làm sao bây giờ ?

- Em muốn biết sự thật thì cũng dễ thôi. Em giả bộ

viết một lá thư cho Bảo rồi đưa cho Cần Tô nói nó em tính đi thêm bước nữa nên viết thư này. Một là để báo cho Bảo biết vì dù sao em với nó cũng chăn gối cả mười năm hơn, hai là em hứa sẽ lo cho hai đứa con em thành đạt sau này. Haha. Cần ta, Cần tây mà nghe xong sẽ sướng rên mái đìu hiu nhận thư ngay vì nghĩ sẽ chộp được em. Nếu nó là người đàng hoàng, không mưu mô như anh nghĩ thì nó sẽ không nhận thư đâu. Em có nhớ phim Godfather không ? Khi Kay nhờ luật sư Tom gửi thư dùm cho Michael. Tom từ chối ngay. Tom nói nếu nhận thư là Tom mặc nhiên cho mọi người hay là Tom đã biết được Michael hiện đang ở đâu và vẫn thường xuyên liên lạc với Michael.

- Anh viết dùm em được không ?

- Lẽ dĩ nhiên là được. Anh mà viết thì chúng đọc xong sẽ rống to lên mà khóc vì sung sướng.

Kim cười rồi hỏi thêm tôi :

- Anh thấy Bob như thế nào ? Anh biết mẹ không thích rể Mỹ mà ?

- Anh chưa biết mặt mũi Bob thì làm sao biết được tính tình nó như thế nào ? Có hai điều anh thấy được như em kể là ông tòa cho Bob giữ con là ông biết y là

người cha tốt và y yêu em rất nhiều nên chịu học viết tiếng Việt cả ba tháng ròng. Nếu anh mà mê cô xì nào, anh cũng không chịu bỏ ba tháng học tiếng Mễ đâu. Phải yêu rất nhiều, Bob mới có động lực học tiếng Việt rất khó của chúng ta. Điều hay nhất là Bob làm cùng chỗ với em nên không sợ nó lén trốn đi casino. Tên Cần ta thì ngược lại, làm IT support thì làm ở chỗ nào cũng được. Em cầy bạo over time trong nhà thương để lo tương lai cho hai con em và giúp nó trả child support thì nó đi casino hay đi cà phê Lú, ai nào hay ? Còn cái chuyện cô không thích ông con rể Mỹ thì em để anh lo cho. Anh gọi hù bà vài lần là bà sẽ ăn hamburger chấm nước mắm ngay. Nhưng Bob và em phải làm cho anh một vài việc trước khi anh gọi cho cô.

- Anh muốn Bob làm gì ?

- Nói với nó là ra chợ ABC mua cho anh bốn hộp trà mà cô thường uống và một chục hộp loại khác mắc tiền hơn. Khi nào anh gọi OK là nó tới thăm cô với em. Nhớ gói bốn hộp trà cô thích mang vào biếu cô trước chứ đừng có «hồ hởi, phấn khởi» bê bó hoa to vào tặng em trước. Nói nó muốn có vợ Việt thì phải kính lão đắc... dzợ. Ngồi nói chuyện với cô khoảng năm, mười phút rồi xin phép cô cho ra xe mang hoa vào tặng em. Trước khi về, ra xe mang một chục hộp trà loại khác bỏ vào

một bao lớn đưa cho em. Em sẽ nói với cô là Bob nghe con nói mẹ thích uống trà nên ra supermarket mua trà. Bob không biết mẹ thích loại nào nên mua đại hơn một chục loại. Con nói mẹ đâu có tiền nhiều mà mua thứ mắc tiền này. Anh ra lại chợ mua thứ mẹ thường uống. Anh nói mẹ lấy hết uống thử coi nhỡ may có thứ khác ngon hơn.

Kim cười nắc nở khen :

- Mẹ chắc chắn chịu Bob lắm. Hèn chi mẹ cứ nói bà già nghe anh thuốc còn chịu huống chi mấy cô. Anh muốn em làm gì ?

- Anh biết em khó thể quên được Bảo lắm. Em thích Bob hơn nhưng vẫn lưu luyến ít nhiều với Cần là vì em biết nó quen Bảo. Em lấy Bob thì phải quên hết chuyện xưa đi để sống hạnh phúc với người chồng mới. Đừng có ra công viên xưa ngồi tưởng nhớ chuyện cũ nữa. Bob không ngu đâu. Bác sĩ mà em. Nó thấy cứ mỗi trưa em ra ghế đá công viên ngồi khóc thầm thì tình cảm với em từ từ sẽ mất đi. Em sẽ mãi mãi không có hạnh phúc. Như em cũng đã biết, trước khi lập gia đình anh cũng có biết bao người tình. Kẹt ở Việt Nam cũng có, lưu lạc bên trời u cũng có, ở Mỹ cũng có. Sau khi lấy vợ, anh phải tập quên tất cả để xây hạnh phúc mới cho chị và cho chính anh. Có cô giờ vẫn chưa chịu lấy chồng. Vậy

mà anh cũng phải chơi cái tình lờ. Có vậy anh mới sống thoải mái được. Còn cứ ngồi mơ mộng hết cô này tới cô khác thì không những tự giết mình mà còn tự phá tan hạnh phúc của gia đình mình. Hạnh phúc là hiểu biết. Em phải hiểu không được làm những gì và phải biết làm những gì. Trọng không nghe anh nên giờ ly dị sống một mình. Nó không lấy được em nên lúc nào cũng mơ mộng đến em. Từ mơ mộng sinh ra so sánh với vợ nó. Em thì diện đồ đẹp chạy vòng vòng, nói chuyện bốn mùa với nó. Vợ nó thì phải vén ống quần lên lau nhà, miệng càu nhàu. Hai hình ảnh trái ngược nhau. Thế là sinh ra bất mãn rồi đưa đến cãi nhau và cuối cùng thì ra hầu tòa. Em thấy đó, lưới tình đâu phải em giăng đâu. Chính nó là người giăng rồi cũng chính nó tự chui vô, rồi tự kéo lưới siết cổ mình. Anh muốn em phải sáng suốt nhìn được vấn đề để sống hạnh phúc. Hạnh phúc chính là sự hiểu biết của em đó. Nhớ nhé em.

Tuần sau, cô gọi tôi khen Bob : «Sao Mỹ mà nó lễ giáo thế hả cháu ? Nó vô nhà biết trọng người lớn, kính người già. Chả bù mấy đứa lớn lên bên này. Không biết chi cả. Vô nhà ai mặt cứ vênh vênh, váo váo chả biết chào hỏi ai».

Tháng sau, cô gọi nhắc tôi sửa soạn qua San Francisco lo tổ chức đám cưới cho Kim : «Cô nghe cháu. Cho nó

lấy lẹ, không nó lại dính vào cái băng cờ bạc của thằng Bảo, thằng Cần rồi chúng lại làm con Kim đau khổ».

Kim vẫn sống hạnh phúc với Bob hơn mười năm nay.

Cô tôi đã ra đi ba tuần trước.

Vào Xuân năm 2018

Lê Như Đức

Mậu Thân Trong Xóm Tôi

Nguyễn Sơn

Tác giả lần đầu góp bài. Qua bài viết đầu tiên, đã thấy cách ông viết rất tinh tế, chu đáo, nhiều chi tiết sống động. Mong ông tiếp tục viết về nước Mỹ và vui lòng bổ túc sơ lược tiểu sử cùng địa chỉ liên lạc.

Tết Mậu Thân 1968, miền Bắc truyền lệnh «tổng công kích và tổng khởi nghĩa» cho bộ đội chính quy hợp lực với quân du kích tấn công miền Nam trong khi hai miền đã có ký kết hưu chiến trong dịp Tết.

Họ quan niệm nếu đánh thắng được miền Nam thì tốt, nếu không được thì cũng gây tiếng vang trên quốc tế, nói chung, và với Hoa Kỳ, nói riêng. Lý do là vì năm đó bên Mỹ có cuộc bầu cử tổng thống, các ứng cử viên và dân chúng rất nhạy cảm với chuyện chiến tranh, chuyện đem con dân Hoa Kỳ sang Việt Nam tham chiến. Thêm vào đó là chuyện biểu tình, đốt nhà, đốt cờ, và giết người do nhóm phản chiến quậy tưng bừng ở khắp nơi trong nước Mỹ.

Trong đợt một 1968 (31/01/1968) Cộng quân đánh đài phát thanh Sài Gòn. Quân của họ được ém trong một căn nhà trong một hẻm nhỏ nằm trên đường Nguyễn

Bỉnh Khiêm. Nếu tôi nhớ không lầm thì nhà đó ở trong con hẻm số 109 mà ngay ngoài đường là một nhà thuốc tây của và đối diện xéo xéo bên kia đường sau này có tiệm giặt ủi Mai Lan.

Trước khi quân họ xuất phát nơi con hẻm Nguyễn Bỉnh Khiêm thì có một số người trẻ ăn mặc như sinh viên, học sinh xuất hiện ngay đầu đường Tự Đức. Hình như họ di chuyển từ hướng cầu Phan Thanh Giản (sau này là Điện Biên Phủ) đi vào. Họ kêu gọi mọi người tổng nội dậy với quân cách mạng, họ cầm loa hình cái phễu để khuếch âm. Họ nói «đồng bào có giáo có mác hãy cùng chúng tôi nổi dậy tham gia cách mạng», nhưng không một ai ủng hộ. Mọi người đều sợ sệt vì lần đầu tiên thấy Việc Cộng vào ngay Sài Gòn, ai cũng hãi hùng, lo âu.

Lúc đó Ba tôi là sĩ quan trong quân đội miền Nam. Tết đó Ba về phép nên đang ở trong nhà hôm đó. Hai cha con đứng trên lầu bên trong phòng nhìn xuống đường qua cánh cửa sổ mở hé một tí. Ba tôi suy nghĩ thế nào tôi không rõ nhưng thấy khuôn mặt ông căng thẳng, lo âu lung lắm.

Sau đó họ di chuyển đi nơi khác, đến sáng chúng tôi mới biết là đánh nhau bên khu đài phát thanh.

Cuộc tấn công đợt hai liên quan đến nơi tôi ở. Vào sáng sớm ngày 5/5/1968 họ tổng tấn công trên nhiều vùng lãnh thổ miền nam trong đó có một vụ ngay khu vực gần nhà chúng tôi, đó là cầu Phan Thanh Giản bên phía quận Nhất (nay là cầu Điện Biên Phủ nơi giáp giới quận Bình Thạnh và quận Nhất).

Họ từ bên phía Gia Định sang quận Nhất giựt sập một đầu cầu Phan Thanh Giản rồi đóng chốt tại đó. Phía VNCH cho cảnh sát dã chiến và cảnh sát thường phục đến truy kích. Sau đó có thêm tiếp viện từ lính bộ binh tác chiến Biệt Động Quân, Cảnh Sát Dã Chiến và lính Mỹ.

Cộng quân rút sâu vào bên trong khu nhà dân chúng dọc theo rạch Thị Nghè và vào đến cuối đường Tự Đức (nay là Nguyễn Văn Thủ) và đóng chốt tại một tòa nhà kiên cố là trường Anh Văn Tự Đức.

Nhà chúng tôi số 9A nằm đối diện với ngôi trường và tôi có thấy ít nhất bảy, tám tên Việt Cộng trong căn nhà đó (ngôi nhà này lúc đó không có ai ở vì là trường học). Ngay cửa chính là ba tên đứng chốt với hai cây AK hai bên, một tên cầm B40 đứng giữa. Trên lầu và những cửa sổ chung quanh tòa nhà đều có người đứng lấp ló với súng chĩa ra ngoài.

Tại thời điểm đó tôi chưa biết nhìn và phân biệt súng nào ra súng nào, chỉ khi tàn cuộc chiến năm đó rồi xem báo chí mới biết súng nào là AK, B40. m thanh của súng AK, B40 nghe thiệt khiếp, cướp tinh thần và làm hoang mang bà con nhiều hơn là nghe tiếng súng Carbin hay Garant.

Ba tôi lúc đó không có ở nhà, ông đang làm việc trên Đà Lạt. Thời gian đó ông cũng bị tấn công vào một căn nhà dân sự dùng làm nơi ở và làm việc. Ba tôi phải quăng ra một mớ lựu đạn rồi chạy ra qua lối sau phía ty Cảnh Sát Đà Lạt.

Trong nhà tôi lúc đó toàn đàn bà và con nít gồm có Má, một bà Dì của Má, và 6 anh em chúng tôi mà tôi là lớn nhất (12 tuổi). Mọi người nằm trong nhà lo sợ chưa biết tính sao. Chỉ nghe âm thanh tạch tạch vài tràng AK rồi đùng đùng thật lớn của B40. Cả đời tôi chưa biết chưa thấy chiến tranh thật sự ra sao ? Chưa biết súng đạn bắn chết người thế nào ? Cho dù có đọc qua báo chí hay thấy hình ảnh chết người thì biết vậy thôi nhưng không hình dung nó khủng khiếp khi mình bị rơi vào hoàn cảnh như bây giờ.

Cả nhà nằm dưới gầm giường chứ không dám chạy đi đâu. Ra ngoài thì sợ vì không nghe tiếng người dân chung quanh, chỉ nghe đạn bắn lung tung, đụng tôn,

đụng tường kêu rền vang. Ngó ra ngoài thì thấy lính Việt Cộng đứng chần dần trước nhà mình.

Khoảng thời gian đó thật khủng khiếp. Bình thường khu xóm luôn ì xèo tiếng nói chuyện hay tiếng xe cộ, nhưng lúc đó thì không nghe tiếng động của bất cứ ai trong khu vực. Sự huyên náo và ồn ào hàng ngày bị thay thế bởi tiếng súng chát chúa và kinh khiếp.

Chúng tôi vẫn cứ nằm trong tới buổi trưa thì Má tôi ngửi được mùi cháy khét và tiếng nổ lốp bốp của gỗ cháy. Chúng tôi nhìn ra thì thấy cháy trên nóc nhà trường Anh Văn. Không rõ chuyện cháy lớn nhỏ nhiều ít thế nào nhưng Má tôi hoảng quá nên kêu thu dọn hành trang gọn nhẹ và nói là phải chạy thôi !

Chúng tôi ra đi với hai ba giỏ quần áo, đồ ăn rồi kéo nhau chạy ra ngoài. Má tôi và bà Dì cùng mấy đứa em ra trước, tôi đi sau với bịch đồ, và đóng cửa sắt phía trước. Lính Việt Cộng đứng ngay trước nhà, mặt lầm lì, lăm le súng trên tay, nhìn gia đình tôi. Nhìn thấy họ tôi hoảng quá nên không dám đứng lại lâu để khóa cửa, chỉ khép hờ thôi rồi cúi mặt, chậm chạp mà đi, không dám chạy rủi nó hoảng nó làm mình một tràng thì mệt chứ không chơi.

Sau này đọc báo mới biết là nhóm Việt Cộng này thuộc đơn vị ở Bình Dương, chúng chỉ xấp xỉ 17, 18 tuổi, thậm chí còn ít hơn.

Chạy đến nhà số 18A ở giữa hẻm 28 Nguyễn Bỉnh Khiêm và đường Tự Đức thì có một vài gia đình bên trong hẻm gọi chúng tôi vào. Không hiểu sao Má tôi và cả nhóm lại dừng lại và vào đó. Thì ra họ cũng sợ như mình, không dám chạy nên thấy có ai chạy ngang thì kêu vào cho có bạn.

Sau đó chúng tôi cũng phải đi tiếp chứ không dám ở đó. Mọi người lớ quớ đứng ngay đầu hẻm mà chưa kịp đi, nhóm Việt Cộng tại trường Anh Văn cảm thấy không ổn nên làm một tràng vài viên AK về phía chúng tôi. Không biết chúng bắn thiệt hay là dọa nhưng đạn trúng vào vách tường sau lưng chúng tôi. Cả nhà cuống quýt chạy, và họ không bắn theo nữa.

Chúng tôi chạy đến cuối con hẻm 26 Nguyễn Bỉnh Khiêm thì thấy một xác người nằm chỏng gọng, ngay đơ. Xác chết nằm ngang đường, mặc áo sọc carô nhạt, quần dài, có lẽ là một lính Việt Cộng. Khuôn mặt anh ta đau đớn, khốn khổ như làm một chuyện gì đó không đúng lương tâm, xông pha nhưng rồi bị đạn và chết đơn độc. Cái mặt gầy ốm như thiếu ăn, quắt lại trông rất thê lương.

Quẹo phải ra hướng đường Nguyễn Bỉnh Khiêm khoảng 100 thước ngay chỗ nhà bảo sanh Kim Ngọc, tôi gặp một vài anh lính mặc đồ rằn ri Biệt Động Quân, tôi báo cho họ lính Việt Cộng đang ở đâu. Ra đến đầu hẻm, quẹo phải về hướng đình Tân An, thấy nhiều lính các loại sắc phục đứng bắn vào trong, tôi cũng góp chuyện với họ là Việt Cộng bên trong chốt ở đâu.

Nhiều người hướng dẫn chúng tôi lên trường tiểu học Lê Văn Duyệt trên đường Phan Đình Phùng (nay là Nguyễn Đình Chiểu) tạm trú ở đó. Thế là cả nhà kéo nhau đến đó, đây là ngôi trường tiểu học mà tôi vừa học xong lớp nhất vào năm ngoái.

Tôi nhớ là ở trường mấy ngày thì cuộc chiến chấm dứt. Nghe tin mọi người bảo là hết đánh nhau rồi nên hai Má con về thăm nhà xem thế nào. Từ đầu đường Tự Đức càng vào bên trong thì gạch vụn xếp lớp, lổn ngổn đầy trên đường đi. Nhà tôi bị sập hết chỉ còn hai vách nhà và hai cây cột trước nhà với cái cửa sắt màu xanh, chiếc xe Vespa của Ba tôi văng trên mười thước, nằm ngay trước nhà hàng xóm dưới đống gạch đá. Cái Tivi bị úp xuống đất nhưng không bể kính và sau đó vẫn xài được.

Theo tôi biết, Việt Cộng đã chiếm một tòa nhà cao ốc trong xóm tôi. Sau nhiều đợt tấn công, lính miền Nam vẫn không giải tỏa được vì tòa nhà rất chắc chắn vì xây vào thời Pháp, gạch dày hai, ba lớp.

Tôi nghe nói tướng Lê Nguyên Khang có ý định cho máy bay thả bom nhưng có nhiều người không bằng lòng vì sợ còn dân trong khu đó. Sau hai, ba ngày, phía Cộng Hòa phải cho cảm tử vào tòa nhà đặt mìn. Đội cảm tử men theo lối vào nhà kế bên rồi trèo qua đặt mìn phá sập căn nhà.

Trong trận này có tướng Nguyễn Ngọc Loan cũng bị thương ở đây. Nhiều sắc lính tham chiến ở đây gồm có lính Mỹ, Cảnh Sát dã chiến và thường phục, bộ binh tác chiến, Biệt Động Quân, thiết giáp, và sau đó có Thủy Quân Lục Chiến.

Vài ba ngày sau khi cuộc chiến dứt, tôi thấy người ta đào bới để tìm xác. Những xác chết Việt Cộng đa số đều cởi trần, mặc quần xà lỏn, tay có dây thừng, người sưng vù như đòn bánh tét. Có thể lúc đóng trong cao ốc tới mấy ngày họ đã cởi ra vì nóng nực, vì thế lúc chết chỉ có quần ngắn. Hơn một năm sau, khi dọn dẹp để xây lại căn nhà đó, họ tìm thêm một xác nữa nhưng chỉ còn xương thôi.

Tôi nghe đồn mấy lính Việt Cộng chiến đấu dữ lắm vì tay bị cột bằng dây thừng vào khung cửa sổ. Tôi thắc mắc ai tiếp đạn và đồ ăn cho họ, còn chuyện vệ sinh thì sao ?

Có một điều chính tôi thấy tận mắt và rõ ràng : đó là khi chúng tôi về nhà thì gặp lính VNCH đang bắt tù binh trong một tòa nhà, tôi thấy khi đi ra trên tay những tù binh đó có dây thừng lòng thòng. Trong áo ngực của họ thì lính VNCH lấy ra mấy viên thuốc màu hồng. Nghe nói đó là thuốc hăng máu, uống vào giúp lên tinh thần, hưng phấn hay sao đó. Mấy viên thuốc và dây thừng giúp tôi hiểu ra tại sao lính Việt Cộng đánh rất hăng

Vài ngày sau tôi và mọi người nghe tiếng kêu từ dưới đống gạch vụn, binh lính moi lên được hai tên Việt Cộng. Họ nhịn đói dưới đó hai ngày để chờ dịp trốn nhưng chịu không nổi phải lên tiếng kêu cứu. Cũng như vậy, hai Việt Cộng đều có dây thừng nơi cổ tay.

Vài ngày nữa lính Cộng Hòa bắt thêm một tên nấp dưới sông, hắn bắc cái võng nằm dưới đó mấy ngày. Một người hàng xóm khi đi vệ sinh nhìn xuống thấy hắn nằm trên võng mặc bộ đồ pajama, bà ta tri hô lên. Lính miền Nam hỏi ông nằm đó rồi lấy gì ăn, tên Việt Cộng nói là chúng tôi có bánh tét chôn dấu ở dưới sông

nhiều ngày trước khi tham gia trận chiến.

Như vậy tổng cộng Việt Cộng bị bắt và chết mà chính tôi thấy là xấp xỉ mười mạng.

Hàng xóm nhà tôi căn số 8A có một cô bạn ngang tuổi bị đạn M79 câu vào ngay trong nhà nên miếng dính vào đầu và chết sau đó. Cô bạn tên Hồng cùng tuổi cùng học chung luyện thi Đệ Thất, sát một bên nhà và chúng tôi thường chơi chung những trò chơi con nít ngày xưa. Trong đợt hai 1968 chỉ có mình cô bạn là dân thường bị chết vì đạn tại xóm tôi.

Nhà chúng tôi được nhóm hướng đạo giúp dọn dẹp phá bỏ những đổ vỡ, làm gọn gàng sạch sẽ. Xin cám ơn nhóm hướng đạo nào đã đến giúp khu Tự Đức những ngày đó.

Vài ngày sau Ba tôi về và xin nghỉ dài hạn, toàn gia đình dọn về trú tại nhà bà chị họ nhà số 3A không bị thiệt hại nhiều. Khu chúng tôi có năm, sáu căn phải xây lại trong đó có nhà tôi. Sau khi xây nhà mới xong thì Ba tôi trở về đơn vị.

Sau cuộc chiến và ngay cả sau khi căn nhà của chúng tôi đã được xây lại, tôi cũng chưa thể quên mọi chuyện và bắt đầu cuộc sống mới, bởi vì hàng ngày khi ở trên

lầu nhà tôi nhìn qua khu đất đổ nát của ngôi trường cũ vẫn còn đó. Chủ nhà chỉ dọn dẹp một ít vòng ngoài, những gạch đá nát vụn bên trong thì họ cứ để đó từ từ tính sau vì chủ nhân chưa muốn xây ngay.

Bất cứ cuộc chiến tranh nào xảy ra thì thường dân vẫn là những nạn nhân đầu tiên. Người mất nhà, kẻ mất người thân yêu, người có những vết hằn hay mất mát còn đọng lại trên cơ thể do chiến tranh gây ra. Có người bị khủng hoảng tâm thần do mất nhà cửa, người thân, sau nhiều năm vẫn còn ngơ ngác và hoang mang.

Bao nhiêu năm tôi đã vơi đi những đau buồn của Tết Mậu Thân, mọi ký ức từ từ lãng quên. Nhưng những hình ảnh, hồi ký của mọi người nhân 50 năm Mậu Thân đã gợi nhớ vết thương của mọi người, trong đó có gia đình chúng tôi. Vì thế, tôi ghi chép vài hàng về cảm nghĩ của mình.

Nguyễn Sơn

Báo Xuân, Hội Xuân, Và Khách Văn

Khôi An

Tác giả đã nhận giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2013 và hiện là thành viên Ban Tuyển Chọn Giải Thưởng Việt Báo và vẫn tiếp tục góp bài viết. Sau đây là bài mới của cô. Hình ảnh tại Hội Tết Mậu Tuất, San Jose, California.

Thấm thoát mà tháng Giêng đã trao mùa Xuân cho tháng Hai.

Bánh chưng và các món ăn ngày Tết đã hết, áo dài cũng đã cất đi, nhưng niềm vui đầu năm vẫn còn ở lại. Tết năm nay có nhiều điều đáng nhớ. Chỉ những điều nho nhỏ thôi, nhưng đầy ý nghĩa.

Báo Xuân

Năm nay, 2018, là kỷ niệm một trăm năm tờ báo Xuân đầu tiên ở Việt Nam : Giai Phẩm Nam Phong Tết Mậu Ngọ 1918 của hai vị chủ bút Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác. Một thế kỷ đã qua từ sáng kiến của hai nhà báo lừng lẫy vào bậc nhất Việt Nam, và báo Xuân đã trở thành một phần không thể thiếu của Tết.

Trước năm 1975, chẳng những các tờ báo chuyên nghiệp ở miền Nam có báo Xuân, mà các trường Trung học lớn cũng làm báo Xuân.

Báo Xuân là đúc kết của những tài hoa, sáng tạo trong giới học sinh, và là niềm tự hào của mỗi trường. (Tôi biết một nhân vật khá thành công trong xã hội, nhưng thành tích duy nhất mà anh ấy «khoe đi khoe lại» là trước năm 1975, anh từng làm trưởng khối báo chí trường Nam Trung Học Petrus Ký, Sài Gòn và đã được dẫn đầu phái đoàn đi bán báo Xuân - rất đắt hàng, vui nhất là ở các trường của con gái như Trưng Vương, Gia Long, Lê Văn Duyệt...)

Ra đến hải ngoại, dù số người đọc ít ỏi, nhưng hầu hết những tờ báo lâu đời trong cộng đồng Việt đều duy trì truyền thống báo Xuân.

Nhưng, đến cuối thập niên 90, cuộc nhảy vọt về kỹ thuật đã đưa đến một hệ lụy, đó là «văn hóa thưởng thức sản phẩm tinh thần miễn phí». Người ta quen với chuyện không trả tiền nhưng vẫn được nghe nhạc, đọc sách, báo trên mạng. Văn chương được cắt, dán từ trang chủ qua nhiều trang khác, đi cả một vòng thế giới, người xem năm châu chẳng ai tốn đồng nào.

Việc phát hành sách, báo bị ảnh hưởng rất nhiều từ đó.

Cách đây vài năm, một vị trong ban biên tập báo Xuân Việt Báo đã chia sẻ rằng tờ báo được thực hiện với nhiều tâm huyết và công sức nhưng giá tiền chỉ gói gọn bằng một cái bánh chưng.

Thời đó, bánh chưng mười đồng một cái.

Tết Mậu Tuất năm nay, một cái bánh chưng đã tăng thành mười lăm đồng, nhưng tờ báo Xuân Việt Báo vẫn giữ nguyên giá cũ, mười đồng.

Đôi khi tôi cũng có chút bùi ngùi cho văn chương, nói chung, và sách báo, nói riêng. Nhưng ý nghĩ đó biến đi khá nhanh, bởi tôi tin vào văn học, nghệ thuật. Những tác phẩm giá trị luôn luôn có một chỗ đứng riêng, vượt trên mọi xô bồ và cả thời gian.

Báo Xuân Việt Báo luôn có bìa màu đỏ pháo, ở góc phải là hình vẽ con giáp của năm bằng nét đen đậm, tựa như nét bút lông. Cách trình bày không thay đổi từ bao năm đã trở thành biểu tượng của tờ báo. Ngay từ tấm bìa, tờ báo đã có vẻ đặc biệt, đơn giản mà mỹ thuật, nhẹ nhàng nhưng vẫn có nét kiêu kỳ lặng lẽ, giống như một kẻ sĩ «biết người, biết mình».

Mỗi năm, báo Xuân Việt Báo đều có một chủ đề liên quan tới lịch sử. Chủ đề lịch sử năm nay, Mậu Tuất, 2018, là sự kiện lừng lẫy : «1030 năm chiến thắng Bạch Đằng».

Đọc những bài trong báo Xuân về ba lần giặc xâm lăng phương Bắc đền tội trên sông Bạch Đằng, lòng tôi bừng lên cảm giác tự hào. Tôi nhớ lại câu chuyện sứ giả nước Việt là Giang Văn Minh đã trả đũa sự trịch thượng của vua nhà Minh bằng chiến thắng Bạch Đằng.

Năm 1637, để làm bẽ mặt Việt Nam trong một buổi triều kiến có rất nhiều sứ bộ trên thế giới, vua Minh đã nhắc lại cây cột đồng do Mã Viện chôn ở nước Nam sau khi đánh bại Hai Bà Trưng bằng vế câu đối : «Đồng trụ chí kim đài dĩ lục», nghĩa là «Cột đồng đến giờ rêu vẫn xanh». Chánh sứ Giang Văn Minh đã hiên ngang đáp lại : «Đằng Giang tự cổ huyết do hồng», nghĩa là «Sông Đằng từ xưa máu còn đỏ». Ba lần chiến thắng Bạch Đằng để trả lời một lần Mã Viện khoe công, câu đối đã làm vua Minh tím mặt.

Ngoài lịch sử, báo Xuân Việt Báo luôn có nhiều bài vở phong phú và rất giá trị bao gồm từ chính trị, khảo cứu, văn học, nghệ thuật, cho tới chuyện cộng đồng. Thời sự dĩ nhiên là cập nhật, mà văn học cũng theo sát những đề tài nóng hổi trong năm. Xuân Đinh Dậu, báo

giới thiệu Ocean Vương, nhà thơ gốc Việt được giải Whitting Award 2016. Xuân Mậu Tuất, báo có truyện của Giáo Sư Nguyễn Thanh Việt, người về đầu năm 2017 của giải văn chương Pulitzer, giải thưởng lâu đời và cao quý vào hàng đầu của Hoa Kỳ.

Điều quý nhất, đối với tôi, là Báo Xuân Việt Báo luôn có nhiều tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ lão thành, những người đã từng gắn bó với thời huy hoàng của văn học miền Nam 1954-1975. Có khi là bài viết từ xưa, có lúc là bài mới, nhưng tôi thích nhất là những bài dựa trên ký ức vui buồn từ mấy mươi năm trước. Tôi cảm thấy như người viết đang mở tim ra để chia sẻ những điều quý nhất trong thời hoa niên rực rỡ của họ với người đọc. Cứ mỗi năm, số tác giả đó lại bớt đi một vài người. Họ đã đến nơi mà ai cũng sẽ đến. Điều đó không thay đổi được, nhưng nó vẫn làm tôi bâng khuâng. Và càng cảm được rõ hơn cái giá trị độc đáo của Báo Xuân Việt Báo.

Hội Tết & Gian Hàng Sách Báo

Tôi không khéo bán hàng. Nói rõ hơn, tôi không thích quảng cáo dài dòng hay vận sức mời mọc người mua. Tôi chỉ mời nhè nhẹ và muốn rằng khách có thể nhìn phong cách của người bán mà hiểu ra giá trị của món hàng. Đó là một suy nghĩ chủ quan và thường đưa tới

kết quả là... bán ế. Tôi biết thế nên chẳng bao giờ dám mơ làm giàu bằng đường thương mại.

Vì vậy, có người thắc mắc : thế nhưng bạn vẫn bán sách báo trong hội chợ Tết ?

A, bán sách. Đó là chuyện khác. Với tôi, đem những quyển sách giá trị tới tay người đọc không phải là buôn bán, mà là làm văn hóa.

Hội Xuân mà không có một vài gian hàng văn học, nghệ thuật thì như ngày Tết mà thiếu hoa, như người đẹp mà kém duyên. Vì thế, từ hai năm nay, nhóm Việt Bút Bắc California bán báo Xuân Việt Báo và sách Viết Về Nước Mỹ ở hội Tết. Đó là cách chúng tôi đóng góp cho cộng đồng.

Tuy vậy, khi chạm vào thực tế, chuyện đóng góp cũng không đơn giản.

Ở San Jose, Bắc California, năm nào cũng có vài hội chợ Tết. Năm nay, Tết rơi đúng vào cuối tuần nên có hai hội chợ thật hào hứng, đông vui. Tuy nhiên, cả hai nơi đều thu lệ phí gian hàng : hai trăm đô la là giá «ủng hộ» cho các hội đoàn phi lợi nhuận. Số tiền đó có thể nhiều hơn tiền lời bán sách nên chúng tôi chỉ đi tìm các hội chợ cho phép các hội đoàn tham gia miễn phí.

May sao, trước Tết hai tháng, tôi nghe radio giới thiệu một hội chợ được thành phố San Jose và nghị viên Nguyễn Tâm bảo trợ vào ngày thứ Bảy, 24 tháng 2, tức mùng chín Tết Mậu Tuất. Thế là tôi mừng rỡ đi họp với ban tổ chức tại Trung Tâm Cộng Đồng Việt Mỹ, nơi hội chợ sẽ diễn ra.

Thứ Tư, ba ngày trước hội Tết, tôi đã xếp sẵn sách báo trong xe, và các anh chị trong nhóm Việt Bút Bắc Cali cũng đã sẵn sàng «ra quân».

Rồi mãi đến chiều tôi mới chợt nhớ ra...

Năm 2018 là đúng năm mươi năm sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân, 1968. Làm văn hóa mà không có gì để tưởng niệm các nạn nhân của biến cố này thì là một thiếu sót rất lớn. Mặc dù trong Báo Xuân có mấy bài về biến cố Mậu Thân, nhưng gian hàng phải có một thứ gì để khách du xuân dễ dàng nhìn thấy và nhớ lại. Chọn lựa tốt và nhanh nhất là quyển Giải Khăn Sô Cho Huế của Nhà Văn Nhã Ca với bản Anh ngữ Mourning Headband for Hue do Giáo Sư Olga Dror chuyển dịch.

Vì không còn thời giờ để lấy sách từ quận Cam, tôi viết email cầu cứu nhóm Việt Bút Bắc California. Chị Iris cho mượn ba quyển, cộng với hai quyển của tôi. Thế là vấn đề được tạm giải quyết.

Tối thứ Năm là buổi họp cuối cùng của Ban Tổ Chức hội Tết. Khi bàn đến mục nghi lễ trước bàn thờ quốc tổ do Hội Người Việt Cao Niên Vùng Vịnh đảm trách, một cụ ông chuyển ý kiến của cụ Trương Đình Sửu về việc lập thêm một bàn tưởng niệm nạn nhân năm Mậu Thân. Đề nghị này đã được cả hội trường nhanh chóng đồng ý, làm cho tôi thấy rất ấm lòng.

Cám ơn các cụ cao niên đã đóng góp một điều ý nghĩa nhất và đẹp nhất của mùa lễ hội năm Mậu Tuất.

Bàn tưởng niệm là nơi để những người chưa quên đến nghiêng mình nhớ đến các nạn nhân của cuộc xâm lấn năm xưa. Bàn thờ đó thay cho lời tuyên bố của cộng đồng người Việt hải ngoại : khi nào giới lãnh đạo Việt Nam Cộng Sản chưa cúi đầu ăn năn trước lịch sử thì tội ác của họ và những oan khiên Mậu Thân vẫn chưa tan.

Không khí của buổi họp cuối cùng khá rộn ràng. Cô Hạnh, trưởng ban tổ chức còn rất trẻ nhưng khéo léo và đầy năng lực đã sát cánh cùng mấy chục tình nguyện viên làm việc thật nhịp nhàng. Trước khi ra về, ban tổ chức mời mọi người ngày mai đến dựng cây cảnh và trang trí cho hội Tết, họ làm tôi nhớ đến cái tưng bừng, thân thiết của những ngày giáp Tết xa xưa khi bà con trong làng họp nhau cùng mổ heo, gói bánh.

Năm nay, nhóm Việt Bút Bắc California chung gian hàng với nhóm Văn Thơ Lạc Việt như năm ngoái. Ngày thứ Sáu, anh Thái NC (thành viên của cả hai nhóm) và tôi đã hăng hái ghé Trung Tâm Sinh Hoạt Việt Mỹ tới hai lần, nhưng vì chúng tôi đến quá sớm nên ban tổ chức còn chưa kịp dựng lều cho gian hàng. Thế là hai người lại hẹn nhau ngày hôm sau ra sớm để sửa soạn trước giờ khai mạc.

Thứ Bảy. Trời nắng ngời ngời nhưng lạnh tới co ro, nhất là khi có luồng gió thổi qua thì tím môi, tê má. Tuy vậy, mới sáng sớm không khí tại hội Tết đã rất tưng bừng. Hai bên lối vào là hai cây mai, đào đầy hoa làm bức nền rực rỡ cho hàng quốc kỳ Mỹ, Việt đang tung bay trong gió. Cổng vào cao vút với hai câu đối; nhạc Xuân và tiếng pháo phát ra từ loa phóng thanh, rộn ràng.

Khi tôi đến gian hàng thì anh Thái NC vừa căng xong biểu ngữ. Anh Thái NC là «gươm lạc giữa rừng hoa» của nhóm Việt Bút Bắc California hiện nay, vì thế mỗi khi cần phải làm việc gì nặng nhọc, «thanh gươm» đều có mặt. Cũng may, có một thân hữu Việt Bút tên Sơn luôn hết lòng giúp đỡ. Dù mưa hay gió, hai anh luôn có mặt đầu tiên để đẩy sách từ xe vào, và ra về cuối cùng sau khi khiêng sách còn lại ra xe. Nhóm văn chương thì cám ơn bằng chữ, vì thế chúng tôi có hai câu đối «tuyên

dương» công sức của hai anh như sau :

Mặc gió lạnh, sáng tinh sương Sơn đã ra đẩy chữ

Chấp mưa dầm, chiều nhá nhem Thái vẫn đến khiêng văn.

Năm nay, gian hàng của Việt Bút và Văn Thơ Lạc Việt là một trong những gian hàng chưng bày xong sớm nhất. Hình ảnh về giải Viết Về Nước Mỹ - Bé Viết Văn Việt rực rỡ treo phía trước, phía sau là biểu ngữ duyên dáng của Hội Văn Thơ Lạc Việt, trên bàn là sách báo tươi màu cùng xếp hàng chào đón khách. Sau đó, chúng tôi thảnh thơi ngắm nhìn quang cảnh chung quanh và lấy điện thoại ra chụp hình gởi cho nhóm. Các chị ở nhà chắc cũng náo nức ngóng chờ nên trả lời ngay, khen gian hàng nhà trông đầy khí thế. Thế là hình ảnh, lời nhắn bay qua bay lại vun vút trên điện thoại, đúng là vui như Tết.

Sau khi đi dạo một vòng, tôi nhận thấy điều đặc biệt nhất tại gian hàng của chúng tôi thì hình ảnh không chụp được, đó là sự «gan dạ» của người trông hàng. Tất cả mọi gian hàng chung quanh đều tặng quà cho khách du xuân; ngay cả gian hàng thư pháp đông khách nhất cũng tặng chữ rồi khách tùy tâm ủng hộ. Chỉ có gian hàng của Việt Bút và Văn Thơ Lạc Việt là bán

chứ không tặng. So sánh cho cùng thì quyển sách Viết Về Nước Mỹ chỉ xấp xỉ bằng tiền hai người vào tiệm ăn trưa, nhưng, thời buổi này, biết còn bao người thích xem sách và giữ sách ?

Tuy nhiên, tâm niệm của chúng tôi là đem sách báo đến để khách ghé xem, để báo Xuân góp phần cho hình ảnh Tết được trọn vẹn, để khách có chọn lựa nếu muốn đem về một chút văn chương làm kỷ niệm cho buổi du Xuân. Làm được những điều đó là chúng tôi đủ vui. Chút tiền lời bán sách, nếu có, là phần thưởng thêm của cái duyên văn hữu.

Khách Văn

Mấy năm nay tình hình kinh tế ở vùng Thung Lũng Điện Tử Bắc California rất khả quan nên người ta thoải mái bỏ tiền sắm Tết. Từ hai mươi bốn, hai mươi lăm tháng Chạp, người mua ra vào nườm nượp ở những nơi bán bánh chưng, giò chả ngon có tiếng. Nhân viên bán hàng bận rộn quá, nhiều khi trở thành cau có, khó chịu. Có những nơi khách mua hàng xong lắc đầu tự hỏi sao mình trả cả mớ tiền mà người bán kênh kiệu như vừa mới ban ơn.

Tuy vậy, người mua sách vẫn khá hiếm, và vì thế càng thêm quý. Cái quý nhất không phải là số tiền họ bỏ ra, mà là cái ý muốn đọc những lời trong sách, muốn giữ cuốn sách đó trong nhà. Đó là sự cảm thông giữa người viết và người đọc. Những tác phẩm không phải là hàng hóa mà là sự nối kết giữa người viết văn và khách đọc văn.

Ngày bán sách đầu tiên trong hội Tết Đinh Dậu năm ngoái, trời vừa qua một cơn mưa, gian hàng lại nằm ở một góc khá xa trên bãi cỏ còn ẩm ướt nên khách du Xuân ngại ngùng ít ghé. Trời đã xế, khách càng vắng, chỉ có tôi đứng với đống sách thì bỗng có một người mặc khăn đóng áo dài chạy đến mua một tờ báo Xuân. Sau đó mới biết anh ta là thầy dạy tiếng Việt, trông gian hàng của trường Việt Ngữ Văn Lang gần đó. Hành động tuy nhỏ nhưng thật ấm lòng vì nó là lời chia sẻ trong thinh lặng của những người cùng muốn duy trì tiếng Việt.

Năm nay, nhờ chăm chỉ đi họp từ những buổi đầu, tôi đã chọn được căn lều ở ngay ngã ba, nơi nhiều người qua lại nhất. Hội Tết năm nay nhỏ hơn, trời lạnh hơn, nhưng lòng chúng tôi vẫn rộn rã hòa với tiếng trống thúc lân vang dội.

Cũng như năm ngoái, người mở hàng năm nay là anh Hòa, một khách văn rất nhiệt tình và cũng là một bạn đọc lâu năm của mục Viết Về Nước Mỹ. Hôm nay anh cũng đến khi hội Tết vừa mở cửa, và dốc ví mua một túi đầy sách. Anh còn lưu lại gian hàng để chúng tôi có bạn, và chỉ ra về khi mặt trời đã lên cao, lúc hội chợ bắt đầu đông.

Người ta thường nói «văn là người», nhưng khi bán sách tôi thấy rằng «sách đọc cũng là người». Có một bác, dáng người nho nhã, dừng lại và cầm ngay lấy quyển Vua Quang Trung của hội Văn Thơ Lạc Việt. Bác nhìn ngắm hình nhà vua ở bìa rồi lật vào trong. Anh Thái NC đến tiếp chuyện và biết được bác là cựu giáo sư Sử Địa ở trường Trung Học Hồ Ngọc Cẩn, Sài Gòn. Bác kể rằng bác đã giảng dạy bao nhiêu thế hệ học trò về trận đại thắng quân Thanh mùa Xuân Kỷ Dậu 1789, cùng những việc làm để chấn hưng đất nước của vua Quang Trung, vị vua mà theo ý bác là một trong những hào kiệt xuất sắc nhất của nước Nam. Anh Thái ngỏ lời biếu bác cuốn sách đó, bác nhận lời. Tôi nhìn theo khi bác bước qua gian hàng khác, cảm thấy hạnh phúc vì chúng tôi được đem lại cho bác chút vui nhỏ đầu Xuân, nhưng cũng thoáng bâng khuâng. Bác gợi lại hình ảnh cả một tầng lớp thầy cô khả kính ở Việt Nam thời tôi đi học. Nhớ quá một thời đã qua !

Buổi chiều có chị Mão và chị Thịnh Hương lái xe hơn một tiếng đồng hồ từ San Francisco tới phụ, rồi chị Iris cũng đến cùng với một giỏ cúc vàng tươi thắm làm gian hàng càng thêm rực rỡ.

Không rõ vì trời đẹp, vị trí đẹp, hoa đẹp, nụ cười của các chị rất đẹp, hay tất cả các điều nói trên, mà chiều hôm đó gian hàng của chúng tôi càng thêm đông vui.

Dễ thương nhất là những vị cao niên. Có lẽ các bác vẫn quen đọc sách, báo trên giấy và có nhiều thì giờ hơn để thưởng thức văn chương, vì thế năm nào họ cũng là những khách văn rộng rãi. Các bác gái thường mua báo Xuân, rồi bác trai mua ủng hộ thêm một cuốn sách. Hình ảnh bác trai móc ví trả tiền cho vợ thật là đáng yêu và ấm áp. Mong các bác có thêm thật nhiều mùa Xuân đi hội bên nhau !

Ngoài những bạn đọc của mục Viết Về Nước Mỹ, các bạn đọc từ Facebook cũng đến ủng hộ. Hầu hết họ là người hâm mộ anh Thái NC qua những câu chuyện nhẹ nhàng, đầy tình cảm, nhất là tình gia đình, được diễn tả bằng văn phong duyên dáng, dí dỏm mà sâu sắc của anh.

Có một chị tên Angela, làm trong thư viện của thành phố San Jose, ghé vào tâm sự là chị rất muốn sách Viết Về Nước Mỹ có mặt trong thư viện của mọi thành phố tại Hoa Kỳ. Chị đã từng kêu gọi nhiều người lên trang mạng của các hệ thống thư viện, vào mục «Suggest a Purchase» để giới thiệu sách hay của cộng đồng người Việt hải ngoại (thí dụ tại San Jose thì vào link https : // www.sjpl.org/purchase). Những người có thẩm quyền sẽ tuần tự mua các quyển sách được nhiều người yêu cầu. Chúng tôi chuyện trò vui như bạn cũ rồi trao nhau «ước hẹn» : chị sẽ tham gia viết bài còn chúng tôi sẽ quảng bá việc yêu cầu thư viện mua sách.

Có một cặp vợ chồng và cô con gái ghé gian hàng mua một quyển báo và một quyển sách Viết Về Nước Mỹ. Họ nhìn thấy quyển Mourning Headband for Hue và ngỏ ý muốn mua cho cô bé. Tôi và chị Iris nhìn nhau, hơi bối rối. Đây là ấn bản đặc biệt mà chúng tôi đã mua trong đợt phát hành đầu tiên năm 2013, có giá trị cao hơn sách thường khá nhiều.

Thật tình là khi đem sách ra chưng, chúng tôi không định bán những quyển sách bìa cứng quý giá đó. Mục đích của chúng tôi là để khán giả xem tại chỗ và nhớ về biến cố Mậu Thân, với hy vọng là họ sẽ tìm mua sách trên Amazon sau khi về nhà.

Tuy nhiên, tôi chẳng có lòng nào nói không với những người đang vui mà vẫn tưởng nhớ đến những đau thương từ năm mươi năm trước. Gặp được những bậc cha mẹ muốn cho con biết về lịch sử, cội nguồn, và một người trẻ sinh ra ở Mỹ mà vẫn quan tâm đến những biến cố của Việt Nam, điều đó thật sự quý hơn tiền. Sau một chút ngần ngừ, tôi rút điện thoại chụp lại những dòng chữ của chính tác giả Nhã Ca đề tặng tôi, rồi trao quyển sách cho người chủ mới. Cô bé xưng tên là Hoài Diễm và muốn tôi viết thêm vài dòng. Tôi ghi «Để kỷ niệm buổi đi chợ Tết Mậu Tuất, 2018. Mong Hoài Diễm luôn luôn là một cô bé Việt Nam đáng yêu.»

Không biết có phải cuốn sách trên tay Hoài Diễm đã lọt vào mắt của những người đồng cảm khác hay không, chỉ một lúc sau có một anh (sau đó tôi biết tên anh là Tiến) ghé vào gian hàng. Anh chỉ ngay hai quyển Giải Khăn Sô Cho Huế và Mourning Headband for Hue và ngỏ ý muốn mua. Anh đưa ra tờ một trăm đô la và hỏi có đủ hay không. Tôi và chị Iris lại bàn luận với nhau. Cuối cùng, hai chị em cũng lại đồng ý rằng người đã muốn lưu lại tài liệu về Mậu Thân, đã biết đến giá trị của sách thì cũng là tri âm, cũng là người chúng tôi chẳng nỡ từ chối. Tôi đưa ra quyển tiếng Việt còn lại của mình cùng với quyển tiếng Anh của chị Iris. Chúng tôi tặng thêm cho anh tờ báo Xuân vì «báo rất hay, anh

sẽ thích lắm !»

Anh Tiến đi rồi, hai chị em cứ cười khúc khích vì «thành tích» bán hàng dưới giá vốn của mình. Tuy vậy, lòng chúng tôi vẫn vui. Đã từng gặp gỡ nhiều người không biết và không muốn biết về sự kiện Mậu Thân, đã từng thấy những người coi những đau thương trong cuộc chiến Việt Nam là chuyện lỗi thời, nhức đầu, không muốn nhắc đến, tôi rất quý những khách văn như gia đình Hoài Diễm và anh Tiến. Họ giúp tôi thêm vững tin rằng trên con đường duy trì và quảng bá hồn Việt, chúng tôi vẫn có bạn cùng đi.

Sáu giờ chiều hội chợ kết thúc. Anh Chinh Nguyên, hội trưởng Hội Thơ Văn Lạc Việt, anh Thái NC, và tôi sắp xếp sách báo, vật dụng lên xe. Rời hội Tết trong những cơn gió chiều càng lúc càng lạnh nhưng tôi tin rằng cả ba đều hài lòng vì đã có một ngày đầy ý nghĩa.

Tôi nghĩ đến những người đã gặp trong hội Tết, nhất là đoàn học sinh, sinh viên đến giúp mọi người dọn dẹp và thu xếp lều vào lúc cuối. Mặt các em rạng rỡ, sức sống của các em ngời ngời tựa như những măng non đang vùn vụt lớn. Tôi thấy rõ họ là tài sản quý báu dường nào của cộng đồng. Chỉ cần chúng ta biết hướng dẫn và làm gương để họ yêu quý nguồn gốc và tự hào về cộng đồng Việt.

Hầu hết khách văn là người lớn, nhưng năm nay đã có Hoàng Diễm là người trẻ ghé gian hàng. Năm sau có cách nào để có thu hút nhiều người trẻ hơn ? Làm sao để có thêm tài liệu bằng Anh Ngữ cho những người trẻ muốn tìm hiểu về văn hóa, lịch sử Việt ? Nếu năm sau chúng tôi đem những tài liệu đó đến, liệu có ai quan tâm hay không ?

Ước mơ của tôi luôn luôn đi trước khả năng của chính tôi, và đôi khi điều đó trở thành gánh nặng. Nhưng trong buổi chiều Xuân này, tôi không thấy cô đơn trước ước mơ của chính mình. Vì tôi biết rằng không cần phải có câu trả lời ngay lúc đó. Nếu tôi thường xuyên có mặt, và hết lòng giúp đỡ, thì các em sẽ đến. Chỉ cần chúng ta có lòng và sẵn sàng tìm kiếm thì sẽ gặp được nhân duyên để làm việc hữu ích.

Tôi tin như thế. Ở ngoài kia, có lẽ còn nhiều người, chẳng hạn như những khách văn tôi từng gặp, cũng tin như thế.

Khôi An

Huế, Tôi và Mậu Thân

Nguyễn Văn Phán

Thay lời giới thiệu. Điện thư tác giả Captovan gửi Việt Báo Viết Về Nước Mỹ : Bài viết «Huế, Tôi, Mậu Thân» là của anh cựu Trung Tá Tiểu Đoàn Trưởng TĐ8/TQLC Nguyễn Văn Phán, anh gửi cho Ban Biên Tập Đặc San Sóng Thần TQLC, nhưng thấy quý báo đang kêu gọi viết về Hồi Ức Mậu Thân nên chúng tôi xin phép anh để gửi đến quý báo đăng trước, BBT/ST chúng tôi sẽ đăng sau, coi như một lời chào của anh gửi đến đồng bào gốc Huế trong lúc anh đang chiến đấu... như 50 năm về trước anh chiến đấu với «thần chết VC» và anh đã chiến thắng và anh sẽ chiến thắng. Kính chào.

- Việt Báo VVNM cám ơn các tác giả và Ban Biên Tập Đặc San Sóng Thần. Xin cùng đọc hồi ức sống động và xúc động về những người đã dành lại Kỳ đại Ngọ Môn trong trận chiến sau cùng tại Huế Tết Mậu Thân. Trân trọng cầu mong tác giả sẽ tiếp tục chiến thắng trong mọi cuộc chiến mới.

Từ Cai Lậy về thủ đô, nhập ngay vào trận đánh giải tỏa trại Cổ Loa của Thiết Giáp và Xóm Mới Gia Định xong xuôi, Quái Điểu Tiểu Đoàn 1 Thủy Quân Lục Chiến về nằm dọc đường Ngô Tùng Châu. Mười hai giờ khuya họp Tiểu Đoàn, 2 giờ sáng có mặt tại Tân Sơn Nhất, 4 giờ sáng lên máy bay đi, đi đâu không biết.

Đồ khô và tái trang bị không lãnh kịp. Cứ lên phi trường rồi hay. Đó đây những loạt pháo kích, những loạt đại liên rời rạc, những đốm hỏa châu lủng lẳng trên bầu trời. Tôi để lại đằng sau một Sài Gòn mang nặng bộ mặt chiến tranh. Những chiếc máy bay C.13O khổng lồ nuốt gọn 8OO Quái Điểu và đưa chúng tôi lên cao trong đêm tối mịt mùng.

- Đi đâu bây ?

- Nha Trang, tao nghe Nha Trang đang có đánh nặng.

Lượm Đại Đội Trưởng Đại Đội 1 (dân Nha Trang) trả lời. Tôn Đại Đội Trưởng Đại Đội 2 là dân Đà Lạt, cãi :

- Đà Lạt.

Phán Phu Nhân nói :

- Đi đâu cũng được, đổi vùng là khoái rồi.

(Khi vào quân trường, Phán trình diện : Tui chánh quán làng Phú Nhơn, ở gần hồ Tịnh Tâm, quận Thành Nội, Huế. Thế là sau đấy, giữa lửa đạn và thịt đổ xương rơi, qua tiếng thét trong máy truyền tin, cái tên ngụy trang «Phu Nhân» ra đời, nghe thật lạ tai !)

- Máy bay chi bay mãi ri bây ?

Thời tiết thật xấu, và rồi bánh phi cơ cũng chạm đất, những cặp mắt đổ dồn ra khung cửa sổ máy bay. Phú Bài ! Cơn gió cắt da, bãi cát trắng trải dài, mưa nặng hột. Thiếu áo lạnh, tất cả đều quấn Poncho đứng nhìn đoàn người gánh gồng xuôi ngược, hấp tấp và lo sợ, một số về Truồi, một số lên Gia Lê, An Cựu.

Phú Bài đó, Tịnh Tâm đó, Cầu Kho đó, Mạ, dì, chị và em mình đó mà không liên lạc được. Tình hình không biết sao, ruột như lửa đốt. Trách nhiệm nặng nề, tôi nằm trằn trọc suy nghĩ thật nhiều để chờ sáng mai. Kỷ niệm thời đi học kéo về trong trí tôi, đẹp quá, nhẹ nhàng quá, vụng dại quá.

Mười giờ sáng, đoàn GMC đưa chúng tôi về Huế. Qua Gia Lê, đồng bào hỗn loạn, nét lo âu hiện rõ trên mặt. Tới An Cựu, dân chúng thưa thớt, nhà hai bên đường đóng kín cửa. Dọc quốc lộ 1 từ Huế về Phú Bài, binh sĩ Nhảy Dù từng toán dìu nhau âm thầm đếm bước.

Những cái nhìn như nhắn gửi, như lo sợ giùm chúng tôi. Mạnh, Đại Úy Nhảy Dù, cùng khóa cho tôi biết :

- Huế tang thương và điêu tàn lắm Phán ơi. Thừa (cùng khóa) chết, Phạm Như Đà Lạt bị thương...

Mạnh khắp người băng bó đang được hai đệ tử dìu đi bộ về phi trường Phú Bài. Mạnh tiếp :

- Phán, mày cẩn thận. Không yểm trợ, không thực phẩm, không tiếp liệu, thời tiết quá xấu. Tụi nó chiếm hết thành phố, Đại Nội, Gia Hội. Tụi nó chốt rất kỹ, chỉ còn cái lõm nhỏ ở Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1 tại Mang Cá.

Đoàn xe dừng lại bên hông đại học Văn Khoa, cách con đường là trường Kiểu Mẫu mới xây, đối diện là đài phát thanh Huế, và trước mặt là cầu Trường Tiền, chiếc cầu tượng trưng cho xứ Huế, chiếc cầu đã hàng ngàn, hàng vạn lần qua lại, đầy ắp kỷ niệm.

Nhìn qua chợ Đông Ba và phố Trần Hưng Đạo mà lòng quặn thắt. Một mái chợ đã sập, những cột khói ngút trời cách khoảng. Từ đầu đường đến cuối đường Trần Hưng Đạo không một bóng người. Nhìn bên phải là cầu Gia Hội vắng tanh, những cột khói khác vươn lên... Cả thành phố đã chết, Huế tôi tang thương đến thế sao ! Một nhịp cầu đã sập, tôi nghĩ vành khăn tang đã

cuốn lấy Huế.

Xuống tàu tại chân cầu Trường Tiền, xuôi dòng Hương xanh biếc ngang Gia Hội, quẹo trái sông Hàng Bè, cầu Đông Ba đó, có tiệm La Ngu ngày xưa chúng tôi thường mua dụng cụ học trò. Tiếp tục xuống ngang tiệm gạo Mụ Đội, có người con gái đẹp não nùng tên Xuân mà con trai Huế lứa tuổi tôi đều hơn một lần đi qua đó để nhìn người con gái trời cho đẹp. Qua trường Bình Minh, nơi tôi học năm Đệ Tam, nhiều kỷ niệm đẹp. Đến Bao Vinh, dân chúng nhốn nháo khi thấy một đơn vị lớn đang đổ bộ tại bến đò.

Tôi hướng dẫn đơn vị vào Mang Cá Nhỏ để tới bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Địch chào đón bằng hàng loạt hỏa tiễn 107 và 122. Tất cả nằm sát bờ tường để tránh pháo và tìm chỗ phòng thủ. Tôi cho lệnh Sự, Trung Úy Đại Đội Phó, kiểm soát con cái và chuẩn bị cơm chiều. Trung Úy Sự là sĩ quan trẻ, có tài và đầy nhiệt huyết, xuất thân Khóa 19 Võ Bị Đà Lạt, thủ môn đội tuyển Nha Trang, đúng là đa năng đa hiệu.

Tôi dự buổi họp Tiểu Đoàn khẩn cấp và quan trọng. Tiểu Đoàn Trưởng ra lệnh :

- Phu Nhân rành địa thế dẫn đầu, 8 giờ sáng mai xuất phát. Kế tiếp là Tôn, Đại Đội 1, Lượm Đại Đội 2, tiếp theo là Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn cùng Đại Đội Chỉ Huy, sau cùng là Tòng Đại Đội 4. Mục tiêu Phu Nhân phải chiếm là trường tiểu học Trần Cao Vân. Trước trường có thành Quân Cụ, vào khoảng một đại đội ta đóng ở đó, không biết còn hay mất.

Phán hỏi :

- Còn phi trường Thành Nội thì sao ? Tình hình trong Đại Nội, Thiếu Tá có nắm vững không ?

- Không rõ, tụi nó chiếm hết, chốt rất kỹ. Tất cả các cửa Thành Nội tụi nó đều kiền và chốt rất chặt. Cửa Hữu, cửa Chánh Tây, cửa Sập, cửa An Hòa, cửa Đông Ba, Kỳ Đài Phú Vân Lâu v.v.. tụi nó đều chiếm hết.

Trong óc tôi, một bản đồ chi tiết hiện ra rất rõ cho một cuộc hành quân mà tình hình tôi nắm không được vững. Tôi cố tìm một con đường ngắn và an toàn nhất cho đơn vị để tới mục tiêu. Có rất nhiều đường đưa tới trường Trần Cao Vân, nơi từ 9 tuổi đến 19 tuổi tôi đã bao nhiêu lần đi lại. Con đường nào cũng đầy hoa và mộng, nay tôi đang tìm một con đường không có máu để cho anh em chúng tôi đi.

Tám giờ sáng, tất cả gọn gàng, sẵn sàng di chuyển. Ba trăm thước đường từ Mang Cá đến nhà tôi sao quá dài. Bồn chồn, nóng ruột vì nơi đó Mạ tôi, dì tôi, chị tôi và em trai út của tôi đang trông ngóng. Không biết có bị gì không ?

Thiếu Uý Duật, Trung Đội Trưởng Trung Đội 2 dẫn đầu. Duật xuất thân Khóa 21 Đà Lạt, hăng say, gan, thích xóc đĩa và gái đẹp, uống rượu rất ít, chỉ phá mồi. Phán và Ban Chỉ Huy Đại Đội kế tiếp. Thiếu Uý Nghênh, Trung Đội Trưởng Trung Đội 1 tiếp theo. Nghênh xuất thân từ «Commando Du Nord», kinh nghiệm, gan lỳ, thích đánh phé nhưng đánh nhỏ, rượu rất ít và không thích gái. Kế đến là Thượng Sĩ Nhất Mã Khện, Trung Đội Trưởng Trung Đội 3, xuất thân Commando trong Nam, rất gan lỳ, ít nói, mê rượu, không mê gái. Sau cùng là Thượng Sĩ Nhất Hải, Trung Đội Trưởng Trung Đội súng nặng. Hải xuất thân «Commando Du Nord», người Nùng, lì lợm già dặn chiến trường, không rượu, không gái và không thuốc lá.

Hai bên đường dân chúng đứng chen chúc, vẻ mặt hớn hở, thật tội nghiệp cho họ. Lần lần những khuôn mặt quen thuộc hiện ra, những cánh tay vẫy chào, nào mụ Đội Dậu, mụ Ba, ông Sung, ông Dung, anh Thiên chủ bàn Ping Pong... Những tiếng nói đó đây :

- Anh Phán đó tề ! Anh Phán ! Anh Phán...

Tiếng gọi lớn dần và lan dài suốt con đường tôi đi.

Con hẻm sát hồ Tịnh Tâm là đường vào nhà tôi. Mạ tôi đó, dì, chị và em tôi đó, xao xuyến quá ! Tôi đi nhanh đến ôm Mạ tôi, dì và chị tôi khóc như mưa. Thằng em luống cuống chạy quanh, bị Mạ tôi nạt :

- Mi chạy mau vô nhà lấy khúc cá kho khô và đòn bánh tét gói lại đem ra đây bới cho anh mi.

Mạ tôi dụi vào tay tôi chai dầu Nhị thiên đường :

- Con xức cho khỏi gió.

Lính đi ngang hỏi nhau :

- Mạ Đại Úy sao đầu trọc lóc vậy bây ?.

- Bà ấy đi tu để phước cho con, tụi mình cũng được hưởng ké đấy.

Phán và âm thoại viên vẫn còn dừng lại :

- Nhà mình có răng không Mạ ? Bà con thân thuộc có ai bị chi không ?

- Nhà ông Quế chủ quán Chiêu bị trúng hai trái nhưng người thì không răng. Nhà mình bị ngói đổ một góc,

cây đào bị gãy ngọn. Còn thằng Chỉ không biết đi mô.

Chỉ là bạn tôi xuất thân Khóa 17 Võ Bị Đà Lạt. Tôi xót xa đắng miệng :

- Thôi con đi, Mạ và gia đình đừng lo cho con.

Mạ tôi khóc òa, tôi thật não lòng. Những tiếng gọi anh Phán, anh Phán tiếp tục vang lên cho đến giữa hồ Tịnh Tâm.

Tiếng gọi, giọt nước mắt và những cánh tay chào vẫy, phải chăng nhắc nhở trách nhiệm của tôi. Bây giờ là lúc đền đáp ơn sâu nghĩa nặng. Vinh dự này thật khổ. Máu nóng sôi trong người, tôi và hai âm thoại viên vượt lên đi với trung đội đầu.

Cuối hồ Tịnh Tâm là đường Tịnh Tâm, tôi cho lệnh quẹo tay mặt theo đường lên nhà ông Ngự Đạt. Như vậy bên hông mặt của con cái tôi lúc nào cũng có bức thành và cái hồ che chở. Cuối đường Tịnh Tâm quẹo trái là trường tiểu học Đoàn Thị Điểm, nhưng tôi không đi con đường này. Tiếp tục đi thẳng qua một con hẻm nhỏ, con đường đã bao lần đi lại, nào ăn cắp me, nào trộm sấu, nào hái xoài, nào đào sen, nào học thi, nào thăm người yêu... Con đường nào cũng nhắc tôi bao kỷ niệm yêu dấu khôn quên.

Đến Canh Nông, chưa thấy phản ứng nào của địch, gần sân bay Thành Nội dân chúng thưa thớt và kinh hãi. Tôi cho dừng quân bên này đường, một ông già mách :

- Con đường ni bị bắn rất rát, từ trong cửa Hòa Bình ở Đại Nội bắn ra.

- Còn sân bay Thành Nội ra sao ôn, có ai khôn ?

- Đánh nhau mấy ngày ni dữ lắm, mà tui không biết răng, không biết mình hơn hay thua nữa.

Tôi chỉ con đường và hướng dẫn Duật : Băng qua khỏi con đường này, đến một xóm nhà, qua một cái cống thì bên trái là thành Quân cụ. Nghênh và Mã Khện yểm trợ hông mặt cho Duật, và sau đó băng qua đường theo tôi. Con đường chỉ có 5 thước mà hơn một giờ mới vượt qua với 6 thằng em rớt rụng trên mặt đất. Lần mò theo mép đường tới sát ống cống, tôi cho dừng lại, phi trường vắng tanh. Tôi bảo Duật :

- Mày cho một thằng con nhỏ qua trước làm đầu cầu bên kia cống, sau đó cho tất cả con cái mày qua rờ vào thành Quân Cụ, chờ tau lên.

Thành Quân Cụ cao khỏi đầu người, không liên lạc được với bên trong. Tất cả con cái nằm sát thành để tôi và đám cận vệ bò tới cổng chính. Loáng thoáng thấy

nón sắt, Field -Jacket, giây ba chạc, không phải tụi nó đâu, chắc chắn là bạn rồi. Thằng đệ tử tôi gọi lớn :

- Ê ! Thủy Quân Lục Chiến đây.

Một loạt đạn bay qua khỏi đầu một cách rùng rợn. Bò lết vào tới trong đồn, ông trưởng đồn nói tiếng Huế đặc sệt, ông là Trung Uý Cát, thủ môn nổi tiếng của Huế :

- Đại Úy ơi, 7 ngày không ra vào nổi, nó bao hết. Trường Trần Cao Vân, Đại Nội, xóm nhà trước mặt và bao quanh đồn tụi nó chốt hết. Nhà bảo sanh sau lưng trường cách một cái hồ tụi nó cũng chiếm luôn. Dân chúng chạy hết rồi, không còn ai cả. Tụi nó pháo liên miên, không cho ngóc đầu được, đủ loại : 61, 82 hỏa tiễn 107, 122. Tôi ráng cố thủ đây được ngày mô hay ngày nấy, còn ngoài nớ tôi không liên lạc được nên không biết tình hình các nơi khác ra răng.

Tôi trở ra báo cáo về Tiểu Đoàn, lệnh của Tiểu Đoàn Trưởng :

- Phu Nhân chiếm cho bằng được trường Trần Cao Vân, dọn sạch chung quanh. Tiểu Đoàn Trưởng và Bộ Chỉ Huy sẽ lên ở trại Quân Cụ. Quan sát địa thế thêm một lần nữa, trước mặt trường là cái am lên đồng, bên cạnh là quán hớt tóc lợp tranh chỉ có một ghế ngồi. Sát

đó là ngã ba đường, một đường chạy lên cửa Sập, một chạy về trường Đào Duy Từ và một chạy đến trường Trần Cao Vân. Có bốn năm cái đầu lố nhố bên trong trường. Duật phải chiếm am trước, trong trường bắn ra mãnh liệt, có cả B.40. Tôi ra lệnh Nghênh và Mã Khện cầm chân hỏa lực trong trường học. Duật chiếm xong am không một tổn thất. Tôi gọi Thượng Sĩ Hải đem hai đại liên và một 57 không giật lên tăng cường cho Duật để Duật yểm trợ cho Mã Khện vào trường. Sau 45 phút dùng mưu kế cùng với hỏa lực và sự gan dạ, kinh nghiệm, Mã Khện đã chiếm được một lớp của trường. Nghênh tràn vào cùng với Mã Khện lục soát và làm sạch sẽ. Hỏa lực từ góc Thành Nội đổ dồn về phía trường học, không sao, có thành của các lớp học che chở.

Tôi kêu Sự :

- Pháo binh có chưa ? Kêu về đại bàng Thanh Hoá cứ bắn vào góc thành cho tau.

Đến chiều vẫn không có một trái pháo bắn, anh em tôi có 7 đã lót đường cho mục tiêu đầu và 3 bị thương nặng. Tôi lên sát Duật và bảo đem cây 57 đến :

- Nhắm ngay vào góc thành, tụi nó bắn rát quá cứ «phơ» cho tau, trật trúng gì không cần, chỉ cần tiếng nổ.

Qua một vạt đất trống, trong một ngôi nhà gạch có bóng người lấp ló. Duật quay 57 nhắm thẳng :

- Nhột quá, cho em bung cái nhà này đi.

Tôi bỗng thấy có bóng đàn bà, tôi la lớn :

- Khoan bắn, nhà thầy Tiềm.

Rồi tôi băng qua đám đất trống đến nhà gặp cô và các cháu. Không thấy thầy, tôi chào cô và giới thiệu tôi học Sử Địa với thầy ở trường Bồ Đề và khuyên cô về dưới phố. Tôi trở lại vị trí mà lòng nao nao buồn. Giờ này vẫn chưa có pháo, làm sao khóa góc thành đó lại. Duật bảo con cái đào hầm hố thật kỹ, tôi dặn :

- Mày cố thủ tại đây cho Tiểu Đoàn lên.

Tôi cùng đám đệ tử lúp xúp chạy đến tiệm hớt tóc để quan sát ngã ba đường và góc Thành Nội. Tôi chợt nghe tiếng đàn bà rên la quằn quại, sau cùng chỉ còn tiếng rên nho nhỏ. Nơi góc quán tối tăm, một người đàn bà máu me khắp nửa phần thân thể, vừa bị thương nặng lại vừa sanh ra một bào thai lờ mờ tượng hình đứa bé, trông giống như con rắn mối. Xót xa, chịu không nổi, tôi ra lệnh đem chôn đứa bé ngay và chuyển người mẹ về đồn Quân Cụ cho bác sĩ Tựu cứu giúp.

Đến lúc ấy đại đội tôi đã có 13 chết, 3 bị thương nặng để trải thảm cho đơn vị.

Tối đó, Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn đến trại Quân Cụ. Sáng hôm sau, Tiểu Đoàn Trưởng cho Đại Đội 2 của Tôn và Đại Đội 1 của Lượm dưới sự chỉ huy của đại ca Đã, Tiểu Đoàn Phó, chiếm nhà bảo sanh. Đoạn đường có 30 thước, cách một hồ nhỏ mà phải trả bằng 50 đứa con thân yêu. Sau 8 tiếng đồng hồ mới chiếm được nhà bảo sanh, Tôn bị thương ngay từ phút đầu, Lộc Đại Đội Phó lên thay.

Mười ngày tiếp theo, nhìn nhau qua một con đường rộng vừa đủ cho xe chạy mà hai bên đều khựng. Mưa vẫn rơi ray rứt lê thê, thỉnh thoảng cơn gió thật lạnh thổi qua. Có những trận tấn công chớp nhoáng của địch vào Đại Đội của Lượm và Lộc đều bị đánh bật lui. Ngược lại ta cũng nhiều lần cố tràn qua bên kia nhưng không chiếm được thêm một tấc đất. Hai bên tải thương đều thấy nhau rất rõ. Lượm bị hao hụt nặng, Phu Nhân lên thay. Tôi và con cái bò lên từng toán một, địch và ta đã sát nhau, ngóc đầu lên là đạn bắn xuyên mũ sắt ngay. Hơn nửa ngày mới trám hết vị trí của Lượm. Lượm và Tòng về phòng thủ cho Tiểu Đoàn. Tối đến pháo địch đủ loại nổ vang trời. Xác chết của anh em nằm trên mặt đường, sình lớn mà không lấy được. Phía bên kia bốn

năm xác địch vẫn để yên, tụi nó cũng không dám ra lấy về. Cố giữ đất, giữ vị trí và làm vài cuộc tấn công nhỏ vẫn không qua đường được.

Từ căn nhà hai tầng cuối đường nhìn xéo từ nhà bảo sanh, một thượng liên và và trung liên nồi của tụi nó kiểm soát con đường rất kỹ, dưới sự chỉ huy của một đứa con gái mặc áo choàng màu xám, tóc xõa dài nhưng không thấy rõ mặt. Tay đứa con gái chỉ tới đâu thì đạn nổ dồn về hướng đó. Tôi nhắm bắn hai phát M16 nhưng hụt, nó trốn nhanh vào sau cửa và mất luôn.

Hai mươi ngày nằm chịu pháo và bị bắn sẻ, tối nào hai bên cũng rà máy chửi nhau. Theo dõi máy, đột nhiên tôi bắt được một câu báo cáo của tụi nó :

- Bồ câu hết thóc !

Tôi nghĩ ngay tụi nó đang thiếu đạn, nếu cứ nằm như thế này, một lúc nào đó tụi nó tập trung tấn công, mình cũng sẽ bị mất vị trí ngay, chỉ vì áp lực quá nặng nề, tổn thất nhiều, tinh thần anh em quá mệt mỏi. Tôi đi đến kết luận riêng : «Nếu mình không đánh nó, chắc chắn nó sẽ tấn công mình». Tôi trình với Tiểu Đoàn Trưởng :

- Thiếu Tá cho tôi luôn thằng 2 để tôi tấn công tụi nó. Tôi thấy tinh thần anh em xuống quá và sức khỏe ngày càng hao hụt.

Tiểu đoàn trưởng không cho, bắt ráng giữ vị trí. Phu Nhân năn nỉ :

- Nếu không thì cho tôi đột kích, tôi cùng vài toán nhỏ tràn qua đường đánh đột kích rồi rút về. Mình phải chứng minh cho tụi nó thấy mình còn đủ sức chơi tụi nó, thời tụi nó không dám tấn công mình.

Tiểu đoàn trưởng nói :

- Làm kế hoạch xong cho tôi hay.

Tại hầm của tôi anh em đang chờ, họ gồm : Lộc Đại đội 2, Sự Đại đội phó của tôi, Duật, Nghênh và Mã Khện. Tôi nói :

- Nằm chờ lâu tau chán quá, chỉ muốn qua đột kích tụi nó rồi rút về.

Tất cả im lặng, tôi tiếp :

- 4 giờ sáng mai mình đột kích, nếu giữ được vị trí thời tau cho tràn luôn. Bây giờ tau chọn 4 toán :

- Toán 1 : Phán, Điểu, Việt, Can, Dư và Phúc mang máy.

Toán 2 : Duật và 3 người thật nhanh và gan dạ.

Toán 3 : Nghênh và 3 người.

Toán 4 : Thượng Sĩ Nhất Hải và 3 người.

Tất cả trang bị thật nhẹ : mỗi người 20 quả lựu đạn và hai băng đạn cong ráp ngược cho M16.

Sự và Lộc dẫn con cái ra sát bờ đường, khi thấy khói xanh thì lùa tất cả tràn qua. Nếu thấy khói màu vàng, yểm trợ tối đa cho tụi tau dọt về. Sự và Lộc hãy về lo cho con cái, đúng 4 giờ sáng sẵn sàng tại vị trí.

Duật, Nghênh và Hải ở lại, tôi nhìn anh em thật lâu rồi cho biết

- Tau theo dõi tụi nó báo cáo qua máy, hình như tụi nó thiếu đạn. Do đó tau quyết định cuộc đột kích hôm nay.

Tôi nghiêm mặt và lạnh lùng nói :

- Hai ông Duật và Nghênh tôi chỉ định phải đi với tôi. Riêng ông Hải, tôi cho ông suy nghĩ lần nữa. Lần này đi khó trở về, ông con cái đông, muốn ở lại vị trí tôi cho phép và tôi hứa rằng tôi không nghĩ là ông thiếu

can đảm.

Suy nghĩ một lát, Thượng sĩ Hải trả lời :

- Đại úy cho tôi ở lại vị trí.

Tôi vui vẻ bằng lòng và gọi Mã Khện đến, Mã Khện đồng ý đi và xin đem theo Hạ Sĩ Nhất Mười. Tôi tiếp :

- Bây giờ các ông về chọn người xong lên gặp tôi.

Tôi ngồi suy nghĩ miên man, liều, phải liều mới cứu được đơn vị. Chiều hôm đó, lúc 4 giờ, các toán trưởng lên gặp tôi, có thêm Trung Úy Sự. Tôi hỏi lần chót :

- Có ai xin ở lại cho tôi hay.

Không ai trả lời. Tôi căn dặn Sự nhắc Lộc khi thấy khói xanh thì sao và khói vàng thì sao, phải nhớ kỹ. Tôi đưa ba toán trưởng bò đến hầm trú ẩn của nhóm tiền đồn ở sát ngã tư đường. Tôi chỉ từng căn nhà bên kia đường :

- Cái thứ nhất gần ngã tư là mục tiêu của tau, cái thứ hai kế tiếp có hàng rào là của Nghênh, căn thứ ba cũng có hàng rào và cây nhãn cao là của Mã Khện, căn thứ tư có mấy bụi chuối lớn là của Duật. Tất cả hãy quan sát cho kỹ và cố chọn một con đường tiến quân thích hợp, không cần báo cáo miễn sao thích hợp thôi.

Tôi tiếp tục quan sát mục tiêu của tôi. Căn nhà bằng gạch có nhà trên và nhà dưới, kế đó là cầu tiêu xây bằng đá lợp tôn, sát đường là cái giếng xi măng. Trước sân có hai cây vú sữa cao và sai trái. Tôi biết phải làm gì để chiếm căn nhà đó. Tôi quay lại nói :

- Lần chót tôi hỏi các ông có ý kiến gì không ? Đúng 4 giờ sáng mai tôi sẽ chiếm trước, sau đó tùy các ông bằng mọi cách phải hốt cho bằng được các mục tiêu tôi ấn định.

Trở lại vị trí, tôi dặn dò Điểu, Việt, Can, Dư và Phúc mang máy :

- Tối nay miễn gác, 3 giờ sáng mai gặp tau ở đây.

Sau đó tôi đi gặp Tiểu đoàn trưởng để trình bày kế hoạch. Ông nói :

- Nguy hiểm quá, không được, chết cả lũ !

Tôi nói :

- Nếu Thiếu Tá không làm bây giờ, một vài ngày nữa tụi nó chỉ cần ho là lính mình chạy hết.

Cuối cùng ông chấp thuận :

- Nhớ là có gì thì trở về liền, càng sớm càng tốt.

Tôi dạ nhưng trong đầu tôi nghĩ khác. Trước mắt tôi bây giờ không có gì ngoài đoạn đường từ tiền đồn qua cái giếng, lên cầu tiêu, tới nhà dưới rồi chiếm nhà trên. Tôi nằm suy nghĩ triền miên cho đến 3 giờ sáng.

Trước khi bò ra tuyến xuất phát, tôi nhắc Sự và Lộc một lần nữa cho chắc ăn. Bốn giờ kém mười sáng, toán tôi có mặt tại tiền đồn. Trời vẫn mưa, mưa xứ Huế có dư âm cái lạnh của ngày Tết. Trời tối không thấy gì, tôi ngại bắn lầm nhau. Gắng chờ một chút nữa, đến 5 giờ sáng mưa vẫn không tạnh, trời vẫn tối mù. Năm giờ rưỡi, cái giếng đã nhìn thấy được. Chuẩn bị ! Tôi cảm thấy hồi hộp, chỉ cần bốn cái nhảy vọt là qua bên kia đường nhưng khó như đi lên trời vì con đường này là con đường tử thần làm ranh giới bên ta và địch, là hai mươi ngày trời không nuốt nổi 5 thước đất. Rách nát bao nhiêu cũng vẫn không qua được. Bây giờ mình cắt băng khánh thành, phải làm để cứu đơn vị, phải hy sinh để cứu đồng đội. Vừa suy nghĩ xong, tôi phóng vụt qua ôm bờ giếng. Kế tiếp là Điểu, Việt, Can, Dư băng theo. Tất cả ngồi ôm thành giếng, mồ hôi ra như tắm mặc dù trời lạnh như cắt. Điểu và Can chiếm cầu tiêu. Bỗng một loạt đạn thật giòn và thật gần, tôi quay nhìn ra đường. Phúc và cái máy nát mình nằm trên mặt đường nhựa, dưới làn đạn mịt mùng của địch. Tôi hét lớn :

- Dư, Việt chiếm nhà bếp.

Tôi theo sát lên cầu tiêu bên cạnh Điểu và Can. Súng và pháo nổ dồn dập, một B40 nổ ngay trên đầu mái tôn cong, cả ba thầy trò đều bị miểng nhỏ đâm đầy mặt, tóc râu và lông mày đều bị cháy. Cầu tiêu nhỏ quá nên tôi cùng Điểu và Can lên nhà bếp. Tôi ra lệnh :

- Điểu và Dư chiếm nhà trên, lục soát thật kỹ. Để Việt ở lại, tôi và Can cũng lên nhà trên. Điểu và Can giữ cửa chính nhìn ra sân, tôi và Dư giữ cửa sổ nhìn ra vườn có nhiều luống khoai lang.

Trời sáng hẳn, tôi lắng tai chẳng nghe nhà bên cạnh có gì cả bèn bò trở ra bờ giếng và thấy Duật, Nghênh, Mã Khện vẫn còn bên kia đường. Tôi toát mồ hôi. Tôi nhìn thẳng vào mấy ổng rất nghiêm và lấy ngón tay ngoắc. Tôi không dám gọi lớn tiếng, mấy ông kia gật đầu. Tôi bò trở lên nhà trên. Lựu đạn, súng nhỏ, súng lớn nổ khắp nơi và nhất là bên phía tay mặt tôi. Tôi biết rằng tụi tôi đã băng được qua đường. Tôi hỏi khẽ :

- Thấy gì không Dư ?

Dư lắc đầu, tôi nghe tiếng thì thào sát vách tường phía ngoài. Tôi đoán khoảng 7-8 người đang ở trong một cái hầm, tôi dùng ngón tay đẩy nhẹ cửa sổ. Một loạt đạn từ

phía nhà đối diện xuyên ào ào vào cửa sổ. Bỗng Dư chỉ tay về phía các luống khoai, tôi đếm đủ 11 người đang bò qua, kaki Nam Định, súng AK và B.40, cách vách tường khoảng 20 thước, 15 thước rồi 10 thước. Tôi đưa súng lên lên định bóp cò thì Dư kéo lại và ra dấu dùng lựu đạn. Tôi dựng cây súng xuống thật nhẹ, hai tay rút hai trái lựu đạn miệng cắn chốt. Dư cũng thế, bốn lựu đạn ném ra cùng lúc, tiếng nổ xé trời, rồi bốn trái tiếp theo. Bên ngoài tường, tiếng hét lớn rồi tiếng rên và sau đó im lặng, tụi còn lại bò sát vào chân tường. Nhìn ra cửa, 5 xác nằm vắt trên luống khoai. Một loạt đạn nổ và tôi nghe :

- Chết em, Đại uý !

Tôi sững sờ nhìn Dư, tay trái ôm ngón út của bàn tay mặt đầy máu, ruột của Dư đổ ra lòng thòng. Dư ngã vật ra chết tại chỗ, nơi Dư đứng có một lỗ hổng nhỏ ở vách tường. Vì mãi nhìn qua cửa sổ mà không để ý ở phía dưới : nguyên một họng AK thọc qua lỗ tường để sát bụng Dư mà nhả đạn. Tôi bắn một loạt M16 ra cửa sổ, và cứ thế hết quả này qua quả khác tôi ném tất cả lựu đạn của tôi ra ngoài bờ tường.

Hai thằng em đã hy sinh, còn bốn thầy trò phải giữ vững vị trí. Phía bên tay phải của tôi, súng vẫn nổ dữ dội. Đến 10 giờ 30 sáng tôi cho Điểu liên lạc với Nghênh,

Duật và Mã Khện. Điểu băng người ra đi, bốn căn nhà cách nhau mười phút đi bộ mà hơn một tiếng đồng hồ sau Điểu mới về báo cáo là tất cả đã chiếm được mục tiêu. Có đoạn đường nào xa và xấu hơn đoạn đường tôi đang đi !

Toán Duật : một chết một bị thương.

Toán Mã Khện : hai chết.

Toán Nghênh một chết một bị thương.

Tất cả là 6 chết 2 bị thương, chúng tôi còn lại 11 người tại tuyến.

Điểu bò ra giếng cố đem qua cho tôi một cái máy. Cột máy vào một đầu dây và quăng đầu dây kia qua cho Điểu kéo. Can mở máy liên lạc với Tiểu đoàn :

- Trình đại bàng, tôi sẽ cho tràn ngập vị trí với thằng 2 của Lộc và thằng 3 của tôi.

Đại bàng hỏi :

- Tại sao từ sáng đến giờ không chịu liên lạc với tôi ? Tôi ra lệnh rút về ngay.

Phán nài nỉ :

- Đây là dịp may, tinh thần anh em đang lên, tôi xin đại bàng cho làm luôn.

Đại bàng Thanh Hóa nói bằng bạch văn không ngụy trang :

- Nếu anh không rút về, tôi sẽ đưa anh ra tòa án quân sự.

Khí giận bừng bừng, tôi tắt máy không trả lời, trên tay vẫn cầm trái khói xanh. Suy nghĩ thật kỹ. Suy nghĩ thật kỹ. Hơn mấy giờ để đánh mục tiêu, bốn căn nhà và một con đường ngập máu. Mưa vẫn lạnh như cắt da và mồ hôi vẫn ra như tắm. Cuối cùng tôi đành bảo Điểu chuyển lệnh cho các toán :

- Rút về ngay, mạnh toán nào rút toán nấy, không chờ đợi. Mang thương binh theo, xác chết bỏ lại.

Năm thước đường đi đã khó, về còn khó hơn. Mỗi bóng người nhúc nhích là đạn nổ hàng loạt, liên hồi, đạn bắn chéo bao phía, đan lưới thật dày trên mặt đường và khắp vị trí. Làm sao trở về đây ? Con cái bên kia đường đưa mắt theo dõi. Toán tôi bò ra giếng, bỗng mấy bóng đen vụt qua đường như sao xẹt, nhào vào bờ lề và được anh em kéo ra sau. Đạn nổ giòn tan cày nát mặt đường.

Đây là mấy đứa bị thương nặng, tưởng là di chuyển không nổi, nhưng khi nghe lệnh rút chúng thu hết tàn lực vùng chạy về, chớp mắt không kịp thấy.

Hỏa lực 3 phía nổ vùi vào vị trí chúng tôi. Các toán đột kích không còn liên lạc với nhau. Điểu và Can vẫn giữ căn nhà. Địch kiểm soát con đường bằng mấy cây thượng liên và trung liên, chúng bắn liên miên. Bên kia đường, Sự và Lộc đáp lễ bằng hỏa lực cơ hữu của Khăn Tím và của 2. Tôi lấy chân đạp vào thành giếng phóng người băng qua đường, lăn mình, nhảy, chạy và té ào vô bờ lề. Anh em kéo vội tôi ra sau, tôi dừng lại bảo Lộc và Sự bắn từng loạt một để tụi nó dọt về.

Nhìn thấy Việt ngồi thành giếng trố mắt ngó về mà tội nghiệp. Sống và chết cách nhau có một con đường. Tôi hồi hộp xót xa cho mấy thằng em. Tôi vừa quay mặt hét :

- Bắn kềm mấy cây thượng liên.

Những bóng người bay vọt qua đường. Tim tôi thắt lại, đạn nổ mịt mù. Lần lượt tôi gặp Nghênh, Duật, Mã Khện và tất cả anh em. Tôi ôm ghì từng đứa, tụi nó còn sống cả. Can và Việt nhào đến ôm tôi một cách dữ dội mà đậm đà trìu mến. Lính với tay sờ người, nắm nhẹ áo tôi :

- Đại Úy, tóc và râu Đại Úy cháy hết rồi, mặt bị dăm nhiều chỗ.

Cả Đại đội bất chấp đạn địch, đứng dậy nhìn nhau hãnh diện và sung sướng. Tôi báo cáo Tiểu đoàn :

- Tất cả đã về vị trí.

Bỗng tôi thấy thiếu một cái gì, tôi nhìn Can và Việt hỏi :

- Thằng Điểu đâu ?

Tụi nó nói :

- Lần cuối cùng em thấy nó vừa khóc vừa chạy lung tung tìm Đại Úy ở bên ấy.

- Thôi chết tau rồi, tau phải cứu nó, hai thằng bây theo tau.

Tôi, Can và Việt bò trở ra đường. Bỗng nhiên một bóng người nhảy qua khỏi hàng rào, nhảy qua khỏi miệng giếng, phóng nhanh qua đường, nhào lăn vào vị trí và la lớn :

- Ê, tụi bay thấy anh Hai đâu không ?

Điểu đứng dậy nước mắt đầm đìa, tôi lao đến ôm Điểu :

- Tau định qua kiếm mày đây.

- Trời anh Hai, tụi nó nói anh Hai chết rồi. Em đi lục hết căn nhà mấy chục lần, chỉ không dám ra ngoài hè mà không thấy xác anh Hai đâu. Hôm trước Mạ có dặn nhỏ với em, phải sát bên cạnh anh Hai, nếu có gì cũng phải nhớ đem anh Hai về cho Mạ..

Tóc tai mặt mày râu ria Điểu cháy nám, áo quần rách bươm, nó khóc mùi mẫn vì thấy tôi còn sống. Rồi nó lại bẽn lẽn cúi đầu hai hàng nước mắt lã chã giọt xuống đất. Trong một cuộc chiến bạc bẽo lại có chút tình nghĩa trao nhau qua mấy giọt nước mắt nóng hổi. Sáu giờ chiều, xuống trình diện Tiểu Đoàn Trưởng, ông nói ngay :

- Ông làm chuyện nguy hiểm quá, lỡ kẹt bên đó thì nói làm sao với Lữ Đoàn ?

Tôi dạ dạ vâng vâng cho qua rồi nghiêm mặt đề nghị :

- Thưa Thiếu Tá, ngày mai cho tôi tấn công, tôi tin chắc sẽ tràn ngập vị trí tụi nó. Cho tôi thêm thằng 2 của Lộc, để thằng 1 của Lượm đi sau thu dọn chiến lợi phẩm. Chỉ xin Thiếu Tá cho tôi hai chiếc tank kèm hai bên hông của tôi.

Ông hỏi :

- Có chắc ăn không Phán ?

Tôi cương quyết :

- Chắc, và nếu tràn được vị trí Thiếu Tá cho phép tôi đánh thẳng lên Kỳ Đài nếu kịp thời gian.

Tôi theo Tiểu Đoàn Trưởng lên trình ông Già Hự, Đại Tá Yên Tư Lệnh Phó. Ông già chấp thuận.

Tôi trở về họp các trung đội trưởng :

Ngày mai, 8 giờ sáng, Đại Đội 3 Khăn Tím bên trái, Đại Đội 2 của Lộc bên phải, dàn hàng ngang lấy con đường lên cửa Sập làm chuẩn tiến song song. Sau khi hai chiếc tank yểm trợ bằng hỏa lực xong, cả hai đại đội xung phong tràn ngập vượt qua mỗi chốt thật nhanh, không cần thâu chiến lợi phẩm, để Đại Đội 1 đi sau làm chuyện đó. Tất cả ba lô và đồ ăn để lại, trang bị thật nhẹ, Khi tới xóm nhà sát cửa thành thì dừng lại chờ tôi.

Đúng 8 giờ sáng ngày hôm sau, dàn quân, hai chiếc tank Ontos hạng nặng tiến lên, mỗi chiếc trang bị 6 cây đại bác 106 ly. Tôi chỉ vị trí tác xạ cho hai trưởng xa người Mỹ rồi ra lệnh khai hỏa. Hy vọng 12 cây 106 ly này sẽ san bằng mục tiêu trước mặt cho con cái tôi

được dễ dàng đôi chút. Nhưng mỗi chiếc tăng chỉ bắn một phát đạn duy nhất rồi chạy lùi biến mất, không biết chạy về đâu. Tôi hết hồn, quân đã dàn xong, bắt buộc tôi phải ra lệnh xung phong. Tôi hét thật lớn, hét khản cả cổ :

- XUNG PHONG !

Cả một đoàn quân dàn hàng ngang, không một ai nhúc nhích. Con đường trước mặt, con đường của 21 ngày máu và nước mắt, con đường tráng nhựa đẹp đẽ nhưng băng qua là đi vào cõi chết. Tôi tức giận chửi thề lung tung rồi chụp cây đại liên M60 của người lính bên cạnh bắn một loạt dài rồi một mình tôi vừa bắn vừa băng qua đường cùng với toán cận vệ : Can, Việt, Điểu và hai thằng mang máy. Qua khỏi đường xông tới trước, tiếng đại liên của tôi nổ dòn. Đúng lúc ấy cả đoàn quân đồng thanh hô xung phong và ào qua đường. Sau đó, đoàn người vượt nhanh qua mặt tôi và lướt tới trước. Súng nổ vang rền, đoàn quân tiến đều, M16 bắn vãi vào chốt, lựu đạn ném vào chốt, đạp chốt, bang chốt, lướt qua, cố giữ đội hình. Tiếng nổ inh tai liên tục, đàn áp thật mãnh liệt và chạy tới trước. Đến 3 giờ chiều, chúng tôi đến xóm nhà sát cửa Sập.

Tôi ra lệnh :

- Lộc và Sự mỗi ông cho 1 toán 10 người băng nhanh đến sát mặt thành rồi ngồi xuống. Toán kế tiếp chạy đến leo lên vai toán thứ nhất để toán này đồn đồn lên thành. Khi bám được mặt thành thì tác xạ tối đa và bằng mọi cách giữ vị trí để làm đầu cầu.

Con cái tôi hành động đẹp còn hơn tài tử xi nê. Tiếng đạn lớn nhỏ nổ rền, hai toán lên thành chiếm xong vị trí. Tôi cho tất cả con cái đem bàn ghế ra chất sát tường và leo lên ngay. Tiếng đạn và pháo địch vẫn mãnh liệt trên nóc thành.

Một chặng đường xương máu đã vượt qua, bây giờ mục tiêu chính, mục tiêu của niềm hãnh diện, mục tiêu của ơn sâu và nghĩa nặng : Kỳ Đài Huế.

Đây là nơi tượng trưng cho linh thiêng của dân tộc nói chung và cho Huế nói riêng. Duật và 20 người tiến chiếm 6 cây súng thần công to lớn, từ đó Duật dùng hỏa lực kềm địch ở cửa Ngọ Môn, yểm trợ cho Nghênh và Mã Khện chiếm Kỳ Đài. Địch bắn trả. Con cái tôi dùng hỏa lực tối đa và thần tốc tiến vào Kỳ Đài. Phản ứng của địch bắt đầu yếu, 5 giờ 12 phút chiều, màu áo rằn ri Thủy Quân Lục Chiến đã làm chủ Kỳ Đài. Lá cờ xanh đỏ sao vàng đầy hận thù còn ở trên không. Một thằng

em rút đâu trong người ra một lá cờ vàng ba sọc đỏ thật lớn. Tôi gọi về Tiểu đoàn :

- Tất cả đã sạch sẽ, xin Thiếu Tá cho tôi treo cờ.

Tôi nhớ rõ lệnh của Trung tướng Lê Nguyên Khang :

- Một người lính Thủy Quân Lục Chiến duy nhất còn sống sót cũng phải dựng lại cho được ngọn cờ vàng tại Phú Vân Lâu.

Trong niềm vui cùng tột, Hạ Sĩ Hạnh hét lớn : «Thủy Quân Lục Chiến», xong lấy trái hỏa châu đập mạnh định bắn pháo bông lên trời ăn mừng. Trong cơn say chiến thắng, Hạnh xoay ngược hỏa châu vào mình, hỏa châu nổ xuyên bụng. Hạnh cười tươi :

- Em không sao Đại Úy.

Phán nghĩ thằng em này tỉnh táo quá, chắc nó chết, và nó chết thật.

Tiểu Đoàn Trưởng bảo Phu Nhân giữ đầu máy chờ.

(Sau này tôi được nghe : Khi báo cáo về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 1, Chuẩn Tướng Trưởng xin Thủy Quân Lục Chiến giành vinh dự treo cờ cho Sư Đoàn 1. Sáng hôm sau ngày 24/2 Phạm Văn Đính dẫn một đơn vị của Sư Đoàn 1 từ cửa Thượng Tứ lên làm lễ thượng kỳ.

Nhìn lá cờ vàng phất phới trên nền trời màu xám của Huế, tôi hãnh diện thật sự vì một thằng con của Huế đã góp phần dựng lại ngọn cờ này.

Trung úy Sự trình tôi :

- Thằng Hạnh chết, mình còn 67 người.

Đại đội ra đi hơn 17O người, sau 24 ngày và sau bao nhiêu lần bổ sung quân số, chỉ có 3 mục tiêu : con đường, cửa Sập và Kỳ Đài mà bây giờ tôi chỉ còn lại 67 người.

Sáng hôm sau tôi về phối trí đóng quân lục soát ở khu vực cửa Đông Ba, Nhà Thương Nhỏ, chợ Xép, ngã tư Anh Danh. Ban chỉ huy của tôi đóng tại một tiệm cầm đồ, tiệm này có Tôn và Lưu cùng học một lớp với tôi hồi nhỏ. Trong nhà không còn ai cả. Chiều hôm đó tôi gặp lại rất nhiều bạn bè cũ. Tình hình chưa được an ninh hoàn toàn nhưng đóng ở đây chúng tôi nhẩn nha hơn trước nhiều. Tôi đi kiểm soát các vị trí và cho lệnh lục soát tàn quân địch. Lính canh bắt giải tới một người đàn ông lớn tuổi, gầy ốm ăn mặc lếch thếch, áo vét nhàu rách, tóc tai rối bù và dơ bẩn, miệng nói lí nhí.

- «Lệnh giới nghiêm, đã 11 giờ đêm sao ông này còn lang thang trên hè phố, em nghi quá,» Người lính nói.

Tôi sững sờ nhìn người đàn ông. Thầy Cao Hữu Triêm !

- Trời ơi Thầy !

Tôi gọi mấy tiếng lớn mà thầy cũng không nghe, thầy tiếp tục lẩm bẩm rất nhỏ. Tôi cầm tay mời thầy ngồi :

- Con là học trò cũ của thầy đây.

Một ánh mắt lạc lõng xa vời :

- Ờ, ờ sao con khỏe không ? Thầy mấy ngày ni chưa ăn chi cả.

Lính tôi kiếm cơm trắng và một đĩa gà luộc về mời thầy xơi. Tụi nó còn kiếm được một bình trà nóng mời thầy. Sau một hồi thầy tỉnh táo, và cho biết : cô và sắp nhỏ vào Đà Nẵng, thằng con lớn bị chết rồi, thầy không muốn về nhà nữa. Rồi thầy khóc, giọt nước mắt lăn dài trên đôi má nhăn nheo. Tôi nói :

- Thôi thầy ở đây với con cho yên.

Lính của tôi thay nhau hầu hạ thầy ân cần, đến ngày thứ tư thầy đòi đi, tôi thu xếp để thầy vô Đà Nẵng. Từ đó, tôi mất tin tức của thầy. Cầu mong thầy được bằng an.

Được sinh ra và lớn lên ở Huế, tôi cố trả một phần nào chữ Hiếu cho nơi chôn nhau cắt rún. Máu của tôi, của anh em tôi, của đồng bào tôi đã tạo thành một cơn sóng thần cuốn đi tất cả kẻ thù để dựng lại ngọn cờ trên Kỳ Đài tượng trưng cho Huế. Hàng chục năm sau, hồi tưởng lại, máu và xương kia đã theo dòng Hương Giang cuốn tôi và bằng hữu ra biển bắt làm người biệt xứ !

Lạy trời, một ngày nào đó, cũng Cố Đô đó, cũng Kỳ Đài đó, cho tôi được góp phần dựng lại ngọn cờ một lần nữa để đền đáp ơn sâu và nghĩa nặng, nơi tôi đã sinh ra, nuôi tôi lớn lên và cho tôi làm người./.

Nguyễn Văn Phán

Đã Có Những Mùa Xuân Như Thế

Phước An Thy

Tác giả là cư dân Garden Grove, California, dự Viết Về Nước Mỹ từ 2018. Ông qua Mỹ trong một gia đình H.O. từ tháng Sáu năm 1994, vừa làm vừa học và tốt nghiệp kỹ sư điện tử. Bài viết về nước Mỹ thứ tư của ông là một hồi ức sống động về khu xóm bên cầu Bạch Hổ tại Huế Tết Mậu Thân, kể về người cha toàn thân bị cộng sản chôn sống, chỉ chừa đầu cổ trên mặt đất để hành hình

Tối Mồng Một Tết Mậu Thân, 1968, mọi thứ trong nhà vẫn êm đềm. Bánh tét tròn dài, bánh chưng vuông vức và đĩa trái cây đầy ắp vẫn còn nguyên trên bàn thờ tổ tiên. Cành mai lớn, hai cây quất và những chậu hoa vạn thọ đặt hai bên bàn thờ vẫn vàng rực rỡ. Một ngày của năm mới trôi qua với lòng người yên bình vì không có tiếng bom đạn chiến tranh.

Gần nửa đêm, khi ông nội anh vừa thắp nhang giữa những tràng pháo nổ đì đùng thì tiếng súng khô khốc, tiếng đạn pháo kích chát chúa cũng bùng lên khắp nơi trong thành phố. Nhà ông bà nội cách cầu Bạch Hổ có mấy căn nên nghe rất rõ tiếng súng bắn nhau của lính gác cầu với đặc công Việt cộng dưới gầm cầu.

Ban đầu tưởng là pháo nổ nên ông nội vẫn đứng yên trước bàn thờ, nhưng khi nghe tiếng chân người chạy rầm rập và tiếng súng cùng lựu đạn nổ dữ dội ngay bên ngoài nhà mình, ông vội vã khóa kín cửa lại.

Tiếng súng nổ càng lúc càng nhiều hơn. Ba anh nói với ông nội :

- Phải chạy thôi ba ơi.

Nét mặt tuy hoảng loạn, nhưng giọng ông nội vẫn bình tĩnh :

- Ở trong nhà an toàn hơn, chứ chạy ra đường thì càng chết sớm. Tránh xa cửa ra, tìm chỗ nấp mau lên.

Mọi người trong nhà đang hoảng hốt chưa biết tính sao, không biết phải nấp ở đâu thì bà nội anh bỗng ngã khuỵu xuống đất, hai tay ôm lấy bắp chân. Bà thét lên thất thanh :

- Ông ơi ! Tôi bị trúng đạn rồi !

Máu từ chân bà chảy xuống, loang phủ lên những cánh hoa mai vàng rơi rụng trên nền nhà. Mọi người đang cuống cuồng xem vết thương của bà thì mẹ anh cũng thét lên một tiếng lớn. Nét mặt đau đớn, mẹ anh ngồi thụp xuống, hai bàn tay túm chặt lấy bàn chân của

mình mà máu cứ tứa ra từ những kẽ ngón tay.

Ban đầu nhìn cảnh vật xung quanh, nghe tiếng súng đạn ầm ầm, anh chưa thấy sợ lắm, nhưng khi thấy bà và mẹ bị thương, máu chảy lênh láng khắp nền nhà thì anh sợ đến run cả tay chân.

Cả nhà luýnh quýnh dìu nhau trốn sau bàn thờ để tránh đạn lạc. Ông nội tìm băng vải, bó kín vết thương cho bà và mẹ anh. Có lẽ bà nội và mẹ anh là những người dân đầu tiên bị trúng đạn lạc của trận chiến Tết Mậu Thân tại Huế.

Ông nội và ba anh kéo tủ, bàn ghế, rương đựng áo quần, xếp thành một cái hầm để tránh đạn. Căn hầm dã chiến đơn sơ, nhỏ hẹp, thấp lè tè, nên mọi người trong nhà chỉ có thể ngồi lom khom hoặc nằm cạnh nhau.

Ba anh thở dài, trầm ngâm nhìn ra bóng đêm bên ngoài. Thêm một tiếng nổ lớn trước nhà, gần bức tường tu viện phía bên kia đường, làm bà và mẹ lẩm nhẩm đọc kinh to hơn.

Chiếc rương đựng áo quần cạnh nơi anh nằm bỗng bốc khói mù mịt, mùi áo quần cháy khét lẹt. Ba anh mở rương ra, rồi lấy nước tưới vào, một mảnh đạn bằng hai ngón tay đã đốt cháy đen áo quần bên trong. Ba anh lẩm

bẩm :

- Chỉ một tí nữa là mảnh đạn xuyên qua rồi.

Sáng sớm, ngoài đường một đoàn người mặc quần đùi, áo đen ướt sũng, tay cầm súng, lựu đạn đeo khắp người, đi lúp xúp qua trước cửa nhà.

Ba anh thì thầm :

- Việt cộng !

Dù chưa biết Việt cộng thế nào, nhưng anh cũng sợ run lên như mọi người trong nhà.

Hôm sau, ba dìu bà nội và mẹ tới nhà dòng xin thuốc và nhờ các Sơ cấp cứu. May là cả bà nội và mẹ anh chỉ bị thương nhẹ ở chân. Nhà dòng lúc đó vẫn còn đầy đủ thuốc men, sau này khi đã chiếm được thành phố, Việt cộng tịch thu tất cả để dành chữa trị cho bộ đội đang chiến đấu.

Nhiều người dân và bộ đội Cộng Sản bị thương được đưa vào nhà dòng nhờ các Sơ chăm sóc. Các Sơ lo cho tất cả mọi người, không phân biệt du kích, bộ đội hay thường dân. Vì không phải là bác sĩ nên các Sơ không có khả năng chữa trị một cách đầy đủ về chuyên môn, nhưng các Sơ giúp cấp cứu tạm thời, an ủi tinh thần cho

những người bị thương.

Có một bộ đội trẻ bị máy bay trực thăng bắn rớt mất một bên má. Ban đêm, trong ánh đèn dầu tù mù, anh ta đau đớn la hét, đòi các Sơ phải túc trực bên anh ta. Một Sơ phải ngồi bên cạnh giường anh ta suốt đêm. Ban ngày Sơ bón từng thìa cháo vào miệng cho anh ta. Vết thương trên má của anh ta bị nhiễm trùng gây lở loét, lúc nhúc những con giòi trắng nhỏ xíu. Sơ không ngại lau chùi và gắp những con giòi nhỏ trong tai, mũi, miệng và ngay ở vết thương đang rỉ nước hôi thối trên khuôn mặt anh ta. Ánh mắt dịu dàng và thái độ cần mẫn chăm sóc của Sơ toát ra sự mến thương đối với anh ta. Bằng tất cả trái tim, Sơ tỏ ra đã biết hết nỗi đau đớn bởi vết thương, nỗi lo sợ vì bị đồng đội bỏ rơi của anh ta. Sơ đã chăm sóc anh ta như chăm sóc người em của mình.

Mấy ngày đầu thái độ anh ta tỏ ra thù hằn, tức tối, kêu ca oán than, nhưng sau giữa Sơ và anh ta đã có sự đồng cảm. Sơ giúp anh ta biết chấp nhận số phận và ra đi một cách bình thản, dù trong mắt anh ta vẫn ánh lên vẻ khao khát cuộc sống.

Sau khi Việt cộng chiếm thành phố, ba anh bị chính quyền «cách mạng» bắt đi vì tình nghi làm việc cho CIA. Ngày đầu chính quyền «cách mạng» cho mẹ anh đến thăm ba, thấy ba vẫn bình an nhưng mặt ông đầy sợ

hãi, có lẽ ông đã bị tra khảo.

Hôm sau, khi mẹ đến thăm ba, mấy gã bộ đội chỉ ra sân. Ra đến sân, đến dưới tàn cây cóc lớn, mẹ thấy ba toàn thân bị chôn dưới đất chỉ chừa đầu lên. Đầu ba dính đầy máu đã khô, một phần trán đã biến mất và má bên phải có một lỗ đạn xuyên ra sau gáy.

Mẹ anh ngã vật ra đất bất tỉnh. Mấy người đàn bà sống gần đó xúm lại xức dầu, cạo gió cho mẹ anh. Một người trong bọn họ chạy đi báo tin cho gia đình ông bà nội. Anh và anh Thành, con bác Tiến hàng xóm, vội xách dép chạy đến. Anh thấy mẹ đang bò quanh dưới đất, hai bàn tay chà xát trên nền đất, đôi mắt lạc thần, tóc tai xổ tung ra, rối bời, nhưng không dám khóc hay kêu gào một tiếng.

Bác Tiến cùng anh Thành đào xác ba anh lên, tuy bị chôn đứng, nhưng khi đào lên thấy xác ba co rút, cong vòng như con tôm luộc.

Anh Thành kéo xe ba gác chở xác ba anh về chôn. Xác ba lấm đầy bùn đất, nằm nghiêng cong queo trên mặt ván trong thùng xe, lắc qua lắc lại theo nhịp bánh xe. Hai bàn chân của ba quéo lại trông rất kỳ dị, khuôn mặt co rúm còn lộ rõ nỗi kinh hoàng tột độ.

Mẹ anh hai tay run rẩy, bước thấp bước cao theo sau xe, vừa đi vừa khóc than khe khẽ :

- Anh ơi ! Tội tình chi mà anh lại chết thê chết thảm, chết không một lời từ biệt rứa anh !

Một nỗi kinh hãi, ghê rợn tràn ngập trong lòng khi anh nhìn xác của cha mình. Anh không thể hiểu tại sao người cha thương yêu nằm đó mà mình lại không dám tới gần. Hình ảnh cuối cùng của cha ngồi xoay lưng ra cửa hầm dã chiến che chắn cho anh, và ý nghĩ từ nay sẽ không bao giờ còn thấy cha trên đời này nữa cũng không làm anh mạnh dạn hơn. Lòng anh rúng động, quay quắt giữa lòng thương cha và sự sợ hãi. Lần đầu tiên anh nhìn thấy cái chết của người thân yêu mà lại là một cái chết quá kinh hoàng, anh đã biết được cảm giác đau đớn tột cùng của sự mất mát.

Sau khi vội vàng chôn cất ba anh xong, ông nội qua nhà ông Bé hớt tóc ở đối diện, người hàng xóm thường đến xông đất, chúc Tết cho nhà ông bà nội ngay sau Giao thừa mỗi năm. Bây giờ ông Bé là chủ tịch xã của chính quyền «cách mạng».

Ông nội biết chính ông Bé là người ngầm ra lệnh du kích và bộ đội đến bắt ba anh, nhưng ông nội nói :

- Cám ơn anh đã can thiệp nên chính quyền mới cho đem xác con tôi về chôn.

Ông thợ hớt tóc lắc đầu :

- Vợ chồng tôi mang ơn anh không ít. Hàng xóm với nhau, anh thường cho gia đình gạo mắm luôn nên tôi cũng muốn được trả ơn lại thôi.

Ông nội anh chắp hai tay trước ngực :

- Tôi không ngờ gia đình anh chị là người của cách mạng, nếu gia đình tôi có gì không phải xin anh chị bỏ qua cho.

Ông Bé phất tay :

- Anh là ân nhân của gia đình tôi mà. - Ông Bé hạ giọng, nói tiếp : - Anh nên cho con cháu anh trốn đi, vì học sinh mười lăm, mười sáu tuổi cũng sẽ bị bắt hết.

- Cám ơn anh nhiều.

Nói lời cám ơn xong, ông nội anh vội vàng chào ra về. Ông không đi thẳng về nhà, mà qua nhà bác Tiến, sát vách với nhà ông bà nội. Dù không biết lý do gì mà

ông Bé cho ông biết tin Việt cộng sẽ bắt cả thanh thiếu niên, nhưng ông nội cũng vội báo cho bác Tiến :

- Mau kêu thằng Thành trốn ngay. Ông Bé hớt tóc nói, học sinh nó cũng bắt.

Bác Tiến lấy một sợi dây thừng, thắt nút làm thành thang dây, thòng xuống sàn nhà, phía dưới sàn nhà bằng ván là dòng sông Hương. Mỗi lần có du kích, bộ đội đến xét nhà, anh Thành liền níu dây tuột xuống dưới sàn, ngâm mình trong nước trốn để khỏi bị bắt.

Năm đó trời đột ngột có gió bấc, gió từ thượng nguồn sông Hương thổi về. Mưa phùn ẩm ướt và giá lạnh cũng bất thường đổ xuống sớm hơn mọi năm. Mưa lất phất quyện cùng mây xám che phủ bầu trời, khiến cảnh vật trở nên như hư ảo. Những tia lửa của các nòng súng lớn nhỏ toé lên từ những hàng cây, chiếu trên những bóng tre xanh xa mờ dọc hai bờ sông Hương, trên hai đầu cầu Trường Tiền đã gãy một nhịp, và trên những mái nhà của xóm làng.

Khi trận chiến vừa xảy ra, dân chúng tuôn ra đường, phần đông là đàn bà, trẻ em và người già, gồng gánh, bồng bế, chạy giặc. Mọi người chạy tới chạy lui từ mọi hướng, cố thoát khỏi thành phố, nhưng chung quanh đều có Việt cộng. Họ lắng tai nghe tiếng súng, nhìn những

đám lửa bùng lên khắp nơi, biết rằng không còn đường nào để chạy, nên trốn vào các trường học, tu viện, và nhà thờ. Những người quá khiếp sợ, không dám chạy thì tìm nơi trú ẩn trong nhà.

Mấy ngày đầu của cuộc chiến, anh cùng mấy đứa bạn trong xóm cũng sợ, nhưng sau bớt sợ hơn nên rủ nhau trèo lên trên bờ tường của tu viện để xem cảnh hai phe đánh nhau. Nấp mình sau những thân cây chuối to cao vượt quá bờ tường tu viện, dưới những tàu lá chuối, anh và đám bạn thì thào bàn tán, làm như nói to tụi Việt cộng nghe, nó sẽ bắn về phía mình vậy.

Tiếng súng đạn và ánh lửa loé lên dồn dập ở nhiều nơi, lớn nhất là tiếng pháo kích ở phía Bắc sông Hương. Những đám lửa cháy, những cuộn khói đen bốc lên khắp nơi trong thành phố. Nhìn về hướng Thành Nội, cờ Việt cộng đã treo trên kỳ đài Ngọ Môn. Tiếng súng giao tranh rộ lên từng hồi ở điện Thái Hoà và ở những tường thành cao dày vuông vức bao bọc chung quanh. Hai bên bờ sông Hương, hoả lực bắn qua lại, ánh lửa sáng lòe lướt dài trên mặt sông vắng lặng.

Dân chúng trong thành phố được lệnh của chính quyền «cách mạng», không được tụ tập đông người, không được nghe radio, không được phao tin đồn đãi, nhưng mọi người vẫn xì xầm kể cho nhau nghe chuyện

người này bị bắt, kẻ kia bị giết.

Một số sinh viên đi theo những người nằm vùng ở địa phương, toả ra truy lùng những người làm việc cho chính quyền Việt Nam Cộng Hoà. Họ cầm cả một danh sách, đi từng nhà tìm bắt những người có tên trong đó. Mọi người ngơ ngác, hoảng loạn. Chỉ mới vài ngày trước gia đình đang đoàn viên, vài ngày sau mọi sự đã đổi khác, tan tác như đang sống trong một cơn ác mộng.

Chính quyền «cách mạng» chiếm các nhà dòng, tiểu chủng viện, dựng lên một tòa án nhân dân để xử tội và hành quyết các nạn nhân.

Sương mù âm u bao trùm cố đô như tấm khăn tang. Khắp nơi là cảnh chiến tranh, tang tóc, cảnh người ta khóc than, rên xiết bên cạnh xác người thân. Không khí lạnh lẽo lan khắp vùng làm cho những nỗi sợ, niềm đau như cuộn chặt lấy nhau, không thoát ra được mà bay lên tới trời cao.

Mấy tuần sau, tiếng súng thưa dần. Gia đình ông Bé hớt tóc đột ngột biến mất.

Việt cộng bị đẩy ra khỏi thành phố, lá cờ Việt Nam Cộng Hoà lại thấy tung bay phất phới trên kỳ đài Phú Văn Lâu. Một đoàn xe nhà binh và xe tăng của quân lực

Việt Nam Cộng Hoà dừng lại, đậu dọc theo hướng Tây Nam của thành phố, đậu qua tới cầu Bạch Hổ, dài theo đường làng Kim Long.

Những người lính Việt Nam Cộng Hòa tụ tập hút thuốc, bàn tán, kể cho nhau nghe chuyện các trận đánh trong Thành Nội, chuyện đánh nhau với đặc công Việt cộng, ngăn không cho chúng phá huỷ cầu Bạch Hổ. Những người dân trốn trong nhà ùa ra ôm chầm những người lính, họ mừng rỡ vì thoát chết. Những người chạy loạn trở về, ôm lấy người thân, khóc cười hỏi thăm nhau ai còn ai mất.

Trận chiến vừa xong, nên thực phẩm trở nên khan hiếm. Mặc dù gạo bị Việt cộng tịch thu, thức ăn còn lại không bao nhiêu, nhưng vì cả nhà ông nội anh không chạy loạn nên cũng còn đủ để tránh đói. Ông nội làm thịt một con heo èo uột còn sót lại, nấu một nồi cháo lòng thật lớn. Ông bày thịt, cháo ra trước sân để đãi những người lính chiến thắng. Nhiều người lính ăn xong, cám ơn ông bà nội, rồi bỏ lại ít tiền trên bàn.

Một thời gian sau, chính phủ khám phá ra nhiều hố chôn tập thể, chôn đầy xác những binh lính, công chức, thường dân, và cả học sinh. Tất cả xác chết đều bị trói tay chôn sống, bị bắn hay bị đánh vào đầu một cách man rợ khiến mọi người kinh hoàng, sửng sốt. Ngoài

những người mà thân nhân tìm được xác, còn có nhiều người cha, người anh ở ngay trong xóm anh bị bắt đi mất tích, không bao giờ thấy trở về nữa.

Thay vì vui xuân như mọi năm, năm nay anh và bọn trẻ trong xóm được phát cho những dải vải trắng, quấn lên đầu để tang cho người thân đã chết hay mất tích. Xóm làng hiền hoà chợt trắng xoá màu tang, tiếng khóc thê lương rền rĩ khắp đầu làng cuối xóm, oan khiên đến ngút trời. Huế đã mất đi vẻ yên bình, chỉ còn lại khói lửa điêu tàn, đổ nát tan hoang.

Sau ngày 30/4/1975, thân thể yếu đuối của mẹ anh không chịu đựng nổi những thiếu thốn, bệnh tật, nên một đêm mẹ đã ngủ mãi, không bao giờ thức dậy nữa. Trước khi mất, mẹ dặn dò : «Con hãy tự lo cho mình và đừng để cái ác nhuộm tối tâm hồn con».

Mỗi năm Tết đến, anh lại lặng lẽ nhớ đến cha mẹ mình. Sau năm 1975, mỗi khi chính quyền ra lệnh mọi nhà phải tổ chức rầm rộ mừng kỷ niệm những mùa «Xuân chiến thắng», thì nỗi đau sâu kín lại tăng lên, làm nhức nhối những vết thương lòng mà thời gian đang cố hàn gắn.

Bây giờ, khi đón Xuân trên đất khách, anh cầu mong cho những người nghèo khó trong nước được no đủ, được yêu thương và hạnh phúc sum vầy.

Tuy nỗi buồn cũng đã vơi đi, nhưng lòng anh vẫn ngậm ngùi khi nhớ những mùa Xuân bạc màu của tuổi ấu thơ. Kể từ Tết Mậu Thân, ngày Tết trong nhà anh đã trở thành ngày giỗ, nên việc đón Xuân đã trở thành nỗi buồn thấm thía kéo dài mãi trong anh.

Đã có nhiều mùa Xuân đi qua như thế !

Phước An Thy

Nó và Tôi

Mai Hồng Thu

Mai Hồng Thu là tên Việt của tác giả Donna Nguyễn/ Donna Nguyen. Với ba bút danh này, cô đã từng góp nhiều bài Viết Về Nước Mỹ và đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2013. Sanh tại Sài Gòn, sang Mỹ năm 1985, hiện là cư dân San Jose, California, tác giả đã dịch thuật và xuất bản 3 tập truyện ngụ ngôn dành cho thiếu nhi của Thornton W. Burgess dưới bút danh Nguyễn Nhã Đan Na (Nguyễn Donna). Sau đây là bài viết mới nhất của cô.

Nó là tiếng Việt. Tôi là con nhỏ ghiền chữ Việt.

Ngày nhỏ, ngày nào tôi cũng vừa ăn cơm vừa đọc sách. Nhiều lần bị khỏ đầu hoài nhưng cái tật khó chừa. Người nào vừa đi cầu vừa đọc sách, làm ơn đừng dành cầu tiêu với tôi. Có lần ghiền đọc truyện, cả nhà đã ngủ tôi bèn chui vào phía sau rèm cửa nhà tắm mở đèn đọc tiếp. Bà ngoại chợt thức giấc bèn hỏi tôi làm gì chưa chịu đi ngủ. Tôi trả lời rằng «con còn đang học bài chưa xong».

Trong những năm tiểu học, môn toán, văn và vẽ, tôi luôn thích và đạt điểm cao. Cuối năm học nào tôi cũng đứng chung nhóm năm hạng cao nhất của lớp. Tương lai của tôi tươi sáng biết bao. Tôi biết mình giỏi chữ và cũng sẽ viết được truyện hay, vì bài tập văn luôn được điểm mười. Từ nhỏ tôi đã biết kèm bạn học làm bài để được thưởng công.

Tôi đã ước và tôi đã mơ. Vì thế tôi cứ miên man ngốn chữ.

Đọc sách thiếu nhi chưa đủ, tôi đọc cả tiểu thuyết và truyện chưởng. Cuốn sách dày cộm đối với tôi chỉ là một trò chơi. Khi vô tình nghe được hai dì của tôi bàn về tình tiết trong truyện tình cảm nào đó, tôi cũng tò mò muốn đọc để xem ai yêu ai ra sao, đúng là con nít quỷ.

Khi vừa bước vào lứa tuổi dậy, tôi đã thích đọc truyện của Quỳnh Dao dù tâm tính vẫn hồn nhiên nghịch ngợm như con trai. Tuy nhiên, tâm hồn tôi luôn luôn yếu đuối, ủy mị và đa sầu đa cảm, trái với cách ăn nói, đi đứng ngang tàng bướng bỉnh bề ngoài. Nếu là người khô khan thô lỗ, chắc không thể trong vòng chưa đầy ba mươi phút lại chế ra một bài nhạc có âm điệu, vần nhịp, lời nhạc đều vô cùng ăn khớp. Tôi thường làm lé mắt bạn bè cùng trang lứa trong xóm bằng những đoạn văn ngắn vần điệu trôi chảy, ý nghĩa mạch lạc nhưng toàn

ghép tên của bài hát hoặc tựa các cuốn phim.

Nhiều người nói tôi có khiếu văn chương... xuất khẩu thì nên khâu miệng lại tại không khéo, ủa không phải : Xuất khẩu thành văn, có vần... họ thích.

Khổ nỗi, tôi chỉ biết viết văn ca ngợi cảnh đẹp, người vui, tả cảnh hoặc tả con gà con vịt gì đó thôi, chứ không biết viết lời nịnh nọt, giả tạo.

Sau 1975, khi thầy giáo ép học trò làm văn ca ngợi cách mạng hoặc lão hồ, tôi thấy làm bài luận văn là một cực hình và từ từ cảm thấy rất nản.

Gia cảnh bắt đầu sa sút, sức khỏe và tinh thần tôi cũng xuống dốc theo. Tôi thường có cớ nghỉ học vì suốt ngày ho sù sụ muốn văng cả linh hồn ra. Ngoại tôi nhiều lúc thương cháu mà nước mắt chảy dài. Tôi hay lang thang hết khu phố này qua khu phố khác chờ hết giờ tan học rồi mới về nhà để bà đừng sốt ruột lo lắng. Bạn học bảo nhau rằng con nhỏ vượt biên hụt nên trở lại học vài hôm rồi lại biến mất. Có hôm trưởng lớp đến nhà kiếm, muốn chứng thực có phải tôi đang tìm đường vượt biên không.

Thuở ấy tôi lầm lì ít nói, ai nói gì cũng ậm ừ cho qua chuyện nên họ không thắc mắc nữa.

Tôi không hề nuối tiếc và nhớ nhung trường lớp có những thầy cô giáo Bắc Kỳ mới vô hung dữ, thô kệch, khó chịu. Tôi nhớ mãi cô dạy môn Văn với gương mặt nhố nhăng thiếu văn hóa, đứng trên bục giảng đay nghiến Thúy Kiều là gái lầu xanh thật thụ, «ngứa nghề» cám dỗ Thúc Sinh. Tôi thấy gương mặt bà giống Hoạn Thư hơn là những cô giáo Văn dễ thương của tôi ngày trước.

Nhà trường với tôi, là một địa ngục không lối thoát, một bản án không cần xử.

Chữ nghĩa khó nuốt lại không đổi được cơm áo.

Tôi muốn nghỉ học về quê sinh sống và không ngại vất vả. Mọi người khuyên tôi tiếp tục học, chờ cơ hội đổi đời theo nguyên tắc xưa : học vấn là sức mạnh cho tương lai.

Không có biến cố năm 1975, chúng tôi nhất định học lên cao vì học giỏi và siêng.

Nhưng rồi tôi lâm bệnh nặng, thường xuyên ho ra máu nhiều lần. Tôi đến nhà thương Hồng Bàng thử nghiệm, và biết mình bị nám phổi. Tôi phải uống thuốc hàng ngày và khám định kỳ suốt hai năm liền để ngừa lao. Nhờ đó tôi được quyền nghỉ học !

Không cần đến trường, tôi vẫn ghiền đọc bất cứ sách báo phi chính trị.

Là nạn nhân của tin đồn, thành kiến và sự thiếu hiểu biết về bệnh lao, tôi bị nhiều người kỳ thị vô lý. Sống ở Sài Gòn một mình giữ hộ khẩu, nên sách truyện là người bạn duy nhất giúp tôi bận rộn và xa lánh những kẻ thất học,vô tâm.

Rồi tôi tìm cách kiếm tiền phụ gia đình, bán lẻ hay đi buôn chuyến đủ mọi món hàng. Nhiều món rất bình thường như đậu đen, cà phê, thuốc lá, bỗng nhiên thành hàng lậu, và tôi là dân buôn lậu bất đắc dĩ. Vì ít vốn, nhát gan, nhìn giống học sinh và luôn đọc sách trên xe, những chuyến đi buôn từ Sài Gòn về Bình Long, và ngược lại, tôi đều qua trót lọt. Tôi thường dấu tiền ở giữa những trang sách nên tránh được nạn móc túi nhiều lần.

Rồi dành dụm được ít vốn, tôi sang lại một gian hàng tạp hóa đủ loại. Tôi thường đọc sách lúc vắng khách, tránh thói ngồi lê đôi mách buôn chuyện.

Người quen thường trêu tôi bày đặt khoe chữ, lúc nào cũng cầm cuốn sách lòe thiên hạ. Thật ra, tôi vẫn chưa cai được tật ghiền đọc sách. Tôi đọc tất cả sách mượn được, truyện trinh thám, truyện tình cảm, sách dạy làm

người,và sách tự học đủ loại. Nhờ đó, tôi có chút kiến thức căn bản về mọi mặt.

Hơn một năm sau, cải cách kinh tế khiến chuyện kiếm tiền bắt đầu khó khăn. Chương trình di dân Mỹ có trật tự bắt đầu rầm rộ, gia đình tôi âm thầm nộp đơn và được thông qua. Tôi chỉ được báo trước ba ngày khi có vé máy bay rời Việt Nam. Tôi không có đủ thời gian suy nghĩ và không đành lòng ra đi vì bà ngoại đang bệnh ung thư thời kỳ cuối. Tôi bất mãn vì đáng lẽ ngoại mới là người đáng được đi cùng. Tôi muốn ở lại chăm sóc ngoại những ngày cuối đời.

Bạn tôi ở Mỹ thường kể về cái khổ lúc khí hậu lạnh buốt và nỗi buồn không được nói, nghe và đọc tiếng Việt, sống tự do nhưng lẻ loi giữa những người khác màu da, tiếng nói và văn hóa. Tôi biết mình sẽ vất vả hơn khi phải sinh tồn nơi xứ người. Tôi đi Mỹ để khỏi sống dưới chế độ kềm kẹp vô lý, tìm cơ hội giúp ngoại trị bệnh tốt hơn, nhưng chưa đủ tỉnh để vui vì được may mắn hơn nhiều người.

Tiếng Việt và tôi, lại bắt đầu một cuộc tình gian nan và có rất nhiều cái... nản.

Tôi, mẹ nuôi và em trai, sang trại Phi Luật Tân, học Anh Văn và văn hóa nước Mỹ trước khi đi Mỹ.

Một tháng sau, thơ báo tin bà ngoại qua đời. Sự bất mãn càng tăng và mọi dự định tương lai mất hết ý nghĩa. Mẹ nuôi, vì không quen sống chung với người lầm lì như tôi, thường cáu gắt la mắng hung tợn, gây sự vô cớ suốt ngày, khiến tôi càng chán đời. Trong lớp Anh Văn, tôi được bạn học đủ mọi lứa tuổi yêu mến, vì thường nhiệt tình giúp đỡ họ làm bài tập. Ngoài ra, cuộc sống của tôi khép kín với mặc cảm thua kém mọi người về gia cảnh và tiền bạc. Lòng tôi tràn đầy bế tắc, căm phẫn về những bất công vây quanh khi luôn bị hạ nhục vô lý. Tôi bảo vệ bản thân bằng cách tự học hỏi, gom kiến thức từ sách vở. Dạo đó, tiếng Anh của tôi chưa khá, nên tôi ngấu nghiến sách Việt mỗi khi có dịp.

Đọc và viết tiếng Việt là một thế giới có thể cho tôi ẩn náu dễ dàng, bình an và an toàn nhất.

Chúng tôi đến Mỹ vào những ngày cuối năm, tuyết trắng phủ ngập đầy thành phố Indianapolis, Indiana. Người Việt rất ít nhưng chuyện lớn nhỏ gì ai cũng biết. Em trai may mắn được tiếp tục đến trường. Tôi vẫn bơ vơ và lầm lì. Mẹ nuôi vẫn đay nghiến hàng ngày vì tôi cứng đầu không dễ bị sai khiến.

Tôi không thấy thoải mái khi chung đụng với những người đồng hương khi họ tin vào những thông tin không đúng về tôi, nhưng tôi không màng giải thích.

Một người đàn ông Việt đã có vợ được nhà thờ gởi giúp chúng tôi lo mọi thủ tục cần thiết. Hắn kiếm cớ đưa tôi đi riêng và đã ôm hôn tôi sàm sỡ trong thang máy, còn chế giễu tôi khờ và ngây thơ. Tôi muốn phản kháng và tố cáo hắn nhưng vì cô thế nên đành nhẫn nhục cho qua, nhưng quyết không để có lần sau.

Cái lạnh cắt da của miền đông nước Mỹ, không lạnh bằng sự cô độc giữa xứ người. Tôi không được đến trường, không tay nghề, không tiền, không biết đường đi nước bước, chờ ngày lấy chồng theo ý mẹ nuôi, ngồi cho người ta coi mắt hoài...tôi không cam lòng.

Càng lạc lõng, tôi càng sống khép kín và ân nhân duy nhất vẫn là một vài cuốn sách Việt tôi đã mang từ bên trại sang. Tôi nhớ Sài Gòn, Việt Nam, nhớ người thân và thèm có thêm những cuốn sách Việt lắm.

Em trai biết chuyện tôi bị sàm sỡ nên khuyên tôi liên lạc bạn bên trại tìm sự giúp đỡ. Tâm đã từng theo đuổi tôi, bằng lòng giúp tôi tạo cuộc sống mới ở Long Island, New York nơi anh đang ở. Sau ba tháng sống gò bó, ngộp thở, thiếu thốn vật chất lẫn tình thương với nhiều bế tắc, tôi quyết định dọn đi.

Qua đó, tôi ở trọ chung phòng với Ngân, hơn tôi 3 tuổi, trong một gia đình Công Giáo nghiêm khắc. Tiền trọ $150, không có chìa khóa vào nhà, không có sự riêng tư vì Ngân cũng khó tánh và so đo tính toán đủ điều. Nhiều lần tôi thấy Ngân nói dối và tỏ vẻ kiêu căng phách lối quá mức, khiến tôi khó gần gũi thân thiện. Người Việt trong vùng biết có người mới đến, thường gọi làm quen tôi, nhưng chủ nhà và kể cả anh Tâm, đều tìm cách ngăn chặn. Tôi lại bị lâm vào cảnh lạc loài, chỉ quen được vài người tử tế sống nơi anh Tâm ở trọ. Không khí trong nhà ngột ngạt lắm, nhưng tôi phải về nhà trước tám giờ tối, nếu không sẽ không được ai mở cửa cho vào.

Ngoài giờ học thêm Anh Văn, và cuối tuần sang nhà anh Tâm chơi, tôi bắt buộc phải bớt nói để tránh thêm phiền phức. Lúc ở trong phòng một mình tôi mới thấy thoải mái. Lúc Ngân sắp về, tôi luôn ôm cuốn sách Việt trong tay để phòng thân, chăm chú hoặc giả vờ đọc để tránh khỏi phải giao du với cô ngoài mức cần thiết. Nụ cười giả dối và cử chỉ kênh kiệu, kiểu nói tiếng Anh khoe khoang lố bịch của Ngân khiến tôi thấy sự giao tiếp với cô là một cực hình. Ông bà chủ nhà cũng khắc khe, bắt bẻ từng chút một, nhưng họ vẫn tỏ vẻ bằng lòng vì tôi luôn nhiệt tình giúp dọn dẹp nhà bếp ngăn nắp gọn gàng. Cuối tuần sơ Lan, rất thân với chủ nhà,

ghé đến sau giờ Lễ, thường hỏi thăm rồi nhăn nhó răn đe tôi đủ điều. Nhìn gương mặt khắc khổ và lạnh lùng của sơ, tôi tự hỏi mình là người ở trọ hay làm dâu ở đây.

Thế là tôi với vài cuốn sách Việt trong tay, say sưa đọc hoài, để tỏ vẻ ngoan hiền và bận rộn, tránh bớt cơ hội bị rầy oan. Đọc và viết tiếng Việt là cứu cánh duy nhất và cuối cùng.

Sau đó, Sơ Lan giúp tôi tìm việc trông trẻ những lúc không cần học Anh Văn. Công việc nhẹ nhàng, được đưa rước đến trông bé gái một tuổi. Khi bé ngủ, tôi tự do đọc sách hoặc xem phim.

Tiếng Anh chưa giỏi, tôi lại đọc sách Việt mỗi khi có dịp để tạo niềm giải thoát nhẹ nhàng.

Sáu tháng sau, anh Tâm ngỏ lời mong cùng tôi tạo gia đình mới và dọn sang Danbury, Connecticut dưới sự giúp đỡ của anh Tuyên, đồng hương Hải Phòng. Anh hứa sẽ lo cho tôi đầy đủ hơn. Anh không thích gia đình tôi đang trọ vì họ chê anh thiếu học và nghèo. Tôi vẫn không thích hợp với cuộc sống gò bó khắt khe ở trọ, và đặc biệt là sự chung đụng với Ngân, nên nhận lời.

Những ngày đầu chúng tôi sống chung, mọi việc tạm ổn định. Tuy nhiên, nhiều người đồng hương Hải

Phòng, vẫn mang nhiều thành kiến với người Sài Gòn, không khéo ăn nói như tôi, khiến tôi vẫn phải thu mình vào một góc nhỏ riêng, làm bạn với tiếng Việt, những lúc chồng đi làm hoặc giao du với họ.

Một năm sau tôi sanh con gái đầu lòng. Trong thời gian chăm con, tôi vô tình tìm ra được đơn xin học,

trong xấp quảng cáo gởi kèm trong hộp thư, học lấy bằng high school tại nhà với giá năm trăm đô. Tôi tự lấy giấy học bạ tiếng Việt dịch sang tiếng Anh và gởi đơn đi cùng với học phí để học nốt hai năm cuối trung học. Họ gởi cho tôi một số sách để đọc và làm bài. Lúc rảnh rỗi tôi đọc, làm bài, gởi đi, và nhận được bằng tốt nghiệp trung học. Mười tám tháng sau tôi sanh thêm con trai thứ. Rồi chúng tôi mua căn nhà đầu tiên ở đất Mỹ vì chồng siêng làm, tôi giỏi kiếm thêm và biết dành dụm.

Tôi bận rộn học, chăm con và trẻ khác, và săn sóc căn nhà riêng, lơ là tiếng Việt một thời gian rất lâu.

Một năm sau, tôi nhận công việc đầu tiên, làm thâu ngân một mình trông nom căn tin một hãng tiện ca chiều. Khu này nhiều tường kính trong suốt nhìn ra sườn đồi với cảnh hoàng hôn tuyệt đẹp và thơ mộng. Nhờ làm việc giỏi, tôi dư nhiều thời gian lại thấy thanh nhàn nên lại đọc và viết Tiếng Việt.

Trong những giờ giải lao, tôi viết được gần một trăm trang thơ tiếng Việt.

Đó là thời gian tôi lại nhớ nhà, nhớ quê hương và thèm nói, nghe, đọc, và viết tiếng Việt lắm.

Vài năm sau, kinh tế suy trầm, tôi bị thất nghiệp nên ôn lại vốn tiếng Anh thi vào đại học. Vài tháng sau, tôi nhận việc làm khác, giờ giấc uyển chuyển nên tôi vẫn tiếp tục vừa học, vừa làm, vừa chăm con. Đời sống tất bật vất vả và tôi chỉ sử dụng tiếng Anh, giao tiếp với người Mỹ.

Tôi tạm thời không còn dịp sử dụng tiếng Việt mấy năm dài.

Khi tôi sắp hoàn thành chương trình tốt nghiệp kế toán kinh doanh, thì phát giác chồng tôi đam mê cờ bạc lâu rồi. Làm cương, tính nhu không kết quả, buồn tình tôi dẫn hai con đi nghỉ mát ở San Francisco hai tuần. Tôi thích khí hậu ấm, thử xin việc, được nhận và ở lại không quay về Danbury nữa. Chồng tôi dọn theo năn nỉ nhưng không bỏ cờ bạc. Sau một thời gian níu kéo vật vã đau khổ, tôi ly dị và một mình nuôi con, không được tiền cấp dưỡng từ một con nghiện.

Tinh thần tôi xuống dốc trầm trọng vì bao dự định tương lai tan thành mây khói.

Học vấn là những thách thức tàn nhẫn, tôi xoay qua chăm chú làm ăn và say mê kiếm tiền. Tôi học đủ cách, mọi mánh lới làm kinh doanh và giao du, học hỏi với nhiều người trong hầu hết mọi lãnh vực khác nhau. Lăn lộn giữa danh lợi và tham vọng, tôi nhận ra mình càng lạc lõng hơn giữa sự giả dối ở thế giới bon chen, kim tiền bạc bẽo đó.

Sức khỏe và tinh thần thêm sa sút, tôi ghiền thuốc ngủ, và những cơn buốt đầu kinh niên xuất hiện thường xuyên và nặng hơn. Sách vở và tiếng Việt không cứu nổi tôi ra khỏi cơn đau này. Gia đình, sự nghiệp, bằng cấp, học vấn, danh vọng hoặc hoài bão, lý tưởng chỉ là những đam mê vô nghĩa kéo lê tôi qua bao tháng ngày.

Tôi quá chán nản, muốn buông nhưng không tìm ra lối thoát. Tôi gồng mình nhẫn nhịn sống vì hai con.

Lạc lối một thời gian dài, khi hai con học xong trung học và có vẻ nổi loạn, tôi thấy mình cần phải thay đổi. Tôi lấy nhiều lớp tâm lý học, và tìm cách tham gia sinh hoạt từ thiện, cộng đồng mỗi khi có dịp. Tôi bắt bạn mới dễ dàng vì luôn nhiệt tình, thân thiện và sẵn sàng chịu nhường nhịn nếu thấy đáng.

Làm thiện nguyện viên với các tổ chức người Mỹ, luật lệ và giờ giấc khó khăn gò bó quá, sức khỏe lại không ổn định nên tôi chú tâm vào sinh hoạt với các tổ chức người Việt nhiều hơn. Tôi theo bạn hoạt động trong ban điều hành của hội United Vietnamese American Association, đã có dịp kết nối và tham gia nhiều chương trình gây quỹ của nhiều hội đoàn Việt Nam trong vùng Bay Area. Nhờ đó, tôi quen thêm nhiều người Việt, bắt đầu gần gũi, nghe, nói, viết và đọc tiếng Việt nhiều hơn.

Tuy nhiên, tôi vẫn quen sử dụng tiếng Việt chêm tiếng Anh như một phản xạ tự nhiên.

Cuộc cách mạng Internet ngày càng mạnh mẽ, phim bộ chuyển âm tiếng Việt bắt đầu được tải miễn phí xem trên mạng. Khi tôi vào diễn đàn hỏi cách tải phim về máy, tôi có thêm nhiều bạn Việt. Họ chỉ tôi cách bỏ dấu tiếng Việt trên mạng. Họ thích và chờ đọc tôi viết kể những câu chuyện ngắn chia sẻ kinh nghiệm sống. Họ thích xem hình tôi tham gia sinh hoạt cộng đồng. Họ yêu cầu tôi chăm viết và chụp hình nhiều hơn. Tôi có được một số đông độc giả luôn chờ tôi bàn luận và kể chuyện. Họ là nguồn cảm hứng giúp tôi siêng viết chữ Việt và hòa đồng với người Việt mỗi khi có dịp. Tôi bắt đầu ôn lại tiếng Việt theo cách viết trên mạng, kiểu viết không chuyên, lủng củng và có nhiều tiếng lóng. Tôi

thích chia sẻ kinh nghiệm sống lượm lặt đó đây và đăng ở nhiều nơi, luôn được nhiều người ủng hộ và thích thú đọc. Tôi tiếp tục tìm tòi và biết đến chương trình Viết Về Nước Mỹ, làm quen một số tác giả.

Tôi bỏ thêm thời gian học hỏi nhiều điều từ các tác giả khác để viết tốt hơn. Họ giúp tôi sửa lỗi chính tả, gợi ý giúp tôi tìm đề tài viết. Tôi viết thêm được nhiều truyện ngắn và nhiều bài thơ được bạn bè trên mạng yêu thích. Tiếng Việt bỗng trở thành người bạn thân thiết gần gũi với tôi hàng ngày. Tôi viết để xoa dịu những nỗi niềm riêng và chia sẻ kinh nghiệm từ những người quanh mình. Tôi viết để nối rộng vòng tay với xã hội bên ngoài. Tôi viết để xua tan những bất mãn trong lòng và củng cố niềm tin vào nhân sinh quan tôi đang kiên trì giữ gìn. Nhờ có sự ủng hộ và đồng cảm của nhiều bạn đọc, tôi viết về bất cứ điều gì mình có thể nghĩ tới, nhìn thấy và cảm nhận với vạn vật quanh mình. Tôi viết miên man như muốn trút hết bao nhiêu mâu thuẫn đã dồn ép xưa nay.

Tôi say viết mà không biết mình đang nhả chữ như nhả đạn liên thanh mà không có mục tiêu nhất định.

Tôi cố gắng thay đổi nhưng không tìm ra phương pháp hữu hiệu, và tôi lại bắt đầu... nản.

Trong một lần tôi giúp phỏng dịch bài thơ tiếng Anh theo yêu cầu, nhiều người giỏi chữ đều thích bài tiếng Việt của tôi. Tôi cảm thấy mình có khiếu phỏng dịch Anh Việt hơn. Tôi bắt đầu tập trung học, đọc và viết tiếng Anh nhiều hơn. Nhờ sự giới thiệu của tác giả Nguyễn Thơ Sinh của chương trình Viết Về Nước Mỹ, tôi dành thời gian ôn tiếng Việt bằng cách phỏng dịch truyện ngụ ngôn của tác giả Thornton W. Burgess, sẵn dịp giới thiệu những bài học nhân bản đến lớp trẻ Việt Nam trong nước. Tôi dịch và xuất bản ba cuốn truyện, tình yêu dành cho tiếng Việt trở nên đằm thắm và rõ rệt hơn lúc dịch thuật.

Tiền thuê nhà tăng cao, nhiều người khuyến khích và cho mượn tiền, tôi mua được căn nhà cũ. Tôi phải làm thêm hai, ba công việc để trả nợ đúng thời hạn. Tôi bỏ bớt dần nhiều mối quan hệ xã hội, tập trung chăm nom và sửa nhà. Thỉnh thoảng tôi vẫn tham gia sinh hoạt cộng đồng. Sẵn dịp cần rèn trí nhớ đã có vấn đề vì lạm dụng thuốc ngủ, tôi tiếp tục lấy các lớp tâm lý học dù rất mệt.

Tôi lại vô tình bỏ quên tiếng Việt vào một xó mà không hay.

Càng học hỏi nhiều về tâm lý học, tôi tìm cách xây dựng lại những mối quan hệ xã hội tốt. Có nhiều bạn luôn khuyến khích tôi tập trung và phát triển năng khiếu viết tiếng Việt. Tôi học sử dụng Facebook để tập làm thơ và ôn lại những bài viết cũ. Nhờ sự ủng hộ, khuyến khích của nhiều người giỏi chữ và yêu thơ, tôi gắng sức làm thơ mỗi ngày để giữ lửa. Tôi bắt đầu nhận ra những lỗi lầm tôi đã mắc phải khi tự học viết và làm thơ xưa nay. Tôi mê, tập chép và học thuộc lòng thơ Đinh Hùng nhiều hơn những thơ truyện khác. Tôi thích thơ năm chữ, bảy chữ nhiều hơn những thể thơ xưa và nay. Tôi cố gắng nắn nót và nhớ từng dòng chữ để rèn sự nhẫn nại và kiên trì trong lúc viết, đọc. Tôi luyện cách «uốn lưỡi» trước khi viết. Tôi học cách lắng nghe trong lúc đọc. Tôi học cách viết tập trung vào những chủ đề ý nghĩa hơn. Tôi tự chữa bệnh thiếu tập trung và trí nhớ kém trong lúc đọc và viết tiếng Việt.

Tôi muốn lập ra một hệ thống tự học viết có hiệu quả hơn xưa. Xưa nay tôi viết để tuôn ra hết những suy tư mâu thuẫn đang nhảy múa vô trật tự trong đầu. Xưa nay, tôi chỉ viết để nhẹ lòng không quan tâm mình viết gì, chỉ cần viết xong đầu óc nhẹ nhõm, tinh thần sảng khoái, níu kéo niềm tin hy vọng để sống vui. Tôi viết về những suy tư giúp tôi gom hành trang đạp lên chông gai trước mặt, tiếp tục ngẩng đầu đi tới. Vì thế,

nếu bắt tôi phải nắn nót ý và chữ trong những khuôn khổ gò bó nhất định thì sự viết không còn hấp dẫn với tôi nữa. Tôi không biết cách uốn nén và gượng ép chữ nghĩa theo quan niệm sống của người khác. Tôi càng không biết cách đọc và chỉnh sửa lại những bài viết nháp. Ngày xưa, tôi thường viết một mạch không chỉnh sửa kỹ lưỡng nên đã cho ra đời những đứa con tinh thần sanh non, chưa đủ dinh dưỡng và ngày tháng. Tôi chưa giỏi căn bản về kỹ thuật để viết tiếng Việt như đã học viết tiếng Anh trong đại học. Tôi vẫn thường viết lạc đề, thường nản và bỏ ngang là thế.

Trong quá trình sửa sai về kỹ thuật và thay đổi suy nghĩ, mục đích khi viết, tôi khám phá ra rất nhiều điều hay. Tôi nhận thấy mình đã ôn tiếng Việt lại giống như ngôn ngữ thứ hai. Đấy là thói quen xấu bắt đầu từ lúc tôi học suy nghĩ theo tiếng Anh trong lớp E.S. L, tập trung học tiếng Mỹ, không có dịp sử dụng tiếng Việt nhiều, và sau đó ôn lại tiếng Việt qua các mạng lưới xã hội. Tôi thấy mình chọn lọc từ ngữ không được kỹ lưỡng và khéo léo, chưa đủ tâm tình và quá vội vã, vốn từ vựng hơi nghèo nàn.

Tôi thấy mình thiếu chữ và thời gian để học nên cảm giác chán nản, thiếu đam mê lại trở về.

Bạn bè vẫn tiếp tục khuyến khích và chờ đợi tôi viết tiếp. Rồi tôi tập bỏ dần cách sử dụng hai ngôn ngữ cùng lúc khi nói và viết. Tôi tập trung đọc nhiều để làm giàu thêm số vốn ngữ vựng Việt. Tôi luôn luôn gắng sức tránh những chữ tiếng Việt tối nghĩa đang lan tràn khắp nơi trên các mạng lưới xã hội. Tôi bắt đầu phân biệt được khá hơn và hiểu ra nhiều người vì muốn nhanh, tiện nên vô tình rơi vào cái bẫy cách mạng văn hóa của bọn tư bản đỏ Việt Nam.

Bây giờ, tôi không còn muốn viết để tự mình đọc nữa. Tôi muốn viết để chia sẻ, vẫn để tự chữa những vết thương quá khứ, nhưng cũng để gởi những thông điệp ý nghĩa đến những người có nhiều tâm sự không tìm ra cách giải tỏa như tôi khi xưa. Tôi viết như một thú vui truyền bá kinh nghiệm sống đến với độc giả. Tôi học bỏ nhiều tâm tư vào từng chữ, từng lời, từng câu khi viết. Tôi tập bỏ dần lối suy nghĩ lan man và cách viết tràng giang đại hải không bến đậu, không tập trung. Tôi cần viết đúng cách và tập trung vào những thông điệp rõ ràng, và cũng để góp phần giữ gìn, truyền bá văn hóa Việt.

Tôi bỏ thêm tâm tư tập trung tìm đủ mọi cách để học viết tốt hơn dù vẫn còn nhiều trở ngại về trí nhớ, sức khỏe và thời gian. Vì kén bạn, không có cơ hội sử dụng

tiếng Việt mỗi ngày, tôi phải tìm tòi thêm cơ hội đọc, tự nói, tự trò chuyện, thâu lại, nghe và kiểm chứng. Tôi tập đọc truyện và thơ, kể cả hát.

Càng tìm tòi đọc và tự học cách nói, nghe một mình, tôi nhận ra rằng xưa nay mình đọc ít quá.

Đúng là tiếng Mỹ chưa thông mà tiếng Việt đã lết lết.

Mà thôi, còn lết là còn chữa được, tôi thấy rõ tư tưởng của bản thân cũng thuộc loại khá, càng khẳng định hơn mỗi khi học thêm được nhiều điều mới. Tôi tập tánh kiên nhẫn ôn lại tiếng Việt song song với việc rèn luyện trí nhớ. Tôi chép thơ Đinh Hùng thường xuyên hơn. Đọc một câu thơ trong đầu, khi chép tay tôi thường chép sai một vài chữ trong một bài thơ, dù vẫn giữ nguyên ý thơ.

Tôi cần phải tập trung hơn khi đọc và viết, đọc đâu quên đấy, lại đọc lại, vất vả như đứa trẻ học đánh vần. Dần dần, tôi biết để ý chọn lọc từ ngữ thích hợp và lưu loát hơn trong cách nói và đặt câu. Tôi kiên nhẫn học cách xếp chữ, ý hài hòa, xúc tích, và mạch lạc, gói trọn vào một chủ đề chính. Tôi đã biết cách sửa đổi nhiều lần sau khi đọc lại bài viết của mình.

Tôi ôn lại chữ Việt và cách viết, song song với việc chữa bệnh và tu dưỡng tâm thần tốt hơn.

Cuộc tình «bỏ thì thương, mà vương thì tội» của tôi với tiếng Việt, ngẫm ra vẫn còn chưa tận duyên.

Tiếng Việt, tình yêu giữa tôi và nó, không chỉ là cái phao nâng đỡ tinh thần khi tôi gặp khó khăn, cô thế và lạc lõng. Nhờ nó mở lối tâm hồn, tôi không còn bị những lời nói vô tâm và những gương mặt nhăn nhó, khó tánh khắc khổ của quá khứ ám ảnh nữa. Giờ, nó là đòn bẩy giúp tôi nhảy cao hơn, sống ý nghĩa hơn, hoàn thiện tâm linh, tìm tòi học hỏi truyền bá những điều tốt đẹp của văn hóa Việt Nam. Những gian nan khi ôn tiếng Việt chuyển mình thành sự đam mê tìm tòi, là lối thoát hiểm gần gũi và an toàn nhất của đời sống nội tâm, thoát khỏi những đam mê danh vọng, đua đòi vật chất tầm thường.

Nhờ «nó» giúp, tôi mở lòng nhẹ nhàng thanh thản hơn. Nhờ nó, tôi sống vui, giữ lòng thanh khiết, không bon chen. Nó giúp tôi từ bỏ nhiều tham vọng, tránh xa bạn xấu, cùng những thú vui vô bổ.

«Nó» và tôi, từ đây sẽ song hành trên mọi nẻo đường tương lai, kiên trì, hoan hỉ đạp lên những chông gai trắc trở của cuộc sống.

«Nó» cùng tôi vẫn giữ vững niềm tin và hy vọng làm hành trang đi tiếp đoạn đường đời. «Nó» là người bạn trung thành cho tôi dựa lúc nản lòng, giúp tôi nhắc nhở mình không quên nguồn cội và sức khỏe tâm linh. Yêu «nó», nhắc tôi biết yêu mình, yêu đời và yêu người.

Tiếng Việt, người bạn thân thiết tri kỷ từ lớp vỡ lòng, vẫn mãi lặng lẽ đâu đó quanh tôi qua bao thăng trầm, đã giúp tôi vượt qua bao nhiêu trắc trở cam go trong kiếp nhân sinh.

Câu «Tiếng Việt còn, người Việt còn» luôn nhắc nhở tôi tạo cơ hội để bản thân và thế hệ sau không quên mình là người Việt, thích nói tiếng Việt cùng học hỏi gìn giữ văn hóa Việt. Nó đã giúp tôi chữa lành vết thương lòng, không còn lạc loài trong kiếp sống tha hương và dũng cảm mỉm cười nhìn về quá khứ. Tiếng Việt là thuốc chữa trị và bồi bổ sức khỏe tâm linh cho tôi. Tôi thấy được sự chung thủy của tôi với tiếng Việt có giá trị hữu ích luôn ươm mầm tin yêu và hy vọng. Tôi và nó sẽ gắn bó trong từng hơi thở từ giây phút này cho đến cuối đời. Tôi ngày ngày học thả lòng theo tự nhiên, theo duyên và gắng làm tốt bổn phận người tử tế, góp một bàn tay nhỏ, phát huy và bảo tồn văn hóa Việt, là tiếng Việt ngàn đời trong sáng từ thuở nằm nôi.

Mối tình giữa tiếng Việt và tôi, như tình yêu quê hương đất nước đã ăn sâu trong lòng, sẽ một đời gắn bó. Nó và tôi, cùng nhau trau dồi, đổi mới theo chiều hướng tốt, và sẽ giàu mạnh, phong phú hơn. Tôi hy vọng sẽ có dịp gởi đến bạn đọc những dòng chữ giản dị tự nhiên và hữu ích hơn xưa.

Mai Hồng Thu

Tử Thần Bỏ Sót

Sắc Võ

Tác giả lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ bằng một hồi ức Mậu Thân. Ông sinh năm 1942 tại Huế. Qua Mỹ diện HO 21 định cư tại Thành Phố Tucson Arizona, hiện nghỉ hưu. Mong ông sẽ tiếp tục viết.

Mậu Thân 1968. Những ngày đầu năm mới, Huế tang tóc, Huế bi thương.

Năm nay, Mậu Tuất, 2018. Thời gian qua đã 50 năm.

Nén hương thành kính xin tưởng nhớ bà con, anh em trong hai làng Nguyệt Biều, Lương Quán đã bị những người thân ruột thịt theo CS sát hại dã man trong biến cố Mậu Thân.

Kể lại chuyện cũ, nhưng không cũ, vì năm nào sau thú vui mừng Xuân, làng Nguyệt Biều nằm bên bờ tả ngạn sông Hương cách trung tâm thành phố Huế 5km về hướng tây, nhiều gia đình lại bùi ngùi tổ chức lễ kỵ cho thân nhân là nạn nhân chiến cuộc Mậu Thân.

Điểm lại danh sách những người bị giết tức tưởi, họ không mang tội gì ghê gớm để phải đền mạng, họ là những ông già, đàn bà, trẻ em, cha, con của những người

không cùng giới tuyến với Cộng Sản hoặc sống vùng nào làm việc theo chế độ vùng đó. Khá nhiều người là nạn nhân của sự trả thù cá nhân mà bọn thời cơ lợi dụng.

Hận thù nên gỡ không nên buộc. 50 năm thời gian dài đủ nguôi ngoai, quên đi hận thù và cùng bắt tay nhau xây dựng. Nhưng năm nào đến Tết, chính quyền Cộng Sản cũng tổ chức ăn mừng chiến thắng Mậu Thân 1968, vui trên thành tích tàn sát đồng bào, huyênh hoan khoe công trạng, tuyên truyền một chiều, gắn cho những nạn nhân bị giết oan là «mang nợ máu», làm cho lớp hậu sinh không phân được trắng đen.

Vì vậy, những nhân chứng không thể không kể lại. Nhân chứng phản biện để nói lên tội ác diệt chủng mà chính quyền CS qua tay bọn nằm vùng và bọn thời cơ đã giết dân Huế nói chung và dân hai làng Nguyệt Biều, Lương Quán nói riêng. Mong nỗi oan khiên được giải để cho các nạn nhân được siêu thoát.

Trong số người bị sát hại, điểm qua không thấy ai chống Cộng mãnh liệt, họ sợ cộng sản nhiều hơn chống, phần lớn họ là dân thường, chỉ muốn bình an. Hầu hết những người có thành tích chống cộng thì đã tự lánh mặt, vào ở trong các đồn trại của QĐVNCH, như đồn Long Thọ, Văn Thánh từ lúc nghe tin Cộng quân bất

ngờ phản bội ký kết lệnh ngưng bắn, tấn công vào thành phố Huế trong đêm 30 rạng mồng một Tết.

Mậu Thân, 1968. Lệnh các đài phát thanh thông báo : hưu chiến ba ngày. Hai phe ngưng tiếng súng để mừng vui trong ba ngày Tết. Chiều 30 tết, tiếng pháo nổ đì đùng khắp đó đây. Khuya 30 tiếng nổ lại rền vang hơn. Sáng mồng một Tết tin Việt cộng đã tấn công vào Huế. Nhưng Nguyệt Biều vẫn còn yên tĩnh, chỉ nghe tiếng nổ và chớp loé sáng ở xa.

Sáng nào tôi cũng sang nhà anh A. ngồi bàn chuyện và nghe ngóng tình hình. Hai anh em cũng đã bàn chuyện ra đồn Long Thọ lánh nạn. Cuối cùng, quyết định ở nhà vì cả hai là giáo viên, tự nghĩ, dại gì ra đồn quân sự mà lãnh đạn.

Anh Thân Trọng A. lớn hơn tôi chừng 4 hoặc 5 tuổi, nhà đối diện nhà tôi. Anh là thầy dạy kèm toán cho tôi thời tôi học trung học, vừa là cháu rể của nhà tôi. Anh là giáo sư trường trung học Đồng Khánh. Tôi quen anh, ở gần anh tôi biết khá rõ. Anh ở trong nhóm học sinh, sinh viên ngoại thành Huế trước năm 1954. Bạn bè cùng lứa của anh đi tập kết ra Bắc, Anh vì hoàn cảnh bà nội già, mồ côi cha mẹ, còn phải đùm bọc hai em còn nhỏ nên ở lại miền Nam.

Anh có giấy gọi quân dịch lớp sĩ quan từ khoá 13 vào năm 1962. Nhưng lần nào Anh cũng nhịn đói để không đủ cân và được hoãn dịch, lần lữa cho đến khoá 25 trừ bị Thủ Đức, năm 1967 anh mới bị dính. Sau 9 tháng ở quân trường, anh được phân bổ về Sư Đoàn 1 Bộ Binh. Dịp nghỉ Tết, lệnh cho phép hoãn trình diện. Anh nằm nhà, nghĩ mình có cảm tình với Việt Minh, sợ gì đi tránh, nhưng anh lầm.

Ngày 13 tháng giêng m lịch, khoản 9 giờ sáng cậu Nguyện tôi từ ngoài đường chạy vào, hổn hển :

- Việt cộng về tới trên đập rồi. Hai bên bắn nhau đã có người chết. Lính kéo nhau chạy ra Long Thọ hết !

Ba tôi bảo :

- Cậu và thằng Sắc lên trần nhà trốn đi.

Hai cậu cháu kéo nhau lên trần nhà ngồi, chừng 10 phút sau, nghe nhiều tiếng nói ngoài đường, rồi một toán không biết bao nhiêu người vào nhà.

- Chào Bác, Bác khỏe không ?

- Chào mấy anh.

- Cháu là Thân, đây là Gô và đây là Chiêm.

Hai cậu cháu ngồi trên trần, cậu tôi thì run cầm cập. Sao lạ lúc này tôi không thấy sợ sệt gì hết. Lại nghe hỏi:

- Con Bác đi đâu hết rồi ?

- Thằng lớn thì về ăn Tết nhà vợ, chưa thấy lên. Còn thằng nhỏ thì đi khỏi, vào Buôn mê thuột thăm chị nó.

Toán người chỉ thăm hỏi qua loa một chút rồi đi. Nói thật, trước Mậu Thân tôi không mảy may ác cảm với Việt cộng mà còn có cảm tình, vì hào quang Việt minh chiến thắng Điện Biên Phủ, có công trong kháng chiến chống Pháp. Vì thế, lúc đó tôi có ý muốn leo xuống gặp. Cậu tôi thì thầm, van vỉ :

- Cậu lạy con, con xuống là cậu chết.

Sau khi cả toán rời nhà tôi chừng 10 phút, mợ tôi le te bồng con nhỏ vừa chạy vào, vừa khóc.

- Anh lo về ngay, người ta đòi bắn thằng Sinh nếu anh không ra trình diện !

Mạ tôi cũng giục.

- Cậu về đi ! Mợ đã biết cậu ở đây thì ai cũng biết ! Về đi.

Cậu tôi với gương mặt âu lo, băng qua vườn O Liễn về nhà và đã bị đem đi, đến nay, vẫn chưa tìm ra tông tích. Chức vụ cậu tôi lúc đó là phó ấp trưởng.

Tôi thì xuống hầm tránh bom đạn, ẩn mình luôn.

Trưa ngày 18, có hai bộ đội vào xin được ăn cơm tối, mẹ tôi từ chối, xong chạy vào hầm mách lại với hai cha con. Tôi nghĩ chuyện này chắc mạ chết rồi, không kịp đắn đo tôi rời hầm ra đường đón hai anh bộ đội nói :

- Mời hai anh chiều ghé ăn cơm, mẹ tôi không biết, vì gạo hết từ hôm qua, nhưng vợ tôi đã qua hàng xóm mượn được một ít.

- Lần sau nghe. Có nhà bên kia cho ăn rồi !

Từ đó tôi không còn trốn được nữa mà hằng ngày theo lệnh tập trung tại nhà thờ họ Hoàng để nghe phổ biến tin tức và thông báo tin thắng trận. Trưa ai được về nhà nấy, ai cũng yên tâm, nghĩ chắc không có gì xảy ra cho mình. Nhưng vài người thân quen rỉ tai nhau cho biết tên một vài người trong làng đã bị bắt đi, kể cả anh A. Sau này mới tìm ra là anh A. bị chôn sống.

Những ngày đến điểm tập trung, tôi mới nhận ra, lâu nay số bạn bè qua lại với mình cũng như một số dân trong xã họ là cảm tình viên hoạt động chìm cho cộng sản.

Sáng 25 tháng giêng âm lịch. Anh Gô đạp xe đạp vào nhà tôi bảo :

- Anh Sắc, anh có lệnh đi học tập hai mươi ngày, xong về đi dạy. Đem theo 20 ngày ăn và đồ dùng cá nhân, 10 giờ đúng, tập trung tại nhà thờ họ Hoàng nghe.

Tôi mặc vội vào người bộ đồ đen của xây dựng nông thôn, ngoài mặc thêm bộ đồ ngủ màu xanh dương, bỏ gạo, thức ăn, đồ dùng cá nhân vào trong cái bao cát do vợ may cho, bao có hai quai để mang sau lưng thế cái ba lô.

Gần 10 giờ rời nhà, vợ bồng con đầu ba tháng tuổi đi theo lên tập trung tại nhà thờ họ Hoàng. Khi đến nơi tôi thấy rất đông, đủ các hạng người, đông nhất là hoc sinh, sinh viên. Mười ba người được gọi tên đi học tập là :

Nguyệt Biều : Sắc, Đằng, Hưng, Mẫn, Thổ, Vũ, Tâm (đàn bà)

Lương Quán : Khá, Thú, Đủ và 3 người nữa tôi không nhớ tên là nghĩa quân hoặc lính trong quân đội về phép

vì có lệnh đình chiến. (Số người này bị đưa ra Bắc, đến năm 1976 mới được cho về, trừ Vũ nghe nói bị bệnh chết.)

Một du kích có mang súng dẫn đi lên hướng đập đầu làng, băng qua nhà máy nước Vạn Niên, vào địa phận Thuỷ Xuân, nhốt vào trong một nhà thờ cũ ba gian tên gọi nhà thờ Trung Chỉ. Ở đây đã tập trung rất đông chừng khoảng 200 người.

Cả hai hôm đó chúng tôi bị cầm giữ tại đó, thỉnh thoảng thấy đưa thêm một số người vào, nhưng không thấy ai ở Nguyệt Biều nữa. Lúc mới nhập kho nghe thấy em Hồ ngọc Vinh người Lương Quán được cho về nhà. Trong số nạn nhân bị nhốt chung tôi còn nhớ mãi là : ông Võ Thành Minh người thổi sáo tại Geneve phản đối Hiệp định chia đôi đất nước năm 54, và hai cha dòng Thiên An. Sau này các báo đều đã đăng tin và hình ảnh cả ba người bị thảm sát tại một địa điểm gần lăng Tự Đức.

Tuy chỉ hai đêm nhưng tôi thấy mỗi đêm có cán bộ Cộng sản vào gọi tên một vài người và dẫn đi, sau này về được, tôi nghe những người đó đều bị chôn sống. Cái ghê gớm của người Cộng sản là khéo che dấu, nạn nhân đến khi chết mới biết được tâm địa gian ác của họ.

Đêm thứ hai, lệnh cho 13 người Nguyệt Biều ăn cơm để di chuyển, mỗi người được phát một chén cơm và mấy lát su hào kho muối.

Thật là điếc không sợ súng, tôi không thấy buồn, lo lắng gì cả, còn bạo miệng nói :

- Thưa đồng chí, số 13 xui, xin đồng chí cho thêm một người cho đủ 14.

- Ai đồng chí với anh ? Cách mạng 13 hay 14 gì cũng tốt hết.

Mắng thì mắng nhưng rồi họ cũng cho chuẩn uý Tôn Thất Bưởi rể ông Khương ở Trường Đá, đi theo cùng toán.

Khoảng 8 giờ 30 tối khởi hành. Trời cuối tháng giêng, tối mờ mờ, mưa, lạnh cắt da. Đang đi lệnh đột ngột dừng lại. Đằng xa, cách khoảng chừng mười lăm mét có bóng một lính Mỹ đen, tay xách khẩu AR 15 đang bước băng qua đường.

Lạy trời ! Chỉ đi nhanh hay chậm một phút cả toán lọt vào ổ phục kích của Mỹ tại Cầu Lim rồi ! Lệnh cho trở lui lại nhà thờ Trung Chỉ, ngày mai đi tiếp. Lần đi hôm sau trót lọt, chúng tôi được dẫn đi lên qua cầu Lim, vòng ngã sau quận Nam Hoà, lên Võ Xá, Định Xá đi

đò qua sông, băng rừng, lội bộ và ngừng ở hai triền đồi, dưới có dòng suối chảy. Ở đây đã sẵn láng, trại và số người đang bị giam giữ chừng ba trăm người, tôi thấy có vài người người ngoại quốc, tất cả đều sinh hoạt quanh lán trại, không ai bị cùm trói.

Hai ngày sau toán Thuỷ Biều mười người được gọi tên, phân công đi tải gạo, men theo đường rừng, đến các làng sau chùa Thiên Mụ để tải về cho trại một số gạo. Cả đi và về thời gian 6 ngày. Toán được một bộ đội người Bắc tên Chèo mang khẩu AK 47 dẫn đi. Đang thanh niên, lúc bấy giờ tôi mới 27 tuổi không hiểu gì về người Cộng sản cũng như Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, lại lém miệng, tôi liên tục chuyện trò với tay bộ đội suốt cả đường đi. Gã có cảm tình với tôi đến nỗi đeo súng thấy nặng, giao cho tôi mang giúp. Chúng tôi đi theo đường mòn băng qua một con đường lớn là con đường 612 Tuần -Asao và Aluoi. Đường được mở rộng và hoàn chỉnh từ năm 1962.

Ngày thứ hai trên đường đi tải gạo về, cả toán bọn tôi thấy toàn bộ cán bộ cũng như số người mới theo Việt Cộng của Nguyệt Biều hớt hơ, hớt hải chạy lên. Chỉ gặp thoáng qua thôi nhưng vẫn giọng tên Gô :

- Viết thư đi ! Viết thư đi ! Mai tôi chuyển về cho !

Thật là Cộng sản. Láo đến cùng ! Đang bỏ chạy mà cũng còn láo.

Lúc gặp nhau thì trên vai tôi đang mang khẩu AK 47. Không biết đám Việt Cộng đang vội chạy thoát có nhìn thấy không ? Mà thấy, không biết họ nghĩ sao về tôi ? Chắc chắn khi thấy tôi mang súng họ sẽ một phen kinh ngạc !

Về lại trại, chúng tôi được lệnh chuẩn bị sửa soạn mai lên đường ra Bắc. Việt Cộng không còn giấu giếm che đậy, tuyên bố công khai.

Tôi bắt đầu đánh giá tình hình. Trên trời, trực thăng, L19 đã hoạt động rộng quá vùng tù binh đang bị giam giữ. Vì gặp Việt Cộng đào tẩu, tôi tin chắc quân đội VNCH đã đẩy lùi Cộng Sản.

Lúc kêu mình đi, Việt Cộng nói là học tập hai mươi ngày, có học gì đâu ?

Chết rồi ! Tôi đã sáng mắt. Tù rồi ! Ra Bắc thì bao giờ mới trở lại ?

Vợ thì mới cưới, con vừa sinh, cha mẹ già yếu. Phải trốn. Tôi bàn với người bạn tên Hưng, Hưng thuận ý. Hai anh em quyết định ngày mai. Đêm nay, hai đứa nhịn ăn để lại phần cơm dành vượt thoát. Hưng bảo

tôi lội khe theo đường nước chảy. Tôi nghĩ khác, theo đường mòn ra đường 612 chạy về hướng đông tuy mạo hiểm, trống trải mà nhanh, không lạc, đang tranh tối tranh sáng, cán bộ, dân công di chuyển xô bồ, mình giả dạng dân công.

Hưng đồng ý, tôi học thuộc bốn câu bài hát thời mở trận chiến Điện Biên Phủ để vừa đi vừa hát tránh khỏi nghi ngờ :

«Hành quân xa tuy có nhiều gian khổ. Vai vác nặng ta đà đổ mồ hôi. Mắt ta sáng chí căm thù, bảo vệ đồng quê ta tiến bước. Đời chúng ta đâu có giặc là ta tiến lên.»

Sáng 7 giờ khởi hành, đi 55 phút nghỉ 5 phút, đoàn tù binh tổng số lên gần ba trăm, chỉ hai bộ đội dẫn đường, một trước, một sau. Tôi nháy Hưng đi vào đoạn giữa, xong 5 phút nghỉ, lại bắt đầu tiếp tục, tôi bấm tay Hưng, hai đứa lách vào bụi, chờ toán qua hết tôi cởi bộ áo quần ngủ cho vào bao cát thêm một ít sỏi đá, cùi vào vai. Hai anh em chạy theo đường cùi gạo mà hôm trước đã di qua, lên đường 612.

Bất ngờ một giọng hỏi lớn :

- Đi đâu ?

- Công tác.

Sau tiếng đáp trả của tôi, không gian im bặt, tụi tôi vẫn chạy, vừa chạy vừa hát bốn câu hát đã thuộc lòng. Tôi liếc qua thấy Hưng run cầm cập. Hưng ở làng nổi tiếng gan lì, lại là quân nhân, trong bụng tôi từng nghĩ trốn thoát dựa vào Hưng mình sẽ an tâm hơn mà sao giờ này cậu ta run quá ! Còn tôi không biết sao giây phút đó lại bình tĩnh lạ. Tôi chạy sát vào Hưng thì thầm :

- Đừng sợ. Nó kêu đứng lại. Đừng đứng. Cứ chạy. Nó bắn, cứ chạy. Bị thương cũng cứ chạy nghe.

Nhắc xong tôi lại càng hát to hơn. Mọi việc vẫn bình yên, không một bóng người qua lại, chỉ thấy trên đường loang lổ những vết đạn pháo bị cày xới.

Chạy vào khoảng 3 hoặc 4 cây số, thấy chiếc trực thăng đằng xa, tôi lấy khăn tay vẫy, vẫy, nó bay mất dạng. Chừng 5 phút sau, một chiếc trực thăng khác xuất hiện. Lần này khi vẫy khăn thì phi công đã phát hiện người kêu cứu. Máy bay quần hai lần trên đầu, lần thứ ba, một cánh tay đưa ra vẫy, ý bảo chạy tiếp về hướng trước. Một đoạn máy bay hạ xuống đậu trên đường cách hai anh em ba chục mét. Một ông Mỹ cao, to, tay xách súng bước xuống máy bay gọi lớn bằng tiếng Việt :

- Đứng lại. Cởi hết áo quần ngoài, bỏ xách xuống. Bước tới trước năm bước, nằm sấp, hai tay giơ thẳng về

đằng trước.

Sau khi quan sát từ xa thấy chúng tôi làm đúng theo lệnh, người Mỹ tay vẫn cầm súng trong thế sẵn sàng, tiến lại gần, lục soát, xong cho lệnh mặc lại áo quần dẫn đến máy bay, bảo lên và chở về hạ xuống ở vị trí gần lăng Minh Mạng.

Chừng vài giờ sau lệnh cho chúng tôi lên máy bay trực thăng bay về Phú Bài căn cứ của Sư đoàn Không kỵ Hoa kỳ. Tai đây tôi được đưa vào phòng phỏng vấn. Một Trung uý Mỹ nói tiếng Việt như người Việt sau khi hỏi qua các câu hỏi lý lịch ông ta nói :

- Mày Việt cộng.

- Tại sao ông gọi tôi là Việt cộng ?

- Mày đeo đồng hồ là mày là Việt cộng. Tau vừa cứu một thằng Việt nam như mày, nó bảo Việt cộng lấy đồng hồ của nó. Tại sao Việt cộng không lấy đồng hồ của mày ?

- Ông biết, quân đội nào cũng có người tốt người xấu. Tôi với người ông vừa nói, không cùng bị bắt một chỗ. Tôi gặp được thằng Việt cộng tốt nó không lấy đồng hồ của tôi, đơn giản thế thôi.

Nói vừa dứt câu, một tiếng hỏi lớn từ bên ngoài.

- A ! Mi trong đó há Sắc ?

Tay Mỹ bảo tôi ngồi chờ một lát, anh ta ra ngoài xem ai. Khi trở vào anh tươi cười bảo :

- Thằng Ron. Thân trọng Ron thông dịch viên ở đây. Nó xác nhận mày đã bị Việt cộng bắt, anh nó cũng bị bắt nhưng bị giết rồi. Tau chúc mừng mày. Giờ mày cần gì tau sẽ giúp

- Tôi cần tắm, mấy ngày ni tôi chưa được tắm.

Mười phút sau nó đem cho môt viên xà phòng Dove và cho người dẫn đến một cái hồ ở Phú bài.

Sau khi cho tắm và cho ăn, hai anh em bị đem nhốt ngoài trời, chung quanh và trên đầu được bao bọc bởi dây kẽm gai, khom người ngồi như trong cái lồng chim. Người đã ngồi sẵn trong lồng đông lắm, người Nguyệt Biều tôi còn nhớ có ông Giáo Đường, ông Kiểm Kha.

Mấy ngày sau nhờ Ron can thiệp, hai anh em được chuyển về Sư đoàn 1 đơn vị quân đội Việt nam. Hưng đang là quân nhân nên được chuyển qua an ninh quân đội đóng tại Tàng Thơ, Mang Cá. Riêng tôi trong người không còn giấy tờ gì khác nên bị xe dân sự chở qua

nhốt tại lao Thừa Phủ.

Vừa lọt vào cổng lao nghe hai ba tiếng gọi tên. Nhìn lên, thấy Bác Phạm Tập và anh Nguyễn hữu Hạnh, hai người ném cho hai ổ mì. Cám ơn hai người, khi hoạn nạn mới biết chân tình.

Lao Thừa phủ, rệp ơi là rệp ! Tôi nhốt tại đó hơn 10 ngày. Buổi sáng tù nhân được phân công đi dọn dẹp các nơi, vì sau chiến sự tất cả đã bị đổ vỡ, ngổn ngang. Tôi thường được phân qua toán thu dọn sạch sẽ chợ Đông Ba. Sáng sớm chưa rời lao đi làm thì nghe gọi tên có người gặp. Anh họ tôi là Thiếu Tá Ngô đình Trung về Huế chôn cha và em chết Mậu Thân, đến bảo lãnh. Không có anh Trung không biết tôi còn trong lao Thừa Phủ bao lâu nữa, có lẽ phải đợi chính quyền xã, quận về can thiệp.

Thế là thoát nạn. Hơn một tháng qua bốn nhà tù. Nhà tù nào cũng có cái đau thường, nghiệt ngã của nhà tù đó. Quá bất hạnh cho dân tộc Việt nam, thời chiến một cổ hai tròng. Khôn cũng chết, dại cũng chết, mà biết cũng chết, chỉ may mắn mới còn sống.

Sau khi được về lại với gia đình tôi mới lạnh gáy. Tử thần đã bỏ sót tên tôi. Tất cả mọi người bị Việt Cộng gọi đi học tập về chủ trương đường lối Cách mạng trong

các đợt ngày 13, 17, 22 tháng 1 năm 1968 đều bị giết. Họ chết vì bị chôn sống hoặc bị đập vỡ sọ bằng cuốc xẻng, báng súng, hoặc bắn vào đầu. Xác tìm được hơn sáu mươi người, thân nhân họ moi lên từ các hầm chôn vội quanh lăng Tự Đức, mang về quàng trước lò vôi Long Thọ để làm đám. Còn một số nữa không tìm ra xác (như cậu Nguyện, chú Bạn, cháu bé mới mười ba tuổi con chú Dung).

Bi thương, oán hận ngập trời xanh. Tiếng kêu than dậy đất. Dân cả làng muốn tìm bọn Việt Cộng nằm vùng và cảm tình viên của Cộng Sản để trả thù, nợ máu phải trả bằng máu. Nhưng may thay, Thiếu tá Ngô đình Trung thuộc Tổng Nha Cảnh Sát (có cha và em là nạn nhân), Đại uý Hoàng trọng Khuê chỉ huy lực lượng tái chiếm Nguyệt Biều (có hai cháu ruột một trai, một gái bị sát hại) đã kịp thời ngăn cản tránh cuộc đổ máu, đồng hương sát hại lẫn nhau. Đám cảm tình viên trong làng sau 1975 và cho đến bây giờ, chẳng thấy được đãi ngộ gì ! Một số không sống chung được với lũ CS, đã vượt biên, vượt thoát tìm cách định cư tại các nước phương Tây.

Kể từ Mậu Thân, suy nghĩ của tôi về người Cộng sản đã thay đổi hoàn toàn.

Tôi thấy sự khác biệt lớn lao giữa người Quốc Gia và Cộng Sản.

Người Quốc Gia : nhân đạo, nhân bản, pháp luật được tôn trọng. Ai làm, người đó chịu.

Người Cộng Sản : giết, giết, giết. Giết lầm còn hơn bỏ sót. Giết để diệt khẩu. Giết để trả thù. Giết để khủng bố. Giết để gây tâm lý sợ hãi.

Bạo lực «cách mạng» tại Huế đã được lãnh đạo Cộng Sản ra lệnh và khuyến khích để gây một tội ác không thể quên. Oan khiên không nguôi đi được khi dân Huế dân Việt vẫn còn tồn tại, khi chính quyền Cộng Sản chưa chịu một lần tạ lỗi hay chính thức nhận trách nhiệm đã gây ra tàn sát Mậu Thân.

Kể lại, gợi lại, không phải để làm đậm thêm mối hận thù mà chỉ là góp phần vào bài học lịch sử dành cho thế hệ sau. Xin coi bài viết này là một nén hương lòng kính cẩn tưởng niệm vong linh bà con đồng hương bị chết oan khiên trong cuộc thảm sát Mậu Thân, 1968.

Sắc Võ

Những Người Lính Chưa Hề Giải Ngũ

Orchid Thanh Lê

Tác giả đã nhận giải Chung Kết Viết Về Nước Mỹ 2015. Cô sinh tại Sài Gòn, hiện là nhà giáo làm việc tại Viện Nghiên Cứu Ngôn Ngữ Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ, Monterey, Calif. Bài mới, viết cho Tháng Tư Đen năm nay kể lại cuộc chuyện trò giữa tác giả Orchid Thanh Lê và hai nhà hoạt động cộng đồng tích cực tại hải ngoại : Nhà văn Chu Tất Tiến và Nhạc sĩ Lê Xuân Điềm.

Lần mới nhất tôi gặp lại ông là tại Đại Nhạc Hội yểm trợ nạn nhân bão lụt Harvey, Irma, và Puerto Rico. Tôi cất tiếng chào :

- Chu Tiên Sinh khỏe không ?

Ông đáp lại với giọng khàn khựa nhưng vẫn tươi cười:

- Hôm nay tôi trở thành ‘Tru Tắc Tiếng» rồi đây.

Tôi biết ông đã làm việc quá sức mình. Nguyên tháng 9 đến giữa tháng 10, ông lao đao cho việc tổ chức gây quỹ nói trên. Đối với sự kiện bất chợt như vậy thì nhiều thứ phải thực hiện cho kịp thời gian tính nhưng vẫn không được bỏ qua phần chuẩn bị chu đáo. Tờ mờ sáng

lúc trời còn sương, ông đã phải ra đứng ngoài sân khấu phối hợp với các anh em treo mắc dàn âm thanh nên bị trúng gió. Rồi đứng liên tục mấy tiếng đồng hồ dưới nắng để điều hành chương trình văn nghệ, đâm thêm cảm nắng !

Hôm đó, ngoài MC... «Tru Tắc Tiếng», còn có 11 MC nổi tiếng phụ giúp nên Đại Nhạc Hội diễn ra liên tục, không có khoảng «thời gian chết» nào cả. 32 ca sĩ ghi danh hát mà không có ai phàn nàn vì phải chờ đợi. Ban Nhạc Moon Flower phục vụ miễn phí. Người lúi húi treo mắc sáu tấm màn nhung khổng lồ chỉ nhận có 120 Mỹ kim thù lao «đứng sáu tiếng đồng hồ bảo vệ những tấm màn sân khấu». Người sở hữu dàn âm thanh đáng giá cả chục nghìn Mỹ kim chỉ nhận tiền trả cho nhân viên lắp ráp và bảo trì trong thời gian chơi nhạc. Người mang máy phát điện cho mượn cũng lấy vừa đúng số tiền mua dầu chạy máy còn thì không chịu nhận thêm khoản nào khác.

Buổi gây quỹ thu được 96.000 Mỹ kim ! Phái đoàn được cử đi trao tiền đến Hội Cứu Trợ đều tự túc chi phí đi lại bằng tiền túi của mỗi người. Tất cả đều vui vẻ phục vụ trên tinh thần thiện nguyện, dấn thân vì cộng đồng. Điều đáng nói ở đây, mọi người quý trọng và ủng hộ việc làm của ông họ Chu nên đóng góp hết mình.

Ông mê võ thuật, học nhiều môn : Aikido, Karate, Jujitsu, Kiếm Đạo, vân vân, nhưng sau cùng trụ lại Đệ Tứ Đẳng Huyền Đai Nhu Đạo và cộng tác tại Võ Đường Judo Quận Cam. Nhìn qua lịch làm việc dày đặc của ông, tôi không khỏi kinh ngạc khi thấy ông vẫn dành ra hai ngày trong tuần để hướng dẫn luyện Khí Công miễn phí cho các cụ. Từ chỗ thấy đồng bào hay bị bệnh 3 cao, 1 thấp (Cao Mỡ, Cao Máu, Cao Đường, Thấp Khớp) và nhất là hay mắc bệnh tim, ông mở lớp luyện Khí Công mà không nhận thù lao còn đồng bào chỉ góp tiền thuê chỗ tập luyện. Rồi vì có nhiều kết quả tốt, ông cứ tiếp tục hướng dẫn hết lớp này đến lớp khác, tính đến lúc này là hơn 15 năm.

Nếu xem võ là nghề thì văn phải là nghiệp, ông tâm sự. Từ thuở bé thơ, văn ý ông tuôn trào khi thiên nhiên hiện ra trước mắt như tranh vẽ từ những chuyến chu du bằng thuyền đinh với mẹ khắp các tỉnh Bắc Việt. Khởi sự viết văn, thơ từ năm 11 tuổi, thậm chí lúc đi tù cộng sản ông còn viết được nhật ký và mang trót lọt sang đến Mỹ. Ông thường xuyên viết bài chia sẻ đến cộng đồng từ những kinh nghiệm về hội nhập nước Mỹ: dưỡng sinh, thiền để rèn luyện sức khỏe, vân vân, cho đến những ưu tư về hiện tình đất nước hoặc những điều «trái tai, gai mắt» cần phải dẹp bỏ.

Nhân Quyền là đề tài mà ông đặc biệt quan tâm và dành nhiều công sức lẫn thời gian đi vận động cho một nước Việt Nam dân chủ. Ông được mời phát biểu ba phút về Nhân Quyền tại Phòng Khánh Tiết Quốc Hội Hoa Kỳ. Ông đã sang Úc Châu gặp Thủ Tướng, vào Quốc Hội Liên Bang Úc Châu tại Canberra, Quốc Hội Tiểu Bang Victoria tại Melbourne, Quốc Hội Tiểu Bang New South Wales tại Sydney để gặp gỡ các vị Bộ Trưởng, Nghị Sĩ, Dân Biểu để trình bày vấn đề Nhân Quyền tại Việt Nam đang bị chà đạp. Những chuyến đi gặp các chính khách quốc tế của ông còn kết hợp những buổi nói chuyện với cộng đồng về đề tài đáng báo động: «Sự Hủy Hoại Môi Trường, Thực Phẩm, và Văn Hóa tại Việt Nam».

Trong một lần trò chuyện khác, tôi hỏi ông về một cuộc thi nghệ thuật diễn ra trong cộng đồng Việt hải ngoại do Thượng Viện California tổ chức, ông đáp lại hết sức khiêm tốn. Năm đó, ai muốn tham gia thì gửi tác phẩm của mình đến Ban Bình Chọn. Ông gửi bức điêu khắc trong tù do chính ông sáng tác kèm theo lời chú thích về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. Ông tự biết có rất nhiều tác phẩm sáng giá khác đưa ra tranh tài, nhưng kết quả là bức tranh của ông được chọn làm giải thưởng tác phẩm điêu khắc xuất sắc nhất mà ông cho rằng có lẽ Ban Bình Chọn đánh giá cao về mặt lịch sử

và ý nghĩa của nó.

Sau tháng Tư nghiệt ngã 1975, chàng sĩ quan trẻ tuổi Chu Tất Tiến đi tù cộng sản. Bức điêu khắc nói trên được anh chế tác từ một miếng nhôm nhặt nhạnh ở trong rừng và gọt giũa cho vuông góc thẳng thớm, sau đó chà xuống nền xi-măng để mài nhẵn mịn màng nhằm che đi các vết rỗ. Kích cỡ nhắm chừng cuốn tập học trò : 20x30cm. Bức tranh được hoàn tất công phu không phải vì kỹ xảo điêu luyện mà được tính bằng máu và mồ hôi của người sáng tạo.

Dụng cụ để khắc miếng nhôm là chiếc đinh kẽm gai lén gỡ từ bờ rào của trại tù. Anh đã phải lấy áo rách hoặc giẻ quấn bàn tay trước khi nhón hai ngón tay giữ chặt chiếc đinh kẽm gai để sủi trên mặt nhôm bằng tất cả sức lực và tâm trí. Thực hiện việc điêu khắc trên bề mặt nhôm không đơn giản như trên bề mặt gỗ vì vậy anh chỉ có thể nhích chiếc đinh kẽm gai từng nửa mi-li-mét một để sủi. Suốt mấy tháng trời, bàn tay phải của anh rướm máu liên tục khi phải rà trên những vết sùi thô ráp.

Sang đến công đoạn mài nhẵn cũng không kém phần gian nan. Hôm thì tay sứt sẹo chỗ này và hôm sau tay lại tươm máu ở phần khác. Trong tu thì làm gì mà có băng gạc hay thuốc sát trùng cho vết thương, có nước

muối rửa là may rồi.

Bức tranh mang tên «Người phụ nữ trong cơn bão 1975» : không có miệng để nói, không có mũi để thở, mà chỉ có đôi mắt mở to để nhìn. Mặt nàng ngửng lên đón nhận trận bão đánh tơi bời khiến lá rơi nghiêng ngả và dưới chân thì sóng biển dâng mênh mông gây mưa gió dập vùi. Tác giả của bức tranh chỉ muốn gửi một thông điệp cho thế giới bên ngoài biết rằng người dân đang sống trong cảnh lầm than khi miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản.

Có lần bất chợt nhìn thoáng qua bức điêu khắc anh đang cặm cụi làm, tên quản giáo đã sáng ý hiểu ra. Hắn giật phắt bức điêu khắc trên tay anh rồi quát :

- A, tay này phản động. Anh khắc bức tranh ý nói người này bị bịt mồm, bịt mũi nên không nói, không thở được phải không ?

Anh nhanh trí đáp lại :

- Tại tôi chưa làm tới thôi. Theo thông tục Trung Hoa thì họ luôn điểm nhãn trước rồi mới vẽ mũi và miệng sau.

Hắn im lặng. Anh nói thêm :

- Tôi khắc đây là hình bà xã tôi mà !

Nói mãi cũng khiến tên quản giáo nghe xuôi tai mà trả lại anh bức điêu khắc và bỏ đi.

Mấy hôm sau anh tìm được một bao cát, giặt sạch, rút chỉ từ bao cát, dùng cọng kẽm dập thẳng làm kim khâu thành cái túi bọc bức điêu khắc tâm huyết này. Đợi dịp vợ lên thăm nuôi, anh lén tuồn chiếc túi khâu trọn bức tranh đưa chị đem về.

Bức tranh «Người phụ nữ trong cơn bão 1975» điêu khắc trong tù bởi tác giả Chu Tất Tiến

Trong lúc tôi lặng ngắm vật chứng nhà tù cộng sản, ông bộc bạch :

- Lúc đó, tôi luôn nghĩ là mình sẽ chết rũ trong tù cộng sản mà không có hy vọng về lại gia đình. Thời Việt Nam Cộng Hòa, tôi đã từng làm Trung úy Trưởng Ban Chiến Tranh Chính Trị (Ban 5), kiêm Trưởng Ban An Ninh (Ban 2) Trường Sĩ Quan Thủ Đức, kiêm Quản Lý Hội Quán Sinh Viên, và sau đó lại còn «biệt phái» Trường Quốc Gia Hành Chánh (mà theo cộng sản thì biệt phái là đi làm gián điệp); và trước đó, tôi lại là Lính Tình Nguyện được sang Mỹ học Trường Sinh Ngữ Quân

Đội, rồi kế đến Trường Sĩ Quan Lục Quân Hoa Kỳ.

Và ông tiếp nối với giọng nói đầy hào khí :

- Dù trong cảnh tù đày, tôi luôn cố giữ khí tiết của một Sĩ Quan Việt Nam Cộng Hòa : mỗi khi tiếp xúc với bọn cai tù, dù là cấp chính ủy Trung Đoàn, Tổng Quản Giáo, tôi không bao giờ cúi đầu trước chúng, không «thưa anh», «thưa cán bộ» với chúng.

Ông kể thêm tôi nghe ông đã từng làm chúng khiếp đảm !

- Dạo ấy, tôi tình nguyện hớt tóc cho anh em bạn thân. Một lần tên quản giáo đứng xem tôi hớt tóc, thấy gọn và đẹp, dù trong tay chỉ có một cái kéo nhỏ xíu bằng ngón tay (kéo lớn bị cấm !). Hôm sau hắn xuống gặp tôi sau giờ lao động, bảo tôi lên hớt tóc cho cán bộ đi phép ! Tôi giận quá, nhưng trước mắt vẫn phải làm theo. Ở trên đó, bọn chúng có dao cạo hẳn hoi. Hớt tóc cho hết tên này đến tên kia mà lòng tôi phẫn nộ muốn điên lên. Được vài ngày là tôi nhịn hết nổi vì đó là giờ tôi cần nghỉ ngơi sau khi lao động khổ sai; thêm nữa là tôi ghét chúng còn hơn ghét rắn rết, nên tôi làm bộ trượt tay cho lưỡi dao cạo xoẹt vào cổ của một tên, rồi xin lỗi. Tên này bắt đầu run; được một lúc, tôi lại trượt tay thêm một nhát nữa ngay gáy hắn... máu rịn ra đỏ lòe. Tên này

hoảng quá, đứng bật dậy, đuổi tôi về trại.

Cười khoái chí, ông kết thúc câu chuyện :

- Thế là tôi thong dong nghỉ ngơi, ăn cơm tù rồi hát tù ca cho anh em nghe.

Nhắc đến tù ca, ông đưa tôi xem một tập nhạc gồm vài mươi bài hát ông viết từ trong tù. Bìa tập nhạc có vẽ bông hoa cùng muông thú bé xinh với hàng chữ «Tặng cháu Mộng Thu để tập đàn» mà kỳ thực bên trong là những bài tù ca không lời. Đem được tập nhạc sang Mỹ, ông mới điền lời tù ca vào tập nhạc.

- Nhưng nếu nói tù ca được phổ biến rộng rãi và được cộng đồng nhiệt liệt hoan nghênh thì phải nhắc đến anh bạn đồng môn Chiến Tranh Chính Trị của tôi là nhạc sĩ Lê Xuân Điềm đây.

Vừa nói ông vừa đưa tay vẫy chào người đàn ông vai đeo chiếc đàn Banjo với dáng dấp nghệ sĩ, đang mỉm cười thân thiện rảo bước về phía chúng tôi. Người nhạc sĩ vừa ngồi xuống đã chào khách với tiếng đàn gảy réo rắt bản nhạc «Tiếng Nói Động Viên» do chính ông sáng tác. Bài hát gợi nhớ một thời thanh niên miền Nam Việt Nam nức lòng tham gia quân ngũ theo tiếng gọi giục giã : «Anh đi, tôi đi, chúng ta cùng đi... Mau lên anh

em, sức trai nề chi...»

Thấy tôi ngắm nghía chiếc nhạc cụ độc đáo và như đoán được những điều thắc mắc tôi sẽ hỏi ông, nhạc sĩ Xuân Điềm chậm rãi hồi tưởng lại lúc ông còn là Trung úy Chiến Tranh Chính Trị Tổng Nha Nhân Lực Bộ Quốc Phòng Việt Nam Cộng Hòa cho đến khi miền Nam Việt Nam thất thủ và ông phải vào tù cộng sản.

Ở tù, âm thanh thường lệ là tiếng quát thét của các tay quản giáo hoặc tiếng kẻng đánh thức tù nhân đi lao động khổ sai. Trong khi ra ngoài lao động nghe được tiếng trẻ em chơi đùa, các anh em tù, nhất là những ai đã có gia đình, ngập tràn nỗi nhớ da diết kèm theo nỗi tuyệt vọng với bản án không thời hạn. Chiều về chập choạng chính là lúc tù nhân bị lùa vào lán trại, những con người xương xẩu như những bóng ma rì rầm với nhau bởi họ nào được nói năng tự do. Anh buồn rầu thương cảm anh em bạn tù như thương thân mình : nếu cất lời ca thể hiện tâm trạng thì bị ghép tội hát nhạc đồi trụy. Anh thiết nghĩ : may ra điệu nhạc không lời có thể làm mọi người khuây khỏa đôi lúc, nhưng anh vẫn chưa hình dung làm thế nào để chế được một nhạc cụ; loại nào cũng được vì anh có thể chơi nhiều nhạc cụ khác nhau, không nhất thiết phải là chiếc vĩ cầm mà anh từng được bố dạy từ thuở lên tám.

Trại tù cộng sản đầu tiên anh ở là Thành Ông Năm, Hóc Môn. Đó là bản doanh của Liên Đoàn 5 Công Binh Kiến Tạo Việt Nam Cộng Hòa, nơi từng chứa quân xa, quân trang, quân dụng nên anh lục lọi kiếm được cái mặt chắn bằng sắt của bộ phận lọc gió xe Jeep trông từa tựa cái xoong. Anh đem nó về nong theo bộ dạng chiếc bầu đàn Banjo.

Câu thành ngữ «Cái khó bó cái khôn» chuyển thành «Cái khó ló cái khôn» phù hợp với tình huống của anh bấy giờ. Thời đó cộng sản vô «tiếp thu» khu công binh chẳng hiểu cái bàn bi-da dùng để làm gì, lệnh cho anh em tù đốn làm củi nấu bếp. Anh lục lọi trong đống củi nhà ăn và may mắn tìm được cái chân bàn bi-da bằng gỗ quý còn sót lại. Cái chân bàn được đẽo, gọt bởi các dụng cụ tự chế, rồi đem mài giũa nơi thành bể nước xi măng từ ngày này sang tháng khác, riết rồi cũng trở nên nhẵn nhụi, láng o để tạo thành cái cần đàn theo ý tưởng của người nhạc sĩ.

Đáy đàn là chiếc khay cơm tù cho tốp sáu người ăn; còn chiếc đĩa nhôm với đường kính khoảng hơn gang tay thường dùng để đựng đồ ăn được chia cho mỗi tốp tù nhân thì được úp xuống làm mặt đàn. Đàn Banjo có bốn cặp dây MI, LA, RE, SOL như vĩ cầm. Dây đàn được chế biến từ dây điện thoại nhà binh : một dây

mảnh là dây MI, hai dây mảnh quấn lại để tạo dây LA, còn nếu vỏ ngoài được quấn thêm cho dây LA sẽ có được dây RE, mà cũng loại dây RE đó nếu quấn thêm một lớp nữa là trở thành dây SOL. Dây càng lớn càng trầm, dây càng nhỏ càng thanh. Riêng các phím đàn được làm từ gờ cà-mèn tháo ra rồi chặt nhỏ lại. Chưa hết độc đáo, chốt móc dây được chế từ cái chốt bom còn móng đàn là cái kíp nổ. Anh tần mần tìm lượm mẩu gỗ vụn, chuốt sao cho nhẵn mịn làm ngựa đàn rồi so dây gảy thử, nghe thấy vang.

Vậy là cây đàn sơ khởi được chế tạo, chỉ còn căng dây để thẩm âm mà thôi. Vì chiếc đàn được chế với ý tưởng là loại Banjo với đáy nhôm nên mặt đàn đúng cách đáng lẽ ra phải được bọc bằng một lớp màng nhựa mỏng hoặc da để tăng phần cộng hưởng âm thanh. Tuy nhiên, do chiếc đĩa nhôm được chế làm mặt đàn khiến tiếng đàn hơi sắc, nghe giống tiếng đàn Mandoline (thường được làm bằng gỗ) với âm thanh trong trẻo và réo rắt hơn thay vì tiếng đàn nguyên thủy của Banjo thích hợp với dòng nhạc đồng quê hay nhạc dân ca.

Đêm trung thu đầu tiên trong trại tù, các anh em ngồi buồn bã trong lán tù tranh tối tranh sáng. Ôm cây đàn tự chế vừa hoàn tất, anh gảy bản nhạc «Nghìn Trùng Xa Cách» của nhạc sĩ Phạm Duy. Những bóng đen lặng lẽ

lướt đến gần. Tất cả yên lặng. Không tiếng vỗ tay. Chỉ có sự cảm nhận đồng điệu giữa tâm trạng bàng hoàng thổn thức của những người tù.

Bỗng từ xa có ánh đèn pin loang loáng thì biết ngay là có cán bộ coi tù đến, anh em tù vội báo động. Bọn quản giáo thấy tụ họp đông, sợ anh em biểu tình hoặc tổ chức vượt trại thành thử ra xuất hiện ngay. Nhưng rồi chúng cũng khựng lại nghe mê mẩn tiếng đàn rồi hỏi người nhạc sĩ đó là loại nhạc gì. Câu trả lời là bản nhạc Liên Xô hoặc Hungary không lời. Khi anh chuyển qua bản nhạc khác như «Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây» thì chúng lấy làm tiếc rẻ tại sao anh lại đổi loại nhạc chơi.

Ngày hăm ba Tết, đầu năm dương lịch 1976, anh và vài trăm bạn tù nữa có lệnh chuyển trại. Chúng đưa đoàn các anh ra đảo Phú Quốc. Hơi nước biển ở đảo nhanh chóng làm hoen rỉ phần bầu đàn bằng sắt của anh khiến tiếng đàn trở nên đục. Khi chuyển trại trở về đất liền, anh đành bỏ lại phần bầu đàn rỉ sét và chỉ mang theo cần đàn, đáy đàn và mặt đàn mà thôi.

Đến trại tù ở Trảng Lớn, Tây Ninh, một địa danh sát với đường mòn Hồ Chí Minh, vùng oanh tạc tự do ngày trước, anh nhìn thấy chiếc gàu múc nước do anh em tù chế từ vỏ đầu bom dạng phễu. Liên tưởng ngay đến cái

bầu đàn mình đang muốn chế, anh tìm cách đổi chác với anh em để có được thứ mong muốn. Thành thử ra bất cứ thứ gì kiếm được từ phương tiện chiến tranh và phương tiện nuôi tù mà thấy thích hợp thì đều được anh tận dụng để ráp lại thành tác phẩm nghệ thuật cho mình.

Cây đàn tự tạo mỗi lúc một hoàn thiện. Trong lần chuyển trại khác, anh được dịp quen người bạn tù mới là kiến trúc sư Nguyễn Thanh Thu, người đã điêu khắc bức tượng «Thương Tiếc» đặt tại Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa. Thời đónghệ nhân này trông rầu rĩ và tuyệt vọng, nhưng khi nghe nhạc sĩ kể về chiếc đàn tự tạo, ông Thu như tìm lại nguồn cảm hứng, dùng bút chì phác nét bức tượng «Thương Tiếc» lên mặt đàn và viết tên mình bên dưới.

Chàng nhạc sĩ bèn chế ra cây đinh đóng ngược vào miếng gỗ rồi dùng cả bàn tay nắm miếng gỗ mà chà miết những nét tỉ mỉ theo hình chữ chi lên nét phác họa tiết bức tượng «Thương Tiếc». Đáy đàn ngoài phần hoa văn còn khắc tên từng trại tù anh đã trải qua : Hóc Môn, Phú Quốc, Trảng Lớn, Đồng Ban, Bù Gia Phúc. Sang đến Trại Thủ Đức ở Hàm Tân, trại tù cuối anh ở, thì đáy đàn chỉ còn đủ chỗ cho anh khắc chữ Z-30D mà thôi.

Số lượng đàn các anh em tù khác làm ra để giải khuây cũng đáng kể nhưng nếu không biết cách giữ thì bị tịch thu. Riêng cây đàn của anh được chế tác bằng dùi lỗ và tán đinh theo đúng nghĩa tháo ráp : lúc nào anh cũng phải sẵn sàng trong tư thế chuyển trại. Một khi có lệnh phải đi, anh tháo rời cây đàn : cần đàn được quấn trong lớp quần áo tù nhét vào ba-lô; đáy đàn, bầu đàn và mặt đàn được bỏ chung trong mớ xoong nồi lỉnh kỉnh nên lọt qua sự kiểm soát của cai tù; còn các phụ kiện khác của đàn được dồn trong cái túi đựng các thứ vặt vãnh không đáng để mắt.

Giữ gìn cây đàn trong tù gần một thập niên với bao gian khó còn được nữa là. Rời quê hương, người nhạc sĩ cố gắng bằng mọi giá đem kỷ vật gắn bó với mình sang đến Mỹ. Chiếc đàn được gắn thêm sợi dây đeo có nền vàng ba sọc đỏ in nổi ba điều tâm niệm của người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa : Tổ Quốc-Danh Dự-Trách Nhiệm. Đến lúc này, chiếc đàn tự chế gần như nguyên vẹn, chỉ duy có ngựa đàn bằng gỗ tạp thường gây trượt dây đàn cần phải thay còn thì các phần khác không suy suyển.

Người nhạc sĩ trải qua thời trai trẻ với gần chín năm tù đày. Dù định cư xứ người lúc đã đứng tuổi nhưng trái tim ông vẫn tràn đầy nhiệt huyết cống hiến. Ông

bắt đầu thành lập Ban Tù Ca. Lúc đầu Ban Tù Ca chỉ gồm sáu người : ông bà Xuân Điềm-Thanh Liễu và bốn người nữa. Sau do hoàn cảnh, một số thành viên phải rời bỏ, ông bà tiếp tục gầy dựng lại.

Nhắc đến Thanh Liễu, người bạn đời của mình, ông cám ơn Thượng Đế đã ban cho hai người có chung một hướng nhìn, một lý tưởng để phục vụ xuyên suốt 25 năm qua trong Ban Tù Ca. Kỷ niệm cứ lần lượt hiện về để ông trải lòng :

- Thời chưa gia nhập quân đội, tôi là một nhạc sĩ sáng tác trong các hãng băng đĩa nhạc Continental, Sơn Ca do nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông làm giám đốc. Một hôm tôi có bản nhạc mới sáng tác nên đến nhà ca sĩ Phương Dung để tập cho cô ấy trước khi thu đĩa. Bước ra khỏi nhà Phương Dung thì phát hiện xe bị hỏng, đành phải dắt xe sang nhà hàng xóm của cô ấy để sửa, mà đó lại là nhà của Thanh Liễu nên mới có dịp làm quen.

Nhớ hoài buổi đầu gặp gỡ, đúng là trời xui đất khiến hôm đó Thanh Liễu không đi dạy học nên mới có dịp gặp người nhạc sĩ mà cô vẫn thường nghe các bài hát của ông trên đài nhưng chưa hề biết mặt.

- Nhưng phải ba năm sau tôi mới nhận được một cái gật đầu ưng thuận từ Thanh Liễu vì có nhiều người sắp hàng trước tôi trong khi tôi chỉ là quân nhân cấp bậc nhỏ và lại xa nhà luôn. Vậy có phải là tôi may mắn không ?

Ông mỉm cười rạng rỡ khi kể chuyện. Không may mắn sao được khi ông đi tù cộng sản thì người vợ hiền phải bôn ba vất vả với ba con thơ cùng lo thăm nuôi chồng và từ bao lâu nay luôn sát cánh bên ông để duy trì Ban Tù Ca. Hiện tại nhóm của ông có trên dưới 30 thành viên và nhân sự đôi khi thay đổi : người cũ hoặc già yếu hoặc mất đi, người mới gia nhập, vân vân. Tất cả thành viên đến với nhau là do xuất phát từ tấm lòng mong đất Việt sớm có được tự do, dân chủ, dân quyền. Họ có mặt trong các sinh hoạt cộng đồng để hỗ trợ kịp thời cho các phong trào. Thoạt tiên chỉ tù ca được phổ biến nhưng sau Ban Tù Ca kết hợp thêm thể loại đấu tranh ca và phong trào ca để phù hợp với những biến chuyển thời sự, tôn giáo, học đường, vân vân, diễn ra từ trong nước đến hải ngoại.

- Tại sao còn giữ cái tên «Ban Tù Ca» dù bây giờ các vị đã được tự do rồi ?

- Đúng, chúng tôi được tự do nhưng đồng bào trong nước còn đang bị tù. Chúng tôi phải hát như một lời đòi hỏi tự do cho họ. Chúng tôi gắng giữ vững Ban Tù

Ca đến khi không người dân Việt nào còn bị cầm tù vì những lý do không chính đáng mới thôi.

Năm 1995, trong Project 20 do nhạc sĩ Lê Văn Khoa khởi xướng nhằm đánh dấu 20 năm chiến tranh Việt Nam, cây đàn độc đáo của nhạc sĩ Lê Xuân Điềm được ra mắt công chúng Mỹ tại trường Đại Học Fullerton, California. Mới đây tại Hý Viện Kennedy ngay thủ đô Hoa Thịnh Đốn, nhân dịp nước Mỹ vinh danh các chiến sĩ Mỹ-Việt Nam Cộng Hòa bỏ mình vì chính nghĩa tự do, chủ nhân cây đàn được vinh dự mời biểu diễn bản nhạc «Tưởng Niệm Chiến Sĩ Tự Do» do chính ông sáng tác. Sau buổi diễn, nhiều khán giả hiếu kỳ xúm lại chiêm ngưỡng cây đàn lịch sử và xin chụp hình kỷ niệm.

Thời trai trẻ, chiến sĩ Chu Tất Tiến và chiến sĩ Lê Xuân Điềm gia nhập quân ngũ Việt Nam Cộng Hòa, rồi đi tù cộng sản theo vận rủi của miền Nam Việt Nam. Ngay từ những ngày đầu định cư tại Mỹ theo diện HO1 vào năm 1990, hai ông đóng góp không nề hà công sức và thì giờ vào công cuộc chung. Chính những bàn tay cầm súng thuở nào, những bàn tay sáng tạo nghệ thuật trong cảnh tù đày thì nay là những bàn tay cầm bút, cầm đàn trong mặt trận tâm lý chiến. Những vũ khí này lợi hại nào có thua gì súng, lưỡi lê ngoài chiến trường.

Từng là Sĩ Quan Chiến Tranh Chính Trị, mỗi ông có một phương thức góp tay xây dựng cộng đồng hải ngoại vững mạnh và gióng lên tiếng nói, tiếng hát đấu tranh cho một ngày mai tươi sáng nơi quê nhà. Hiển nhiên, dù ở bất cứ đâu, hai ông luôn tâm niệm mình là những người lính Việt Nam Cộng Hòa đấu tranh vì chính nghĩa.

Quý thay những người lính Việt Nam Cộng Hòa bất kể tuổi tác luôn cống hiến lòng nhiệt thành cho lý tưởng. Trân trọng vinh danh những người lính chưa hề giải ngũ.

Orchid Thanh Le

Người Yêu Trâu Điên

Trương Ngọc Anh

Tác giả dự Viết Về Nước Mỹ từ năm đầu, đã nhận giải bán kết 2002 với bài «Tiểu Hợp Chủng Quốc» kể về nơi cô làm việc, khi khủng bố tấn công nước Mỹ ngày 9 tháng 11 năm 2001. Bài viết sau đây của Ngọc Anh là những lá thư gửi người lính Thủy Quân Lục Chiến, thuộc một đơn vị có biệt anh Trâu Điên. Bài viết từng xuất hiện một lần trên tập san KBC Hải Ngoại mấy năm trước, nay được đăng lại với phần bổ túc trong kỳ tới bằng một bài viết mới.

Anh Trâu Điên yêu dấu

Khi viết năm chữ này, trái tim em đập những nhịp bất thường, ngón tay cầm viết cũng run rẩy.

Nhà trên rất yên lặng, chỉ còn mình em ngồi đây, góc bếp phân nửa lộ thiên, em nhìn thấy rất nhiều sao trên bầu trời xanh thẩm. Bàn học với một ngọn đèn neon tỏa màu xanh dịu dàng. Trước mặt em là tấm hình đen trắng nằm trên mặt giấy trắng tinh của cuốn nhựt ký nhỏ, in rõ từng đường nét một người lính đứng oai dũng. Chiếc nón sắt bao lưới ngụy trang gắn đầy lá cây, bộ đồ lính rằn ri mang nét hoa rừng. Treo lủng lẳng trên dây lưng

trái lựu đạn, ba lô đeo vai rất lớn nhìn thấy được dù hình chụp từ phía trước, một tay cầm cây súng dài, tay áo xắn lên rất cao, để lộ cánh tay to, gân guốc rắn rỏi, đôi giày sauts cao ống mà em nhớ rất rõ hôm ba chụp tấm hình này dính đầy bụi đất màu nâu đỏ, chứng tỏ những Trâu Điên mới từ vùng cao rừng núi về thành phố.

Anh Trâu Điên biết mà, tấm hình này chính tay ba em đã chụp cho anh, rửa ra giấy Kodak từ phòng tối chỗ làm của ba, Sở Giảo nghiệm, thuộc Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia, vào năm Mậu thân 1968, khói lửa đen ngút làm ảm đạm cả bầu trời Saigon.

Em nhớ rất rõ buổi sáng sớm đó, đất trời còn u u một ngày đầu năm Mậu Thân, những ngày còn Tết, nhưng không khí nhuốm mùi chiến tranh, một cái Tết hãi hùng của dân thủ đô Saigon vốn an lành. Gia đình em đã chạy tản cư qua nhà bà Ý Út, gần chợ Bến Thành mấy hôm trước đó, vừa mới trở về cư xá Phú Lâm.

Em nhớ, khi đoàn lính bước những bước chân mạnh dạn trên con đường ngang qua trước cửa nhà em, giấc sáng sớm trong khu cư xá Phú Lâm A thì cả nhà em đều đã thức. Ba em mở cửa, thấy đoàn lính đi ngang, vội trở vô nhà, sửa soạn cái máy ảnh rồi trở ra, chạy theo đoàn quân đang tiến bước, với đầy đủ vũ khí như sẵn sàng

cho một trận chiến. Em sợ sệt, đứng trong nhà nhìn hé qua cửa sổ thấy Ba đi theo và chụp hình. Ngày hôm sau thì ba mang hình về nhà, trãi từng tấm hình đã chụp lên bàn ăn. Em đứng kế bên ba ngó theo.

Tự nhiên Ba cầm một tấm hình nhỏ, ngắm nghía, rồi đưa cho em, nói :

- Hình này đẹp quá, muốn giữ hông con ?

Em cầm lên, nhìn thấy... anh.

Tấm hình ba khen đẹp quá, em đã ép trong cuốn nhựt ký nhỏ, dấu kín, giữ cho riêng em mà thôi.

Những ngày sau đó, còn Tết, đoàn quân lá rừng còn đóng quân trong cư xá, hễ rảnh rỗi giây phút nào, là anh tới nhà em, ngồi nói chuyện với Ba. Một già, một trẻ, coi tương đắc lắm.

Sau đó, em nghe Ba nói với Má :

- Đó là Tiểu đoàn 2, Thủy Quân Lục Chiến, Trâu Điên, đánh giặc giỏi lắm đó mình.

Hai chữ «Trâu Điên» nghe rất lạ. Cho nên lần nào anh tới nhà, em cũng chú ý nhìn huy hiệu trên tay áo, ngực áo trận của anh, để thấy hình Trâu Điên đó.

Anh không biết em đâu, là vì lúc đó em còn nhỏ lắm, chỉ là một cô gái rất nhỏ, nhút nhát, thường thắt hai bính tóc thả phía trước, đang học trường Gia Long, đệ nhất cấp. Những lần anh tới thăm ba, em luôn thập thò bên trong, nhìn anh, người lính trong tấm hình ba đã cho em.

Rồi một ngày, Ba nói với Má :

- Trâu Điên đi rồi, chắc yên rồi đó mình.

Lúc đó là tháng hai, sau Tết ta có mấy ngày thôi.

Cư xá tự nhiên thấy buồn bã, lạnh tanh và thiếu vắng. Không biết những anh lính Trâu Điên đã đi đâu ?

Những ngày Tết trôi qua, trong lo sợ, khi những tin tức xấu trên báo chí từ những cuộc tấn công Huế, Nha Trang, rồi Saigon. Tin tức rất xấu cho biết nhiều người đã bị chôn sống, bị bắt đi mất tích ở Huế, ngay tại thủ đô Saigon, không khí Tết đã mất dạng. Trường Gia Long chưa mở cửa lại cả tháng tiếp theo sau Tết, nên em vẫn còn ở nhà suốt thời gian những cuộc tấn công của cộng sản vô thành phố ngoài Trung đã bị dẹp tan nhưng để lại nhiều đổ nát và khăn tang.

Sau ngày «biết Trâu Điên», em thường đọc báo của Ba, để tìm Tiểu Đoàn Trâu Điên ở đâu trên bước đường chinh chiến ? Trước đó em có bao giờ để ý tới tin chiến sự, chỉ thanh thản lo đi học, lo đi chơi, xi nê bát phố cuối tuần cùng mấy bạn, không hề biết ngoài trận chiến, những tiền đồn, các anh lính đã chiến đấu trong gian nguy khốn khổ, sống chết ra sao. Chúng em ở hậu phương chỉ là những nữ sinh ngây thơ, sống trong thành phố bình an.

Từ ngày nhìn thấy những người lính oai hùng, trẻ trung, và đầy nét gian khổ hành quân, đóng quân trong cư xá những ngày Tết Mậu Thân khói lửa ngút trời, em thường lấy hình anh ra coi sau mỗi lần đọc báo, lòng luôn nhớ anh, và bắt đầu hiểu nghĩa chiến tranh là gì.

Anh Trâu Điên.

Tháng Năm, năm Mậu Thân này, việt cộng lại tấn công thủ đô Saigon lần thứ hai.

Lần này, chúng đã đặt bộ chỉ huy ngay tại cư xá Phú Lâm A, trong một căn biệt thự chúng đã chiếm đóng. Vài ngày trước đó cư xá hỗn loạn lắm. Một hôm cả xóm chạy vô xóm trong để nhìn xác một người dân bị «Cộng Sản nằm vùng» giết chết bỏ nằm đó, trên người đắp xơ chiếc chiếu. Em nhìn mà kinh hoàng !. Mấy chị em leo

lên gác, trèo lên nóc nhà ngồi để nhìn thấy khói lửa bốc lên đâu miệt Chợ Lớn. Ba lấy máy ảnh, chụp hình khói lửa, và hình mấy chị em đang ngồi trên nóc nhà, ba chỉ tay nói máy bay trực thăng đang bắn rockets.

Buổi sáng hôm đó, sớm lắm, đã nghe tiếng hỗn loạn kinh hoàng, Việt Cộng trong xóm nhà lá bắn đùng đùng nhiều tiếng súng nổ, người gánh gồng nồi niu con cái chạy hoảng hốt, lửa cháy đó đây mùi khét bay trong không khí. Ba chỉ kịp chụp cái máy quay phim, máy chụp hình đeo lên cổ, kêu má thu dọn chút đồ, đưa tụi em ra trú đỡ ở nhà Thờ Cha Hoàng, rồi ba hối hả chạy vô xóm trong để chụp hình. Má em trong cơn bối rối chỉ biết túm lấy đám con, chạy qua nhà thờ tạm trú.

Người người rần rần từ xóm trong, chạy trốn ra khỏi cư xá, còn Ba em thì chạy trở vào đó để chụp hình.

Máy phóng thanh đâu đó không biết đang kêu gọi liên tục nhắc dân chúng mau tản cư. Trực thăng bay quần quần trên bầu trời cư xá nhiều lắm.

Anh Trâu Điên, lúc đó anh đang ở đâu ?

Tụi em chạy qua Nhà Thờ cùng với rất đông dân chạy giặc cả cư xá lẫn xóm nhà lá phía trong. Giữa những tiếng kêu réo nhau rất kinh hoàng của cả dân cư xá tản

cư, thì Ba em lại lo mặc cái áo giáp, chuẩn bị máy chụp hình, mang theo cả máy quay phim, chạy ngược hướng, đi vô chỗ việt cộng đang đặt bộ chỉ huy.

Ngồi sát bên nhau trước sân nhà Thờ, hai chị em run rẩy, lo sợ cho ba.

Anh Trâu Điên ơi.

Buổi sáng hãi hùng đó, em chưa kịp nhìn rõ mặt Ba. Em phải ngừng viết, vì nước mắt em đã tuôn tràn không thở được.

Buổi sáng hãi hùng đó không có đoàn quân Trâu Điên, Ba em đã đi luôn.

Không, Ba có trở về nhà anh Trâu Điên ơi, bằng thể xác còn nóng hổi, máu còn chảy tràn ra linh láng, thấm ướt hết áo quần em. Hai chị em yếu đuối đã vác xác Ba về, máu chảy ướt đẫm trên áo quần hai chị em. Từ chỗ ba bị bắn về nhà, khoảng đường ngắn hai trăm mét mà dài như thiên thu. Ba chết vì hai viên đạn bắn xuyên người, hai cánh tay bị trói ngoặt ra sau. Máy chụp hình máy quay phim đều mất theo với mạng sống của Ba em, chỉ còn chiếc áo giáp trong người.

Sau những ngày đó, gia đình đã chôn cất ba, mấy bác trên Tổng Nha CSQG đã giúp đỡ lo liệu cho gia đình

em rất nhiều.

Má còn quá trẻ với đàn con tám đứa, như người mất hồn. Em luôn nghĩ tới anh trong lo sợ sau cái chết của Ba.

Có khi em oán trách, sao Trâu Điên không tới cứu dân lành như Trâu Điên đã tới lúc chúng nó tấn công Saigon lần thứ nhứt ? Em tức tối ! Ba em hiền quá, tại sao chúng giết Ba ? Ba chụp hình, chỉ để cho con cháu đời sau biết thảm họa chiến tranh.

Trong ngày ba em bị thảm sát, đoàn lính Biệt Động Quân tới chiến đấu anh dũng và giữ an dân trong thành phố. Dân cư xá lần lượt trở về nhà.

Nhưng Ba em thì đã chết !

Chúng bắt và giết Ba vì cho rằng ba là phóng viên chiến trường. Những tên việt cộng bận quân phục chính quy Bắc Việt màu vàng, mặt mày non nớt đó hầu hết đều đã chết ở mặt trận Chợ Lớn.

Em nghĩ, Ba em sẽ tha thứ cho họ.

Anh Trâu Điên.

Anh đã trở lại cư xá Phú Lâm thăm Ba vào mấy tháng sau, gần cuối năm Thân, trong một kỳ Tiểu đoàn 2 về hậu cứ dưỡng quân. Hôm đó, em có mặt ở nhà. Anh bước vô nhà em, tươi cười như một người thân trong gia đình.

Má em khóc, chỉ hình Ba trên bàn thờ.

Em nhớ, mắt anh tối sầm, sững sờ.

Anh đốt nén nhang cắm lên bàn thờ Ba em, vái thật lâu như thì thầm với Ba. Anh đã ngồi lại, nói chuyện với má rất lâu, rất nhiều. Đứa cháu nhỏ của em bò trên sàn nhà chơi, thỉnh thoảng ngước khuôn mặt bầu bĩnh thiên thần nhìn người lớn. Anh nhìn theo thằng nhỏ, nói:

- Con nít sướng quá, đôi mắt nó trong veo chưa biết gì hết !.

Má em hỏi :

- Chừng nào cháu lấy vợ ?

Nghe anh nói :

- Cháu đi lính mới biết mạng sống người lính như chỉ mành trong lửa đạn, cháu đâu dám lấy vợ, khổ cho

người ta...

Má hỏi thăm và nghe anh nói hai trận Mậu Thân tiểu đoàn Trâu Điên hy sinh nhiều !

Em vẫn lấp ló bên trong, không dám ra chào, mặc dù em nhìn thấy anh hằng ngày trên tấm hình Ba đã cho em. Em chưa một lần nói chuyện với anh, nhưng quen thuộc lắm anh Trâu Điên. Nhìn anh, em lại nhớ Ba em.

Anh Trâu Điên ơi !

Anh không hề biết có một cô gái nhỏ đã mang hình ảnh của anh hiên ngang trong tâm tưởng, đã theo dõi anh, từng bước quân hành trên báo chí. Tim em thót đau mỗi khi biết được Trâu Điên đang chiến đấu trên trận địa nào, chiến công hào hùng bao nhiêu, mất mát bao nhiêu. Em đã chảy nước mắt, thầm cầu mong cho anh không biết sống chết ra sao ? Cầu anh linh Ba theo phù hộ các anh TQLC Trâu Điên.

Mỗi lần đọc tin chiến sự, em thấy mình già thêm biết bao nhiêu, em đã không còn hồn nhiên nữa. Những lần đó, em đều lấy tấm hình anh ra nhìn, nhìn mãi, theo em cả trong giấc ngủ hình ảnh anh Trâu Điên với lá rừng trên nón sắt.

Lá thư này em đã viết mà không bao giờ gởi, vì em đâu biết anh Trâu Điên đang ở nơi nào, trên mảnh đất chiến tranh đầy thống khổ của dân tộc Việt Nam mình.

Em viết lá thư này, như một nhu cầu yêu thương dành cho anh Trâu Điên, người bạn trẻ của Ba. Hình ảnh Ba và anh Trâu Điên luôn gắn liền nhau, trong lòng em. Em giữ lá thư không gởi trong cuốn nhựt ký này.

Cầu chúc cho anh mọi sự bình an

Ghi thêm của người viết :

Tấm hình Trâu Điên yêu dấu đã theo cô gái suốt bảy năm dài.

Như một định mệnh rất tàn khốc, tấm hình anh Trâu Điên đã ở lại VN vào một ngày cuối tháng Tư, năm 75 khi cô chạy trốn khỏi nước cùng má và các em. Lá thư này ép trong cuốn nhựt ký đã mất cùng với tấm hình trên đường lưu lạc. Thư được viết lại với lòng mong mỏi người anh Trâu Điên nay vẫn còn sống sót đâu đó sau cơn hồng thủy, biết rằng trên mặt đất này, vẫn còn có một người luôn nhớ anh Trâu Điên ngày xưa.

Cô gái Phú Lâm A Chợ Lớn Saigon Mậu Thân 1968.

Anh Lính Chiến và Người Phóng Viên

Capvanto

Captovan hay Capvanto là bút hiệu khác của Philato, có lẽ do lối viết cách điệu từ Tô Văn Cấp, tên thật tác giả. Ông sinh năm 1941, từng là một đại đội trưởng thuộc TĐ2/TQLC, đơn vị có biệt danh Trâu Điên. Với nhiều bài viết giá trị, ông đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Bài viết sau đây là câu chuyện thật về người lính trong tấm hình được đề cập trong bài «người yêu trâu điên».

Năm 2008, binh chủng Thủy Quân Lục Chiến chúng tôi tổ chức tại Little Saigon vào dịp July 4, anh em Mũ Xanh các nơi về tham dự đến gần 400 người, trong đó có khá đông anh em thuộc Tiểu Đoàn 2/TQLC mang danh hiệu «Trâu Điên».

Trong khi anh em đang vui vẻ ôn lại chuyện đồng đội cũ chiến trường xưa thì vị cựu Tiểu Đoàn Trưởng ra hiệu yên lặng rồi ông mở tờ báo KBC/Hải Ngoại ra cho mọi người xem bài viết của tác giả N.A với tựa đề: «Người Yêu Trâu Điên».

Bên lề bài viết là tấm hình của một phụ nữ rất duyên dáng với áo dài trắng, tóc xõa bờ vai nhưng đôi mắt

thì quá buồn. Bầu không khí buổi họp mặt bỗng sôi động hẳn lên, có nhiều tiếng huýt sáo y như ngày nào năm xưa khi «em gái» hậu phương đến thăm «anh trai» ngoài tiền đồn.

Chưa biết nội dung nói gì nhưng ai cũng đòi người anh cả đơn vị cho cầm tờ báo để ngắm người đẹp, người đẹp giữa chốn ba quân. Nét mặt Anh Cả Tiểu Đoàn tươi vui với giọng nói trẻ trung như ngày xưa từng ra lệnh trước hàng quân :

- Ai là thủ phạm, ai là «Người Yêu Trâu Điên» thì bước ra khỏi hàng.

Thật bất ngờ, mấy chục «ông già» trong quân phục rằn ri cùng nhất loạt đứng lên đưa cao tay, miệng hô lớn:

- Em, chính em, chính là em.

- Thưa Đại Bàng, không phải thằng đó, em mới chính là thủ phạm.

Nếu tác giả N.A, dù là nam hay nữ, mà nhìn thấy cảnh này chắc chắn sẽ cảm động lắm, chỉ với cái tựa bài viết thôi mà đã khiến những cựu quân nhân già cỗi nơi hải ngoại bỗng trở lại thành những người lính trẻ trung năm xưa.

Trước tình thế khó xử, biết trao «người đẹp» cho ai bây giờ nên Anh Cả bắt bí :

- Trâu nào đã tham dự trận đánh vùng Phú Lâm Tết Mậu Thân đưa tay lên.

Tất cả các cánh tay lại đồng loạt đưa thẳng lên như năm xưa tuyên thệ ngày mãn khóa tại vũ đình trường, trong đó có nhiều anh khi trận Mậu Thân 1968 xảy ra thì còn đang mài đũng quần trên ghế nhà trường !

Anh Cả mỉm cười vì ai cũng muốn «tự giác» nên ông đành trao tờ KBC/HN cho tôi rồi ra lệnh :

- Trận Mậu Thân, cậu là 1 trong 2 đại đội trưởng chịu trách nhiệm giải tỏa khu vực Phú Lâm, hãy cầm tài liệu này về điều tra xem ai là người bị tác giả N.A khiếu nại.

Mọi người cùng cười, chỉ một tựa bài viết mà làm không khí sinh động hẳn lên. nhận tờ KBC Hải Ngoại, tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần bài viết «Người Yêu Trâu Điên,» và tự hỏi không lẽ lại có sự trùng hợp lạ lùng đến thế sao ?

Nội dung câu chuyện nói về thân phụ của tác giả là một phóng viên chiến trường, ông đi theo Tiểu Đoàn Trâu Điên để chụp hình quay phim những trận đánh trong thành phố Saigon tết Mậu Thân. Trong những

hình ông chụp có một tấm hình đẹp của người lính Trâu Điên và ông đã tặng tấm hình đó cho con gái khi cô mới chỉ là một nữ sinh lớp Đệ Lục trường Gia Long.

Thân phụ N.A đã kết thân với người lính ấy và mỗi khi họ trò chuyện bên nhau thì cô bé chăm chú nhìn hình con trâu trên vai áo trận rằn ri. Rồi người lính ấy di chuyển đi nơi khác khiến cô bé bâng khuâng và khi VC tấn công đợt 2 thì thêm một đại họa bất ngờ ập đến với tuổi thơ, thân phụ tác giả đã bị VC hạ sát trong lúc đang thi hành công vụ !

Xin phép tác giả N.A cho tôi trích một vài đoạn trong bài viết «Người Yêu Trâu Điên» để đem so sánh với những gì đã xảy ra 40 năm về trước ở đơn vị tôi khi tham dự trận Mậu Thân : (trích).

«Anh Trâu Điên yêu dấu.

Khi viết năm chữ này, trái tim em đập những nhịp bất thường, ngón tay cầm viết cũng run rẩy. Trước mặt em là tấm hình đen trắng...

Anh Trâu Điên biết mà, tấm hình này chính Ba em chụp cho anh... Tự nhiên Ba cầm tấm hình ngắm nghía rồi đưa cho em, nói :

- Tấm hình này đẹp quá, muốn giữ không con ?

Tấm hình Ba khen đẹp quá, em đã ép trong cuốn nhật ký nhỏ, dấu kín giữ cho riêng em mà thôi.

Tháng Năm năm Mậu Thân, VC lại tấn công thủ đô lần thứ 2.

Buổi sáng hãi hùng đó, không có anh Trâu Điên, Ba em đã đi luôn.

Không, Ba có trở về bằng thân xác còn nóng hổi, máu còn chảy ra linh láng, ướt hết quần áo em ! Hai chị em yếu đuối đã vác xác Ba về.

Lá thư này em viết nhưng không bao giờ gửi, vì em đâu biết anh Trâu Điên ở nơi nào trên mảnh đất đầy thống khổ... Em viết lá thư này như một nhu cầu yêu thương dành cho anh Trâu Điên, người bạn trẻ của Ba, hình ảnh Ba và anh Trâu Điên luôn gắn liền nhau trong lòng em. Em giữ mãi lá thư không gửi trong cuốn nhật ký...

Với lòng mong mỏi anh Trâu Điên vẫn còn sống sót đâu đó biết rằng trên mặt đất này vẫn còn có một người nhớ tới anh Trâu Điên ngày xưa.

Thực sự tôi chưa biết rõ tác giả N.A là nam hay nữ, nhưng tấm hình kèm theo bài viết thì là hình của một «cô», người cùng với «anh» Dương Thượng Trúc phụ

trách mục «Thư hậu phương, thư tiền tuyến» trên báo KBC/HN.

Nhân dịp đọc bài viết «Người Yêu Trâu Điên», tôi xin thuật lại một vài chi tiết 40 năm về trước để giúp tác giả biết thêm về lòng yêu nghề mà không ngại gian lao nguy hiểm của người phóng viên chiến trường. Nếu đích thực ông là thân phụ của tác giả thì xin cho tôi gửi lời chia buồn đến gia đình người quá cố, một phóng viên mà tôi quý mến.

Tết Mậu Thân 1968, TĐ.2/TQLC đang hành quân vùng Cai Lậy, Giáo Đức, Định Tường thì được trực thăng bốc về Saigon và đổ quân xuống ngay trong sân bộ Tổng Tham Mưu, sau khi thanh toán xong tụi VC ở trường Sinh Ngữ, trung tâm Ấn Loát, cổng xe lửa số 6 thì Tiểu Đoàn Trâu Điên chia ra từng đại đội đi đánh các nơi khác, sau đó thì Đại Đội 1 của tôi và Đại Đội 4 của Đại Úy Vũ Dzoan được lệnh giải tỏa lực lượng địch đang chiếm khu cư xá Phú Lâm.

Chúng tôi lục soát và chiếm những mục tiêu đang có VC cố thủ trên những nhà lầu dọc theo hai con đường Hậu Giang và Lục Tỉnh để tiến về Mũi Tàu Phú Lâm và đài phát tuyến. Vì chiến đấu trong thành phố nên chúng tôi không được phép sử dụng pháo binh và máy bay, do đó chúng tôi đã gặp nhiều khó khăn bởi vì địch đã nằm

sẵn trên các cao ốc, nhìn rõ mục tiêu, nhắm súng vào chúng tôi. Nhưng đã là lính thì phải chấp nhận hy sinh để giảm thiểu thiệt hại sinh mạng và tài sản của đồng bào.

Khi đại đội tôi tiến đến ngã tư đường Hậu Giang và Phú Định thì đụng nặng, địch khá đông đang cố thủ trong hãng pin Con Ó, cách chúng tôi một bãi đất trống và hỏa lực rất mạnh. Đã mấy giờ rồi mà quân ta chưa tiến thêm được bước nào, bị thương và tử trận ngày càng tăng cao trong khi thượng cấp thì ra lệnh phải tiến «bằng mọi giá» !

Chúng tôi phải xin tăng cường xe thiết giáp để TQLC tùng thiết (có nghĩa là bộ binh và thiết giáp che chở yểm trợ cho nhau cùng tiến), cấp trên đã biệt phái xuống cho tôi một thiết giáp M41. Chỉ một chiếc thôi thì chưa đủ, nhưng có còn hơn không nên tôi cho lệnh trung đội đi đầu của Thiếu Úy Nguyễn Văn chuẩn bị «tùng thiết» để vượt qua khoảng trống, chiếm mấy cao ốc trước mặt, thiết lập đầu cầu. Tiến như thế rất nguy hiểm nhưng phải theo lệnh cấp trên.

Khi xe và quân tùng thiết tiến lên thì tôi bất ngờ trông thấy anh phóng viên chiến trường núp sau pháo tháp và đang đưa máy hình lên chụp. Anh ta đã đi theo đơn vị tôi lao vào lửa đạn cả ngày rồi nhưng ngồi trên pháo

tháp như thế thì thật liều mạng, tôi quát :

- Anh phóng viên, yêu cầu anh xuống xe ngay.

Tôi hét lớn nhưng có lẽ vì tiếng máy nổ của M41 lớn quá khiến người phóng viên không nghe được, hoặc cũng có thể anh ta «giả điếc» để cố bám theo toán quân xung phong đầu tiên. Một tay anh bám vào thành xe, một tay bấm máy hình liên tục. Nguy hiểm quá, nếu không bị bắn thì anh ta cũng bị rớt xuống, sẽ bị xích xe cuốn theo ngay ! Không chần chừ được nữa, tôi quát lớn ra lệnh cho Hạ Sĩ 1 Bùi Ngọc Đường, người cận vệ của tôi :

- Đường, lôi ngay ông phóng viên xuống đất cho tao.

Không chậm trễ một giây, Đường nhẩy lên xe ôm ngang lưng người phóng viên rồi cả hai cùng té lộn nhào xuống đất. Trong lúc hai người còn đang nhăn nhó chưa kịp đứng dậy thì xe thiết giáp rú ga, gầm lên ủi sập bức tường phía trước mặt. Lập tức địch bắn đủ mọi loại vũ khí về phía chúng tôi, xe bị trúng đạn B40, tiếng nổ chát chúa hất tung những người ngồi trên xe xuống đất. Thiết giáp chồm lên đống gạch, khựng lại phun khói, cả khói xe lẫn khói đạn B40 mịt mù.

Sau một lúc với vài động tác xoa mặt, dụi mắt, tôi mới nhận ra được một cảnh tượng hết sức đau lòng, xe bị đứt xích, người trưởng xa M41 ngồi trong pháo tháp thò đầu ra ngoài thì đã biến đâu mất rồi ! Cái nón sắt của anh văng ra xa, móp méo và bê bết máu ! Thiếu Úy Nguyễn Văn Quang*, đi sau xe thiết giáp thì đang gượng đứng dậy, 2 tay xoa khắp người xem có bị thương chỗ nào không, Hạ Sĩ Danh-Thon, hiệu thính viên của Th/Úy Quang nằm sấp bất động, ngực đè lên máy truyền tin PRC 25, tôi lật người Thon lại, một viên đạn xuyên qua máy truyền tin anh đeo trước ngực, xuyên qua áo giáp, trổ ra sau lưng một lỗ nhỏ, máu chưa kịp thấm ra ngoài. (* Thiếu Úy Quang khóa 18 Võ Khoa đã tử trận một năm sau đó)

Đảo mắt quan sát một vòng, tôi thấy xung quanh xe thiết giáp vài quân nhân bị thương, chưa biết nặng nhẹ ra sao, cách đó vài mét, người phóng viên ngồi dựa lưng vào tường, mặt nhăn nhó, chắc là lúc bị Đường kéo té xuống đất đau lắm, nhưng anh ta vẫn còn đủ sức đưa máy lên bấm liên tục. Khi máy ngắm về phía tôi, anh trông thấy người vừa ra lệnh «lôi» anh ấy xuống đất nên anh ta lắc-lắc cái đầu tỏ ý «ghê quá» và đưa nắm tay với ngón cái hướng lên trời, không biết ý anh muốn nói là may mắn vừa thoát chết hay là muốn nói cám ơn tôi đã đuổi anh ấy xuống, có thể là cả hai. Tôi

tiến lại bắt tay anh và nói đùa :

- Về nhà nhớ mua heo cúng nghe ông, lần sau ráng giữ lấy cái «gáo dừa».

Anh nắm chặt tay tôi như muốn nói thêm điều gì nhưng rồi lại vội vàng tiếp tục đưa máy chụp nhiều tấm hình. Đến lúc này tôi mới biết là xe thiết giáp đã bị 2 trái B40 bắn vào xích và pháo tháp.

Pháo tháp là một khối sắt dày, đạn B40 không phá được nhưng sức nổ đã làm bay những gì xung quanh, sức nổ đã làm bay đầu và phần thân trên của anh thiết giáp đi xa, còn phần thân dưới có lẽ đã bị đứt ra và lọt vào trong lòng xe rồi ! Nếu anh phóng viên còn bám theo pháo tháp để chụp hình thì không biết sẽ ra sao ?

Thấy xe bằng sắt mà còn bị đứt huống chi người, thượng cấp không hối thúc tôi tiến quân nữa mà cho dừng quân để trực thăng (gunship) đến bắn rockets thẳng vào mục tiêu, nhờ vậy chúng tôi mới vượt qua được khoảng trống và tiến nhanh đến giải tỏa địch khu cư xá Phú Lâm.

Bài viết này chúng tôi không chủ tâm viết về trận đánh Mậu Thân 1968 mà chỉ muốn nói về chuyện người Phóng Viên Chiến Trường nên chúng tôi không đi vào

chi tiết việc binh đao mà xin quay về với người «lính» mang ống kính, máy chụp hình.

Rất hiếm khi có được phóng viên chiến trường đi theo ở ngay tuyến đầu tại mặt trận, có chăng là sau khi mọi chuyện đã xong xuôi, phái đoàn báo chí mới tháp tùng theo phái đoàn trung ương đến quan sát trận địa để chụp hình quay phim đưa hình phái đoàn hoặc hình những xác VC, những cây súng gãy lên mặt báo, còn hình người lính chiến thì mờ-mờ ảo-ảo làm nền trang trí

Nhưng lần này về đánh giặc ngay trong lòng thủ đô nên có dịp nằm cùng phóng viên ngay tuyến đầu, những hình ảnh người lính TQLC xung phong vào lửa đạn đều được các anh chụp và đưa lên các trang nhật báo ngay ngày hôm sau kèm theo tên tuổi đơn vị v.v.. như trường hợp phóng viên Nguyễn Tú của nhật báo Chính Luận, những hình ảnh và bản tin của anh viết về Trâu Điên trên báo đã được thân nhân gửi ra chiến trường khiến chúng tôi rất hãnh diện. Dù không biết ông Nguyễn Tú nay ở nơi đâu nhưng cũng xin thay mặt anh em để cám ơn ông Nguyễn Tú.

Có những người lính thấy hình mình được đăng trên báo, dù không rõ lắm nhưng cũng thấy thích thú, cắt xén thật cẩn thận để giữ làm kỷ niệm hoặc làm quà tặng cho người yêu. Các cấp chỉ huy thì cất kỹ những trang

báo nói về trận đánh của đơn vị mình rồi đóng khung lồng kính treo lên chỗ trang trọng nhất của đơn vị.

Đối với người lính tác chiến thì những hình ảnh và bài viết của các phóng viên chiến trường về đơn vị họ, nhất là các đơn vị cấp nhỏ như trung đội hay đại đội, là một niềm an ủi lớn lao, một điều khích lệ vô cùng quan trọng cho tinh thần chiến đấu của họ, vì thế nói không ngoa rằng một cây viết chiến trường mạnh hơn một đơn vị, nhưng tiếc thay, trong quá khứ, người có trách nhiệm đã không để ý đến «binh sĩ vận» mà chỉ lo «thượng cấp vận».

Có được người phóng viên đi theo khiến anh em lính chúng tôi lên tinh thần, hơn nữa chuyện anh thoát lưỡi hái của tử thần vừa qua càng làm chúng tôi quý mến nhau hơn nhất là tình cảm giữa anh và Bùi Ngọc Đường, họ thân nhau như anh em, dù tuổi tác có chênh lệch.

Trong lúc đơn vị tôi tạm đóng quân trong cư xá để chờ nhiệm vụ mới thì anh phóng viên dẫn chúng tôi về nhà, cũng ở trong cư xá Phú Lâm, anh có ý muốn giới thiệu chúng tôi với chị ấy và các cháu, trước khi bước vào nhà anh nói nhỏ với tôi và Đường :

- Các anh đừng nói gì về chuyện vừa xảy ra nhá, sợ bà xã tôi và sấp nhỏ lo lắng.

Một người phóng viên chiến trường vừa yêu nghề lại vừa yêu vợ con nên đôi khi cũng không dám nói sự thật về những nguy hiểm bao quanh bản thân mình.

Tôi thông cảm với anh vì tôi vẫn thường nói dối như thế với mẹ tôi, «Bà Mẹ Quê». Mỗi lần về phép, mẹ tôi hỏi đi lính có vất vả không con thì tôi trả lời mẹ ngay : «Xin Mẹ yên tâm, như đi làm thư ký văn phòng ấy mà, mẹ đừng có lo».

Anh phóng viên giới thiệu chị và các con với chúng tôi, có lẽ cũng đến «ngũ long công chúa», cháu lớn chỉ độ «trăng tròn» là cùng. Thấy lính tráng súng ống vào nhà nhưng lại ngồi uống café hút thuốc nói chuyện vui vẻ với bố nên các cháu an tâm, bạo dạn hơn, thập thò sau màn, khúc khích cười, vỗ vào lưng nhau «thùm-thụp».

Một gia đình thật hạnh phúc, tôi ước mong một ngày nào trong tương lai có được mái ấm gia đình như anh, nhưng có lẽ còn lâu lắm, hoặc không bao giờ có được hạnh phúc ấy một khi còn «vui đùa» với súng đạn, «cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi» nghĩ vậy nên tôi tâm sự với anh :

- Này anh, nếu hôm qua Đường nó không ôm anh nhảy xuống đất thì hôm nay đâu còn chầu café này, anh

đâu còn nghe tiếng cười khúc khích dễ thương của các cháu. Anh phải hết sức cẩn thận khi đi làm phóng sự ngoài chiến trường, hoặc nên đổi nghề, lương phóng viên không được bao nhiêu mà có quá nhiều nguy hiểm, anh đã có gia đình, các cháu đang nhìn anh kia kìa.

Tôi chỉ tay vào phía trong nhà, sau bức màn che, thấp thoáng một hai cô bé tóc đuôi gà đang nhìn bố tiếp khách, nhìn theo hướng tay tôi chỉ, anh gật gật đầu ra chiều suy nghĩ. Chúng tôi bắt tay từ giã, anh xiết chặt tay tôi và nói nhỏ :

- Anh sẽ để ý và nghiên cứu lại lời khuyên của chú em.

Tôi thật cảm động khi nghe anh xưng «anh» và gọi tôi bằng «chú em» mang đậm nét tình nghĩa gia đình. Từ hai người xa lạ, chỉ qua một lần cùng chung nguy hiểm, thoát chết trong gang tấc mà chúng tôi trở thành anh em thân thiết hồi nào không hay. Lính trận phong sương râu ria rậm rạp còn anh phóng viên trắng trẻo đẹp trai nên trông như gần bằng tuổi nhau.

Anh tiễn chúng tôi ra cửa mà còn nghe có tiếng chị dặn với theo :

- Tối các em nhớ lại ăn cơm canh chua cá kho tộ với các cháu cho vui.

Vui quá đi chứ, hổm rày sống giữa thành phố mà cứ phải «nhá» C ration (thức ăn đóng hộp cho lính hành quân), thịt hộp 3-lát ngán quá. Nhưng ngay tối đó đại đội tôi phải di chuyển gấp đến mặt trận Bình Hòa, Gia Định nên không kịp báo tin cho anh hay.

Ngày qua ngày, TĐ2/TQLC di chuyển khắp nơi, từ nội thành ra tới ngoại ô, từ Nhà Bè sang bến đò Long Kiểng, lên Nhị Bình (Lái Thiêu), chỗ nào có bóng dáng VC là chúng tôi đến. Đã có lần đơn vị chúng tôi trở lại lục soát khu vực rừng khóm (dứa), thuộc mật khu Lý Văn Mạnh, rất gần cư xá Phú Lâm nhưng không có thì giờ ghé thăm anh chị.

Rồi VC tấn công đợt 2, TQLC chúng tôi bận túi bụi tiếp những người «anh em» từ bưng về thành, nào là ngã ba Cây Thị, xóm Cao Đồng Hưng, khu Đồng Ông Cộ, cầu Bình Lợi, ngã ba Cát Lái v.v... Người tử trận, kẻ bị thương, chúng tôi không còn thì giờ nhớ đến gia đình, người yêu. Hình dáng người phóng viên cũng mờ dần.

Vào khoảng tháng 10/1968, tình hình Saigon hoàn toàn yên tĩnh trở lại, TĐ2 chúng tôi được biệt phái cho Quân Đoàn III để hành quân vào mật khu Hố Bò, Bời Lời. Trước khi rời xa Saigon, Bùi Ngọc Đường trốn đi chơi nguyên ngày, khi trở lại đơn vị thì vừa kịp nhảy lên xe GMC cùng đại đội di chuyển đến quận Hiếu Thiện (Tây Ninh) và từ đây được trực thăng vận vào mật khu Bời Lời ngay nên tôi chưa có dịp «thưởng» cho Đường 5 roi vì tội «nhảy dù». Cũng may là trong trận này, Bùi Ngọc Đường cùng với Nguyễn Văn Hợi đã liều mình cứu sống được viên trung úy cố vấn Mỹ bị thương, Lt Joe Bargerstock, vì anh ta đang bị VC bao vây tìm cách bắt. Nhờ thành tích này mà Đường được Thiếu Tá Lê Đình Bảo trưởng phòng Chính Huấn Sư Đoàn TQLC đề nghị và tưởng thưởng cho một xe Honda, và dĩ nhiên tôi cũng tha cho hắn tội trốn đi phố.

Bùi Ngọc Đường và tôi là hai «thầy trò» nên khi đi hành quân thì như hình với bóng, Đường luôn ở bên cạnh để giúp tôi khi cần thiết, đi đâu là phải hỏi, vậy mà lần này dám đi cả ngày, đã vậy khi trở về lại có vẻ buồn. Tuy được thưởng cho chiếc Honda mà sao Đường không vui ! Và rồi, xe Honda còn trùm mền chờ ngày Đường về phép để chở người yêu dạo phố thì Đường lại hy sinh trong một cuộc hành quân sau đó trên chiến trường Campuchia !

Khi Đường tử trận rồi, Nguyễn Văn Hợi, người cùng với Đường cứu sống cố vấn Mỹ, mới nói thật với tôi là Đường trốn đi phố là để về thăm anh phóng viên ở cư xá Phú Lâm, và người anh kết nghĩa này của Đường đã bị VC hạ sát trong đợt 2 trận Mậu Thân !

Nghe Hợi nói mà tôi bỗng rùng mình. Tôi nhớ lại mấy tháng trước khi đánh ở đường Hậu Giang, Chợ Lớn, Đường đã theo lệnh tôi nhẩy lên Tank M41 ôm người phóng viên nhảy xuống đất vừa lúc xe tăng bị B40 bắn nên cả Đường và người phóng viên không bị nát thây trong gang tấc. Và rồi họ kết nghĩa anh em, tình huynh đệ chưa được bao lâu thì anh hy sinh mà em không biết ! Khi em trở lại thăm anh thì... chưa tàn nén nhang thắp cho anh thì em lại tử trận !

Cả hai đều những người tôi thương mến, hình ảnh của họ đã nằm sâu trong ký ức, tôi. Nào ngờ, 40 năm sau, một sự tình cờ mà hai hình ảnh này sống lại thật rõ ràng trong trí nhớ của người già hay quên chuyện hiện tại mà nhớ dai chuyện quá khứ.

Đọc từng dòng từng chữ câu chuyện của N.A, tôi tin chắc người bạn phóng viên chiến trường, người anh kết nghĩa của Trâu Điên Bùi Ngọc Đường chính là thân phụ của tác giả bài viết «Người Yêu Trâu Điên» và người lính trong tấm hình mà N.A dấu kín trong tập nhật ký

nhỏ có phần chắc là Bùi Ngọc Đường.

Tác giả N.A kết thúc lá thư không gửi vì không biết anh Trâu Điên ở đâu bằng lời chúc «Với lòng mong mỏi anh Trâu Điên vẫn còn sống sót đâu đó biết rằng trên mặt đất này vẫn còn có một người nhớ đến anh Trâu Điên ngày xưa».

Tôi xin kết thúc : «Tình Anh lính Chiến và Người Phóng Viên» với lời nhắn :

Cô N.A ơi, Trâu Điên Bùi Ngọc Đường, người trong tấm hình mà cô giữ kín trong cuốn nhật ký, đã không thể về dự đại hội TQLC năm 2008 được, Đường không chết nhưng đã nằm lại đâu đó trên chiến trường miền Nam VN, cũng như thân phụ của cô, ông không chết nhưng về với các con bằng thân xác còn nóng hổi, máu chảy ra linh láng !

Tôi tin rằng Bùi Ngọc Đường, người lính chiến trong tấm hình mà cô «nhốt» trong cuốn nhật ký thì chỉ có hắn biết, hắn luôn phù hộ gia đình cô.

Captovan

Tháng Tư Ngậm Ngùi

Huyền Thoại Thịnh Hương

Tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ từ 2006 với bút hiệu Huyền Thoại. Một số bài viết khác của cô được ký tên Thịnh Hương. Nay hai bút hiệu hợp nhất, thành một tác giả thân quen của sinh hoạt Việt Báo. Tác giả hiện cư trú và làm việc tại miền Bắc California. Bài mới của cô dành cho tháng Tư 2018

Năm nay lễ Phục Sinh nhằm ngày 01 tháng tư. Nhưng cũng nhằm ngày April Fool. Ngày này thiên hạ tung tin vịt vô tội vạ rồi vội vàng cải chính !

Trong vườn những cây Daffodil đã tàn, nhường cho mấy bụi tulips đủ màu khoe sắc.

Tháng Tư đã có nhiều ngày nắng, bớt ngày mưa. Những giọt nắng lung linh trên cây vừa trổ lá mới. Nhưng tháng tư trong tôi là những nhắc nhớ u ám, kinh hoàng. Là những hoài niệm, những xót thương và tiếc nuối. Tim tôi thắt lại, mắt tôi ầm ướt khi những kênh truyền hình bắt đầu chiếu lại những diễn biến thê thảm trên quê hương tôi mấy chục năm về trước trong cuộc chiến Nam Bắc tương tàn. Tôi không còn đủ can đảm để nhìn lại cảnh binh lính Cộng Hòa rút lui cùng

hàng ngàn thường dân trên những con lộ đẫm máu. Tôi không muốn thấy những xác chết không toàn thây bên lề đường. Tôi không muốn nhìn những gương mặt hốt hoảng lạc thần của những đứa trẻ mất cha mẹ, những người vợ vật vã thảm thiết bên xác chồng. Tôi không còn đủ sức chịu đựng để nhìn những người lính Cộng Hòa vừa khóc vừa tháo bỏ bộ quân phục đang mặc trên người vào giờ có lệnh phải đầu hàng. Tôi cũng không còn lòng dạ nào nhìn lại cảnh người dân níu kéo nhau để leo lên một chiếc tầu hay một chuyến bay trong cơn sốt di tản. Tôi không đủ kiên nhẫn xem lại những thước phim nói về cuộc bắn giết hai chục năm trên đất nước nghèo nàn, rách nát của tôi. Những người lính từ Mỹ, từ Canada, từ Tân Tây Lan và Đại Hàn đã đến, đã chiến đấu và đã chết bên cạnh những anh lính trẻ Việt Nam chưa bao giờ biết hòa bình.

Tháng tư gợi lại trong tôi những mất mát không lường. Tôi mất nhà vào tay người thắng trận. Họ cho tôi đem ra khỏi nhà chỉ vài bộ áo quần. Tất cả đồ đạc, của cải phải để lại chờ ngày ổn định làm đơn xin lại. Nhưng cái ngày ổn định đó có bao giờ đến với gia đình tôi cũng như hàng triệu gia đình khác !

Và tôi mất bạn bè, những người tôi gắn bó tại sở làm. Sau 30 tháng tư 75, chúng tôi tan đàn, kẻ di tản người ở lại chịu bắt bớ tù đày. Lại còn phải lánh mặt vì sợ liên lụy cho nhau ! Tôi không bao giờ quên ơn anh Cường và anh Tô, hai người bạn đồng nghiệp đã may mắn di tản kịp thời. Khi nghe tin tôi đã sang định cư bên Texas, họ mua vé máy bay mời tôi sang California chơi. Hai anh đã giới thiệu cho tôi kiếm được việc làm và tìm chỗ cho mẹ con tôi trú ngụ trong những ngày chân ướt chân ráo nơi đây. Tôi đã «tái định cư» thật bất ngờ ! Ngày nay hai anh không còn nữa nhưng tình bạn của chúng tôi mãi mãi tồn tại.

Tôi đã trắng tay, mất hết những đồng tiền chắt chiu dành dụm cho tương lai con cái vì không kịp ra ngân hàng trong những ngày hoảng loạn, bối rối.

Tôi cũng đã mất thêm nhiều thứ vào những ngày những năm sau đó. Đau đớn nhất là tôi mất bố. Bố đã giải ngũ từ lâu và gia đình tôi sống tạm thoải mái với việc buôn bán và tài vén khéo của mẹ tôi. Sau ngày cộng sản vô Nam bố phải mua xe đò chở khách, phụ mẹ chống đỡ gia đình. Bệnh áp huyết cao và tim mạch của bố trở nặng vì bao nhiêu thuốc men đã bị người chiến thắng tẩu tán mang đi chỗ khác. Rồi Bố vĩnh biệt mẹ con tôi sau mấy năm chiến đấu với bệnh tật bằng những

viên thuốc aspirins và những lọ xuyên tâm liên trị bá bệnh.

Sau đó, tôi mất chồng. Chồng tôi đi tù vì đã từng mang bom thả xuống nhà cửa ruộng vườn của người chiến thắng. Được thả về sau sáu năm nhưng anh lại ra đi, để mẹ con tôi ở lại với âu lo và mong đợi. Nhưng rồi chim làm tổ mới trên miền đất được gọi là thiên đàng hạ giới. Gương lược xa nhau từ đó. Tôi buồn nhưng không tiếc. Tiếc làm gì chiếc gương đã nứt.

Đau hơn niềm đau mất bố là tôi đã mất quê hương dù quê hương vẫn còn đó. Bây giờ tôi về quê như một người ngoại quốc. Ban đầu phải trình thưa, báo cáo. Bây giờ thôi trình thưa, nhưng hàng xóm láng giềng không còn là những người xưa thân thiết. Vẫn biết vật đổi sao dời là chuyện đời, chuyện sống. Cũ quá thì phải thay, rách thì phải vá. Nhưng khi trở về để bớt nhớ tôi vẫn nhói lòng và ngẩn ngơ khi Thương xá Tax, Passage Eden và tiệm kem sang cả Givral với bao kỷ niệm ngọt ngào giờ đây không còn nữa.

Tôi đã mất bà con họ hàng vì họ phải bỏ xứ ra đi rồi chết mất xác ngoài biển Đông. Đói nghèo, sự hành hạ tinh thần và kỳ thị giai cấp đã đẩy họ đi, dù biết ra đi thì tỉ lệ cái chết cao hơn sự sống. Biển dữ dằn trong cơn bão, hải tặc hung ác man rợ không làm họ sợ hơn

những kẻ đồng loại, đồng cội nguồn nhưng không đồng tư tưởng.

Trước năm 1975 tôi mất đi một đứa em họ khi máy bay của nó phát nổ trong một phi vụ thám thính. Em mới 25 tuổi đời. Người yêu của em đến dự tang lễ trong nước mắt nhạt nhòa. Hai năm sau, nàng theo chồng đi Mỹ vì không đủ can đảm ở lại quê nhà nhìn những cái chết thê thảm quanh mình.

Tôi mất ông nội sau tết Mậu Thân một năm. Ông chết bệnh, nhưng cái chết của ông kéo theo 11 cái chết khác từ tay cộng sản. Chiều đó, sau khi đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng tại nghĩa địa họ đạo, mọi người tề tựu về nhà ông bà ăn cơm chiều rồi chia tay ngày hôm sau. Người về từ Bảo Lộc, Lâm Đồng, Người về từ Hàm Tân, Long Khánh. Vợ chồng chú Chính và hai người con từ Rạch Giá về, ngủ qua đêm ở nhà chú Tiến. Gia đình chú Tiến có 7 người, hai vợ chồng và 5 đứa con.

Đêm đó việt cộng pháo kích, và trái pháo oan nghiệt đã rơi và nổ ngay nóc nhà chú Tiến. Tôi mới chợp mắt ngủ thì giật mình thức giấc vì nghe một tiếng nổ đinh tai nhức óc. Nhà ông bà nội tôi chỉ cách nhà chú Tiến vài trăm mét. Sau tiếng nổ là một sự im lặng rợn người. Tôi đưa tay bật đèn nhưng điện đã bị cúp. Vài phút sau, tôi nghe nhiều tiếng thét, « Pháo kích sập nhà Tiến rồi.

Mau ra xem người trong nhà ra sao !»

Căn nhà gạch mái tôn đã sập đổ tan tành, không còn một bức tường. Chỉ còn là một đống gạch vụn. Tôn rách thành những mảnh nhỏ, bay tứ phía, rải rác đó đây bên những nhà hàng xóm. Mọi người đào bới để đem ra những thây người nát nhừ. Máu. Máu, và thịt xương nát nhừ. Tất cả đã chết ngoại trừ một cháu bé hai tuổi. Người cháu nhuộm màu đỏ và chỉ còn thoi thóp thở. Cháu đã chết trong tay bà nội tôi trên đường đi nhà thương. Nửa tiếng sau xe cứu thương quân đội và bệnh viện tỉnh mới tới. Nhưng mọi cứu chữa đã không còn cần thiết nữa.

Lúc đó tôi như bị đóng băng, tôi không khóc được. Tay chân tôi lạnh ngắt và tôi nhìn trừng trừng vào những xác chết bầy nhầy. Chỉ vài giờ trước tôi còn nói chuyện với những người vừa chết ! Hai hôm sau, 11 chiếc quan tài nằm cạnh nhau trong buổi lễ làm phép xác. Rồi 11 cỗ xe chở họ ra nghĩa địa. Những hình ảnh tang thương, những cái chết thê thảm đó đã ám ảnh tôi nhiều năm qua, và trở lại làm tan nát lòng tôi mỗi tháng tư.

Tôi còn nhớ lúc việt cộng mới chiếm quyền thì dân chúng phải đi học tập tẩy não mỗi tối. Một hôm đến giờ kiểm điểm tự phê, tên cán bộ tuyên truyền hỏi một bà bác lớn tuổi của tôi, « Từ ngày cách mạng vào đây bà

đã học và thấm nhuần hết đường lối nhân đạo của cách mạng chưa ?». Bác tôi nhẩn nha trả lời, «Dạ, tôi thấm lắm ạ ! Mà tôi cũng rất mừng vì lúc này mấy thằng Việt cộng ác ôn không còn pháo kích làm dân chết oan ! Hồi đó chúng nó pháo trúng nhà cháu tôi, chết hết cả hai gia đình 11 người.» Tên cán bộ vội vàng đập tay lên bàn, quát lớn :

«Bà chỉ nói linh tinh ! Bọn Mỹ ngụy pháo vào dân để vu oan cho cách mạng, chứ Việt cộng nào mà pháo !». Bác tôi đã quá già để y cho đi tù.

Gần nửa thế kỷ đã đi qua mà những ngậm ngùi, những đớn đau trong tôi vẫn còn đó. Cho đến bao giờ tôi mới có được một tháng tư đầy hoa trong lòng như hoa ngoài vườn ?

Tháng Tư 2018

Huyền Thoại Thịnh Hương

Thương Huế Ngậm Ngùi

Phạm Hoàng Chương

Tác giả dự Viết về nước Mỹ từ năm 2000, Tám năm sau, ông nhận giải chung kết Viết Về Nước Mỹ 2019. Tác phẩm đã xuất bản : «Lá Số Vượt Biên». Bài viết mới của ông là những hồi ức về Huế.

Tuy không phải dân Huế, rời Huế từ 1966 chuyển vào Sài Gòn học rồi ra trường đi dạy ở lục tỉnh, không tận mắt chứng kiến cảnh Huế bị tàn sát, tàn sát nhưng mỗi lần nghĩ đến Huế êm đềm thơ mộng, tôi lại chạnh lòng nhớ tới Tết Mậu Thân.

Huế với tôi giống như một quê hương thứ hai, quê hương của tuổi mới lớn.

Hè 1963, mười chín tuổi, đỗ tú tài 2 ban C xong, tôi theo Ba lên Đà Lạt, tới phi trường Liên Khương ra Huế thi Đại học sư phạm ban Pháp văn khóa 4 năm. Lần đầu ra Huế, cách Phan Rang hơn 600 cây số, chẳng quen biết ai ngoài lá thư giới thiệu cầm tay xin tạm trú nhà một gia đình Huế ở cầu Nam giao do bạn Huế đồng nghiệp Ba viết, tôi bồn chồn lo lắng. Ba cứ bảo,»đường đi ở miệng, trước lạ sau quen» mà tôi nhớ mãi sau này. Xe đưa từ phi trường về office hãng máy bay ở đường

Trần hưng Đạo, gọi xích lô đưa về nhà trọ, nghe tiếng dân địa phương chỉ đường nằng nặng lạ tai, có những tiếng không hiểu, như «đường kiệt»(ngõ hẻm), «bên tê tề» (bên kia kìa), đi «một chắc» (một mình)...

Thi xong, về lại Phan Rang, hai tuần sau nhận được giấy báo đậu thứ 20 trên 24, học bổng một nghìn một tháng. Tháng 9 bay ra nhập học, lại ở trọ nhà bác Tu ở cầu Nam giao, đạp xe đạp mỗi ngày tới trường ở khách sạn Moran (Đại Học Sư Phạm mới còn đang xây, chưa xong). Đạp suốt con đường Lê Lợi phủ bóng cây xanh chạy dọc sông Hương, đạp ngang qua Câu lạc bộ thể thao, Quốc Học và Đồng khánh, ngắm thân các cây đen nổi bật lên nền nước xanh êm đềm. Hai bác nhà nghèo đông con, căn nhà thụt vào phía sau một nhà khác ven đường Phan châu Trinh, nhưng rất tử tế và quý học trò ở trong Nam ra, lo cơm nước tươm tất cho tôi và một sinh viên khác ở trọ. Lễ Quốc Khánh 26 tháng 10, ba đi xe đò ra thăm chỗ tôi trọ học, ở mấy ngày, đưa tôi vô chợ Đông Ba ăn bánh khoái, lên đò qua sông Hương, nghe cô lái đò hát chi mà ảo não nát cả gan ruột. Ba hỏi han việc học, kể chuyện gia đình, những kỉ niệm trước đây Ba ra Huế chấm thi, rồi từ giã về lại Phan Rang. Ba về rồi thì ngày 1/11 xảy ra vụ lật đổ Ngô đình Diệm trong Nam. Tôi tò mò đi theo con chủ nhà coi khu nhà tù Chín Hầm, nơi giam giữ đám người tranh đấu chống chế độ.

Mới lên đại học, chân ướt chân ráo, tôi không có ý thức gì về chính trị, cũng không tham gia, chỉ biết lo học.

Tôi học trường Việt từ nhỏ tới lớn, mà thầy cô thì ông tây bà đầm nói tiếng Pháp như gió, nghe ghi chép không kịp, lại phải cạnh tranh với đám học sinh trường Tây nên cặm cụi học ngày học đêm, học nhà, học thư viện, sợ rớt thì bị lôi vào Thủ đức đi lính. Kết quả bù lại công chăm học, qua hè 64, thi lên lớp, bạn học rớt như sung rụng, tôi đậu hạng nhì trên 6, trường phải vớt thêm 4 người có Dự bị Văn Khoa cho chẵn 10 người. Ba vui mừng hãnh diện về đứa con đầu, tươi cười sung sướng suốt mấy tháng trời. Tháng 9, ông lấy vespa chở tôi ra Nha Trang bay ra Huế học năm thứ hai.

Trường Sư phạm mới xây xong, trắng toát, làm lễ khánh thành, sinh viên chúng tôi dọn qua học, hãnh diện có ngôi trường sang trọng nhất trong các khoa. Tôi theo bạn rủ, đổi nhà trọ khác ở đường Nguyễn công Trứ cạnh Đập Đá cho gần, chủ nhà là bác Hoanh có vườn rộng mênh mông chạy xuống bờ sông Hương, có ngôi nhà thờ công chúa con vua Minh Mạng ở sân trước. Chồng làm việc ở Đà nẵng, các con đông, bác ở nhà nội trợ, nấu cơm tháng cho sinh viên ở xa tới Huế học. Học được một tháng thì điện tín nhà đánh ra báo tin Ba bị tai nạn xe ở Phan Rang, hôn mê bất tỉnh, xác chở ra

bệnh viện Nha Trang. Tôi xin nghỉ học 10 hôm, bay về chịu tang. Tháng sau, tới lượt bà ngoại chết, rồi cả miền Trung từ Huế vào Phan Thiết mưa bão ngập lụt tơi bời. Phan Rang bị vỡ đập Đa nhim, nước tràn xuống thành phố. Nhà cửa, tiệm buôn, đường xá bị nước ngập tới 4 thước, lũ cuốn trôi nhà cửa xe cộ, trâu bò...ra biển. Tôi như ngồi trên lửa những ngày dài tang tóc đó, chỉ biết ra bờ sông Hương sau nhà lặng lẽ khóc.

Ba và bà chết năm tôi mới tròn 20 tuổi. Suốt một năm, tôi lao đao tinh thần xuống dốc, lo cho má gầy yếu với bầy em nhỏ 8 đứa mồ côi cha ở quê nhà, buồn thấy gia đình mình quá bất hạnh. Thi lên lớp, tôi đậu gần chót. Từ từ với thời gian, tôi gượng lại, cùng bạn đạp xe đi các vùng quê chơi khuây khỏa, Thuận An, Vỹ dạ, Thành nội, Chùa Thiên Mụ, tiếp xúc với người dân Huế thường hơn.

Mùa hè ở Huế nóng như lửa, phải xuống biển Thuận An tắm, hay lội sông Hương. Mùa mưa ướt át dầm dề kéo dài hai ba tuần không dứt, trong nhà vách tường bám đầy nước ẩm thấp. Có lần thấy mấy bà già nghèo khổ gầy đét trồng môn xuống đất bùn ở ven sông, khi môn lớn, hái cuống lá cắt nhỏ ra ngâm muối làm thức ăn hàng ngày, thấy thật tội. Ngoài phố chợ, nhìn xuống sông, thấy những gia đình con cái nheo nhóc chen chúc

trên đám ghe lềnh bềnh ở bến Đông Ba, Bến Ngự. Mùa Đông ở Huế rất cay nghiệt, thịt cá đắt, rau cỏ hiếm, bác Hoanh phải ra sau vườn tìm cắt bụt măng ở bụi tre, hay đào khoai, ngắt lá dền lên nấu canh. Sáng sớm, bác dậy nấu cơm đổ trứng hấp cho sinh viên trọ ăn no bụng đi học. Gia đình bác các con ăn kham khổ qua loa dưới nhà, nhưng luôn để ý bưng lên tiếp tế thức ăn đầy đủ cho sinh viên ngồi ở nhà trên, nhiều lúc sau này nhớ lại mà cảm động. Hai bác đã khuất từ lâu, nhưng vẫn sống mãi trong tâm hồn đám sinh viên ở trọ thời đó. Người Huế nói chung bản chất hiền lành, phúc hậu, nhân đức, đa số là Phật tử nên những ngày rằm, ngày vía, chùa chiền các nơi đông đúc, ấm cúng khói hương nghi ngút.

Qua đầu năm thứ ba, niên khóa 65-66, tôi bắt đầu ghi tên học võ Karate (Không thủ đạo) mới đầu với ông thầy Nhật Suzuki ở tư gia. Rồi anh Ngô Đồng và anh Nhuận, phụ tá giáo sư đại học, đại đệ tử của thầy, đứng ra trực tiếp dạy cho sinh viên chúng tôi ở giảng đường khoa học. Sinh viên theo học có tới năm sáu chục người. Anh Đồng không theo lối thuần Cương sát phạt mạnh bạo của ông thầy, mà phối hợp cả Cương lẫn Nhu thích hợp với thân thể mảnh khảnh của người mình, nên chúng tôi ra đòn mềm mại nhẹ nhàng, chủ yếu tránh né và dùng Nhu thắng Cương.

Niên khoá 65-66 của tôi ở Huế là một năm nhiều kỉ niệm đẹp nhất của thời thanh niên. Tôi có nhiều bạn võ, ngoài bạn học sư phạm, văn khoa. Tôi chơi thân với Sào, Diệu, Trung, Suyền, Lộc... Sào chững chạc, Trung láu táu, Diệu lầm lỳ, Suyền hay tiếu lâm, các tay võ nghệ lanh lẹ vui tính. Tôi được lên đai xanh, dần dần nổi tiếng là một trong mấy tay võ giỏi nhất lò anh Đồng. Có lần, một lò võ Karate của người Mỹ ở đâu có năm sáu đệ tử tới thăm, anh Đồng gọi tôi ra đấu với một tên Mỹ học trò giỏi của lò này. Cậu này mới 18 tuổi, cao lớn, ra đòn mạnh bạo hơn lối «đụng rồi rút đòn ngay» anh Đồng dạy xưa nay, nên tôi không quen, bị đánh trúng tay liểng xiểng, cậu lịch sự xoa chỗ tay tôi bị đau, xin lỗi rối rít...

Tôi chơi thân nhất với Sào, vô địch chuyên đá giò lái bất ngờ. Sào biết tôi dân Phan Rang, sửng sốt kể 8 năm trước cũng đã từng theo anh cả vào Phan Rang ở học 2 năm. Sào kể chuyện cũ, nhắc Khôi và Khai, làm tôi ngạc nhiên, vì Khôi, Khai chính là bạn cùng lớp với tôi thời đệ nhất cấp. Lần lần, tôi nhớ lại hình ảnh cậu bé Huế lầm lì ít nói mấy lần theo Khôi và Khai đạp xe lên Tháp chàm với tôi mà lúc đó hai đứa lại không làm quen nhau. Thì ra cậu bé đó là Sào bây giờ, bạn văn khoa, võ nghệ ở đại học. Thật là kỳ lạ. Thì ra nhân duyên phải chờ đúng khắc, đúng thời điểm mới gặp.

«Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ». Sào còn giỏi về âm nhạc, đánh đàn, hát hay. Nhà trong thành Nội, cuối tuần Sào đưa tôi tới thăm các lò võ ta, võ Tàu thảo luận, trao đổi kinh nghiệm. Hai đứa đạp xe thăm các danh lam thắng cảnh, lăng Tự Đức, Thiệu Trị, đồi Vọng Cảnh, biển Thuận An, Kim Long,...

Thời kỳ đó, một số sinh viên Huế tổ chức biểu tình chống Thiệu Kỳ, áp lực sinh viên tất cả các khoa bãi khóa. Tôi thấy Nguyễn đắc Xuân ở thư viện hai lần do bạn bè chỉ. Có lần nhìn thấy một đám sinh viên ở Đàn Nam giao, Sào chỉ Hoàng Phủ Ngọc Tường, nổi tiếng là một trong mấy thủ lãnh phong trào sinh viên đấu tranh.

Trường Sư phạm tôi, như các phân khoa khác, cũng bị áp lực phải bãi khóa, gián đoạn học hành hai lần, mỗi lần vài tuần tới một tháng, nên tôi dồn sức cho việc luyện võ theo phái Karate cương nhu của anh Đồng chế ra, lấy đai nâu, học thêm Aikido và Judo ngoài những thế đấm đá chém chặt ác liệt của không thủ đạo, theo bạn võ rủ rê thi đấu ở nhiều sân tư gia với các cao thủ khác. Ở sau vườn nhà mát mẻ, tôi kê bàn ghế, rảnh rang mở một lớp dạy kèm Pháp văn buổi chiều cho năm sáu cô nữ sinh đệ nhị Đồng Khánh xinh xắn dễ thương kiếm khá bộn tiền. Cuộc vui không kéo dài lâu : hè 1966, thấy tình hình ở Huế lộn xộn, mẹ tôi xin bác tôi

là thứ trưởng bộ Giáo dục bấy giờ, vận động chuyển tôi vào Sư phạm Sài Gòn học năm cuối cho an toàn...

Nhân duyên đưa đẩy không hiểu sao mà lúc đó, Sào may mắn cũng đậu vào Quốc gia hành chánh, cũng vào Sài Gòn học. Huế lúc đó biểu tình tranh đấu lộn xộn nên ông anh họ Sào, một đông y sĩ khá giả ở Đông Ba, vào Sài Gòn mua ngôi nhà 4 tầng ở đường Trần quý Cáp cho 3 đứa con trai tuổi «teens» vào học, cho Sào vào ở để coi ngó 3 cháu. Sào xin phép ông cho tôi tới ở chung cho vui, hai đứa tâm đầu ý hợp, thường xuyên kéo nhau đi du ngoạn Sài Gòn, ở nhà lâu lâu đấu võ giao hữu, khảy đàn, ca hát, bàn luận văn chương. Anh Đồng có lần từ Huế vào công tác, ghé nhà thăm, tổ chức cho hai đứa thi lên đai đen. Cả hai đấu với nhau một trận sống mái, anh vỗ tay khen, cấp cho huyền đai. Mùa hè 67, tôi tốt nghiệp ra giáo sư, giã từ Sào, xuống Sóc Trăng dạy.

Tết Mậu Thân 68 năm đó, Sào và ba đứa cháu về Huế ăn Tết, mắc kẹt luôn cả tháng giêng. Tôi về Phan Rang, nghe radio loan tin Sài Gòn và nhiều tỉnh miền Nam bị VC đồng loạt đánh úp đêm 30, nhưng nặng nhất là Huế, bị quân du kích võ trang nằm vùng kiểm soát, lùng kiếm bắn bỏ các quân nhân, công chức làm cho VNCH. Nghe Huế chìm trong biển lửa súng đạn, vô số dân lành bị thảm sát, chặt đầu, chôn sống, xúc động theo dõi

từng ngày cuộc chiến Mậu Thân. Rồi nghe quân Mỹ vào đánh dẹp, giải tỏa thành phố cổ, mừng thầm nhưng lo không biết Sào và những người thân quen ngoài đó có yên lành không.

Mãi đầu tháng hai âm lịch, bốn chú cháu Sào mới lóp ngóp trở vào Sài Gòn, mặt mày xanh xao, vương vất nét sợ hãi trên gương mặt hốc hác. Tôi còn ở Sài Gòn chưa đi dạy nên ra bến xe đón mấy chú cháu về nhà, xanh xao, tiều tụy, mặt còn in dấu sợ hãi. Sào thấp giọng kể lại những ngày trốn chui rúc, bụng đói lép xẹp ở nhà mấy người quen khi tiếng súng đùng đùng trong Thành nội với các toán bộ đội dép râu cầm súng sục sạo trong xóm. May chỉ mới là sinh viên hành chánh năm đầu, chưa ai biết, chưa nắm chức vụ gì trong bộ máy công quyền, nên tên Sào may mắn lọt sổ đen của mật vụ nằm vùng tại Huế.

Quân VC bị đẩy lui, Huế trở lại yên tĩnh, nhưng dấu vết đau thương từ cuộc tàn sát ngày càng hiện rõ hơn. Dân chúng đàn ông đàn bà trẻ con đeo khăn tang lặn lội đi bới đất tìm xác anh em chồng con dưới những nấm mồ chôn sống tập thể. Trên báo chí nhan nhản hình ảnh cảnh góa phụ vật vã khóc thảm bên nấm mồ tập thể, cảnh người dân bới đất tìm xác anh em, chồng con. Chính phủ gửi người và của ra Huế giúp đỡ, cứu trợ.

Nhiều nhóm dân sự tình nguyện ra Huế cứu giúp được chính phủ ủng hộ. Bộ giáo dục cũng cho phép giáo chức tham gia ra Huế cứu trợ. Tôi làm đơn xin Bộ cho nghỉ dạy một tháng để ra Huế, được chấp thuận ngay. Đang hi vọng sẽ gặp lại những người thân quen, bạn bè,những ân nhân cũ... ngoài đó thì đùng một cái, Bộ Quốc phòng gửi giấy động viên đi học Quang Trung, Thủ Đức,tăng cường quân đội. Trường tôi có tôi và 5 ông giáo khác nhận giấy nhập ngũ đi Quang Trung huấn luyện. Tôi đành bỏ lỡ việc ra Huế.

Năm 69, từ trong quân đội, tôi được biệt phái về dạy lại Sóc Trăng vì Bộ giáo dục thiếu thầy giáo, cũng vừa lúc Sào tốt nghiệp ra đốc sự, nhận nhiệm sở ở Huế. Qua năm sau, tôi đổi về trung học Duy tân ở Phan Rang dạy, ở với mẹ và các em nhỏ, lập gia đình. Năm 71, tôi có con trai đầu lòng, Sào vào Phan Rang, tìm tới nhà thăm, chúc mừng, bế con tôi nựng nịu, rồi về lại Huế. Cháu kêu Sào bằng chú ruột là Dũng, làm kỹ sư Nông lâm súc ở Phan Rang, thường xuyên ghé tôi thăm, hay kể tin tức về Sào. Tôi mở một tiệm sách, bắt chước nhà sách Hoa Sen ở Nha Trang, làm đại lý cho nhà xuất bản Lá Bối của thầy Từ Mẫn ở Sài Gòn. Hai nhà sách Trường Thi và Anh Đào từ Sài Gòn đem sách giáo khoa ra bỏ đống cho tôi bán. Tôi mua thêm sách ngoài bán, có cả sách dịch «Quần đảo ngục tù» của nhà văn Nga

Solzhenitsyn và tiểu thuyết «Giải khăn sô cho Huế» nổi tiếng của Nhã Ca. Dũng ghé chơi, đọc sách Nhã Ca, nói tội ác VC, cảnh giết chóc ở Huế tết Mậu Thân nếu kể ra cho hết, còn ghê gớm hơn nhiều. Năm 73, Sào có gửi cho tôi một lá thư kể chuyện đang làm phó quận quận Hương điền, kèm theo một tấm ảnh đang công tác.

Đầu tháng tư 75, Ban mê thuột bị VC đánh chiếm, dân Đà Lạt ào ạt tản cư kéo bỏ chạy xuống nằm la liệt ở Phan Rang. Tôi hốt hoảng theo bạn xách honda chạy vô Phan Thiết, tính xuống ghe vô Vũng Tàu, nhưng phải quay về lại sáng hôm sau vì Phan Thiết bị pháo kích, lính chiếm hết các ghe chạy vô Sài Gòn, không cho dân lên, thành phố hỗn loạn. Quân đội chống cự dai dẳng với VC ở Cam Ranh. Thiên hạ, người nói ông Thiệu ra lệnh quân đội phải giữ Ninh Thuận là quê hương ông bằng mọi giá, kẻ bảo ông bỏ hết miền Trung cho VC, rút quân về cố thủ ở Sài Gòn.

Nghe đồn VC vào, sẽ thủ tiêu công chức và quân nhân theo kiểu Tết Mậu Thân. Dũng tới lấm lét kể tôi hay Sào đã bỏ nhiệm sở trốn vào lục tỉnh từ hai tháng trước, khi Quảng trị mới bị đánh úp. Hỏi địa chỉ, Dũng không biết, nói chú Sào kinh nghiệm cuộc thảm sát Mậu Thân ở Huế rồi nên sợ lắm, thay tên đổi họ, không dám cho ai biết mình trốn vào Nam, không dám liên lạc ai hết.

Tôi sống ngày qua ngày, hồi hộp lo lắng cho tương lai đen tối của gia đình, bạn bè, đất nước. Rồi miền Nam mất vào tay Cộng Sản, quân dân cán chính VNCH bị lùa vào tù học cải tạo. Tôi an phận vào tù, luôn tự an ủi, chẳng qua là cộng nghiệp của dân Việt.

Năm sau ra tù, tôi nghe tin anh Nhuận ngoài Huế chống chế độ mới, tham gia phục quốc, bị tử hình, bỏ lại vợ 4 con. Tôi bàng hoàng thương xót, nhớ lại ngày nào anh vào Sài Gòn công tác, ghé ở mấy hôm, chỉ cho hai đứa mấy thế võ ruột. Sau đó hai năm, lại nghe anh Đồng may mắn vượt biên lọt qua Mỹ, định cư ở Florida. Cùng là phụ tá giáo sư đại học khoa học Huế, cùng dạy võ cho sinh viên, mà số phận hai người khác nhau : một người chết thảm, một người nhanh chân đem cả nhà lọt qua Florida mở võ đường.

Tôi dẹp mua bán, làm thợ hồ, thợ mộc, vô tổ hợp điêu khắc làm để tránh khỏi bị bắt đi kinh tế mới. Năm 79, nhân anh bạn hàng xóm cạnh nhà tôi về Huế thăm gia đình, biết dưới chế độ tem phiếu Huế chắc là khổ lắm, tôi viết thư gửi một ít tiền đưa giùm tới nhà biếu bác Tư và bác Hoanh nấu cơm tháng ngày xưa, đền chút ơn cũ. Cuộc sống dần dần đi vào ngõ cụt, tôi mua chiếc xích lô đạp chở khách sống qua ngày. Nhưng một anh bạn thân tới cho hay trung úy công an tỉnh nghi tôi giả đò đạp xe

để làm giao liên, mật báo tin tức cho địch, muốn «giam xe bắt người» điều tra. Tôi bèn bán rẻ xích lô, xoay ra tìm mối vượt biên.

Năm 1983 tôi dắt con trai 10 tuổi xuống ghe đi lọt ở Nha Trang, tới Hồng kông, lên đảo Chimawan tỵ nạn, gặp nhiều anh em Phật tử Huế vượt biên bằng ghe buồm từ Thuận An tới. Tôi để ý tìm, chẳng thấy bạn bè nào quen thời học ở Huế.

Biết tôi từng ở Huế, rành Phật pháp, mấy anh huynh trưởng gia đình Phật tử mời giảng pháp môn Tịnh độ cho các em, rồi bầu tôi lên làm chánh đại diện Hội Phật giáo Chimawan. Anh em họp, tổ chức mỗi thứ bảy một buổi lễ Phật cho Phật tử trại, tôi lên sân khấu thuyết pháp, mỗi chủ nhật tất cả anh em xắn tay xách nước, quét rửa dọn dẹp sân trại sạch sẽ phụ với ban giám đốc trại. Mỗi lần dân Huế ai có giỗ kỵ ông bà cha mẹ, tôi đều được mời tới dự, anh em ngồi quay tròn trên mấy cái giường sắt kê sát lại, thật ấm cúng thân mật. Được hơn nửa năm thì phải chia tay, tôi bùi ngùi từ biệt anh em Phật tử Huế, qua Mỹ định cư.

Tôi làm thợ tiện một thời gian ở San Diego rồi bỏ, lên Fresno đi cắt cỏ, rồi đi học lại college, bốn năm sau ra thầy giáo với bằng Master về giáo dục. Năm 2000, đang dạy ở San Jose, tình cờ tôi gặp hai người bạn Huế

của Lợi (trước ở cùng trại Chimawan) cho hay Sào đã chết ở Cần thơ, bỏ lại một vợ hai con. Tôi sững sờ bàng hoàng suốt một tháng trời. Sau này tôi có được email của Thủy, vợ Sào, liên lạc hỏi thăm đoạn đời ẩn nấp trốn tránh sau 75 của Sào. Tôi cũng nghe tin anh Đồng ở Florida cũng đã chết mấy năm trước. Tôi thẫn thờ nhớ lại những tháng ngày hạnh phúc anh em tập võ, tương thân tương ái với nhau ở Huế.

Năm 1999 tôi về VN thăm nhà, công an biết tôi làm Hội trưởng hội thân hữu Ninh Thuận ở Cali, mời lên trụ sở xây cất nguy nga mấy tầng ở bờ biển chơi, lịch sự mời hút thuốc, uống trà, thân mật chào hỏi, mời tôi bỏ tiền về đầu tư, mời tôi đi tham quan du lịch, các tỉnh bây giờ đẹp lắm, lớn lắm, mời tôi ra chơi Huế, đệ nhất danh lam thắng cảnh VN... Nghe tiếng «Huế,» ba chữ «Tết Mậu Thân» đột ngột bật ra trong óc tôi trước khi tôi nhớ tới Sào, anh Nhuận, anh Đồng, bác Tu, bác Hoanh, bạn bè ân nhân đã khuất ở Huế hơn 30 năm qua. Ngày xưa, các anh đã sát hại, chôn sống đồng bào ruột thịt, thường dân vô tội ở đó, không hối hận, không xin lỗi, bây giờ còn mời tôi ra thăm. Tôi buồn bã lắc đầu. Huế, với tôi, như một thiên đàng đã mất từ tết Mậu Thân. Sau 68, tôi chưa bao giờ trở lại Huế. Thành phố có thể đã mở mang, xây cất rộng lớn, khang trang hơn, nhưng oan hồn những người bị giết thảm vẫn còn vương vất đâu

đó, cành cây, bãi đất, đầu ghềnh, ngọn cỏ, nỗi bi thương của người sống sót ở lại vẫn không hề nguôi ngoai.

Năm mươi năm đã qua (1968-2018), tội ác tày trời của đám ngạ quỷ mang lốt người năm ấy, dù có đứng ra thành khẩn xin lỗi, ăn năn, sám hối, cũng như cây đinh đã đóng vào gỗ, dù rút ra vẫn còn cái lỗ. Oan oan tương báo. Nạn nhân vô tội ngày xưa, biết đâu từng là cha mẹ, ông bà, anh em, con cái ruột thịt đời trước của bọn sát nhân sẽ còn theo đuổi chúng.

Kinh Kim Cang có nói «Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm». Kinh Bát nhã cũng có câu «Sắc sắc không không». Xin các oan hồn hãy tha thứ cho kẻ sân si lầm đường, nặng nề nghiệp chướng, hãy nương náu vào các cảnh chùa, nghe kinh Thủy sám mà siêu thoát về cõi hư vô thanh tịnh...

Phạm Hoàng Chương

Khi Mẹ Hơn 100 Tuổi

Chú Chín Cali

Tác giả là một chuyên gia phát triển quốc tế của USAID, sinh trưởng ở Bến Tre, sang Mỹ năm 1973, đã về hưu từ lâu và đang định cư ở Orange County. Ông tham gia VVNM năm 2015, được chấm giải Danh Dự năm 2016 và giải á khôi «Vinh Danh Tác Phẩm» năm 2017. Bài mới của ông viết về bà Mẹ hơn 100 tuổi và tâm trạng tế nhị, phức tạp của người con khi cầu nguyện cho Mẹ thân yêu.

Hôm nay con về thăm mẹ. Con muốn được tâm sự với mẹ, kẻo ngày mai khi mẹ ra đi con biết tâm sự với ai ? Có lẽ mẹ không nghe được lời con nói nhưng con nhận được làn hơi ấm từ bàn tay mẹ đang nắm chặt tay con, con biết rằng mẹ cũng thấy ấm lòng.

Luật đào thải của tạo hóa không từ bỏ một ai nhưng phải chùn bước trước sự phản kháng mãnh liệt của mẹ. Tuổi đã 103, mẹ không còn khả năng tự điều khiển chính bản thân mình nhưng vẫn bám víu vào sự sống mong manh không bao giờ bỏ cuộc.

Con nhớ rõ lúc mẹ ở tuổi 90»s, mẹ rất minh mẫn, quản lý gia đình, canh tác ruộng vườn, thu hoạch và buôn bán huê lợi. Mẹ tính toán bằng cửu chương Pháp. Con mua cho mẹ tấm bảng đen để mẹ dễ dàng ghi chép tính toán bằng phấn trắng. Mẹ cắc củm từ đồng, cuộn tiền thành lọn cột bằng sợi dây thun. Mẹ nói đùa là một sợi dây thun của mẹ trị giá một triệu đồng. Một hôm mẹ gọi con lại rồi móc trong túi áo cài với mấy cái kim tây lọn tiền $2,000.00 đô la, quấn ngoài bằng plastic. Mẹ nói : «Đây là tiền của con, má giao lại cho con». Tôi trố mắt ngạc nhiên hỏi : «Tiền gì mà nhiều dữ vậy, ở đâu mà má có ?». Bà cười hiền từ bảo : «Tụi con cho tiền má đâu có xài, cộng tiền huê lợi miếng vườn nhà má cắt củm để dành cho con và hai đứa cháu nội bên Mỹ; tội nghiệp chúng không được gì của má cho». Tôi rơm rớm nước mắt. Sao lại có chuyện ngược đời, cụ già 90 tuổi dành dụm tiền cho Việt kiềÂu Mỹ ! Tánh mẹ tôi là như vậy. Con cái mẹ thương đồng đều, sòng phẳng, không đứa thương đứa ghét.

Về già mẹ vẫn có một trí nhớ lạ lùng nên con thích ngồi bên mẹ hỏi chuyện đời xưa. Mẹ kể vanh vách từng chi tiết về các tiền nhân để con ghi chép vào gia phả. Mẹ là nhân chứng cuối cùng của thế hệ xưa còn sống sót. Con hãnh diện được bạn bè chúc mừng là có phước vì còn có mẹ già. Mẹ chẳng những là niềm hãnh diện

của riêng con mà là của cả hai bên nội ngoại. Con cháu năng tới lui thăm viếng, cùng chia sẻ hồng phúc của gia đình.

Năm 95 tuổi tuy già yếu nhưng mẹ vẫn còn sáng suốt và năng động. Hằng ngày mẹ vịn lan can đi quanh nhà tập thể dục, đếm đủ 5 vòng mới chịu nghỉ. Mấy đứa cháu muốn chọc bà cho vui nên cố ý đếm sai, mẹ cãi cho bằng được. Con đi nhà thờ cha Bửu Diệp ở Tắc Sậy cầu nguyện cho mẹ sống trăm tuổi với con cháu. Lời cầu nguyện chẳng những được ơn trên nhận lời mà còn được tặng thêm «bonus» vì năm nay (2018) mẹ đã 103 tuổi. Có ai hỏi cụ được bao nhiêu tuổi, mẹ bảo «Tao nhớ không xiết» rồi bảo «Tao đẻ năm mille neuf cent quinze (mẹ sinh năm 1915).» Mẹ còn nhớ không ?

Năm mẹ trăm tuổi, bịnh Alzheimer đã xuất hiện rõ rệt, triệu chứng mất trí nhớ (dementia) càng ngày càng trở nên trầm trọng. Những năm kế tiếp mẹ thường sống với ảo tưởng, trong quá khứ nhiều hơn với hiện tại.

Và từ đấy đời mẹ bước sang giai đoạn khốn khổ nhất của kiếp nhân sinh : chiến đấu với tử thần để sống và với chính mình để không bỏ cuộc. Mẹ nằm một chỗ, mắt mờ, tai lảng, đầu óc khi tỉnh khi mê, có khi lú lẫn như người mất trí, ngớ ngẩn như một đứa trẻ con nhưng bản chất sinh tồn vẫn phấn đấu mãnh liệt bên trong như

ngày nào lúc mẹ còn trẻ, kiêu hãnh, bướng bỉnh, can cường. Mẹ là một tướng quân chiến đấu không bao giờ gác kiếm.

Con biết mẹ đau khổ và tủi thân vì mình bất lực, là gánh nặng cho gia đình. Mẹ sống âm thầm trong bóng tối bên lề xã hội, như ngọn đèn dầu le lói trong đêm, vay mượn từng hơi thở mong manh. Thế hệ của mẹ đã đi vào quên lãng từ lâu. Nhà gốc càng ngày càng trở nên hiu quạnh vắng bóng con cháu tới lui thăm viếng.

Hằng ngày gần gũi bên mẹ, tim con nhói đau khi nghe những lời than khóc kêu gào, những tiếng thét hãi hùng lúc mẹ đang sống trong thế giới ảo của thời xa xưa nhưng như sống thật. Lòng con xót xa mỗi khi nhìn thân xác già nua cằn cỗi của mẹ đang bị tử thần gặm nhấm từng thớ thịt làn da. Biết rằng con thương mẹ, dẫu mẹ có thế nào đi nữa con vẫn thương mẹ, nhưng con không chấp nhận hình ảnh của mẹ bây giờ. Hình ảnh của mẹ trong tâm khảm của con luôn luôn phải là những hình ảnh đẹp, mẹ là suối nguồn hạnh phúc, là tình mẫu tử ngọt ngào, không thể thay thế được.

Con muốn chia sẻ cùng mẹ những khổ đau mà mẹ đang gánh chịu nhưng mặt khác con rất sợ phải trực diện với nó vì con không thể dằn nỗi sự xúc động. Con phải bỏ đi, chạy trốn sự thật trước mắt mình; nó phũ

phàng, tàn nhẫn ngoài sức chịu đựng của con. Nếu nhìn lâu hơn con sẽ khóc vì thương và tội quá. Tại sao mẹ phải chịu đựng những đau khổ này ? Không lẽ đây là cái giá phải trả để đổi sự trường thọ hay sao ?

Có hôm con cố lay mẹ dậy lúc mẹ đang trải qua một cơn mê sảng kinh hoàng. Mẹ thức tỉnh, nhưng như một người đến từ thế giới nào khác, ngơ ngác nhìn quanh rồi thất thanh kêu la cầu cứu. Tim con quặn đau. Mẹ ơi, mẹ không còn nhận ra đứa con yêu quý nhất của mẹ sao? Đứa con mà mẹ đã từng mang nặng đẻ đau, cho bú mớm ẵm bồng, hằng đêm ù ơ ru con ngủ, dẫn dắt con đi những bước chập chững đầu tiên ?

Con về đây không mong gì hơn là được gần gũi bên mẹ, được chia sẻ với mẹ những năm tháng cuối cùng, để biểu hiện lòng kính phục và sự biết ơn của con đối với sự hy sinh của chị Hai và chú Út đêm ngày chăm sóc cho mẹ. Từ ngày chị Hai bị bịnh liệt giường, vợ chồng chú Út cáng đáng hết mọi việc trong ngoài. Nuôi con tuy cực khổ nhưng có thấm gì so với việc phụng dưỡng cha mẹ già. Nuôi con như nuôi một thiên thần nhỏ, trong sáng, hồn nhiên, được đền đáp lại bằng những niềm vui vô tận. Ngược lại, chăm sóc cha mẹ già cực khổ gian truân thì làm sao có được niềm vui ? Cha mẹ già thì làm gì có tương lai để mà hy vọng báo đền ? Tất

cả phát xuất từ tấm lòng cao quý của những người con hiếu thảo, hy sinh hạnh phúc cá nhân để báo hiếu cho đấng sinh thành. Con không thể làm được những gì chị Hai và chú Út làm cho mẹ, kiên nhẫn, chịu đựng, chấp nhận mọi gian khổ không thắc mắc, xả thân không đòi hỏi đền bù, hy sinh không kể lể công ơn.

Nếu mẹ sống ở Mỹ với con, với tình trạng sức khỏe của mẹ và sự đơn chiếc của gia đình con, chắc chắn mẹ bây giờ phải sống trong nhà dưỡng lão, giống như nhạc mẫu của con ngày xưa mà đến bây giờ mỗi khi nhắc đến con vẫn còn thấy xót xa. May thay nhờ mẹ được sống trong nhà mình, bên cạnh các người thân yêu nên mẹ được hưởng phúc tuổi già và sống trường thọ như hiện tại.

Mẹ đâu biết người già thường hay khó tánh, có mặc cảm vô dụng, bị lãng quên, là gánh nặng cho gia đình, nên hay buồn tủi, hờn dỗi vô cớ. Nuôi dưỡng người già mất khả năng nhận thức, suy nghĩ và trí nhớ như mẹ bây giờ có khác nào ngày xưa mẹ nuôi con lúc con còn ẵm ngửa. Cha mẹ già lú lẫn, có hành động kỳ cục, con cái phải cắn răng chịu đựng, không dám nói một lời, không dám tỏ một cử chỉ bất bình để giữ tròn câu hiếu đạo.

Thật cao quý thay tấm lòng của những người con hiếu thảo ! Chỉ có cốt nhục tình thâm mới có những tình thương mầu nhiệm, những gắn bó lạ lùng và những hy sinh to lớn không thể nào giải thích được.

Mẹ còn nhớ có một hôm bỗng nhiên mẹ tỉnh táo lạ thường, mẹ nắm tay con khẩn thiết năn nỉ : «Con đừng về Mỹ, đừng bỏ má nghe con» ! Tim con như co thắt lại. Mẹ ơi, con cái không bao giờ bỏ cha mẹ, nhưng làm sao con có thể giữ mẹ mãi mãi trên cõi đời này ?

Tuổi đã hơn trăm, hơi tàn sức kiệt, mẹ đâu còn ham muốn gì để sống trên đời này ngoài ý muốn được núm níu bên đám con cái mà mẹ đã tạo ra bằng máu thịt của mình. Biết rằng đời sống là vô thường, biết rằng «sinh lão bịnh tử» là định luật của tạo hóa không ai tránh khỏi nên một khi đến lúc phải ra đi xin mẹ đừng nuối tiếc, hãy thả lỏng vòng tay, buông xuôi tất cả. Mẹ thanh thản ra đi như một thiên thần về với thượng đế sau khi đã làm xong sứ mạng của mình. Dù mẹ có nằm đây bên cạnh con, hay mẹ ở thế giới nào khác, hình ảnh của mẹ lúc nào cũng ở trong tim óc của các con. Con cháu muôn đời tôn sùng mẹ.

Gần đây con vừa có dịp đi Kontum nên đến cầu xin đức mẹ Fatima ở Măng Đen phù hộ cho mẹ ngày nào còn sống, mẹ được sống trong an lạc yên bình; bằng

không xin đức mẹ cứu rỗi, giúp mẹ con sớm thoát khỏi vòng tục lụy. Ngày đó các con không còn nhìn thấy mẹ nữa, không còn nghe tiếng nói, không được nắm bàn tay của mẹ hiền. Các con vĩnh viễn mất mẹ rồi. Lòng con nặng trĩu, tim con đớn đau, nước mắt con tuôn trào dưới chân đức mẹ Fatima khi ngỏ lời cầu xin nầy.

Con muốn được khóc bây giờ bên cạnh mẹ, để ngày nào khi mẹ ra đi con sẽ không khóc nữa, sợ tiếng khóc sẽ làm vướng bận người đi. Con sẽ không khóc đâu, sẽ nuốc ngược giòng nước mắt để tiễn mẹ ra đi.

Mẹ già như chuối chín cây,
Gió lay mẹ rụng con rày mồ côi.
Hai dòng nước mắt chảy đôi
Nửa bên tiễn mẹ, nửa khơi đoạn trường.
Mẹ ơi !

Chú Chín Cali

Mậu Thân Và Diều Băng...

Phan

Tác giả là nhà báo trong nhóm chủ biên một tuần báo tại Dallas, đã góp bài từ nhiều năm, từng nhận giải Vinh Danh Tác Giả Viết Về Nước Mỹ. Ông cũng là tác giả Viết Về Nước Mỹ đầu tiên có nhiều bài đạt số lượng người đọc trên dưới một triệu.

Buổi chiều. Ngọn đồi sau nhà tôi không còn màu hoa biểu tượng của tiểu bang Texas nữa. Màu hoa bluebonnet quen mắt đã thành dĩ vãng, ngọn đồi cao hơn cột đèn đường ngoài xa lộ 78 cũng thành dĩ vãng. Thậm chí tiếng gầm rú của những chiếc xe ủi đất cũng đã thành dĩ vãng của hiện thực mọc lên cả khu thương mại. Những bảng hiệu đã bắt đầu nhấp nháy đèn màu xa xa, cả ngọn đồi tháng tư rực rỡ màu hoa xanh tím chỉ còn lại thảm cỏ hoang mới mọc sau mưa. Nghe nói người ta sẽ xây một khu chung cư mới...

Con người cứ phá hoại thiên nhiên đẹp đẽ để phục vụ con người như một người khánh tận cứ bán đi những tài sản cuối cùng của mình cho đến khi phá sản; nhân loại đào bới quả đất để phục vụ nhân loại cho đến một hôm nó nổ tung...

Những suy nghĩ miên man trong tôi tan biến nhanh khi có một chiếc xe Nhật lái vào bãi cỏ mà khu chung cư sẽ mọc lên trong nay mai. Nghĩa là cuộc chiến giữa cỏ và xi măng ở Mỹ ngày càng khốc liệt. Tốc độ xây dựng càng hiện đại thì thiên nhiên càng bị tiêu hủy sớm...

Có thể hôm nay là ân huệ sau cùng, khi người đàn ông châu Á bước xuống xe. Ông nhìn quanh bốn bề như một người đầu tư hơn là chủ thầu xây dựng. Bởi giới xây dựng thường toàn những người to, cao. Họ đến đâu thì xe to, tiếng ồn đinh tai nhức óc đến đó !

Ông châu Á quan sát địa thế để chơi thả diều chứ chả làm gì cả ! Ông mở cốp xe, lấy ra một cánh diều. Và gọi cậu con trai chừng mười tuổi của ông xuống xe để chỉ cho nó chơi thả diều...

Thật là một trò chơi nhà quê của những đứa trẻ quê như tôi. Nhưng sao bỗng dưng gặp lại nơi xứ người thì cứ như gặp lại người thân, và bao kỷ niệm tràn về...

Con diều đầu tiên tôi làm bằng giấy báo Trắng Đen ngày xưa. Nó chưa bao giờ bay cao hơn khỏi đọt tre vì tôi chưa biết chuốt tre làm khung diều. Chỉ trộm được con dao ăn trầu của bà ngoại nhà bên cạnh, và chỉ tới trình độ tuốt lá dừa, lấy xống lá làm khung diều. Nên diều chỉ bay được tới đọt tre là sức gió đã bóp con diều

đến gãy khung. Phần khác do giấy báo đã nặng, lại cõng thêm cả vốc cơm nguội thì làm sao bay nổi. Nhưng tuổi thơ bay trên những cánh đồng lại làm nên tâm tính cả đời yêu thích thiên nhiên và những trò chơi dân dã...

Người cha trẻ hào hứng hướng dẫn cho đứa con (chắc sanh ở Mỹ) cách chơi diều. Vì theo gió tôi nghe người cha nói tiếng Việt hoàn toàn, nhưng đứa con chỉ nói tiếng Anh. Hai cha con dưới bầu trời kỷ niệm như tôi với bố tôi ngày xưa vậy ! Chỉ khác theo thời gian và địa lý mất nước nên hai cha con mới nói hai thứ tiếng. Ngày xưa bố tôi kiệm lời nên thường cốc vào đầu tôi, «Tiên sư thành ranh con. Báo lưu. Bố đã cất vào tủ thờ mà mày cũng lôi ra làm diều cho được...» Nhưng vải đã cắt thành áo, báo đã dán thành diều thì cái cốc đầu chỉ như cốc yêu thằng con quậy nhất nhà của bố chứ có phải trừng phạt gì đâu !

Tôi vẫn nghĩ thế cho bớt đau sau khi bị cốc đầu bởi tội trộm báo lưu của bố để làm diều. Trong khi chú bé tròn như ông Địa ngoài kia lại thích chơi điện thoại hơn. Nó không có một chút hứng thú với con diều sặc sỡ và hiện đại tới cuộn chỉ có tay quay...

Tôi kể cho nó nghe, hay tôi nghe nó kể chuyện tôi với con diều năm Mậu thân 1968 là năm tôi cỡ tuổi nó bây giờ. Tôi hiểu biết cách làm diều, nhưng chẳng tìm

đâu ra được lóng tre để chuốt khung. Tôi bị trận đòn nên thân vì ăn trộm và chẻ cây đũa cả của mẹ ra làm khung diều. Trận đòn thật đau nhưng ước mơ vẫn ngoài tầm tay vì chiều dài của cây đũa cả chỉ đủ xương đứng cho khung diều chứ xương cong bị ngắn. Mà nối xương cong thì diều bay không đầm vì không uyển chuyển theo sức gió được. Lại còn bao công phu trên đường đi học, hay đi học về; trên đường phá làng phá xóm phải luôn để mắt tới những tờ giấy in láng của Mỹ vì giấy thường mỏng lại giai hơn giấy báo thì diều mới bay cao được. Rồi nhịn ăn quà để có tiền ghé tiệm ông tàu mua hũ hồ dán cho chắc mà nhẹ keo hơn cơm nguội...

Khi có đủ giấy, tôi cắt sẵn thân diều hình vuông. Hai tai diều hình tam giác nhọn thật đều. Hai đuôi nhỏ để dán hai bên tai diều. Hai đuôi lớn thật dài để diều bay thật đầm thì mới bay lên đến mây được. Hoàn tất được con diều như hoàn tất bậc tiểu học ở trường làng. Nhìn cánh diều nằm ép dưới chiếu nằm như cái bằng khen hạng nhất ở trường vậy. Những đêm ngủ nó bay lên tận mây, chở mây về thơm lừng giấc mơ tuổi nhỏ...

Ngoài khung trời kỷ niệm kia. Một chú bé bị cưỡng ép chơi thả diều. Tôi chưa từng thấy ai chơi thả diều mà khóc như nó vì cha nó tịch thu cái điện thoại cho vào xe. Bắt nó cầm cuộn chỉ, còn ông cầm con diều đi

ra xa... Một. Hai. Ba... Ông đếm năm lần bảy lượt con diều mới cất cánh lên không trung được vì trúng luồng gió thốc. Nhưng chú bé không biết thả dây nương gió cho diều lên cao. Hồi gió mạnh thì nó thả dây không đủ nên diều chao gắt, nhưng gió lơi thì nó thả dây không màng, vì nó không quan tâm, không thích, nên không nghe hiệu lệnh «thả dây» hay «ngưng thả dây» của cha nó.

Cuộc cãi nhau của cha con nhà nọ bắt đầu khi người cha hết kiên nhẫn. Đứa con cũng hết kiên nhẫn. Người quan trọng nhất (ngồi trong xe) cũng hết kiên nhẫn. Mẹ nó bước xuống xe, (mắt không rời điện thoại), «Thôi đi. Nó không thích thì thôi. Về...»

Thằng bé thông minh như chiếc điện thoại của nó ! Lợi dụng ngay khi cha mẹ lời qua tiếng lại với nhau. Nó lẻn vào xe. Trả lời câu hỏi của cha nó nhưng đầu không quay lại, «con đi uống nước...»

Cha nó không đáng mặt để cãi nhau nên mẹ nó lại dán mắt vô phôn. Nàng dựa gốc cây sồi to vì sợ nắng, gió. Tiếp tục cười một mình với cái phôn thông minh hơn hết các ông chồng. Cha nó chờ con hoài không được thì tự thả diều. Nên thằng bé không có lý do ra khỏi xe. Nó chơi phôn trong xe.

Người đàn ông kia đã trút hết muộn phiền cuộc sống, vợ con thời đại theo cánh diều tuổi thơ ông. Ít thấy đàn ông Việt ở Mỹ này cười, nhất là nụ cười hồn nhiên như ông thả diều ngoài kia...

Tôi giở chiếu xưa vào một chiều may mắn gặp được ngoài bãi rác cái nón lá cũ rách. Ai bỏ không quan trọng bằng những vòng tre khung của cái nón lá thì tha hồ làm diều. Thế là con diều giấy láng, khung tre chỉ bay trong mơ đã có thể bay trong gió. Nhưng còn thiếu cuộn chỉ như tuổi thơ thiếu quan hoài. Thằng bé thừa quan hoài ngoài đồng cỏ kia làm sao biết được cuộn chỉ thả diều ngày xưa luôn nằm trong hộp đồ khâu vá của những bà mẹ, bà ngoại, bà nội... Mà đàn bà xưa thì già trẻ đều qúy hộp đồ khâu vá nên cất kỹ lắm ! Nó làm sao biết tôi đi qua cuộc đời này, gặp các bà như mặt trời mọc rồi lặn mỗi ngày. Không có bà nào tốt hơn bà chị. Vì bà nội, bà ngoại, bà mẹ thì không muốn con cháu dang nắng, sợ bệnh, lại lơ là việc học. Chỉ có bà chị là chưa mang tâm thức bà mẹ, để thành bà nội, bà ngoại... Bà chị lại còn nguyên tánh ham chơi nên dễ đồng lõa với đàn em.

Tôi từng cầm con diều giấy láng, khung tre trên tay, chạy cả buổi chiều quanh xóm, trong tiếng chế giễu của nhiều đứa có cuộn chỉ mà không biết làm diều... Chạy mỏi giò tôi mới nghĩ tới chị Kiều. Con gái quê tôi

thường chỉ học hết bậc tiểu học ở trường làng là nghỉ. Ngày xưa quan niệm con gái biết đọc, biết viết là được rồi. Sau đó ở nhà, phụ giúp gia đình chuyện bếp núc, đồng áng... vài năm có người đến hỏi cưới là lên xuồng hoa về nhà chồng.

Nhưng chị Kiều con bác Tư trong xóm lại đi trường Quận để học trung học. Chị mặc áo dài trắng, đạp xe đạp mini - có cái giỏ đằng trước chở đầy hoa phượng. Chị đạp xe qua những cánh đồng lúa xanh rì, qua những cánh đồng lúa chín vàng ươm trong tiếng xì xầm của bạn bè trang lứa với chị vì họ bây giờ đã là thợ cấy, thợ gặt trên đồng. Chị đạp xe qua tuổi thanh niên của bao đàn anh trong xóm cứ đứng ngẩn trông vời áo trắng bay... Nhưng thằng em nhỏ chỉ lưu giữ tính tốt của chị là xin gì chị cũng cho. Chị cho tôi cuộn chỉ với giá một trận đòn vì chị trộm của mẹ chị cuộn chỉ ny-lon mà bà qúy nhất.

Vậy là có những chiều tôi mê mẩn thả diều ngoài bờ sông cho khỏi vướng đọt cây. Chị mê mẩn ngắm tôi thả diều. Ông anh tôi mê mẩn ngắm chị để đêm về chong đèn làm thơ. Cái ông anh văn thơ ấy cứ bị mấy ông anh lính trận về phép là lục thơ tình của chàng Văn Khoa ra đọc rồi trêu ghẹo. Chị Kiều cũng thường ngồi bàn học, nhìn ra cửa sổ có vườn cây ăn trái. Nhưng viết chữ

không ngay... rồi xé bỏ. Và nhiệm vụ mới của tôi là nhặt rác ấy về cho anh tôi thì anh cho tôi cả cuốn báo Mỹ để làm diều.

Nhưng chiến cuộc Mậu thân nổ ra, cuốn cả xóm làng vào khói lửa chiến tranh. Những người anh ra trận. Đàn em nhỏ, mỗi đứa hai bộ quần áo dồn vào bao gối - chạy giặc.

Món quà tết chia tay, chị đã may cho tôi một con diều bằng vải từ cái áo dài cũ của chị nên trắng muốt như mây.

Gia đình bác Tư không hồi hương sau chiến cuộc. Cũng không ai biết gia đình bác còn hay đã mất với đạn bom. Căn nhà xiêu vẹo theo thời gian, vườn tược xơ xác vì không người chăm sóc. Khung cửa sổ nhìn ra vườn cây ăn trái không còn chị Kiều thường ngồi học bài, và viết lăng nhăng rồi xé bỏ... cho đến hôm ông anh tôi đứng sau lưng tôi ngoài bờ sông. Anh xem tôi thả con diều vải trắng muốt, miệng luôn nhắc tới chị Kiều làm anh xao xuyến tâm can. Anh dụ dỗ sẽ mua cho tôi đôi giày đá banh bằng da và một trái banh da để đổi lấy con diều của chị Kiều đã may tặng cho tôi. Cuộc thương lượng đau lòng kết thúc khi tôi đồng ý. Anh tôi thả hết dây diều, rồi châm điếu thuốc cháy đỏ vào sợi chỉ ny-lon. Con diều băng trên sông như chị Kiều không bao

giờ về nữa. Anh tôi cũng bỏ trường đi lính viết văn.

Và ngoài đồng cỏ kia. Người đàn ông cũng thả hết dây diều. Ông cũng châm điếu thuốc cháy đỏ vào sợi chỉ. Con diều băng như vĩnh biệt tuổi thơ ông ở quê nhà. Đời con ông không còn giấc mơ bay bổng theo cánh diều đam mê. Thời đại của những đứa trẻ chôn vùi tuổi thơ vào màn hình ảo tưởng.

Tôi bấm điện thoại, gọi ông anh còn ở quê nhà. Anh em nhắc nhau chuyện con diều vải... tóc anh bây giờ trắng như vạt áo chị Kiều năm xưa...

Phan

Maui-Hawaii Và «Ba Bà Ca Li»

Thịnh Hương
Iris Đinh
Thụy Nhã

Họ quyết định đem nhau sang Maui để tạm quên chuyện cơm áo gạo tiền.

Người sắp bảy bó là ký điệu Thịnh Hương. Người vừa sáu bó là Iris họ Đinh mới rinh chức hoa hậu VVNM năm 2017 với bài «Chuyện Góc Bếp». Người trẻ nhất là dế mèn Thụy Nhã, mới ngoài ba bó rưỡi, hoa hậu VVNM năm 2008. Khi nghe tin Iris được chọn vào chung kết VVNM, cả nhóm Việt Bút Bắc Cali nhao nhao đòi Iris bao đi Hawaii nếu đoạt giải nhất, thường gọi đùa là giải Hoa Hậu. Ai dè nhận giải xong cô nàng tung hết tiền tặng hôi nọ hội kia, không chừa lại một xu. Nhưng vì ham vui, lại do mệt mỏi công việc nên hai già một trẻ rủ nhau đi đảo trốn chuyện trần gian.

Thụy Nhã nhận nhiệm vụ «book» máy bay, mướn nhà ở và xe cộ qua mạng Expedia. Nàng sẽ đi từ Los Angeles, và sẽ tới Kahului, phi trường của Maui, lúc 7 giờ 30 chiều. Hai bà cô sẽ đi từ San Jose lúc gà gáy và có mặt tại hải đảo lúc 10 giờ sáng. Năm tiếng rưỡi ngồi trên máy bay, ê mông mỏi cổ !

KAHULUI, HAIKU, KULIKE VÀ NGÀY ĐẦU TRẮC TRỞ

Xuống phi trường trời lất phất mưa. Phi trường nhỏ xíu nên chả có hàng quán bán mua gì. Hai bà kéo hai chiếc valise to tổ bố qua mấy văn phòng cho mướn xe. Lúc xem lại email để tìm hợp đồng mướn xe thì hai bà tá hoả, vì chẳng có email nào của Thụy Nhã về chuyện xe cộ. Bèn gọi cho dế mèn. Hên quá, cô nàng vẫn còn đang ở LAX, chưa bay ! Nàng chu chéo, «Cô coi lại trong Yahoo Messenger đi, vì cháu gửi confirmation vào đó mà.»

Giời ạ, liên lạc qua lại bằng email mà sao lại cho confirmation vào Messenger. Vậy mới là dế mèn !

Tới Avis lấy xe thì cửa đóng then cài ! Chả hiểu vì sao, nhưng kệ nó, mình qua Dollar, thiếu gì xe ! Dollar chịu bao giá của Avis, lại còn ưu đãi, giao cho một xe SUV Tiguan năm 2017 của VW.

Nhưng mà cái xe này lại gây ra vô số tội. Chuyện như thế này... hai bà ngồi vào xe mà loay hoay mãi không biết làm sao «sì tạc» cho xe nổ máy. Có chìa khóa mà sao không có ổ cắm ? Thịnh Hương tự nhiên thông minh ra, phát giác là xe đề bằng power ! Nhưng nhấn nút power hoài mà xe cứ êm ru bà rù. Chán thiệt

! Kìa, có một anh chàng da trắng đẹp trai như tài tử Kevin Costner vừa đến mở cửa chiếc xe màu đỏ bên cạnh. Thịnh Hương kêu toáng lên :

- Anh giai ơi, làm ơn giúp tụi tôi với !

Anh ta bảo Iris xuống xe nhường tay lái cho chàng thử thời vận. Iris hóm hỉnh :

- Này, đừng có thừa cơ hội mà vọt đi luôn với bạn tôi đó nhé !

Anh ta lắc đầu :

- Chúa ơi ! Thỉnh thoảng người ta cũng phải tin vào một ai đó chứ !

Chàng đẹp trai loay hoay mãi mà chả nước mẫu gì. Xe cứ ỳ thân cụ nằm nguyên một chỗ. Thịnh Hương bèn đuổi khéo :

- A, kia có một nhân viên, không chừng ông ta biết sử dụng chiếc xe này. Cám ơn anh giai nhá ! Chúc anh đi chơi vui vẻ.

- OK. Tiếc là tôi không giúp gì được. Xe mới quá !

Người nhân viên coi bãi đậu xe nói mình phải đạp thắng xe trong lúc nhấn nút power thì máy mới nổ. Y chang ! Hai bà hân hoan ra khỏi phi trường, nhờ Googlemap dẫn đến căn nhà mà Thụy Nhã mướn qua AirBnB.

Nhà cách phi trường Kahului 17 dặm về mạn bắc của Maui, trong vùng ngoại ô Haiku dọc theo xa lộ Hana. Theo hợp đồng, nhà sẽ được giao cho khách vào lúc 4 giờ chiều. Bây giờ mới giữa trưa, nhưng vì «huởn» và nóng lòng muốn biết địa điểm trong lúc trời còn sáng nên Iris và Thịnh Hương quyết định đi khám điền thổ trước.

Sau khoảng nửa tiếng, Google bảo tụi tôi rẽ trái vào đường Haumana Road, rồi quẹo phải, đi khoảng 3 miles nữa mới tới căn nhà trên đường Kulike Road. Đường vào gập ghềnh, nhỏ hẹp. Nhiều lúc hai xe ngược chiều phải nép sát lề nhường cho nhau đi. Hai bên đường toàn dừa ăn trái và dừa kiểng, chen lẫn những bụi hoa dâm bụt, hoa sứ, thiên điểu (birds of paradise), chuối và những cây cỏ nhiệt đới khác.

Thấp thoáng bên trong là những căn nhà vách gỗ lợp tôn. Lâu lâu cũng có vài căn khang trang, có vẻ nhà giàu. Khách du đang đi trên đường Haumana thơ thới, ngắm cây cảnh xinh tươi và hít đầy buồng phổi không

khí trong lành của hải đảo, thì hết cell service. Bà Siri im thin thít, không chịu chỉ đường nữa. Rắc rối thiệt ! Hai bà Việt Nam bèn nghểnh cổ tìm con đường Kulike. Tìm hoài, đi tới đi lui ba vòng trên Haumana mà Kulike vẫn bặt vô âm tín ! Iris thở dài :

- Chắc phải ra phố kiếm khách sạn ngủ đêm nay thôi chị ơi ! Không có GPS mà cũng chẳng có bản đồ. Bây giờ mình đi kiếm gì ăn, chờ chiều nay Thụy Nhã tới rồi tính tiếp.

Đến một ngã ba, trong lúc tài xế Iris vòng xe quay trở ra xa lộ Hana thì Thịnh Hương tình cờ nhìn vào bảng stop sign ai đó đã dùng sơn trắng vẽ chữ Kulike mờ nhạt. Thịnh Hương kêu lên :

- Mình thử vào hẻm này coi có phải nó chính là Kulike không ID ơi !

Đi sâu vào khoảng nửa mile thì thấy một nhà «giầu» mang biển số «90 Kulike.» Đúng là «con đường mang tên ai». Đi thêm một mile nữa thì thấy căn nhà B&B bên tay trái, có cổng đóng then cài đàng hoàng, lại treo bảng «5 MPH, Aloha Speed. Watch for Keiki.»» Mãi sau này mới biết keiki là trẻ em. Iris và Thịnh Hương ra khỏi xe, ngắm nghía nơi ở của mình trong những ngày sắp tới. Căn nhà cất theo kiểu nhà sàn, có lầu, sơn hai

màu xanh lá cây và táo đo rất xinh xắn. Xung quanh có hàng rào, có những cây dừa đầy trái, những bụi chuối trái vẫn còn xanh, những cây chanh trĩu quả, những cây bơ cao khều đang ra bông, và những bụi thiên điểu vàng rực. Phía trong cũng còn vài căn nhà khác, có lẽ cũng là những B&B cùng một chủ nhân. Không gian vắng lặng, êm ả trong bầu không khí mát mẻ của những ngày giao mùa giữa đông và xuân. Hai bà Việt Nam thay nhau chụp hình chỗ nọ chỗ kia, cứ như sẽ không được phép chụp hình trong những ngày kế tiếp ! Hình như có người đang dọn dẹp, lau chùi trong nhà, vì nghe dế mèn nói hôm nay có khách trả nhà. Chủ nhà đã thông báo là nhà không có máy lạnh hay máy sưởi, chỉ có quạt máy, vì khí hậu ở đảo khá ôn hòa, không cần mấy thứ hiện đại hại điện này.

Chup hết chỗ để chụp, hai người rủ nhau trở lại quán ăn mang tên JAW ngoài xa lộ Hana mà lúc nãy đã đi qua trên đường tìm nhà. Bụng đói vì hãng Hawaiian Airlines chỉ cho ăn điểm tâm qua loa với một chiếc bánh ngọt nhỏ xíu, một hũ yaourt tí teo và mấy trái nho lèo tèo, dù chuyến bay dài năm giờ rưỡi, cất cánh lúc trời chưa muốn sáng. May mà sáng hôm đó Thịnh Hương và Iris dậy sớm làm một bụng cơm cá thu kho và canh rau đay cho chắc dạ ! Lại còn gói theo vài củ khoai tím luộc và một bịch xôi đậu đen. Thằng con nghe kể thì bảo rằng

các bà đi du lịch mà sao giống người ta đi tản cư.

Và màn hài kịch thứ hai bắt đầu !

Đến tiệm ăn mà không khóa được xe ! ID và tôi thay nhau loay hoay với chiếc chìa khóa mà cửa nào cửa nấy cứ như bị liệt, nhất định không chịu «click» dùm cho một tiếng ! Không khóa được xe thì làm sao mà vào ăn trưa trong khi hai chiếc valise còn nằm chình ình trong «trunk» ! Khi mướn xe, tụi tôi chỉ mua bảo hiểm cho xe cho người chứ có mua bảo hiểm cho đồ đạc đâu. Iris đành vô mua một cái sandwich 12 đô (cắt cổ) rồi ra xe ngồi ăn chung với Thịnh Hương.

Ăn xong hai bà tha nhau trở lại chỗ thuê xe, đổi chiếc xe khác rồi ghé vào Walmart mua ít thức ăn tươi để nấu mỗi ngày vì đồ ăn ở đây mắc mỏ lắm. Một trái dừa sáu đô. Một miếng bánh chuối đặc sản của Maui, chỉ bằng ba đầu ngón tay, cũng sáu đô. Một khúc mía dài chừng ba gang tay bên lề đường giá cũng 7 đô. Họ chỉ róc vỏ rồi chặt ra từng khúc cho mình, chứ không xay ra nước.

Thụy Nhã báo trước sẽ mang theo thịt kho, cá kho, thịt chà bông, chả lụa chả chiên, thêm một bịch gạo 5 pounds phòng hờ gạo ở đó không ngon. Dế mèn tha việc nặng cho hai bà cô già.

Trở lại phi trường làm giấy tờ lăng xăng một hồi, đổi được chiếc Crossover của Hyundai. Iris nói cô ấy thấy thoải mái hơn với chiếc xe này vì nó xài chìa khóa !

Vẫn còn sớm nên hai bà lái 17 miles trở lại hẻm Kulike nhận nhà. Căn nhà bài trí nội thất tuy đơn sơ nhưng lịch lãm mỹ thuật. Nhà có nhiều cửa sổ và cửa patio bằng kính nên rất thoáng khoát, sáng sủa, có thể nhìn ra vườn tược chung quanh nhà. Rèm che cửa toàn bằng voan trắng. Thương thay cho những ai ngủ trễ ! Tầng dưới là phòng ngủ chính, có phòng tắm và bồn. Trên lầu là cái gác xép rất rộng, có hai giường với ra nệm chăn gối tươm tất, nhưng không phòng tắm. Ông chủ nhà nói nhà cho 6 khách trọ theo đúng tiêu chuẩn, nhưng nếu mình ở quá quy định thì ổng phải tính thêm tiền điện nước. Kỳ này ổng lãi to, vì chúng tôi chỉ có ba người. Lúc vừa vào nhận nhà Thịnh Hương và Iris nhìn nhau bối rối vì có một nhà tắm đằng sau nhà làm bằng tre nứa. Thịnh Hương dè dặt đẩy cửa nhìn vào, thấy có vòi tắm và một bàn cầu. Nàng ta le lưỡi, bảo mỗi lần làm vệ sinh thì ba đứa phải ra cùng một lúc canh cửa cho nhau ! Sau này hiểu ra, nhà tắm này dành cho khách đi biển về tắm cho sạch cát trước khi vào nhà. Cũng dành cho thợ làm vườn hay bảo trì chi chi đó. Ông chủ nhà còn yêu cầu khách không mang giày trong nhà, sợ hư sàn nhà ổng. Ổng dặn muốn ăn gì trong vườn

thì cứ tự nhiên. Nhà ổng nằm trên đường Kulike,nhưng ổng không «ke.»

Trong góc vườn sau nhà là một bồn chứa nước mưa to đùng, vì theo chủ nhà, họ hứng nước mưa xài quanh năm, chứ không xài hệ thống nước máy của đảo. Tuy nhiên, ông cũng gắn máy làm nước nóng cho việc giặt giũ, tắm rửa của khách. Trong nhà có đủ tiện nghi kể cả máy giặt máy sấy, ngoại trừ chiếc microwave. Hâm đồ ăn hay những món lặt vặt thì quả là bất tiện và mất thì giờ vì phải mở lò nấu nồi nước sôi rồi cho vào hấp. Còn ấm nước sôi thì không có còi báo, nước cạn lúc nào không hay. Thụy Nhã email cho ổng, muốn mượn một lò microwave và một ấm nước có còi, thì ổng trả lời : Tôi không đặt microwave vì tôi không tin vào sự an toàn của nó, dù tôi chỉ cần mua nó ở Costco với 50 dollars. Tôi cũng không có ấm hú còi, mà nếu quý vị không bảo đảm an toàn cho căn nhà của tôi, thì quý vị có thể hủy giao kèo thuê mướn. Ổng không «ke», chẳng cần giữ khách, có lẽ vì ổng cho là giá cả của ổng quá rẻ so với các nơi khác ?

Thôi thì đành chịu thua cái ông chủ nhà ngang bướng bất cần. Mình chỉ ở đây ít bữa, dọn đi dọn lại oải lắm. Lần tới các bà sẽ mướn chỗ khác cho mà biết tay ! Bọn tôi chọn nơi này vì muốn được yên tĩnh, được sống lại

khung cảnh thôn quê từ lâu không được sống.

Buổi chiều ra phi trường đón dế mèn. Trời vẫn mưa. Ba chúng tôi quyết định không đi đâu mà về «nhà» nấu cơm rồi nghỉ ngơi sau một ngày... đầy biến cố. Mới 9 giờ mà đã như khuya lắm, bọn tôi rủ nhau ngủ trên gác. Đêm đầu tiên lạ nhà lạ cảnh, nhìn ra màn đêm mưa gió sấm chớp qua mấy cửa kính Thịnh Hương thấy lo lắng, không biết nơi đây có an toàn cho ba người đàn bà «gan cùng mình» hay không. Thịnh Hương hay xem các shows điều tra tội phạm của đài Investigation Discovery nên bị ám ảnh. Rất lâu Hương mới đi vào giấc ngủ chập chờn.

Sáng hôm sau trời vẫn mưa. Ăn sáng xong, bọn tôi bày ra màn làm móng tay chân cho nhau. Iris bảo mưa rơi thì mặc mưa rơi, ra đây trốn tránh chuyện đời xá chi.

TWIN FALLS VÀ CON ĐƯỜNG HUYỀN THOẠI HANA

Ăn trưa xong thì mưa tạnh, nhưng trời vẫn âm u, hứa hẹn những trận mưa kế tiếp. Chị em cô cháu bèn rủ nhau ra xem thác đôi, Twin Falls, cách nhà khoảng 5 hay 6 miles về hướng đông của đảo. Đời thuở nào, đi chơi mà trùm áo mưa, mang dù và lội bùn lõm bõm ! Vậy mà cũng có vài chục du khách lỡ đem con cái đi

nghỉ springbreak không nhằm ngày. Họ cũng như tụi tôi, lội nửa đường rồi rút lui sau khi chụp mấy tấm hình làm của.

Ra xe, Thụy Nhã đề nghị thử lái xe đi Hana xem thị xã có gì hay ho ? Hương nhìn Googlemap, ba chớp ba nháng, thấy từ đây tới đó đi một vòng quả trứng phần dưới của hải đảo có hình thể giống cái thân con rùa, dài khoảng 46 miles. Dù mới tới, chưa nghiên cứu, chưa làm «homework», nhưng bọn tôi ngẫu hứng đi bừa. Mưa rỉ rả, nằm nhà mãi cũng chán, cũng hết chuyện nói.

Bọn tôi khởi hành lúc một giờ rưỡi. Sơn lộ Hana, khoảng nối dài của Route 36 nối vào Route 360, giao lộ nối Kahului mạn bắc và thị xã Hana, bên mạn đông gần cái đuôi rùa của Maui, nằm quanh co giữa vùng núi rừng rậm rạp, thỉnh thoảng mới có vài khu dân cư thưa thớt. Theo Wikipedia, con đường này nổi tiếng không những vì vẻ đẹp hùng vĩ, lạ lẫm và bí hiểm, giữa núi cao rừng rậm bên cạnh biển khơi mênh mông, mà còn là di tích lịch sử của một thời an bình và thịnh vượng của Hana nói riêng và Maui nói chung. Từ giữa thế kỷ 16 (1550), Thủ Lãnh Pi»ilani đã cai trị toàn mạn tây và bắc của Maui,và rồi ông cưới người con gái của Ho»olei, thủ lãnh thứ 6 của Hana bên mạn đông. Piilani khởi

xướng mở mang, xây dựng con đường với mục đích thống nhất toàn hải đảo Maui.

Con đường thời xa xưa là đường đất đá rất hẹp, bề ngang chỉ từ 4 tới 6 bộ Anh và người ta đã phải đu dây khi di chuyển qua những con suối chảy mạnh. Sau này, đường được mở rộng ra, có thêm các cây cầu vào thập niên 30,và hoàn tất việc đổ xi măng tráng nhựa trong thập niên 60. Tuy vậy đường vẫn dốc hẹp và hiểm trở, nhất là trên các đèo cao. Càng lên cao càng dốc đứng và các khúc quanh mỗi lúc mỗi gắt hơn. Về nhà an toàn rồi, chúng tôi mới biết là có tất cả 59 chiếc cầu một lằn xe, hai xe đi ngược chiều phải nhường nhau, và 620 khúc cua trên sơn lộ Hana. Phần đông du khách đổ xô vào các gift shops tìm mua cho được những chiếc T-shirts nói về Hana và con đường nổi tiếng nguy hiểm này, sau khi đã bạo gan đi một chuyến cho biết đá biết vàng. Iris đã mua tặng Thịnh Hương một chiếc có bản đồ sơn lộ phía sau lưng. Đằng trước là giòng chữ : I SURVIVED THE ROAD TO HANA !

Những tưởng đi thử ít dặm rồi quay về vì thời tiết xấu. Ai dè càng đi càng bị mê mẩn vì phong cảnh hùng vĩ của núi rừng nên chị em cô cháu bàn nhau tiếp tục. Lúc này là cuối đông nên nhiều loại hoa đã bắt đầu trổ bông. Xen kẽ giữa màu xanh của lá và màu đỏ, vàng,

trắng, tím của hoa là những ngọn thác trắng xóa như từ trên trời cao đổ xuống.

Những ngọn thác gặp cơn mưa bão được tăng thêm cường lực, mạnh mẽ xuyên thủng nhiều tầng thực vật ngút ngàn, và ầm ầm dọa nạt những người yếu bóng vía như ký điệu nhà ta. Có những thác ẩn mình thật xa trong núi nhưng cũng có nhiều thác ngay bên lề đường, chảy tràn cả ra lối đi. Bụi nước như những giọt sương bay lơ lửng trong gió.

Mưa bắt đầu nặng hạt hơn trong khi gió hú rào rào bên ngoài xe. Gió từ biển gió lên. Gió từ trong núi gió đến. Khi xe đi qua những vũng nước từ trên núi đổ xuống, nước tạt lên cao hai bên sườn nhìn giống như canô đang đi trên sông biển. Ngó Iris vất vả vật lộn với gió mưa trên những đoạn đường ngập nước thấy thương quá. Dế mèn xin thay tay lái cho Iris nghỉ ngơi nhưng bà cô gan góc không chịu nhường. Lỡ có gì bảo hiểm nó không chịu đền, vì hôm qua chưa kịp điền thêm tên dế mèn vào hợp đồng mướn xe.

Sau hơn ba giờ vật lộn với gió mưa và con đường chênh vênh quanh co, ba người cuối cùng cũng đến nơi. Nhưng có gì để ngắm ? Thị xã chỉ có hai ba nhà hàng ăn, một ba rượu, một tiệm tạp hóa, một cây xăng và... một nhà bảo tàng tí hon. Xa xa, nhà cửa ẩn hiện

thưa thớt sau làn mưa trắng xóa và những lùm cây xanh rì. Những ngày trời đẹp có lẽ thị xã cũng... thơ mộng, nhưng hôm nay thì không.

Chợt thấy một xe cảnh sát ngừng giữa đường ngay ngã tư cạnh cây xăng. Tưởng có tai nạn lưu thông, ai dè anh cảnh sát vác một tấm bảng to đùng ra chặn. ROAD CLOSED ! Cũng vừa lúc đó cell phone của Hương báo có tin nhắn. Ô la la, có signal trở lại !!! Message nói có FLASH FLOOD trong khu vực và mọi con đường sẽ bị đóng cho đến 6 giờ chiều ! Bây giờ là 5 giờ. Ba bà đi bán xăng chẳng được mà chạy về cũng ớn nhợn con đường vừa đi qua, đành ghé vào quán ăn bên đường mua hai cái burgers giá 40 đô để đi nhờ nhà vệ sinh !

Ăn xong, Iris lái xe trở lại hỏi anh cảnh sát khi nào mở đường. Anh ta bảo đường sẽ bị đóng tới sáng mai ! Ba chúng tôi ngao ngán thở dài. Hỏi cô phục vụ cây xăng, cô nói có vài nhà trọ trong vùng nhưng giờ này chắc đã hết phòng vì ai mà dám tiếp tục hành trình gian khổ trong mưa bão. Bọn tôi bàn nhau trở lại parking lot của nhà hàng, ngả ghế xe ngủ qua đêm.

Năm giờ rưỡi xe cảnh sát bỏ đi, nhưng bảng cấm vẫn...nằm ỳ. Mưa có vẻ bớt nặng hạt. Iris de xe lại cây xăng cho Thụy Nhã hỏi chuyện cô bán xăng :

- Ông cảnh sát đi rồi mà không dời bảng cấm. Bà nghĩ tụi tôi xuống núi có an toàn không ?

- Ổng đi nhưng đường vẫn bị cấm vì lý do an toàn. Nếu xe của «you» tốt và nếu «you» cần về trong đêm nay thì «you» phải dzọt ngay lúc này trước khi anh ta quay trở lại. Nhưng «you» phải rất cẩn thận, lái xe giữa lòng đường, đừng đi ven đường kẻo đụng vũng nước sâu là xe bay luôn xuống vực ! Thấy xe ngược chiều thì bấm còi và nhường nhau mà đi. Nhớ kỹ nè : Đi giữa lộ để tránh những vũng nước hai ven đường.

Được chỉ dẫn tận tình, Iris vội lách xe vô lề tránh bảng cấm đường rồi từ từ xuống núi. Chiếc xe màu xanh của chúng tôi bám đuôi một chiếc pickup màu đỏ. Iris bảo, mình đi sau nó có lợi. Có gì nó lãnh trước, mình đi sau mình né ! Ai dè chỉ sau một đoạn đường ngắn nó rẽ phải quẹo vô nhà. Ba bà xuống núi «mình ên», không có ai dám làm bạn đồng hành ! Đi được khoảng dăm bảy miles nữa về hướng nam thì dế mèn la lên :

- Hai cô ơi, có cell signal rồi nè ! Ủa, mà sao Googlemap nó bảo mình phải đi thêm 50 miles nữa mới về đến Hai Cu (Haiku) ! Hay là mình bấm sai địa chỉ ?

Iris và Thụy Nhã châu đầu xem bản đồ. Vài phút sau, Iris quay lại bảo Thịnh Hương :

- Nếu mình tiếp tục con đường này thì cũng về được, nhưng coi bộ đường này xấu hơn và dài hơn đường mình mới lên, mà chả biết nó lành dữ ra sao.

Đành bò lên núi lần nữa để quay về đường xưa lối cũ. Lúc lên đây, cả ba người - không hiểu ai che mắt - mà cứ đinh ninh đi một vòng khứ hồi chỉ có 46 miles. Ai dè thực tế là 95 miles ! Đúng là...bị cái gì, hay bà này ỷ có bà kia chỉ đường, chứ ba bà này đâu phải chỉ biết nói «Chuyện góc bếp» hay «Chuyện cây vông» mà thôi đâu !

Iris lại tiếp tục một mình lái xe trèo qua núi... Mưa có lúc tăng lúc giảm, gió bớt hú, nhưng bóng tối đã bao trùm vạn vật và sương mù càng thêm dày đặc. Trời tối thui, dù có để đèn pha nhưng cũng không thể nhìn xa, và con đường khúc mưa, khúc sương mù, lên lên xuống xuống, quẹo qua quẹo lại, cứ... dài bất tận.

Bò mãi rồi cũng xuống khỏi núi. Hẻm Kulike đã trở nên quen thuộc nên dù mất signal, mất service cũng không còn làm cho chúng tôi hoảng sợ và đi... đậu phộng trong đêm tối. Đến nhà, đèn điện sáng choang. Sáng nay ba người quên tắt đèn. Ngày mai thế nào cũng nhận được email hay message của chủ nhà nhắc nhở tiết kiệm điện nước hộ ông ta vì ở đảo cái gì cũng đắt đỏ. Ông ta không ở trong mấy ngôi nhà này, nhưng chắc

có nhân viên coi chừng nhà cửa. Chiều hôm qua, Thụy Nhã ra vườn cắt hoa chuối làm gỏi. Sáng nay ổng nhắn tin, bảo đừng dùng dao bếp chặt cây kẻo nó mẻ. Ủa, không dùng dao thì lấy cái chi để cắt chuối của ông đây, ông chủ nhà ?

Tối hôm nay chị em cô cháu hâm lại nồi cháo gà ăn cho lại sức. Ngày mai sẽ ra văn phòng điền thêm tên Thụy Nhã để Iris nghỉ phép vài ngày. Ai mà ngờ người đẹp mình hạc xương mai này lại có thừa bản lãnh để lái tám tiếng đường đèo trong mưa bão mà không hề hấn gì. Đêm nay trời mưa sấm sét ầm ầm mà Hương ngủ yên, không thắc thỏm như đêm đầu.

TẮM BIỂN BẮC PAIA, PHỐ NÚI WAILUKU, VÀ NÔNG TRẠI OẢI HƯƠNG

Sáng hôm sau, trời xanh mây trắng. Nắng nhảy múa trên cây, sương lung linh trên lá và chim hót tưng bừng trên cành. Nằm trong chăn, Thịnh Hương nhìn qua cửa sổ, thấy một đàn gà quanh quẩn trong sân cỏ, kế bên là một con thỏ nằm gặm nhấm một trái ổi. Quay sang hỏi Thụy Nhã :

- Hôm nay nắng, có lên Hana thăm lại mấy thác nước và chụp hình cây cỏ trên đó không ?

- Dạ thôi cô ơi ! Con sợ rồi !

- Dân chơi sao sợ mưa rơi ?

- Hôm qua lên núi tả tơi, hôm nay mình tới cát vàng biển xanh !

Nghe nói đến biển ba người kéo nhau xuống nhà chuẩn bị ăn sáng. Trước khi lên đường Thịnh Hương mua hai bịch café Philz, một thương hiệu xuất xứ từ San Francisco, và đem theo hai phin pha café. Ai dè Iris và Thụy Nhã chỉ uống trà và nước lọc. Ngồi chờ cà phê nhỏ từng giọt từ «cái nồi ngồi trên cái cốc», nghe chim hót rộn ràng và nhìn gà dẫn con kiếm ăn ngoài vườn, Thịnh Hương tưởng đang còn ở bên Kênh 5 Cái Sắn, quê nhà của Iris.

Mười giờ chị em cô cháu đem nhau ra mấy bãi biển vùng Paia (northshore) cách nhà chừng 8 miles. Tại bãi tắm đầu tiên ba người ghé một sạp trái cây bên lề. Ôi chu choa, một dollar một trái chôm chôm. Thôi thôi, về Cali mà ăn, thiếu gì, mà lại còn rẻ hơn nhiều. Thụy Nhã thấy mấy trái mãng cầu xiêm thì sáng mắt lên như mới lượm được dzàng. Nhất định xòe 12 dollars mua một trái chừng hai pounds, chưa tới một kí lô. Iris mua trái khế duy nhất còn lại, chia nhau ăn tại chỗ, và mua thêm hai trái đu đủ Hawaii đỏ hườm ngọt lịm. Hỏi ngày mai

ông bà có khế hay không. Ông nói không biết vì ông không trồng khế, phải mua của người từ xa.

Dế mèn mê biển dù không biết bơi ! Hôm nay trời đẹp nhưng sóng lớn, cô nàng chỉ dám dầm mình trong mấy vũng nước cạn người ta đào trên bãi ! Dầm nước chán nàng tung tăng dạo chơi đầu trên xóm dưới ! Thịnh Hương và Iris thay nhau xuống nước vì phải có người ngồi coi áo quần, giầy dép và túi xách ! Hôm nay không hiểu vì nắng ấm hay vì thấy có nhiềÂu Mỹ nhân mặc bikini đi lại mà mấy anh chị rùa biển đưa nhau lên bờ phơi nắng, làm bà con thi nhau bu lại nhìn, chụp hình quay phim. Mấy anh bảo vệ trực bãi phải chạy tới chạy lui, dùng loa kêu gọi mọi người đừng đến quá gần mấy khách quý của họ.

Maui ngoài cảnh đẹp được thiên nhiên ban tặng, dân tình hiền hòa và thân thiện, tới nơi nào cũng sạch sẽ lịch sự. Từ quê ra phố, trên rừng xuống biển, không thấy chỗ nào có cảnh lộn xộn dơ bẩn.

Qua những trao đổi với chủ nhà, và kinh nghiệm mấy ngày vừa rồi trên đảo, chúng tôi thấy rằng, người dân ở đây rất yêu quý xứ sở của họ, không phung phí tài nguyên như điện nước và thực phẩm. Họ cùng nhau bảo vệ môi trường như không dùng bịch ni lông và không ai xả rác bừa bãi. Với khách vãng lai, dân bản xứ đối xử

thân thiện. Khi cần hỏi han điều gì, chúng tôi đều được giúp đỡ chỉ dẫn tận tình nên không hề ngại khám phá địa danh mới khi có dịp.

Để đổi phong cảnh, chị em cô cháu dọn hàng đến bãi biển kế tiếp, đằng sau Paia Youth Center. Bãi này có mấy căn lều bằng xi măng mái ngói, dành cho du khách ngồi nghỉ ngơi, ăn uống.

Cạnh một dãy lều là một bụi dừa ba, bốn cây. Iris lại trổ tài phó nháy, đạo diễn cho Thụy Nhã làm người mẫu áo tắm. Mấy đấng mày râu đi ngang quay lại trầm trồ và kín đáo huýt sáo. Bây giờ đang có phong trào phụ nữ thưa kiện ì xèo, nên quý ông không dám sàm sỡ lộ liễu, sợ bị các bà lôi ra tòa vì tội sách nhiễu. Ngay cả ông xếp tôi còn nói, bà ơi bây giờ bà có mặc áo đẹp, rất đẹp, tôi cũng không dám khen !

Hổng sao, khen thì được. Đừng khen bằng tay chân !

Hôm nay nắng và nóng, dù hôm qua mưa tầm tã ! Cả ba đã đói bụng bèn về nhà ăn trưa

Thụy Nhã nói, mình phải ăn hết thức ăn cho đến ngày về nha hai cô ! Đừng để chồng con ảnh hát bài «Ba bà đi bán lợn xề, bán đi chẳng được chạy về lon ton. Ba bà đi bán lợn con, bán đi chẳng được lon ton chạy về !»

Ăn xong, lại đưa nhau xuống phố Paia làm một màn mua sắm, vì đây là nơi du khách tụ tập. Iris mua thêm đồ tắm vì mẫu mã rất đẹp. Thịnh Hương mua cho cháu gái áo T-shirt, đôi bông tai và sợi dây chuyền chạm hình con rùa. Điều tình cờ là cô bé thích rùa, đã từng có rùa «cưng» nhỏ xíu, trong khi rùa lại là biểu tượng của Maui. Cháu nội trai thì được bà mua cho con cá nhồi bông vì nó thích cá. Thịnh Hương tự mua cho mình một sợi dây chuyền của một anh thợ bạc. Anh chàng hét 180 dollars mà rốt cuộc bán có chín chục.

Anh cười duyên, cầu tài :

- Tôi bán cho bà vì tôi biết bà thích nó ngay từ lúc mới ghé vào. Sợi này tôi tự tạo mẫu nên chỉ muốn bán cho người biết thưởng thức nó.

- Khéo nói vừa vừa nhé !

Thịnh Hương nói nhỏ với Iris, «Hồi nãy tám chục y cũng muốn bán rồi !» Iris tặc lưỡi :

- Thôi chị ơi, cho người ta sống với ! Hôm nay hắn bán ế. Chị không mua sợi này thì uổng lắm ! One of a kind, có một không hai, chị à. Thụy Nhã cũng mua của anh ta một sợi dây chuyền xinh lắm.

Xong màn mua sắm ba người đến văn phòng thuê xe để thêm tên Thụy Nhã vào hợp đồng. Giao tay lái cho dế mèn, Iris ngồi làm...lơ ! Sẵn dịp, bọn tôi trực chỉ hướng núi bên sườn phải gần cái cổ rùa của hải đảo, xem thành phố Kahului và Wailuku kế bên có gì lạ. Đây chỉ là một thành phố nhỏ với dân số khoảng trên 26,000 người, kỹ nghệ nhẹ và là trung tâm mua sắm của Maui. Khi Thụy Nhã đưa xe lên núi theo đường 32 rồi bắt 320 ngang qua Wailuku, ba người xuýt xoa, trầm trồ, vì khu này quá đẹp. Đứng trên đây ta có thể nhìn bao quát bãi biển và nhà cửa của các khu Paia và Haiku. Nhà nào ở đây cũng lớn và đẹp, cũng nhìn thấy những cảnh quan hùng vĩ của núi đồi, cây cối xanh tươi và biển trời bao la bát ngát. Ngắm bình minh, nhìn hoàng hôn hay những đêm trăng từ trên này thì tưởng mình đang ở thiên thai. Iris lại lăng xăng làm phó nhòm, làm đạo diễn.

Tối về, chị em cô cháu bày ra làm mặt nạ dưỡng da sau một ngày dãi dầu nắng gió vì chẳng ai thích đi quán bar uống rượu. Maui không rộn ràng náo nhiệt như Honolulu bên Waikiki. Đêm nay trời không mưa, gió không hú nên không gian trầm lắng. Chỉ có tiếng sóng mơ hồ vọng lại. Thiên thai là đây.

Hôm sau, ba người đồng ý nghỉ biển một hôm để đi thăm Lavender Farm ở khu Kula theo gợi ý của Thụy Nhã. Google bảo từ nhà chúng tôi đến nông trại dài chừng bốn chục miles. Bạn ơi, 40 miles ở Hawaii phải lái xe hơn một tiếng vì đường ở đây phần nhiều leo núi và quanh co như rắn lượn mà vận tốc chỉ chừng 35 miles một giờ, có đoạn chỉ đi được 10 hay 15 miles mà thôi !

Rời Haiku, chúng tôi lên đường, từ Xa Lộ 36, quẹo trái qua Xa Lộ 37 rồi thẳng đường tới Kula. Trên đoạn đường có tên Cu-La-Má-Hù (Kulamavu), Iris phát hiện một cây lô quất có nhiều trái chín trĩu cành. Vốn thích ăn lô quất, nàng bảo dế mèn vòng xe lại. Xuống xe Iris và Thụy Nhã đi vào gõ cửa vì cửa ngõ không đóng. Thịnh Hương thấy một con chó nên không dám chạy theo. Lát sau hai cô cháu trở ra nói chủ không có nhà, nhưng quyết định cứ ra hái lô quất rồi để lại một số tiền trước cửa. Thụy Nhã thuyết giải là họ không «ke» mình hái trái cây này đâu vì trái chín đầy cây mà có ai thèm hái ! Hái xong vài chùm đẹp nhất, to nhất, Iris không quên việc làm phó nháy. Hình một người, hình hai người, hình selfie cả ba.

Sau nhiều đèo nhiều dốc thì thấy bảng báo đã tới khu vực của Ali»i Lavender Farm tại một ngã tư, và cell phone của Thịnh Hương cũng lên tiếng, «Bạn đã đến nơi, bên tay phải». Báo xong nó cũng đi nghỉ trưa, không làm việc nữa ! Sáu con mắt nhìn phải nhìn trái mà không thấy dấu vết gì của một trang trại, bèn đi thẳng. Càng đi càng thấy con đường nhỏ lại và gập ghềnh sỏi đá. Chị em cô cháu bâo nhau, quái, bảng chỉ dẫn gì mà mù mờ, càng đi càng lên cao. Không lẽ trại nằm trên đỉnh núi ? Thịnh Hương bảo Thụy Nhã, thôi mình quay lại đi dế mèn ơi ! Đừng dại dột làm một màn «Hana Banana» một lần nữa ! Thụy Nhã và Iris đồng ý vì nghe có lý. Vừa quay lại lại một lát thì thấy xe pickup trắng mang bảng hiệu của Park Rangers đang bò lên. Thụy Nhã vội vàng làm hiệu cho anh tài xế trẻ ngừng lại rồi hỏi :

- Anh ơi, tụi tôi đang tìm đường tới trại Lavender ! Nó nằm chỗ nào vậy anh ?

- Ồ, nó nằm dưới kia, cách đây chừng 5 miles. Lúc xuống thì nó bên tay trái, có một chòi thu tiền gần lề đường. Chòi nằm khuất phía trong, dưới con dốc nên khó thấy.

À, thì ra thế, cho nên ba bà mới đi qua tuốt luốt. Kỳ này về chắc phải vào website của họ để góp ý kiến cái vụ chỉ đường không rõ ràng. Khi nhìn thấy khu trại mênh mông chị em cô cháu chắc bụng, không sợ lạc nữa, bèn dừng xe xuống... chụp hình, dù lúc đó sương mù đã dầy đặc hơn. Iris bảo, nắng có vẻ đẹp của nắng, sương mù có vẻ đẹp của sương mù. Sương mù cho mình cảm tưởng đang ở tiên cảnh. Rồi bà cô lại làm đạo diễn, sửa vai sửa tóc cho từng người. Vì đang đứng trên sườn dốc nên Thịnh Hương có cảm tưởng như mình đi nghiêng và thỉnh thoảng muốn chúi người về phía trước.

Sau khi chụp hình đủ kiểu, ba người mới chịu nhổ sào xuống trại. Trả mỗi người ba dollars vô cổng, bọn tôi không trông đợi gì nhiều. Nhưng khi mở cửa xe bước xuống chúng tôi ai nấy đều thấy sảng khoái, quên bẵng những muộn phiền trần gian, vì mùi thơm của hoa lá vương vất trong không gian. Vì trên độ cao nên mây bay lãng đãng là đà ngang tầm nhìn,càng làm cho cảnh trí thêm thơ mộng. Vào mùa này, hoa oải hương chưa trổ bông nhiều nhưng cũng có nhiều loại hoa nhiệt đới khác đang rộn ràng khoe mầu. Hoa tú cầu và hoa lay ơn là hai loài hoa phụ được trồng nhiều nhất, nhưng nổi bật nhất vẫn là những bông protea oai phong rực rỡ. Nghe nói tại đây có khoảng 55,000 bụi oải hương với 45 loại khác nhau nằm trong 13.5 mẫu (acres) đất trên

sườn núi Haleakala tại độ cao 4000 feet. Oải Hương (Lavender) không phải là loại hoa bản địa của Maui. Trang trại này do ông Ali»i Chang sáng lập. Ông là một nghệ nhân nông nghiệp và cây cảnh. Vào năm 2001, một người bạn đã tặng ông mấy bụi hoa tím nhạt thơ mộng này. Với tài năng và lòng yêu cây cỏ, ông đã ươm trồng được một vườn hoa mênh mông với phong thái Nhật Bản.

Lại chụp hình ! Hôm nay Thụy Nhã mặc áo đầm màu cam nên cô nàng nổi bật giữa hoa lá và sương mù. Hình nào của nàng cũng đẹp, vừa «manger photo» vừa có đạo diễn tận tâm !

Thịnh Hương than, ước gì hôm nay trời nắng thì hình của bọn mình sẽ đẹp hơn nhiều. Thụy Nhã an ủi, «Sương mù sẽ làm tăng vẻ huyền ảo, thơ mộng hơn cô ơi !» Ngắm hoa chụp hình khá lâu, ba người vào gift shop uống trà. Trà nóng pha mùi oải hương làm ấm lòng du khách trong buổi sáng sương mù se sắt lạnh. Thật là đáng công leo núi của hai lão bà và dế mèn phiêu lưu. Iris mua tặng Thịnh Hương một chiếc dù có thương hiệu ALF (Ali»i Lavender Farm) và hai con chuồn chuồn để giữ làm kỷ niệm chuyến đi đặc biệt này. Vé vào cửa chỉ có 3 dollars một người, tha hồ cho du khách rong chơi lên cao xuống thấp. Nhưng có lẽ

trang trại cũng thu nhập khá trong việc bán những sản phẩm họ tự sản xuất như trà, mật ong, xà bông, dầu tắm và kem dưỡng da. Tất cả đều mang hương vị oải hương dịu dàng.

Sau ba tiếng đồng hồ chị em cô cháu bảo nhau ra về ! Hôm nay đi vậy đủ rồi, về nghỉ ngơi vì hôm nay sinh nhật Thụy Nhã. Hai bà cô đề nghị đãi cô nàng đi ăn tại một nhà hàng nổi tiếng dưới phố Paia nhưng dế mèn không muốn đi ! Có lẽ nàng sợ cháy túi hai bà cô, nhưng nói là mình chỉ còn vài ngày nữa thôi thì phải ăn cho hết thức ăn mang theo, kẻo mắc công cõng củi về rừng. Không thuyết phục được dế mèn, bèn làm tiệc sinh nhật nhà nghèo với hoa lá cắt ngoài sân thay cho bánh ngọt và hoa ngoài tiệm ! Lại chụp hình ! Lại selfie ba người !

CHỢ TRỜI KAHULUI VÀ KHU NHÀ GIÀU LAHAINA

Sáng thứ bảy...Trời hồng hồng nắng trong trong...

Sau bữa ăn sáng ba người lại dẫn nhau đi. Hôm nay dế mèn thích đi biển nhưng Iris và Thịnh Hương muốn đi chợ trời. Dế mèn xin hai bà thả nàng xuống bãi biển. «Khi nào hai cô chán chợ trời thì quay lại đón cháu. Cháu đã làm ba chiếc bánh sandwiches kẹp chả lụa và

trứng chiên để mình đỡ tốn tiền». Thương dế mèn làm sao ! Sinh nhật của nàng, nàng không chịu đi ăn tiệm. Hôm nay «hậu sinh nhật» lại còn gói ghém chu đáo. Phe ta chất ghế và swim board lên xe. Mấy thứ này chủ nhà cung cấp sẵn nên phải tận dụng !

Thịnh Hương và Iris nhờ Googlemap dẫn ra chợ trời ngoài khu University of Maui gần phi trường Kahului. Đi đâu nàng Iris cũng tha thêm hai ba cái mũ nên Thịnh Hương được nhờ, chứ không hôm nay sẽ bị mặt trời đốt cháy dung nhan đang bắt đầu trổ đồi mồi. Hai bà cô lang thang mỗi người mỗi ngả. Thịnh Hương lại bị một ông bán nữ trang dụ khị, móc ví lôi visa ra chà, mua cho bằng được hai sợi dây chuyền xuất xứ từ Bali. Ổng không có máy in hóa đơn nên đưa cho Thịnh Hương một cái business card rồi viết giá tiền vào mặt sau ! Ông bảo, « Bà an tâm. Tôi bán ở đây đã lâu năm, không ăn gian của ai bao giờ». Thịnh Hương tự trấn an, thẻ của mình có fraud protection, không lo ! Thời buổi a còng đót com này, sợ cũng không tránh được kẻ có lòng gian. Thôi thì nhắm mắt đưa chân, để cho con tạo xoay vần cho ta !

Sau vài giờ lang thang che dù lội nắng, Thịnh Hương và Iris quay lại biển đón dế mèn. Vẫn còn mê biển nên Thụy Nhã đề nghị đến khu resort ở Lahaina. Hai bà cô

lắc đầu quầy quậy, «Mi có tắm thì tắm, hai bà già ngồi chơi hóng gió được rồi».

Lahaina nằm gần mỏm đất phía tây, nhìn giống đầu con rùa, của Maui. Nơi đây từng là thủ phủ của Hawaii Kingdom vào đầu thế kỷ 19. Khoảng giữa những năm 1880, Lahaina là một làng chài săn bắt cá heo, nơi tụ tập mấy trăm tàu bè và hàng ngàn thủy thủ. Nhà văn Herman Melville có viết một cuốn tiểu thuyết về Lahaina, nhan đề Moby Dick. Thịnh Hương nói sẽ kiếm mua cuốn sách này để đọc cho biết thêm lịch sử Hawaii.

Hiện nay Lahaina là một khu thượng lưu, nhà cửa to lớn đẹp đẽ, có một khu resort gồm nhiều khách sạn sang trọng, như Hyatt Regency of Maui và Marriott... Thụy Nhã đã có lần đến khu resort này dự đám cưới một người bạn nên nàng chạy một lèo tới Hyatt Regency rồi bảo hai bà cô ngồi chờ. Một lát sau nàng quay ra, mặt mũi hớn hở, cho hai bà biết là họ cho mình đi ngang khách sạn của họ để ra bãi tắm, nhưng mình chỉ được ở ngoài bãi công cộng. Nếu muốn sử dụng hồ tắm và lều nghỉ của họ, thì mình phải mua day pass. Thịnh Hương đề nghị mua pass để nghỉ ngơi cho thoải mái, nhưng Thụy Nhã và Iris gạt đi, nói là mình đã mang theo ghế ngồi thì mua pass làm gì. Lại trùm sò ! Ha ha. Thịnh Hương và Iris ngả ghế ngồi trên bãi cỏ của khách sạn

cho khỏi lấm cát mà không ai tới... mời ra ngoài. Chắc nhìn tướng hai bà... nhà giàu (hột thị) nên không nghĩ hai bà là khách ngồi ké !

Sau hai giờ ôm ván bơi trong mấy... vũng cạn trên bãi biển, dế mèn trở vào rủ hai bà cô xuống phố Lahaina. Lại mua sắm, lại chụp hình... Thấy một nhà hàng lớn nằm sát bãi biển, trên đường Front Street, phong cảnh lãng mạn, Thịnh Hương và Iris lại đề nghị đãi sinh nhật dế mèn, nhưng nó cứ một mực từ chối. Thôi thì thôi nhé, cô nàng khó khăn... Nơi đây, Iris đã mua được cho Thịnh Hương chiếc áo có hàng chữ I SURVIVED THE ROAD TO HANA ! Thịnh Hương cũng mua cho con trai hai chiếc sơ mi hoa lá cành và cho con dâu hai T-shirts có hình hoa sứ, hoa dâm bụt, biểu tượng của Hawaii. Hai vợ chồng tính rồi. Sang năm sẽ nhờ bà nội và bà ngoại coi hai đứa cháu để vợ chồng đến đây hưởng tuần trăng mật lần nữa.

Tối hôm nay cơm chiều xong chị em cô cháu chuẩn bị hành lý cho ngày mai về Cali.

Chưa về mà chúng tôi đã nhớ Maui rồi ! Maui, hải đảo thơ mộng với dân tình hiền hòa dễ mến, với rừng núi quanh co, với biển xanh màu ngọc bích, vẫn còn nhiều thắng cảnh chưa thăm hết. Nếu bạn muốn chiêm ngưỡng thiên nhiên và khám phá núi rừng, muốn thưởng

thức scuba diving hay snorkeling, thì đây là chỗ bạn nên tới. Nơi đây không đông người hay huyên náo như Honolulu. Nơi đây có những nơi sang trọng cho bạn ở, nhưng cũng có những căn nhà B&B trong khu Haiku chờ đón du khách thuộc loại «ta dại ta tìm nơi vắng vẻ.»

- Tạm biệt những cây sứ thơm ngát và những bông thiên điểu rực rỡ.

- Tạm biệt những con dốc, những khúc quanh và những thác nước hùng vỹ trên đỉnh Hana.

- Tạm biệt căn nhà gió hú trong hẻm Kulike khó kiếm!

- Tạm biệt Haiku và năm ngày thần tiên của ba người đàn bà đến từ California.

Aloha and Mahalo !

Thịnh Hương, Iris Đinh và Thụy Nha

Tuổi Thơ ở Mỹ

Triều Phong (TPN)

Tác giả từng sống ở trại tỵ nạn PFAC Phi Luật Tân gần mười một năm. Ông tên thật Trần Phương Ngôn, hiện hành nghề Nail tại South Carolina và cũng đang theo học ở trường Trident Technical College. Với bài «Niềm Đau Ơi Ngủ Yên» viết về trại tị nạn Palawan-Philippines, Triều Phong đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Sau đây là bài viết mới nhất của ông.

Sau khi thăm dò nhiều nhà trẻ (Child Care Center) ở khắp nơi trong vùng, vợ chồng tôi quyết định chọn Gateway Academy để gửi con. Đầu tiên chúng tôi tính gửi con ở La Petite nhưng rồi lúc đi xem xét và tìm hiểu thêm vợ chồng tôi nhận thấy Gateway này sạch sẽ, có vẻ kỹ lưỡng trong việc chăm nom nhất là về an ninh thì nó an toàn hơn rất nhiều so với mấy nhà trẻ khác vì nhà trẻ này nằm biệt lập ở một khu đất khá rộng, thoáng mát, xung quanh có trồng hàng cây xanh làm bờ rào thẳng tắp mà giá cả thì phải chăng; hơn nữa nó lại được xây dựng trên đường Magwood Dr., ở vùng sông West Ashley của thành phố Charleston, thuộc tiểu bang South Carolina, gần nhà chúng tôi rất tiện cho việc đón đưa. Điều đặc biệt của chỗ này là ngoài việc gìn giữ trẻ ra nó

còn dạy cho các em nhỏ học hành, tập đọc, tập nói, tập viết, tập vẽ... để sau đó các em có thể vào mẫu giáo ở những trường tiểu học một cách dễ dàng nên nó còn được gọi là Gateway Academy Child Development Centers.

West Ashley, nơi tôi đang sinh sống có thể được xem là chỗ đã «đẻ» ra Charleston; thành phố lớn và lâu đời nhất của tiểu bang Nam Carolina, Hoa Kỳ. Vì năm 1670, khi thực dân Anh muốn tạo dựng một khu định cư lâu dài đầu tiên ở thuộc địa Carolina này thì thành phố Charleston được thành lập từ bờ Tây của sông Ashley và được xem là một trong năm thành phố lớn nhất của vùng Bắc Mỹ cho tới suốt mười năm sau đó. Trong Cuộc Cách Mạng Hoa Kỳ, một vài chiến sự đã nổ ra tại đây. Và đặc biệt là năm 1780, ở Rantowles Creek, Ông William Washington đã đánh bại các lực lượng kỵ binh dưới Banastre Tarleton và tại Nhà Thờ Presbyterian Old St Andrew trong cuộc tấn công vào thành phố Charleston. Đến Thời Nội Chiến (Civil War) đã có một số trận đụng độ xảy ra ở South Carolina. Ngày 12 tháng 04 năm 1861, chiến sự bắt đầu khi quân Miền Nam tấn công một căn cứ quân sự của Liên Bang ở Đồn Sumter, Nam Carolina. Năm 1864 Lực Lượng Liên Minh đã cố gắng cắt đứt con đường sắt; Charleston và Savannah, được mở rộng từ thành phố đến West Ashley nhưng

bị phản công lại tại Causeway ở chiến trường Burden trên đảo Johns gần đó. Năm sau, 1865, lực lượng của William Tecumseh Sherman thiêu rụi Middleton Place Plantation trong cuộc diễn hành xuống biển.

Ngoài sự nổi tiếng ấy ra thì sông Ashley còn là một con sông rộng, nước đen, với thượng nguồn bình yên, đẹp đẻ, là chỗ trú ẩn của hươu nai, đại bàng, chim ưng, hạ lưu thì có diệc xanh to lớn, cá hồi đốm, cá đuôi ngựa (redfish). Nhiều đầm lầy có vô số động vật hoang dã quý báu như cá sấu, trăn, rùa, rắn.v...v...

Nhờ thiên nhiên ưu đãi, tạo cho Ashey ấy một phong cảnh hữu tình, lắm nét duyên dáng riêng, do đó nó còn là nơi để người ta vui chơi giải trí bằng kayak, canô hay đi câu bằng xuồng vì thế Ashley đã trở thành «viên ngọc đen,» biểu tượng của tiểu bang (South Carolina»s Black Pearl.) Năm 1992 Văn Phòng Quản Lý Tài Nguyên Miền Duyên Hải phối hợp với các cộng đồng địa phương để lập ra kế hoạch bảo tồn thiên nhiên và lịch sử của sông.

Bởi cái tên tiêu biểu cho vẻ đẹp rạng rỡ ấy nên nếu bạn du hành tới South Carolina bạn sẽ gặp rất nhiều người phụ nữ mang tên Ashley. Ngay chính tôi ngày xưa cũng mong muốn có được một đứa con gái để đặt tên này !

Định cư nơi đây được khoảng bốn năm thì tôi lấy vợ. Quê vợ tôi ở Ohio, sau khi lấy nhau thì cô ấy chuyển qua South Carolina. Cuộc sống của vợ chồng tôi vì không ở gần cha mẹ, họ hàng nên cũng khá đơn chiếc, do đó khi con chưa tròn một tuổi thì đã phải mang đi gửi nhà trẻ rồi.

Tháng mười, trời thu se lạnh. Lá bắt đầu vàng và có một số chiếc đã rơi. Tiếng lá chạy xào xạc trên mặt đường mỗi khi gió thổi lâu ngày đã trở nên quen và thân thiết với tôi tự bao giờ. Co ro trong hai lớp áo, bên ngoài khoác thêm chiếc áo choàng, chúng tôi chở con tới Gateway và vội vã xách cái nôi bé nhỏ bên trong có thằng con được phủ trùm kín mít bằng một chiếc khăn lông to tránh gió vô nhà trẻ. Đó là ngày đầu đem con đến gửi, giao con cho các cô giáo xong vợ chồng tôi bước ra mà lòng không khỏi xót xa khi nhìn thấy thằng bé nằm ngo ngoe trong chiếc giường nhỏ, xinh xắn, miệng luôn bi bô, xì xào ngôn ngữ trẻ thơ mà chẳng hiểu nó muốn nói gì bởi đây là lần thứ nhất chúng tôi bỏ con lại một mình kể từ khi nó chào đời !

Tôi làm trong Citadel Mall đến chín mười giờ đêm mới về, do đó vợ tôi lãnh phần đón con mỗi buổi chiều. Thời gian trôi như «bóng câu qua cửa sổ,» chẳng mấy chốc mà con tôi, Benjamin, bắt đầu tập đứng và lững

chững bước đi, đôi môi xinh xắn luôn xí xô xí xào, xóa đi nỗi mệt nhọc của chúng tôi. Từ đó nhà cửa thêm vui bởi có tiếng cười nắc nẻ của trẻ thơ !

Ngày con lên năm tuổi và sắp bước vào mẫu giáo, Gateway có tổ chức buổi lễ «ra trường» như người lớn đàng hoàng. Cha mẹ được mời tham dự và có đãi cả thức ăn nhẹ nữa !

Còn nhớ hôm đó chúng tôi cũng cho con trai nhỏ của mình ăn mặc đẹp đẽ và lúc chúng tôi đến thì trường đã đông đúc, đầy ắp người. Có vài gia đình dẫn theo cả ông bà hay bạn bè nên không khí thật là vui nhộn. Một vài bé gái mặc váy hoặc đầm trông thật điệu đà, dễ thương làm sao !

Rồi lúc đến giờ, cô hiệu trưởng tuyên bố khai mạc buổi lễ, kể lể thành tích, công lao các cô nuôi giữ trẻ của trường, cám ơn phụ huynh đã tin tưởng mang con đến đây, và sau cùng là phần phát «chứng chỉ.» Mỗi cháu khi được xướng tên lên nhận bằng sẽ được hỏi hai câu «Em muốn làm gì sau này và lý do tại sao ?»

Lần lượt từng em tiến lên nhận chứng chỉ và trả lời các câu hỏi rất là dễ yêu. Đám con trai có đứa thì muốn làm bác sĩ, kỹ sư, đứa khác đòi làm cầu thủ football, có đứa con gái muốn làm phi hành gia trong khi có đứa

khác chỉ thích làm ca sĩ thôi. Những ước mơ tuổi nhỏ vô cùng thú vị đôi khi đầy tham vọng ấy của chúng làm cho buổi ra trường thêm sống động. Khi con tôi được gọi tên, nó tiến lại bên cô hiệu trưởng nhận bằng và nói:

- I want to be a zoo keeper ! lúc cô giáo hỏi, làm mọi người không nín được cười giữa sự ngỡ ngàng của vợ chồng tôi.

- Why ? Cô hiệu trưởng chăm chú nhìn nó chờ đợi.

Ben trả lời không chút do dự :

- I want to protect animals !

Mọi người «ồ» lên và tiếng vỗ tay tán thưởng vang to khắp khán phòng. Cô giáo cúi xuống xoa đầu nó :

- Very good ! Great idea Benjamin.

Vợ chồng tôi cũng vui và thật sự bất ngờ với suy nghĩ của con mình. Sau con tôi thì đến phiên Ashley được gọi lên. Nhìn con nhỏ trong cái đầm xoè ngắn cũn cỡn màu hồng, trên mái tóc vàng óng ánh có đính một chiếc nơ đỏ, chân mang giày bít-tất trắng với vớ trắng cao tới đầu gối, mặt xinh như thiên thần, bước ra khỏi đám bạn đi tung tăng như con chim non thấy dễ thương chi lạ.

- What do you want to be when you grow up, Ashley?

Con bé đắn đo rồi nhìn xuống ba mẹ nó đứng kế tôi vài giây đoạn ấp úng trả lời :

- I... I...want to be an ice cream driver !

Nhiều tiếng cười khúc khích phát ra trước câu trả lời ngây thơ của con bé trong khi ba nó thì ôm đầu la nhỏ «oh no, baby !» còn mẹ nó thì tròn mắt ngạc nhiên. Ashley nói tiếp khi cô hiệu trưởng hỏi tại sao.

- Every time I hear the music from the ice cream truck, I get very happy, so I want every kid to be happy like me !

- Good ! You are a kind person.

Khắp phòng lại vang lên tiếng vỗ tay hoan nghênh của mọi người và mẹ của Ashley quay sang ôm lấy ba nó trong niềm hạnh phúc trước câu đáp đầy tình yêu người của con. Và cuối cùng, một phen cười muốn vỡ bụng nữa vỡ ra khi thằng Kevin được gọi, nó phụng phịu :

- I want to be a pet because I love my dog, Buddy !

Đứng phía bên phải căn phòng, ông nó huýt sáo còn bà nó thì ôm bụng cười vang trong khi mẹ nó giơ con chó nhỏ đang ẳm trong tay lên cao cho mọi người xem.

Buổi lễ bế mạc. Mọi người vui vẻ ra về, trên đường đi tôi tự nghĩ «trẻ con ở Mỹ thật là ngây thơ và đáng yêu bởi chúng được sống trong một môi trường đầy đủ, nhân bản, giàu tình người và được giáo dục thương yêu đồng loại kể cả thú vật chứ đâu như trẻ con ở quê hương tôi.

Còn nhớ hôm chị Tân, một đồng nghiệp của tôi, kể lại lần chị dẫn con gái lớn của chị về Phú Quốc -Việt Nam lúc con bé được mười tuổi rằng nó đã hoảng sợ khi thấy một đám trẻ con dùng giàn thun bắn con chim sẻ nát cả mình khi nó đang đậu trên cây. Trở về Mỹ, lúc em gái nó hỏi về chuyến đi nó bảo em nó đừng bao giờ đi Việt Nam vì con nít xứ đó độc ác lắm !

Thật là tội nghiệp cho trẻ em Việt Nam ! Tuổi thơ lớn lên trong một xã hội đói kém, đầy hận thù, được dạy dỗ bởi một nền giáo dục vô đạo đức, thiếu nhân bản và vì sự sống mà mới dăm ba tuổi đầu đã phải đi bươn chải lao động kiếm ăn. Lúc lớn khôn phải giành giựt giết hại lẫn nhau để tồn tại thì làm sao mà có thể sản sinh ra những con người nhân ái với tâm hồn cao thượng được chứ ?

Tuy nhiên, những năm tháng gần đây tuổi thơ của Mỹ đang bị đe dọa nghiêm trọng vì tình trạng «nổ súng ở trường !» Bạo lực súng ống tại các trường học đang là một vấn nạn của nước Mỹ mà nó đòi hỏi chính phủ cần phải có một chính sách rõ ràng và mạnh mẽ về tình trạng kiểm soát súng đạn để học sinh yên tâm đến trường học hành.

Trong khi chờ đợi một chính quyền đầy sáng suốt và đủ quyền lực để giải quyết chuyện này, bảo đảm an toàn tính mạng cho các em thì cha mẹ vẫn âu lo mỗi ngày khi đưa con em đến trường !

Hãy chờ xem. Chính phủ nào bảo đảm được an toàn tính mạng cho các em đến trường trong tương lai ?

Dayton, Ohio / Lập xuân

21 tháng 03 năm 2018

Triều Phong (TPN)

Một Chuyến Đi Tây

Ngô Đình Châu

Tác giả hiện là cư dân Tampa, Florida, đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2015. Ông sinh năm 1952, dân Sài Gòn, cựu sinh viên Văn Khoa, cựu Sĩ quan Quân đội Miền Nam, một trung đội trưởng tác chiến. Hồi cuối cuộc chiến, chàng là một thương binh và buổi sáng ngày 1 tháng Năm 1975, bị đuổi ra khỏi quân y viện... Bài viết mới của ông mở đầu bằng câu «Đôi khi tôi nghĩ, viết về một nơi chốn khác, cũng là một cách Viết Về Nước Mỹ.» Cách viết đối chiếu chi tiết tinh tế của tác giả cho thấy không chỉ đúng như ông nghĩ mà còn làm hiện rõ cả tính cách người (hơi hơi) Mỹ gốc Việt.

Cách nay mấy năm, vợ chồng tôi làm một chuyến du hành sang đất Pháp, nơi đến là thành phố Lyon, nằm ở Miền Trung nước Pháp, để thăm viếng gia đình người Dì của tôi, đã qua đây sinh sống từ năm 1984.

Đúng 6 giờ chiều, chúng tôi khởi hành từ thành phố Jacksonville (FL) để bay đến Miami, từ đây sẽ chuyển qua một chuyến bay khác để đến Madrid. Phi trường Miami khá lớn, chúng tôi phải di chuyển thiệt lẹ trong

vòng 1 giờ để kịp chuyến bay kế tiếp, vậy mà khi đến gate, đã thấy hành khách lục tục lên tàu.

Rời Miami, chúng tôi sẽ trải qua 9 tiếng để bay đến Madrid. Trên chuyến bay đường dài này, chúng tôi được phục vụ một bữa ăn tối và một bữa ăn sáng. Trên bất cứ chuyến bay đường dài nào, ai cũng cảm thấy đầy ngán ngẩm, tôi ước gì mình được ngủ say một giấc thì sướng biết mấy, thế mà nào có ngủ được, cứ xem TV rồi lại đọc sách, hai cái chân mỏi nhừ khiến tôi cứ loay hoay mãi.

Bay mãi rồi cũng phải đến Madrid, lại gặp một phi trường to lớn, lại phải di chuyển thật nhanh để còn kịp lên chuyến bay kế tiếp đi Lyon. Các bảng hướng dẫn ở phi trường Madrid không được rõ ràng như các phi trường bên Mỹ, nên đôi lúc chúng tôi phải ghé vào Information Desk để nhờ hướng dẫn, nhân viên ở đây họ nói tiếng Anh bằng giọng Châu u, nên nghe cứ léo nhéo đôi khi chẳng hiểu gì cả, cứ phải hỏi đi hỏi lại. Theo luật lệ Liên u, khi có chuyến bay nước ngoài nào đáp xuống phi trường đầu tiên thuộc Liên u, thì hành khách phải làm thủ tục Hải quan tại phi trường đó. Thủ tục Hải quan tại Madrid, đơn giản đến độ ngạc nhiên. Nhân viên chỉ đóng mộc vào passport một cách lẹ làng, họ chẳng hỏi một tiếng nào và cũng chẳng cần nhìn mặt

khách.

Kế tiếp chúng tôi đáp chuyến bay cuối cùng đến Lyon. Máy bay thuộc loại nhỏ và bay không cao lắm, nên chúng tôi rất thích thú quan sát khung cảnh ở bên dưới. Chuyến bay dài 1 giờ 40 phút, bay qua hết cánh đồng này lại đến cánh đồng khác. Các cánh đồng cũng có từng ô vuông lớn nhỏ như ở Việt Nam. Có ô vuông màu xanh đậm, có ô màu nâu, lại có ô màu vàng rơm... chen lẫn có những cụm cây cao, lại có khi bay qua những thành phố nhỏ. Tuyệt nhiên trên đường bay, không thấy rừng, không thấy núi non gì cả.

Khi đến Lyon, máy bay đảo một vòng, thành phố nhìn từ trên cao thấy tuyệt đẹp, nhà nhà đều lợp mái ngói đỏ tươi trông bạt ngàn tít tắp, lại điểm xuyến rất nhiều hồ nước, cánh đồng. Cảm giác đầu tiên của tôi, là thành phố này có cái gì đó vừa xinh tươi duyên dáng, vừa gần gũi thân mến.

Đến 3 giờ chiều, chúng tôi thở phào bước xuống phi trường Lyon, sau một chuyến bay dài mỏi mệt. Phi trường Lyon nhỏ tí, có một điều làm tôi rất ngạc nhiên, là từ lúc bước ra khỏi cửa máy bay, đi vài chục bước là đến chỗ lấy hành lý, rồi đi thêm vài bước là ra ngoài để gặp người thân. Tất cả đoạn đường đó chỉ là một khoảng cách ngắn ngủn. Tôi chưa hề gặp một phi trường nào có

cách thiết kế quá gọn gàng đến như vậy.

Đón chúng tôi ở phi trường là Chú Tuấn, em họ của tôi. Chú đưa chúng tôi ra bãi đậu xe. Bãi đậu xe không lớn lắm, nhưng cũng làm cho tôi chóa mắt trước một rừng xe lút chút. Ngạc nhiên là bởi vì nó trái ngược hẳn với các loại xe to lớn kềnh càng ở bên Mỹ. «Rừng nào cọp nấy», nơi đây gần như 100% là xe của Pháp, gồm các nhãn hiệu từng có mặt tại Việt Nam như : Peugeot, Renault, Citroen... Những nhãn hiệu này không hề có mặt tại Mỹ, và ngược lại «ăn miếng trả miếng» không hề có chiếc xe Mỹ nào có mặt tại đây. Hai đại gia Toyota và Honda, hùng cứ phương trời Bắc Mỹ, cũng phải chào thua nơi xứ này. Họa hoằn lắm, mới thấy một chiếc Toyota Corolla nhỏ xíu, chạy e dè khép nép ở bên đường. Tôi nghĩ thế, bởi lẽ nếu tôi là người sinh sống trên đất Pháp này, tôi sẽ cảm thấy ngại ngùng khi phải sử dụng một chiếc xe ngoại nhập.

Theo suy nghĩ của riêng tôi, trên thế giới này, ngoại trừ Trung Quốc, thì chưa có đất nước nào gần gũi với chúng ta như là nước Pháp. Từ hồi còn bé cho đến khi trưởng thành, tôi đã say mê thưởng thức không biết bao nhiêu điều về Văn học Nghệ thuật, đã ca tụng hết lời về con người và đất nước này. Ngày hôm nay, tôi đặt bước chân đầu tiên lên nước Pháp, đã khiến tôi liên tưởng

đến câu ca : «...mùa Thu Paris trời hoen đôi mi...» hay «...ga Lyon đèn vàng, cầm tay nhau không nói...» Rồi Thằng Gù Nhà thờ Đức Bà của Victor Hugo, rồi nhớ đến những áng văn đẹp như thơ của Alphonse Daudet, St. Exupery. Nhớ đến Sartre, Gide, Maurois, Sagan... Và không thể nào quên những ngôi sao huyền thoại của một thời : Alain Delon, Jean Paul Belmondo, Catherine Deneuve, Bridget Bardot... Tất cả những tinh hoa đó đã làm náo động thanh niên Sài Gòn vào thập niên 60, và cũng đã ảnh hưởng mạnh mẽ lên tâm hồn thế hệ chúng tôi biết dường nào.

Hôm nay tôi đến thăm đất nước này, tự nhủ trong lòng mình, sẽ quan sát và ghi nhận nước Pháp một cách hết sức tỉnh táo. Dựa trên quan điểm của một người (hơi hơi) Mỹ gốc Việt. Bởi lẽ ngày nào, tôi còn thở ra mùi Phở Bắc, Bún Bò Huế, Cơm Tấm Bì Sườn Chả... thì dù cho tôi có sống trên đất Mỹ một trăm năm, tôi vẫn chưa «đắc đạo» để trở thành một người Mỹ. Cố gắng hội nhập cho lắm thì cũng chỉ là một người (hơi hơi) Mỹ gốc Việt.

Xe của chú Tuấn là một chiếc Renault 7 chỗ ngồi, mà sao trông nhỏ xíu. Xe chạy nhập vào xa lộ, cũng không đông đảo xe cho lắm, hai bên đường là ruộng lúa mì xanh ngắt. Thỉnh thoảng xe đang chạy bỗng nghe kêu

«toe» một tiếng khá lớn. Lấy làm lạ, tôi bèn hỏi tiếng gì nghe ghê thế. Chú em giải thích rằng, xe được trang bị Radar báo động có ụ đèn chụp hình xe chạy quá tốc độ. À ra thế, ở xứ tôi máy chụp hình tốc độ do Cảnh sát điều khiển, còn ở đây máy lại đặt cố định ở bên đường, đi một khoảng lại có một ụ đèn như thế, nên xe cứ kêu «toe toe» liên tục, nghe thật khó chịu. Tôi cảm thấy những điều kỳ lạ bắt đầu xuất hiện rồi đây.

Đi khoảng 20 phút thì xe về đến nhà, một nơi có tên là Venissieux. Đường phố chật hẹp, đã vậy xe còn đậu 2 bên lề đường, nên trông càng chật chội thêm. Ở Mỹ tên đường giăng ngang ngã tư nên rất dễ nhìn, trong khi ở Tây, tên đường được đặt trên một tấm bảng nhỏ rồi gắn lên cột đèn, nên rất khó nhìn.

Dì tôi ở cùng với vợ chồng chú Tuấn, cả hai có một đứa con gái nhỏ, đang học Tiểu học. Nơi ở là một căn hộ trong một chung cư nhiều tầng còn mới tinh. Mỗi căn hộ chỉ có một gara chứa được một xe ở dưới tầng hầm. Đường xuống tầng hầm, vừa hẹp tí vừa quanh co thật gắt, đến nỗi khi xe lượn qua những khúc cua cùi chỏ, phải chạy chậm rì rì như rùa bò, nếu không rất dễ bị vách tường cọ vào thành xe, nên thấy rất ghê người. Nếu cho tôi lái chiếc xe này, tôi sẽ không biết lái ra sao trong hoàn cảnh như thế, vì trên đất Mỹ tôi chưa bao

giờ gặp cảnh tượng này.

Dì mở cửa vui mừng chào đón chúng tôi, Dì lớn hơn tôi đúng một giáp, và Dì cháu thân thiết với nhau từ lúc nhỏ. Lúc mở cửa, mùi thức ăn đậm mùi nước mắm xộc vào mũi tôi. Đây là cái mùi đặc trưng đậm đà bản sắc dân tộc, nó hiện diện trong bất cứ gia đình Việt Nam nào, dù ở trời Tây hay trời Mỹ thì đều cũng y như nhau. Nhà bên Việt Nam thông thoáng nên không giữ lâu mùi thức ăn, trong khi nhà Tây- nhà Mỹ đều có cửa kính bít bùng, cho dù có quạt hút ra ngoài nhưng mùi thức ăn vẫn tồn đọng rất lâu. Những món ăn xếp vào hàng độc chiêu như mắm kho, mắm chưng, mắm ruốc xào xả... thì khỏi phải nói rồi, nhà nào thèm lắm thì cũng năm khi mười họa mới dám nấu một lần, vừa nấu vừa hồi hộp, sợ hàng xóm kêu cảnh sát. Những món ăn cơm hàng ngày cũng nồng nặc không kém như cá kho, thịt kho, tôm rim, phi hành tỏi và đặc biệt kinh hãi là món cá chiên, thứ hàng này mùi hôi kéo dài rất dai dẳng, nó còn thấm vào quần áo mền gối, thậm chí thấm cả vào tường gỗ trong nhà. Mùi thức ăn gây khổ sở cho những người đi học hoặc đi làm khi phải chung đụng với người bản xứ. Có câu nói: « Chúng ta đi mang theo quê hương...» thì trong hành trang đó có mùi nước mắm quê hương này đây, chúng ta đã mang nó đến cùng trời cuối đất.

Nhà của Dì tôi ở gồm một phòng khách và ba phòng ngủ nên gọi là nhà T4 (vì sao gọi thế thì tôi không biết), có căn bếp nhỏ tí chỉ vừa đủ cho một người đứng nấu bếp, có ban công mở ra ngoài trời. Hình như ở cái xứ Tây này, không có khoảng trống nào được bỏ không, nên nơi ban công Dì tôi để lủ khủ thùng chậu, trồng đủ thứ các loại rau thơm.

Nhà chỉ có một phòng tắm với một bồn rửa mặt đi kèm, còn bồn cầu đặt ở một phòng riêng và kỳ lạ là phòng này không có chỗ rửa ráy nên gây khó chịu cho đám dân Mỹ chúng tôi rất nhiều. Nhà Dì tôi thuộc loại mới tinh mà thiết kế chỉ có một chỗ chứa máy giặt, không có chỗ cho máy sấy, cho nên giặt đồ xong là mang ra phơi ngoài ban công, gặp hôm trời mưa thật bất tiện. Đồ hàng «on sale» mua về nhiều quá, không đủ chỗ chứa, nên cứ để đầy trên lối đi, người đi qua lại phải uốn éo thân người như «rắn lượn».

Chiều đến, một chú em khác tên Vũ, con trai kế của Dì tôi. Vũ mang vợ con đến thăm chúng tôi. Các con của Vũ rất xinh xắn, các cháu nói tiếng Việt lọng ngọng nghe rất tức cười. Các cháu chào chúng tôi bằng tiếng «bonjour», rồi lại chào tiếp bằng cách áp má hôn chúng tôi. Tôi để ý thấy cách chào xã giao của người Pháp khác với người Mỹ. Mỗi khi gặp nhau, sau khi bắt tay

xong, thì họ sáp lại gần nhau để hôn má, hôn bên này xong lại hôn má bên kia (chứ không chỉ hôn một bên như người Mỹ). Hôn má, có nghĩa là cả hai bên áp má sát vào nhau, và hôn qua hôn lại như thế, đôi khi còn nghe phát ra tiếng «chóc chóc», như vậy mới thiệt đúng điệu hay sao ấy ? Ý trời ơi ! đám dân Mỹ chúng tôi thường khi gặp nhau, nếu có thân tình lắm thì cũng chỉ ôm vai nhau mà thôi. Chào theo kiểu của Tây, chúng tôi đã không quen mà còn lúng túng ngượng ngập lắm. Có lúc tôi ngượng «điếng người», khi vụng về để mũi của mình chạm vào mũi của phía «đối tác». Người ta nói đi một ngày đàng, học một sàng khôn, còn tôi chả học được một sàng khôn nào, mà chỉ thấy những điều kỳ lạ.

Nước Pháp chỉ có một giờ đồng nhất, mọi nơi đều sử dụng một giờ như nhau, trong khi nước Mỹ có 4 múi giờ kéo dài từ Tây sang Đông. Lyon đi trước Florida của chúng tôi đúng 6 giờ, mấy ngày đầu ở Lyon, chúng tôi cũng gặp tình trạng vật vã, y như lúc về Việt Nam, đó là Hội chứng Sai biệt múi giờ, đêm đến chúng tôi ngủ chập chờn đến đúng 3 giờ sáng là thức giấc, vì thiếu ngủ nên trong người lừ nhừ mệt mỏi lắm.

Dì tôi và các em thay phiên nhau nấu nướng đãi đằng chúng tôi bằng các ngon thường được ưa chuộng: bún suông, nem nướng, mì vịt tiềm, lẩu đồ biển... Tất cả

những món ngon này đều được nấu nướng tại nhà, không có món gì mua ở tiệm hết. Bởi lẽ, bên Tây không có hàng quán như ở Cali hay Texas... người ta học hỏi nấu nướng lẫn nhau, rồi mời nhau qua lại, để rồi dần dần đưa các món ngon trở thành xuất sắc.

Các em đưa chúng tôi thăm thành phố Lyon, ban ngày cũng như ban đêm, thành phố thật đẹp và đa dạng, chứ không đơn điệu như những thành phố mà tôi đã sống qua bên Mỹ. Lyon không có nhiều nhà cao tầng lố nhố như bàn chông giống như Hong Kong hay New York, mà nó giống Washington DC nhiều hơn. Các tòa nhà ở Lyon đều cao tầm tầm như nhau hết, tất cả cao 6 tầng đều nhau tăm tắp. Sau này đi thăm Paris, tôi cũng thấy giống y như vậy. Các phương tiện di chuyển trên đất Pháp thật dồi dào : xe bus, xe bus chạy bằng dây điện mắc trên mui, xe điện, xe điện ngầm, xe lửa cao tốc... giúp người dân đi lại thuận tiện và thoải mái lắm, giải quyết được nạn kẹt xe và khan hiếm chỗ đậu, đồng thời giải quyết được nạn quá nhiều xe cộ thải khí độc làm ô nhiễm môi trường. Không biết đến bao giờ nước Mỹ mới làm được điều này.

Chúng tôi đi thăm viếng vài nơi. Trong đó tôi có chú ý đến ba nơi. Thứ nhất, các em đưa chúng tôi đến thăm một nhà thờ nằm trên đồi cao, nhà thờ vừa bề thế vừa

nguy nga tráng lệ, đứng ở nhà thờ có thể ngắm nhìn toàn cảnh Lyon rất đẹp. Tôi có cảm giác, dân Pháp xây dựng nhà thờ một cách công phu tuyệt kỷ, chứ họ không làm một cách qua loa loàng xoàng, khi tôi vào trong, một khung cảnh thánh thiện vô cùng, cảm thấy trong lòng nhẹ nhõm, những ưu tư phiền muộn hình như đã để lại ngoài cửa giáo đường.

Nơi chốn thứ hai, các em đưa chúng tôi vào thăm một công viên. Khi đi dạo vòng quanh, tôi cảm thấy hết sức ngạc nhiên, bởi vì công viên này quá rộng lớn đến độ không ngờ, mà còn kỳ lạ ở chỗ, nó lại nằm ngay giữa Lyon, trong khi ở Pháp, một tất đất là một tất vàng. Khung cảnh thật đẹp và êm mát, tất cả những kỳ hoa dị thảo được trồng khắp nơi.

Nơi chốn thứ ba, chúng tôi đi thăm một ngôi chợ Việt Nam. Nói ngôi chợ thì hơi quá đáng, nói một cửa hàng thì đúng hơn. Cửa hàng khá nhỏ, bán lèo tèo những thứ hàng nhập từ VN qua, hay của Trung Quốc. Người đi mua sắm lơ phơ lất phất, chỉ có dăm ba người, trong khi chúng tôi đã quen mắt với những ngôi chợ VN bề thế trên đất Mỹ, người đi chợ ùn ùn đến chóng mặt, chứ đâu có giống như ở đây. Loại cửa hàng này đã biến mất từ lâu nơi các thành phố lớn đông đảo người Việt, họa chăng chỉ còn thấy nơi các thành phố nhỏ. Thế mới biết

người Việt trên đất Pháp sống lưa thưa lắm.

Mấy ngày sau, mấy đứa em xin nghỉ phép để đưa chúng tôi đi chơi xa. Lộ trình dự trù, đi theo một hình tam giác đều cạnh. Từ Lyon theo hướng Bắc đến Paris, ở chơi 2 ngày. Rồi từ Paris đi theo hướng Đông đến thành phố Strasbourg, để thăm một người bạn thân của tôi đã lâu không gặp. Cuối cùng, từ Strasbourg theo hướng Tây Nam về lại Lyon. Các tuyến đường đều cách nhau đúng 500 cây số.

Đúng 7 giờ sáng, chúng tôi bắt đầu lên đường với 2 chiếc Renault. Đường xá xe chạy lưa thưa chứ không đông đảo như bên Mỹ, nên chạy thoải mái. Nhất là xe hàng loại 18 bánh không nhiều, nếu có thì họ chạy từ tốn chứ không hung hăng kiểu ngựa lồng như xứ Mỹ. Hai bên đường cảnh trí thật xinh xắn, những cánh đồng lúa mì bạt ngàn và đôi khi có những cây trồng khác mà tôi không được biết. Hết cánh đồng này lại tiếp nối cánh đồng khác, kéo dài mênh mông tới tận chân trời. Thỉnh thoảng lại đi qua những cánh đồng cỏ, có đàn bò thân trắng lốm đốm đen, đang nhẩn nha gặm cỏ một cách thanh bình. Lúa mì là loại trồng trên cạn, rồi được tưới bằng các dàn tưới di động, không biết ngày xưa người dân họ tưới bằng gì nhỉ ? Có khi đi qua những khu nhà nhỏ, đường sá quanh co cùng với hoa cỏ rực rỡ, đẹp

như trong truyện cổ tích.

Trong suốt những con đường chúng tôi đi qua, gặp không biết bao nhiêu cánh đồng bất tận, nhưng lạ một điều, chúng tôi không thấy bóng dáng một nông dân nào cả, có lẽ nông nghiệp nước Pháp đã đạt đến trình độ tự động hóa cao rồi chăng ?

Còn một điều lạ nữa, chúng tôi không hề thấy rừng, không hề thấy núi non sông suối, có lẽ chúng tôi đi qua một vùng đồng bằng, chắc cũng giống như đi qua vùng đồng bằng sông Cửu Long vậy. Trên đường đi chỉ thấy những bảng báo hiệu đường sá, mà không hề thấy một tấm bảng quảng cáo nào hết. Đi vài chục cây số có một chỗ dừng xe nghỉ ngơi, giống như Rest Area bên Mỹ, nhưng khác một chút là họ có cây xăng trong khu vực này. Nhìn chung, đường xá trên freeway khá tốt, nhưng sao trông có vẻ hiền lành lắm và tôi cũng chưa hề thấy các giao lộ có hệ thống cầu overpass đan chằng chịt ở trên đầu như bên Mỹ.

Đường trống trải, tốc độ quy định lại khá cao 130 Km/h, nhưng các chú em tôi ỷ y có radar báo động nên nhấn ga đôi khi lên đến 140 Km/h, vì vậy chưa tới 4 giờ lái xe, chúng tôi đã đến ngoại ô Paris. Ghé vào nhà một người bạn của Dì tôi để tạm trú. Đường sá ở Paris, ngoài các con đường lớn, còn các con đường nhỏ thì

chạy ngoằn ngoèo cong lượn không theo một quy củ nào hết, cũng may nhờ có GPS nên việc tìm nhà không khó lắm.

Buổi chiều, chúng tôi kéo nhau ra thăm Paris. Paris cũng giống như các thành phố lớn trên thế giới, đường phố rất đông đảo xe cộ trông phát khiếp. Paris tìm kiếm chỗ đậu xe cực kỳ khó khăn, xe đậu kín mít hai bên lề đường, cho nên cứ phải lái xe chạy lòng vòng, khi thấy có một chỗ trống nào vừa khít một chiếc xe, thì phải de parallel vào ngay, dân Mỹ lái xe lớ ngớ như tôi, thấy thế lấy làm kinh hãi.

Điểm đến đầu tiên là thăm tháp Eiffel (tiếng Mỹ phe ta đọc là «ê phồ» nghe lạ tai nhỉ ?) Tôi nghĩ, bất kỳ ai trên cõi đời này, đều mong ước có ngày đặt chân đến thăm tháp Eiffel, một biểu tượng độc đáo của nước Pháp.

Nhìn trong hình, tòa tháp có vẻ mảnh mai, nhưng khi tôi đứng dưới chân tháp nhìn ngược lên, mới thấy một cảnh tượng kinh hồn, hàng triệu triệu thanh thép đan chồng chéo lên nhau, để tạo nên tòa tháp vĩ đại này. Tòa tháp có 4 chân đế, mỗi chân đế to lớn khổng lồ như một tòa nhà cao tầng. Càng nhìn càng sợ cho một kỳ công có một không hai trên thế giới của nước Pháp. Hình như người Pháp rất thiện nghệ trong việc xây dựng các

biểu tượng quốc gia, chính họ đã tặng cho New York bức tượng Nữ Thần Tự Do, biểu tượng lừng danh của nước Mỹ.

Chúng tôi mua vé lên tầng hai của Tháp để ngắm Paris và cũng để ngắm bên trong tòa tháp. Du khách đông đảo chen chúc nhau. Có đứa em nói rằng : « Tụi em ở Pháp mấy chục năm rồi mà chưa hề đến tháp Eiffel, nay nhờ có anh chị đến chơi nên tụi em mới có dịp đến chỗ này» À ! té ra là thế, bụt nhà thì lúc nào cũng không thiêng. Đứng trên tầng hai của tháp, gió thổi lồng lộng đến lạnh người, ngắm Paris đẹp tuyệt vời, kéo dài bát ngát tới tận chân trời. Cách tháp một quãng ngắn là dòng sông Seine nổi tiếng trong thơ Nguyên Sa, «Paris có gì lạ không em. Mai anh về giữa bến sông Seine. Anh về giữa một dòng sông trắng. Là áo sương mù hay áo em...»

Rời tháp Eiffel, chúng tôi đến thăm Đại lộ Champs Elysees. Có lẽ đại lộ Champs Elysee là đại lộ lớn nhất nước Pháp, đường rộng thênh thang, hai bên lề đường mỗi bên rộng khoảng 20 thước dành cho người đi bộ. Vào ngày thường mà thấy người ta đi lại tấp nập, có đứa em nói, vào cuối tuần hay ngày lễ người ta chen chúc nhau như nêm cối. Có hai hàng cây cao lớn chạy dọc hai bên đường, hai hàng cây này được cắt xén thẳng

băng, trong giống như bức tường bằng cây xanh mướt.

Champs Elysees là con đường lừng danh trên thế giới, những cửa hàng nổi tiếng bậc nhất đều có mặt tại nơi này : Louis Vuitton, Hermes, Hugo Boss, giầy Italy, đồng hồ Omega, Cartier... Có các cửa tiệm nhỏ bày bàn ghế ra vỉa hè, cho khách ngồi nhấm nháp cốc bia hay tách cà phê. Có lẽ hơn 100 năm trước khi người Pháp vào Việt Nam, họ đã mang theo tập tục ngồi la cà hàng quán sau giờ làm việc, rồi để lại tập tục này cho người Việt chúng ta mãi cho đến bây giờ. Sài Gòn vào buổi chiều sau giờ tan sở, người người ngồi ken đầy trên các lề đường hay bờ kè có các quán nhậu hay quán cà phê.

Dân Paris ăn mặc rất lịch sự, đàn ông veston cà vạt, đàn bà cũng vest cũng đầm trông rất thanh lịch. Điều làm cho tôi ngạc nhiên là hầu hết phụ nữ Pháp có dáng người thanh mảnh. Tôi nói hầu hết vì suốt buổi chiều dạo chơi, tôi chớ hề thấy ai có dáng người «phì nhiêu» quá cỡ như phụ nữ bên mình. Gương mặt phụ nữ Pháp vừa xinh đẹp vừa thanh tú, trời đã vào Xuân Hè, ở Tây hay ở Mỹ, phụ nữ đều giống nhau ở một điểm là họ ăn mặc «show hàng» rất tươi mát. Phụ nữ Tây phương nói chung, họ quan niệm rằng «show hàng» là để nhằm phô trương cái đẹp, chứ không phải để khêu gợi dục tình (điều này do các ông tưởng tượng ra mà thôi) Cho

nên ai thích ngắm thì xin mời tự nhiên, họ không e dè ngượng ngập gì hết.

Ô kìa ! tôi có thấy mấy cô vừa đi trên đường hay ngồi trong quán, có cô vừa nói chuyện vừa che miệng ngáp. A ha ! có thế chứ, ở cái đất ngàn năm văn vật này phải hành xử như thế chứ. Sao tôi lại chú ý đến điều này ? Bởi lẽ tôi làm nghề Nail, cầm tay phụ nữ Mỹ đã ròng rã trên 20 năm rồi, ngồi trước mặt tôi đã có hàng ngàn quý bà, hàng ngàn quý cô. Trong số đó, đã có người há miệng ra ngáp, và tôi cũng chắc chắn một điều là tôi chưa hề thấy có người phụ nữ Mỹ nào khi ngáp, họ lấy tay che miệng, họ đã ngáp trước mặt tôi một cách vô tư. Tôi tự hỏi, các quý bà này không có thói quen lịch sự khi ngáp, hay là họ cho rằng tôi chỉ là một tên «cò ke lục chốt» không đáng quan tâm nên không cần phải làm thế. Thật là, «ở chốn nhân gian không thể hiểu...» (thơ Du Tử Lê).

Đại lộ Champs Elysees, là một nơi chốn gây cho tôi nhiều ấn tượng. Trong dòng người tấp nập kia, ngoài người Tây chiếm đa số, còn có người Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ và rất nhiều sắc dân khác, nhưng không hề thấy bóng dáng người Việt nào, ngoài đám chúng tôi. Còn có một sắc dân đặc biệt mà tôi thấy rất nhiều ở đây, đó là người Hồi giáo Bắc Phi. Đàn ông xứ này,

ông nào cũng để râu, gương mặt khô cằn sỏi đá. Đàn bà lại có nước da trắng mai mái, khuôn mặt bầu bĩnh, mũi to, lông mày rậm đen, gương mặt có vẻ hiền hiền ngơ ngác. Hiện nay họ không được quyền bịt mặt khi ra đường, nhưng khăn trùm đầu thì bất biến. Họ mặc áo dài lụng thụng, không thấy eo co đồi núi chi hết. Theo tôi, (không biết có chủ quan hay không ?) áo dài của họ không có chút thẩm mỹ nào cả, so với áo dài Việt Nam thì kém xa lắm.

Cuối đường Champs Elysees là Khải Hoàn Môn, một biểu tượng khác của nước Pháp. Tôi đã nói rồi mà, người Pháp rất «nghề» trong việc xây dựng biểu tượng quốc gia. Du khách tập trung nơi đây rất đông đảo, họ ngắm nhìn một ngọn lửa vĩnh cửu được đốt cháy suốt ngày đêm, nhằm tưởng nhớ đến các Chiến sĩ Vô danh, đã nằm xuống cho sự vinh quang của nước Pháp. Trên tường phía trong Khải Hoàn Môn, có khắc rất nhiều tên danh nhân, tôi đọc mãi mà không biết một ai cả.

Sáng hôm sau, chúng tôi kéo nhau ra thăm khu Quận 13. Nói tới Cộng đồng người Việt tại Mỹ, người ta nói tới khu Little Saigon ở Nam Cali, khu Bellaire ở Texas, khu Eden ở Virginia... và khi nói tới người Việt tại Pháp người ta nói khu Quận 13 này đây. Ô kìa ! sao khu vực này trông cũ kỹ lắm, các bảng hiệu được trình bày thiếu

thẩm mỹ và có vẻ cẩu thả, nhìn chung khung cảnh trông có vẻ bề bộn và nhếch nhác.

Nơi đây không có chợ Việt Nam, mà chỉ có chợ Tàu tên là Tang Frere và Paris Store. Chúng tôi bước vào chợ Paris Store xem thử, khi vừa bước vào bên trong, một mùi hôi kỳ lạ xộc thẳng vào mũi, nhưng chỉ vài phút sau thì mùi hôi biến mất. Mùi gì nhỉ ? Ngôi chợ cỡ trung bình, hàng hóa không phong phú cho lắm, nếu so với mấy ngôi chợ VN ở bên Mỹ thì còn kém xa, ngôi chợ này chẳng có gì hấp dẫn.

Chúng tôi đi dạo ra phía ngoài, và đi vào một khu mua bán nhỏ, cũng có tiệm vàng, tiệm cắt tóc, tiệm bán đồ trang trí trong nhà thuộc loại rẻ tiền, có gặp tiệm Paris By Night được lập ra từ lúc khởi đầu. Chúng tôi chỉ đi tới đó rồi trở ra, vì nhìn khung cảnh èo uột quá, không còn muốn đi xem nữa.

Cuối cùng chúng tôi kéo vào một nhà hàng Việt Nam, khách khứa ngồi nói chuyện ồn ào, có ông còn thản nhiên hút thuốc. Tôi gọi món phở để xem phở ở quận 13 ra sao. Các em, các cháu, kẻ thì gọi cơm sườn, đứa thì gọi cơm bò lúc lắc... Tô phở bưng ra tôi thấy mà hỡi ơi, tô phở khá lớn nhưng trên mặt để lèo tèo vài lát thịt bò, nước phở đục chứ không trong, gắp ăn vài đũa, tôi nghĩ tiệm này mà mở bên Cali chắc dẹp tiệm sớm. Giá

tô phở lúc đó rất đắt, 9 Euro (tương đương với 12.5 đô Mỹ) Giá một dĩa cơm sườn còn cao hơn nữa lên đến 12 Euro, đứa em ăn vài muỗng cơm sườn rồi bỏ ngang vì khó nuốt quá.

Thế đấy, chỉ là đi dạo «cưỡi ngựa xem hoa», cho nên không biết là tôi đã có nhận xét sai lầm hay không nữa? Nhưng cuối cùng đọng lại trong lòng tôi là khu quận 13 này làm tôi khá thất vọng (lời thật thường mích lòng, xin lỗi bà con bên Pháp vậy).

Rời khu quận 13, chúng tôi đến thăm cung điện Versailles, một cung điện khổng lồ, cực kỳ xa hoa tráng lệ, mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Lạ thật, nước Pháp cái gì cũng nhỏ xíu nhưng cung điện thì lại to đùng. Tôi được biết ông vua Louis nào đó, đã vắt kiệt sức dân để xây nên cung điện này, cung điện to gấp hai lần Dinh Độc Lập của Sài Gòn và to hơn tòa Nhà Trắng của Tổng Thống Mỹ. Ông vua này chắc thuộc dòng họ «Nổ», nên đã xây dựng cung điện nhằm hù dọa và lấy le với các nước láng giềng. Cũng may trong Lịch sử Việt Nam không có ông vua nào như thế cả. Hầu hết các vị vua VN đều thương dân như con đẻ, «Dân chi Phụ Mẫu», nên họ không nỡ bóc lột mồ hôi và xương máu của dân, để xây nên những cung điện nguy nga như thế này.

Ngày hôm sau, chúng tôi từ giả Paris để đến thăm một người bạn thân hiện cư ngụ tại thành phố Strasbourg. Đường từ Paris đi Strasbourg dài 500 cây số, các em tôi phóng xe rất nhanh nên chỉ gần 4 tiếng là tới nơi. Khung cảnh 2 bên đường cũng giống y như hôm trước, cũng toàn là cánh đồng bất tận, không có chỗ nào bỏ hoang cả. Theo GPS xe chạy tới tòa chung cư nơi Thành bạn tôi ở. Một cậu em bước xuống đi dáo dác tìm chỗ đậu xe, bỗng nghe tít từ trên cao một giọng nói ồ ề vọng xuống : « Ê ! ê !, có phải Việt Nam không ?» Đám đầu đen chúng tôi biết đích thị là phe ta rồi. Tôi ùa ra khỏi xe và kêu lên mừng rỡ. Thành vội vàng chạy xuống, chỉ chỗ đậu xe, rồi hướng dẫn mọi người lên lầu bằng thang máy nhỏ tí, thang máy chứa tối đa được 4 người với điều kiện đi tay không, và phải đứng nghiêm thẳng đứng nếu không dễ chạm vào người bên cạnh.

Căn hộ nhà bạn tôi ở tít trên tầng 5, mỗi căn đều có một bảng đồng khắc tên chủ nhà. Lâu ngày gặp lại bạn sau 30 năm xa cách, thời gian thật kinh hãi, bạn bây giờ nhỏ rút lại trông gầy nhom, mặt mày nhăn nhúm như ông lão dầu chỉ ngoài 60. Thế hệ chúng tôi «cùng một lứa bên trời lận đận», đều bị phong ba bão táp cuộc đời, cho nên đều tàn tạ như vậy hết. Sau khi đi Tù Cải tạo về, bạn đi vượt biên, và qua Pháp định cư từ năm 1982, ở một chỗ duy nhất là Strasbourg.

Mọi người vào trong nhà, ngồi quây quần quanh cái bàn rộng trong phòng khách, nơi đây cũng có bàn thờ ông bà và một tủ sách nhỏ. Nhà có 4 phòng ngủ và một phòng khách nên được gọi là nhà F5 (tôi cũng không hiểu sao nữa) Thức ăn được chị Thành bày sẵn ê hề trên bàn, cũng có lẩu thập cẩm, vịt quay, mì xào dòn... Thành hứng chí nói cười huyên thiên, vẫn còn giọng nói của dân nhà binh ồn ào như lệnh vỡ, bia được rót tràn đầy cuộc hạnh ngộ nào mà không vui. Đường xa khiến chúng tôi mỏi mệt và đói bụng, nên xáp vô ăn uống tưng bừng.

Sáng hôm sau, Thành và cậu con trai út 19 tuổi, dẫn chúng tôi đi thăm Strasbourg. Bạn nói thành phố này sát biên giới với Đức, nên có lối kiến trúc giống hệt bên Đức (lạ nhỉ !) Chúng tôi lên thuyền chạy dọc trên sông để ngoạn cảnh thành phố, hai bên bờ sông là những ngôi nhà to lớn xinh đẹp, cảnh trí mơ màng lãng đãng. Ủa, sao thành phố gì vắng tanh vắng ngắt vậy cha ? Bạn nói, nước Pháp vào cuối tuần, hầu hết đều đóng cửa, chợ búa chỉ mở cửa đến thứ bảy, chủ nhật cũng đóng luôn, chỉ còn có nhà hàng là mở cửa. Lạ nhỉ ! bên Mỹ không có như thế đâu, làm việc quần quật từ ngày này sang ngày khác, «làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm» (câu này sao nghe quen quen !) Chúng tôi lại lên xe điện chạy vòng quanh, thành phố sạch bóng, cảnh

trí rất đẹp, người và xe đi lại thưa thớt và chậm rãi nên không khí trông nhàn hạ và yên bình.

Chúng tôi trở lại nhà, ăn bữa cơm từ giả gia đình bạn tôi. Cuộc hạnh ngộ nào rồi cũng tới hồi kết thúc. Lần chia tay trước của chúng tôi kéo dài 30 năm, còn lần này... không sao biết trước được, bởi lẽ dòng sông nào cũng trôi mãi miết theo lối riêng của mình.

Về lại Lyon, sáng hôm sau Dì đưa chúng tôi đi thăm viếng mấy ngôi chợ gần nhà, đi bộ cũng tới được. Có ngôi chợ Tây kề bên tên Carrefour, nhìn bên ngoài thấy ngôi chợ rất đẹp và bề thế. Khi bước vào bên trong, tôi cảm thấy hình như chợ Tây lớn hơn chợ Mỹ. Ngoài khu thực phẩm, còn có hàng loạt cửa hàng bán đủ thứ nằm ở bên trong chợ. Người đi chợ tấp nập đông đúc hơn bên Mỹ. Đặc biệt là chỗ quầy bánh mì, quầy to lớn lắm, bán đủ loại bánh mì, phần lớn là bánh mì baguette. Loại bánh mì này tôi đã ăn liên tục mấy ngày qua, mùi vị rất thơm ngon, thơm ngon đến nỗi hình như tôi thấy chưa nơi nào có trên đất Mỹ. Không lẽ, người Pháp có bí quyết riêng để đặc chế ra loại bánh mì này hay sao ? hay là lúa mì trồng trên đất Pháp mới tạo ra hương vị riêng cho loại bánh baguette này. Lạ một điều nữa, tôi thấy người Pháp thích ăn bánh mì hơn người Mỹ. Tôi đứng ở quầy bánh, thấy người ta mua bánh tấp nập. Còn

bên Mỹ quầy bánh thưa thớt hơn nhiều. Trên đường đi, cứ đi một quãng lại thấy có một tiệm bánh mì. Lạ thật !

Rời chợ Tây, chúng tôi đáo qua chợ Tàu cũng gần đó, chợ này cũng thuộc hệ thống chợ Paris Store. Bước vào chợ tôi lại ngửi thấy mùi hôi đặc trưng, mà tôi đã ngửi thấy ở ngôi chợ trên Paris mấy hôm trước (tới bây giờ tôi cũng hiểu cái mùi gì, hay là một mùi hôi tổng hợp chăng ?) Lần này tôi đi dạo quanh, và chú tâm quan sát kỹ lưỡng hơn. Tôi cầm bịch rau muống lên xem, rau muống được chuẩn bị sạch sẽ và cho vào bịch cẩn thận. Khi nhìn giá tiền tôi thấy khiếp hồn, 1Kg rau muống giá 11 Euro bằng 15 đô Mỹ bằng 300 ngàn tiền VN. Một củ sắn (củ đậu) giá 1.8 Euro. Nói chung thứ gì cũng mắc kinh khiếp. Tôi nhớ lại mấy ngày qua, tôi đã thấy một dĩa beef steak loại thường giá 18 Euro, xăng giá 1.5 Euro cho một lít bằng 2 đô cho một lít (hay 8 đô cho một gallon) Một cái áo pull Cá sấu giá từ 80 cho đến 110 Euro cho một cái. Với con mắt của người Mỹ, tôi không hiểu sao dân Pháp lại chịu đựng nổi những con số khủng khiếp như thế này.

Ôi ! nước Mỹ của tôi, về một phương diện khác (tôi thở dài !) cũng đâu có thua kém gì. Bà vợ tôi bị dao cắt sâu vào ngón tay, không cầm máu được, vội vàng chạy đến Phòng Cấp Cứu, chữa trị đâu khoảng 15 phút, tính

tiền hóa đơn 1300 đô. Bạn tôi đi thông tim, không biết bằng kiểu gì, bịnh viện họ tính 40 ngàn đô. Người khác đi mổ sạn túi mật giá 45 ngàn đô. Những con số nghe cũng khiếp hồn không kém !

À ! té ra là thế, tôi hiểu rồi, «đi một ngày đàng học một sàng khôn» là đây. Nước Pháp đã đánh thuế thật nặng vào hàng hóa tiêu dùng, và ngay cả thực phẩm cũng phải chịu thuế cao chứ không free như ở Mỹ. Rồi Nhà Nước dùng số tiền đó chi dùng cho trợ cấp xã hội, đặc biệt nặng nề nhất là trợ cấp về y tế. Ở Mỹ các loại trợ cấp này cũng có nhưng không nhiều, mọi người phải tự bỏ tiền ra mua bảo hiểm y tế (mua hay là chết!) Nhưng ngược lại hàng hóa giá rẻ hơn bên Pháp rất nhiều, thực phẩm lại được miễn thuế. Được cái này mất cái kia, nhưng hình như tôi cảm thấy dân Mỹ thích cái «way» của nước họ hơn.

Sau nhiều ngày thăm viếng loáng thoáng nước Pháp, tôi «lờ mờ» có cảm tưởng rằng. Hình như người Việt ở Pháp, họ biết «enjoy» cuộc đời hơn người Việt ở Mỹ. Người dân chỉ làm việc có 35 giờ một tuần, cho nên họ có nhiều thời gian hơn để săn sóc gia đình của họ, và cũng có nhiều thời gian hơn để vui chơi giải trí, hay để sống cho chính bản thân mình. Cuối tuần họ í ới gọi nhau tụ họp lại, góp tay nấu nướng ăn uống với nhau,

hay đánh bài, ca hát, khiêu vũ, xem phim... Một năm họ có đến 5 tuần vacation, thường thường gia đình mấy đứa em tôi, rủ nhau kéo về bờ biển ở miền Nam nước Pháp, thuê nhà ở sát biển, rồi hàng ngày đi câu cá, mò tôm, bắt ốc... sống hoang dã một vài tuần thiệt thoải mái. Cả hai vợ chồng nếu cùng đi làm, chỉ là công nhân bình thường thôi, cũng mua được nhà, được xe, cũng du lịch đó đây. Họ cũng than thở là bị nhà nước đánh thuế nặng quá, nên cũng không dư dả gì nhiều, nhưng bù lại họ không sợ gì cả khi phải ốm đau vào bịnh viện.

Có bữa chú em chở chúng tôi ra thăm một cái hồ rất lớn ở Lyon, vào dịp cuối tuần. Nơi đó quần tụ rất đông người, có thể lên đến cả ngàn người, phần lớn là người Việt-Miên-Lào. Họ tổ chức picnic từng nhóm với nhau. Họ nướng thịt, ăn uống, ca hát, chơi thảy bi sắt, đánh bài, nhậu nhẹt, có người lại nằm võng đong đưa. Có người mang rau trái trong vườn đi bán dạo. Không khí rất nhàn nhã ung dung. Nhìn ngắm khung cảnh này một hồi, tôi chợt nghiệm ra rằng, người Việt tại Pháp có thể không có đời sống giàu có sung túc như ở Mỹ, nhưng họ cảm thấy sống như vậy là quá hạnh phúc rồi, bon chen kiếm tiền vất vả cuối cùng rồi cũng chẳng ích lợi gì, nếu không biết hưởng thụ cuộc sống. Tri túc, tiện túc, đãi túc, hà thời túc... biết đủ là đủ, chờ cái đủ đến, biết đến bao giờ.

Chào tạm biệt nước Pháp, mai kia những lâu đài cung điện, những khung cảnh nguy nga tráng lệ sẽ mờ dần đi. Nhưng những tấm lòng hiếu khách của người thân của bạn bè đã dành cho chúng tôi, sẽ còn mãi trong lòng.

Ngô Đình Châu

Chuyện Ba Thành Phố

Trần C. Trí

Với bài «Hành Trình Văn Hóa Việt tại UC Irvine», tác giả đã nhận Giải Việt bút Trùng Quang 2016. Ông tốt nghiệp cử nhân về Ngôn Ngữ Học tiếng Tây-Ban-Nha tại UC Irvine. Sau 5 năm rời trường để theo học tại UCLA, tốt nghiệp với hai bằng cao học và tiến sĩ về ngành Ngôn Ngữ Học các thứ tiếng gốc La-Tinh, ông trở lại trường cũ và trở thành người đầu tiên giảng dạy chương trình tiếng Việt, văn hoá Việt tại UC Irvine từ năm 2000 cho tới nay. Sau khi nhận giải Việt Bút Trùng Quang 2016, tác giả vẫn tiếp tục góp thêm bài viết về nước Mỹ. Bài mới của ông, tuy không phải chuyện nước Mỹ nhưng là chuyện trong lòng người Việt tị nạn cộng sản tại Mỹ thường nghĩ tới, được viết về việc Saigon bị đổi tên với lời ghi trân trọng : Để kỷ niệm 30 năm ngày Quốc Hận 30 tháng Tư trên đất Mỹ.

Khi đặt tên cho bài viết này, tôi lấy cảm hứng từ tựa đề của cuốn tiểu thuyết A Tale of Two Cities (tạm dịch là Chuyện hai thành phố) của Charles Dickens (1859). Tuy nhiên, sự giống nhau của cuốn tiểu thuyết và bài viết này dừng lại ở tựa đề, còn nội dung của hai bên thì hoàn toàn khác nhau. «Chuyện hai thành phố»

của Charles Dickens nói về hai thành phố Luân Đôn và Paris cùng số phận của nông dân trong thời kỳ cách mạng Pháp; còn «Chuyện ba thành phố» nói về số phận của ba thành phố thuộc về ba nước cộng sản trên thế giới. Hai trong số ba nước này ngày nay không còn là cộng sản nữa.

Thành phố thứ nhất mà tôi muốn nhắc đến là St. Petersburg, thành phố lớn thứ nhì của nước Nga ngày nay. Tên gọi này có nghĩa là «thành phố mang tên thánh Phê-rô», dựa theo Chính thống giáo của người Nga và nhiều nước Đông u khác. St. Petersburg được Đại đế Peter thành lập vào năm 1703 và trong mấy trăm năm trời đã hai lần được chọn làm kinh đô của đế quốc Nga thời đó. Trong lịch sử, St. Petersburg đã thay đổi tên nhiều lần. Vào năm 1914, thành phố này được đổi tên thành Petrograd, có lẽ là để «Nga hoá» phần nào cái tên này. Lý do là chữ «burg» (thành phố) trong tên gọi đầu tiên có gốc từ tiếng Đức (mặc dầu cũng đã được dùng như một chữ Nga chính thức là «burg», trong khi hậu tố «grad» là từ danh từ «gorod» - cũng có nghĩa là thành phố - mới thật là chữ Nga chính gốc. Ít lâu sau khi cuộc cách mạng vô sản thành công ở Nga, Petrograd lại bị đổi tên thành Leningrad vào năm 1924, mang tên của lãnh tụ xô-viết mà có thời văn nô Tố Hữu đã «trìu mến» đặt vào hai câu thơ (và đặt vào miệng trẻ em vô tội) :

«Ông Lê-nin ở nước Nga, mà em lại thấy rất là Việt Nam» ! Như vậy là Petrograd đã bị bức tử và hoá thân thành một lãnh tụ cộng sản, nguồn cơn của nhiều chế độ cộng sản sắt máu sau này. Cũng cần mở dấu ngoặc ở đây để nhận xét rằng thủ đô của Hoa Kỳ cũng mang tên vị tổng thống đầu tiên của của xứ sở là (George) Washington, nhưng đó là do sự đồng lòng của quốc hội để vinh danh người thực sự đáng tôn xưng là «vị cha già dân tộc». Tổng thống Washington được chọn lựa qua bầu cử dân chủ chứ không như ai kia ở Việt Nam nghiễm nhiên nhảy lên làm cha già dân tộc và trở thành chủ tịch nước mà chẳng cần ai bầu bán gì cả !

Trở lại với Leningrad. Thành phố này đã mang một cái tên do bức bách mà ra suốt nhiều thập niên ròng rã trong Liên Bang Xô-Viết. Cho đến năm 1991, khi chế độ cộng sản sụp đổ ở Liên Xô cùng sự tan rã của liên bang này, St. Petersburg được hồi sinh, lấy lại cái tên ban đầu từ mấy trăm năm trước, theo như ý nguyện của người thành lập ra nó và của những người dân không bao giờ quên nguồn gốc hào hùng của thành phố này.

Thành phố thứ hai trong câu chuyện của chúng ta là Chemnitz, ở Cộng Hoà Liên Bang Đức. Đây là một thành phố được thành lập từ rất xa xưa (1143). Tên của thành phố được đặt theo dòng sông Chemnitz, có nguồn

gốc từ một ngôn ngữ Slavic và có nghĩa là «đá».

Chemnitz nằm ở phía đông nước Đức nên khi cộng sản chiếm chính quyền và thành lập nước Cộng Hoà Dân Chủ Đức (Đông Đức), đối nghịch với Cộng Hoà Liên Bang Đức (Tây Đức), thành phố này cũng chịu chung số phận như St. Petersburg ở Nga. Bốn năm sau khi cộng sản lên nắm quyền ở phần đất phía đông nước Đức, (1949-1953), Chemnitz bị đổi tên thành Karl-Marx-Stadt (có nghĩa là thành phố mang tên Karl Marx). Rõ ràng đây là một sự sao chép không biết ngượng của những người cộng sản Đức, hùa theo những người cộng sản Nga trong việc áp đặt tên của một người vào một thành phố có hàng trăm năm lịch sử mà chẳng buồn đếm xỉa gì đến ý nguyện của người dân.

Số phận của Chemnitz, tuy vậy, cũng có phần khác với St. Petersburg. Có thể nói rằng thành phố này «đi sau, về trước» so với St. Petersburg. Nó bị đổi tên muộn màng hơn St. Petersburg đến hàng chục năm, nhưng lại «về trước» đàn chị khi được hân hoan lấy lại cái tên nguyên thuỷ là Chemnitz vào năm 1990, lúc bức tường ô nhục Bá Linh hoàn toàn sụp đổ, đánh dấu sự khởi đầu cho những sụp đổ của các chế độ cộng sản khác ở Đông u trong một thời gian ngắn sau đó.

Thành phố thứ ba trong câu chuyện này chính là thành phố Sài Gòn ở miền nam nước Việt, thành phố lớn nhất Việt Nam ngày nay. Trước khi được sát nhập vào lãnh thổ Việt Nam trong thế kỷ thứ 17, thành phố này nguyên là một hải cảng của người Miên và có tên gọi là Prey Nokor (có nghĩa là vương quốc rừng trong tiếng Khmer). Tên gọi của Sài Gòn được diễn giải bởi nhiều giả thuyết khác nhau, dựa vào chữ Miên hay chữ Hán. Một trong những giả thuyết giải thích rằng «Sài» có gốc từ tiếng Hán (柴), có nghĩa là «củi, cành», còn «Gòn», cũng từ tiếng Hán (□ž), có nghĩa là «cây, gậy». Cũng theo giả thuyết này, chữ «Gòn» dần dà phát triển thành nghĩa «bông, bông gòn». Như vậy, hai chữ «Sài Gòn» có nghĩa là «cây bông gòn». Sự giải thích này nghe cũng có lý, vì ngày xưa vùng Prey Nokor có trồng rất nhiều loại cây thuộc họ gòn, có tên tiếng Miên là «kapok».

Ngay từ những ngày đầu, dù sinh sau đẻ muộn, Sài Gòn đã là một thành phố độc đáo về nhiều mặt. Trong thời kỳ Pháp thuộc, Sài Gòn được chọn làm thủ phủ của xứ Nam kỳ thuộc địa và là một trung tâm kinh tế và văn hoá của cả Liên bang Đông Dương. Sài Gòn đã được biết đến trong vùng là «Hòn ngọc Viễn Đông» (La perle de l»Extrême Orient, như người Pháp gọi).

Suốt hai mươi năm dưới chế độ cộng hoà, Sài Gòn là thủ đô hoa lệ của miền Nam Việt Nam, là niềm hãnh diện của nước Việt Nam Cộng Hoà. So sánh giữa Sài gòn và Singapore vào cuối thập niên 1950, thủ tướng của Singapore thời đó là Lý Quang Diệu (1923-2015), đã đưa ra một so sánh giữa Singapore và Sài Gòn trong bài nói chuyện về sự phát triển của đất nước mình trong một lần viếng thăm đại học Harvard ở Hoa Kỳ vào năm 1971, nguyên văn như sau : «If one looked at Saigon and Singapore in 1954, one would have said Singapore was the goner, not Saigon.» (tạm dịch Nếu chúng ta nhìn Sài Gòn và Singapore vào năm 1954, chắc chúng ta sẽ cho rằng chính Singapore chứ, không phải Sài Gòn, mới là một thành phố chết»). Tuy ông dùng sự so sánh này để tôn vinh thành tích của Singapore vào thời điểm của bài nói chuyện (1971), chúng ta cũng thấy được Singapore đã nhìn Sài Gòn bằng cặp mắt kính phục như thế nào trong quá khứ.

Vào ngày 30 tháng Tư năm 1975, Sài Gòn bị bức tử, khi quân xâm lược Bắc Việt cộng sản phối hợp với lực lượng du kích của cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng miền Nam tiến vào chiếm thành phố. Một năm sau, năm 1976, Sài Gòn bị tức tưởi mang tên Thành Phố Hồ Chí Minh. Lại một sao chép vụng về và trơ trẽn của những kẻ cầm quyền ở Hà Nội, theo chân đàn anh Liên Xô và

Đông Đức.

Ngẫm cho cùng, không phải nước cộng sản nào cũng làm điều này. Đa số các nước cộng sản còn lại trong thời kỳ cực thịnh của chủ nghĩa cộng sản vẫn giữ nguyên tên thủ đô hay thành phố lớn của họ chứ không áp đặt tên lãnh tụ lên những thành phố đó. Thủ lãnh của mỗi nước cộng sản đều là những tay độc tài chuyên chế. Họ có thể đàn áp hay nói nặng hơn là đè đầu cưỡi cổ người dân trong nước. Tuy vậy, họ vẫn còn tỏ ra tôn trọng một điều thiêng liêng của đất nước họ : Đó là lịch sử lâu đời của quốc gia, dân tộc họ. Tên gọi của thủ đô hay của những thành phố lớn trong một nước thường gắn liền với lịch sử, với vận mệnh của quốc gia và dân tộc đó. Những tên gọi đó cũng như là một phần máu thịt của dân, của nước. Những nước cộng sản sắt máu nhất như Trung Cộng hay Bắc Hàn, có những lãnh tụ dường như không có trái tim con người, thế mà họ cũng tỏ ra biết trân quý lịch sử của quốc gia họ. Nhóm cầm quyền của hai nước này cũng biết giá trị lịch sử của những cái tên như Bắc Kinh (mà không sỗ sàng đổi thành Thành Phố Mao Trạch Đông chẳng hạn), hay như Pyongyang (mà không ngang ngược đổi thành Kim-Il-Sung City).

Ấy vậy mà những «kẻ chiến thắng» trong cuộc chiến tranh Việt Nam đã ngang nhiên ngồi xổm trên lịch sử, sẵn sàng khai tử tên của một thành phố đã đem lại niềm hãnh diện cho cả dân tộc, để thay thế bằng tên một kẻ có trong danh sách đen của những tên tội đồ trên thế giới. Những kẻ thắng trận đã vênh váo, hiu hiu tự đắc, áp đặt cái tên gọi mới kệch cỡm lên thành phố Sài Gòn, mà không biết rằng đã tự vạch trần chân tướng của mình qua hành động vô ý thức này. Đó là chân tướng của những kẻ võ biền, thiếu hiểu biết. Họ đã bức hại lịch sử của chính họ, và đồng thời cũng cho cả thế giới thấy rõ họ là những người như thế nào. Họ là những người mang tiếng là đứng đầu một quốc gia, một dân tộc, nhưng lại xử sự một cách không xứng đáng với địa vị của mình.

Nhìn lại lịch sử của hai thành phố St. Petersburg và Chemnitz, chúng ta có thể dễ dàng thấy rằng lịch sử sẽ lặp lại với Sài Gòn. Học lịch sử để làm gì nếu không phải là rút ra những bài học quý báu từ quá khứ để áp dụng vào hiện tại và tương lai ? Nhất định một ngày nào đó, Sàigòn sẽ lại là Sài Gòn như bấy lâu nay.

Khác với người Nga lưu vong hay người Đông Đức, dân miền Nam tị nạn cộng sản tại Hoa Kỳ đã đặt tên cho thủ phủ tị nạn của người Việt tại Quận Cam, California

cũng như tại nhiều khu phố Việt ở các tiểu bang khác là Little Sài Gòn. Từ hải ngoại, cũng đã có «Phong Trào Quốc Dân Đòi Trả Tên Sài Gòn» được thành lập vào năm 2006. Sẽ có nhiều phong trào tương tự nổi lên trong tương lai. Bằng cách này hay cách khác, Sài Gòn sẽ lấy lại cái tên nguyên thuỷ của nó, như St. Petersburg, như Chemnitz.

Cũng như hai chế độ cộng sản Nga-xô và Đông Đức, chế độ cộng sản ở Việt Nam rồi cũng sẽ sụp đổ. Nói theo giọng lưỡi của chính họ, đó là «quy luật tất yếu của lịch sử». Những kẻ cầm quyền bất hợp pháp ở Việt Nam hãy làm một điều cuối cùng để chuộc lỗi, trước khi sụp đổ. Đó là trả lại tên cho thành phố Sài Gòn.

Theo Phúc Âm Matthew 22 : 15-22, khi được hỏi rằng việc người Do Thái phải nộp thuế cho Caesar có hợp pháp không, Chúa Giê-su đã phán : «Hãy trả lại cho Caesar những gì của Caesar, và trả lại cho Thiên Chúa những gì của Thiên Chúa» (nguyên văn trong tiếng La-tinh là Reddite quae sunt Caesaris Caesari et quae sunt Dei Deo). (Chúa Giê-su nói như vậy vì thời đó đồng tiền có in hình của Caesar). Phần đầu của câu nói bất hủ này, Hãy trả lại cho Caesar những gì của Caesar, đã trở thành một thành ngữ được áp dụng một cách khái quát trong nhiều trường hợp tương tự, mà trường hợp của

Sài Gòn là một.

Vậy thì, tất cả những gì thuộc về Sài Gòn phải được trả lại cho Sài Gòn : Tên gọi nguyên thuỷ, niềm hãnh diện của một dân tộc, gợi lên nếp sống hiền hoà, êm đềm của một thành phố văn minh và vẻ tráng lệ của một nơi chốn lịch sử, cả về vật chất lẫn tinh thần.

Chỉ khi nào Sài Gòn đã lấy lại tên gọi ngày xưa của nó thì câu chuyện về ba thành phố St. Petersburg, Chemnitz và Sài Gòn mới thực sự được kể lại một cách trọn vẹn.

Trần C. Trí

30 Tháng Tư

Nguyễn Tài Ngọc

Tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2012, với những bài viết linh hoạt về đời sống tại Mỹ kèm theo hình ảnh tại chỗ do chính ông chụp. Nhiều bài và hình ảnh của ông hiện được phổ biến trên mạng internet, một số đã thành sách «Xin Em Tấm Hình» và tập truyện mới, «Bắc Kỳ». Sau đây là bài mới ghi chép sơ lược ngày 30 tháng Tư năm xưa.

30-4 là một ngày không một người Việt nào có thể quên. Phe thắng, chính quyền Bắc Việt, chọn 30-4 là ngày lễ ăn mừng. Phe thua, Việt Nam Cộng Hòa, với một số đông người Việt chạy tỵ nạn Cộng Sản sang định cư ở khắp các nước tự do trên thế giới, ghi thêm trên giấy những kỷ niệm hãi hùng của ngày 30-4.

Tôi rời Sài Gòn trong khi đang học lớp 11. Tôi vẫn còn giữ chiếc áo mặc ngày ra đi, (hình trên, bên trái)

Tôi cũng vẫn còn giữ nhiều giấy tờ, hình ảnh, tiền bạc mà tôi đã mang theo.

Bây giờ đọc lại thẻ căn cước làm ngày 20-2-1973, tôi mới biết lúc 15 tuổi tôi cao 1.57 mét (5.1 inch), nặng 34 kg (75 lbs). Nhờ cái thẻ căn cước đó tôi mới biết bây

giờ tôi quá phì lũ. 182 lbs (83 kg) ! Tôi mập hơn xưa gấp hai lần rưỡi. Trời đất quỷ thần thiên địa ơi !

Cùng với chiếc áo, tôi giữ lại những bản tin về Việt Nam sau tháng 4 1975. Thời đó, tôi cắt những bản tin này trong báo rồi dán vào một tập vở, giữ cho đến bây giờ. Tôi dịch lại vài bản tin đó để nhớ lại một quãng thời gian không thể nào quên :

Tựa đề bản tin 12-05-1975 :

NAM VIỆT NAM LÊN ÁN HOA KỲ VỀ VIỆC DI TẢN

12-May-1975 :

Chính phủ (Lâm thời) Nam Việt Nam lên án chính quyền Ford đã bắt buộc dân chúng Việt Nam di tản và bắt cóc trẻ con đem ra nước ngoài. Ủy ban Điều tra Tội phạm Chiến tranh Đế quốc Mỹ ngụy Gây ra mới tuyên bố lên án chính quyền Ford đã phạm tội với dân chúng Nam Việt Nam :

«Việc bắt cóc con nít và bắt buộc người lớn di tản từ nhà của họ vừa được giải phóng là vô nhân loại, bất hợp pháp, và phạm tội ác.»

«Hành động quá táo bạo này vi phạm luật pháp quốc tế căn cứ theo Hiệp Định Geneva năm 1949 là phải bảo vệ dân sự trong thời chiến, cấm đoán việc bắt buộc di tản,....»

«Chính quyền Hoa Kỳ đã phạm tội với dân chúng Nam Việt Nam, xâm phạm quy định của Tòa Án Quốc Tế tại Nuremberg, nhúng tay vào tội ác diệt chủng Hiệp Định Geneva ngày 9-12-1948 cấm cản».

- Ghi chú : «Bắt buộc dân chúng Việt Nam di tản ?» «Bắt cóc trẻ con ?» «Mỹ Ngụy phạm tội ác ?»... Đọc những lời lẽ này làm tôi nhớ lại ngày xưa sống ở Việt Nam tối ngày cứ nghe những lời nói quá láo khoét của người Cộng Sản.

Tựa đề bản tin :

ĐỜI SỐNG DỄ THỞ Ở SÀIGÒN ĐÃ CHẤM DỨT

Hãng thông tấn AP,

25-May-1975 :

... Hôm qua, thanh niên nam nữ xuống đường ở đường Tự Do lên án nhạc và văn hóa đồi trụy miền Nam, ảnh hưởng của Đế quốc Mỹ. Cuộc sống dễ thở của 3.5 triệu người Sài Gòn trong thời Mỹ viện trợ chấm dứt nhanh

chóng khi Cộng Sản bắt đầu siết gông cùm kiểm soát.

... Một việc xảy ra ngoài đường hôm Thứ Ba phản ảnh chính trị vẫn âm ỉ cháy : Tại quảng trường trước Quốc Hội cũ với bức tượng lính của VNCH xây cất đã bị giật sập đổ, một người vất vào đống rác ở đó một lá cờ Bắc Việt, một lá cờ Mặt Trận Giải Phóng miền Nam, rồi châm lửa tự thiêu.

Bộ đội Cộng Sản đến tịch thu một xấp lá thư người tự thiêu để lại, không cho đám đông biết nội dung là gì.

... Phim ảnh Tây Phương bị cấm chiếu. Nhà cửa người tỵ nạn bỏ chạy để lại bị tịch thu cùng với tất cả vật dụng. Lính bộ đội vào chiếm đóng khách sạn cùng nhà cửa của dân lành.

Tựa đề bản tin UPI :

VIỆT NAM CẤM, RA LỆNH ĐỐT SÁCH

Hãng Thông Tấn UPI, 1975 :

Cả trăm sinh viên xuống đường ủng hộ chiến dịch hủy diệt sách báo và băng thu thanh của chính quyền mới Sài Gòn.

Các nhật báo tiếng Việt và tiếng Hoa in chữ in lớn «Cấm bán và tàng trữ sách báo, băng thu thanh để thực hành việc hủy diệt vết tích của Đế quốc Mỹ và tay sai ngụy để lại.»

Những nhật báo này nói rằng các sinh viên sẽ thi hành chiến dịch hủy diệt tất cả sách báo của chế độ cũ để bắt đầu một nền tảng mới của cách mạng văn hóa.

Tất cả tiệm bán sách báo đã được lệnh đóng cửa, cấm bán sách báo chính quyền ngụy. Cả trăm nghìn người ở Sài Gòn đốt sách ở nhà để khỏi bị bắt về tội gìn giữ sách ngụy.

Phim ảnh Tây Phương bị cấm triệt để. Rạp ciné ở Sài Gòn chỉ chiếu phim Bắc Việt, hầu hết về chiến tranh.

Truyền đơn sinh viên phân phát in : «Chúng ta phải hăng say tham gia tiêu diệt văn hóa phản cách mạnh, nô lệ, và tồi bại của Mỹ Ngụy. Phim ảnh, sách báo đồi trụy, nhạc ủy mị của chế độ cũ là thuốc độc giết hại thế hệ thanh thiếu niên.»

Ghi chú : Nhạc «đồi trụy» của quân Ngụy cần phải hủy diệt năm 1975 bây giờ được dân chúng ưa chuộng số 1 từ Móng Cái đến Cà Mau, được ca sĩ gốc Bắc lẫn gốc Nam trình diễn khắp nơi từ Hà Nội đến Sài Gòn.

Tựa đề bản tin UPI :

1546 NGƯỜI TRỞ VỀ VIỆT NAM

Hãng Thông Tấn UPI, 28-Oct-1975 :

Hồng Thập Tự của Quân đội Giải Phóng loan báo một con tàu chở 1546 người Việt tỵ nạn khởi hành từ Guam đã cập bến ở Nam Việt Nam vào ngày 27-Oct, mặc dù chưa được phép hồi hương của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời.

Con tàu này tên là Việt Nam Thương Tín, rời Guam vào ngày 16-Oct. Hồng Thập Tự của Quân đội Giải Phóng đã gửi bác sĩ đến bến để chăm sóc cho những người cần y tế.

Một hành khách chết trên đường đi đã được thủy táng.

Hồng Thập Tự của Quân đội Giải Phóng lên án chính quyền Tổng Thống Ford ngoan cố không nghe lời cảnh cáo của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời nên đã có những hành động vô trách nhiệm với những người bệnh tật, già yếu, thai nghén trên tàu Việt Nam Thương Tín.

Phát ngôn viên Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời tuyên bố chấp nhận thuyền trở về Việt Nam vì lý do nhân đạo. Còn những người tỵ nạn khác được Mỹ di

tản nhưng muốn trở về Việt Nam thì phải nộp đơn xin phép. Mỗi trường hợp sẽ được xét xử riêng biệt.

Hồng Thập Tự của Quân đội Giải Phóng nói rằng hai phần ba người trên tàu trở về quê hương là «binh lính tay sai và công chức của chính quyền Ngụy.»

Ghi chú : Tháng Sáu 1975 gia đình tôi ở trại tỵ nạn ở Guam. Một ngày tôi có dịp chứng kiến một đám đông sau hàng kẽm gai la hét ầm ĩ, đốt lửa vài vật dụng. Lính Mỹ đến khống chế họ. Tôi hỏi thì mới biết những người này di tản đến Mỹ nhưng bây giờ muốn đòi trở về Việt Nam. Có một chiếc tàu to -Việt Nam Thương Tín- có thể dùng để họ lái về nước nhưng người Mỹ phải sửa soạn lương thực và xem xét tầu an toàn ra biển. Sự sửa soạn này làm việc đi về bị trì hoãn nên họ biểu tình phản đối Mỹ đình trệ.

Ai cũng biết hậu quả xấu số của những người ngu dại này khi trở về Việt Nam. (Tất cả đều bị lột truồng, kiểm soát tịch thu mọi vật dụng, sau đó tống vào trại tù cải tạo). Đã đến thiên đường Mỹ mà còn không biết !

Tựa đề bản tin :

SAIGON SỤP ĐỔ NHANH CHÓNG LÀM CỘNG SẢN NGẠC NHIÊN

New York Times, 1976

Tầng lớp lãnh đạo Cộng Sản không dự định là cuộc tấn công tối hậu vào VNCH năm ngoái sẽ đoạt lấy chiến thắng vĩnh viễn, rất ngạc nhiên là SaiGon sụp đổ quá nhanh chóng, căn cứ theo Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội Cộng Sản.

Tướng Văn Tiến Dũng nói khi nghe tin cả chục nghìn binh lính VNCH và dân sự bỏ chạy trong hoảng sợ từ miền Trung Pleiku, bắt đầu một cuộc rút lui vô trật tự, ông ta không tin là chuyện ấy lại có thể xảy ra : «Tại sao lại bỏ chạy ?» «Ai đã ra lệnh tháo quân ?»

Văn Tiến Dũng tiết lộ thêm những điểm sau đây :

- Sau khi bàn thảo chiến thuật từ 18-Dec-1974 đến 8-Jan-1975, Hà nội quyết định đánh Ban Mê Thuột trước.

- Lý do Ban Mê Thuột và các tỉnh vùng cao nguyên được chọn là khởi điểm bị tấn công vì tình báo CS cho biết Nguyễn Văn Thiệu nghĩ là CS sẽ đánh vào Tây

Ninh, do đó Thiệu tập trung quân ở Tây Ninh, chỉ để binh lính rời rạc giữ vùng cao nguyên.

- CS biết Tướng VNCH Phạm Văn Phú đoán lầm là CS sẽ tấn công vào Kontum và Pleiku, nên Phú chỉ giữ một Trung đoàn ở Buôn Ma Thuột.

- Văn Tiến Dũng đồng ý với lời phàn nàn của Nguyễn Văn Thiệu và người Mỹ ở VN là quyết định cắt giảm viện trợ làm VNCH không đủ sức đánh nhau. Dũng đoán sự cắt giảm này giảm súng ống đạn dược của VNCH đến 60%.

- Vào mùa thu 1974, trong khi bàn thảo quyết định tổng tấn công VNCH, các nhân vật lãnh đạo CS bàn cãi sôi nổi không biết Mỹ có nhảy vào vòng chiến nếu VNCH bị tấn công. Cuối cùng, Hà Nội quyết định cứ đánh vì nghĩ rằng Mỹ sẽ không tham gia vì vụ Watergate và kinh tế Mỹ đang đi xuống.

Ghi chú : Theo Frank Snepp, làm cho CIA với chức vụ Giám Đốc phân tích chiến lược Cộng Sản Bắc Việt, trong quyển Decent Interval (Khoảng Cách Vừa Đủ) thì khi Cộng Sản tấn công vào vùng Cao Nguyên, Thiệu quyết định bỏ miền Trung, rút quân vào Sài Gòn. Lý do không những để bảo vệ Thiệu chống quân Cộng Sản, mà Thiệu nghi ngờ phe Nguyễn Cao Kỳ nhân cơ hội đảo

chánh nên Thiệu cần quân đội thân cận bảo vệ mình.

Tựa đề bản tin :

ĐIỂM THI CỦA HỌC SINH MỸ THUA HỌC SINH TỴ NẠN

Oceanside (San Diego), 1976 :

Một giáo viên tiết lộ là chương trình giáo dục của Mỹ thất bại thảm hại sau khi khám phá điểm thi của học sinh tỵ nạn Việt Nam cao hơn học sinh Mỹ rất nhiều.

J. Paul Adkins, giáo viên dạy lớp Bốn ở Tiểu học San Luis Rey School nói : «Theo ý tôi, chương trình giáo dục của chúng ta (Hoa Kỳ) đang xuống dốc. Chúng ta có trách nhiệm nặng nề đã không đào tạo một nền giáo dục xuất sắc cho con em chúng ta.»

Adkins nói là ông tổ chức một kỳ thi cho 33 học sinh tỵ nạn Việt Nam và 100 học sinh Mỹ. Về môn Toán, nhóm học sinh Việt Nam làm 93% đúng, trong khi nhóm học sinh Mỹ làm đúng chỉ có 29%.

...Adkins nói là sau khi nói chuyện với tất cả các giáo viên trong trường, ông ta mới biết là học sinh tỵ nạn Việt Nam dẫn đầu học sinh Mỹ trong tất cả các môn, ngoại trừ mỗi một môn về tiếng Anh.

Ghi chú : Tôi sang Mỹ học lớp 12 ở Trung Học Hoover High, San Diego. Ở cấp Trung học, lối dạy của Mỹ khác với Việt Nam và các quốc gia Á Châu. Ở Việt Nam học sinh không có quyền chọn lựa môn học. Chương trình đã định sẵn, tất cả phải theo. Trong khi ở Mỹ học sinh có quyền chọn lựa. Bộ Giáo Dục ấn định số lượng «units» phải học xong nếu muốn tốt nghiệp Trung học.

Tôi nói thí dụ : Thí dụ Trung học ở VN khi học hết lớp 12 thì mọi học sinh đều phải học xong 30 units Hình Học, 30 units Lý Hóa... chẳng hạn. Nhưng ở Mỹ thì chỉ cần học xong tối thiểu 10 units Hình Học, 8 units Lý Hóa... Thành ra học sinh nào không thích môn Toán, Lý Hóa thì chỉ cần học units tối thiểu thôi (học sinh giỏi vẫn tiếp tục học hơn units đòi hỏi, 20, 30 units...).

Chính vì sự không bắt buộc này mà tôi nghĩ trình độ Toán, Lý Hóa, ngoại ngữ... của một học sinh lớp 12 của Mỹ có lẽ chỉ bằng trình độ của một học sinh lớp 10 của Việt Nam. Đây là lý do khi học sinh Việt tỵ nạn vào học Tiểu học, Trung học ở Mỹ thời bấy giờ, báo chí Mỹ thường đăng tải là học sinh tỵ nạn quá giỏi ! Ngoại trừ lớp sinh ngữ tiếng Anh, dĩ nhiên !

Những ngày tháng đầu tiên định cư ở Mỹ là thời gian «rầu thúi ruột», nhớ bạn học, nhớ láng giềng, nhớ trường lớp, nhớ xóm Bàn Cờ, nhớ bồ, và nhớ nhà. Để kết luận, tôi copy lại bài thơ «Nhớ Nhà» tôi làm ở những năm đầu tiên trên nước Mỹ (thơ trước tuổi đôi mươi) :

NHỚ NHÀ

ta ngồi đây bên ánh đèn mờ ảo,
trong đêm không, trong bóng tối chập chùng.
bao năm qua xa dấu chốn quê hương,
lòng lặng chết như màn đêm áo não.
ngày ra đi tấm lòng vang rộn rã,
rời quê hương, nơi bốc ngút chiến tranh,
nơi đau thương tràn ngập khắp thị thành,
nơi cửa nát nhà tan đầy khắp lối.
nơi con thơ khóc gào niềm mất bố,
nơi vợ hiền cay đắng ngắm xác chồng,
nơi mẹ già điên dại bên xác con,
nơi cháu nhỏ thững thờ bên xác cố.
để đến đây bên phương trời Mỹ quốc,
nơi tự do tràn ngập khắp mọi người,
nơi an lành ngự trị khắp muôn nơi,
nơi tương lai rực ngời như ánh đuốc.
tuy sung sướng tinh thần lẫn vật chất,
thế nhưng ta đã mất thật nhiều điều :

mất ngôi trường cũ rích nhưng đáng yêu,
mất những con đường cây dài, bóng mát.
mất tiếng rao bán hàng tang tảng sáng,
mất giọng cười trong trẻo chị bánh cam.
mất tiếng xe nổ giòn bác xe lam,
mất giọng nô đùa trẻ con trai gái.
ôi quê hương, biết bao giờ trở lại ?
ta ra đi không hẹn một ngày về.
sống ở đây như ngủ trong giấc mê,
khi tỉnh giấc, nhớ nhà, lòng tê tái.

Nguyễn Tài Ngọc

April 2018. Sài Gòn Ocean - Home

Hồng Nhan Bạc Lẻ

Mai Hồng Thu

Mai Hồng Thu là tên Việt của tác giả Donna Nguyễn/ Donna Nguyen. Với ba bút danh này, cô đã từng góp nhiều bài Viết Về Nước Mỹ và đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2013. Sanh tại Sài Gòn, sang Mỹ năm 1985, hiện là cư dân San Jose, California, tác giả đã dịch thuật và xuất bản 3 tập truyện ngụ ngôn dành cho thiếu nhi của Thornton W. Burgess dưới bút danh Nguyễn Nhã Đan Na (Nguyễn Donna). Sau đây là bài viết mới nhất của cô.

Nhi năm đó vừa tròn hai mươi tuổi, đủ tuổi vô vũ trường Mỹ ăn chơi nhảy nhót. Nhi theo chồng qua đây theo diện vợ chồng, nghe nói vừa đặt chân tới Mỹ là lập tức được thẻ xanh hai năm. Nhi đi học tóc mà trang điểm lòe loẹt và ăn mặc hở hang y như là đi nhảy đầm. Vì thế cho nên đám người học chung gồm đủ mọi lứa tuổi và thành phần không ai nhìn Nhi với ánh mắt thiện cảm. But Who care !!! Ai thèm quan tâm !!!! Và bạn cũng chẳng nên quan tâm làm gì, cứ tán dóc cho vui thôi nhé !

Vâng ! Who care chứ Nhi không quan tâm, Nhi rảnh quá đi học chơi vậy đó, bấm thẻ xong thì đú đa đú đớn cười đùa với hai cô bạn cùng trang lứa, cùng thân phận - chồng mới bảo lãnh qua.

Mà ngộ, Nhi ăn xài theo phong cách «nhà ở phố, bố làm quan « mà lại không ngại ngùng cho bà con biết là ông chồng bốn mươi hai tuổi của mình đang đứng bán ở quầy chặt thịt trong một siêu thị người Việt cách đó một con đường.

Bà con truyền tai nhau, chồng con Nhi hôm nay đang làm ở chợ đó đó, qua đó coi mặt không ? Xù xì xủ xỉ chán chê, cả đám chờ giờ giải lao, liền ùa nhau bấm thẻ chạy qua đó dòm mặt coi thằng cha nào xâm mình mà dám rước con nhỏ nhan sắc chỉ tàm tạm thôi, mà coi trời bằng vung này.

Cả đám học viên xí xọn đàn bà, đàn ông lẫn «đàn giữa» cứ đứng lố nhố gần quầy thịt chỉ trỏ :

- Đó đó, thằng cha đó đó !

- Phải cái ông có râu quai nón hơi mập đó không bà con ?

- Đâu đâu đâu, ông nào ông nào ?

- Nhìn cũng được đó chứ !

- Hả, tưởng gì, thằng cha này tui biết mà !

Coi chán rồi cả đám bỏ đi, ông chồng Nhi vẫn đứng chặt thịt tỉnh bơ không hề biết mình được nổi tiếng năm phút trước đó vì cái chuyện lấy vợ trẻ từ quê hương có đầy khế ngọt mang qua.

Chồng Nhi bộ vó nhìn cũng kha khá. So với những người đồng tuổi, anh ta nhìn còn tươi, trẻ hơn. Họ kể, anh ta làm ở hàng thịt một tháng lương khoảng chừng độ hai ngàn đô. Nhưng anh có điểm hấp dẫn ở phần được cha mẹ tặng cho hai anh em một căn nhà có ba phòng ngủ. Vợ chồng người anh ở một phòng. Anh ta ở một phòng. Phòng con lại dành cho người khác ở trọ. Tiền nhà thu được họ coi như để riêng trả tiền điện, nước và đổ rác linh tinh. Tiền lương làm ra cứ tha hồ mà ăn nhậu. Một lần rảnh rỗi, anh ta làm một chuyến về Việt Nam ăn chơi thả giàn cho biết người biết của với người ta. Được bao ăn chơi nên đám bạn bè cũ của anh mới rủ anh đi vũ trường tìm bạn chân dài. Nghệ thuật cua gái của Việt Kiều không cần học, chỉ cần nói là anh muốn đem em qua Mỹ là thành công liền. Lần đầu đi vũ trường là anh ta dính ngay cái «càng» của em Nhi nó «kẹp» qua tới Mỹ. Tới Mỹ Nhi thấy anh làm việc ngoài chợ mất mặt quá, nó mới thả để anh ta rảnh tay chặt thịt.

Nhi, ăn chơi từ thuở «tuổi mười bảy bẻ gãy sừng trâu». Gia đình Nhi cũng thuộc dạng bình thường đủ sống. Tuy nhiên, vì bận rộn kiếm ăn, họ để mặc Nhi đi chơi miết, không cần học hành cũng không cần kiếm việc. Cũng có thể họ mong con mình học được cách tìm một tấm chồng giàu như cái mốt đang thịnh hành khắp nơi như một phương pháp hay xóa đói giảm nghèo.

Ăn chơi cũng cần kinh nghiệm, xoè tay xin tiền cha mẹ chỉ đủ để cầm hơi, Nhi xáp vô bọn nhà giàu ăn ké. Hễ tối đến là họ tụ tập xách xe hẹn nhau ở một vũ trường gần nhà. Khi chơi chán thì họ nhảy qua vũ trường khác. Sài gòn nhỏ bằng cái bàn tay, có bốn, năm vũ trường xoay quần, dân nhảy cậu trai bao ăn chơi, nói tên ra thì ai cũng biết. Quán nào mở mấy giờ quán nào đóng mấy giờ, nhảy nhót thâu đêm chờ đuổi tụi nhóc này mới chịu tan đàn xẻ nghé về nhà ngủ dưỡng sức mai đi tiếp. Sài Gòn mở vũ trường cho ta đi nhảy mỗi đêm không cần chờ cuối tuần. Đứa con gái nào khôn lỏi, không tiền thì lạng lờ trước mặt mấy anh «Việt Kiều» chờ được bao. Em nào mà trúng mánh kẹp được một thằng làm bồ xong là bắt đầu đếm lịch chờ bảo lãnh. Gặp may mắn được bảo lãnh qua Mỹ sống cùng thành phố, họ gặp mặt lại là nhớ nhau liền. Họ sẽ hẹn hò ăn chơi tiếp thay vì hội nhập vào nếp sống mới xây dựng tương lai ổn định lâu bền.

Sang Mỹ, Nhi tưởng anh chồng ngon cơm ăn nhậu tối ngày còn em thì nhảy nhót thâu đêm, còn gì sướng bằng. Ai ngờ, ông chồng nhìn mặt tưởng dân chơi mà chạy cái xe phát ớn hồn giống thằng cha lơ chạy xe đò. Ngày ngày đi làm mười tiếng, anh chồng già chặt thịt heo, thịt gà bám tay bám áo. Nhi nghe hương mùi thịt hàng ngày hết dám ăn bò tái chanh. Nhi ghét nhất là phải ở chung với chị em bạn dâu có tánh hay sanh nạnh. Chị ta cũng có tài giỏi gì đâu mà bày đặt cao ngạo lên mặt dạy đời Nhi hoài. Nhi nhủ thầm : tưởng con này hiền ăn hiếp lộn người nghen !

Nhi thấy đồ ăn ở Mỹ sao mà mắc khiếp. Nhi mới qua món gì cũng thèm. Nhi mua món gì mang về nhà phải hăm he móc méo răn đe đàng hoàng nếu không mấy người ở chung nhà lấy nhầm thì lỗ nặng. Nhi sợ bị ăn hiếp cứ đòi chồng bênh vực :

- Ông đừng tưởng ông ngon nhe, ông không chịu bênh tui thì không cần thẻ xanh tui cũng bỏ !

Cung cách dân giang hồ mà, Nhi nghĩ, cùng lắm đi hoang cần gì thẻ xanh thẻ đỏ mà hù, mới qua có thẻ liền rồi, không tác quái uổng công lấy ông sao, ông già ? !

Vậy đó, ai bảo hồi mới quen ông chồng Nhi trót dại nổ cấp ba, nổ cấp tốc : anh có nhà anh có xe anh ăn nhậu thả giàn làm chi, cho em dệt mộng bay lên tận tới mây xanh, rồi bây giờ anh cứng họng. Nhưng thật ra anh ta đâu có nói ngoa. Anh ta có nhà, có xe, có ăn nhậu thả giàn thật mà. Nhà, xe và ăn nhậu cỡ nào thì ở Mỹ có vạn kiểu.

Chồng Nhi cũng hiền, nhỏ nhẹ chìu chuộng mong sao cô vợ tha cho cái vụ «bé cái lầm». Quan trọng ở chỗ là nhà thì ba má cho để ở chứ không cho đứng tên, đứa nào ngoan thì ông bà thương. Do đó, anh ta cũng muốn yên bề gia thất giống anh chị. Con vợ thì muốn kiếm chút gia tài nên cuộc tình cũng tạm thời lặng sóng thời gian đầu. Ăn ngủ, hoài cũng chán, lê thê chờ đến cuối tuần mới được đi chơi với đám già, cùng tuổi chồng, Nhi chán ngấy như cơm cháy xịt xì dầu. Ở Mỹ bà con đâu có ăn xài thả dàn và ga lăng với vợ bạn đâu. Nhi thấy mình sao xuống cấp quá sá quà xa, lù đù như con lạc đà, lê la trên sa mạc...nản ! Cứ cái kiểu này mãi thì không mấy chốc sẽ tàn đời hoa. Bỏ đi thì cũng phải kiếm thằng nào chịu chứa mới được chứ. Thôi thì đành phải kiếm cách thủ thân, Nhi nói với chồng đưa tiền đi học tóc.

Từ ngày đi học tóc, Nhi bắt bồ được hai nhỏ bạn cũng theo chồng mới bảo lãnh qua. Sau đó, họ quen dây chuyền thêm một đám bạn cùng trang lứa khoái đua đòi không khoái học, khoái làm. Đẩy đưa đưa đẩy kiểu gì, Nhi kiếm thêm một thằng bồ cũng thuộc loại choi choi, tóc hai, ba màu sáng chói. Họ cùng nhau sáng, trưa chiều tối rủ đi cà phê đi chơi shot uống rượu mạnh, nhảy nhót để tìm vui.

Bà con học chung nhìn thấy cảnh tượng này chỉ biết lắc đầu ngán ngẩm không biết có nên chạy qua mét cho thằng chồng để xem cái sừng của nó đang mọc ở góc nào. Không ai rảnh và dám khen chê, con quỷ nhỏ nó nghe được nó xì vào mặt, thúi ba ngày rửa không ra cũng không chừng.

Tự do ăn chơi kiểu gì, nội tình ra sao không rõ, mà một ngày đẹp trời bà con bắt gặp Nhi đang bưng phở, bưng cà phê kiếm tiền. Điều lạ ở điểm là Nhi không còn mặc đồ hở hang và trang điểm lòe loẹt, cái mặt cũng không còn nghênh ngang kênh thiên hạ nữa, có khi còn tránh mặt giả bộ không quen ai hết. Nhìn Nhi nhỏ nhẹ, phục vụ khách tận tình là một chuyện khó tin.

Người ta nói, không biết vì sao mà Nhi thiếu nợ tùm lum, bắt đầu xuống nước về nhà ngọt ngào năn nỉ ông chồng giúp trả nợ. Ai ngờ ông chồng tuy ít đi đâu

ngoài cuối tuần nhậu nhẹt với bạn nhưng cũng ghiền độ football nên có đồng nào nướng đồng đó, cũng đang thiếu nợ chứ chẳng khá hơn gì. Giờ vỡ lẽ ra Nhi cũng bon chen cá football lúc đầu năm mươi đô, sau tăng lên dần, gọi độ theo dân giang hồ là 50 xu, một đồng nghe sướng miệng nhưng tiền thật thì lên tới bạc ngàn. Nhi mê say đặt độ rồi cứ lên miết con số cá càng lớn con số nợ càng nhiều.

Ở Mỹ, chơi football có quen người ta mới cho bắt độ, mà nếu thua rồi thì đừng hòng giựt, cũng đừng hòng bỏ xứ trốn đi. Họ có thể cho người cầm súng đến nhà dọa là chuyện thường tình, dù là phạm pháp nhưng không ai dám đi báo cảnh sát đâu.

Sau đó, người ta thấy Nhi bôn ba hạ mình đi làm hai ba công việc thêm như bán quán cà phê, làm thêm thợ cắt tóc và ăn mặc chưng diện bình thường lại. Nhi không còn kênh mặc tỏ vẻ ta đây là dân chơi thứ thiệt nữa. Bấy giờ Nhi mới biết, kinh nghiệm nhảy nhót giang hồ cua trai của mình không đáng xách dép cho giang hồ San jose chút nào cả.

Nhìn Nhi, đoán già đoán non, người ta không biết cuộc sống của nàng sau này ra sao. Nhưng rõ ràng là Nhi đã hết rồi, một thời vàng son đi nhảy nhót lang thang, xài tiền như nước, hoặc là ở nhà chỉ tay năm ngón lông

nhông ăn hiếp chồng ! Ôi, một kiếp hồng nhan mà toàn là bạc lẻ, nếu không chịu thức thời, an phận.

Ở Mỹ, rõ ràng là «khéo ăn thì no, khéo co thì ấm». Nhiều bạn mới qua thường chịu cực khổ vài năm đầu rồi thì sẽ đâu vào đấy. Cuộc sống ở đây có nhiều cơ hội học hành, làm việc để thành công. Rất nhiều người phải vất vả một thời gian để ổn định cuộc sống rồi mới trở lại trường học. Các bạn trẻ hãy cố lên. Mỹ vẫn là miền đất hứa với muôn vàn cơ hội để xây dựng cuộc sống mới. Mỗi người chúng ta, hãy góp phần tạo nên một cộng đồng Việt có nhiều điểm đáng hãnh diện so với các sắc tộc thiểu số khác.

Mai Hồng Thu

Chuyện Tháng Tư Buồn

Nguyễn Diệu Anh Trinh

Tác giả sinh năm 1959 tại Đà Nẵng đến Mỹ năm 1994 diện HO cùng ba và các em, định cư tại tiểu bang Georgia. Hiện là nhân viên công ty in Scientific Games tại Atlanta, tiểu bang Georgia. Bà đã góp bài từ 2015, kể chuyện về người bố Hát Ô và nhận giải Viết Về Nước Mỹ. Bài viết mới, tựa đề được đặt lại theo nội dung.

Những người Việt Nam di tản, lưu vong không ai bảo ai, ai cũng có nỗi niềm về một ngày tháng tư. Gọi là Tháng Tư Đen, tôi gọi là Tháng Tư Buồn.

Tôi rời quê nhà năm 1994, khi chưa từng biết máy vi tính hình thù ra sao. Hai mươi mấy năm qua, tôi biết tôi có nhiều thay đổi về mọi mặt : từ nếp sống, cách giao tế... những nhận định về thời cuộc.

Trong cơn bão của đất nước, những mất mát đổi thay của người cùng hoàn cảnh thì ai cũng khổ như ai. Cha vào tù, con không được bước chân vào cổng Đại học, cả nhà tôi đã từng bị xua đuổi ra khỏi cái tổ ấm nhiều kỷ niệm... Rồi chúng trở thành người Việt tỵ nạn, rời quê nhà qua Chương Trình Định Cư Nhân Đạo. Đôi khi tôi tự an ủi : Quê hương còn phải bỏ đi, huống gì nhà cửa,

kỷ niệm...

Bạn bè tôi nhiều người còn ở lại... có người tự xem là may mắn, bởi vì Việt Nam bây giờ dưới con mắt mọi người, dù sao cũng đã là thời đổi mới theo kinh tế thị trường. Dĩ nhiên, nếu chính tôi còn ở lại trong nước thì suy nghĩ chắc cũng không thể nào khác, khi phải sống trong hoàn cảnh mà mọi thông tin bị bưng bít nhiều năm qua. Những mất mát đau thương thời trước dường như chưa từng xảy ra trong đời.

Nhưng dù đổi thay để mới mẻ, văn minh đến bao nhiêu lòng tôi vẫn không thể nào quên đoạn đời mười mấy năm đã sống đau khổ như thế nào sau ngày 30 tháng tư năm 1975.

Thật ra, tất cả những gì xảy ra sau tháng 4 năm 1975 chỉ là cả xã hội miền Nam bị kéo lùi lại hai hoặc ba mươi năm trước. Nhiều chuyện xảy ra y hệt những câu chuyện «thời kháng chiến» mà tôi đã từng nghe ông bà Ngoại kể lại. Phải chăng lịch sử đang lặp lại ? Tôi không đủ kiến thức để hiểu, chỉ biết rằng mọi thay đổi chẳng mới mẻ tí nào. Bắt đầu là những «phong trào» được kêu gọi rồi bị tham gia một cách bắt buộc.

Đầu tiên là Kế Hoạch Diệt Chuột

Đi họp về, má con nhỏ than thở : Ui cha, làm sao đây ? Hôm sau, má xuống chợ Cồn mua cái bẫy chuột về. Bầy con xúm lại, má nó móc chút xíu thịt mỡ để bẫy các chú Tí «tham thực cực thân». Thiệt tình, mấy ông Chuột cống đã quá kinh nghiệm chiến trường nên đi ngang qua là...khều nhẹ, cái bẫy nhạy lắm, tự động sụp xuống. Miếng mỡ nằm gọn trong miệng ông Tý mà chẳng lấy được cái mạng già ! Cả bọn tức lắm nhưng chẳng biết kế hoạch gì để tóm được một vài chú Chuột, cắt cái đuôi để gom lại đem nộp cho đủ chỉ tiêu cấp trên đã đề ra. Hình như mỗi nhà phải nộp 10 cái đuôi chuột mới được. Có lần cái bẫy may mắn lượm được mạng của một chú chuột bé tí ti. Làn da mỏng dánh, chưa thấy lông gì cả, còn cái đuôi thì nhỏ xíu, cụt ngủn thấy mà thảm thương. Má sai nó đem đi phơi cho khô, đến khi lấy đem cất thì hỡi ơi, kiến, dán đã gặm nhấm mất tiêu cái đuôi chuột rồi.

Con nhỏ đi qua nhà nhỏ Kim hỏi thăm. Con Kim tỉnh bơ :

- «Chưa có được một cái để làm thuốc nè mi».

Có nghĩa là tình hình nhà nó cũng bi đát, thê thảm vậy, không có một cái đuôi chuột nào để nộp cả.

Dạo đó, nhà nhỏ Kim học cùng lớp với nó đã bị Nhà Nước trưng dụng làm Nhà Hộ Sinh Phường. Cả gia đình nó phải dọn ra ở trong khu nhà kho phía đằng sau. Sân thượng của Nhà Hộ Sinh được sử dụng làm nơi phơi những đuôi chuột đã thu hoạch được từ các tổ dân phố. Thế là anh em của hai nhà bí mật họp lại. Thằng Phi, em trai của Kim nhận công tác leo lên sân thượng, thằng nhỏ lanh lẹ nhưng hơi...thiếu thước, chân cẳng ngắn quá làm sao đây. Thằng Trí, em trai nó cao ráo hơn, nhận nhiệm vụ cõng thằng Phi lên, mấy đứa con gái làm nhiệm vụ canh gác, báo động.

Một đêm tối trời, lợi dụng điện cúp cả đám háo hức hành động, bí ẩn y như điệp viên 007 vậy đó. Thằng Phi được thằng Trí cổng lên, lẹ làng như một con sóc, Phi phóc lên sân thượng. Đường đi nước bước nhà của nó, nó rành quá mà. Phi dòm tới ngó lui. Trời ơi, cả một rừng đuôi chuột được trải ra, thấy mà ham. Nó nhẹ nhàng hốt bỏ vào hai túi quần, còn bày đặt lựa cái đuôi nào bự cho xứng đáng. Nó rề rề kéo dài thời gian để tăng phần quan trọng. Thằng Trí đứng phía dưới nóng ruột nhắc chừng :

- «Ê, xong chưa mày, xuống đi chứ».

Thằng Phi làm bộ bí hiểm :

- «Suỵt, nhỏ nhỏ thôi ông, phải nhắm cho ra mục tiêu rồi mới hành động chớ, giỡn chơi sao !»

Chờ lâu quá, thằng Trí bắt đầu hù :

- «Cha nội, lẹ lên, nếu bị phát hiện, tau dọt thì mày ở luôn trên đó nghe.» Thằng Phi mập nhát gan lắm, nghe dọa là phát hoảng :

- «Ê, từ từ, chờ em nghe, anh bỏ đi em ở trên này làm sao.»

Trí hù :

- «Thì mày ở luôn trên đó, ăn đuôi chuột trừ cơm vài bữa cũng được mà !»

Trí chưa dứt lời, thằng Phi đã thò hai chân đứng trên vai Trí. Phi cười toe đưa chiến lợi phẩm ra khoe. Nhiệm vụ hoàn thành, cả đám tập trung lại đếm đếm, chia chia. Tính ra, cả hai nhà đều dư số lượng đuôi chuột để nộp cho cấp trên. Thằng Phi ba lém, còn giấu mấy cái đem ra đổi cho Bà Sáu bán quán đầu ngõ lấy mấy cây kẹo nhai, nó xạo rằng :

- «Nhà con nhiều chuột lắm, bẩy được quá chừng bà ơi».

Tổng kết đợt thi đua, nhà nó và nhà nhỏ Kim đều được tuyên dương trên loa phóng thanh phường. Hai bà má nhìn nhau, không biết gì về «Kế hoạch Diệt Chuột» của bọn nhỏ.

Một trong những nỗi ám ảnh của các gia đình có cha, anh ở tù sau 1975 là bị đẩy ra khỏi thành phố bằng nhiều phong trào có những cái tên rất văn hoa bóng bẩy. Hàng hàng lớp lớp người từ thành phố bị đưa về quê hoặc vùng đồi núi sinh sống, dưới cái tên gọi rất văn hóa là « Xây dựng khu Kinh Tế Mới hoặc Chương trình Làm Đẹp Quê Hương». Bộ mặt xã hội từ dạo ấy cũng trở nên buồn hiu với các mode từ ngày xưa, lâu lắc bỗng trở lại thành hợp thời trang. Hàng quán gì cũng bắt đầu với cái tên « Cửa hàng Mậu dịch...», hàng bán xăng dầu thì thay bằng «Cửa hàng chất đốt» - bán than củi-. Ra đường, người dân thành phố áo quần đồng loạt đồng màu, tóc tai cũng ngắn hoặc dài, ít thấy uốn ép kiểu cọ này nọ. Chương trình ca nhạc thì tất cả đều là các nhạc phẩm hô hào cho công cuộc xây dựng đất nước. Ngoài đường phố nhan nhản các câu khẩu hiệu kêu gọi cho các phong trào thi đua. Các em thiếu nhi có phong trào kế hoạch nhỏ với đủ các loại : giấy vụn, bao nylon, chai lọ thủy tinh... Phụ nữ có phong trào Kế Hoạch Hoá Gia Đình với áo mưa, vòng vèo lung tung... còn Đoàn Thanh Niên thì kêu gọi «Tăng Gia Sản Xuất»

với trồng rau, nuôi gà.

Nhà con Liên có bảy anh chị em, nhà con nhỏ có đến tám. Hoàn cảnh hai đứa giống nhau, đều có ba đi cải tạo. Má Liên buôn bán lanh lẹ, hơn nữa chắc cũng có chút của chìm, của nổi nên nhìn chung chị em nó ít chật vật hơn. Hai đứa thường đi họp, sinh hoạt Thanh Niên với nhau có đôi, có cặp.

Ngày có phong trào Tăng gia Sản Xuất rộn ràng khắp khu phố, con nhỏ lo lắng nhìn bạn :

- «Ê, Liên, nhà mi còn có miếng đất nhỏ để trồng rau, nhà ta thì làm sao đây ?»

Con Liên rủ :

- «Hay là hai đứa mình, mỗi nhà nuôi cặp gà đem nộp cho khỏe».

Đồng ý với bạn, con nhỏ về nhà năn nỉ má nó về quê xin của Bà Ngoại cặp gà con nhỏ xíu, chưa mọc lông cánh, đôi mắt trong veo như hai hạt cườm thật dễ thương. Con nhỏ chưa kịp khoe với bạn thì đã nghe nhỏ Liên thì thầm :

«Má tau nói không nuôi nấng chi hết, để đó má tau tính cho».

Con nhỏ mặt mày ỉu xìu, lặng lẽ tự lo chăm sóc cặp gà của mình. Nhỏ dùng cái rổ úp lại làm cái chuồng cho cặp gà. Dù ăn uống thiếu thốn cỡ nào nhỏ cũng để dành cho cặp gà vài mẩu bánh vụn, mấy hạt bắp, nhỏ còn lo canh chừng mấy đứa em trai nghịch ngợm hay chơi bắn dây thun, gà mà nuốt nhầm dây thun thì nguy. Cặp gà con chim chip suốt ngày nghe vui tai lắm.

Chỉ không được hai tuần, một buổi sáng, như thường lệ, con nhỏ giở cái rổ ra để cho gà ăn. Bỗng con nhỏ tái mặt, ủa ! sao chỉ còn một con nằm chèo queo đây trời. Vết máu và mấy cọng lông gà vương trên nền nhà bếp là vết tích của một trận thư hùng ác liệt. Má con nhỏ xem xét và thở dài dùm con nhỏ :

- «Chắc là mấy ông Tý dưới cống, ban đêm đói quá đã tha mất con gà con rồi».

Chú còn lại thì bị thương, mắt nó lồi ra, nhìn chú gà bé tí nằm thoi thóp, rồi ngất ngư. Con nhỏ nước mắt chảy dài. Nó bỗng đâm ra giận con Liên, nhỏ lẩm bẩm :

«Trăm sự cũng do mợ Liên xúi dại đây».

Anh Hai con nhỏ thì bảo :

- «Mi không có tay chăn nuôi, bày đặt nuôi gà, sát gà thì có».

Hôm đó, con nhỏ đến lớp với bộ mặt đưa đám gà chết, giận con Liên, con nhỏ không thèm nói chuyện. Đi học về, con Liên hỏi gì con nhỏ cũng không nói, đường Quang Trung với hai hàng cây kiền kiền cao ngất, ngày nào cũng đi qua, đâu có gì lạ, hai đứa đã từng đi học qua đoạn đường này biết bao nhiêu lần, vậy mà con nhỏ cứ nghinh nghinh cái mặt ngắm mấy ngọn cây, nó nhất quyết không thèm nghe, không thèm nói. Một phần vì tiếc thương cặp gà con, một phần giận nhỏ bạn đã xúi dại mình, thêm nữa là nó đang lo không biết làm sao chấp hành phong trào nuôi gà đây. Con Liên thì thấy lạ lắm vì nhỏ bạn tự nhiên dở chứng.

Trước khi rẽ vào con hẻm khác để vào nhà, Liên nói với con nhỏ :

- «Ê, mai đem gà đi nộp nghe».

Con nhỏ thật sự nổi nóng :

- «Gà chết rồi, lấy đâu mà nộp».

Con Liên mở to đôi mắt nai :

- «Má tau nói, chiều ni má tau mua về hai cặp gà để ngày mai hai đứa mình đem nộp mà ! Răng lại chết, ai chết ?»

Con nhỏ đứng lại nhìn con Liên như người bị tai biến mạch máu não, nhỏ ú ớ :

- «Hả, mua gà hả ?»

Con Liên từ tốn :

- «Ừ, tau nói mi hôm trước rồi, để má tau tính mà».

Con nhỏ vẫn đứng yên như trời trồng, bên tai nó nghe con Liên giải thích :

- «Thay vì mua một cặp gà bự, má tau mua luôn hai cặp, hơi nhỏ một chút để hai đứa mình nộp, nuôi chi cho mệt.

Nhìn nét mặt con nhỏ xanh lè, con Liên lắc lắc tay nó, lắp bắp :

- «Ê, mi răng rứa, trúng gió hả, mà mi nói ai chết rứa?»

Kế hoạch nuôi gà của hai đứa xem như thành công mỹ mãn.

1975-2018. Thấm thoắt đã tròn 43 năm.

Trong cuộc sống mới trên đất Mỹ, mỗi khi có dịp nói chuyện với bạn bè, đôi khi tôi nhắc nhở thì bạn lại chặc lưỡi bảo : Thôi, quá khứ đã qua, nhắc làm gì những chuyện không vui... Ừ, thì không nhắc, nhưng chắc rằng với thân phận một người Việt tỵ nạn, mãi mãi tôi chẳng thể nào quên.

Tận đáy lòng sẽ luôn khắc sâu lòng biết ơn đối với người dân và chính phủ Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ đã mở vòng tay đón nhận những gia đình đã từng là nạn nhân của chế độ độc tài cộng sản Việt Nam như gia đình chúng tôi.

Tháng tư lại về, một nén hương cho những người dân lành, cho những chiến sĩ hai miền đã nằm xuống vì nhiều lý do và cho một thời thanh xuân của chúng tôi đã tàn theo vận nước.

Nguyễn Diệu Anh Trinh

Nhóc Con «Vượt Biển Mồ Côi»

Năng Khiếu

Tác giả tên thật Trần Năng Khiếu. Trước 1975 là Công Chức Bộ Ngoại Giao VNCH. Đến Mỹ năm 1994 theo diện HO. Đã đi làm cho đến năm 2012. Hiện là công dân hưu trí tại Westminster. Tham dự Viết Về Nước Mỹ từ tháng 8/2015. Đã nhận giải đặc biệt 2016. Nhận giải danh dự VVNM 2017.

Tôi đặt chân xuống phi trường Dallas Fort Worth vào đầu mùa đông năm 1983, sau một chuyến vượt biển, khi tuổi còn nhỏ chưa nhận thức được hiểm nguy. Đến đón tôi là anh Tư và vài người bạn.Trời khá lạnh khiến tôi tỉnh táo hơn. Anh giang tay ôm tôi vào lòng, tôi cảm nhận được cả một trời thương yêu vì không còn bơ vơ nơi miền đất lạ.

Tôi ở với anh đến năm mười tám tuổi. Khi anh lập gia đình, vì việc học, tôi dọn ra ở với các bạn cùng trường. Những ngày sống tự lập vất vả nhọc nhằn, khó mà quên được, vừa đi học vừa đi làm đủ nghề, từ nhà hàng, bán liquor đến lái xe taxi...Cho đến ngày ra trường. Tôi tốt nghiệp ngành Computer Engineering, làm việc tại hãng Penn Mutual life insurance một thời gian.Hiện giờ tôi đã có vợ và ba con, chuyển qua kinh doanh chuyên về

Furniture, tại Dallas.

Ngày Saigon thay tên đổi chủ, tôi chỉ là thằng bé miệng còn hơi sữa. Học tại trường tiểu học Giáo xứ gần nhà. Đi học về tôi hay theo mấy đứa nhỏ trong xóm lao động sau chợ Hòa Hưng, nghêu ngao hát những bài nhạc tự chế :

Bà con cô bác ai muốn vượt biên
Chỉ có vài cây vàng
Nếu sống thì huy hoàng
Nếu bắt thì vô tù.
Nếu chết thì
âm thầm dưới đại dương.

Có lần cả lũ nhóc đang gân cổ hợp ca vang trời : «Như có Bác Hồ trong nhà thương Chợ Quán...» thì bị công an rượt. Thằng Hưng con bà Ba cạnh nhà tôi, mập nhất nên chạy chậm liền bị công an tóm về phường, ghép vào tội hát phản động. Đến chiều mẹ nó phải lên phường bảo lãnh về.

Khoảng cuối thập niên 1970 và suốt những năm của thập niên 1980, phong trào vượt biên nở rộ khắp miền Nam Việt Nam, nhiều người ra đi «tìm sự sống trong cái chết» để được tự do. Đi đến đâu cũng nghe bà con rỉ tai nhau chuyện vượt biên, vượt biển, một cách e dè,

sợ sệt...

Năm tôi tròn mười hai tuổi, vào một buổi tối, mẹ gọi : «Út à ! Sáng mai nghỉ học ở nhà đợi người đến đón đi». Đây không phải là lần thứ nhất mẹ nói như vậy. Vài lần trước trong những chuyến vượt biển không thành vì bị trục trặc, tôi đã nghe quen tai, rất bình thường, còn thích thú là đàng khác ! Mới tháng trước tôi cũng âm thầm từ giã gia đình để ra đi. Vài ngày sau lại hớn hở trở về cười toe toét, cả nhà ai cũng trợn mắt nhìn, im lặng như thầm hỏi chuyện gì. Tôi lặng lẽ lắc đầu, thế là hiểu. Nên khi nghe lại điệp khúc quen thuộc cũ, tôi tự biết phải chuẩn bị những gì. Nào là địa chỉ của anh Tư ở bên Mỹ, ngày tháng năm sanh của anh và tôi, tên cha, tên mẹ... Để chắc ăn tôi ghi hết vào sau cổ áo.

Nhớ những lần cùng cả nhà quây quần, lắng nghe anh Tư và anh Bảy kể chuyện, sau những chuyến đi hụt, tôi tưởng tượng như một cuộc phiêu lưu đầy mạo hiểm. Nào là bị bão, bị bể, rồi bị bắt. Anh Tư đi đến lần thứ bốn mới lọt.

Ngày đến trại tỵ nạn Thái Lan, anh Tư viết thư về báo tin cho mẹ, đọc thư cả nhà đều khóc. Anh kể, để đến được trại tỵ nạn mọi người đã phải trải qua nhiều gian khổ, hãi hùng. Bị hải tặc cướp bóc, hãm hiếp, đến lần thứ ba không còn gì để vơ vét, chúng đuổi mọi người lên

một đảo hoang, để tháo máy tàu. Trên đảo không thức ăn, nước uống. Ở được mấy ngày đói quá, đã có người chết, nhiều người bị ngất xỉu. Đang lúc tuyệt vọng cùng cực, thì nhìn thấy một chiếc máy bay đảo nhiều vòng, hạ thấp như tìm kiếm thuyền nhân. Rồi đột nhiên cất cánh bay đi mất.

Sáng sớm hôm sau, mọi người mừng rỡ khi thấy một chiến hạm lớn của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc đậu ở ngoài khơi. Họ thả ca-nô xuống, chạy vào đảo lần lượt cứu từng người ra.

Vì anh Tư học chương trình Pháp từ nhỏ trong Chủng Viện Thừa Sai Kontum, nên tại trại tị nạn, anh được nhận làm thông dịch viên cho Hiệp Hội Quốc Tế Bác Sĩ Không Biên Giới «Médecins Sans Frontières International (MSFI)». Hàng ngày anh phải tiếp xúc với các bệnh nhân, vừa được cứu vớt sau chuyến hải hành, bị hành hạ cả thể xác lẫn tinh thần. Anh kể, thấy đau lòng và tội nghiệp cho họ vô cùng !

Cuối năm 1980, anh Tư được phái đoàn Mỹ phỏng vấn đậu, vì có bà dì sống ở Mỹ bảo lãnh. Tội nghiệp anh Tư, bước đầu hội nhập đời sống ở Mỹ, còn khó khăn,vừa đi học vừa đi làm, mà cố chắt chiu gửi tiền về để mẹ lo cho các em «ra đi» tiếp. Tình thương anh dành cho gia đình lúc nào cũng đầy tràn.

Chuyến vượt biên kế tiếp của anh Năm tôi bị «gài bẫy», anh vừa xuống ghe chưa ra đến tàu lớn, thấy động anh nhanh chân lặn được. Những người lên tàu trước anh đều bị công an chờ sẵn tiếp đón về ăn cơm tù. Vài ngày sau anh Năm tôi tìm đường về nhà, chưa kịp hoàn hồn, thì được ông tổ trưởng dân phố tốt bụng, bí mật báo tin công an khu vực kêu ông canh chừng, khi nào thấy anh, ông phải báo để họ đến bắt, vì anh Năm đến tuổi mà không đăng ký nghĩa vụ quân sự, thêm tội vượt biên trốn về.

Được tin chẳng lành. Mẹ tôi lo thu xếp cho anh trốn gấp lên nhà ông bác ở Gia kiệm. Bác lo cho anh nhập hộ khẩu, lập nghiệp ở đó luôn. Thế là cuộc đời anh rẽ vào ngõ cụt. Cũng vì vậy mà Mẹ tôi đau xót, đứt ruột để tôi ra đi một mình khi còn quá nhỏ.

Chuyến đi ngày 28 tháng 10 năm 1982 đã đưa tôi rời xa quê hương, xa vòng tay Mẹ. Bây giờ nghĩ lại tôi mới thấm thía nỗi lòng của những bà mẹ Việt nam, như ca khúc của thi sĩ Trần Dạ Từ : «Ném con cho giông tố» :

«Giông tố giông tố ngoài khơi xa.
Ta gửi ngươi con ta
Như Niềm Tin Tự Do
Từ Quê Hương Ngục Tù...»

Nghe lời Mẹ dặn dò, hôm sau tôi không đi học, ở nhà đợi. Người ta dẫn tôi xuống trú ẩn trong cái chòi lá ở một vùng quê vắng vẻ mạn Nhà Bè. Đợi đến đêm khuya, khi vạn vật đang ngon giấc, mọi người lần lượt xuống Taxi (ghe nhỏ) để họ chở ra chỗ cá lớn (tàu chính) đang neo chờ.

Ghe chạy một lúc lâu thì đến, người chèo ghe cho cặp sát vào mạn tàu rồi giục giã : «Bà con leo lên tàu lẹ lẹ !»

Chiếc ghe nhỏ bị những đợt sóng dồn dập làm nó chòng chành. Tàu quá cao đối với tôi, mọi người lớn bé lôi kéo nhau lên hết, tôi cố nhảy mấy lần mà cũng không lên được, dù mẹ có gửi tôi cho vài người quen, nhưng lúc cấp bách chẳng ai nhớ. Khi chỉ còn một mình đứng chơ vơ tuyệt vọng, thì có một anh lớn hơn tôi vài tuổi, thấy thương hại, anh vớ được đoạn dây thừng ở trên tàu, quẳng xuống và bảo tôi nắm chặt đầu dây. Anh kéo và giựt mạnh thì tự nhiên như có người nhấc bổng lên, và hất văng tôi lên sàn tàu với một sức mạnh vô hình. Cho tới bây giờ tôi vẫn nhớ như in, khi tôi còn chưa lồm cồm ngồi lên được, thì tàu nhổ neo trong tích tắc. Chuyện như một phép lạ, tôi thường nghĩ chắc là ba tôi đỡ lên.

Ba tôi tử trận vào mùa hè đỏ lửa ở vùng Cao Nguyên Trung Phần, lúc tôi mới ba tuổi. Ba Mẹ tôi có tất cả tám người con, tôi là út nên được cưng nhất. Mẹ hay kể hồi nhỏ, tôi vẫn reo lên, vì thấy ba ở trên gác lửng, nhưng mẹ và các chị thì chẳng thấy gì. Sống khôn thác thiêng có lẽ tôi ra đi một mình nguy nan nơi «đầu sóng ngọn gió» ba luôn ở bên cạnh để phù hộ độ trì cho tôi. Vì vậy mà hành trình vượt biển của tôi được suôn sẻ.

Mặc dù chuyện xảy ra đã hơn ba mươi năm, mà giờ đây ghi lại tôi tưởng mới hôm qua, vì trong lòng luôn thắc mắc. Số là sau khi tôi đi được một tháng mà không có tin tức gì, cả nhà đang lo lắng, vào một buổi sáng chị Ba đang ngồi bế con, trong sân nhỏ trước cửa nhà, thì bỗng có một con chim khá lớn từ trên trời rớt xuống trước mặt cái bịch, làm chị giật mình kinh ngạc, chị la lên :

- Chim sa xui lắm ! Bắt lấy nó.

Anh rể tôi từ trong nhà chạy ra, bắt được con chim, cầm trên tay mà không biết phải làm gì ? Con chim ngoan ngoãn nằm im cho anh ngắm nghía, anh ướm chừng nặng hơn một ký, mình tròn như vịt, mỏ dài và dẹp như để đớp cá, chân cao, lông màu xám tro, chỉ có bụng và đuôi màu trắng, hai cánh lớn và xải rộng như cánh chim hải âu, anh lẩm bẩm : «Đúng là chim biển

rồi». Vì Mẹ và các chị tôi tin dị đoan, nên lo lắng nhìn nhau thầm hỏi, không biết điềm lành hay dữ ! Sao nó biết nhà mình đang mong tin người đi biển mà nhè rớt xuống giữa sân ? !

Có cái lạ, là nhà tôi ở sau chợ Hòa Hưng Quận Ba, Sàigòn. Trong khu đông đúc, nhà cửa san sát, mà từ biển đến nhà tôi rất xa, tính theo đường chim bay cũng phải vài trăm cây số. Sao nó bay nổi ? Mẹ tôi dặn không được nói chuyện này cho ai biết, vì sợ lộ ra chuyện tôi đi vượt biên chui, nhưng mẹ và các chị cứ bị ám ảnh vì con chim biển mãi.

Sau này nhận được tin tôi đến Mỹ bằng an. Các chị viết thư qua kể rất chi tiết, về chuyện con chim rớt trước cửa. Hình như nó là chim biển bay về báo tin vui, biết được thì nó đã vào nồi mất rồi. Đọc thư xong tôi thấy thương nó hết sức.

Lại nói tiếp về con tàu đưa tôi đi từ sông ra cửa biển, cứ thế chạy phăng phăng, không biết là bao lâu. Đối với tôi ngày cũng như đêm, một thằng con nít chẳng lo âu hồi hộp gì. Dưới khoang hầm chật chội, chen chúc, tôi chỉ đứng một chân, nhiều người bắt đầu ói mửa, rã rượi.

Một buổi sáng khi nghe thông báo tàu ra tới hải phận quốc tế, tuy mọi người mừng rỡ, nhưng không ai cười nổi. Tôi bị ngất xỉu, đang nằm lơ mơ nửa mê nửa tỉnh, nghe có tiếng người nói «Thằng bé kia cả ngày không ăn uống gì, coi chừng chết lả, lấy cho nó miếng nước đi». Có bàn tay lay tôi dậy đưa cho tôi cái ca ny-lông nhỏ đầy nước, tôi đưa tay đỡ lấy cám ơn, rồi uống hết ca nước. Tôi tỉnh hẳn nhưng bụng đói cồn cào. Nhìn chung quanh người nằm la liệt, san sát từng lớp bên nhau như cá mòi đóng hộp, trong khoang tàu ngột ngạt, có lẽ vì số người đông hơn dự liệu.

Người tài công khi nãy đã cho tôi uống nước, trao tay lái lại cho thanh niên kế bên, rồi ngoắc tôi đến hỏi : «Nhóc, tên gì ? Đi với ai ?» Tôi lễ phép thưa «Dạ cháu tên Út, đi một mình».

Nghe xong ông cho tôi vài miếng bánh khô, rồi chỉ cho tôi ngồi gần chỗ ông.

Từ lúc đó tôi thu mình trong một góc nhỏ, an phận. Bên cửa kính, mỗi buổi sáng tôi thấy rõ cảnh bình minh trên biển. Ơ chân trời xa mặt trời đang từ từ nhú lên khỏi mặt nước, ánh sáng chuyển dần sang màu vàng óng ánh, đẹp như một bức tranh thiên nhiên tuyệt vời. Từng đợt sóng nhấp nhô đưa đẩy con tàu nhỏ nhoi mong manh, như định mệnh của những con người bé nhỏ, để

mặc cho sóng gió bồng bềnh trôi về phía trước. Tôi có cảm tưởng như mình đang đi theo một chuyến du lịch trên biển nước bao la.

Ngày qua ngày tôi được phân chia những ngụm nước, những phần ăn tạm đủ, giữa biển khơi mịt mùng. «Một miếng khi đói, bằng gói khi no». (Nếu tình cờ chú Tư Tài có đọc bài này, cho cháu gửi lời cám ơn chú cùng những người đã giúp đỡ cháu, ngày vượt biển côi cút).

Vào một buổi chiều, mặt trời đang từ từ chìm xuống biển phía xa tít, thì mọi người mừng rỡ khi nhìn thấy một chấm đen hiện trên biển nước mênh mông, càng lúc càng lớn dần. Nhiều người mừng rỡ reo lên :

- Tàu ! Tàu, sắp được cứu vớt rồi !

Phải mất một thời gian ngắn, tàu vượt biên của chúng tôi mới đến gần được chiếc tàu đánh cá. Tôi không nhớ của nước nào, hai ngư phủ nhảy qua dùng dây cột mũi tàu vượt biên vào tàu đánh cá của họ.

Một thuyền nhân trên tàu vượt biên đại diện, đứng ra tiếp xúc với họ, vừa nói vừa múa tay một hồi. Thấy hai ngư phủ cũng vừa nói vừa ra dấu tay chỉ chỏ về hướng trước mặt. Ông tài công nói với mọi người, ai có vàng vòng, cà rá, bông tai, đồng hồ, tiền Đô thì bỏ ra đưa cho

họ. Rồi ông ngửa cái mũ đang đội trên đầu xuống đi gom góp.

Nhìn chung quanh tôi thấy mọi người đều nhốn nháo, sợ hãi, ai cũng răm rắp làm theo. Tôi tiếc rẻ mân mê chiếc nhẫn mẹ khâu giấu ở gấu áo là vật phòng thân, mà trước khi đi, lên Thủ Đức chào anh chị Hai, chị kêu anh rể tháo chiếc nhẫn cưới đang đeo ở ngón tay ra đưa cho tôi, rồi chị dặn : «Khi em qua đến đảo thì đánh điện cho anh Tư ở Mỹ biết». Tôi đang phân vân, thì một bà đứng kế bên ghé tai tôi nói nhỏ, «Cướp đấy» tôi giật mình, thật nhanh bỏ chiếc nhẫn ra đóng góp.

Chiếc mu đựng khá nhiều vàng bạc, ông đưa cho hai ngư phủ. Tôi thấy họ vui vẻ cầm lấy, rồi chỉ hướng cho tàu chạy theo con đường đến đất liền gần nhất.

Ở đảo KuKu được hai tháng, rồi làm giấy tờ chuyển qua trại tị nạn Pulau Galang. Tôi và những đứa trẻ vô tư chỉ biết vui chơi cười đùa, bên những âu lo trầm tư của người lớn, cạnh những dãy lán trại tạm bợ không biết tương lai về đâu ? Ở được năm tháng nữa, thì được phái đoàn Mỹ phỏng vấn. Tôi có ba diện ưu tiên : Thứ nhất là con nít không cha mẹ «Minors». Thứ hai là con tử sĩ VNCH. Thứ ba là có anh đang ở Mỹ.

Khi leo lên chiếc thuyền mong manh tìm đường đào thoát ra khỏi chế độ Cộng Sản. Tôi như một đứa trẻ ham chơi, trốn bố đi xa. Cũng sợ, nhưng sợ ở mức độ của đứa con nít đang chơi rượt bắt hay ú tim. Và cảm thấy thản nhiên khi mình tìm được chỗ trốn an toàn.

Ngày ấy tôi nhắm mắt tận hưởng nỗi vui mừng, và hát thật to những bài mình thích, mà không sợ bị cấm cản bắt bớ. Xin cám ơn dân chúng và đất nước Hoa Kỳ, đã đón nhận và cưu mang anh em chúng tôi. Cũng như những người Việt Nam tỵ nạn, để được sống đời tự do và hạnh phúc.

Năng Khiếu

Tết Mậu Thân Chẳng Thể Quên

Nguyễn Viết Tân

Tác giả là một huynh trưởng Viết Về Nước Mỹ từ năm đầu tiên, nhận giải bán kết - thường được gọi đùa là giải á hậu 2001. Sách đã xuất bản : Chuyện Miền Thôn Dã. Từ nhiều năm qua, ông là thành viên ban tuyển chọn chung kết nhưng vẫn tiếp tục vui vẻ góp bài mới.

Tết Mậu Thân tôi đang học lớp Đệ Tam tại một trường Trung Học ở tỉnh lẻ. Đó là tỉnh Kiên Giang.

Tuổi thiếu niên chưa biết lo lắng gì, vẫn còn vui với ruộng đồng, lâu lâu mượn được cuốn tiểu thuyết hay mua được tờ nguyệt san Tuổi Hoa là đã lấy làm sung sướng, đâu biết những trận chiến khốc liệt đang chờ đón chúng tôi bước vào.

Người ta thường nói đến trận Tổng Tấn Công của VC ở Sài Gòn và nhất là ở Huế, chứ ở các tỉnh khác thì tuy có súng nổ đạn rơi nhưng không thể so sánh với chiến trận ở Huế và Sài Gòn được.

Gia đình tôi làm ruộng cách xa đường liên tỉnh chừng 2 km, cuộc sống tương đối êm đềm ngoại trừ đôi khi có tiếng súng cắc cù trong đêm và những đoàn người

bận quần áo đen, vác AK và B40 âm thầm chuyển quân đi trên bờ kinh trước cửa nhà. Những tiếng súng lẻ loi đó như báo hiệu một cuộc ám sát hay bắn sẻ, có tác động đến tinh thần dân chúng lớn hơn từng tràng đạn rất nhiều.

Sáng mùng một Tết, hai chiếc trực thăng cá nhái bay dọc theo quốc lộ. Đây là loại máy bay lần đầu tiên thấy xuất hiện ở vùng này, người nó dẹp lép, mà sau này đi lính tôi mới biết đó là trực thăng võ trang Cobra. Khi nó bay ngang chợ đầu kinh thì có hoả lực bắn lên. Thế là trực thăng vòng lại khai hoả.

Tiếng nổ của những tràng đạn, của trái nổ và hoả tiễn thật khủng khiếp. Khu chợ đầu kinh bốc cháy, mà trong khu đó có nhà của cha đỡ đầu của tôi.

Đường xe bị chặn lại bởi những mô, là mấy cục đất ruộng, những cành cây hoặc ngọn tre. Xe cộ không dám băng ngang, phải đợi đoàn xe quân đội mở đường vì trong mô có mìn hoặc lựu đạn.

Tỉnh Kiên Giang không có bản doanh của Sư đoàn bộ binh VNCH nào, căn cứ lớn cũng không, chỉ có những đơn vị cấp Đại đội của Địa Phương Quân, và những đồn bốt nhỏ của Nghĩa Quân đóng ở gần cầu hoặc những ngã tư sông rạch.

Những đơn vị lớn của VC cũng chỉ chuyển quân từ Cam Bốt qua vùng U Minh chứ cũng không chiếm cứ vùng nào ở đây. Tuy nhiên an ninh diện địa chỉ dọc theo quốc lộ còn hầu hết thuộc vùng xôi đậu, nghĩa là ban ngày thì Quốc Gia, ban đêm là VC.

Từ sau Tết đến Tổng Tấn công đợt 2 thì cứ ban ngày lính Quốc gia hành quân và bắt lớp tuổi thanh thiếu niên như chúng tôi ra phá mô, phát quang cây dọc theo đường; ban đêm thì VC bắt ra đắp mô, y như bữa trước.

Có lần đoàn xe mở đường gồm 1 xe Com măng đô ca bọc thép với xe Jeep trí súng đại liên và súng cối ngừng ngay đầu kinh. Lúc có tiếng súng cắc cù từ nhà ông Ba Vó bắn ra, lính thấy thấp thoáng có bóng người quần áo đen lấp ló trong hàng cây thì từng tràng đại liên bắn rát trên đường và cây cối, sau đó họ thụt mấy quả súng cối trúng căn nhà ông Ba Vó. Nhà này cách đầu kinh chừng hơn 100 thước.

Khi đó dân chúng đã tản cư vào tuốt trong khu vực nhà tôi nên không có ai bị gì, nhưng bên VC thì có người chết, trước khi rút lui họ chôn tạm mấy xác gần bờ sông, sau mấy ngày bốc lên mùi thúi hoắc.

Mãi sau mày họ mới cải táng đưa chôn đâu không biết, nhưng mỗi khi chúng tôi đi ngang vẫn cảm thấy rờn rợn.

Nhà tôi có nuôi 1 con chó trắng cao lớn, tiếng sủa ồm ồm vang vọng dưới mái nhà tôn. Bên kia ra lệnh phải giết hết chó để khi họ chuyển quân chó không sủa làm lộ con đường họ đi. Con chó này nuôi đã được năm sáu năm, thân thiết với anh em tôi lắm, giết nó sao đành.

Nhớ mấy năm trước, anh Toàn học lớp Đệ Tứ, còn tôi Đệ Lục, mỗi ngày học 1 buổi, khi tan học vừa chạy xe đạp ngang đầu kinh Rọc Bờ Ke thì thấy 1 toán lính lấm lem đang băng ruộng mà ra đường lộ, nhìn họ chúng tôi biết đây là ĐĐ 332 có anh rể tôi.

Quả nhiên một lát sau thấy anh Mai vai đeo súng tay ôm một con chó nhỏ màu trắng ra tới. Anh hỏi :

- Hai đứa muốn nuôi chó không ? Nhà kia có bầy chó con đẹp lắm, anh xin mà họ chỉ cho con chó trắng này, vì họ cho rằng chó trắng là chó ma, không ai muốn nuôi.

Chúng tôi thấy con chó mũm mĩm như cục bông gòn nên ôm lấy nó rồi lên xe chạy về liền, sợ anh đổi ý.

Hồi đó chúng tôi học Anh Văn từ cuốn Let»s Learn English, có mục Tom»s Impression, mà thầy giáo lại dạy đọc là Tôm chứ không phải «Thom» nên tôi đặt tên cho con chó là thằng Tôm luôn.

Nhà quê thì thường gọi chó theo màu như Mực, Đốm, Phèn, hay con chó Tô, Quít... riêng con Tôm thì chưa có ai đặt nên tên nó thành đặc biệt.

Con Tôm lớn nhanh như thổi, nên mới hơn một tuổi mà chú em Chung Mốc có thể cưỡi nó như cưỡi ngựa.

Nó không có vẻ lai bẹc-giê nhưng cao lớn và oai vệ, tiếng sủa vang vọng và chó chung quanh khu đó sợ nó một phép.

Có lần thằng Chung tập võ với bạn, thấy chủ bị đòn chân kẹp cổ, nó phóng tới cạp ngang cần cổ đối thủ nhưng khi chủ quát lên : «Tôm, bạn mà» thì nó nhả ra, ung dung ngồi nhìn như một khán giả.

Tiếng súng hàng đêm nổ liên tục, tôi bị kẹp giữa hai gọng kềm nên vọt lên Sài Gòn, để lại sau lưng ruộng vườn, mẹ và các em cùng con Tôm yêu quý.

Lên tới gần Bến Lức- Long An thì xe đậu lại dài hàng mấy cây số, hỏi thăm thì người ta nói cầu Bến Lức đã bị mìn đổ sập xuống sông.

Trên ruộng ven Quốc lộ 4 thỉnh thoảng có từng nhóm ba bốn chiếc Thiết vận xa M113 của Mỹ đậu quây thành vòng tròn. Ngồi trên nóc là những người lính Mỹ mặc áo giáp da thịt phơi nắng đỏ như con gà chọi.

Hành khách ngủ gà ngủ gật trên xe trong khi hoả châu soi sáng suốt đêm. Đến sáng chúng tôi theo đoàn người lũ lượt đi vào con đường đất phía tay phải để qua đò rồi đón xe nhỏ mà lên Sài Gòn.

Sau tháng 6 năm 1968 khi cuộc Công Kích Đợt 2 chấm dứt, tôi đi thăm người quen ở trại Nam Hải bên kia bến Phạm Thế Hiển.

Trại này là trại Tị Nạn Cộng Sản mới xây dựng được mấy năm để đón đồng bào từ những tỉnh Bình Dương chạy về lánh nạn, thế mà bây giờ tan hoang. Trên bức tường mà một chiến xa đục thủng như hình cái cổng chào, có hàng chữ sơn đỏ mà người lính Mỹ nào đó xịt lên như hình vòng cung : «Welcome to the Hell».

Cả năm sau, khi được tin an ninh tạm vãn hồi tôi mới về thăm lại nhà ở dưới quê.

Cũng căn nhà xưa cũ, mẹ và em ra đón nhưng tôi như thấy thiếu cái gì. Thằng Chung hỏi :

- Anh kiếm con Tôm phải không ? Nó chết rồi.

Tôi bàng hoàng :

- Vì sao nó chết ?

- Họ ra lệnh giết hết chó, nên em làm một cái rọ để đến tối thì tròng vào mõm nó cho khỏi sủa, nhưng nó khôn quá, cứ gỡ ra hoài. Họ bèn dùng củ khoai ủ nóng quăng cho những con chó còn sủa khi họ đi qua. Củ khoai bị hàm răng táp ngậm và dính chặt ở đó, nên khi chó gỡ ra được thì đã bị phỏng nặng, sau đó thịt hàm răng cứ thối đi mà chết. Em chôn nó ở dưới gốc cây mận kìa.

Thằng nhỏ vừa nói vừa ứa nước mắt.

Đêm đó dưới căn nhà xưa, tôi thao thức không ngủ được, nhìn qua song cửa ánh trăng loang loáng trên tàu dừa, trên lá chuối.

Miền đồng quê có vẻ an bình sao im lìm quá, không có tiếng người lớn, con nít lao xao trên đường làng, không có gà gáy chó sủa, bỗng nghe có tiếng rít vui mừng như tiếng con Tôm mỗi khi chúng tôi trở về nhà.

Tôi bò rột dậy nhìn ra gốc cây mận : Hay là con Tôm nó biết tôi về mà chào đón ?

Có gì đâu. Đêm vẫn yên tĩnh.

Từ xa có tiếng chim cú rúc lên vài tiếng rời rạc và hoả châu vẫn thỉnh thoảng treo trên bầu trời.

Chiến tranh càng ngày càng khốc liệt, tôi vào lính và phiêu dạt ra tận miền Trung.

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy Huế từ trên cao, sau 2 năm rồi mà sự tàn phá của trận chiến Mậu Thân cũng chưa hề phai lạt. Tôi ngồi trên trực thăng bay nửa vòng trên Thành Nội rồi đáp xuống sân Tây Lộc.

Những đền đài đổ nát, lầu các lở lói vẫn còn y nguyên.

Lúc chúng tôi đi ăn cơm trưa ở gần Đập Đá mới nhìn thấy rõ nét chịu đựng, sự khắc khổ vẫn còn hằn sâu trên gương mặt người dân xứ Huế.

Thế rồi tôi gắn bó với mảnh đất đó đến 5 năm, suốt từ trận Hạ Lào- Lam Sơn 719 cho đến trận Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Còn sống cũng là số trời.

Những đồng đội trong những năm đó nay ai còn ai mất ?

Nguyễn Viết Tân

Sau Ngày 30 Tháng Tư

Phước An Thy

Hôm nay, ngày 30 tháng Tư, mới đọc một hồi ức về ngày này. Tác giả qua Mỹ trong một gia đình H.O. từ tháng Sáu năm 1994, vừa làm vừa học và tốt nghiệp kỹ sư điện tử. Ông hiện là cư dân Garden Grove, California, lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ từ 2018. Bài viết thứ tư của ông là chuyện Cần Thơ 43 năm trước.

Từ miền Trung, cha mẹ dắt anh em chúng tôi chạy giặc ra tới đảo Phú Quốc, rồi lại vào Cần Thơ, tạm trú trong một trường tiểu học gần cầu Đầu Sấu. Người tị nạn thấy ấm lòng khi có nhiều đoàn thể của chính phủ đến thăm hỏi, an ủi, cho thức ăn, áo quần, vật dụng, hội Hồng Thập Tự khám bệnh, đoàn Hướng Đạo cắt tóc cho mọi người.

Mấy tuần sau, nghe tin Việt cộng đã «Giải phóng» thành phố tối qua mà không cần đánh nhau gì hết. Mờ sáng, mọi người thấy những hàng quân Bắc Việt đội nón cối, lưng ba lô đầy lá ngụy trang, chân mang dép râu lấm bùn đất, lặng lẽ như những chiếc bóng hành quân trên đường trước trường học. Mọi người bấn loạn, hoảng sợ, nhiều người tị nạn trong trường than thở :

- Đã chạy từ ngoài Trung vô tới đây mà cũng lại gặp Việt cộng.

Một người khác oán trách :

- Tôi chạy trốn từ ngoài Bắc, năm 54 vào tới miền Nam mà cũng không thoát được Cộng sản.

Những ngày tiếp theo, không còn thấy hội đoàn nào đến viếng thăm nữa, không ai còn đồ ăn, chính quyền «Cách mạng» cũng chẳng đếm xỉa gì, dường như họ không thấy hàng trăm người tị nạn trong trường học.

Lần lượt mọi người tự động bỏ đi, người đi lên Sài Gòn, người về quê, trong trường học rộng mênh mông chỉ còn lại mỗi gia đình chúng tôi. Cả nhà không biết phải làm gì, tiền thì không có và cũng không biết đi đâu vì trước đây nhà gia đình chúng tôi ở trong trại lính. Tối đến gió lồng lộng, cả nhà bụng đói, ôm nhau ngủ trong lớp học hiu quạnh. Chờ thêm mấy ngày nữa mà vẫn không thấy ai đến, gia đình chúng tôi xách các túi áo quần đi bộ ra bến xe, tìm xe xin quá giang về Sài Gòn. Xin rất nhiều xe khách, nhưng không xe nào cho quá giang, cuối cùng có một xe tải chở hàng cho lên ngồi cùng hàng hoá về Sài Gòn.

Đến Sài Gòn, nhưng không biết ở đâu, đi lang thang khắp nơi, cuối cùng gia đình chúng tôi tìm được một căn nhà sát hàng rào phi trường Tân Sơn Nhất, trong khu gia binh Truyền Tin, của một sĩ quan đã bỏ ra nước ngoài. Đói quá, cha ra sau vườn đào rễ chuối lên nấu cho các con ăn. Ăn rễ chuối mấy ngày thì ăn không nổi nữa, anh em chúng tôi phải đi xin ăn.

Uỷ ban Quân quản Thành phố qua đài phát thanh đưa ra nhiều điều lệnh, thông báo nghe rôm rả, «Nhân dân miền Nam ta anh dũng, nổi dậy, tổng tiến công đánh tan Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai bán nước, hại dân và đã giành thắng lợi vẻ vang». «Để xây dựng trật tự của chánh quyền cách mạng, củng cố, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bà con phải tuân theo các lệnh của Uỷ ban Quân quản Thành phố, của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam». «Thành phố ta được vinh dự mang tên Hồ Chí Minh vĩ đại, được làm ăn sinh sống tự do, không còn bị kìm kẹp, tàn ác như chế độ Mỹ ngụy».

Vài ngày sau, trên đường phố thỉnh thoảng có những vụ xử bắn làm gương. Những người bị xử bắn, bị bịt mắt, hai tay trói quặt ra sau, đứng trên một thùng phuy. Bộ đội đọc vội bản án cướp bóc hay phản động, xong dùng súng AK-47 bắn vào nạn nhân. Xác nạn nhân văng

xuống đất giãy đành đạch, máu tuôn có vòi, như con thú bị giết dã man trước mắt mọi người, già trẻ lớn bé.

Báo chí trong thành phố đua nhau đăng tin ca ngợi «Sự khoan hồng của Nhà nước và khuyến khích các sĩ quan chế độ Việt Nam Cộng Hòa mạnh dạn đi học tập, cải tạo mười ngày». Cha tôi tin vào «Sự khoan hồng của nhà nước» khăn gói đi «Học tập cải tạo» biệt tích.

Bơ vơ giữa Sài Gòn xa lạ, tiền không có, các gốc chuối sau vườn cũng đã đào lên ăn hết, mẹ tôi lo lắng gầy hẳn đi. Tối nào mấy mẹ con chúng tôi cũng ôm nhau khóc sướt mướt.

Sau «Giải phóng», vì đói nên mọi người đổ ra đường dọ dẫm làm ăn, buôn bán, chợ trời mọc lên khắp nơi. Chợ trời có đủ các thành phần xã hội, người đàng hoàng, người trí thức, kẻ lường gạt, dân ma cô, tất cả mọi người đều ra lăn lộn ở chợ trời kiếm ăn. Nhiều người vì đói quá nên đem đồ đạc trong nhà ra bán, người không có gì bán thì ra mua đi bán lại. Chợ trời bày dọc theo hai bên lề đường, người mua kẻ bán tấp nập, họ bán đủ mọi thứ, áo quần, bàn ghế, nồi niêu, chén bát, không thiếu thứ gì, nhưng được nhiều người tìm mua nhất ở chợ trời là Đạp, Đổng, Đài (xe đạp, đồng hồ, radio), vì bộ đội và nhiều người miền Bắc vào mua.

Đang lúc mua bán, khi có tiếng la lên từ đầu đường, «Công an» thì mọi người náo loạn gom ôm đồ đạc, hàng hoá bỏ chạy, nếu bị bắt thì coi như mất hết. Họ chạy xuống cuối đường, công an và quản lý thị trường đem xe đến hốt cuối đường, thì mọi người lại chạy lên đầu đường. Loa từ xe công an phát ra kêu gọi : «Cán bộ, công nhân viên chức, nhân dân không được tụ tập mua bán đồ cũ, vì sẽ tạo nên hang ổ cho bọn lưu manh, trộm cướp, bọn đầu cơ, bọn bán hàng giả, hàng ăn cắp của nhà nước. Tiêu thụ hàng ăn cắp là phạm pháp. Bà con nên tránh xa những nơi tụ tập của những kẻ làm ăn bất chính, phá rối trật tự trị an, làm hại đến đời sống của nhân dân lao động».

Dù đã ra nhiều thông cáo răn đe, dù bắt bớ, tịch thu khá nhiều hàng hoá của người dân Sài Gòn, nhưng người dân vẫn đổ ra đường buôn bán càng đông hơn. Chính quyền không làm sao dẹp nổi chợ trời, nên họ đem xe vòi rồng xịt nước đến đuổi phá chợ trời. Xe vòi rồng đi rồi, thì chợ trời lại nhóm đông như cũ. Chính quyền «cách mạng» bèn hút nước cống hôi thối đến xịt, dân chợ trời đã chuẩn bị trước, liền đưa cờ «Giải phóng», hình ông Hồ «Vĩ đại kính yêu» lên che đỡ, vừa che vừa la lớn : «Bác cứu con. Bác cứu con». Công an và quản lý thị trường không ngờ, trở tay không kịp nên xịt bao nhiêu nước cống đen ngòm hôi thối lên cờ «Giải

phóng» và cả hình ông Hồ. Cuối cùng vì không dẹp được chợ trời, nên chính quyền đành làm lơ cho mọi người buôn bán kiếm miếng ăn.

Một hôm, có đoàn bộ đội dắt theo hai con chó đến nhà mấy mẹ con đang ở. Thủ trưởng bộ đội nói :

- Nhà này của ngụy quyền bỏ chạy theo chân đế quốc Mỹ, nay nhà nước tịch thu. Mấy mẹ con chị phải dọn ra gấp.

Mẹ tôi chắp tay nói :

- Thưa bộ đội, mẹ con tôi từ ngoài Trung vô, không có nhà nên không biết đi đâu...».

Gã bộ đội ngắt lời :

- Thì về lại ngoài Trung.

Nước mắt lưng tròng, mẹ tôi nói :

- Dạ, tôi cũng không có nhà ngoài Trung.

Hai con chó chạy tới gần anh em chúng tôi, gầm gừ làm mấy đứa em tôi sợ khóc thét lên. Gã bộ đội gọi hai con chó :

- Thiệu, Kỳ đến đây.

Hai con chó tên Thiệu, Kỳ liền cụp đuôi, chạy tới nằm dưới chân gã. Gã lấy lương khô Trung Quốc cho hai con chó ăn, rồi nhìn mấy mẹ con tôi, gã nói :

- Mẹ con chị đi đâu thì đi tôi không cần biết.

Mẹ tôi năn nỉ :

- Xin bộ đội cho mẹ con tôi ở sau nhà bếp cũng được, tôi không biết phải dắt con đi đâu bây giờ.

Gã bộ đội quát lớn làm mấy con chó láo liên, sợ hãi :

- Không được. Sao chị lì lợm thế.

Quay sang mấy bộ đội trẻ đang đứng trước cửa nhà, gã nói :

- Vào dọn hết đồ đạc của chị ta ra khỏi nhà ngay.

Một số bộ đội vào lấy đồ đạc của mấy mẹ con ném ra đường, một số khác thì dọn đồ của bộ đội vào. Mẹ con bồng bế nhau, xách vác áo quần, nồi niêu đi lang thang trong xóm gia binh, may gặp một nhà nhỏ bỏ hoang, mẹ con vào ở tạm.

Vào một buổi sáng, các loa truyền thanh treo khắp nơi bất ngờ thông báo lệnh đổi tiền, «Để kết thúc đồng tiền Sài Gòn tội lỗi, đồng tiền nhơ nhớp, nhục nhã nay

nhà nước ban lệnh đổi tiền. Mỗi hộ gia đình được đổi tối đa một trăm ngàn đồng tiền Sài Gòn. Giá năm trăm đồng tiền miền Nam đổi một đồng tiền giải phóng».

Mẹ tôi không có tiền để đổi nên có người nhờ đổi giùm, họ cho lại một phần, mấy mẹ con mừng lắm. Sau ngày đổi tiền, nhiều người giàu bị nhà nước đánh lén trở thành nghèo, họ ném tiền không đổi được ra đường. Thấy nhiều tờ giấy bạc bay khắp nơi, các em nhỏ của tôi mừng rỡ lượm về đưa cho mẹ mua gạo. Mẹ phải nói cho các em biết tiền này không còn xài được, như tờ giấy thôi. Các em tôi tiếc rẻ ném tất cả tiền lượm được vào thùng rác.

Sau đổi tiền, cuộc sống của mọi người càng bi thảm hơn, đói rách, còn thêm ghẻ lở. Người thành phố thường gọi là «Ghẻ bộ đội, ghẻ Trường Sơn», ghẻ từng chòm nổi khắp người, nhất là ở những kẽ ngón tay, ngón chân, và những chỗ kín trong thân thể. Đi đâu cũng thấy mọi người đưa tay gãi sột soạt, họ thường nói đùa, «Tiếng đàn Ta Lư». Mẹ tôi lo lắng không biết làm cách nào kiếm được miếng ăn cho các con, nhìn các con bụng đói ôm nhau nằm ngủ, ghẻ chốc đầy mình, khiến nước mắt mẹ cứ ứa ra.

Những ngày gần đây, ông tổ trưởng dân phố cùng vài cán bộ, ngày nào cũng tới vận động, cưỡng bức mẹ con

chúng tôi đi vùng kinh tế mới. Không thể chống lại lệnh của chính quyền, mẹ tôi đành gạt nước mắt, chấp nhận đi kinh tế mới. Mẹ tôi cùng những người hàng xóm có chung hoàn cảnh trong khu gia binh, chạy qua chạy lại giúp nhau thu dọn đồ đạc đi «Xây dựng vùng kinh tế mới». Lòng ai cũng rối bời và tuyệt vọng, nhưng cố trấn an nhau, hy vọng tương lai sẽ không bị thiếu ăn, thiếu mặc nơi vùng kinh tế mới.

Lên vùng kinh tế mới được mấy tháng, mẹ con chân yếu tay mềm, không chịu đựng được sự khắc nghiệt của rừng già nên bỏ trốn về miền Trung. Về miền Trung, mấy mẹ con lại bị bắt đi kinh tế mới lần thứ hai vì không có nhà và hộ khẩu.

Lên vùng kinh tế mới ở miền Trung này được một tháng, mẹ tôi bị sốt rét, y tá địa phương không chữa được nên phải đưa lên bệnh viện tỉnh. Ở bệnh viện tỉnh được hai ngày, mẹ tôi qua đời.

Ông ngoại mướn xe lam đưa anh em chúng tôi ra nhà xác của bệnh viện để nhận xác mẹ chúng tôi. Anh em chúng tôi ngồi bao quanh xác mẹ nằm giữa sàn xe, sụt sùi khóc. Ông ngoại chở xác mẹ chúng tôi về nơi ông bà ngoại đang sinh sống sau năm 1975, một vùng quê, để chôn cất.

Ông ngoại làm đơn, ra uỷ ban xã xin phép mai táng, chôn cất mẹ tôi tại nghĩa trang địa phương, nhưng chính quyền địa phương không cho vì mẹ tôi không có hộ khẩu ở đây. Ông ngoại đến nhà ông chủ tịch xã năn nỉ, trình bày lý do vì vùng kinh tế mới chưa có nghĩa trang, cha chúng tôi đang ở tù «cải tạo» và anh em tôi còn quá nhỏ không lo đám tang được, nhưng ông chủ tịch xã nhất định không cho chôn xác mẹ tôi tại đây.

Chờ nhà ông chủ tịch xã ăn cơm tối xong, ông ngoại dắt anh em tôi đeo khăn tang bằng vải mùng trắng ố vàng trên đầu, đi vào nhà ông chủ tịch. Ông ngoại bảo anh em tôi quỳ xuống, chắp tay vái lạy trong khi ông ngoại năn nỉ xin ông chủ tịch ký đơn. Vợ và các con ông chủ tịch từ nhà trong chạy ra, đứng nhìn anh em tôi vừa khóc vừa lạy. Ông chủ tịch xã, miệng ngậm cây tăm xỉa răng, lắc đầu, không chịu ký đơn và xua tay đuổi chúng tôi ra ngoài. Thấy anh em tôi vẫn quỳ, liên tục vái lạy và khóc lóc dữ quá, vợ ông chủ tịch thì thầm vào tai ông ta, khi ấy ông ta mới chịu ký đơn cho chôn cất mẹ tôi tại nghĩa trang ở địa phương đây.

Nhà ông bà ngoại tôi có mười sáu người con ruột, hai người con nuôi, tổng cộng là mười tám người con và chỉ mới có mấy người lập gia đình riêng. Mẹ tôi là con gái đầu và cũng là người con đầu tiên trong nhà qua đời.

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, nhà ông bà ngoại tôi cũng như đa số người dân miền Nam đều nghèo khó nên để nuôi nấng chừng ấy người con là điều không phải dễ, nay lại thêm bảy đứa cháu thơ dại tá túc trong nhà nữa. Ông bà ngoại không có tiền, không có gì để lo đám tang cho mẹ tôi, chỉ có khoai sắn luộc lên mời những người đến thăm viếng, đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn mẹ tôi. Những người bà con và hàng xóm thấy vậy, nên người cho tiền, người cho gạo, bắp, sắn khoai và một người cho tấm ván ép mỏng để đóng một chiếc hòm yếu ớt cho mẹ tôi.

Ngày đưa xác mẹ ra nghĩa trang, anh em chúng tôi chít khăn tang dài quá mông, đi theo những người khiêng hòm mẹ tôi trên vai. Con đường dẫn ra nghĩa trang, nằm trên một ngọn đồi, gập ghềnh vì rảnh bánh xe bò, quanh co đầy cỏ cây cao ngang gối. Anh em chúng tôi lúc cúc đứa đằng trước, đứa đằng sau, có đứa đi cả dưới quan tài của mẹ.

Sau đám tang mẹ tôi, ông ngoại đưa tôi đi đến từng nhà các ân nhân để hai ông cháu cảm ơn họ. Trên đường về, ông ghé lại một quán phở ở chợ làng. Ông gọi hai tô phở cho hai ông cháu, đây là tô phở ngon nhất mà trước đó, kể cả sau này tôi được ăn vì đã lâu tôi không được ăn phở và vì đây là lần đầu tiên ông nói chuyện với tôi

như một người đã trưởng thành.

Hai ông cháu không giữ một chút sĩ diện gì, ăn cạn sạch tô, không chừa sót một chút nước phở nào. Sau này mỗi lần ăn phở, tôi lại nhớ đến tô phở mà ông ngoại đã cho tôi ăn.

Ăn xong, như hai người bạn, một già một trẻ, ông nói chuyện, tâm tình và động viên tôi. Chỉ bằng những lời của ông, đã làm vơi bớt sự đau buồn của một đứa trẻ vừa mất mẹ và sự sợ hãi khi sắp phải về sống ở vùng rừng núi hoang vu. Ông đưa cho tôi một cuốn sổ nhỏ ghi nhiều tên họ của các ân nhân, nơi ở và chi tiết những thứ họ đã giúp trong đám tang mẹ tôi, như ai cho bao nhiêu tiền, ai cho ván, rổ khoai, ký sắn, mấy lon gạo... Ông nói : «Con cất giữ cuốn sổ này, để biết mà báo ơn người ta».

Lo cho người chết xong, nội ngoại hai bên họp lại, bàn lo cho người sống là anh em tôi. Vào thời điểm lúc ấy, cả ông bà ngoại, ông bà nội đều khó khăn, không thể nuôi cả bảy anh em chúng tôi nên anh em chúng tôi phải tạm lìa xa nhau, tôi lớn nhất mười sáu tuổi lên sống ở vùng kinh tế mới với ba em kế, ba đứa nhỏ hơn, hai về ở với ông bà ngoại và một ở với ông bà nội.

Khi lên vùng kinh tế mới này, mẹ tôi chưa kịp cất cho chúng tôi một nơi để trú thân, nên ông nội, ông ngoại và một người cậu đã đến giúp dựng nhà cho chúng tôi ở nơi mảnh đất mà mẹ tôi vừa phát hoang trước khi qua đời. Tôi mong công việc dựng nhà, thực ra chỉ là túp lều tranh rộng có mấy mét vuông, kéo dài càng lâu càng tốt vì không muốn các ông và cậu ra về, nhưng tới chiều thì túp lều đã hoàn tất.

Tôi ước gì ông ngoại ở lại với anh em tôi, nhưng điều đó là không thể vì ông ngoại còn có nhiều cậu dì tuổi còn nhỏ hơn cả tôi. Khi chia tay, tôi thấy mắt ông ngoại rất buồn nên tôi nói với ông là tôi không sợ gì cả, nhưng khi chỉ còn lại bốn anh em chơ vơ, tôi đã sợ hãi.

Đêm đầu tiên trong căn chòi tranh, tôi không ngủ được. Bên ngoài trời tối đen, mưa rừng ầm ầm, nước ào ào đổ xuống trĩu nặng như muốn đè bẹp mái tranh. Gần nửa đêm, mưa tạnh, tiếng côn trùng râm ran chui ra từ những ụ đất sũng nước. Xa xa, nơi ngọn núi sau nhà, ẩn hiện những cặp mắt lúc xanh biếc, lúc rực đỏ của thú rừng đi ăn đêm. Tôi cảm thấy bất an, lòng lo lắng vì từ nay tôi phải tự quyết định mọi việc cho cuộc sống của tôi và các em ở nơi vùng đất hoang dã này.

Phước An Thy

Bỏ Mứa !

Dong Trinh

Tác giả hiện là cư dân Arkansas, đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2017. Bà tên thật Trịnh Thị Đông, sinh năm 1951, nguyên quán Bình Dương. Nghề nghiệp: Giáo viên anh ngữ cấp 2. Với bút hiệu Dong Trinh, bà dự Viết Về Nước Mỹ từ tháng 7, 2016, và luôn cho thấy sức viết mạnh mẽ và cách viết đơn giản mà chân thành, xúc động. Sau đây, thêm một bài mới viết mới.

Tôi có thói quen, mỗi lần ăn cơm hay bất cứ món gì, tôi luôn liệu coi mình ăn bao nhiêu để múc vừa phải và ăn hết sạch, một hột cơm, một cọng bún cũng không bỏ sót.

Những năm đói khổ phải ăn độn, gạo mục, hôi mốc lại thêm khoai khô, ăn mà hai mắt muốn trợn trắng, tôi cũng cố nuốt cho hết. Thỉnh thoảng về nhà chồng ở tận làng quê Bạc Liêu. Nơi đó, ngoài ruộng đồng và dòng sông chảy ngang qua với hàng dừa nước xanh rì, rợp bóng, không một cọng rau nào có thể trồng được.

- Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo, đất cày lên sỏi đá...

(Bản nhạc Tình nước của Vũ Hoà Thanh)

Đúng vậy ! Làng quê bên chồng tôi, nước quý như vàng. Nhà nào cũng có hàng lu dọc bên hiên nhà. Những tháng hạn, xe nước ngoài tỉnh vô, bà con lối xóm lật đật ra để đổi nước có dùng hàng ngày. Nửa đêm dù một, hai giờ khuya đang ngon giấc, dù bốn giờ sáng phải ngồi dậy nấm cơm ra đồng cày sâu, cuốc bẩm...mọi người vừa nghe sấm chớp, mưa đổ hột rào rào trên mái là cả nhà kêu nhau ơi ới, chạy hết ra ngoài, kê thau, kê thùng để hứng lấy dòng nước ngọt trời cho. Hứng, đổ vô lu, vô thùng phuy...mưa càng lâu, càng lớn càng mừng... Hôm sau, má chồng tôi vội vã cắp thúng ra chợ mua bí đao. Để chi ? Má chồng tôi cũng như hàng xóm, đem bí còn nguyên trái, lẫn vỏ, rửa sạch sẽ thả vô lu nước. Đến khi trái bí mục rữa ra, lúc bấy giờ lược lại sạch sẽ, nấu chín uống, ôi ngọt ngào gì đâu !

Nhà ai cũng có cái đìa, người ta thả cá lóc, nước đục màu phèn. Mỗi ngày, tắm, giặt, rửa rau, rửa chén...chỉ cái đìa đó thôi. Riết rồi quần áo đen ngả màu bạc thết, áo trắng có thể đem so với tô cháo lòng. Còn da người nào người nấy thì mốc trắng !

Tết đến, cũng tại cái đìa đó, ba chồng và các em xắn quần tận gối, cùng nhau tát nước lên bờ, càng gần tới đáy, nước càng đục, những đứa trẻ đứng quanh đó la hét, reo hò, chỉ chỏ...ôi thôi, cá lóc đầy nghẹt, chúng tôi chuyền những cái thùng, thau xuống và đón trở lại những cái thùng nặng trĩu. Má chồng tôi vui lắm. Bà đã tính toán sẵn trong đầu. Một mớ cho bà con chòm xóm, một mớ kho ăn, một mớ xẻ khô, phần còn lại làm mắm.

Tuy đời sống dân quê rất nhọc nhằn nhưng trời thương, trong thời buổi củi quế gạo châu, mọi người ăn đói, ăn độn thì nơi này, nhà nào cũng bồ lúa đầy ấp, cơm ngày ba bữa no nê, tôm tép, cá thịt ê hề. Lũ heo gà mèo chó cũng có phần, cũng cơm, cũng gạo như người. Khuya nào cũng vậy, thằng em chồng chỉ mới bảy tám tuổi, người ốm trơ xương không phải vì thiếu ăn mà vì thiếu ngủ và thiếu tuổi thơ trong cuộc sống. Đúng một giờ khuya, em tôi ngồi dậy, đốt lò trấu, bắt nồi cơm thiệt bự, cho người lẫn gia súc. Đêm khuya, gió chướng tháng mười buốt xương, bên bếp lửa hồng, em tôi ngồi co ro phùng mang, trợn má đưa ống tre lên thổi để giữ ngọn lửa cháy đều. Lửa ấm không ấm nỗi đứa em trai vô phước từ khi mới lọt lòng do những mê tín dị đoan, vì em có một cái bớt đen như miếng da trâu trên vai. Sanh em không bao lâu, ba chồng tôi bị thuyên chuyển đi một tỉnh xa tận ngoài Trung. Má chồng tôi cho rằng

thằng bé mang xui xẻo đến nên bà ghét cay ghét đắng nó, mới học lớp một, chưa kịp đánh vần được hai chữ 'bất công» thì em đã bị bắt nghỉ học, ở nhà chăn heo, gà, vịt. Trong khi các anh chị em khác thì được ăn no, ngủ kỹ, cắp sách đến trường.Ở cái tuổi ăn chưa biết no, mà em lại phải lo toan đủ chuyện trong nhà. Khuya nào cũng vậy, đang ngủ ngon, thấy ánh lửa bập bùng, tiếng 'phù. .phù..» nho nhỏ là tôi biết em đang nấu cơm cho mấy anh sáng dở ra đồng. Tôi lập tức ngồi dậy, đến bên em, giúp những việc lặt vặt. Em hay nói :

- Chị Hai ngủ đi, còn sớm mà !

Tôi ôm em không nói gì, lòng thương mến dạt dào... tội tình gì mà em phải chịu cảnh nhọc nhằn khi tuổi đời còn quá non nớt vậy em ?

Tới giờ cơm, ngồi quay quần bên bàn ăn, tất cả mọi người hướng mắt về phía ông ngoại chồng tôi. Ông ngồi ngay ngắn, đưa chén cơm có gác ngang đôi đũa lên trán, miệng lẩm bẩm, rồi xá ba cái. Tôi nhìn mà không hiểu ông khấn cái gì, tôi nghĩ có lẽ ông theo một tôn giáo nào như bên Tin Lành hoặc Công giáo, đọc kinh cảm ơn Chúa đã cho được bữa cơm no.

Ăn xong, ông cũng làm động tác như lúc đầu, chỉ là chén cơm đã cạn sạch sẽ, không còn hột nào. Thấy tôi nhìn ông với vẻ thắc mắc, ba chồng tôi nói :

- Mình làm ruộng, được bữa cơm no đủ thì phải biết ơn của người nông dân, chân lắm tay bùn. Họ dầm mưa dãi nắng, để đem cho mình chén cơm ngon. Trước và sau mỗi bữa ăn, nhà nào cũng thành kính cảm ơn ông thần nông đã cho lúa trúng mùa, đời sống ấm no, và cũng vì vậy mà mình phải biết trân quý từng hạt gạo, hạt thóc.

À, giờ đây thì tôi đã hiểu. Tôi nhớ, hồi nhỏ, khi đi ra nhà sách Nam Cường, thấy có quyển truyện tựa là ‘ Hạt ngọc ‘. Tôi vốn mê chuyện cổ tích thần tiên, thấy hấp dẫn quá, ráng dành dụm tiền để mua cho bằng được. Về nhà, hí ha, hí hửng đọc liền. Dè đâu, càng đọc, càng chán ! Tiên thánh đâu không thấy, ngọc ngà châu báu cũng không. Toàn là nói đến ruộng đồng, nói đến bác nông dân nghèo nàn và những nỗi nhọc nhằn của người làng quê khi đem được hột gạo về nhà !

Rồi tôi quăng quyển sách vô xó tủ, không ngó ngàng đến, trong lòng tiếc ngẩn tiếc ngơ mấy đồng nhịn ăn bánh để mua một cuốn sách dở ẹt !

Mãi cho đến sau ngày nhà tan cửa nát, ăn uống đói khổ, tôi bắt đầu đi lục áo quần cũ bán, sách vỡ thì đem cân ký lô để đổi lấy miếng ăn. Chợt quyển Hạt Ngọc nằm ngay mắt tôi. Mở từng trang, từng trang một...nước mắt tôi nhoà lên trang giấy đã ngả màu...bây giờ, tôi đã thắm thía hai chữ Hạt ngọc của trời ban...tôi đã phải bán đi tất cả kỷ niệm xưa trong đời để đổi lấy từng hạt ngọc, những hạt ngọc ẩm ướt pha lẫn bông cỏ dại, đá sạn, hôi mốc mà chúng tôi không có đường chọn lựa, không có quyền chê bai.

Cũng trong thời gian này, ba tôi vì mất vì buồn nhà cửa bị tịch thu, tài sản tiêu tan. Ba là cây cột chánh trong gia đình, khi người mất đi, anh chị em chúng tôi kẻ ra chợ phụ buôn bán, người làm việc với đồng lương chết đói. Một hôm, má tôi đi chùa, đến giờ ăn, tôi định đi nấu cơm...mở nắp khạp gạo ra...không còn một hột ! Trưa đó, đứa cháu gái bảy tuổi, ngồi bên tôi, khóc tỉ tê :

- Dì ơi, con đói quá...

Thằng con ba tuổi, ngó tôi :

- Mẹ ơi, con muốn ăn cơm...

Ruột tôi thì cồn cào...tôi cắn răng chịu đựng, nước mắt chảy dài, bất lực trước cái đói của hai đứa nhỏ !

Về bên chồng, tôi càng biết trân quý những hạt gạo trắng ngần khi nhìn cảnh những người nông dân ra đồng, chân không mang giày dép, mười ngón chân vừa đi vừa bấu xuống mặt đất cho bước đi vững vàng vì phải kéo lê cái cày nặng trĩu bờ vai. Riết rồi, khỏi cần phải cắt, móng chân cũng không mọc nổi. Các cô thiếu nữ tuổi xuân thì, đôi gót sen đầy nứt nẻ vì nước phèn bám quanh năm.

Qua Mỹ, cho dù giờ đây không phải nhọc nhằn lắm với miếng cơm manh áo, tôi vẫn có thói quen dạy các con ăn không được bỏ mứa. Hồi con tôi còn nhỏ, mỗi khi cháu bú sữa không hết là tôi đổ ra ly uống phần dư, sửa không còn lạnh, lại trong bình kín, nghe chẳng ngon chút nào nhưng tôi vẫn không đổ bỏ. Khi các cháu lớn lên biết ăn, tôi bắt buộc phải vét cho sạch chén. Có lần, một người bạn đến chơi, thấy vậy liền nói :

- Người Lào có tục lệ là ăn phải chừa lại một, hai muỗng (người Lào ăn xôi, không ăn cơm) chứ không được ăn hết. Họ nói như vậy thì mới giàu !

Tôi cãi lại :

- Ăn vậy thì nghèo đói và mang tội chứ giàu nỗi gì ? Tự nhiên phải chừa rồi đem đổ thùng rác !

Côn chị Tư tôi, mỗi khi thấy ai ăn mà còn sót lại vài hột cơm, chị hay nói :

- Ăn thêm mấy hột đó nữa đâu làm cho no thêm mà sao không rán ăn, bỏ chi cho mang tội !

Tôi có đưa cháu trai, lúc nhỏ mỗi ngày tôi đưa rước nó đi học. Thằng bé đã tám, chín tuổi mà ốm nhom, thấp nhỏ hơn những đứa đồng tuổi vì làm biếng ăn lắm. Đến nổi, có lần, cháu nói :

- Không biết người ta có làm loại xe nào mà người thấp lùn có thể đạp được chân ga không bà ? Con sợ khi con đủ tuổi lái xe, con không chạy được. Tôi nói :

- Muốn vậy thì mỗi ngày con phải uống sữa, ăn cho nhiều thì sẽ cao lớn như người ta, chứ ao ước chi chuyện xe cho người lùn ?

Bắt đầu từ hôm đó, suốt cả năm trời, mỗi sáng đưa cháu đến trường, tôi theo luôn vô phòng ăn, ngồi cạnh thằng nhỏ, ép nó phải ăn cho hết. Lúc đó, nó rất bực tôi mặt mày cứ nhăn nhó nhưng tôi quyết tâm phải ngồi một bên canh chừng cho đến hết mâm thức ăn. Nhìn xung quanh, nhiều đứa trẻ lên sắp hàng lãnh thức ăn, trên mâm nào cereal, sửa(chocolate hoặc sửa trắng) bánh mì, sausage, trái cây, bánh ngọt… sau khi bưng

mâm về chỗ ngồi, tôi quan sát thấy rất nhiều đứa nhìn mâm thức ăn, đưa mũi xuống hửi hửi như mèo xong bưng lên đổ ập vô thùng rác ! Vậy thì chắc chắn là cái thằng cháu tôi cũng y chang mấy đứa này rồi !

Thấy học trò bỏ thức ăn mà sao mấy cô giáo không nói gì hết. Tôi nhìn thấy mà phát tức, giá tôi là cô giáo, tôi sẽ phạt mấy đứa hoang phí này mới được.

Một điều tôi rất vui là thằng cháu nhỏ xíu ngày nào của tôi lo sợ lớn lên không lái xe được, nay cháu đã là một sinh viên năm thứ ba đại học với chiều cao gần một thước tám. Cháu chơi wrestling rất giỏi, đoạt được nhiều huy chương. Vậy mà cũng còn thua anh nó vài phân đó.

Tôi nghĩ đến trẻ con Việt Nam, nhiều đứa phải moi đồ ăn trong thùng rác để kiếm từng miếng bánh mì dư hầu đỡ đói.Rồi tôi chợt nhớ đến lúc còn ở Việt Nam, có lần, tôi cùng người bạn trai vô một tiệm ăn ở Sài gòn. Trưa nóng quá, tôi chỉ muốn gọi món có nước để ăn cho lẹ. Tô phở nghi ngút khói, nước lèo béo ngậy với màng mỡ vàng trên mặt, thịt đầy tô, ngon gì đâu. Ăn xong, tôi vừa buông đũa, trong tô còn nước và chút ít rau giá. Bỗng một người đàn ông từ ngoài bước vô đứng cạnh tôi, bưng lấy tô phở dư thiệt lẹ, húp lấy, húp để. Hình ảnh đó làm tôi thật bất nhẫn và cho đến giờ vẫn còn

trong trí tôi.

Có một năm, gia đình chúng tôi đi đến ngôi chùa của người Thái Lan để cúng. Sau nghi thức tụng niệm là đến giờ ăn trưa. Các thầy ngồi xếp bằng thành hàng dài trên một bộ ván, trên mình mỗi thầy có một bình bát. Phật tử tuần tự mang thức ăn để vô trong bát cho thầy. Nào xôi, cá, rau, cà ri, mì xào, cơm chiên...tóm lại, cứ mỗi món một chút bỏ chung hết vô bát. Tôi ngồi dưới này nhìn và thắc mắc trong lòng : làm sao các thầy ăn được ? Vậy mà, sau khi xong phần sớt bát, các thầy bắt đầu cho bữa ngọ, bữa ăn duy nhất trong ngày. Người Lào, Thái không dùng muỗng đũa mà bốc tay. Các thầy từ từ cho tay vô bát nắm từng nắm thức ăn cho vô miệng, thật điềm đạm, nét mặt thản nhiên cho đến hết sạch trong bát. Trong khi đó, dưới bàn của các Phật tử thì thức ăn được để riêng rẻ, món nào ra món đó, ai thích gì thì ăn nấy, có quyền lựa chọn chứ không phải như các thầy.

Năm 2006,tôi bị ung thư xương, lúc đó tình trạng không nặng lắm nên Bác sĩ chỉ cho tôi uống thuốc (một tháng uống ba tuần ngưng một tuần, uống trong vòng một năm)chứ không phải làm chemotherapy.Nghe nói vậy, tôi mừng quá vì sẽ không bị rụng tóc. Dè đâu, uống thuốc được một tuần là tôi bắt đầu bị hành dữ dội, cứ ăn vô ói ra, lười thì lạt nhách. Chị Tư tôi thấy vậy cũng

nóng ruột cho tôi. Chị dặn tuần nào mà không phải uống thuốc thì cho chị hay để chị dẫn tôi đi ra ngoài ăn một bữa.

Hôm đó, hai chị em tôi đi ăn ở CC Pizza. Đây là tiệm pizza buffet. Bước vô trong, mùi thơm của bánh nướng làm tôi nghe đói bụng vì sau ba tuần không ăn uống do thuốc hành. Tới hàng bánh, tôi thích quá. Nào pizza rau cải, sausage, pepperoni,...rồi các loại pizza ngọt có mứt thơm, dâu...ơi sao mà loại nào cũng thiệt là hấp dẫn quá chừng đi thôi. Nói vậy chứ con mắt to hơn cái bụng. Thấy thì ham chứ làm sao mà ăn đủ loại cho nổi. Tôi chọn hai miếng mặn, một ngọt, mang về bàn, nhâm nhi từng chút...ngon quá ngon... trước mặt tôi, một bà Mỹ với dĩa pizza đầy ấp. Bà ta cứ cắn hai cái thì bỏ qua một bên, lấy tiếp miếng khác ăn. Rồi mấy đứa nhỏ cùng bàn với bà cũng vậy. Chúng cứ ăn nửa, bỏ nửa thật là phung phí. Tôi nhìn mà bực bội và cứ tiếc thầm trong bụng !

Thỉnh thoảng đi ăn buffet Tàu cũng vậy. Tôi thích chọn mỗi món một chút, nếu thấy ngon thì lấy thêm còn dở thì rán nuốt cho xong. Nhiều người lấy dĩa nào dĩa nấy cao ngất ngưỡng, ăn không hết, bỏ đó đi lấy dĩa khác. Cô waitress dọn bàn với nét mặt không vui vì khách ăn uống thật là phí phạm nhưng không thể nói gì với khách vì đây là tiệm all you can eat mà ! Họ là

những người may mắn, sinh ra và lớn lên ở một nước giàu mạnh, có cuộc sống dư thừa. Họ không biết rằng trên thế giới này có biết bao người chết vì đói sao ?

Tôi thường đưa cho mấy đứa cháu trong nhà coi hình ảnh những trẻ em Phi Châu, ốm trơ xương, nằm la liệt trên mặt đất như những cái xác còn thoi thóp, ruồi bu, kiến đậu các em cũng không đủ sức để phủi. Tôi muốn để cho các cháu tôi thấy rằng cho dù đây không phải là quê hương của mình nhưng mình đã may mắn hơn hàng vạn người khác ! Dù không giàu sang phú quý những vẫn đầy đủ cơm ăn áo mặc !

Mấy lần đi Canada, tôi hay ghé nhà người bạn, cùng dùng chung bữa ăn chiều. Rất nhiều lần, tôi để ý thấy chị ấy ăn xong, luôn luôn trong chén còn ít nhất là hai muỗng cơm. Một hôm, tôi làm bộ nói giỡn :

- Sao em thấy lần nào ăn chị cũng phải chừa một chút cơm rồi bỏ vậy ?

Chị cười :

- Thì no quá, bỏ chứ sao ?

Tôi chỉ là khách được mời, nghe câu trả lời vô lý quá nhưng không dám có ý kiến vì sợ chị giận. Thật ra, chị là con nhà giàu có từ nhỏ, quen sung sướng. Ngay cả cái

thời ăn độn, chị cũng chưa hề nếm mùi khoai khô ra sao nên chị không hiểu được cái đói khổ của người nghèo, chị chưa bao giờ về quê để thấy cái cực nhọc của nông dân nên không hiểu được cái giá trị của hạt gạo !

Thành phố nơi tôi ở bây giờ, những chợ bán thức ăn cứ đúng sáng thứ tư là đổi rau, trái cây cũ. Nhiều chợ lấy chuối đã chín có dấu chấm nâu cho vô bịch giấy và bán với giá rất rẻ để thay chuối mới. Có chợ thì lấy những đồ hộp sắp hết hạn, rau, trái cây bắt đầu chín nhiều đem cho Sebastian Army để phân phát cho những người vô gia cư.

Tôi ghét nhất là chợ Walmart. Thỉnh thoảng, họ đem đổ vô thùng rác nào bắp cải, măng Tây, chuối, bôm, nho... nhiều món còn tươi tốt lắm. Nhiều người Mỹ rất nghèo, họ canh ngày, giờ chợ bỏ đồ ăn, khi những món này vừa được quăng vô thùng rác, lập tức mấy người kia nhào tới lượm ra. Tuy nghèo, phải đi lượm thức ăn bỏ đi nhưng họ cũng rất đùm bọc nhau. Sau khi đem ra ngoài, những người đó chia đều ra, ai cũng có phần đầy đủ ! Tôi nghĩ họ sợ bán rẻ hoặc cho hội từ thiện, lỡ thức ăn cũ gây ngộ độc thì họ phải chịu trách nhiệm nên đem bỏ, ai lượm ăn, có gì thì ráng chịu. Xứ Mỹ là xứ thưa kiện mà !

Tôi có đọc một bài viết nói về đời sống của những người dân nghèo ở vài nước trên thế giới.

Nếu có ai từng đến Philippines, họ sẽ phải thốt lên những lời khen tấm tắc cho ẩm thực nơi đây; nhiều món ăn đường phố của Philippines đã thực sự vang tầm thế giới và được đánh giá rất cao. Tuy nhiên, có một món ăn nổi tiếng mà không phải ai cũng dám thử. Chẳng phải balut - món trứng vịt lộn trứ danh, hay nem cuốn Lumpia.

Nó có tên là «Pagpag». Hiểu nôm na, đó là món ăn được chế biến từ những thực phẩm thừa. Thịt gà thừa từ đĩa ăn của ai đó trong các cửa hàng đồ ăn nhanh ? Những tưởng bãi rác là điểm cuối của cuộc hành trình rồi nhưng không, nó sẽ tiếp tục được «tái chế» và thành món ăn cho người nghèo tại vùng đô thị Manila.

Thứ thịt pagpag kia sẽ được lóc xương, rửa sạch, chế biến tẩm ướp với gia vị để bớt đi những thứ mùi, thứ màu «kinh khủng». Chế biến xong, nhìn nó lại như một món ăn đẳng cấp nhà hàng, mà chỉ có giá vài nghìn đồng/đĩa

Trên thực tế, trong tiếng Tagalog, «pagpag» có nghĩa là bụi giũ ra từ quần áo hay thảm. Nhưng với những người nghèo, «pagpag» là thứ thịt thừa từ thùng rác.

Sáng sớm, lối bốn, năm giờ. Từ những bãi rác công cộng, có những nhóm người âm thầm, im lặng. Họ lầm lũi đi bươi trong đống rác tánh tưởi đó để tìm những miếng thịt dư thừa. Sau đó, họ mang về nhà, rửa sạch sẽ rồi đem đến một tiệm thức ăn chuyên chế biến các món ăn dư từ trong bãi rác để bán lại cho những người nghèo với giá thật rẻ. Những người dân nghèo không có sự lựa chọn nào khác ! Thật là xót xa !

Hằng ngày, tôi coi chừng mấy đứa cháu nhỏ, tới giờ ăn, tôi giao trước, ăn xong, phải đưa chén cho tôi coi, khi nào thấy trong chén đã hết sạch thì tôi mới cho qua phòng khách chơi. Một hôm, ba cháu ghé nhà nhằm giờ cơm. Mấy đứa nhỏ vừa ăn vừa nói chuyện tíu tít. Lát sau, bé Huỳnh ăn xong, bưng chén lại đưa tôi coi. Thành, ba của mấy đứa nhỏ, lấy làm lạ, hỏi tôi :

- Ủa, sao nó phải bưng cái chén không cho dì coi chi vậy ?

Tôi cười, giải thích :

- Tụi nó chỉ trông ăn cho lẹ đặng chơi nên bữa nào cũng bỏ mứa. Khi dọn rửa, mấy lần dì thấy nên sau đó, dì bắt tụi nó ăn xong phải cho dì coi cái chén đã vét sạch chưa, chừa một hột cơm cũng không được.

Thành nghe xong cười thiệt lớn :

- Ha... ha... Hèn gì, má con nói ở nhà mỗi lần ăn xong tụi nó cũng bưng chén đưa cho má con coi, mà má con hổng hiểu tại sao ! Ha ha... cám ơn dì đã dạy tụi nó biết ăn uống đàng hoàng, không bỏ mứa !

Fort Smith, Jan 3rd 2018

Dong Trinh

Sài Gòn Chợ Lớn Tết Mậu Thân

Capvanto

Captovan hoặc Capvanto là một bút hiệu khác của Philato, có lẽ do lối viết cách điệu từ Tô Văn Cấp, tên thật tác giả. Ông sinh năm 1941, từng là một đại đội trưởng thuộc TĐ2/TQLC, đơn vị có biệt danh Trâu Điên. Với nhiều bài viết giá trị, ông đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Năm mươi năm sau Mậu Thân, tác giả đã góp thêm hai bài viết đặc biệt : «Saigon 68 và Ông Sáu Lèo», kể về Thiếu Tướng Nguyễn Ngọc Loan, và bài «Anh Lính Chiến và Người Phóng Viên», kể về cuộc hành quân tại Phú Lâm A. Bài viết về Mậu Thân thứ ba của ông.

Một tháng trước Mậu Thân, tin tình báo cho biết 2 tiểu đoàn Việt Cộng (VC) là 161 và 162 sẽ đánh chiếm quận Giáo Đức và Cai Lậy hầu làm tê liệt đường tiếp tế lương thực từ Vùng 4 về Saigon,

Chiến Đoàn B gồm Tiểu Đoàn 1 và Tiểu Đoàn 2 Thủy Quân Lục Chiến (TĐ1, TĐ2/TQLC) dưới quyền chỉ huy của Trung Tá Tôn Thất Soạn, được lệnh hành quân và đã tiêu diệt chúng trên con kinh Cái Thia, phía Bắc cách quận Cai Lậy. Nhờ đó mà hàng hóa lương thực tràn đầy về Saigon cho dân ăn Tết, nhưng một số

anh em tôi đã không trở về.

Chờ Tết Mậu Thân và lễ cưới,

Tết Mậu Thân, mẹ trông anh về. Vị hôn thê trông anh về... Thân tộc, bạn bè chờ mừng đám cưới anh. Đó là trường hợp Trung Úy Nguyễn Quốc Chính, Khóa 20 Võ Bị, đại đội phó của tôi.

Chính vừa đính hôn với cô L. và sẽ làm lễ cưới đúng vào dịp Tết Mậu Thân.

Trong cuộc hành quân trực thăng vận này, Trung Đội 14 của Thiếu Úy Huỳnh Vinh Quang, Khóa 22 Võ Bị, tới phiên nhảy đầu, còn Chính có nhiệm vụ chỉ huy trung đội súng nặng đi sau, nhưng vì lo đàn em chưa đủ kinh nghiệm nhảy trực thăng nên Chính đã tình nguyện đi với Quang.

Khi trực thăng vừa đổ quân xuống là địch tấn công ngay bằng đủ loại vũ khí. Nhờ kinh nghiệm, Chính điều động trung đội xung phong vào thẳng mục tiêu, trấn áp được địch quân, giảm thiểu thiệt hại cho trung đội, chỉ vài người bị thương, một mình Chính tử thương !

Chính đã tử trận vào lúc 9 giờ sáng ngày 31/12/1967 trên bờ kinh Cái Thia, quận Cai Lậy ! Chính tình nguyện lãnh nhiệm vụ khó khăn thay cho một đàn em, anh đã

hy sinh một cách cao cả.

Và rồi Tết Mậu Thân, công quân tấn công vào Sài Gòn, TĐ2/TQLC được trực thăng Chinook bốc từ quận Cai Lậy đổ quân xuống ngay trong Bộ Tổng Tham Mưu (BTTM).

Món Quà Tết Tặng Bà Cô

Sau một ngày dẹp tan đám đặc công xâm nhập, tối đến đại đội tôi đóng quân phòng thủ ngay trong Bộ Tổng Tham Mưu.

Vào lúc một giờ sáng, tổ gác báo động có VC bò vào tuyến, tôi ra lệnh không được nổ súng mà phải bắt sống. Khi tù binh được dẫn đến thì tôi bật ngửa ra, nó chính là Vũ Khắc Quân, nhân viên phòng Tổng Quản Trị, con cô ruột của tôi. Tôi hỏi :

- Sao chú mày chui vào đây ?

- Phiên em trực phòng Tổng Quản Trị, khi VC tấn công vào, em trốn trong ống cống, đêm nay thấy yên nên em bò ra tìm đường về.

Bình thường lính canh nổ súng chính xác, nhưng do lệnh bắt sống mà chú em tôi may mắn đã không thành cái xác. Tôi đã tặng cô tôi món quà đầu Xuân quý giá.

(Vũ Khắc Quân sống sót sau trận chiến, nhưng cũng vừa qua đời tại Việt Nam vào dịp Xuân Mậu Tuất 2018.)

Cố vấn Mỹ lãnh cục bi trên trán

Từ Bộ Tổng Tham Mưu, đại đội tôi được lệnh tiếp tứng cho mặt trận Chợ Lớn. Khi tiến về Mũi Tàu Phú Lâm trên đường Hậu Giang, trên đường di chuyển chúng tôi đã thấy xác một phóng viên người Mỹ «ngồi» dựa vào chiếc xe hơi bị nát.

Khi đi đến ngã tư Hậu Giang và Phú Định thì bị đụng nặng, địch khá đông đang cố thủ trong những cao ốc gần hãng pin Con Ó. Chúng tôi sẽ phải vượt qua một bãi đất trống sình lầy mà hỏa lực của VC phía đối diện rất mạnh, đã cả giờ đồng hồ rồi mà quân tôi chưa tiến thêm được bước nào, số bị thương và tử trận ngày càng tăng cao trong khi thượng cấp thì ra lệnh phải tiến «bằng mọi giá» !

Tiểu Đoàn Trưởng Đồ Sơn xin trực thăng cobras và biệt phái xuống cho tôi Trung Úy cố vấn phó tên Carl White để phối hợp hỏa lực. Sau vài tràng rockets, hết đạn, cobras bay đi, tôi và Carl White leo lên cao quan sát mục tiêu thì nghe «cắc-bù», White ngã ngửa về phía sau, tôi biết anh ta bị thương, vội gọi y tá đến săn sóc, nhưng y tá tìm mãi không ra vết thương, không thấy

máu.

Sau giây phút tỉnh hồn, Carl mở mắt chỉ vào trán, một viên đạn xuyên qua nón sắt, cởi nón sắt ra thì thấy trán Carl White nổi một cục tụ máu như viên bi. Quan sát đường đi của thần chết thì ra đạn xuyên qua cuốn băng cá nhân cài trên non sắt, chui vào trong, đụng nón nhựa, sức mạnh đạn đi chỉ còn đủ lú ra chạm vào trán White một tí rồi dừng lại, thay vì xuyên qua đầu chui ra sau ót.

Carl White lấy máy hình ra, đứng bên cái biển «NHÀ BÁN», bấm một phát làm kỷ niệm để đời. Nhờ cái hòn bi ở trán mà sau đó Carl White được lên đại úy.

Gặp gỡ hai Vị Tướng VNCH

Là cấp đại đội, tôi chỉ biết đến cấp chỉ huy trực tiếp là tiểu đoàn trưởng hoặc cao hơn là lữ đoàn trưởng, nhưng khi hành quân tại Saigon dịp Mậu Thân thì đại đội tôi thường bị biệt phái hay hành quân riêng nên có dịp tiếp xúc với các vị chỉ huy cao cấp khác. Bên cạnh chuyện về Tướng Nguyễn Ngọc Loan (đã kể trong bài về Ông Sáu Lèo), tôi còn có dịp gặp thêm hai vị tướng VNCH nổi danh khác, là Tướng Dương Văn Đức và Tướng Trần Văn Đôn.

Khi được lệnh cấp cứu đồn Cảnh Sát Bà Hòa (hay Hỏa) trong Chợ Lớn, con đường tiến tới mục tiêu ở mặt trước rất nguy hiểm, tôi ra lệnh cho Trung Đội 14 chiếm căn biệt thự bên hông gần đó làm bàn đạp. Căn biệt thự cũ kĩ kiểu xưa, trông nghèo nàn nhếch nhác. Một bà đầm đang tắm cho mấy đứa nhỏ trong góc sân, không biết bà là đầm Tây hay đầm Mỹ, tôi toan mở miệng để xin phép xâm nhập gia cư thì nghe bả hỏi :

- Các chú cần gì ?

Thấy bà đầm 100% mà nói tiếng Việt giỏi lại gọi lính là «các chú» khiến tôi ngạc nhiên, bèn giải thích đầu đuôi, bả gật gù đồng ý nhưng nói thêm :

- Các chú nên vào trong nhà nói với ông Tướng một tiếng.

Càng ngạc nhiên hơn, tôi hỏi :

- Ông Tướng nào vậy bà ?

- Là nhà tôi, Tướng Đức, Dương Văn Đức ấy mà.

Nghe danh Trung Tướng Dương Văn Đức từ lâu, từ cuộc «biểu dương» lực lượng, nay tận mắt thấy Ông ngồi gật gù với chai lọ và tàn thuốc lá, tự dưng lòng tôi như chùng xuống, chưa kịp trình diện thì Ông nói :

- Tụi nó trốn hết rồi, nhưng các em phải cẩn thận.

Vô cùng cảm động, tôi đứng nghiêm đưa tay chào «tuân lệnh» đúng quân phong quân kỷ. Người ta đồn rằng Ông bị «mát-dây» (không bình thường), nhưng Ông biết rõ tình hình bên ngoài, ân cần khuyên lính một câu vàng ngọc sáng suốt như thế thì «đời» đã thiếu công bằng với Ông. Cám ơn vị Tướng họ Dương.

Sau trận Tết Mậu Thân, đơn vị chúng tôi được lưu giữ bảo vệ Đài phát thanh Saigon, nằm ở cuối đường Phan Đình Phùng. Vị Tổng Giám Đốc Đài thời ấy là là Trung Tá Vũ Đức Vinh cho lệnh : Không để bất cứ ai vào thăm đài phát thanh nếu chưa được lệnh của ông.

Y theo lệnh, binh sĩ canh gác có lần cương quyết không cho một nhân vật có xe hộ tống vào thăm đài, nhân viên hộ tống của ổng đòi gặp người chỉ huy, tôi phải ra tận trạm gác coi đầu đuôi.

Mấy ông hộ tống mang súng ống, đeo kính đen gườm gườm nhìn, còn lính của tôi thì lùi lại hườm sẵn M.16, nhưng người mặc còm-lê thì nhỏ nhẹ :

- Qua là Trung Tướng Trần Văn Đôn, muốn vào thăm đài phát thanh.

- Thưa Trung Tướng, lệnh Trung Tá Giám Đốc không cho bất cứ ai vào nếu chưa có lệnh của ông, vậy xin Trung Tướng liên lạc với Giám Đốc là Trung Tá Vũ Đức Vinh, chúng tôi là lính chỉ biết tuân lệnh.

Liên lạc không gặp ai trong đài có thẩm quyền nên Ông Trung Tướng lịch sự bắt tay và cám ơn chúng tôi rồi quay đầu xe. Câu chuyện có vẻ chẳng có gì đáng kể, nhưng chuyện nhỏ mà cho thấy Ông Tướng biết điều, còn lính chúng tôi thi hành đúng nhiệm vụ được giao.

Súng Đạn và Tình Yêu

Chiến tranh đã nổ lớn từ lâu nhưng bao năm qua trận chiến chỉ diễn ra ở các vùng xa, dân Sài Gòn và nhất là các em gái hậu phương rất thờ ơ với chiến tranh và lính trận.

Sau tết Mậu Thân, nhờ khói súng mà tình cảm người dân thân thiện hơn với quân, dân chỉ cho lính những chỗ VC ẩn núp và chôn dấu vũ khí mà trước Tết có vẻ như họ «không nghe, không thấy». Trong và sau Mậu Thân, đơn vị nào cũng được đồng bào đón tiếp niềm nở. Riêng đơn vị tôi, nhờ được lưu giữ bảo vệ khu vực Đài Phát Thanh, Bưu Điện cả tháng trời nên không chỉ được hưởng bánh kẹo dư thừa mà vị ngọt tình yêu cũng không thiếu.

Ở Bưu Điện «một nơi dễ tìm thấy Thiên Đàng» thì anh em ĐĐ1 của tôi sống rất đàng hoàng nên được đồng bào quanh vùng và nhất là nhân viên bưu điện cảm phục, tình quân dân thắm thiết thật sự kéo dài cho mãi tới sau này.

Trong số những nữ nhân viên Bưu Điện thời ấy, có cô Lan, ái nữ của ông Quận Dương Đông (Phú Quốc). Sau đổi đời, thời điểm 1982-84, một số cựu tù nhân TQLC có nhu cầu gởi «hồ sơ chui» tới tòa Đại sứ Hoa Kỳ ở Bangkok (ThaiLan) để xin LOI, lo việc ra đi. Khi anh em tìm tới Bưu Điện, gặp lại Lan, cô đã vui vẻ nhận lãnh việc gửi dùm «hồ sơ chui» này, một việc làm hết sức nguy hiểm cho cô vào thời ấy.

Gia đình hai cô Tuyết, Hoa gần như nuôi cả Trung Đội 12. đã hơn 40 năm rồi mà hiện nay các cô Tuyết, Hoa-Quốc vẫn luôn hỏi thăm và nhắc tên các anh ngày xưa đóng ở Bưu Điện và các cô vẫn tự nhận mình thuộc gia đình «Trâu Điên» và tham dự những buổi họp mặt của TQLC. Tôi trân trọng gởi lời thăm hỏi và cám ơn đến các cô và nhất là những chị đã về làm dâu Trâu Điên.

Trong phạm vi đài phát thanh, anh em ĐĐ1 cũng được đồng bào thương, gia đình ông Tỉnh Trưởng, (Đại Tá Huy BĐQ) cho tôi tạm trú riêng một phòng thay vì tôi giăng võng ngủ dưới gốc cây. Gia đình Ông Bà phở 44, gia đình cô Phụng phở Hoàn Kiếm đãi lính ăn sáng vô hạn định, cô Phụng cũng trở thành dâu của TQLC. Gia đình cô Chín và Jack (người Anh) nuôi cả Tiểu Đội của Trung Sĩ Mạnh. Một gia đình Pháp Kiều muốn gả con là cô Alice cho B1 Thông, sau này em Alice mang quà lên Tân Uyên, quận Dĩ An, thăm, tiếp tế cho Thông thì đúng vào ngày B1 Thông tử trận 9/68 !

Hạ Sĩ Nhất Bùi Ngọc Đường, người em cận vệ của tôi, cũng tìm được tình yêu với một nữ cảnh sát khi đến làm nhiệm vụ kiểm soát tại đài phát thanh, nhưng Đường đã tử trận sau đó vài tháng !

Một mối tình khác khá đẹp và lãng mạng là cặp Chu và D...

Trước Tết Mậu Thân, mỗi lần đi hành quân về nghỉ tại hậu cứ là Chu rủ tôi đến tiệm cơm tấm ở góc đường Trần Quang Khải và Trần Khắc Chân ngồi trồng cây si, nhiều khi tôi chán nó quá bèn bỏ đi lang thang một mình, vài giờ sau trở lại vẫn thấy Chu ngồi lì với gói RuBy Queen trên bàn ra vẻ đăm chiêu qua khói thuốc ngắm cô hàng café.

Chuyện tình của họ chẳng đi đến đâu cho tới tết... Mậu Thân, một ngày kia, sau khi thanh toán tổ VC ở xóm Chùa Tân Định xong, Chu cho lính nghỉ ngơi băng bó vết thương bên lề đường, đồng bào khu vực đường Trần Quang Khải mang bánh kẹo ủy lạo, Chu được một gói RuBy từ tay D., bốn mắt nhìn nhau rồi cảm động tay cầm tay.

Nhưng chẳng may Chu bị mất tích trong trận đánh sau này ở bên Campuchia. Khi tôi bị thương, nằm bệnh viện TQLC Lê Hữu Xanh, Thị Nghè thì D. đến thăm tôi và hỏi tin tức về Chu, khi thấy cô nhắc đến nó rồi khóc nên tôi dấu luôn tin nó bị mất tích và chẳng bao giờ tôi gặp lại D. nữa.

Anh Năm Vinh và cuốn băng nhạc tuyển của Thái Thanh

Sau hơn một tháng giữ an ninh đài phát thanh và bưu điện trung ương, trước khi di chuyển đi nơi khác, Trung Tá Giám Đốc Vũ Đức Vinh (mà tôi gọi là Anh Năm) tặng cho Đại Đội tôi tấm «lắc» bằng đồng khắc những chữ với đại ý đã : «Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.»

Tôi đem tấm lắc treo tại văn phòng Đại Đội, nhưng cứ phân vân mãi, có lẽ cái «xuất sắc» này có liên quan gì tới việc thi hành lệnh của Ông Tá không cho ông

Tướng vào thăm đài phát thanh ?

Trung Tá Giám Đốc Vũ Đức Vinh, gốc Không Quân (KQ), khá lịch sự và tế nhị, ông hỏi tôi :

- Đại Úy có thích nghe nhạc không ?

- Dạ... thích chớ, bạn gái tôi mê ca sĩ Thái Thanh lắm.

Ông nháy mắt cười cười đưa tay bắt, tay ông thật ấm, ông nói :

- Tôi sẽ cho nhân viên thâu một cuốn băng toàn nhạc Thái Thanh để tặng bạn.

Cám ơn Trung Tá, Ông thật «ga-lăng», điệu nghệ, có một tác phong hiếm thấy nơi các ông lớn hậu phương đối với lính tiền tuyến. Nhưng vì mải miết đi hành quân, không có địa chỉ cố định nên tôi không nhận được quà của Trung Tá.

Khi định cư tại Hoa Kỳ sau năm 1990, tôi viết lại kỷ niệm này trên đặc san Đa Hiệu Võ Bị với tấm lòng kính mến một thượng cấp dù lúc đó tôi không biết Anh Năm ở đâu. Một thời gian sau thì tôi nhận được những CD toàn là nhạc Thái Thanh do Chị Năm Vinh và cháu Tùng, con trai anh Năm, gửi tới. Gói quà sau gần 40 năm mới nhận được làm tôi quá cảm động nhưng cũng

thật bối rối, vì khi đó tôi mới biết Anh Năm đã quy tiên! Tôi áy náy vì nhắc lại kỷ niệm xưa khiến chị Năm bận tâm, xin chị tha lỗi. Cám ơn Chị và cháu Tùng Vũ.

Đã lâu rồi, vì di chuyển chỗ ở và đổi email nên tôi đã mất liên lạc với cháu Tùng Vũ, hình như cháu là một bác sĩ nha khoa.

Captovan

Coi Bói - Xin Xăm

Minh Nguyệt Graves

Tác giả cùng 2 con gái tới Mỹ ngày 27 tháng Bảy năm 2001 theo diện đoàn tụ. Mười sáu năm sau, bà hiện có tiệm Nails ở Texas và kết hôn với một người Mỹ. Với sức viết giản dị mà mạnh mẽ, tác giả lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ năm 2017. Sau đây là bài viết mới của bà.

Khi chuẩn bị đi Mỹ, tôi rất lo lắng chuyện tiền bạc, công ăn việc làm, sức khoẻ, con cái nhưng dường như tôi không hề nghĩ tới những vấn đề về đời sống tinh thần mình sẽ gặp phải, cứ như thể ở Mỹ thì không có những ưu tư lo lắng như bên quê nhà ! (Đúng là mụ nhà quê !) Rằng mình sẽ làm gì nếu gặp phải những vấn đề nan giải, cần dựa vào đâu để tìm sự bình an về tinh thần ?

Đến khi qua Mỹ rồi, thì mới nhận ra một sự thật là, ở Mỹ cũng như bên Việt Nam thôi, cuộc sống không phải lúc nào cũng êm ả, bình yên, con người không phải lúc nào cũng gặp toàn chuyện may mắn. Bệnh tật có thể phát ra, vào chính lúc mình ít ngờ đến nhất ! Tai nạn xe cộ, bị kiện thưa, công việc có lúc trì trệ, bế tắc, sẽ phải lo lắng đến mất ăn mất ngủ, loay hoay để tìm ra câu trả lời cho bài toán của đời mình : «Bỏ đi tìm công việc

mới, hay tiếp tục công việc hiện tại ?»

Sẽ có những lúc phải quyết định việc quan trọng, phải chọn lựa «Yes or No.» Và tôi, một người mẹ với 2 đứa con dại, không có người bạn đời để được an ủi, góp ý, bàn bạc thì khi phải đối diện với những câu hỏi đó, cảm thấy áp lực dường như nặng nề nhiều hơn những người đàn bà khác thì phải.

Nếu bạn là tôi, bạn sẽ làm gì ?

Tôi hay đùa : bây giờ cái gì không biết thì người ta Google để coi thiên hạ làm răng mà bắt chước ! Còn tôi, bắt chước Mạ tôi ngày xưa, hễ cần là đi xin Xăm hoặc đi coi bói.

Nhớ mỗi lần Tết đến, ngày đầu năm, việc đầu tiên Mạ tôi làm là đi chùa, thường là chùa Diệu Đế hoặc chùa Ông ở đường Bạch Đằng. Bà nói : «Hướng mô mà đi tới Chùa cũng là hướng tốt hết !».

Ý bà là người ta thường nói đến việc xuất hành ngày đầu năm, thì nên chọn hướng nào (Đông Tây Nam Bắc...) cho hợp với tuổi của gia chủ, và hợp với năm đó, nhưng theo bà, cứ đi tới chùa lễ Phật là tốt nhất. Tiếp theo đó, bà sẽ xin một quẻ Xăm đầu năm.

Thế bạn đã bao giờ xin Xăm chưa ?

Theo tôi biết thì cách xin Xăm và Xăm của ai thì tuỳ vào mỗi Chùa.

Tôi lấy ví dụ cho dễ hiểu : Chùa thờ Ngài Thánh Trần, thì gọi là Xăm của Đức Thánh Trần, hay Xăm xin ở chùa thờ Phật Quan m thì gọi là Xăm Quan m...Và mỗi nơi cũng có chút ít khác biệt.

Việc đầu tiên là bạn thắp hương trong Chùa, rồi đến khu vực có bàn thờ dành riêng cho việc xin Xăm. Bạn thắp ba nén hương, và khấn lạy trước tượng của Ngài, thành khẩn cầu xin. Chỉ nên xin một điều thôi, đừng xin nhiều điều, rất khó đoán được câu trả lời.

Tiếp đó, có hai miếng gỗ hình trăng lưỡi liềm, để bạn xin quẻ. Mặt sấp mặt ngửa là coi như được, (Cả hai cùng sấp hay cùng ngửa là không coi được !) Tiếp đó, bạn dùng 2 tay cầm cái hộp ống đựng các quẻ Xăm (Có 100 que thì phải ?) và lắc cho đến khi nào văng ra một que. Mỗi que có ghi một con số, và mỗi con số sẽ tương ứng với một bài thơ, được in trong những tờ giấy nhỏ đặt trên một cái kệ sách gần đó.

Bài thơ 4 câu bằng chữ Hán, có dịch ra Việt Ngữ, kèm theo lời giải, lời bàn. Sau đó thì tuỳ theo suy đoán của bạn, mà vấn đề sẽ được giải quyết.

Bắt chước Mạ tôi, đầu năm mới hay những khi có chuyện nan giải, không biết hỏi ai, cảm thấy bế tắc, thì tôi lại tới Chùa xin Xăm. Cách người ta xin Xăm như đã nói ở trên, chứ còn tôi, không có kiên nhẫn để lắc hộp Xăm mô ! Hoặc là tôi lắc mạnh quá, nó rớt ra cả nạm, hoặc tôi lắc chậm quá, lắc cả tiếng đồng hồ cũng chẳng có que nào rơi ra ! Tôi đã thử 3 lần rồi ! Có coi được đâu !

Nhưng chẳng lẽ tôi chịu thua sao ? Tôi có cách riêng của tôi, tôi chỉ nhắm mắt và bốc đại một cây Xăm, vừa nhanh vừa khoẻ, người tới sau mình không phải đợi lâu! Ai cũng có lợi cả !

Hồi còn ở bên Việt Nam tôi thường đi xin Xăm ở chùa Phước Thành, đường chi thì tôi quên mất tên, mà chỉ nhớ qua cầu Đông Ba. Từ trong Thành nội đi ra hướng cửa Đông Ba, vượt qua dãy bán Nem Chả Tré hấp dẫn đường Đào Duy Từ, thì bạn sẽ thấy cây cầu ở phía tay phải, nó lót bằng ván, có rất nhiều lỗ hổng thiệt đáng sợ, (mà chẳng có ai sợ rớt xuống cầu cả, người ta anh hùng thiệt !)

Sau khi qua khỏi cầu thì sẽ thấy chùa Phước Thành.

Thời đó có cái sướng là xin Xăm xong, Ông Thầy ở trong Chùa sẽ giảng cho mình hiểu lời bài Xăm, rồi tuỳ

khả năng tài chính của mình,(hay mức độ đoán trúng của thầy) mà mình cúng dường cho Chùa.

Ngày Tết Nguyên Đán ở Austin nơi tôi đang sống, không phải là ngày lễ của cộng đồng, nên mọi người vẫn đi làm bình thường, nhưng tôi lấy ngày nghỉ, rồi tôi cũng diện áo dài đẹp vô, đi lên chùa Linh sơn trên đường Duval, hay chùa Tàu trên đường Lamar, để thắp hương lạy Phật đầu năm, xin lộc và xin Xăm.

Ngoài ra, có lần tôi phân vân không biết nên dọn về thành phố khác ở, hay lần tôi muốn mở tiệm làm ăn riêng... thì cũng lên chùa xin Xăm để mình thêm can đảm mà quyết định, (giờ mà có ai hỏi tôi là điều đó đúng hay sai thì tôi cũng chịu thua !!!)

Ngoài việc tin vào Xăm, thỉnh thoảng tôi cũng đi coi bói, nhưng tôi không mê lắm, vì tôi vốn dĩ «cứng đầu» Thầy coi không có được !

Bạn đã bao giờ đi coi bói chưa ? Bạn có tin vào những điều người ta nói cho bạn biết về cả tương lai và quá khứ của mình không ?

Khoảng 17 năm trước, lúc đó tôi 38 tuổi, một buổi chiều rảnh rỗi, tôi ra nhà người bạn gái ở ngoài cầu An Hoà chơi.

Ở Huế thời đó, người ta ăn mặc giản dị lắm, không cầu kỳ như bây giờ. Hầu như đi đâu người ta cũng mặc «bộ đồ bộ», nó không phải là Pyjama như bộ đồ ngủ mà đơn giản nó là một bộ, «set», áo và quần cùng màu, để mặc ở nhà suốt ngày, đi chợ, đi quanh quẩn trong xóm, hay chở con đi quanh phố phường cũng không sao !

Hôm đó, tôi không đi làm, nên mặc bộ độ «pô- bờ-lin» màu xanh trời, do chính tay tôi tự may, áo kiểu bà ba, cổ viền trái tim, tay dài và có 2 túi lớn, có xẻ hai bên hông. Quần dài đơn giản và mang đôi dép nhựa «Tiền phong» màu trắng, thời đó khá phổ biến.

Hai đứa tôi nói chuyện tầm phào một lát thì bạn nói : «Đi coi bói Nguyệt hè, trên xóm ngoại có bà ni mới nổi lên coi bói hay lắm, ai cũng khen, người tới coi đông ghê, nghe mô muốn coi phải đợi cả ngày.»

«Tính tau mi biết rồi, có tin chi mấy chuyện bói toán mô, mà mi rủ ?» Tôi nói.

«Kệ, chừ rảnh không làm chi, đi coi cho vui.» Bạn tôi năn nỉ.

Vì bạn tôi mới đi có công chuyện về, nên ăn mặc chỉnh tề, quần «Tây» và áo «kiểu», còn tôi thì trong bộ bà ba, nên tôi hỏi : «Nhưng mà tau mặc ri, mi mặc rứa,

ngó có kỳ không ?»

«Có chi mà kỳ, trên xóm thôi.»

Nể bạn, tôi chở hắn đi.

Qua khỏi đường rầy xe lửa, rẽ vào cái ngõ hẻm bên tay trái, đi vòng vèo thêm hai ba con hẻm nhỏ nữa thì tới. Căn nhà chia làm 2 phần chính và cái sân ở giữa. Ngôi nhà nhỏ bên tay trái là nơi «Thầy» sẽ coi bói, cửa đóng hờ, người ra vào rón rén và vẻ mặt trông rất thành khẩn.

Một người đàn bà đi ra, hỏi bạn tôi để ghi tên ai muốn gặp Thầy. Ít phút sau, bà trở ra, nói : «Thầy mắc qua bên Cam- bốt chữa bệnh rồi, chưa biết khi mô về.» Rồi bà quày trở vào trong.

Tôi nói với nhỏ bạn : «Từ Cam-bốt mà về đây, đi xe chắc cũng 2 ngày, ai mà đợi cho nổi, thôi mình về đi.»

Bạn tôi la : «Nói bậy bạ, Thầy đằng vân cưỡi gió, chơ có phải người trần mắt thịt như tụi mình mô mà đi xe. Đợi thêm chút nữa coi răng.»

Lê la đi quanh quẩn nhìn mấy cái Am thờ ở ngoài sân, tôi tò mò nhìn vào khe cửa sổ của căn nhà bên trái, vì căn nhà chính thì ngó đơn sơ, nghèo nàn, trống trải

lắm.

Có hai người phụ nữ đang ngồi ở góc nhà, vẻ mặt buồn bã, áo não vô cùng.

Rồi người đàn bà ghi tên tụi tôi lúc nãy lại bước ra, thì thào gì đó vào tai họ, và thấy vẻ mặt họ tươi lên. Lát sau nữa thì có một người đàn ông đi ra bàn bạc với họ việc mua sắm lễ vật để cúng, mới nghe sơ sơ cũng đã bạc triệu, (Tôi đúng là tò mò thiệt ! Việc của ai mà cũng săm soi !)

Và một lần nữa người đàn bà đó lại mở cửa, tiến đến chỗ hai đứa tôi : «Thầy về rồi, hai chị vô đi.»

A ha ! Bạn tôi nói đúng thiệt, thầy đi máy bay hoả tiễn !!!

Sau khi thắp hương ở mấy cái bàn thờ, chúng tôi đến ngồi trước mặt một người phụ nữ đang ngồi xếp bằng dưới đất, chứ không có cái bàn nào cả. Căn phòng tối mờ, không có đèn, chỉ có ánh sáng từ các ngọn đèn trái ớt trên các bàn thờ, nhưng tôi cũng có thể nhìn thấy mặt của bà ấy. Tóc vấn khăn nhiều màu, bà mặc áo dài cũng nhiều màu, nhiều lớp, và đánh phấn sáp trắng lốp rất dày.

Bà nhìn vào mặt tôi chăm chú, rồi hỏi : «Chị sinh năm mô ?»

«1962» Tôi đáp gọn lỏn.

«Con Cọp đây. Tướng số chị sang lắm, nhà chị trước mặt có cây lá 2 màu, gần ngã ba đường. Từ năm 40 tuổi trở đi, người ta có chi thì chị có nấy. Đừng lo nghĩ buồn phiền chi cho cực xác. Hậu vận chị sướng lắm, thanh nhàn, an lạc.»

Bà nói một mạch không dứt, rồi khoát tay ra dấu : «Xong rồi.»

Đến phiên bạn tôi thì Bà lại nói nhiều, nói lâu, tôi nhớ đại ý là số bạn tôi vất vả, cực khổ hơn tôi nhiều..

Những gì bà Thầy bói đã nói về mình cứ làm tôi phân vân. Chở bạn về lại nhà, tôi còn đùa : «Bà thầy bói nói rứa có trúng không mi ? Chơ tau chừ chồng không có, công việc thì cực quá, đàn bà con gái mà cứ phải lang thang chạy tắc xi ngoài đường, trời mưa bão mịt mùng cũng phải đi làm, con còn dại, giao cho bác giữ trẻ mà cứ lo ngay ngáy. Lương tiền thì đủ sống qua ngày, chơ lấy mô ra mà giàu với an nhàn mi hè ? Giả thử như nói mình ưa đi Mỹ chừ có được không nà ? Mà bà nói là người ta có chi thì tau có nấy mi hí ?»

Ấy vậy mà, bạn có tin không, mấy tháng sau, giấy tờ bảo lãnh cho gia đình tôi sau mười mấy năm thì được tới phiên gọi đi bổ sung, và chỉ một năm sau, đúng là tôi đi Mỹ thiệt ! Nói như lời ông anh (Người làm giấy tờ bảo lãnh) cho chúng tôi, lúc đó đang về Việt nam chơi, «Niềm vui không ngờ mà tới,» khi anh mở cái phong bì to tổ bố.

Và một năm sau khi tới Mỹ, tôi kết hôn lại.

Hai vợ chồng tôi lo làm, tiết kiệm từng đồng, nên nhờ trời không có nợ nần, nhà cửa ổn định. Cuộc sống không có gì để phàn nàn, ngoại trừ việc chúng tôi không có con trai ! Ha ha ha. Chồng tôi cười : «Thì mình có con rể, hay cháu trai cũng được mà !»

Bà thầy bói nói đúng quá đi chứ !

Cám ơn bà Thầy !

Như đã nói ở trên, tôi không mê coi bói nên hiếm khi đi coi. Đến năm 2010 thì xém chút nữa tôi lại được đi coi bói !

Chuyện là từ sau khi Mạ tôi mất (tháng 4 năm 2009,) ba tôi dọn về Cali ở. Thỉnh thoảng điện thoại hỏi thăm, ông hỏi : «Con ở Austin, nghe có thầy bói mô hay, coi cho ba một quẻ, coi Mạ có siêu thoát chưa ?»

Tôi cười : «Rồi, Mạ siêu thoát rồi, coi bói chi cho mất công, tốn tiền vô ích !»

Ba tôi la : «Răng con biết ?»

Tôi đáp : «Cái chi mà con không biết ! (Ha ha ha), người tốt như Mạ khi chết sẽ siêu thoát, chắc chắn luôn!»

Đùa vậy thôi, nhưng khi nghe chị bạn làm cùng chỗ, bảo có ông thầy coi bói ở Houston, coi trúng như thần, thì tôi mới gọi chị ấy để hỏi cho kỹ. Tôi dặn chị, khi lấy hẹn cho tôi, thì lấy tên Mỹ của tôi, và chuyện muốn hỏi là về người Mẹ đã mất.

Hôm sau, chị gọi lại trả lời : «Đã lấy được hẹn, và Thầy có dặn là, Thầy nhập vai người nào thì sẽ nói ngôn ngữ của người đó. Thầy sẽ nói chuyện với em bằng tiếng Mỹ đó nghe.»

Nghe xong, tôi phát hoảng ! Mạ tôi tuy ở Mỹ 18 năm, nhưng không biết tiếng Anh. Bà chỉ biết lõm bõm vài ba câu thông thường như «How are you. Thank you,» rồi thôi. Nếu ông Thầy ni nói tiếng Anh, thì chắc chắn người mà ổng nhập vai, không phải là Mạ của tôi rồi !

Vì lý do đó, mà tôi không đi coi bói giùm cho ba tôi nữa !

Thật tình tôi tin vào việc xin quẻ Xăm hơn là coi bói, có thể vì những sự trùng lặp ngẫu nhiên trong đời. Mỗi lần tôi xin, và quyết định nghe theo lời giải của bài Xăm thì kết quả như ý, khiến tôi càng tin hơn.

Thế nhưng có một điều tôi cứ thắc mắc mãi, là Phật không dạy người ta tin vào những điều mê tín dị đoan, như coi bói, đốt vàng mã, vậy thì sao lại có chỗ để xin Xăm ở trên Chùa nhỉ ?

Thế bạn có biết không ?

Minh Nguyệt Graves

Tôi Đi Làm Việc Ở Trung Đông

Nguyễn Văn Tới

Với bài đầu tiên «Hôm nay tôi Đi Xe Đạp», tác giả được trao giải Đặc Biệt Viết Về Nước Mỹ 2017. Ông hiện sống và làm contractor (hợp đồng) ngành hàng không ở Vail, Arizona cho quân đội Mỹ. Sau đây là bài viết mới nhất.

Ngày xưa, còn nhỏ trước năm 1975, tôi ước mơ trở thành một sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa khi thấy các sinh viên trường Võ Bị Đà Lạt trong những bộ đồng phục trắng thật đẹp, tác phong nghiêm chỉnh đi dạo phố sương mù. Ước mơ ấy sụp đổ cùng vận mệnh nền cộng hòa Việt Nam.

Ngày nay, khi đã sắp già, trên vùng đất mới mà tôi chọn làm quê hương, Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ, cơ hội vừa đến, cho tôi đáp trả ân tình với đất nước đã dung nạp tôi, khi tôi nhận email từ nơi làm việc hỏi có muốn qua vùng Trung Đông (Middle East) làm việc hay không ? Lương rất cao nhưng hơi nguy hiểm. Họ đã hỏi nhiều lần, nhưng tôi đã từ chối. Lần này, sau vài ngày bàn bạc với vợ, tôi quyết định lên đường.

Tuy không trực tiếp «theo nghiệp kiếm cung» vì tuổi đã ngấp nghé 60 mùa lá rụng, nhưng tôi có thể đem khả năng và nghề nghiệp học được trên đất nước này đóng góp thêm vào cho cuộc chiến trường tồn và thịnh vượng của nước Mỹ.

Vì lý do an ninh nên tôi xin mạn phép không đi sâu vào chi tiết huấn luyện, việc làm và đường đi nước bước của chúng tôi, cũng như sẽ không nêu tên những vùng đi qua, mà chỉ kể sự việc.

Trên đường «xuất chinh», chúng tôi di chuyển bằng máy bay quân đội, những chuyến bay dài mệt mỏi không ngủ, chỉ dừng lại tiếp thêm xăng dầu, rồi lại bay, để đến nơi phải đến. Tuy chỉ là một viên chức dân sự nhưng tại nơi làm việc, tôi phải sống trong những căn cứ quân sự và nếp sống, ngay cả ăn uống cũng đều phải tuân theo giờ giấc và quy củ của quân đội Mỹ.

Trạm cuối tiếp liệu xăng dầu trước khi rời đất Mỹ ở tiểu bang New Hampshire, vừa ra khỏi máy bay, chúng tôi được đón tiếp linh đình trọng thể bằng điệu nhạc hùng tráng của đội kèn đồng, có những cựu quân nhân trong cuộc chiến Việt Nam, Triều Tiên, Iraq (Desert Storm), và đặc biệt có một cụ già, ngực đeo huân chương, chống gậy đến đón chào và nói cám ơn những gì chúng tôi đã và đang làm cho nước Mỹ. Khi bắt tay, tôi hỏi :

- Thưa cụ là cựu chiến binh Việt Nam ? (Vietnam Veteran).

Ông nheo mắt :

- Tôi là cựu chiến binh thế chiến thứ II, tôi đã hơn 92 tuổi rồi, cháu ơi, còn làm được những gì cho đất nước thì tôi làm để động viên tinh thần của các bạn trước khi tôi chết.

Tôi xúc động :

- Cụ ơi, những người lính già như cụ sẽ không bao giờ chết, chỉ mờ dần đi mà thôi». («Old soldiers never die, they just fade out». Lời Tướng Douglas MacArthur)

Ông cụ ngạc nhiên, nhìn tôi :

- Anh từ đâu đến ? Sao anh biết câu này ? Anh đã từng đi lính ?

- Thưa cụ, từ Việt Nam và cháu chưa từng vào lính dù rất muốn.

Cụ thích thú reo lên :

- À thì ra anh thuộc về South Viet- Nam, đã cùng chiến đấu với chúng tôi. Bây giờ anh là một người Mỹ, một người Mỹ thực sự.

- Vâng, chính cháu cũng cảm nhận sâu sắc cháu là một người Mỹ và là một công dân Mỹ rất tự hào. Tôi đáp lời cụ.

Có những phụ nữ còn ôm chầm lấy chúng tôi và nói những lời chúc tốt đẹp nhất, những em bé còn nhỏ lắm, chạy lon ton vẫy lá cờ Mỹ chào đón làm tôi xúc động thực sự, nghẹn ngào không nói nên lời. Họ hướng dẫn chúng tôi ngồi vào bàn với đủ thức uống, bánh kẹo và doughnuts. Đặc biệt họ còn tặng chúng tôi những cái nón len đan bằng tay của các «em gái hậu phương» mà tuổi thì đã... tròm trèm sáu bó, bảy bó.

Kèn đồng lại trỗi lên tiễn chúng tôi lên phi cơ để tiếp tục bay vào vùng lửa khói. Những vẫy tay lưu luyến, những cái ôm của người dân New Hampshire vẫn lắng đọng theo tôi suốt cuộc hành trình.

Còn khoảng 20 phút nữa thì đáp xuống phi trường của một đất nước dầu hỏa giàu có, nhưng từ trên cao nhìn xuống tôi chỉ thấy toàn sa mạc khô khan không một bóng cây, bụi cát bốc lên mù trời và những giếng dầu, những bồn chứa, có cái rỉ sét và dấu vết bị cháy vẫn còn rõ ràng sau chiến tranh kết thúc.

Trời về chiều, nhiệt độ 130 F, vừa ra khỏi phi cơ, cái nóng rát, hừng hực ùa vào làm ai cũng nhăn mặt vội vã

bước mau để vào khu tập trung. Chúng tôi đến âm thầm và sẽ ra đi lặng lẽ để không gợi sự tò mò chú ý của dân địa phương và báo chí.

Chúng tôi phải làm thủ tục nhập cảnh như mọi du khách bình thường, đi vào một lối riêng nhưng được hướng dẫn bởi một cô gái Mỹ ăn mặc như đàn bà địa phương với áo dài đen trùm từ cổ xuống tới chân chỉ lòi ra đôi... tennis shoes, mái tóc vàng, và giọng nói Mỹ quốc chính hiệu

Khăn trùm đầu cô bỏ ra sau quấn quanh cổ. Cô thông dịch và chỉ chỗ chúng tôi phải đi đâu và làm gì. Thủ tục nhập cảnh kéo dài lê thê đến 3 giờ đồng hồ vì người dân địa phương, những nhân viên di trú đang trong tháng chay tịnh Ramadan của Hồi Giáo. Trong tháng này, họ không ăn uống cho tới khi mặt trời lặn. Sau đó họ thỏa thuê ăn uống gì thì chỉ có Trời biết.

Vì thế họ không vội vàng trong khi chúng tôi mệt lả vì thiếu ngủ, chỉ mong giấy tờ mau lẹ để lên xe mà ngủ gà gật trên đường chạy về trại lính Mỹ.

Quan sát thái độ làm việc của người bản xứ, tôi không ngạc nhiên khi thấy thái độ của họ như không muốn làm việc. Tôi bước đến trình thẻ và giấy tờ, theo thói quen tôi chào hỏi rất lịch sự, người đàn ông không thèm trả

lời, cầm giấy tờ nhìn rất nhanh và hỏi bằng tiếng Anh :

- Lần đầu ?

- Vâng thưa ông, đây là lần đầu.

Ông ta đóng dấu trên Visa xong, quăng trả passport và visa của tôi, vâng, tôi xài chữ «quăng trả» chứ không phải «đưa trả», trên bàn nghe cái phịch. Tôi hỏi :

- Xong rồi phải không ông ?

- Xong.

Hắn trả lời cộc lốc.

Cô gái Mỹ chỉ tôi qua bàn bên kia, nơi một người đàn ông khác, để chụp hình, lăn tay. Cầm tờ giấy, cám ơn, tôi bước qua bàn một người đàn bà địa phương ăn vận trùm kín chỉ chừa khuôn mặt, tôi cũng chào hỏi lịch sự như tôi đã với hai người đàn ông kia. Không thèm chào lại và cũng chẳng nhìn lên, bà ta liếc nhanh trên tờ giấy rồi đóng dấu nghe cái cộp, cũng vất trả lại trên bàn như người kia. Tôi biết họ không thù hằn hay ghét bỏ gì cá nhân tôi vì họ làm như thế của họ đối với tất cả mọi người khác trong nhóm tôi. Tôi tự hỏi rồi sẽ ra sao với một dân tộc như thế ?

Trong khi chờ đợi các người khác trong nhóm, tôi bước ra ngoài, vào tiệm mua một ly kem để giải nhiệt và để có dịp quan sát chung quanh. Người bán hàng là hai cô gái trẻ Philippines mà tôi nhận ra giọng tiếng Anh đặc thù của họ nhờ đã sống hơn 2 năm ở Phi. Một cô cho biết chủ của tất cả 5 hàng quán này là người địa phương, họ được mướn qua trung gian đến đây đứng bán hàng. Tôi được biết dân sinh quán ở đây không làm những việc chân tay, nếu phải thì làm cho chính phủ; còn làm ăn tư thì làm chủ, chứ không làm nhân công. Hầu hết họ thuê mướn người từ các nước nghèo qua giúp việc nhà cho họ, ngay cả đứng bán hàng. Nhìn qua nhà hàng ăn kế bên, mấy người nấu nướng và bồi bàn đều là người Ấn Độ và Bangladeshi, không thấy chủ ở đâu.

Bàn kế bên là một gia đình người bản xứ có vẻ giàu có, hai vợ chồng trạc 35 tuổi. Người chồng mặc áo dài toàn trắng (keffiyeh) từ cổ đến chân, đầu đội khăn vấn cũng màu trắng làm nổi bật một sợi dây được bện lại màu đen to như giây thừng, xếp chồng lên nhau, trên đỉnh đầu dùng để giữ khăn choàng khỏi bị xô lệch. Khuôn mặt anh ta rắn rỏi, nước da nâu sáng với hàm râu quai nón đen tỉa kỹ càng, tương phản với màu trắng của toàn bộ quần áo đang mặc, vì ngồi xoay lưng lại phía tôi nên lộ ra hàng chữ «Ivenchy» ngay góc chéo khăn

đội đầu. Cái này Việt Nam mình gọi là hàng hiệu đấy.

Người vợ, ngược lại, áo dài và khăn đội đầu (hijab) đen huyền, lộ ra một khuôn mặt thật đẹp với mũi cao, da khá trắng, đặc biệt đôi mắt đen láy với hàng lông mày thanh tú hòa vào một màu đen của trang phục cũng tương xứng không kém. Kế bên là một túi xách tay cũng màu đen rất đẹp, chắc cũng hàng hiệu mà vì ngồi xa nên tôi không đọc được tên hoặc vì tôi nhà quê chẳng biết gì về túi xách phụ nữ.

Đi theo họ là 2 cô bảo mẫu người Phi, một cô lo rượt theo thằng bé khoảng 4,5 tuổi và cô khác đang ẵm một em bé còn sơ sinh trên tay trong khi người vợ, bà chủ đang thưởng thức ly kem.

Khi trở lại quầy làm visa coi mọi người đã xong chưa, tôi giật mình vì nghe ai đó nói tiếng Việt Nam với giọng Nghệ An đặc thù không lẫn vào đâu được. Ngó sang bên trái, tôi thấy 3 người Việt Nam, nói đúng hơn 3 người đàn ông Việt Nam, hai thanh niên còn rất trẻ và một ông trung niên với quần kaki màu xanh cứt ngựa, có vẻ là trưởng nhóm hay bí thư của tổ tam đầu đội nón cối cũng xanh lá cây, cái nón mà tôi ghét cay ghét đắng. Cả ba trông quê mùa, ốm yếu, ăn mặc kỳ quặc trong những bộ quần áo rẻ tiền «ma dzê in China». Cả ba đang bàn tán sôi nổi, nghe loáng thoáng, tôi hiểu họ

đang gặp rắc rối vì ngôn ngữ bất đồng với nhân viên di trú. Định chụp tấm hình của họ, nhưng nhớ lời dặn dò của cô hướng dẫn là không được chụp vì người địa phương dễ hiểu lầm, nên thôi.

Vội vàng, tôi bước đi không ngoảnh lại nhìn họ, như thể tôi không có gì liên quan và chưa từng thấy họ.

Chúng tôi lại tiếp tục bay đến một quốc gia khác trong vùng, nơi tôi làm việc : Cũng bụi mù trời, cũng sỏi đá khô cằn, cũng cái nóng khắc nghiệt đến nỗi ra đường mang dép mà tôi cứ tưởng như đang hơ đôi chân trần trên ngọn lửa.

Nơi chúng tôi ở và hàm việc là một phi trường quân sự. Hằng ngày, ngoài đi làm ra thì không có thú vui nào giúp thời giờ qua mau ngoài coi phim mà tôi đem theo trong một cái ổ cứng (External Hard-drive). Nơi tôi ở là một nhà tiền chế bằng tôn gồm 7 căn phòng. Ba người chúng tôi được chia cho một căn phòng gần 100 mét vuông được trang bị máy lạnh chạy suốt ngày đêm. Có nệm nhưng hơi cứng làm tôi đau lưng hết mấy ngày cho đến khi mua được 1 tấm nệm mút (memory foam) từ PX (Post Exchange). Phòng tắm và vệ sinh tập thể ở cùng trong căn nhà, cửa ra vào có mã số (code/ combinations) để mở và đóng rất an toàn.

Mấy ngày đầu, tôi còn lê gót lãng du khám phá khắp nơi vì cái phi trường quân sự này rộng lớn như một thành phố nhỏ, có cả xe bus, vài tiệm Pizza, burger, tiệm hớt tóc và đấm bóp mát xa (mà không mát gần nhé), sau vì nhiệt độ quá nóng làm rát bỏng da mặt nên tôi không còn thích thú đi dạo sau khi làm việc.

Xung quanh căn nhà là những hàng rào bê tông cao đến 15 ft, dày khoảng 16 in. hình chữ T dựng ngược, được xe cẩu mang lại để bảo vệ che chắn trong trường hợp bị tấn công bằng đạn pháo.

Muốn mua sắm thêm quần áo, đồ dùng thì có vài cửa tiệm tư nhân và hai tiệm PX không phải trả thuế (sale tax) như ở nhà. Cũng có vài nhà hàng ăn nấu theo thực đơn, nhưng bạn phải trả tiền túi, trong khi ăn ở DFAC (Dining Facility) của trại thì không tốn tiền mà đồ ăn, uống thì ê hề, phủ phê. Có thể ăn ngày 4 bữa, tắm rửa ngày 2, 3 lần nếu muốn. Thêm nữa, tiền lương được trả rất cao để bù lại những nguy hiểm, thiếu tiện nghi, và xa nhà, nên khi xài tiền không cảm thấy do dự lắm. Nước uống thì có nước đóng chai không tốn tiền, chúng tôi được khuyên không nên uống nước từ vòi (tap water) dù cũng là nước ngọt, tôi đã thử nếm và phải phun ra, không thể uống được vì nó hơi kỳ kỳ và lờ lợ.

Chúng tôi 4 người được cấp cho một chiếc Toyota Land Cruiser lái đi làm thật là tiện lợi vì không phải đợi xe bus dưới cái nắng nung người của vùng sa mạc này.

Nhìn những người lao công đến từ các nước thứ ba mà tội nghiệp cho họ, họ chờ xe bus, vài người phải trùm khăn kín đầu, che mặt, đeo kính râm vì họ phải làm việc ngoài trời; ai may mắn thì làm việc trong nhà ăn hoặc nhà giặt quần áo, hoặc bảo trì, thì đỡ hơn nhiều. Hầu hết họ được mướn qua những công ty trung gian đến đây từ Ấn Độ, Bangladesh, Nepal, Bhutan, Kazakhstan, Philippines, Mông Cổ, các nước châu Phi và từ các nước Đông u cộng sản cũ, nhưng họ không mướn người Việt Nam và Tàu vì hai nước đó vẫn còn là những nước cộng sản.

Khi đêm xuống, đèn điện sáng choang, không khí và bụi bặm đã lắng xuống, và cái nóng đã giảm đi rất nhiều tuy vẫn còn cảm nhận được nhiệt lượng từ những bức tường bê tông tỏa ra. Ngoài những con đường chính được trải nhựa, còn lại là đường đất thỉnh thoảng được trải sỏi cho bớt bụi, tất cả mọi nơi, mọi tòa nhà, hay trại lính đều được đèn thắp sáng rực và thật sáng vì an ninh.

Tôi đứng gần một nhà ăn, ngắm người qua lại tấp nập, người chuẩn bị đi ăn tối, kẻ đang trên đường về lại nhà ngủ, vài chiếc xe hơi ngừng lại nhường cho những

người chạy bộ thể dục đi qua. Một xã hội thật năng động ở một nơi xa xôi mà như cuộc sống ở một thành phố nhỏ kiểÂu Mỹ. Chắc giờ này vợ tôi cũng vừa đi làm về, hai đứa con đang coi TV hay làm bài tập, rồi chơi game.

Hít một hơi thật dài, tôi thả bộ chậm rãi trên con đường lát sỏi dẫn về phòng ngủ. Nằm trên giường, giòng suy tư đưa tôi ngược về ký ức những ngày còn thơ ở Sóc Trăng, miền Nam thân yêu của tôi, khi nhìn thấy những người lính Hoa Kỳ xa nhà đến chiến đấu cho đất nước tôi, chắc họ cũng nhớ nhà ? Chắc họ cũng có những ước mơ thật đơn giản như tôi bây giờ ? Và giờ đây, tôi và những người lính Hoa Kỳ khác cũng đang cùng chiến đấu, mỗi người một cách khác nhau trong khả năng, để cho hậu phương, gia đình mình được an bình, hạnh phúc.

Tôi đang hoàn tất nghĩa vụ của mình với nước Mỹ và tin rằng hầu hết những người tị nạn đã được nước Mỹ mở vòng tay đón nhận đều sẵn sàng đóng góp một chút gì đó cho quê hương mà họ đang sống vì Freedom is not Free (Tự do đều có giá của nó).

Nguyễn Văn Tới

Đứa Con Lai... Hải Tặc

Nguyễn Cát Thịnh

Tác giả định cư tại Canada từ 9/1982, tốt nghiệp đại học dược khoa Toronto 1985. Năm 2011, ông góp bài Viết Về Nước Mỹ đầu tiên, một chuyện vui sống động trên chuyến bay từ Hongkong về Bắc Mỹ. Sau đó là bài «Bà Mẹ Tây» hay «Thằng Tàu Con của Mẹ» là bài viết thứ ba của ông, không chỉ sống động mà còn xúc động trong cách viết, cách kể. Sau đây là bài mới nhất của ông, ngày viết được ghi là 30 tháng Tư 2018.

Dẫn nhập :

Kính gửi nhà văn TDBC,

Một người bạn chung của ông và tôi đã kể cho ông câu chuyện về đứa con lai... hải tặc.

Thưa ông, tôi không phải là nhân vật chính nhưng đúng là người trong cuộc. Bạn của chúng ta đã cung cấp cho ông đủ tư liệu, hy vọng ông -một nhà văn đã thành danh- sẽ đóng góp thêm một tác phẩm vào tủ sách văn học tị nạn.

Thay vì, ông lại khuyến khích tôi phím bàn trước khi ông có hứng khởi ngồi vào bàn phím.

Vâng ! Cám ơn nhã ý của ông. Tôi xin cố gắng phím bàn dưới dạng truyện ngắn để bổ sung những chi tiết cho tác phẩm tương lai của ông.

Xong tú tài, tôi vào Saigon cư ngụ trong đại học xá Minh Mạng Chợ Lớn để tiếp tục việc học. Sau này có một anh sinh viên dự bị y khoa được xếp chung phòng.

Khi ra trường phải động viên vào quân đội, tôi nhường anh chân gia sư dạy kèm 2 học sinh trung học, một trai một gái. Họ là con của một ông Trung Tá bộ tổng tham mưu và bà chủ một công ty nhập cảng vải lụa.

Cuộc biển dâu xảy ra. Tôi và ông Tr/T đều bị nhập trại «tập trung học tập cải tạo». Tôi «học tập» một thời gian không dài lắm, có lẽ vì cấp bậc nhỏ ít nợ máu. Ông Tr/T bị chuyển ra trại tù miền Bắc.

Được trả tự do nhưng không việc làm, lê lết ở các quán cà phê vỉa hè, một ngày nọ tình cờ gặp lại bạn. Bấy giờ anh đã là bác sĩ tại một bệnh viện thuộc quận nhất của thành phố.

Và câu chuyện bắt đầu từ đây.

Chuyện kể, khi cô học trò nhỏ không còn nhỏ nữa thì quan hệ giữa cậu cựu gia sư và tiểu thư tân sinh viên văn khoa đã bước vào giai đoạn anh anh-em em (âu

cũng là điều dễ hiểu). Gia đình cả hai bên đều hoan hỉ, trông đợi ngày đại đăng khoa và tiểu đăng khoa.

Thế nhưng thời cuộc đã đảo lộn tất cả. Ông bố Trung Tá đi không biết ngày về. Bà mẹ mất cơ sở kinh doanh. Cậu con trai lớn tìm lãng quên trong những con hẻm nhầy nhụa. Tiểu thư tuy vẫn còn đậm nét tiểu thư nhưng chớm trầm cảm vì cuộc sống đã nhuộm đỏ giấc mơ hồng. Cậu bác sĩ chung tình đeo thêm gánh nặng phiền muộn.

Rồi phong trào vượt biển rầm rộ khắp nơi.

Trong lần đi thăm nuôi cuối cùng, bà Trung Tá đưa tiểu thư và cậu bác sĩ ra tận trại tù Hoàng Liên Sơn dò hỏi ý chồng. Ông Trung Tá bỗng trở nên lạc quan sau những năm tháng tuyệt vọng. Ông biết sức khỏe và bệnh trạng của ông, biết ngày tàn không còn xa. Ông không những đồng ý với vợ mà còn mong vợ phải thực hiện chuyến đi cho các con bằng mọi giá.

Bà đã được cha mẹ cậu bác sĩ thuận kết sui gia. Nhân tiện gặp ông, bà và ông tác thành luôn cho đôi trẻ. Đối với cả hai gia đình, họ đã nên duyên vợ chồng.

Ông xin các con hứa, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, lúc vui buồn hay lúc cùng cực cũng phải gắn bó, không được chối bỏ nhau. Đôi trẻ kín đáo cúi đầu quỳ lạy thay lời thề chung thủy.

Bạn tôi cùng vợ và người anh vợ đăng ký chuyến đi bán chính thức của người Hoa. Khi ra đến bến bãi một sự việc diễn ra ngoài dự tính của nhóm tổ chức. Chỉ những người Hoa chính gốc mới được nhận. Người Hoa giả mạo bị loại ra.

Chủ tàu là một đại gia có mẹ già mang bệnh kinh niên nên cần thầy thuốc. Hắn hối lộ để xin đặc ân cho hai vợ chồng bạn tôi nhưng họ chỉ chấp nhận một người. Dùng dằng mãi, cuối cùng một mình bạn tôi lên tàu.

Chuyến hải hành tương đối êm ả đưa người chồng đến đảo Bidong Mã Lai. Người anh vợ và người vợ trở về buồn hiu hắt.

Anh may mắn được gia đình một luật sư làm việc trong chính quyền tiểu bang Michigan bảo lãnh qua Mỹ.

Sau hơn 2 năm ôn luyện bài vở, anh được nhận vào nội trú để hoàn tất bằng hành nghề.

Người vợ đi thêm 2 chuyến nữa không thành công.

Chuyến sau cùng chủ tàu gọi đi khẩn cấp. Người anh trai còn mải vui chốn giang hồ không kịp nhận tin, đành đi chuyến sau. Tôi đến chơi đúng thời điểm. Bà Tr/T cho tôi trám chỗ, đồng hành với vợ người bạn.

Đâu có ai ngờ một chuyến đi định mệnh đang chờ đợi!!!

Con tàu chạy vòng vo 2 ngày 3 đêm vẫn chưa nhìn thấy đất đảo như hoạch định. Tàu trôi, trôi như vô tận. Tài công thú nhận không có kinh nghiệm lái đường biển.

Buổi trưa, vừa nhai xong một nhúm cơm và uống một nắp nước do tàu cấp phát thì mọi người dưới hầm nghe nhiều tiếng chạy thình thịch náo động trên boong tàu. Qua kẽ hở, biết tàu đã bị hải tặc xâm chiếm không biết từ lúc nào. Họ hoàn toàn làm chủ tình hình. Trong vòng một tiếng đồng hồ không gặp kháng cự, những tên hải tặc đã đủ thì giờ lục lọi tìm kiếm vàng bạc và giở trò khả ố với những đàn bà con gái nằm la liệt trên sàn tàu mà trước đó đã được ưu tiên dời lên vì kiệt sức.

Sau khi đã chiến thắng được sự sợ hãi tột cùng ban đầu, một số thanh niên còn khỏe mạnh họp lại tính chuyện phản công. Đám hải tặc vẫn còn e dè, chặn cửa hầm chưa dám xuống.

Để chiến đấu, mỗi người tự trang bị vũ khí cho mình. Với kìm búa gậy sắt gậy gỗ, họ phá bật nắp cửa hầm, reo hò vùng lên quyết sinh tử khiến đám hải tặc rúng động. Biết không địch nổi số đông áp đảo, không đợi lệnh, các tên hải tặc chen nhau nhảy xuống biển bơi về tàu của chúng, xả máy rút lui.

Tôi cố tìm người vợ của bạn.

Một tên hải tặc mang vết sẹo dài trên vai trái bước ra từ phòng lái đầu hàng. Cô gái trong phòng nằm trên tấm nệm cao su vẫn còn loã thể chính là người tôi tìm.

Một tên nữa cũng chậm chân nên bị bắt giữ vì còn mải nhập thiên thai. Tên có sẹo có lẽ là đầu đảng, xá lạy xin đái công chuộc tội bằng cách hướng dẫn tài công lái đúng đường, cặp vào đảo Tarempa Nam Dương.

Ngoại trừ những người bị nhốt dưới hầm, tất cả đàn ông đều bị trói gô chân tay. Một phụ lái bị giết chết vì kháng cự. Chủ tàu bị ném xuống biển vì cố che chở cho con gái nhỏ sắp bị hãm hiếp. Hai phụ nữ hoảng hốt nhảy xuống biển tự vận để bảo toàn trinh tiết. Mười một phụ nữ trẻ bị liên tục thay phiên hãm hiếp, riêng người vợ của bạn tôi được tên đầu đảng giành độc quyền. Một nam thanh niên trượt chân rơi xuống biển và năm thanh niên khác bị thương khi chiến đấu. Hai hải tặc bị bắt giữ

nhưng trốn thoát khi tàu vừa cập bến vào đảo Tarempa.

Chính quyền địa phương đưa tàu qua đảo Kuku tạm trú. Một tháng sau được chuyển sang đảo Galang.

Chút vốn liếng tiếng Anh sót lại từ thời trung học giúp tôi tìm được một việc làm trong văn phòng Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ. Có cơ hội thuận tiện, tôi tường trình trung thực những gì đã xảy ra.

Tôi thuyết phục các phụ nữ bị làm nhục ra trước ủy ban điều tra quốc tế đối chứng với lời khai của tôi nhưng chỉ có người vợ của bạn và một người vợ của anh thợ máy đồng ý. Tiếng kêu tuy yếu ớt được ghi nhận.

Người vợ của bạn tôi suy sụp khủng hoảng tinh thần cực độ khi biết đã mang thai. Cô nài nỉ tôi tìm mọi cách giúp phá nếu không sẽ tự vận. Tôi thật sự khổ sở giữa nên hay không nên. Nếu nên thì cũng không biết làm sao. Phương tiện y tế hạn chế, dễ gây hậu quả xấu cho người mẹ.

Sau một đêm dài trằn trọc tôi quyết định viết một lá thư kể toàn bộ sự việc diễn tiến trên tàu, nhờ gửi khẩn cho người chồng. Năm tuần lễ sau nhận được hồi âm. Anh cho biết vị luật sư bảo lãnh anh đã tích cực vận động với các dân biểu và nghị sĩ tiểu bang cũng như

liên bang lên tiếng với bộ ngoại giao Hoa Kỳ, thỉnh cầu can thiệp trực tiếp trường hợp của vợ anh để xin được đi định cư trong thời gian sớm nhất trước khi tiên liệu xấu xảy ra. Anh tha thiết xin vợ đừng phá thai, sẵn sàng nhận vai trò làm cha.

Tôi đã được phái đoàn Canada chấp nhận và thông báo ngày đi định cư nhưng phải xin đình hoãn.

Sáu tháng vận động đã có kết quả. Anh bạn tôi đi cùng với nhân viên lãnh sự quán HK tại Singapore đến Galang. Qua thủ tục đặc biệt, mang được người vợ đến Mỹ.

Đứa bé được sinh ra trên đất Mỹ với khai sinh mang họ của bạn tôi.

Trong buổi hội ngộ tiệc thôi nôi, vợ chồng anh bạn và người anh vợ cùng tôi đồng thuận tuyệt đối giữ bí mật mọi chuyện để sự phát triển tâm sinh lý của đứa trẻ không bị ảnh hưởng và sẽ lớn lên như một người Việt Nam trong một gia đình Việt tỵ nạn.

Thỉnh thoảng có dịp thăm viếng tôi tưởng như nhìn thấy hạnh phúc thật sự trong gia đình họ. Cậu bé lớn lên trong tình yêu tràn đầy của cha lẫn mẹ.

Sinh kế đã làm giảm tần suất liên lạc giữa chúng tôi một thời gian. Mỗi năm chỉ còn nhớ đến nhau qua những tấm thiệp xuân. Cho đến một lần, thay vì nhận được thiệp thì là một lá thư dài kể lại tai nạn thảm thương cướp mất người vợ.

Thường ngày người chồng nhắc nhở vợ dùng thuốc đều đặn vì hậu chấn thương trên biển cả khiến người vợ cần được săn sóc tâm thần và tâm lý trị liệu lâu dài. Lần đó người chồng đi dự hội thảo chuyên môn ở tiểu bang xa nhà. Người vợ đã bỏ thuốc nhiều ngày, giữa đêm mưa gió đi lang thang ngoài bờ sông không tự kiểm soát được, ngã xuống nước trôi mất tích.

Vợ chết. Bệnh trầm cảm truyền qua anh. Mặc cảm có tội luôn luôn ám ảnh. Anh dồn hết tình thương cho đứa bé, nay đã trở thành một thiếu niên.

Đến lúc đứa con phải xa nhà vì học vấn anh không thể đương đầu với nỗi buồn gặm nhấm, trầm cảm nặng hơn.

Nhiều năm nữa trôi qua. Tin buồn khác lại đến. Bạn tôi qua đời sau một thời gian ngắn nhuốm bệnh. Anh biết bệnh mình trầm kha, nhưng buông xuôi không quan tâm chữa trị, có lẽ muốn gặp vợ để giữ trọn lời thề năm xưa.

Đứa con từ chuyến vượt biển của người vợ bạn tôi năm xưa nay đã là người lớn. Cha mẹ đều mất. Bác ruột di cư sang Úc theo vợ. Tôi trở thành người thân duy nhất để chàng thanh niên, tức đứa bé ngày xưa, xả tâm tình. Chúng tôi xem nhau như chú cháu.

Những lá thư qua lại làm tôi lây những ưu tư của một người trẻ nghĩ về thân phận mình. Sau đây là một số trích đoạn từ những lá thư của cháu từ nước Mỹ với ông chú, thư viết bằng Anh ngữ, và do tôi trích dịch :

Chú ơi ! Từ lúc bắt đầu hiểu biết cháu đã linh cảm có điều gì rất nghịch lý trong gia đình cháu. Hạnh phúc như con bướm lượn lờ trên những bông hoa mời chào, ngập ngừng muốn đậu rồi lại bay đi.

Cha cháu chiều chuộng cháu hơn những đứa trẻ cùng trang lứa. Mẹ cháu hay vuốt tóc, hôn cháu trong không gian tĩnh lặng, nói nhỏ, con của mẹ, mẹ yêu con, lặp đi lặp lại.

Nhưng cũng có đôi lúc cháu bắt gặp cặp mắt thất thần của mẹ nhìn ra cõi xa xăm.

Mẹ rất sợ sông, biển. Những kỳ đi nghỉ hè cha luôn luôn tránh vùng biển.

Cha săn sóc mẹ từ miếng ăn giấc ngủ. Mẹ biếng ăn, cha bỏ bữa. Mẹ mất ngủ, cha «hầu quạt». Mẹ buồn, cha làm hề, dí ngón tay lên trán gọi mẹ là cô bé bướng bỉnh, mẹ mỉm cười gọi cha là cậu giáo khó tính, thế là buồn tiêu tan. Cha biết làm cho mẹ vui vẻ hoạt bát qua những viên thuốc mà cha gọi là thuốc tiên, bắt mẹ uống mỗi ngày (sau này cháu mới biết là những thuốc trị tâm thần).

Mấy đứa bạn của cháu thắc mắc tại sao cha mẹ cháu đều có nước da sáng, cao lớn, mũi thẳng mà cháu thì sậm da, người tròn thấp, cánh mũi to.

Cháu muốn quên mà không quên được cái hình hài không giống ai của cháu. Có phải cháu là con ngoại hôn của mẹ không chú ? Hay cháu là con nuôi ? Hay là cháu đến từ một hành tinh khác ?

- Chú không hiểu tại sao cháu lại có những suy nghĩ lẩm cẩm như thế. Chuyện giống hay không giống là quyền của... ông trời. Cố học thành tài nối nghiệp cha.

Chú ạ. Cháu báo cho chú tin động... ông trời. Cháu đã xin thử DNA. Ông trời đã sụp đổ trước mắt cháu ! Kết quả đúng như cháu hoang mang lo sợ. Cháu không có liên quan phụ hệ với cha cháu !

- Chú hiểu tâm trạng của cháu. Nếu chia sẻ được xin cho chú chia sẻ. Chú nhớ có đọc ở đâu đó :

Cha không được định nghĩa như người đã tạo ra đứa trẻ, mà khác hơn thế, là người dang rộng vòng tay và dành thì giờ nuôi nấng đứa trẻ bằng cả tâm trí và tình yêu. Huyết thống không luôn luôn làm nên người cha. Chữ cha phải thoát ra từ tấm lòng. Ai cũng có thể tạo ra một đứa trẻ nhưng cha đúng nghĩa nhất chính là người đã nuôi nấng đứa trẻ.

Không liên hệ máu mủ không làm cho người cha kém tình phụ tử. Xác nhận một người cha đích thực, không phải ở DNA, mà ở trong trái tim người ấy.

Cháu cám ơn chú đã mở mắt cho cháu. Nghĩ lại, cháu không còn vướng mắc chuyện... ông trời nữa. Nhưng chú ơi ! Giòng máu đang chảy trong người cháu là của ai ? Cháu muốn biết và cháu biết chắc chắn chú biết.

Lá thư của chàng trai khiến tôi phải trăn trở thao thức. Không thể chối cãi là tôi và cha mẹ cháu đã giấu diếm nguồn gốc của cháu.

Tôi sẽ tiếp tục giữ hay phá lời thề khi phải trả lời cháu ?

Tôi đặt lên bàn cân, một bên là sự đòi hỏi chính đáng của cháu, một bên là lời cam kết với vợ chồng bạn. Cháu đã trưởng thành, có suy nghĩ chín chắn. Sẽ mang tội với cháu nếu vẫn giữ điều bí mật. Vì thế tôi khấn vái vong linh hai người bạn, xin được giải lời thề giúp tôi thanh thản tiết lộ sự thật, từ tình sử thơ mộng của hai người cho đến thảm kịch trong chuyến đi định mệnh.

Cháu xin lỗi đã ngưng liên lạc với chú khá lâu. Cả năm nay cháu đi đi về về giữa Mỹ và Thái Lan.

Cháu thuê thám tử tư quyết tìm ra tên hải tặc đã mang tai họa cho gia đình cháu.

Bà ngoại cháu trước khi qua đời vẫn tin tưởng cha mẹ cháu sống hạnh phúc và rất hãnh diện về đứa cháu ngoại. Ông ngoại cháu đã chết trong trại tù không lâu sau lần thăm nuôi, chắc không yên tâm nhắm mắt.

Ông bà nội từng kỳ vọng ở đứa cháu đích tôn một ngày về vinh quy bái tổ, làm rạng danh dòng họ. Ở bên kia thế giới hai cụ có phẫn nộ vì chi nhánh con cháu chính thống đã thay máu từ đây ?

Mọi người đều bị lừa dối.

Cháu có nhờ cô thông dịch viên, đang theo học khoa ngôn ngữ đại học Chulalongkorn, trợ giúp. Cô này có hoàn cảnh hơi giống cháu. Cha là hải tặc hoàn lương. Mẹ là thuyền nhân suýt bị nạn trên biển như mẹ cháu.

Nhờ thám tử và cô bạn, cháu đã tìm thấy và trực diện với người gieo giọt máu oan nghiệt cho mẹ cháu. Bây giờ ông ta đã trở thành một nhà sư, trụ trì ngôi chùa nhỏ trong một làng đánh cá.

Cháu tham khảo các luật sư của Mỹ và Thái với ý định đưa ông ra toà án để đòi lại công lý cho các nạn nhân, trong đó có mẹ cháu.

Chú ơi giúp cháu.

Tiến thối lưỡng nan !

Nếu bị kết án, ông sư già có thể phải vào tù, trả giá cho tội lỗi trong quá khứ. Nhưng điều đó có đổi lại bình an cho cháu không ? Nên hay không nên tiến hành thủ tục pháp lý ?

Cháu lâm vào tình trạng y hệt như chú khi xưa (phân vân giữa việc nên hay không nên giúp mẹ cháu phá thai).

Chú ơi, có bao giờ chú hối hận vì đã không giúp mẹ trục thai nhi cháu không ? Nếu không có cháu trên đời thì sao chú nhỉ ? Cha mẹ cháu sẽ sống trong thiên đàng hạnh phúc với những đứa con kết tinh từ tình yêu.

Chú có nghĩ rằng cháu đang nuôi đau khổ vì nan giải?

Chú ơi, cháu là ai ?

Việt Nam hay ngoại tộc Việt Nam ?

Thái Lan ư ? Ô nhục !

Mỹ ư ? Chỉ trên giấy tờ !

Những đứa con lai Mỹ dù có bị kỳ thị nhưng vẫn không bị khước từ giòng máu Việt. Còn cháu, cháu có được cái hãnh diện giới thiệu với mọi người «tôi là người Mỹ gốc Việt» ?

Cháu muốn ra biển hét thi với sóng, gào lên, hỏi ông trời ! Tôi là ai ? Tôi là ai ? Tôi là ai ?

- Chú rất thán phục sự quyết tâm và ý chí của cháu. Có lương tâm dẫn dắt, cháu hãy đi theo, làm những gì cháu thấy nên làm. Nếu cháu muốn được tư vấn thì đừng chê quan niệm lỗi thời của chú nhé.

Thời của cha mẹ cháu cũng như chú, không thiếu những chứng tích của tội ác man rợ. Cũng không thiếu những chứng tích đau thương bi thảm. Trong số này, có số phận của những đứa con lai hải tặc.

Người ta thường tìm cách che dấu thứ mà người ta muốn quên. Nhưng cháu, một trong những đứa con đó, đã dũng cảm nói lên tiếng nói của con người, bình đẳng như mọi người của thế gian này.

Giáo lý Phật Đà dạy ta dùng từ bi và tha thứ để đối phó với nghịch cảnh. Lòng từ bi không chấp nhận hành động sai nhưng có thể tha thứ cho người làm sai.

Chính cháu là người đau khổ nhất, không được gì, đúng không ? Mong cho ông sư hải tặc rục xương trong tù ? Tất cả chỉ làm tinh thần cháu kiệt quệ.

Cháu ạ, Kinh Pháp Cú 5 có câu :

Hận thù diệt hận thù,
Đời này không có được,
Từ bi diệt hận thù
Là định luật ngàn thu.

Có phải cháu muốn tìm sự bình an ? Nếu cháu chưa sẵn sàng mở lòng bao dung thì cũng đừng để tâm bị xáo trộn. Tâm là cốt lõi của cuộc sống. Với tâm thanh tịnh

thì hạnh phúc sẽ tìm đến. Với tâm bất ổn thì đau khổ sẽ bám không rời.

Vị sư già cũng đi tìm bình an như cháu. Câu kinh tiếng kệ là những tiếng than khóc của tạo thành một vòng kín vô hình nhốt ông. Ông ta đang thi hành hình phạt nặng nề nhất của lương tâm. Cứ để ông ta thụ án. Cháu đâu cần phải cố sức bắt tội người có tội. Vào tù hay thoát khỏi tù là quyền của...ông trời !

Thưa chú,

Chú đã giải tỏa đám mây u ám vần vũ trên đầu cháu. Cho cháu thấy ở phía trước một con đường sáng sủa hơn. Hành trang đeo trên vai cũng nhẹ hơn.

Cháu hối tiếc những ngày còn cha mẹ, cháu đã không mang đến cho các người tiếng cười hạnh phúc. Không có dịp thầm thì bên tai các người, cha mẹ ơi con yêu cha mẹ.

Cha cháu đã đón nhận cháu như một quà tặng quý giá của tạo hoá. Mẹ cháu cũng mang nặng đẻ đau như các bà mẹ khác. Chú tin rằng ơn này còn nặng hơn ơn nghĩa sinh thành.

Phải vinh danh những người cha vĩ đại có trái tim thánh. Phải cúi đầu ngưỡng mộ và cảm thông cho những người mẹ bất hạnh. Người mẹ can đảm, mạnh mẽ đứng dậy sau khi bị vùi dập, cùng với người cha cưu mang, nuôi nấng sinh linh «lạ», thay giòng máu ô nhiễm trong hài nhi bằng giòng máu vô nhiễm của tâm hồn.

Chú đọc cho cháu thống kê của LHQ, tìm thấy trong thư viện, để cháu có cái nhìn tổng thể.

Khoảng 839,000 người Việt Nam đã vượt biển trên những chiếc thuyền mong manh từ 1975 đến 1997. Phỏng chừng 300,000 đến 400,000 người không đến được bến bờ tự do.

Chỉ riêng năm 1981 Cao Ủy Tỵ Nạn LHQ báo cáo : 15,479 thuyền nhân đến Thái Lan đi trên 452 con tàu. Trong đó 349 tàu đã bị hải tặc tấn công, trung bình mỗi tàu 3 lần. 578 phụ nữ bị hãm hiếp. 228 phụ nữ bị bắt cóc. 881 chết hoặc biệt tích.

Con số thai nhi do hải tặc không được báo cáo chính xác vì bản chất phụ nữ Việt hiền lành, chịu đựng. Đa phần do xấu hổ nhục nhã nên không khai báo.

Cháu đoán, những bào thai ấy nếu sống sót bây giờ đã trở thành những thanh niên, trung niên bằng hoặc hơn tuổi cháu. Họ có thể đã lập gia đình và có con cái.

Chú ơi, có ai mang cùng tâm trạng như cháu ? Hỏi mãi một câu hỏi «Tôi là ai» ?

Thảm trạng lịch sử đã sang trang chưa ? Có nên hâm lại chuyện cũ không ? Chú không biết.

Tội ác, theo thời gian, có thể dần dần bị quên lãng nhưng chứng tích tội ác là những đứa con lai... hải tặc hiện hữu khắp nơi.

Chú nêu vấn đề với cộng đồng, mong câu hỏi «Tôi là ai ?» của cháu sẽ được trả lời.

Bằng lòng với số phận ? Sống để bụng chết mang theo ?

Nghĩ sao ?

30/4/2018

Nguyễn Cát Thịnh

Mẹ Chồng Tôi

Phương Lan

Tác giả là một dược sĩ, cư dân Chino Hills, California, đã nhận giải danh dự Viết Về Nước Mỹ 2007. Bà là nhà văn có 3 tác phẩm đã xuất bản. Ngoài văn chương, sở thích của bà là đàn dương cầm, đã có 2 CD độc tấu nhạc cổ điển và tân nhạc. Sau đây là một truyện ngắn mới được dành cho Viết Về Nước Mỹ.

Tôi sanh con đầu lòng được hai tháng thì chồng tôi báo tin mẹ chàng ở Việt Nam sắp qua đoàn tụ với chàng. Bình vui mừng nói :

- Thật là đúng lúc, mẹ sẽ trông con cho em đi làm.

Nghe qua, tôi hơi ngỡ ngàng, sự việc này tôi chưa bao giờ nghĩ tới, mặc dù trước khi cưới, Bình có cho biết chàng đang làm thủ tục đón mẹ chàng qua. Bình và tôi lấy nhau đã bốn năm rồi, tôi chỉ biết về mẹ chồng qua những tấm hình và qua lời kể của Bình. Bà Thân, mẹ chàng là một thiếu phụ quê mùa, hiền lành, không may goá chồng từ năm chưa tới ba mươi tuổi, bà ở vậy, cực nhọc nuôi hai con ăn học nên người. Bình được đi du học bên Mỹ từ năm mười tám tuổi và ở lại luôn, sau biến cố 1975. Cô Thu, em Bình, năm nay hai mươi tám

tuổi, trước đây vẫn ở với mẹ, nhưng cô mới lấy chồng là một Việt kiều, và theo chồng về Mỹ từ năm ngoái, ở khác tiểu bang với chúng tôi.

- Không thể để mẹ ở một mình. Bình nói, cả đời mẹ hy sinh cho các con, bây giờ mẹ già rồi, các con có bổn phận phải chăm lo cho mẹ. Trước đây mẹ ở với cô Thu, anh yên tâm, nhưng từ ngày Thu đi lấy chồng, mẹ cô đơn một mình, tội nghiệp quá. Chúng ta đón mẹ về sống chung, em nhé ?

Tôi chưa kịp trả lời, dường như Bình đọc được vẻ lo ngại trên nét mặt tôi, nên vội vã trấn an :

- Đừng sợ, mẹ anh hiền lành, dễ tính lắm. Bà rất thương anh, tất nhiên cũng sẽ thương em, nhất là em vừa sanh cho bà đứa cháu đích tôn nối dòng.

Tôi sanh ra và lớn lên trên nước Mỹ, nên chưa có khái niệm về những cảnh mẹ chồng, nàng dâu trong những gia đình Việt Nam cổ xưa, nghe thấy thế thì cũng xiêu lòng. Qua phút bối rối lúc đầu, tôi dễ dàng chấp nhận ngay, thầm nghĩ sẽ an tâm biết bao nếu bé Danny được bà nội trông nom trong lúc Bình và tôi phải đi làm.

Lương kỹ sư điện toán của Bình chỉ đủ trả tiền nhà, và tiền mua trả góp hai cái xe, mọi thứ chi tiêu khác đều trông vào đồng lương của tôi, hai vợ chồng cùng chung sức gây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc. Tôi yêu Bình và chưa bao giờ làm trái ý chàng, lần này cũng vậy, thông cảm hoàn cảnh mẹ góa, con côi của Bình, tôi vui vẻ sửa soạn nhà cửa đón mẹ chồng. Chúng tôi quyết định sẽ dành cho bà căn phòng ở tầng dưới, có cửa sổ trông ra một cái vườn rộng có bãi cỏ xanh non và hai cây phượng tím rợp bóng mát.

- Vườn còn nhiều đất trống, mẹ có thể trồng hoa, trồng rau cỏ hoặc cây ăn trái nếu mẹ muốn. Tôi nói với Bình, em mồ côi mẹ từ nhỏ nên rất thèm tình mẫu tử, em sẽ coi mẹ anh cũng như mẹ em.

Tôi nói rất thật lòng, Bình nhìn tôi bằng cặp mắt vô cùng thương yêu :

- Cám ơn em, mẹ anh chắc vui lắm có cô con dâu dịu dàng, dễ thương như em.

Nhưng thực tế không đúng như ý chúng tôi mong muốn. Mẹ chồng tôi hiền lành, nhưng quen sống theo xưa, và nhất định không chịu thay đổi những thói quen cố hữu. Bất chấp phong tục của dân bản xứ, mẹ chồng tôi thản nhiên mặc quần áo ngủ nhàu nhè đi ra đường,

hoặc đánh bộ áo cánh, quần đen, chân đi đôi guốc mộc, loẹt quẹt đi dạo phố trước những cái nhìn khó chịu của người địa phương. Tôi cắt nghĩa mãi, nhưng bà vẫn bướng bỉnh :

- Mặc kệ tôi ! việc gì phải bắt chước Mỹ ? Tôi bận đồ tây không quen, vướng víu, khó chịu lắm. Bà xầm mặt tỏ vẻ bất bình, chị không phải dạy khôn tôi, ăn bận miễn sao kín đáo là được rồi, đàn bà Mỹ để hở ngực, lòi rốn ra mới đáng nói chớ.

Thấy không khí căng thẳng, Bình kéo vội tôi ra chỗ khác, thì thầm :

- Phận làm dâu không nên bắt bẻ mẹ chồng. Mẹ đã quen ăn mặc như thế rồi, bắt bà phải thay đổi liền không được đâu. Cứ để từ từ, lâu dần rồi bà cũng sẽ nhận ra.

Mẹ chồng tôi không nói gì nữa, nhưng từ đó bà cố tránh không đi ra ngoài một mình với tôi. Cuộc sống của vợ chồng tôi đang yên vui, bắt đầu xáo trộn. Thường ngày, ăn cơm xong, Bình vẫn phụ với tôi rửa chén. Hai vợ chồng cùng đi làm vất vả như nhau, nên công việc nhà chia đều, tôi đi chợ nấu ăn, lau chùi nhà cửa, chàng rửa chén, hút bụi, giặt quần áo... Nhưng bây giờ khác, mẹ chồng tôi tỏ ra khó chịu khi thấy con trai phải làm những công việc mà bà cho rằng chỉ dành cho đàn bà.

Bà không nói tôi, nhưng mắng con trai :

- Hồi ở với mẹ, có bao giờ anh phải làm gì động đến móng tay đâu ? Bây giờ bị vợ bắt rửa bát, lau nhà, trông hèn cả người đi.

Bình cười vui với mẹ, nhưng vẫn bênh vực tôi :

- Xưa khác, ngày xưa người vợ được ở nhà nên mới có nhiều thì giờ lo việc nội trợ. Bây giờ phụ nữ cũng phải ra ngoài xã hội bon chen với đời, vất vả ngang với chồng, về đến nhà còn chợ búa, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc con cái... Bao nhiêu là việc, một mình cô ấy làm đâu có xuể, nên công việc cần phải chia đều.

Mẹ chồng tôi nói dỗi :

- Anh lúc nào chẳng bênh vợ. Thôi, nếu anh sợ chị ấy mệt thì để tôi làm.

Và bà làm thật, vừa làm vừa dằn hắt, xô bàn, kéo ghế rầm rầm. Tôi sợ quá, vội vã nói :

- Để đó con làm, mẹ đi nghỉ đi.

Thế là tôi phải kiêm thêm nhiệm vụ mới. Thôi cũng được, tôi ráng cực nhọc thêm một chút, để Bình có thì giờ nghỉ ngơi, dạo này chàng hơi bị xuống cân, có lẽ đêm không ngủ được vì con khóc. Nhưng mẹ chồng lại

nghĩ khác, bà thường nhìn tôi bằng cặp mắt soi mói, và nói bóng gió xa gần đến cái chuyện «tốt mái hại trống» con dâu bắt «thằng bé» phục vụ quá sức. Tôi vừa xấu hổ, vừa tức giận nên cấm Bình chuyện gối chăn. Mặc chàng cực lực phản đối, tôi ôm chăn gối sang phòng khác, nhất định ngủ riêng, khiến Bình phải theo năn nỉ gãy lưỡi. Mẹ chồng biết được, tha hồ lườm nguýt :

- Cái thằng ngu, đội vợ lên đầu. Mẹ đẻ ra mày nói chẳng nghe, con đó mới ho lên vài tiếng thì đã sợ rúm !

Không dám đối đáp với mẹ chồng, tôi trút tất cả sự giận dữ lên Bình, chàng cắn răng chịu đựng không dám than một tiếng. Thấy tội nghiệp, tôi thôi không cằn nhằn nữa, nhưng trong bụng ấm ức, không vui.

Ngày giỗ cha chồng tôi, cô Thu từ tiểu bang Georgia qua chơi, mẹ chồng tôi ngỏ ý muốn nhờ sư sãi tụng kinh cầu siêu cho người quá cố. Bình lái xe đưa cả nhà đi chùa, lúc về, cô Thu đòi ghé tiệm chuyên bán đồ phụ nữ để mua một đôi giày. Cô ở chơi ba ngày rồi mới về. Ngay tối hôm đó, Bình gọi tôi vào phòng riêng, hầm hầm nói :

- Em ăn ở với mẹ chồng ra sao để anh phải xấu hổ với cô Thu ?

Tôi giật mình :

- Anh nói cho rõ trắng đen ! em đã làm điều gì không phải ?

Không nói không rằng, Bình quăng hộp giày xuống đất, hằn học :

- Một đôi giày đáng giá bao nhiêu mà em hà tiện không sắm cho mẹ, để mẹ phải mang đôi dép cũ ? Hôm đi chùa về, cô Thu đã phải ghé tiệm mua cho mẹ một đôi giày mới, thay cho đôi dép nhựa rẻ tiền. Em làm anh nhục quá !

Tôi há miệng không nói được lời nào, hai hàng nước mắt chảy dài. Mẹ chồng tôi nghe lớn tiếng nên chạy vào can, khi hiểu đầu đuôi câu chuyện, bà mỉm cười nói với Bình :

- Không phải vậy đâu, chuyện này là do mẹ. Vào chùa thì phải bỏ dép, mẹ sợ người ta lấy cắp, nên đi đôi dép cũ, có mất cũng chẳng tiếc.

Thì ra mẹ chồng tôi tưởng như hồi còn ở Việt Nam, bị mất trộm cả từng đôi dép. Hiểu ra, Bình vội vàng xin lỗi, nhưng tôi làm mặt lạnh, không thèm trả lời, Bình tự ái nên cũng không năn nỉ thêm. Cuộc chiến tranh lạnh kéo dài cả mấy tuần, hình như đã có một đám mây mù

che phủ hạnh phúc của hai vợ chồng.

Trước đây, sau mỗi lần cãi nhau, Bình thường làm lành bằng cách bế bổng tôi lên, ôm thật chặt, chọc cho tôi cười, và phủ kín mặt tôi bằng những cái hôn nóng bỏng. Bây giờ thì không còn nữa, trừ phòng riêng, chúng tôi đâu còn nơi chốn nào để mà riêng tư ?

Trước đây, sau bữa ăn, tôi thích được mặc quần áo ngủ mỏng manh, nằm gối đầu lên đùi chàng để xem TV. Bây giờ thì không dám, trước mặt mẹ chồng phải ngồi ngay ngắn, ăn mặc phải kín đáo, hở hang một chút bị coi là suồng sã. Muốn hôn nhau cũng phải mắt trước, mắt sau, cứ như là đi ăn trộm sợ bị bắt gặp, âu yếm công khai trước mặt mẹ chồng là vô lễ... Chao ôi là khó thở ! còn đâu những ngày trẻ trung vui vẻ như xưa ?

Những ngày cuối tuần, hai vợ chồng thường chở nhau đi xem xi nê hay đi picnic ở vùng quê, hít thở không khí trong lành, bù lại suốt tuần làm việc mệt nhọc. Bây giờ thứ bảy phải đưa mẹ đi lễ chùa, đi thăm bà con, hay đi bác sĩ, chủ nhật phải đưa bà đi chợ...

Mẹ chồng chê tôi nấu ăn nhạt nhẽo, bà muốn tự tay nấu lấy những món ăn khoái khẩu để tẩm bổ cho cậu con cưng. Phải công nhận mẹ chồng tôi nấu ăn rất ngon, nhưng bà hay cho cả vốc bột ngọt, và mỡ màng thì

nhiều vô kể. Kết quả là chồng tôi lên cân vù vù, máu, mỡ cũng lên vù vù, bác sĩ phải lên tiếng cảnh cáo. Bình giải thích mãi, bà mới chịu hiểu, từ đó bà giao công việc bếp núc lại cho tôi.

Ở không mãi cũng chán, bà muốn đảm nhận việc coi cháu, bà cưng thằng cháu đích tôn như cưng trứng mỏng, tôi cũng mừng.

Danny được sáu tháng, tôi đi làm trở lại. Danny đã quen với bà nội, hai bà cháu quyến luyến nhau lắm, hai vợ chồng tôi đi làm đều yên tâm.

Danny lớn nhanh, bụ bẫm, dễ thương vô cùng, nó đã biết làm nhiều trò rất tức cười. Nhưng sao dạo này thằng bé hay thức đêm đòi bú và không chịu ngủ. Một lần chẳng hiểu đau ốm gì mà nó quấy suốt đêm, hôm sau đi làm về, thấy thằng bé mệt lả, nằm trên giường, tay chân lạnh ngắt. Bình và tôi hoảng hồn, vội đem con đi bệnh viện, thì ra thằng bé bị kiệt sức vì tiêu chảy đã hai ngày rồi, bệnh viện phải truyền nước biển mới cứu kịp.

Hỏi ra mới biết là bà nội chiều cháu, cho nó uống nước xay trái cây của người lớn, thấy cháu tiêu chảy, bà tự chữa cho nó bằng cách ra vườn hái mấy lá ổi, nấu lên cho cháu uống. Cũng may đưa đi nhà thương kịp, nên

chưa nguy đến tính mệnh.

Từ sự việc này, tôi cũng khám phá ra là mẹ chồng tôi cho cháu ăn bất kể giờ giấc, hễ thấy thằng bé khóc, là nhét ngay chai sữa vào miệng. Ăn không ra bữa, nên mỗi bữa ăn Danny bú rất ít, nhưng lại bú làm nhiều lần, nhất là ban đêm. Ngoài ra bà lại hát ru cho cháu ngủ, thằng bé chỉ ngủ khi có tiếng hát ru của bà, tôi không biết hát ru nên không tài nào dỗ nó ngủ được. Hai vợ chồng lục đục, thức suốt đêm với nó, nên cả hai đều hốc hác.

Tình trạng này không thể kéo dài, chúng tôi bàn với nhau, và Bình nói với mẹ chàng, chẳng những bà không nghe, mà còn dài giọng mỉa mai :

- Anh bảo tôi không biết cách nuôi trẻ con ? Thế ai đã nuôi anh nên vai nên vóc như ngày nay ? để bây giờ anh văn minh, anh dạy lại mẹ ?

Cực chẳng đã, chúng tôi mới phải đem con đi gởi nhà trẻ. Bị rứt thằng cháu cưng ra khỏi tay, mẹ chồng tôi giận dỗi, ở miết trong phòng ba, bốn ngày liền, không ra ăn cơm, làm Bình phải năn nỉ muốn gãy lưỡi.

Nhưng bà không thể dỗi mãi, rồi vì nhớ cháu nên sáng nào bà cũng ra cửa nhìn theo tôi bồng cháu ra xe với cặp mắt buồn bực, và không nén được tiếng thở dài. Dần dà, bà lân la giúp tôi soạn giỏ xách đựng đồ chơi, tã lót, quần áo, đồ ăn của Danny bỏ vô giỏ. Tôi để cho bà làm những việc đó, khiến bà vui được một chốc. Bà soạn tỉ mỉ lắm, không quên món nào, hình như bà đem tất cả tình thương cho cháu dồn vào những cử chỉ săn sóc nho nhỏ đó.

Mấy tháng sau, thì Danny đã quen ăn ngủ có giờ giấc. Càng lớn nó càng xinh đẹp, bụ bẫm nhưng mặt mày ngơ ngác trông rất tội nghiệp. Hình như nó nhớ bà, mỗi lần được mẹ đón về, nó xà ngay vào đôi tay chờ đón của bà, hai bà cháu ôm chầm lấy nhau hôn hít.

Thấm thoát Danny sắp lên hai tuổi, càng lớn nó càng dễ thương và giống bố in hệt, cháu đã biết đi và nói bi bô vài câu ngắn.

Hai tuần sau sinh nhật, Danny bị ấm đầu. Dạo này nó hay bị những cơn sốt nhẹ, nên chúng tôi cũng không để ý, con nít đến tuổi mọc răng hay bị sốt là chuyện thường. Nhưng lần này Danny có vẻ mệt, nên phải để cháu ở nhà cho bà nội trông. Trước khi đi làm, Bình căn dặn mẹ thật kỹ lưỡng những điều phải làm, và những lần cho cháu uống thuốc, bà gật đầu lia lịa :

- Mẹ nhớ, mẹ nhớ mà...

Lúc này mẹ chồng tôi có vẻ dễ chịu hơn, không hay can thiệp vào những chuyện riêng tư của vợ chồng của chúng tôi như trước.

Sau hai năm sống trên nước Mỹ, được tiếp xúc với những bạn bè lớn tuổi đồng cảnh ngộ, từ từ bà cũng đã hiểu. Mỗi lần được trông cháu, bà sung sướng ra mặt, bao nhiêu tình thương của bà đều dồn cho cháu, bao nhiêu thì giờ của bà đều dành cho cháu. Danny mới hơi ọ ẹ một chút là bà đã chạy ngay lại, bế nó lên dỗ dành :

- Bà đây ! cháu đừng sợ.

Bà kiên nhẫn đút cho nó ăn, có khi cả tiếng đồng hồ. Mấy lúc gần đây Danny biếng ăn vì nướu răng bị sưng và hay chảy máu. Kỳ này không hiểu sao, Danny sốt vài ngày rồi khỏi, rồi lại sốt trở lại, nó quấy khóc cả ngày lẫn đêm. Bà nội thương cháu, nên bế cháu đi rong suốt đêm cho cháu dễ chịu, Danny lại được thiếp ngủ trên vai bà nội trong tiếng ru buồn vời vợi.

Thấy con cứ sốt dai dẳng mãi không dứt, chúng tôi cũng hơi lo, cho tới một hôm Danny bỗng lên một cơn sốt cao và chảy máu mũi khá nhiều, hai vợ chồng hoảng sợ vội đem con đi bác sĩ. Sau khi lấy máu thử nghiệm,

thấy số bạch cầu khá cao, bác sĩ nghi là nhiễm trùng, nên biên toa thuốc trụ sinh và thuốc sốt, dặn cho nó uống đều đặn, hai tuần sau trở lại tái khám. Ông dặn thêm :

- Nếu có gì bất thường, ông bà có thể đem cháu đến bất cứ lúc nào.

Hai ngày sau, Danny bớt nóng và không có triệu chứng gì khác lạ. Nhưng mặc dù uống thuốc rất đều, mà hai tuần sau, những cơn sốt nhẹ vẫn chưa dứt hẳn. Khi tái khám, bác sĩ lại cho thử máu, lần này số bạch cầu tăng tới mức đáng ngại, bác sĩ nói :

- Bệnh của cháu nghiêm trọng hơn là tôi vẫn tưởng. Bây giờ phải cho xét nghiệm để truy tầm ung thư máu.

- Ung thư à ? Bình nhảy nhỏm, kêu lên sợ hãi.

Còn tôi thì bủn rủn, tim đập tưởng như sắp vỡ lồng ngực. Bác sĩ nhìn khuôn mặt tái xanh của cả hai vợ chồng, trấn an :

- Tôi chỉ nghi ngờ vậy thôi, chưa có gì chắc chắn cả. Bây giờ tôi sẽ gởi cháu đi xét nghiệm.

Ông biên giấy giới thiệu Danny đến bệnh viện để rút một ít bone marrow ở tủy sống đem đi thử. Ông nói với vẻ mặt áy náy :

- Khi có kết quả, chúng tôi sẽ báo tin ngay cho ông bà.

Xong xuôi, chúng tôi đem cháu về, lòng hồi hộp không thể tả. Mẹ chồng tôi suốt ngày đọc kinh cầu nguyện cho cháu tai qua nạn khỏi. Năm ngày trôi qua trong yên tĩnh, tôi hơi mừng với ý nghĩ «no news is good new» (không có tin tức gì là điều tốt) nếu có gì bất thường thì người ta phải báo tin liền. Nhưng trưa thứ bảy, chúng tôi nhận được điện thoại từ văn phòng bác sĩ cho mời hai vợ chồng đến gấp. Ruột tôi nóng như lửa đốt, linh tính cho biết có điều gì chẳng lành. Quả vậy, khi gặp bác sĩ, chúng tôi được báo tin :

- Sáng nay mới có kết quả của phòng thử nghiệm. Tôi rất buồn cho ông bà hay là cháu Danny bị ung thư máu.

Tôi nghe như có tiếng sét nổ ngang đầu, ôm mặt gục xuống, mơ hồ có tiếng chồng tôi hỏi thật nhỏ, giọng thều thào như người sắp đứt hơi :

- Bây giờ phải làm thế nào, bác sĩ ?

- Xét nghiệm cho thấy bone marrow (tuỷ xương) của cháu có vấn đề. Cách chữa trị tốt nhất là phải thay bone marrow. Chúng tôi sẽ ghi tên cháu lên danh sách những người chờ được hiến tủy. Trong khi chờ đợi, tôi sẽ giới thiệu cháu đến một bác sĩ oncologist chuyên về ung thư trẻ em để làm chemo (hoá trị).

Ông còn nói nhiều nữa, nhưng tôi không muốn nghe tiếp. Trời ơi ! có thể như thế được sao ? con tôi mới được hai tuổi, bé Danny xinh đẹp, bụ bẫm thế kia mà lại mắc chứng bệnh ung thư quái ác, ông trời thật quá bất công. Tôi nhắm mắt lại, trong một lúc tôi tưởng như đây chỉ là một giấc mơ, khi tỉnh dậy tôi sẽ thở phào sung sướng. Nhưng không, khi tôi mở mắt ra, chỉ thấy bộ mặt thiểu não của chồng tôi, và cái nhìn xót thương của bác sĩ...

Hôm đó là một ngày buồn nhất, tôi khóc như mưa, Bình thở dài không dứt, còn mẹ chồng tôi không nói một lời, nhưng mặt bà tái xám, trông bà rũ rượi như một tàu lá héo.

Những ngày sau đó thật thê thảm, ai có người thân bị ung thư mới hiểu thấu những thống khổ mà gia đình phải chịu đựng. Thật tội nghiệp cho con tôi, mặc dù được truyền một loại hoá chất nhẹ, nhưng với sức vóc của một đứa bé hai tuổi, Danny cũng vật vã, khó chịu,

nó khóc ngầy ngật cả ngày lẫn đêm. Ba người thay phiên nhau chăm sóc cháu, nhưng phải công nhận mẹ chồng tôi tốn nhiều công sức nhất, kiên nhẫn nhất...

Trong hoạn nạn, mọi người xích lại gần nhau hơn, tị hiềm mẹ chồng nàng dâu không còn nữa, mọi người chỉ chung mục đích là lo cho đứa bé bệnh hoạn.

Danny bắt đầu xuống cân, trông nó xanh xao, èo uột rất tội nghiệp. Cứ đà này, con tôi sẽ chết trước khi tìm được người cho tủy thích hợp với nó. Bình và tôi đều tình nguyện hiến tủy cho con, nhưng kết quả thử nghiệm đều không hợp. Chúng tôi đau đớn nhìn thằng bé mỗi ngày một yếu đi dần mòn. Mẹ chồng tôi có vẻ suy nghĩ lung lắm, một hôm bà dụt dè đề nghị :

- Hãy để mẹ hiến tủy cho cháu nhé ?

Cả Bình và tôi đều giật mình sửng sốt, thật chưa bao giờ chúng tôi tưởng đến chuyện này. Bình nhìn dáng mẹ tiều tụy, bơ phờ, lắc đầu :

- Mẹ lớn tuổi quá, không đủ điều kiện hiến tủy đâu. Người hiến tủy phải ở trong khoảng từ 18 đến 60 tuổi, còn mẹ đã 63 rồi.

- Nhưng trong giấy tờ thì mẹ mới 59. Bà nài nỉ, cứ để cho mẹ thử xem sao, mẹ không đành nhìn nó đi vào cõi chết.

- Nhưng hiến tủy cũng tổn hại đến sức khoẻ đấy, mẹ ạ. Bình nói, người trẻ thì không sao, chứ người già khó lấy lại sức lắm.

- Kệ ! mẹ già rồi, mạng sống đâu có quý bằng trẻ thơ ? Cứ để mẹ cho cháu nốt quãng thời gian còn lại của mẹ.

Bình nhìn mẹ một hồi, giọng thương cảm :

- Không phải cứ hiến tủy là chết đâu mẹ, nhưng trông mẹ gầy ốm quá, sợ không đủ cân lượng.

- Chuyện đó đâu có khó gì ? Bà cố gượng cười, mẹ ăn uống tẩm bổ là sẽ lên cân ngay.

Được sự đồng ý của gia đình, mẹ chồng tôi sung sướng ra mặt. Tội nghiệp mẹ, để có đủ điều kiện sức khỏe hiến tủy cho cháu, bà cố gắng ăn uống thật nhiều cho đủ số cân lượng. Nhiều lúc thấy mẹ trợn trạo cố nuốt thức ăn, tôi ứa nước mắt. Hai tháng sau bà lên được bẩy pao.

Hôm đi thử máu về, chúng tôi cũng không hy vọng gì lắm, cha mẹ ruột còn không thích hợp, huống chi bà nội ? Nhưng bất ngờ làm sao, kết quả cho thấy hoàn toàn phù hợp. Cả nhà mừng như chết đi sống lại, mừng nhất là mẹ chồng tôi, cặp mắt già sáng lên những tia hy vọng. Mẹ bất kể những đau đớn mà bà sẽ phải chịu khi hiến tủy, bà bất chấp tuổi già sức yếu, bà chỉ nghĩ đến cháu...

Mẹ chồng tôi, một người đàn bà quê mùa chất phác, tư tưởng còn chậm tiến như người thời xưa. Mẹ rất sợ nhà thương, rất sợ dao kéo mổ xẻ, thế mà mẹ đã tình nguyện vào nhà thương, tình nguyện lên bàn mổ, để hiến tủy cho cháu. Tiến trình hiến tủy chắc là đau đớn lắm, nhưng mẹ cắn răng chịu đựng, không rên la, hình như bà sợ rên la người ta sẽ từ chối không cho bà cứu cháu (!? !) Nhìn nét mặt tái xanh vì sợ của bà khi bước vào phòng mổ, chúng tôi không sao cầm được nước mắt. Ôi tình cốt nhục thiêng liêng làm cảm động đến cả trời đất, ca thay tủy thành công mỹ mãn, Danny hồi phục nhanh như có phép lạ, mẹ chồng tôi cũng lại sức sau vài tháng tẩm bổ.

Thời gian qua nhanh như gió thoảng, mới đây mà đã bốn năm, chúng tôi có thêm một cháu gái, bé Rebecca mới được năm tháng. Mẹ chồng tôi gần bảy chục tuổi,

tóc bạc gần hết, nhưng vẫn khoẻ mạnh, hồng hào. Bà sống rất thoải mái, sung sướng trong sự yêu kính của con cháu, trong một gia đình tam đại đồng đường, trên dưới thuận thảo, thương yêu nhau.

Mẹ vẫn trải tình thương cho con cháu bằng những săn sóc nho nhỏ, bằng những bữa ăn ngon lành, bằng những tiếng ru à ơi buồn vời vợi, dỗ cho cháu ngủ... Trên nước Mỹ này, có bao nhiêu bé thơ Việt Nam may mắn được dỗ giấc ngủ êm trong tiếng ru của mẹ Việt Nam ? Tiếng mẹ thấm vào hồn từ lúc còn nằm nôi, mong bé lớn lên sẽ không quên cội nguồn. Sao trước kia tôi không nhận ra như vậy nhỉ ? Xin mẹ tha lỗi cho đứa con dâu trẻ người non dạ này.

Danny đã đến tuổi đi học và đang học lớp mẫu giáo. Nhìn con sởn sơ lớn lên như bao đứa trẻ bình thường khác, tôi thầm cám ơn thượng đế, cám ơn khoa học, cám ơn các bác sĩ, y tá trong bệnh viện, và nhất là cám ơn mẹ chồng tôi. Mẹ ơi ! chẳng những mẹ sanh ra chồng con, mà mẹ đã tái sanh ra cháu Danny một lần nữa, vì Danny sống được là nhờ mẹ. Suốt đời chúng con nhớ ơn mẹ./.

Phương Lan

Cái Tên Để Đời

Đặng Hà Nội

Tác giả là một nhà giáo hồi hưu, sau nhiều năm dạy Song Ngữ và ESL tại Khu Học Chính Minneapolis và Việt Ngữ tại Đại Học Minnesota, hiện cư ngụ với vợ tại Brooklyn Park, MN. Ông cũng từng dạy Anh Văn thiện nguyện tại Trung hoa và Việt Nam và dạy Việt Ngữ cho chùa Phật n tại Roseville, MN. Với nhiều bài viết đặc biệt, ông đã tham dự và nhận giải danh dự Viết Về Nước Mỹ 2017. Tên thật của nhà giáo họ Đặng là Thống Nhất và người em trai của ông có tên là Độc Lập. Bài viết mới của ông bắt đầu bằng một lời cảm thán với lịch sử «Thống Nhất - Độc Lập» vì đâu mà...

Tên mà cậu tôi đặt cho tôi nghe rất là kêu, hiếm có và đầy ý nghĩa.

Đọc lại lịch sử thì mới biết rằng tôi sinh vào cuối thập niên 1940 khi chính phủ thuộc địa Pháp và vua Bảo Đại vừa ký xong Hiệp Định Elysée công nhận chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Ôi ! Vui mừng thay cho dân Việt Nam vào lúc đó. Ba miền Bắc Trung Nam (Tonkin, Annam, Cochinchina) nay hợp lại thành một chung sống với nhau sau khi vua Bảo Đại ở bên Pháp về nước. Tôi ra đời tại nhà thương Saint Paul tại Hà Nội bốn tháng

sau hiệp định và cậu tôi đặt cho cái tên là Thống Nhất. Tôi cũng có người em út tên Độc Lập.

Nhưng sau đó số phận nước Việt Nam nhỏ bé này như bọt bèo trôi trên giòng sông đầy sóng bão gây ra từ phương xa và trong nước ! Thống Nhất, Độc Lập gì đâu mà năm 1954 lại có một cái hiệp định ký tại cái thành phố Genève xa xôi chia đôi đất nước. Thế là gia đình tôi đành bỏ lại sau lưng thành phố thanh lịch Hà Nội thân yêu lang thang lếch thếch di cư theo ánh sáng miền Nam gây dựng lại cuộc sống.

Rồi chúng tôi sống những ngày an bình tại thành phố Hòn Ngọc Viễn Đông dù là không phải là quê của mình nhưng đất miền Nam ấm áp và phì nhiêu, bạn miền Nam thành thật và nhiệt tình nên chúng tôi quen dần thích nghi với đời sống mới. Ngày ngày tôi cắp sách tung tăng đến trường, Ba tôi làm trong Bưu Điện Trung Ương Saigon có nhà của sở trên đường Hai Bà Trưng ngay đằng sau chỗ cậu tôi làm việc. Chỉ băng qua đường là đến đại lộ rộng rãi thênh thang với những hàng cây me, cây điệp đầy bóng mát. Tôi hãnh diện đi trên con đường quen thuộc này vì nó đã mang tên tôi : Thống Nhất.

Rẽ tay trái là Nhà Thờ Đức Bà có hai đỉnh tháp cao vút mà chúng tôi thỉnh thoảng hiếu kỳ ghé thăm dù là người ngoại đạo. Sau khi đi ngang qua hai miếng đất có trồng cây cao mọc thứ tự như rừng cao su là tới Dinh Độc Lập uy nghiêm, chỗ làm việc của vị lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm. Đường Thống Nhất, Dinh Độc Lập từng khiến anh em tôi hãnh diện với cái tên mà cậu tôi đặt cho là Thống Nhất - Độc Lập.

Nếu còn rẽ tay phải là Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ màu trắng như hộp diêm kiêu sa được xây vào năm 1967 rồi đến khu Đại Học Saigon gồm có các phân khoa Văn Khoa, Dược Khoa và Nông Lâm Súc. Khi chúng tôi mới dọn đến ở trước cách Mạng 1/11/1963 thì khu Đại Học này là chỗ Lữ Đoàn Phòng Vệ trú đóng để bảo vệ cho TT Ngô Đình Diệm. Đi lên nữa là Sở Thú mà chúng tôi thường hay đến trêu chọc những lũ khỉ trong chuồng và tham dự những ngày cắm trại Hướng Đạo tại đây.

Đại Lộ này cũng là nơi diễn hành hằng năm của thời Đệ Nhất Cộng Hòa vào dịp Quốc Khánh 26/10 mà anh em chúng tôi thường đi coi. Cậu tôi có xe sở tới rước tham dự lễ lớn này dù rằng nhà chỉ cách một khu phố. Có năm TT Diệm và quan khách đều mặc quốc phục trông rất là đẹp mắt và ý nghĩa.

Nhưng rồi đời sống chúng tôi chả được an bình là bao nhiêu với vô số biến cố dồn dập sau khi lực miền Bắc có ý đồ xâm lăng muốn nuốt luôn miền Nam qua ngả Lào và Căm Bốt và chúng thành lập Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam làm bàn đạp chiếm phần còn lại vào cuối năm 1960. Cuộc chiến tranh tương tàn. bắt đầu trên mảnh đất nhỏ bé này. Việt Nam như là một bàn cờ cho nước ngoại bang giao đấu mà người thua cuộc lãnh đủ chính là cả hai dân miền Nam và miền Bắc với khoảng bốn triệu binh lính và thường dân bỏ mạng trong chiến tranh.

Tình hình chính trị miền Nam trong tình trạng rối ren bắt đầu khi phong trào Phật Giáo bùng lên khởi xướng từ Huế và hậu qủa là chính phủ Đệ Nhất Việt Nam Cộng Hòa tan rã vào ngày 1/11/1963 và sau đó là những biến cố chính trị xáo trộn cho dân Nam Việt Nam. Bao nhiêu là các vụ xuống đường, bãi khóa mà tôi có lần cũng tham gia tại trường Trung Học Nguyễn Trãi tại đường Phan Đình Phùng.

Ngày đó chúng tôi đang học yên lành sau giờ ra chơi thì tự nhiên các học sinh lớp lớn chạy ra ngoài sân và đến từng lớp kêu : «Bãi khóa, bãi khóa !». Ông thầy dạy toán nghiêm khắc nhìn chúng tôi với cặp mắt lo âu như van nài nhưng rồi chúng tôi rầm rộ ùa ra sân. Tụi

học sinh kháo nhau đi xuống đường trên phố chống lại chính sách Trung Lập của TT. Pháp De Gaulle. Chúng hùa nhau dứt cái bảng tên trường bằng sắt to lớn dựng ngay trước cửa trường dự tính mang theo nhưng không làm sao dứt ra được nên đành bỏ cái bảng xiêu vẹo này.

Tôi thấy được nghỉ học nên vui quá cũng đi theo tụi bạn nhập vào đoàn xuống đường đi tới trung tâm thành phố Saigon. Trí óc non nớt biết gì về chính trị chính em nhưng sau đó mới biết rằng tụi tôi đã bị giựt dây. Mấy ông xách động chúng tôi trông lạ hoắc đưa những câu chống đối cho chúng tôi lập lại hô lớn như con két vừa thả lồng.

Thời gian sau khi chính phủ Ngô Đình Diệm chấm dứt mà được gọi là Cách Mạng 1/11/1963 ảnh hưởng tới mọi phương diện tại Nam Việt Nam. Chính trị rối beng, đảo chánh liên tục, chính phủ thay bao nhiêu lần. Về mặt xã hội thì có bao nhiêu lần xuống đường của hai khối Phật Giáo và Công Giáo. Có lần tôi lái xe Honda chở mợ tôi đi chợ Bến Thành. Trong khi dừng xe tại đường Lê Thánh Tôn chờ mợ tôi thì đoàn xuống đường rầm rộ kéo đến. Tôi chưa biết làm sao thì bị ngay hai trái lựu đạn cay do cảnh sát ném ra làm tôi đau đớn ràn rụa nước mắt. Có phải là đó là giọt nước mắt đoái thương cho nước Việt Nam ?

Về còn mặt giáo dục hình như cũng bị biến hóa. Học sinh sinh viên lại hay thích làm cách mạng hay chủ trương bãi trường bãi khóa. Dù rằng họ cho rằng họ có chính nghĩa làm cho Nam Việt Nam trở nên sáng sủa hơn nhưng nhiều khi họ là những người bị phe tả xúi dục và lợi dụng.

Ngay trong trường tôi tình thầy trò cũng bị lung lay phần nào. Học trò hình như không còn kính trọng thầy cô như xưa nữa. Hồi đó chúng tôi có một cô giáo trẻ dạy môn vạn vật người miền Nam rất nghiêm khắc, hay cho học sinh quả trứng và giấy phạt làm đứa nào cũng phải sợ. Có lần cô nói học sinh ai cũng phải bỏ áo trong quần và đeo thắt lưng. Rồi một hôm cô bắt tất cả học sinh đứng lên xem xét đứa nào có ai không tuân lệnh. Vậy là mấy đứa bị lãnh phạt. Sau cách mạng có lần cô bị học sinh ném đá vào cô vì thù hằn gì đó làm cho cô phải lấy nón che. Cách mạng là vậy sao ? Nay cô đã già và nghe nói học sinh ném đá đã đến nhà xin lỗi cô..

Quân đội Mỹ bắt đầu sang Việt Nam gia nhập cuộc chiến và cũng ảnh hưởng đến văn hóa phần nào của Việt Nam. Nhạc Mỹ, sách báo Mỹ, sở Mỹ, quán rượÂu Mỹ, thức ăn quân đội Mỹ...xâm chiếm thành phố Saigon. Tiếng Anh thông dụng hơn nên tôi cũng theo trào lưu đi học Anh văn tại trường Khải Minh sau khi học xong

trường Nguyễn Trãi và học thêm thính thị tại Thư Viện Abraham Lincoln lúc đó trên đường Lê Lợi gần rạp ciné Rex.

Có lần mấy đứa bạn và tôi lăm le xin làm thông dịch viên cho lính Mỹ. Được vào phỏng vấn nhưng thấy tụi tôi còn trẻ nên được cho về.

Khi tôi đang học lớp đệ Nhị thì xảy ra một biến cố lớn cho Saigon. Tối mồng một Tết Mậu Thân năm 1968 chị tôi vội vã về nhà sau khi ăn Tết tại nhà người bạn. Chị hớt ha hớt hãi nói rằng Việt Cộng và lính Cộng Hòa đang đánh nhau dữ dội ở vòng đai Saigon vì ba của bạn chị là tướng tá của Việt Nam Cộng Hòa cho biết. Việt Cộng cả gan làm một vụ tấn công hơn 100 thị trấn và đồn trú toàn cõi Nam Việt Nam ngay cả Huế và Saigon. Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ cũng không tha.

Vùng tôi ở Tân Định gần Cầu Kiệu hãy còn yên. Trường Nguyễn Trãi đã dời về Khánh Hội đóng cửa và trở thành trung tâm tị nạn. Họ hàng bên họ nội tôi dọn tới ở nhà lánh nạn. Giới nghiêm bao trùm thành phố. Ban đêm chúng tôi chỉ nghe tiếng súng đùng đùng rất gần. Hóa ra lính nhân dân tự vệ bắn vào những nhánh lục bình trôi trên kinh không biết là bắn chơi hay thiệt. Chiến tranh đã tới Saigon. Trong khi bị nghỉ học bất đắc dĩ tôi tình nguyện đi cứu trợ cho nạn nhân Cộng

Sản tại các trường học.

Cuộc tổng tấn công sát máu này làm rúng động Washington và coi như là một ngã rẽ của cuộc chiến và lực lượng Hoa Kỳ dự định dần dần rút lui ra khỏi Việt Nam.. Chính phủ Mỹ ra lệnh ngừng bỏ bom phía bắc của vĩ tuyến 20.

Sau mấy tháng đóng cửa trường được mở cửa lại. Cuộc sống dân Saigon trở lại bình thường và lo tái thiết sau biến cố này. Nhưng nhạc đệm « Ai Nghe Chăng Tiếng Nói Động Viên» trong chương trình truyền hình của tướng Đạm làm cho tôi hơi lo. Làm sao phải đậu tú tài 1 không thì :

«Rớt tú tài anh đi trung sĩ
Em ở nhà lấy Mỹ nuôi con»

Các bạn tôi dần dần vào quân trường. Tôi may mắn được miễn dịch vì lý do gia cảnh. Hai anh tôi đều là bác sĩ Quân Y và tôi là con trai độc nhất trong nhà. Tôi về ở với cậu tôi khi ông về hưu ở sở Bưu Điện. Ông mua căn nhà trong ngõ cụt ngay gần Cầu Kiệu. Đầu ngõ là tiệm Thuốc Cam hàng Bạc mà dân Hà Nội ai cũng biết. Sang bên đường là tiệm phở Số Một có bánh phở mềm và to.

Tôi thường ở những nhà biệt lập trên đường lớn nên khi dọn về đây thấy không được thích lắm. Tôi phải đi bộ trong ngõ nhỏ mấy trăm thước rồi mới tới nhà. Dân xóm hay nhòm ngó rất là khó chịu nhất là mấy thằng trẻ thấy tôi hiền nên hay chọc ghẹo. Lâu lâu ngõ bị lụt lầy lội vì trời mưa và trẻ con ra tắm mưa om sòm.

Nhà bên cạnh là gia đình của ca sĩ Thế Sơn ở. Má của Sơn là giáo viên và ba làm chức tá trong ngành Quân Pháp. Khi tôi dọn đến thì Sơn hãy còn bé mấy tháng mũm mĩm xinh xắn được cưng chiều vì là con trai độc nhất trong nhà, trên Sơn có hai bà chị nhí nhảnh suốt ngày. Sơn hay được bế sang nhà cho cậu tôi bế. Ông ngoại của Sơn cũng là bạn của cậu tôi. Trong xóm còn có ông Từ Khánh Phụng chuyên dịch các truyện kiếm hiệp Trung Hoa rất có tiếng nhưng tôi không bao giờ đụng tới loại sách này !

Lâu lâu tôi được kêu đi làm nhiệm vụ nhân dân tự vệ canh gác cầu Kiệu ban đêm. Nghe thì oai lắm nhưng phường đâu có chương trình huấn luyện gì đâu mà canh với gác. Tôi miễn cưỡng đi nghĩa vụ sau bao nhiêu lần trì hoãn. Trạm gác ở ngay ngõ bên cạnh bên kinh nước đen. Lúc đầu trạm gác vui lắm vì bao nhiêu trai tráng trong xóm ra nói chuyện và nhậu nhẹt ăn uống. Nhưng đến giờ giới nghiêm ai cũng rút về nhà ngủ còn trơ mấy

thằng oắt con như tụi tôi.. Có đứa rủ tôi hút thuốc lá và tôi hút chơi một điếu và thề sẽ không bao giờ đụng tới điếu thứ hai ! Có đứa lấy súng ra kéo xành xạch làm tôi sợ hết vía. Đến hai giờ đêm tôi lủi mất chạy một mạch về nhà. Chuyện dài nhân dân tự vệ thường xuyên đăng lên báo chí ai mà không biết !

Khi sang bên Mỹ lớp của tôi trường Nguyễn Trãi hay có ngày họp mặt tại Little Saigon. Lúc đầu có phần chào quốc kỳ và tưởng niệm các bạn đồng môn đã ra đi. Sau đó ai cũng phải lên nói vài câu. Các bạn tôi phần đông là cựu quân nhân. Nào là Thiên Thần Mũ Đỏ, Biệt Động Quân «Sát», Hải Quân Song Ngư... với bao nhiêu chiến tích nên ai cũng vỗ tay vang dội. Quê quá, tôi cũng lên nói từng là lính Nhân Dân Tự Vệ khu Cầu Kiệu làm khán giả cười nghiêng ngả !

Hồi đó ai được miễn dịch không phải đi lính là một cái may mắn nhất đời. Biết bao nhiêu chàng trai đi tòng quân mà không biết bao giờ trở lại làm cho các em gái hậu phương hùi hụi thương tiếc :

«Anh ! Anh ! Hỡi anh ở lại Charlie
Anh ! Anh ! Hỡi anh giã từ vũ khí
Vâng, chính anh là ngôi sao mới
Một lần này chợt sáng trưng
Là cánh dù đan bằng tiếc thương vô cùng»

Giọng ca Thanh Lan nức nở nghe não lòng và chiến tranh vẫn tràn lan. Miền Bắc cũng không hạnh phúc gì cho lắm. Bao nhiêu liệt sĩ Bắc Việt vượt Trường Sơn sinh bắc tử nam thiêu thân trong trận chiến. Thật là buồn cho vận nước khi thấy chiến tranh Việt Nam huynh đệ tương tàn anh em giết nhau mà dùng toàn vũ khí của các nước ngoại bang.

Tướng Bùi Đình Đạm, giám đốc Nha Động Viên, sau đó ra chính sách mới gọi là Động Viên Tại Chỗ dành cho các lý do gia cảnh như là trường hợp của tôi, lý do tôn giáo dành cho các cha bên Công Giáo hay sư sãi bên Phật Giáo... và ngay cả các dân tộc thiểu số cũng cùng bị động viên tại chỗ. Ý hẳn các cha hay các sư đang giảng đạo cũng phải kè kè cây súng vì bị... động viên tại chỗ !

Chiến tranh vẫn tiếp diễn. Saigon vẫn là nơi an toàn nhất vào ban ngày nhưng ban đêm thành phố trở nên dễ sợ với đường phố vắng tanh sau giờ giới nghiêm với các cuộc lục soát, thanh tra của cảnh sát hòng tìm kẻ khả nghi hay thanh niên trốn quân dịch, Thêm vào đó các tiếng súng nghe thật gần hay tiếng xe tăng nghiến xích chạy rầm rầm phá giấc ngủ an lành. Saigon lâu lâu lại bị pháo kích của bọn Việt Cộng nằm vùng làm tan hoang nhà cửa của dân chúng vô tội hay bị đặt mìn

claymore tại các căn cứ quan trọng. Dân Saigon lắc đầu ngao ngán nhưng biết chạy đi đâu và đành thốt nên câu an ủi cho chính mình : «Đời có số cả !»

Ngoài việc lục soát ban đêm ban ngày cảnh sát hay có những nút chặn huýt còi bắt các thanh niên dừng xe trên đường hỏi căn cước giấy tờ. Một hôm gần tới giờ giới nghiêm tôi đang chở bà chị về nha bằng xe Honda thì bị hỏi giấy tờ. Tôi trình mọi giấy tờ như căn cước, giấy hoãn dịch nhưng thiếu giấy lược giải cá nhân nên phải vô bót cảnh sát Quận Ba ngủ một đêm. u đó cũng là một bài học nhớ hoài.

Căn gác nhà tôi làm bằng gỗ nên nhiều khi ban đêm nhà rung lên vì máy bay oanh tạc B52 thả bom dữ dội gần Saigon. Có khi nhìn ra ngoài thấy hỏa châu rực sáng một góc trời giống như tranh đầy nhựa sống có tựa đề « Đêm Đầy Sao» hay «Starry Night» của Vincent Van Gogh, họa sĩ phái ấn tượng và là thần tượng của tôi. Đẹp biết bao nhưng đau lòng biết mấy !

Mỗi ngày tin tức chiến tranh dồn dập từ báo chí, truyền thanh, truyền hình của Việt Nam. Tôi còn nhớ nhạc đệm bài «Exodus» buồn ra riết dài lê thê của tin tức chiến sự đài Truyền Hình Việt Nam. Tôi cũng hay đọc các tạp chí của Mỹ tại thư viện Abraham Lincoln cảm thấy biết nhiều hơn. Hình như tin tức của Hoa Kỳ

thường loan báo tin không có lợi cho chiến tranh Việt Nam vì họ không ủng hộ chính sách của Toà Bạch Ốc hay tin tức quá thật giúp cho phía Cộng Sản.

Dân Hoa Kỳ phần đông cũng vậy không còn ủng hộ chính sách về chiến tranh Việt Nam nữa. Cuộc xuống đường đáng ghi nhớ nhất là của sinh viên Trường Đại Học Kent State vào ngày 4/5/1970 làm bốn sinh viên chết và chín sinh viên bị thương do Lính Phòng Vệ Quốc Gia thuộc tiểu bang Ohio (Ohio National Guard) bắn. Sự kiện này làm cho dân chúng càng thêm phẫn nộ.

Dù chiến tranh vẫn kéo dài với các tin chiến sự gay cấn hay tin chính trị gay go tôi vẫn phải đương đầu với các vấn đề khó khăn của chính mình. Đã là con trai hai mươi mấy phải tự lo cho tương lai của mình. May mắn tôi đậu vào học tại Đại Học Sư Phạm ban Anh Văn ở Saigon sau khi có bằng dự bị Anh Văn bên Văn Khoa. Cũng nhờ các lớp Anh văn tại Nguyễn Trãi và tại lớp đêm tại trường Khải Minh nên có vốn liếng Anh văn khá vững. Mộng làm thầy giáo bắt đầu từ đây.

Sinh viên phải ký cam kết làm cho Bộ Giáo Dục mười năm sau khi ra trường. Số sinh viên lớp tôi ít nhưng học cùng với nhau ba năm liền nên chúng tôi thân với nhau nhiều. Thành phần giáo sư có uy tín và hùng hậu. Vui

nhất là ngày nào được lãnh lương. Tuy không nhiều ba ngàn một tháng nhưng đó là một phần thưởng lớn cho sinh viên chúng tôi.

Hai năm sau cùng chúng tôi phải ăn mặc đàng hoàng đi dạy thực tập tại các trường công lập lớn tại Saigon. Tôi nhớ là đã đứng trên bục gỗ dạy Anh Văn cho học sinh trường trung học Petrus Ký và Gia Long. Hồi đó chúng tôi dạy theo Phương Pháp Nghe Nói (Aural/Oral Approach) tức là giáo sư nói một câu mẫu và học sinh lập lại. Phương pháp làm cho học sinh quen nói nhưng sau bài học thầy trò hết nước miếng !

Năm chót chúng tôi sửa soạn thi cuối khoá ra trường và sắp sửa phải đi khám sức khoẻ trước khi nhận nhiệm sở. Nhưng rồi mộng làm thầy cô của tôi tan tành như bọt xà bông khi chiến tranh trở nên ác liệt như vết dầu loang dần đến Saigon vào khoảng tháng 3 bắt đầu tại Buôn Ma Thuột.

Sáng ngày 8/4/1975 trong khi chúng tôi đang học tại Sư Phạm thì nghe tiếng bom xa xa và thấy khói bốc lên. Thì ra phi công VNCH Nguyễn Thành Trung (đáng lẽ ba ông này phải đặt tên là Nguyễn Bội Phản thì hợp lý hơn !) lái máy bay ném bom Dinh Độc Lập. Trường đóng cửa và chúng tôi ra về trong hoang mang và lo sợ.

Rồi từ đó chúng tôi vẫn đi học đều nhưng thầy trò nhiều khi không còn chú tâm trong công việc của mình và nói chuyện thời sự nhiều hơn. Giáo sư ngoại quốc chào giã từ chúng tôi. Tôi nói với cô Marion Casey dạy môn Sử Mỹ : « Please, let me go with you», « Xin cô cho em đi theo». Cô nhìn tôi đẫm lệ và nắm chặt tay tôi.

Đã đến lúc gia đình tôi phải ra đi. Vì đây không phải lần đầu tiên di cư nên ai cũng đồng lòng tránh nạn Cộng Sản. Gia đình tôi đông đúc nhưng chỉ có mợ tôi, ba bà chi độc thận và tôi sống một nhà, cậu tôi mất trước đó một năm. Chúng tôi còn có anh chị có gia đình sống ngay tại Saigon và anh chị khác ở bên Pháp cùng với bà chị có chồng Mỹ bên Hawaii. Ai cũng lớn cả nên bàn với nhau là ai có dịp đi thì cứ đi đừng chờ nhau.

Thế rồi việc gì đến phải đến..Mấy ngày trước khi xe tăng của quân lính Bắc Việt tràn qua cửa sắt của Dinh Độc Lập gia đình chúng tôi có hai nhóm tất cả 33 người trốn thoát khỏi Việt Nam bằng hai chuyến máy bay của Pan Am và Không Lực Hoa Kỳ. Chuyến đi như là một phép lạ và phi thường này được hướng dẫn và điều động bởi anh rể người Mỹ.

Ngày 30/4/1975 Chúng tôi đáp máy bay xuống đảo Wake và nghe tin Saigon không còn nữa và có chủ mới tên mới.

Oái oăm thay ! Tôi ra đi bốn ngày trước khi Việt Nam Thống Nhất ! Sau đó con đường Thống Nhất mang tên tôi cũng có cái tên khác cụt lủn chẳng có ý nghĩa gì với tôi.

Tại đảo Wake chúng tôi làm giấy tờ sửa soạn vào đất nước tự do Hoa Kỳ. Khi còn ở Việt Nam tôi không bao giờ có giấc mơ bỏ xứ ra đi. Có chăng là đi tu nghiệp bên Mỹ dành cho giáo sư rồi trở về quê nhà. Cuộc sống mới bắt đầu từ đây. Nước Mỹ mở rộng cửa chào đón chúng tôi. Đời tôi được mở sang một chương sách mới

Cái tên cao quý cậu tôi đặt cho bây giờ không có dấu đọc lên rất là buồn cười ngô nghê. Mất nước mất luôn dấu cũng như mất một phần nào tinh chất Việt Nam của tôi. Thêm là cách viết thứ tự tên cũng khác. Tên họ đứng đầu theo kiểu Việt Nam bị đặt xuống chót và ngược lại.

Họ Đặng của tôi thì được viết thành Dang. Với người Mỹ khi họ bất bình cái gì họ hay buông câu : « Dang it !». Còn tên Nhất thì làm sao mà các người Mỹ nói cho được nên tên tôi được kêu là : «Nét» hay : «Nót». Thành ra tên tôi được kêu là Nét Đen nghe thịệt là «hấp dẫn» !

Khi tôi đi vắng và mợ tôi ra trả lời điện thoại mà khả năng tiếng Anh của bà rất là giới hạn nên xảy ra chuyện buồn cười như sau :

«Hello, is Nót home ?» bạn người Mỹ tôi nói

Mợ tôi trả lời : «Not home» và bà cúp máy cái cạch.

Sau gặp lại, bạn tôi than phiền : « Sao mẹ mày nói mày có nhà sao mà tao bị bà ấy cúp máy ?»

Cũng có đứa gọi tôi là «gnat», tiếng Anh có nghĩa là một loại ruồi nhỏ bay ở ao hồ. Hay anh bạn tôi đang học tiếng Nga nói tên mày nghe như từ «nyet» có nghĩa là «không». Còn tên đệm của tôi là Thống mà họ gọi là «thong» và chữ này có nghĩa là xì líp bikini nhỏ xíu !

Nhiều khi khi tôi đi tiệm cà phê hay tiệm ăn nhanh (fast food), người thâu ngân viên sẽ hỏi tên vì họ sẽ réo tên sau khi thức ăn uống được làm xong. Tên cúng cơm Nhất thì làm sao chúng gọi được nên phải nói : « My name is Andy». Andy là âm của chữ ND {Nhất Đặng) viết tắt.

Bao nhiêu người Việt Nam đã có tên Mỹ mới chắc vì thấy nghe kêu hơn và thích nghi với đời sống bên Mỹ. Nào là Janet, William, Beverly... Có những tên Việt Nam mà phát âm bằng tiếng Mỹ có nghĩa rất ư là tiếu

lâm thí dụ như Dung hay Dũng (phân trâu bò), Bích (chó cái), Phúc, Phác (khỏi cần nói ai cũng biết), Vân (thành van nghĩa là xe lớn) và Loan (khó nói không dám viết ở đây)...

Có một anh chàng có tên Bob Vu trên Facebook và tôi khuyên anh ta nên có tên khác nhưng anh ta khăng khăng giữ.

Đối với người Á Đông đặt tên là chuyện quan trong và nhất là những người xa quê hương như chúng tôi cố gắng giữ được tên Việt, giữ được truyền thống của cha ông Cho nên sau khi kết hôn và có con chúng tôi phải nghĩ nát óc kiếm tên Việt Nam nào mà cho người Mỹ dễ đọc, dễ kêu và ý nghĩa cho cả hai văn hóa.

Ngoảnh lại nhìn lại cuộc đời tôi. Hai lần bỏ quê ra đi như hai lần cây bị bứng gốc đem trồng trện mảnh đất mới. Năm 1954 đất miền Nam hiền hòa đã đón nhận chúng tôi rồi hai mươi năm sau chúng tôi lại vội vàng cuốn gói ra đi lánh nạn Cộng Sản lần nữa.

Nữ Thần Tự Do đã giang tay mở rộng chào đón chúng tôi vào mùa xuân năm 1975. Thiên đường là đây ai cũng nghĩ như thế. Nhưng với người Việt đã từng sống trên đất Mỹ thì tình cảm còn phức tạp hơn nhiều rất khó kể hết.

Nếu ai coi phim rất xưa nhưng có ý nghĩa vô cùng đó là phim «The Wizard of Oz» hay « Phù thủy xứ Oz» sản xuất năm 1939 do Judy Garland đóng phỏng theo tiểu thuyết «The Wonderful Wizard of Oz» của tác giả L.Frank Baum sẽ nhớ đến cảnh cô Dorothy lạc vào rừng và lũ người lùn Munchkin chỉ cô ta đi Con Đường Bằng Gạch Màu Vàng (The Yellow Brick Road) rồi sẽ gặp phù thủy xứ Oz giúp Dorothy về nhà tại Kansas.

Trong truyện tả hai bên đường gạch là khu rừng đầy thú hoang như sư tử, cọp và gấu. Dorothy gặp ba nhân vật là Scarecrow (Người Nộm Rơm), Tin Man (Người Thiếc) và Lion (Sư Tử) và chúng đòi đi theo Dorothy hòng kiếm Phù Thủy Oz giúp Scarecrow có óc thông minh, Tin Man có trái tim và Lion có lòng can đảm.

Đường đi càng ngày xấu và chúng gặp vô số trở ngại vì Bad Witch (Phù Thủy Ác) theo quấy rối và lũ khỉ phá đám. Tuy vậy sau cùng chúng đều vượt qua trở ngại nhờ sự thông minh của Scarecrow, tình cảm của Tin Man và lòng gan dạ của Lion. Tuy nhiên khi họ gặp Phù Thủy Oz thì chúng bị thất vọng tràn trề vì khám phá ông này là Fake Wizard (Phù Thủy Giả) không giúp chúng được gì. Cuối cùng Dorothy được về nhà lại nhờ Ruby Slippers (Đôi Giày Đỏ) nhiệm mầu.

Theo tôi truyện này cũng giống như đời của tôi khi mới sang Mỹ thấy cái gì cũng đẹp cả từ con đường xa lộ êm ái rộng rãi, nhà cửa ngăn nắp tiện nghi cho đến siêu thị sáng sủa ê hề thức ăn cũng giống như Con Đường Bằng Gạch Mầu Vàng sáng chói của Dorothy.

Nhưng khi lao đầu vào xã hội Hoa Kỳ thì cũng như bước vào khu rừng mà Dorothy và ba bạn đồng hành với đầy chông gai và cạm bẫy. Tôi phải dùng óc thông minh như Scarecrow bằng cách nâng cao học vấn bằng cách tiếp tục đi học lại và có một nghề nghiệp vững chãi. Tôi cũng cần phải có một lòng thương người, tình nguyện giúp đỡ người khác như Tin Man và can đảm tranh đấu không chùn chân trước trở ngại trong cuộc sống giống như Lion. Không ai giúp mình cả tự mình cứu lấy mình !

Tôi mãn nguyện với những thành quả gặt hái được trên đất Mỹ vì đã cố gắng hết mình cùng với người bạn đời. Bây giờ con cái đã trưởng thành rời mái ấm từ lâu và chúng tôi chỉ mong có sức khoẻ cùng vui sống bên nhau.

Nhìn lại lịch thì mới biết ngày 30-4 sắp đến. Thời gian trôi qua quá nhanh. Nước nhà đã Thống Nhất được gần 43 năm nhưng người bên kia có thật lòng bắt tay với người thua cuộc và hiệp lực cùng nhau gây dựng nước Việt Nam hùng mạnh và thịnh vượng chưa ?

Chỉ mong sao nước Việt Nam sẽ có thật sự Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc không bị xâm chiếm bởi anh em phương Bắc và cậu tôi sẽ mỉm cười nơi chín suối khi tên Thống Nhất - Độc Lập ông đặt cho anh em chúng tôi có đầy đủ ý nghĩa và giá trị.

Đặng Hà Nội

Xôn Xao Tình Mẹ

Song Lam

Năm nay, Chủ Nhật thứ hai của tháng Năm, ngày 13 sắp tới, sẽ là Ngày Của Mẹ tại nước Mỹ năm 2018. Mời đọc sớm bài viết mới của Song Lam. Tác giả đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Bà định cư tại Mỹ từ 26 tháng Ba 1992, hiện là cư dân Cherry Hill, New Jersey. Bài sau đây được trích từ báo xuân Việt Báo Tết Mậu Tuất 2018.

Tháng 5 nhắc nhớ tôi mùa hoa phượng đỏ ối rợp trời Sài Gòn trong thời niên thiếu, nhắc tôi thoáng nhờ đến những đêm dài xanh xao mất ngủ mùa thi. Và cũng chính tháng 5 với xôn xao âu yếm thiêng liêng với tình yêu thương muôn đời bất diệt : đó là Tình Mẹ.

Năm tôi học lớp Đệ Ngũ (lớp 8 bây giờ) thầy giáo dạy văn ra đề tài : Bình luận câu nói sau đây của nhà triết học Pháp «Ôi, tình yêu của Mẹ, một thứ tình càng chia ra càng tăng thêm» làm cả lớp chúng tôi ngồi thừ ra, vò đầu bứt tóc. Sao kỳ vậy cà ? Sao cái gì chia ra lại càng tăng thêm ? Chia ra phải càng nhỏ đi, sao càng tăng thêm được ? Học trò lúc đó khoảng 12-13 tuổi biết gì đâu mà giảng với bình ? Lâu quá rồi tôi không nhờ nổi mình có số điểm nào về bài luận văn quái ác đó.

Bây giờ nghĩ lại, triết gia này thật thâm sâu. Càng già tuổi đời, tôi bỗng nhận ra câu nói này quá đúng. Tình Mẹ là vô cùng, là đại dương, bao nhiêu đứa con Mẹ vẫn yêu thương vô bờ không bến.

Tình Mẹ, lòng Mẹ, đó là thứ tình yêu thiêng liêng nhất. Đó là tình yêu vượt trội hơn tất cả mọi tình yêu có mặt trên đời này. Đó là tình yêu không có điều kiện. Dĩ nhiên, tình yêu này còn được thấy được ở loài vật. Sự công bằng nhất của Thượng đế là ở chỗ này : Ai cũng có một người Mẹ, và theo Giáo sư Nguyễn Xuân Hoàng «ai cũng cần có một người Mẹ»

Có những đứa trẻ trong viện mồ côi, khi nhận biết về thế giới xung quanh, khi nhận biết về mình, không biết mẹ mình là ai, đang ở đâu, còn sống trên đời này hay đã mất... Đó là nỗi đớn đau của các em, sự thiệt thòi lớn nhất của các em để than thở với chính mình : «Tôi sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu» (Vũ Trọng Phụng- Giông Tố)

Vào khoảng 65-70, ở Sài Gòn có một ấn phẩm nổi tiếng mà mọi học sinh các cấp đều dùng làm quà tặng cho nhau. Đó là tiểu phẩm «Bông Hồng Cài Áo» của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh. Quyển sách in khổ nhỏ bề ngang chừng 20cm và bề đứng khoảng 30cm với logo cái bông hồng trên nền giấy xanh lơ. Trong gần 5 năm,

quyển sách nhỏ này được tái bản hàng chục lần, khá nổi tiếng ở Sài Gòn và các tỉnh.

Với lối văn giản dị đời thường, thiền sư nói về tình mẹ và hoàn cảnh gia đình mình. Ông nói sơ lược về sự hối tiếc của mình đáng lẽ không nên rời mẹ mà đi tu. Lần đầu tiên tác giả phổ biến phong tục của người Nhật trong ngày lễ Vu Lan báo hiếu. Trong ngày lễ này, người Nhật có phong tục cài bông hồng lên áo cho nhau : Ai còn Mẹ sẽ có hoa hồng màu đỏ, ai mất Mẹ sẽ được cài lên áo hoa hồng màu trắng.

Người được cài hoa hồng đỏ sẽ hãnh diện mình còn có Mẹ trong đời để được yêu thương Mẹ hơn, người nhận hoa trắng sẽ ngậm ngùi tủi thân thêm một chút khi nghĩ đến Mẹ đã rời xa mình, sẽ tụng kinh hồi hướng cho Mẹ.

Sách vở, văn chương nói về Mẹ thì muôn trùng, âm nhạc nói về Mẹ cũng không ít. Tuy thế, bản «Lòng Mẹ» của Y Vân, hay bản «Mẹ Tôi» của Nhị Hà đã đạt chức «quán quân» vì âm điệu tha thiết quá, ca từ chân thật và quá đỗi mượt mà.

Chúng tôi vừa trải qua «đêm dài mùa đông» gần 6 tháng với cái lạnh buốt thường trực ngày đêm, với những trận bão tuyết kinh hồn, dù mọi người vẫn phải

đi làm, đi học. Thời tiết khắc nghiệt đó chúng tôi vẫn mong chờ mùa xuân vào tháng Tư, dù năm nay tháng Tư vẫn còn tuyết, còn lạnh. Tháng Tư lại nhắc nhớ toàn dân Việt Nam một nỗi đau : ngày mất miền Nam! Chúng tôi sống vật vã, chìm lắng, tê buốt nhớ về Sài Gòn những ngày bi thảm kinh hoàng nín thở, tội tù từ 4/75. Tôi mong thời gian qua mau để quân quá khứ đau buồn của dân tộc mình, nhưng tôi càng muốn quên bao nhiêu lại lồng lộng nỗi nhớ bấy nhiêu.

Bây giờ là tháng 5, tôi cảm tưởng như mình được mở mắt nhìn đời sau gần nửa năm đắm chìm trong cái u ám lạnh giá của đất trời. Bây giờ hoa lá đầy cành, nắng vàng rực rỡ. Dọc hai bên đường Chapel thuộc Cherry Hill, hoa anh đào màu hồng thắm tươi nở rợp trời «mùa xuân sang có hoa anh đào», bài hát thuộc lòng của mọi người.Ôi mùa xuân của đất trời là đây, còn mùa xuân của cuộc đời mình tôi làm sao trở lại ?

Tháng 5 bên Phật giáo có ngày lễ lớn, ngày Đản sanh Đức Phật và bên Công giáo cũng có ngày Lễ kính mừng Đức Mẹ Maria. Ngày tạ ơn Đức Mẹ với hoa hồng tràn ngập ở nhà thờ, nhà nguyện để vinh danh Đức Mẹ, người Mẹ của thế giới loài người. Tháng 5, do đó, ngày Lễ Mẹ - Mother»s Day - như một lần thêm gợi nhớ, nhắc nhở con cái nhớ về Mẹ mình, mà có thể vì bận bề

công việc mưu sinh, các con có thể quên chăng ?

Người miền Nam gọi Cha là Ba, là Tía, gọi Mẹ là Má, trong khi người miền Bắc gọi Cha Mẹ là Bố Mẹ hay Thầy U. Danh xưng nào cũng ổn thôi, có điều âm vực nói về người sinh đẻ ra mình đều bắt đầu bằng chữ M, tức là âm môi, âm đầu tiên của đứa trẻ bập bẹ tập nói. Mẹ, Má, Mom, Mother, Mere... chữ M muôn thuở của con người. Người Mẹ là một tuyệt tác mà Thượng đế đã dành cho bạn «Để con cười Mẹ suốt đời vất vả. Để con vui Mẹ gánh hết nhọc nhằn», điều này có phải vậy không ?

Lời lẽ nào nói hết lòng Mẹ, công lao biển trời nuôi dạy chúng ta nên người ? Giấy mực nào ghi lại hết sự hy sinh cao vời của Mẹ trong cuộc đời chìm nổi của người mưu cầu hạnh phúc cho đàn con ?

Người Mẹ, đặc biệt là người Mẹ Việt Nam trầm luân gánh chịu bao nỗi mất mát, hy sinh thân mình trong cuộc chiến tranh tương tàn Nam Bắc vừa qua. Năm 1968, cách đây đúng 50 năm thảm sát Mậu Thân mà hiện nay báo chí, đài phát thanh, truyền hình đang nói đến với nỗi xót thương thống thiết. Hàng chục ngàn đồng bào vô tội bị chôn sống, bị giết chết một cách dã man, vùi dập xác thân trong những ngôi mộ tập thể ghê rợn, không còn nhân tính. Người Mẹ mất con, người vợ

mất chồng, nước mắt đó chắc đã chảy thành suối, thành sông !

Hình ảnh người mẹ già đẩy xác con là chiến sĩ Thủy Quân Lục Chiến VNCH trên chiếc xe ba bánh ngày Tết Mậu Thân 1968 đã làm đau xé lòng tôi. Lúc đó người viết chỉ là cô gái trẻ đang chuẩn bị thi Tú Tài toàn phần ban văn chương. Bài thơ được viết bằng xúc cảm chân thành với người Mẹ xứ Huế lập tức được đăng tải trên nhật báo Tiền Tuyến - tờ quân đội nổi tiếng thời đó - với đoạn thơ cuối như sau :

Càng xe thay bốn tay nôi ngày cũ
Lệ già rơi theo từng bước chân vương
Xác con nằm như đang say ngủ
Mẹ khóc anh hay khóc cho quê hương ?

Người Mẹ hy sinh cho con điều đó đã hẳn, và không chỉ hy sinh về vật chất, người Mẹ còn hy sinh hạnh phúc tình yêu riêng lẻ của mình. Rơi vào hoàn cảnh khốn khó vì hôn nhân ép buộc hay bị gia đình chồng khinh rẻ, chồng bê tha không ngó ngàng gì đến vợ con, người Mẹ đã bao lần đắn đo, muốn bước ra khỏi cuộc hôn nhân tồi tệ đó. Nhưng vì hạnh phúc của con, họ phải thúc thủ ép mình, thực hiện «văn hóa cam chịu» suốt đời mình để con được có cha, rang nuôi con khôn lớn nên người, nào xá gì «chút tình riêng tư nhỏ bé» !

Trong nước, từ sau 75, chính quyền cũng lớn tiếng rêu rao về nhân quyền, coi trọng nữ giới bằng cách đề ra ngày Phụ Nữ Quốc Tế 8/3, ngày Hiến Chương các Thầy Cô Giáo 20/11. Nhưng sự thật người phụ nữ, người Mẹ bị chèn ép, chà đạp đến mức cùng cực. Người Mẹ ở Việt Nam hiện nay vẫn còn đau lòng xót dạ vì miếng cơm manh áo vì cái nghèo cứ bám chặt sau lưng. Mọi người cứ hô mưa gọi gió ra rã về nữ quyền, nhưng cô giáo phải quỳ gối xin lỗi học trò, người phụ nữ phải bán thân, lấy chồng xứ lạ, vẫn bị ức hiếp, vẫn bị lao tù vì hai chữ «Tự do».

Xin chút lắng đọng để nhớ về người Mẹ trên đường di tản đến quê hương thứ hai để mưu cầu tự do, mưu cầu tương lai cho các con. Đã hơn 40 năm chìm nổi nơi xứ người, người Mẹ thêm một lần hy sinh với những «niềm riêng không bao giờ nói hết» được. Thế hệ thứ hai, hai rưỡi, thế hệ thứ ba đang dần dà lớn mạnh ở Mỹ này, hoàn toàn đúng khi tôi nói có sự góp sức trực tiếp và mạnh mẽ của cha mẹ, nhất là sự cưu mang nuôi dưỡng, quan tâm của người Mẹ.

Bây giờ, những người Mẹ «di tản buồn» từ sau 75 đó, đã già, «bóng ngã đường chiều», hoàng hôn xế bóng...

Bên trong những cánh cửa đóng kín đó, làm sao chúng ta biết được người Mẹ có được tràn đầy hạnh phúc yêu thương hay ê chề đơn côi bất hạnh ?

Nhưng, dù sao đi nữa, người Mẹ ở hải ngoại, cụ thể là ở Mỹ này, dù có cơ cực, dù cũng có lúc buồn tủi bâng khuâng vẫn có lúc thấy mình có chút an vui hạnh phúc bên chồng con, thấy được các con lớn khôn học hành thành đạt, không hổ danh người tị nạn sống tạm, sống nhờ, và được bảo vệ bởi luật pháp, nhân quyền và đặc biệt được hít thở không khí tự do.

«Người Mẹ là kiệt tác của vũ trụ» Câu nói này không là ngôn từ trau chuốt để vinh danh người Mẹ, mà đó là ý nghĩa thật sự. Người Mẹ là tài sản lớn và hạnh phúc thay cho những ai còn có Mẹ. Người Mẹ là suối nguồn yêu thương vô cụ lợi mà ai cũng công nhận. Tình yêu đó vô biên, là đại dương «như biển Thái Bình dạt dào». Từ những thế kỷ trước Trần Tế Xương cũng đã khen vợ bằng lời thơ tuyệt tác :

«Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông»

Hình ảnh con cò tượng trưng cho người phụ nữ, người Mẹ Việt Nam đã làm bao trái tim thổn thức, gây xúc động cho hàng triệu con người Việt qua nhiều thế hệ.

Ngày Lễ Mẹ - Mother»s Day không chỉ là một ngày trong tháng 5 với hoa hồng tặng Mẹ theo nghi thức phương Tây mà tấm lòng con phải luôn luôn nghĩ về Mẹ hàng ngày. Không cần phải mâm cao cỗ đầy, không cần phải có quà tặng quý giá, người Mẹ chỉ mong chờ ở các con có được một tình yêu. Thiền Sư Nhất Hạnh đã viết trong «Bông Hồng Cài Áo» rằng : Thương Mẹ không phải làm gì hết chỉ cần nói với Mẹ rằng : Mẹ biết rằng con thương Mẹ lắm không ?

Thương Mẹ tức là làm vui lòng Mẹ, phải sống lương thiện, tốt đẹp theo đạo lý làm người, kính trên nhường dưới, giúp đỡ mọi người khốn khó hơn mình. Làm vui lòng Mẹ không phải là quà tặng mà chính là sự quan tâm về Mẹ. Đành rằng «nước mắt chảy xuôi» cha mẹ nuôi con đâu phải chờ con báo đáp ? Chúng ta hiểu rằng chúng nó còn có gia đình riêng, còn phải lo cho các con của chúng nó nữa mà. Người Mẹ nào cũng xem hạnh phúc của các con mình là hạnh phúc của riêng mình, nên càng không muốn vì mình mà gia đình riêng của

con xáo trộn.

Ở Mỹ này, người mẹ không cùng ở chung với con cháu, không có cảnh «tam đại đồng đường» như ở Trung Hoa, Việt Nam thế kỷ trước. Vì thế cha mẹ già thích sống riêng để chăm sóc cho nhau. Có những người mẹ phải ở một mình nếu phu quân «đi trước», thì khi ấm lạnh, lúc tàn canh họ biết cậy nhờ ai ? Đó là một ví dụ, một bài toán khó cho các con khi có cha mẹ già giống như «giọt nắng cuối ngày» sắp tắt !

Có thể, cha mẹ già ở Mỹ này sẽ sống ở Nursing Home ? Điều đó tất yếu thôi ! Các con phải hiểu rằng cha mẹ ở trong «Nhà già» ngày đêm dõi mắt trông chờ các con đến thăm để được mừng vui dù trong khoảnh khắc ngắn ngủi. Nếu được ở chung với cháu con, đó là hạnh phúc vô biên của người Mẹ, nếu họ được rể thảo dâu hiền.

Bao nhiêu thơ văn nói về tình yêu của Mẹ, bao nhiêu bài nhạc ca ngợi công lao mẫu từ vẫn không bao giờ đủ, cũng như chúng ta nói lời biết ơn Mẹ hôm nay lại hóa ra thừa !

Cho phép tôi được gởi đến các bà Mẹ trong và ngoài nước, những bà Mẹ Việt Nam lời chúc ân cần về sức khỏe, hạnh phúc an vui trong quãng đời còn lại với cháu con, với bè bạn gần xa. «Triệu đóa hoa hồng» tặng cho các bà mẹ trong ngày Mother»s Day vẫn mãi mãi không bằng trái tim chân thật và tình yêu của các con luôn dành cho Mẹ và đang hướng về nơi có Mẹ.

Đầu tháng 5/2018

Song Lam

Thế Hệ Thứ Hai, Chuyện Tháng Tư Và Mẹ

Phúc Nguyễn

Tác giả lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ bằng cách viết lời giới thiệu và chuyển ngữ từ nguyên tác Anh ngữ bài của một người trẻ thuộc thế hệ thứ hai của người Việt tại Mỹ, Quinton Đặng, và ghi lại lời của người mẹ, Bà Tôn Nữ Ngọc Quỳnh, nói với con trai.

Tháng Tư năm 1975, miền Nam Việt Nam bị mất vào tay cộng sản. Trải qua nhiều thương đau, nhiều người trong chúng ta trở thành những kẻ lưu vong, phải cố gắng tạo dựng một cuộc sống mới, chịu nhiều cực khổ và gánh chịu nhiều đau đớn về nỗi mất nước.

Bốn mươi năm đã trôi qua, những tưởng con cháu chúng ta, những đứa trẻ được sinh ra tại Hoa Kỳ, không biết nhiều về biến cố Tháng Tư Đen, vì bản thân các em, coi như là một công dân của Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ, chỉ biết duy nhất về lịch sử và văn hóa Mỹ.

Người ta thường gọi người da màu gốc Phi Châu là Oréo, ngoài thì màu nâu sô cô la, nhưng trong lòng, ý nghĩ thì giống người da trắng.

Còn con cháu người Á Châu nói chung và dân Việt Nam nói riêng là Banana : Trong ý nghĩ, sự sinh hoạt giống người Mỹ nhưng da vẫn vàng.

Đúng ngay lúc tưởng niệm bốn mươi năm mất miền Nam, con cháu chúng ta đã dành cho chúng ta một ngạc nhiên, các em đã viết những cảm nghĩ, về nỗi niềm của các em. Điều quan trọng và cảm động là các em luôn biết ơn cha mẹ và luôn hãnh diện về nguồn gốc của mình.

Chúng ta đã từng đọc bài Tháng Tư Đen đăng

Đặc San Ái Hữu TH Nguyễn Du có đăng bài tự của Kati Nguyễn về Tháng Tư Đen và Me, như sau :

«Tháng Tư Đen

Bài của Kati Nguyen

(sinh viên trường UCLA)

Chỉ mới năm trước đây, sau khi trông thấy đơn tuyển nhận lo việc tưởng niệm cho Tháng Tư Đen, tôi, với lý do không thể giải thích được, đã quyết định làm đơn để được là một trong những người lo việc tổ chức. Tôi nghĩ đó sẽ là một cơ hội to lớn cho tôi, để học hỏi, hiểu biết thêm về hoàn cảnh, lịch sử của cha mẹ, ông bà và

cho cả cá nhân tôi trước đây.

Ông ngoại tôi, người đã vĩnh viễn ra đi một năm trước, mà tôi rất đau buồn khi phải mất ông, và tôi vẫn còn nhớ ông ngoại tôi nhiều, là điều đặc biệt làm cho tôi mong muốn xin việc này, để được gắn bó, gần gũi với ông hơn. Tôi muốn biết nhiều hơn về những việc mà ông tôi đã trải qua, về cuộc chiến và kinh nghiệm tị nạn, là những điều thật cần thiết cho «căn cước» của người Mỹ gốc Việt.

Là một phần, một nhân tố trong Tháng Tư Đen cho tôi thật nhiều cái nhìn, có thêm sự hiểu biết mới. Tôi có được nhiều can đảm để hỏi gia đình tôi về cuộc sống của họ trong thời chiến. Đây là một trong những điều mà tôi không bao giờ nghĩ, để mà nói đến, cũng là điều mà tôi không bao giờ chia sẻ trong gia đình.

Các bạn biết mà, chiến tranh thì đâu có bao giờ được đề cập trong buổi ăn. Nhưng điều tôi nhận thức là, gia đình tôi, gia đình của chúng ta đều có những câu chuyện để nói cho chúng ta nghe. Họ thật sự muốn kể cho chúng ta nghe. Câu chuyện [chứng nhân] của họ là câu chuyện của chúng ta. Đó là lý do tại sao chúng ta có mặt ở đất nước này.

Tôi biết được mẹ tôi phải đi chân trần qua biết bao nhiêu dặm đường để mang nước về cho cả nhà xài, nghe như là từ một chuyện phim vậy. Nhưng đấy là sự thật. Đã xảy ra. Xảy ra cho mẹ tôi đó. Tôi nghe từ cậu tôi, bằng cách nào mà cậu lên thuyền, trốn chạy Việt Nam để sang tới Hoa Kỳ, bị bọn hải tặc đánh bất tỉnh vì cố gắng cứu một bé gái cùng ghe.

Sau khi nghe được những câu chuyện cá nhân mà họ đã dấu kín từ bao nhiêu năm, tôi cảm thấy gần gũi với gia đình tôi nhiều hơn xưa. Giống như là, cuối cùng rồi, tôi mới biết được hết, rõ hết về người thân của mình. Một điều mà tôi tiếc nuối là tôi đã không làm điều này sớm hơn, rằng tôi đã không được nghe câu chuyện từ chính ông ngoại tôi, về thời gian tù đày dưới chế độ cộng sản của ông, về chuyến vượt biển của ông. Tôi thật sự muốn nói chuyện với ông và nghe chính ông kể về những sự kiện đó.

Vậy thì, nếu một điều mà tôi muốn các bạn nhận lấy về buổi lễ tưởng niệm hôm nay, là các bạn về nhà, và hỏi cha mẹ các bạn về những mẩu chuyện của họ, trước khi quá trễ. Trước khi lịch sử của chúng ta bị mai một. Chúng ta, là thế hệ người Việt gốc Mỹ thứ hai, cần phải bảo tồn những câu chuyện lịch sử của chúng ta và đó là lý do, tại sao Tháng Tư Đen lại là điều quan trọng để

chúng ta phải mãi nhớ.

Tôi rất trân quý mọi người trong gia đình tôi, những người đã sống, đã tồn tại trong cuộc chiến, và phải phấn đấu mãnh liệt mới tới được nơi này, để cho tôi, các chị tôi, các anh chị em họ của tôi có được một đời sống tốt đẹp hơn cuộc sống mà họ đã trải qua.

Điều cuối là, mẹ tôi có mặt với chúng ta ngay đêm nay, tôi muốn tạm ngưng tại đây, và kính mời mẹ tôi lên trên sân khấu để nói một điều với bà. Mẹ, lên trên này với con... Cảm ơn mẹ, đã yêu thương, lo lắng và dạy dỗ con.

Luôn thương yêu mẹ.»

(Black April/ Kati Nguyen /sinh viên trường UCLA)

Nhân Ngày của Mẹ -Chủ nhật 13-5-2018- sắp tới, xin mời đọc thêm một bài viết cảm động của Quinton Đặng, con trai của một cựu học sinh trường trung học Nguyễn Du, Sài Gòn. Cháu đã tốt nghiệp tại Đại Học Berkeley.

Sau đây là nguyên tác Anh ngữ bài viết của Quinton. Sau bản lược dịch Việt ngư bài của Quinton, là những lời của người Mẹ, Bà Tôn Nữ Ngọc Quỳnh viết cho con trai.

Refugees

By Quinton Dang

I was once asked by a close friend at Berkeley, «so... do you know any refugees ?»

And then it actually hit me. The history and culture I»ve grown up throughout my life as a Vietnamese American was something no one really knew about outside of my Vietnamese friends, family, and community.

Today marks the 40th anniversary since the fall of Saigon. To my parents, to my aunts, uncles, grandparents, this meant one thing : the only home and country they knew became a nightmare.

«April 29th was the longest day of my life. April 30th was the scariest.» - Thay Bac

So if you were wondering the answer to that question: Yes. My parents, my grandparents, every single member of my family who is at least 40 was part of what the horror the Vietnam War was for my people. If you wonder why I»m so adamant of stating that I»m Vietnamese--it»s not because of culture. It»s not because I like the food more, or I like being unique. It»s because the experience of a Southeast Asian is much

different from other Asians.

We»re a war-torn community. My family did not come here for the American Dream--they came because they no longer had a home and wanted to survive. They were kicked out of their homes involuntarily, with little to nothing to figure out how to navigate this country.

So with this all in mind, I am proud of my heritage and my people. We have gotten so far with what we»ve had. My willpower and ambition comes from what my parents had to sacrifice and lose for me--to have their entire lives defined by a war they didn»t want to have.

My mother will not have gotten jailed multiple times for nothing. My aunts, who escaped on small canoes at the age I was starting middle school, will not have risked their lives for nothing. My father, who spent years in a refugee camp in the Philippines, will not have been displaced for nothing. My parents, grandparents, and family who suppressed their PTSD (amongst other multitudes of serious health issues caused by the war) to raise their kids in a safe environment will not have been done for nothing.

Cám ơn ba mẹ.

«Thank you, father, mother.»

As I continue through college and do the best I can to support the family, I will try my best to always remember our history. I will work hard to be successful, because you were not able to have the opportunities I»ve had. And I will make sure to make others aware of our history, because it is not something to be erased by a textbook.

By Quinton Dang

Dân Tị Nạn

Có một lần, đứa bạn thân ở trường Berkeley hỏi tôi, «Vậy thì... bạn có quen ai là dân tị nạn không ?»

Điều này làm cho tôi tỉnh thức ngay lúc ấy. Lịch sử và văn hóa của người Mỹ gốc Việt mà tôi lớn lên, chả một ai biết, chỉ trừ các bạn người Việt, gia đình và trong cộng đồng.

Hôm nay, hơn bốn mươi năm tưởng niệm ngày mất Sài Gòn. Với cha mẹ, cậu dì, cô chú, ông bà nội ngoại, chỉ có một điều : ngôi nhà và đất nước mà họ biết đã trở nên một cơn ác mộng.

«Ngày 29 tháng 4 là ngày dài nhứt trong đời. Ngày 30 là ngày điên khùng nhứt.» - lời Thầy Bắc. Thay Bac (?)

Vậy, nếu bạn đang nghĩ về câu trả lời cho câu hỏi đó : Đúng. Cha mẹ, ông bà, tất cả mọi người trong gia đình tôi, những người trên 40 tuổi đều dính dáng đến những sự việc kinh hoàng trong cuộc chiến Việt Nam. Nếu bạn ngạc nhiên tại sao tôi luôn cương quyết cho là tôi là người Việt - không phải là văn hóa đâu, cũng không phải do tôi thích thức ăn Việt Nam hơn, hay là tại tôi thích được khác lạ. Thật ra, chỉ vì những kinh nghiệm của người Đông Nam Châu Á khác xa với những người Á Châu khác.

Chúng tôi là một cộng đồng có quá nhiều mất mát trong chiến tranh. Gia đình tôi không đến đây vì «Giấc Mơ Hoa Kỳ», họ đến đây vì họ mất hết nhà cửa, ruộng vườn và họ muốn được sống. Họ bị đuổi ra khỏi căn nhà họ, với một ít hành trang, hiểu biết để học hỏi, hòa nhập vào đất nước này.

Vậy với tất cả những điều này nằm trong tâm tưởng tôi, tôi rất hãnh diện về di sản của tôi và cho cộng đồng người Việt của tôi. Chúng ta đã vượt đến với những gì chúng ta có được. Ý chí và lòng khao khát của tôi đến từ cha mẹ tôi, những người đã hy sinh và chịu nhiều

mất mát - bị thương tổn, làm thay đổi cả nguyên cuộc đời của họ bởi cuộc chiến mà họ không hề muốn có.

Những lần tù đày của mẹ tôi sẽ không bị lãng phí. Các người dì, ngồi trên chiếc ghe nhỏ, tuổi chỉ bằng lúc tôi vào học lớp bảy, lớp tám, đã dám đánh đổi mạng sống để có được tự do, sẽ không bị lãng phí. Cha tôi, người đã phải ngồi trong các trại tị nạn nhiều năm dài ở nước Phi Luật Tân, đã phải thay đổi chỗ ở, sẽ không bị lãng quên. Những điều mà cha mẹ, ông bà tôi và gia đình đã cố gắng, không để những căn bịnh về hậu chứng chiến tranh làm tổn thương, để nuôi nấng, dạy dỗ những đứa con trong môi trường trong lành, sẽ không bị đi vào quên lãng.

Cảm ơn ba mẹ.

Trong lúc tôi vẫn đang tiếp tục đại học và cố gắng hết mình để phụ giúp gia đình, tôi sẽ luôn cố gắng nhớ về lịch sử của chúng tôi. Tôi sẽ luôn cố gắng để được thành công, bởi vì bạn không có được những cơ hội tốt như tôi. Tôi sẽ cho người khác biết về lịch sử của chúng tôi, bởi vì nó không phải là một điều dễ bị xóa nhòa đi.

Lời của mẹ nói với con trai.

Mỗi lần đến ngày 30 tháng Tư dù chuyện đã xảy ra quá nhiều năm qua mà trong lòng vẫn nghe xót xa, mắt vẫn mờ ngấn lệ.

Nhớ quê hương Việt Nam, nhớ người thân bạn bè hàng xóm, nhớ con đường hàng me quán cóc, nhớ sân trường... nhớ mãi không bao giờ vơi.

Sau bao nhiêu lần gian nan vất vả cận kề với cái chết để tìm kiếm bến bờ tự do.

Nhiều lần me đã tâm sự kể lể cho con nghe về những gian truân đau khổ mà me và gia đình đã trải qua.

Không ngờ món quà hồi đáp lại là bài viết của con về Tháng tư đen.

Con đã hiểu đã đồng cảm thương đau với me, me cảm động và vui mừng không thể nào tả xiết.

Bây giờ con đã ra trường, đã đi làm đem sự hiểu biết của mình ra cống hiến cho xã hội, đã biết phụ giúp gia đình và quan trọng là me cũng hướng dẫn con chia sẻ cho những người kém may mắn hơn mình.

Cảm ơn con, cảm ơn con đã làm con của me, cảm ơn con đã lớn lên và trưởng thành như vậy. Không có bút mực nào nói hết niềm vui trong con đã dành cho gia đình ông bà và cha mẹ.

Cảm ơn con đã nhớ những lời tâm sự của me về nước Việt Nam quê hương mình và cảm ơn con vẫn nhớ đến công ơn cha mẹ cũng như những nhọc nhằn của một giai đoạn lịch sử của nước Việt Nam thương yêu.

Me yêu con nhiều lắm !!!

April 30.

Phúc Nguyễn trích dịch và viết lời giới thiệu

Chỉ Có Một Trên Đời

Nguyễn Diệu Anh Trinh

Chủ Nhật 23 tháng Năm là Ngày Của Mẹ tại nước Mỹ năm 2018. Mời đọc bài viết của Nguyễn Diệu Anh Trinh. Tác giả sinh năm 1959 tại Đà Nẵng, đến Mỹ năm 1994 diện HO cùng bố và các em, định cư tại tiểu bang Georgia. Hiện là nhân viên công ty in Scientific Games tại Atlanta, tiểu bang Georgia. Bà đã góp bài từ 2015, kể chuyện về người bố Hát Ô và nhận giải Viết Về Nước Mỹ.

Saigon

Hai mẹ con đi phỏng vấn ODP, Saigon 1994.

Miss Ao Dai GA

Con gái đạt danh hiệu Hoa Hậu Áo Dài Georgia 2001.

Paris 2017

Hai mẹ con du lịch Paris 2017.

***

Ông mặt trời... chỉ có một mà thôi

Và mẹ em, chỉ có một trên đời.

Cô Quỳnh ở trường mẫu giáo đã dạy nó bài hát thật hay. Tuổi lên năm chỉ biết học hát múa và nhõng nhẽo. Tâm hồn thơ ngây của nó chẳng có một chút gì để mường tượng về một người gọi là «Ba».

Với nó, có mẹ là nó có tất cả.

Từ những chiếc áo đầm hoa sặc sỡ, những cái cài tóc nhiều màu, những gói xí muội, những cây kẹo trái cây Thái Lan đủ mùi vị cho đến những cuốn truyện tranh Doremon. Trong vòng tay ấm áp của mẹ, nó như là cô công chúa nhỏ muốn gì được nấy. Không cần biết mẹ đã phải làm gì để kiếm tiền trong mùa nắng, mẹ lặn lội ra sao trong mùa mưa. Nó còn quá nhỏ, chưa có ý niệm gì về sự thiếu thốn tình cảm.

Một ngày cuối năm học lớp mẫu giáo. Hai mẹ con ăn mặc đẹp. Mẹ đưa nó đến trường để nhận phần thưởng «Bé giỏi,Bé đẹp». Nó tròn xoe mắt nhìn các bạn nhỏ cùng lớp đang ríu rít ở sân trường rồi hỏi mẹ :

- Mẹ ơi, tại sao bạn nào cũng có hai người đi hai bên mà con chỉ có một mình mẹ ?

Mẹ nó quay mặt đi lặng lẽ.

Mãi chơi với bạn và vui mừng với những gói phần thưởng, nó chẳng cần đến câu trả lời.

Trên đường về nhà, hai mẹ con bi bô nói chuyện. Nó chợt ngẫm nghĩ như người lớn rồi níu tay mẹ hỏi :

- Mẹ à, tại sao cu Phong nó có bố Hùng với mẹ Hạnh, Thảo Vi nó có ba Việt với má Nga. Ở nhà bà ngoại mình bé Khánh nó có cậu Nam với mợ Nam... mà con chỉ có mỗi mình mẹ, hả mẹ ?

Mẹ nhìn nó ngập ngừng... hình như một giọt nước mắt vừa mới ứa ra trong mắt mẹ. Tối hôm đó Mẹ trằn trọc hoài, nó nghe tiếng mẹ thút thít và thở dài.

Lớn lên một chút, nó có cảm giác sợ mất mẹ khi người hàng xóm hát trêu ghẹo : «Trời mưa bong bóng bập bồng... mẹ đi lấy chồng... con ở với ai...».Chỉ một câu hát ru thôi cũng đủ làm cho nó hoảng sợ phát khóc. Nó quên mất những câu hỏi chưa được trả lời chuyện một người với hai người. Với nó, có mẹ là nó có tất cả rồi.

Thế rồi ông Ngoại nó trở về từ một nơi gọi là «Trại cải tạo». Mẹ nó bận đi buôn bán suốt ngày. Ông Ngoại thay mẹ trong việc đưa đón nó đi học. Nét chữ i tờ đầu tiên mà nó biết nắn nót trong đời cũng từ sự uốn nắn của ông Ngoại. Khi nó nghịch ngợm ông Ngoại thường đem hình ảnh mẹ nó cực khổ ngược xuôi ra để khuyên răn nó. Bài học hiếu thảo đầu tiên trong đời nó hiểu được chính là từ những lời dạy dỗ của ông Ngoại. Nó

đã biết dùng đôi tay nhỏ của mình để rót cho mẹ một ly nước, biết cầm cây quạt nan để quạt cho mẹ khi mẹ bị cảm sốt. Lúc nào lời ông Ngoại cũng như văng vẳng bên tai «Mồ côi cha... ăn cơm với cá... nghe con. Mồ côi mẹ lót lá mà nằm... Mẹ con cực khổ quá rồi, con phải biết thương mẹ, nghe không.»

Nó càng lớn thì nỗi lo của mẹ càng nặng nhưng chưa bao giờ mẹ để cho nó bị thua sút bạn bè. Mẹ làm việc như quên mình chỉ để cho nó có bộ áo đẹp hơn người ta, ăn no hơn con người ta...Từ ngày có, nó mẹ đã tự soi gương và cắt tóc cho mình, nó thì được mẹ đưa đến cắt tóc ở một tiệm cắt tóc danh tiếng. Từ ngày có nó, mẹ chưa bao giờ may cho mình một chiếc áo mới còn nó thì không thiếu một kiểu áo đầm, áo len nào so với những đứa trẻ cùng lứa tuổi. Mẹ dè xẻn, hà tiện với bản thân mình nhưng lại luôn luôn hào phóng với nó. Dường như mẹ cố gắng kiếm tiền để nó đủ cái ăn, cái mặc, như là một bù đắp lại sự thiếu thốn về tinh thần. Mẹ nó vẫn thường ước ao cho nó ăn học đến nơi đến chốn, một mơ ước tuy đơn sơ nhưng rõ ràng là rất khó thực hiện cho hoàn cảnh hai mẹ con thời đó.

Nó chưa đủ lớn để cảm nhận rằng mẹ nó đã có nhiều lần âm thầm nuốt nước mắt vào lòng khi nghĩ đến những câu hỏi vô cùng ngây thơ của nó. Nó cũng vẫn chưa đủ

trí khôn để nhận thấy tuổi xuân của mẹ đã qua đi lặng lẽ theo năm tháng. Nó còn quá nhỏ để thấy rằng có một người hy sinh cho mình vô điều kiện như thế là hạnh phúc vô ngần. Dĩ nhiên, nó cũng không hề nghĩ rằng vì nó mà mẹ đã làm tất cả với trái tim dịu dàng của một người mẹ và nghị lực của một người cha.

Năm nó được mười tuổi, khoảng đời thiếu thốn và cơ cực của mẹ con nó ở quê hương kết thúc nhờ hồng phúc bên gia đình ông bà ngoại. Hai mẹ con có cơ hội đến một xứ sở khác có thể gọi là thần tiên đối với nó. Không thiếu cơm ăn, áo mặc lại còn hưởng được nhiều tiện nghi của một đời sống «cao cấp». Quan trong hơn cả là nó được đến trường và có cơ hội ăn học như bao nhiêu đứa trẻ khác, có nghĩa là giấc mơ tưởng như đơn giản nhưng to tát của mẹ nó có thể thực hiện được. Nhưng thật là buồn cười, khi mà cơ hội tiến thân của nó được bình đẳng như những đứa trẻ con khác thì mẹ nó lại mang canh cánh trong lòng mối lo âu khác...

Lúc mới qua Mỹ, mẹ làm housekeeping cho một khách sạn. Nó còn nhớ, với check lương đầu tiên mẹ đã mua một đầu máy video để hát karaoke và xem phim bộ. Nó ở nhà với ông ngoại, các dì thường mướn phim về cho ông xem. Khi xem phim cùng với ông thì ông giảng cho nó biết đạo lý làm người, Ông ngoại dạy cho

nó biết thế nào là «tôn sư trọng đạo», là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín... là gieo hạt nào sẽ hái quả đó. Những cuối tuần được nghỉ làm, mẹ và các dì thường chở nó đến hát hò ở các nơi có nhiều người Việt. Mẹ còn gởi người quen đi Việt Nam mua cho nó sách truyện tiếng Việt. Mẹ khuyến khích chép nhạc Việt và viết thư cho bà con ở Việt Nam để khỏi quên nguồn gốc tiếng Việt mình. Ở nhà Mẹ và ông Ngoại bắt phải nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt. Lắm khi nó rất là bực bội và nghĩ mẹ mình quê mùa quá. Nhiều năm như thế, tiếng Anh của nó từ từ trôi chảy mà tiếng Việt vẫn nghe và nói không vấp váp.

Trong khi nó mải mê với những văn minh, xa hoa của xã hội mới thì mẹ nó vẫn miệt mài với công việc, dường như cuộc đời mẹ nó gắn liền với nỗi nhọc nhằn. Mẹ không ngừng học tập để làm quen với môi trường mới, ngôn ngữ mới. Công việc ở Hotel quá nặng nhọc đối với người phụ nữ gầy gò như mẹ nó, nên mấy tháng sau các chú bác trong cộng đồng Người Việt ở GA đã giúp mẹ nó kiếm một việc làm cho một Công Ty in vé số tại Atlanta. Là bà mẹ đơn thân, có được việc làm lương nhưng không cao nên mẹ con nó vẫn còn được hưởng phụ cấp phiếu thực phẩm (food stamp). Một ngày cần renew hồ sơ, mẹ nó đã rụt rè trình bày với cô nhân viên sở xã hội xin ngưng trợ cấp. Lý do thật nhẹ nhàng là mẹ

đã có được việc làm ổn định, có bảo hiểm sức khỏe cho hai mẹ con. Mẹ chỉ mong đi làm, đóng thuế đàng hoàng như mọi người dân bản xứ, phần trợ cấp xin dành cho những người di dân khác mới định cư. Việc làm này của mẹ cũng là một tấm gương, một bài học cho nó về lòng biết ơn đối với đất nước đã cưu mang cả gia đình ông bà ngoại. Ngoài những giờ làm việc ở hãng, mẹ nó cũng dành chút thời gian chia xẻ với nó. Mẹ cố gắng hướng dẫn cho nó những bài «homework». Mỗi lần thấy mẹ vật lộn với cuốn tự điển Anh-Việt, bối rối với những từ ngữ lạ là nó áy náy làm sao ! Thương cho sự vất vả của mẹ, tận trong đáy lòng nó hứa sẽ tập tự chăm sóc cho bản thân và cố gắng chăm chỉ học để làm mẹ vui lòng.

Còn nhớ năm nó mười sáu tuổi, mẹ mua vé cho nó đi Việt Nam một mình trước sự phản đối mạnh mẽ của ông Ngoại và các cậu dì. Nhưng sau này mọi người mới biết rằng mẹ nó đã hoàn toàn không có gì sai. Từ chuyến đi đó trở về với đời sống ở Mỹ, nó cảm thấy mình sao may mắn quá. Nó không phải đi buôn bán cực khổ như nhiều bạn nhỏ tuổi ở Việt Nam. Nó đến trường không tốn tiền của cha mẹ như ở Việt Nam. Sau này lớn lên nó còn được tự do chọn lựa ngành nghề cho tương lai mình, mà thành công hay thất bại chỉ tuỳ thuộc vào bản thân nó mà thôi. Về Việt Nam, nhìn thấy cảnh nhiều người bà con còn quá sức nghèo khổ, nó hiểu được tại

sao mẹ nó cứ chịu khó đi làm thêm giờ để kiếm thêm tiền giúp đỡ họ. Đi chơi ở Việt Nam thì có nhiều thích thú nhưng nó thật không vui trọn vẹn khi nhìn nhiều cụ già còn đi buôn bán để nuôi thân, các em nhỏ đi lượm đồ trong đống rác về bán, một bộ áo quần mới luôn là niềm mơ ước.

Vào lứa tuổi hơn 40, mẹ nó lại ghi danh vào trường học «college». Mẹ nó vừa đi học, vừa đi làm, vật lộn với chữ nghĩa khi nó vừa tốt nghiệp bậc Trung học. Mẹ nó có cách dạy con thật lạ lùng mà cũng thật cụ thể; luôn luôn muốn làm một tấm gương sáng cho nó. Không một lần la mắng, không có cách dạy con chỉ bằng lời nói suông. Muốn nó tiếp tục con đường học vấn bằng cách chính mẹ nó không ngại giờ giấc làm việc căng thẳng, mẹ bù đầu vào học tập. Khi kết quả mang lại là mẹ có được một việc làm khá hơn, mẹ nó mới nhẹ nhàng nói «Con à, không có sự nỗ lực nào là phí phạm cả, nếu con không cố gắng thì cơ hội sẽ qua đi...» Để dạy cho nó lòng nhân ái mẹ luôn luôn đối xử đầy yêu thương với người chung quanh. Để dạy cho nó đức hy sinh, bản thân mẹ là một bài học về lòng hy sinh vô hạn. Hơn ai hết, nhân cách và đạo đức của mẹ đã ảnh hưởng sâu đậm đến bản thân nó sau này...

Tết cổ truyền Việt Nam được Cộng đồng người Việt tổ chức vào mùa xuân 2001, nó đạt giải Hoa Hậu Áo Dài Việt Nam tại Atlanta. Ngoài phần hình thức, nó được điểm cao do phần trả lời câu hỏi bằng tiếng Việt rất thông suốt, nó biết đó chính là công lao của mẹ, một sự chăm sóc lặng lẽ nhưng kết quả vô cùng. Nó lớn lên không có sự dạy dỗ của một người cha nhưng nó không hề thấy thiếu thốn, tình thương bao la của mẹ đã dạy cho nó hiểu : yêu thương là tha thứ, là quan tâm. Kể cả những khi nó mắc phải lầm lỗi, mẹ bao giờ cũng là nguồn yêu thương lặng lẽ mà vô tận.

Thuở ấu thơ, thương mẹ là biết rót cho mẹ một ly nước, lo âu, sợ mất mẹ khi nghe lời hát ru «mẹ đi lấy chồng, con ở với ai... ?» Giờ đây, nó đủ trí khôn để biết rằng thương mẹ là cố gắng thực hiện điều mẹ ước mơ, trở thành một người thành đạt mà bắt đầu là sự trau dồi kiến thức.Nó vào đại học, mẹ còn phải lo âu, bươn chải nhiều hơn. Nó đã từ từ nhận ra rằng mẹ là món quà quý nhất trần gian mà nó đang có, niềm hãnh diện, tấm gương soi cuộc đời nó. Nó đã từng nghe nhiều bài hát, xem nhiều chương trình ca nhạc ca ngợi hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong thời chiến lẫn thời bình. Người mẹ, người chị trong thơ nhạc là những người biết hy sinh cho chồng, cho con ở ngay trên quê hương mình. Trong phim không có ai giống mẹ nó. Một trong những

người mẹ Việt Nam đang sống trên vùng Đất Hứa...

Để tồn tại ở xứ sở gọi là thiên đường này mẹ nó và bao nhiêu bà mẹ khác đã phải đánh đổi cả một khoảng đời son trẻ, vượt qua bao nhiêu là gian nan thử thách từ những ngày đầu mới định cư. Ngoài công việc bếp núc, cơm nước, chợ búa hàng ngày còn phải bươn chải ra ngoài xã hội, học hỏi thêm về đời sống văn minh của xứ người, bên cạnh đó còn phải biết nắm bắt cơ hội để vươn lên, cố gắng hòa nhập với nền văn hóa mới, vượt qua bao nhiêu trở ngại khó khăn mà không đánh mất niềm tin và hy vọng, luôn luôn giữ căn bản đạo đức là một người phụ nữ Á đông. Không những chăm sóc cho gia đình còn lo giúp đỡ cho anh em, họ hàng còn lại ở quê nhà. Có khi nó nghĩ cuộc đời của mẹ nó như là một bản trường ca vô tận về lòng thương yêu. Một thứ tình cảm có khi được dấu kín bên trong, có khi thể hiện ra ngoài nhưng không có gì so sánh được. Tình thương của mẹ là động lực cho nó vươn lên thực hiện những ước mơ, bay cao đến những vì sao.

Thời gian thấm thoát đi qua, khi tóc mẹ bắt đầu có nhiều sợi bạc, bàn tay, gương mặt có nhiều nếp nhăn kèm theo những cơn đau nhức của người có tuổi, nó mới đau lòng mà nhận ra rằng thời gian và bệnh tật sẽ không chừa một ai cả. Nó đã đủ lớn để biết rằng ai cũng

chỉ có một bà mẹ trên đời, ai cũng chỉ có một trái tim để chất chứa yêu thương, một trí óc để suy nghĩ về hàng vạn điều thăng trầm của cuộc sống. Và, ai cũng chỉ có một lần tim ngừng đập, trí óc ngừng hoạt động để đi vào giấc ngủ thiên thu êm đềm. Nó đã đủ kiến thức để hiểu rằng mỗi khoảnh khắc mà nó đang trải qua cũng chỉ xảy ra một lần duy nhất trong đời, cho dù cuộc sống kéo dài đến trăm tuổi. Có một thứ vĩnh viễn bất biến theo thời gian, theo hoàn cảnh đó là tình thương của mẹ.

«Từ người mẹ của một vĩ nhân cho đến người mẹ của một tên tử tội. Trên thế gian này, người mẹ nào cũng có thể vì con mình mà làm mọi chuyện». Mẹ nó không giống như những bà mẹ trong bài hát hay bài thơ mà ông Ngoại hay đọc cho nó nghe. Nó chưa ăn chuối ba hương, chưa ăn xôi nếp một nhưng nó biết mẹ ngọt ngào giống vậy. Nơi vùng đất mà mọi người cho là thiên đường này, mẹ nó và nhiều người mẹ gốc Việt khác đã vất vả biết bao để nuôi và dạy con không quên cội nguồn, quê hương mình.

Càng khôn lớn nó càng biết trân trọng tình yêu thương của mẹ, ảnh hưởng lớn lao nhất của cuộc đời nó. Mẹ là người luôn dang rộng vòng tay ôm ấp, vỗ về nó từ khi vừa mở mắt chào đời. Mẹ là người vì nó mà phải khép kín trái tim khi tuổi còn xuân. Mẹ bao dung khi nó vấp

ngã, mẹ dịu dàng, nhẫn nại khi nó cần nguồn an ủi. Mẹ trở thành kiên cường, bản lĩnh; sẵn sàng che chở khi nó cần đến, như một người cha.

Mỗi bước đi của nó đều khắc sâu hình ảnh của mẹ. Mẹ là vùng trời bình yên, là niềm yêu thương bất tận mà khi chưa được làm mẹ; nó chắc chắn chưa cảm nhận được một cách tuyệt đối.

Nguyễn Diệu Anh Trinh

Chín Con Chăm Một Mẹ

Năng Khiếu

Hôm nay, Chủ Nhật 13, Mother»s Day 2018, xin mời đọc bài viết đặc biệt dành cho Ngày Lễ Mẹ. Tác giả tên thật Trần Năng Khiếu. Trước 1975 là Công Chức Bộ Ngoại Giao VNCH. Đến Mỹ năm 1994 theo diện HO. Đã đi làm cho đến năm 2012. Hiện là công dân hưu trí tại Westminster. Tham dự Viết Về Nước Mỹ từ tháng 8/2015. Đã nhận giải đặc biệt 2016. Nhận giải danh dự VVNM 2017.

Năm nay Mẹ tôi 92 tuổi, tôi là con thứ bảy trong số chín đứa con của Mẹ. Bước vào đầu năm 2018, khí hậu Nam Cali trở lạnh bất thường, Mẹ tôi bị viêm phổi cấp tính, cộng thêm bệnh suyễn kinh niên hoành hành, hơi thở đứt quãng, nên phải nhập Viện Fountain Valley bằng xe cấp cứu.

Ngoài các bệnh trên, Mẹ tôi còn những bệnh mà người già thường vướng phải, như tiểu đường, cao máu, đau nhức, đau bao tử. Theo luật những người đang hưởng Medicare của chính phủ, như trường hợp Mẹ tôi không được nằm trong bệnh viện quá mười ngày. Vả lại cơn nguy kịch cũng đã qua, nhưng bác sĩ cho biết phổi Mẹ tôi yếu lắm, phải cần những thiết bị trợ thở oxy 24/24,

lại không thể tự đứng lên được. Ông khuyên chúng tôi nên đưa Mẹ vào trung tâm phục hồi sức khỏe gần nhà một thời gian, để luyện tập cách thở, điều chỉnh thuốc men và ăn uống đủ chất, hầu cơ thể cụ hồi sức, rồi trở về nhà sống bình thường với con cháu.

Nhưng Mẹ tôi rất ghét ở nhà thương, nói chi Viện phục hồi. Mỗi lần bệnh trở nặng không thở được, cứ bảo con cái phó linh hồn để Mẹ chết, nhưng chưa đến giờ «Chúa thương gọi con về». chúng tôi phải dỗ dành mãi Mẹ mới chịu đi nhà thương, hôm trước hôm sau là năn nỉ đòi về nhà, Mẹ bảo : «Sợ cây kim truyền nước biển, kim lấy máu, đâm vào da thịt, Mẹ đau đớn lắm». Tội nghiệp mẹ tôi (người già ra trẻ con).

Sau khi bàn bạc, chúng tôi quyết định đưa mẹ vào Garden Grove Convalescent Hospital, ngày 18/1/2018 cách nhà tôi hai blocks đường, tiện việc cho chúng tôi chia nhau đến săn sóc an ủi Mẹ.

Từ ngày vào Viện phục hồi này, Mẹ tôi được chăm sóc từ miếng ăn đến giấc ngủ. Mẹ chỉ cần bấm nút chuông ở sợi dây cài đầu giường, là y tá hay điều dưỡng viên có mặt sẵn sàng giải quyết những điều Mẹ yêu cầu.

Mỗi ngày mới bảy giờ sáng đã có người bưng đến một khay đậy kín loại giữ ấm, một chén cháo một đĩa

trứng hấp, thêm ly nước juice để Mẹ điểm tâm. Khoảng từ 8 đến 9 giờ, cô y tá đến đo huyết áp, thử đường. Tay cầm ly nước, cô cẩn thận bỏ từng viên thuốc vào miệng cho Mẹ uống (không phải xay nhuyễn). Chích insulin xong cô cho cụ thở thuốc suyễn. Thấy cô ân cần vui vẻ, tôi xin lỗi hỏi tên, cô nói : «Gọi là M J cho dễ». Hết tuần lại đến cô Lisa thay thế. Các cô đều nhỏ nhẹ và tử tế với bệnh nhân.

Phần thuốc men xong, tới giờ thay tã hay vệ sinh cá nhân, thì có cô Maria hoặc anh Noel cao lớn khỏe mạnh, bế Mẹ tôi đặt lên chiếc ghế đặc biệt gắn bánh xe đẩy vào restroom. Một tuần hai lần cũng chiếc ghế như vậy, đẩy cụ đi tắm mát mẻ sạch sẽ, tươm tất trong bộ quần áo mới thay. Tôi nhìn theo, mà lòng thầm cảm ơn những nhân viên y tế đã tận tâm và vất vả làm những công việc mà chính lẽ chúng tôi phải làm.

Khoảng 10 giờ 30 phút có chuyên viên therapy, đến tận giường đỡ Mẹ tôi đứng lên tập từng bước, như em bé chập chững đi. Một tuần sau ông cho Mẹ tôi ngồi vào xe lăn có bình oxy nhỏ kéo sau, ông còn cẩn thận lấy lược chải đầu cho cụ, ông khen Mẹ tôi đẹp lão và hiền lành. Rồi đẩy đến phòng tập thể dục, để tập những động tác nhẹ, như quay bánh xe bằng tay, đạp hai chân chầm chậm, tập đi bằng khung hỗ trợ di chuyển.

Bữa trưa của Mẹ, có ba bốn món, cơm, canh Việt Nam,rau, cá, hoặc thịt, đều hầm nhừ xay nhuyễn, vì răng thiệt, răng giả chẳng còn cái nào, Mẹ vẫn ăn ngon lành. Đều đều mỗi ngày như vậy, cụ ngủ ngon giấc, da dẻ hồng hào, cơn suyễn cũng đỡ hành hạ. Sức khỏe có phần khá, những nét buồn trên khuôn mặt Mẹ ngày càng nhiều hơn, mặc dù chúng tôi xin phép Giám Đốc Viện DL để thay phiên nhau, vào ngủ bên Mẹ mỗi đêm. Ban ngày thì chị Hai và chị Ba đã nghỉ hưu,thay nhau đến đọc kinh, đọc sách suy gẫm cho kẻ liệt, các chị kiên nhẫn đút từng thìa cháo, quần áo cũng gom về nhà giặt cho Mẹ. Chiều tối có ba bốn đứa chúng tôi đang đi làm, cũng thay nhau đến với Mẹ, mà đôi mắt Mẹ cứ buồn vời vợi. Trước kia cụ có tiếng là người nói nhiều, vậy mà bây giờ trở thành im lặng, nặng nề. Dù tôi vấn an Mẹ rằng : «Chúng con chỉ để Mẹ ở đây một thời gian, khi bình phục sẽ đón Mẹ về nhà». Nhưng Mẹ không tìm được sự đồng cảm với những người xa lạ không cùng ngôn ngữ.

Một chị bạn cũng nuôi Mẹ ở phòng kế bên, hai đứa dễ thân vì hoàn cảnh hai bà Mẹ giống nhau. Mới đầu Mẹ chị cũng giận dỗi con cái, không chịu nói chuyện, hờ hững trả lời những câu không vừa ý. Nhân viên người Việt trong Viện DL đến trắc nghiệm trí nhớ, cô hỏi : «Cụ bao nhiêu tuổi rồi ?» Bà không thèm trả lời. Cô

nhân viên hỏi tiếp : «Cụ sanh ngày mấy ? Tháng mấy ? Năm nào» Chị bạn đứng gần tính nhắc Mẹ, nhưng cô ta ra hiệu im lặng, rồi hỏi tiếp : «Cụ có mấy đứa con ? Cụ có biết mình đang ở đâu không ?» Chị xin Cô nhân viên đừng nhắc đến chữ nhà thương vì Mẹ chị dị ứng với hai chữ đó, ai dè Cô nhân viên ghé tai nói một hơi «Bác ơi ! Nếu bác thương con bác, đau ốm thì phải đến nhà thương cho Bác sĩ chữa khỏi bệnh rồi về, bác không nên nằm mãi ở nhà, nếu chẳng may chết, thì con bác phải bị điều tra. Xác bác thì phải đem đi xét nghiệm... Sau này con bác muốn bán nhà sẽ bị mất giá, vì có người chết trong nhà». Nghe vậy bà mở mắt nhìn Cô Nhân viên hỏi : «Cô là ai ?» Rồi bà hiểu ra và thông cảm cho các con. Chị bạn tôi cám ơn cô nhân viên hết lời.

Nhưng Mẹ tôi vẫn nằng nặc đòi về, không chịu tập thể dục, không chịu tắm, Mẹ đòi tuyệt thực, chúng tôi phải thí thỏn mãi Mẹ mới ăn, đúng là «Một già một trẻ bằng nhau». Gặp mặt chị Hai là trách chị không chịu đưa Mẹ về để Mẹ chết ở nhà, làm chị Hai không biết tính sao cho vẹn toàn, vì nếu đưa Mẹ về, sợ không có y tá và các điều dưỡng viên có kỹ năng chuyên môn thành thạo, lại không thể tập luyện và sinh hoạt điều độ như tại đây, sức khỏe Mẹ sẽ kém đi. Mà để Mẹ ở lại, trong tình trạng cụ «đình công» như vầy nếu Mẹ có bề gì thì ân hận suốt đời. Mới đó mà chị Hai sút mất

năm pounds, khiến người chị mảnh khảnh thêm. Thật là «Tiến thoái lưỡng nan», cuối cùng chúng tôi quyết định chiều theo ý Mẹ, đón cụ về nhà.

Ba tôi mất sớm, để lại cho Mẹ một đàn con dại, đang tuổi «ăn chưa no lo chưa tới». Nuôi chúng con Mẹ chẳng quản chi thân, những khi trái gió trở trời, con đau làm Mẹ đứng ngồi không yên. Mẹ đa buôn bán tảo tần nuôi các con khôn lớn trưởng thành. Cách đây gần ba mươi năm, anh Tư tôi bảo lãnh Mẹ đến Mỹ diện đoàn tụ. Hai năm sau chị Hai tôi qua diện HO, và Mẹ sống chung với anh chị cho đến nay, một mình Mẹ một phòng đầy đủ tiện nghi, trong căn nhà rộng rãi mát mẻ tại thành phố Westminster. Những nỗi vất vả khi xưa đã làm sức khỏe Mẹ sa sút, yếu ớt, suýt chết nhiều lần, từ những năm Mẹ bước vào lão niên. Nhờ anh chị Hai tôi chăm sóc Mẹ chu đáo, nên ngày nay chúng tôi vẫn còn Mẹ bên cạnh.

Viết đến đây tôi lại nhớ, cách đây bốn năm. Sau trận Mẹ đau thập tử nhất sinh, bác sĩ cũng khuyên đưa Mẹ vào Nursing home, vì cụ cần sự theo dõi thường xuyên của y tá và máy móc trợ thơ mới sống được. Nhưng chị Hai sợ Mẹ buồn, chị liều đưa Mẹ về nhà, một mình sớm tối vất vả chăm nom. Nhưng Mẹ ốm lần này chị Hai tôi bước vào tuổi «thất thập» sức khỏe yếu nhiều, chị không cáng đáng nổi, nên anh chị em tôi hợp lại lo

cho Mẹ.

Cũng may chúng tôi có nguyên một đội ngũ không phải là chín người, mà là chín gia đình thì đúng hơn. Bảy gia đình ở California, nếu tính con trai, gái, dâu, rể, cháu nội, ngoại hơn hai chục người. Kẻ thì chân trong, người thì chạy chân ngoài góp phần lo cho cụ. Còn hai gia đình ở xa, nhưng vẫn về thăm nom và yểm trợ tinh thần cũng như vật chất.

Có chăm nom phụng dưỡng cha mẹ già yếu, ốm đau liệt lão, mới thấu hiểu được cái gian nan cực khổ. Nhưng nghĩ lại có thấm gì với những hy sinh Mẹ đã nuôi các con ngày bé thơ «Chỗ ướt Mẹ nằm chỗ ráo con lăn».

«Nhớ ơn chín chữ cù lao,
Ba năm bú mớm biết bao ân tình».

Trước kia tôi luôn có thành kiến với việc con cái đưa cha mẹ vào nursing home. Nhưng vừa rồi đi nuôi Mẹ, mới biết được cảnh sống trong nhà an dưỡng, thì ra tôi chưa thấu hiểu lắm. Tôi tưởng tượng một bức tranh khá ảm đạm trong các Viện dưỡng lão, nào là phòng ốc hôi hám, tối tăm, các cụ ông, cụ bà già cả lọm khọm, quần áo nhăn nheo, mặt mũi eo xèo.

Nhưng khi đưa mẹ vào Garden Grove Convalescent Hospital, điều đập vào mắt tôi, là khung cảnh một khuôn viên rộng rãi. Nằm cuối đường Shackelford, nơi ngõ cụt circle thật yên tĩnh. Từng dãy nhà trệt nằm theo hình chữ U. Chính giữa ngay cửa vào, la phòng tiếp tân sáng sủa, cao ráo, không kém gì một khách sạn bình dân. Có nhân viên nói tiếng Việt, mọi người luôn niềm nở, với nụ cười trên môi.

Theo tôi biết trong GG Convalescent Hospital được chia nhiều khu, khu thường xuyên dành cho các cụ ở thường trực. Khu bán trú, dành cho bệnh nhân sau khi bình phục sẽ về nhà. Cùng nhiều khu phụ khác cho mỗi trường hợp... Các phòng ốc sạch sẽ, thoáng mát, có hệ thống điều hòa không khí. Qua khung cửa kính, các cụ có thể nhìn ra vườn hoa xinh xắn. Mỗi sáng có người mang tới những xấp Việt Báo hoặc Người Việt, phân phối đến từng phòng cho các cụ đọc. Ánh sáng vừa đủ phát ra từ những bóng đèn neon. Trên tường, mỗi đầu giường được gắn chiếc TV nhỏ vào một cây cần dài, có thể đưa xa, kéo gần. Phòng restroom sau tủ quần áo, ngăn nắp và tiện nghi.

Những ngày đầu chưa quen, nhất là buổi sáng, rất khó chịu vì mùi khai khai, khăm khẳm, từ những thùng đựng tã, mà các điều dưỡng viên đẩy đến từng phòng,

để làm vệ sinh cho các cụ. Nhưng khoảng sau 9-10 giờ, vệ sinh xong đem các thùng tã đi, thì không còn mùi nữa.

Mỗi phòng đều có tấm bảng nhỏ, ghi rõ schedule sinh hoạt từng giờ, từng ngày trong tuần, tại hội trường nằm giữa khuôn viên của Viện. Thường sáng thứ năm thứ sáu, có các vị lãnh đạo tinh thần đến cử hành nghi thức riêng của tôn giáo mình, như dâng Lễ hoặc Tụng Kinh...

Tôi nhớ nhất mỗi sáng thứ năm hàng tuần, gọi Mẹ dậy để xin y tá cho Mẹ uống thuốc, hít thuốc suyễn sớm hơn, rồi thay quần áo đẹp, chải đầu, đội mũ ấm tươm tất, đẩy Mẹ trên chiếc xe lăn đến hội trường tham dự Thánh Lễ lúc 10 giờ sáng. Mỗi đầu tháng có Linh Mục ban phép xức dầu và giải tội cho các cụ. Năm nay lễ tro vào ngày thứ tư 29 tết, mẹ tôi được sức tro trên trán, mà mấy năm qua Mẹ không thể tới nhà thờ được, chỉ xem lễ trên TV. Những buổi sáng cuối tuần đều có các Thừa Tác Viên thiện nguyện của các Cộng Đoàn trong Giáo Phận, đến cho Mẹ tôi rước mình Thánh. Tạ ơn Chúa, cám ơn các vị đã giúp Mẹ tôi của ăn linh hồn cuối đời.

Một bên hội trường còn là nơi để các cụ giải trí, khoảng 10 : 00 am và 3 : 30 pm, có các mục như xem phim, xem văn nghệ, có ca sĩ hát những bản nhạc vàng xa xưa, đa số các cụ là người Việt xem rất đông. Còn

được vận động tay chân bằng những trò chơi chuyền banh, chơi lô tô, hoặc đố chữ... Mẹ tôi vào Viện DL được một tháng thì Tết Nguyên Đán truyền thống Việt Nam, Viện DL tổ chức đặc biệt, để các cụ đón Tết. Từ phòng tiếp tân, hội trường đến các phòng ốc, đều có hình ảnh những cành hoa mai vàng, tràng pháo đỏ.

Ngày mùng một Tết Viện DL mời đoàn múa lân đến biểu diễn, tiếng trống tiếng phèng vui nhộn để các cụ quên đi đau đớn vì bệnh hoạn. Có các hội đoàn, đến thăm viếng. Đoàn văn nghệ thiện nguyện, ca sĩ thay nhau hát những bản nhạc xuân sống động. Từ các cụ ngồi xe lăn, hoặc nằm dài trên giường, cũng nhịp theo tiếng nhạc rung rinh. Các nhân viên mang những bao lì xì đỏ chót tới trao tận tay các cụ, ngược lại có cụ cũng được con cháu sắm sẵn cho cả xấp bao lì xì để cụ mừng tuổi cho các nhân viên, để tỏ lòng biết ơn «Có qua có lại mới toại lòng nhau». Trưa mùng ba Tết vào ngày Chúa nhật, chúng tôi xin phép đưa Mẹ về nhà để con cháu quây quần chúc tuổi cụ, rồi trở lại Viện điều dưỡng.

Tại phòng ăn, lúc 11 : 30 am và 5 : 00 pm, các cụ tự lăn xe, hoặc chống gậy tới, ngồi quanh các bàn tròn với những mâm thức ăn đầy đủ năng lượng, ngoài ra các cụ còn được đãi những món ăn tráng miệng, như chén tàu hũ nóng hay ly chè đậu, hoặc trái cây, bánh ngọt...

Nằm cùng phòng với Mẹ tôi là một bà cụ 95 tuổi, ở trong Viện dưỡng lão sáu năm rồi, trông cụ khỏe hơn Mẹ tôi, nhưng hai chân bị liệt, Ngồi trên xe lăn đọc báo chán rồi ngủ gà ngủ gật, các cô phụ trách thường đẩy cụ tới phòng sinh hoạt. Cụ kể như tiếc nuối thời son trẻ, chỉ sinh có một người con gái, cho học trường Pháp từ nhỏ, bây giờ nó đi Tây rồi nên không đến thăm cụ được (nhưng thực ra cô vẫn thuê người trông nom mẹ). Thấy Mẹ tôi đông con cháu, cụ tủi thân, nhưng rồi cũng móm mém cười an phận.

Có hai bác trai, nằm phòng đối diện với phòng Mẹ tôi. Một bác 90 tuổi, bị liệt, thân xác cao lớn, nặng nề, điều dưỡng viên phải dùng máy cẩu lên giường, hoặc xuống xe lăn một cách chuyên nghiệp không gây đau đớn cho bệnh nhân. Bác gái 80 tuổi, tuy phải dùng máy trợ thính nhưng vẫn lái xe được, sáng nào cũng vào rửa mặt đánh răng cho chồng, rồi đẩy bác trai đi sinh hoạt, hoặc ra sân phơi nắng trông rất cảm động. Hai bác có tám người con, thay phiên với mẹ, chăm nom bố.

Giường bên cạnh, bác 88 tuổi cũng bị liệt, bác gái 84 tuổi, ăn mặc rất đẹp đẽ sang trọng, thường đến ngày thứ năm để đưa bác trai đi lễ. Các con bác đều ý thức trách nhiệm với bố, nếu người nào bận rộn không góp công, thì góp của, nên lúc nào cũng có người nhà săn sóc. Bác

trai bị ảnh hưởng sau lần stroke, dễ tủi thân.

Bên cạnh những bác được gia đình quan tâm, cũng có những bác không may mắn. Một bác gái, vào Viện DL sau Mẹ tôi vài ngày, nhìn bác khoảng ngoài 80, nằm cách mẹ tôi ba phòng, mà vẫn nghe tiếng bác kêu la : «Cô ơi ! Mệt quá hà, đau quá hà !» suốt ngày mà chẳng thấy con cháu vào thăm, thấy tội nghiệp, thỉnh thoảng tôi ghé thăm nhưng bệnh lẫn của bác càng ngày càng nặng hơn.

Phòng cuối dãy gần cửa, là một bác gái độ 75 -76 tuổi, mới vào Viện DL, không biết bệnh gì mà phải ngồi xe lăn. Một hôm tôi đi đến nhà bếp để xin nước sôi cho Mẹ, đi ngang thấy bác vừa la mắng (bằng tiếng Việt), vừa cào đánh một anh nhân viên người gốc Latino đang sửa soạn làm vệ sinh cho bác, có lẽ vì bác la quá nên cô y tá chạy tới mở cửa phụ giúp anh, tình cờ tôi nhìn thấy bất nhẫn quá, liền dừng chân đứng ngoài cửa nói vọng vào : «Bác ơi ! Bác không nên mắng chửi như vậy, người ta hầu hạ bác, mà con bác không làm được, bác phải cám ơn người ta mới phải» Bác quay qua nói với tôi : «Sao nó lột áo của tôi ?» tôi nói : «Bác ơi ! Người ta phải thay quần áo cho bác, không thôi hai ba ngày hôi hám mà bác không còn khả năng tự làm được, thì bác phải biết ơn người giúp bác chứ». Rồi bác nằm

im, anh nhân viên quay qua cám ơn tôi. Bác giường kế bên kể với tôi rằng : «Hôm trước bà ấy cào chảy máu tay anh Mễ, mà họ không dám nói gì». Từ hôm đó bác không còn la hét nữa, mà hay ngồi trên xe lăn trước cửa phòng, trông ngóng người thân. Còn nhiều hoàn cảnh rất đáng thương...

Tôi còn được nghe một cô nhân viên CNA gần nhà kể, công việc nào cũng có cái kho mà không ai biết, vì phải chăm sóc các bác lớn tuổi, bệnh hoạn và dở hơi. Như một lần cô đang ngồi xổm xỏ dép cho bác Hóa để đưa đi tắm, bác co chân đạp cho một phát, té ngửa ! Rồi cô vạch tay áo lên cho tôi xem những vết cào đã thành sẹo, cô cười méo mó chỉ vào từng vết sẹo mờ dưới cùi chỏ đùa : «Đây là sẹo bác Năm, sẹo bác Tin, sẹo bác Hân... Mình không giận các bác đâu, vì khi các bác hành động như vậy, bác không ý thức được, mà sau đó rất hối hận và ôm mình xin lỗi, thấy tội lắm».

Có lẽ các cụ đang sống chung với con cái, được kính trọng thương yêu. Bất chợt bị tai biến, hay mắc bệnh nan y, con cái phải đưa vào Viện DL nhưng các cụ không chấp nhận thực tế, quá bất mãn lẫn mặc cảm, chửi rủa suốt ngày. Chửi con cái xong, quay qua chửi cả nhân viên chăm sóc mình, hỏi sao không bị ghét !

Nhiều trường hợp bất đắc dĩ con cái phải đưa cha mẹ vào Viện Dưỡng Lão, họ cũng có nỗi khổ riêng. Như hoàn cảnh neo đơn, vừa cáng đáng một công việc toàn thời gian, vừa chăm sóc cha mẹ già yếu, từng viên thuốc từng bước đi. Thuê người thì rất đắt đỏ. Thực ra chỉ có những Viện dưỡng lão mới đáp ứng được những thiếu sót, mà con cháu vì phải lo sinh kế không thể chu toàn được. Vậy chúng ta cần sửa soạn tâm lý, chẳng may cuối đời phải đếm ngày tháng trôi qua sau cánh cửa Viện dưỡng lão, đừng buồn khổ quá, chỉ làm bệnh tật thêm trầm trọng.

Nuôi Mẹ trong Viện DL mấy tháng, tôi rút kinh nghiệm, nếu vì hoàn cảnh có cha mẹ trong nursing home, chúng ta nên vào thăm nom thường xuyên. Nếu quá vất vả trong cuộc sống, thì thuê người mỗi ngày vài tiếng thay mình vào thăm viếng, không nên phó thác bỏ mặc cha mẹ cho các nhân viên trong Viện dưỡng lão.

Hai tháng nằm trong Viện Điều Dưỡng thấy Mẹ hồi phục con cháu đều mừng rỡ. Thế nhưng, ngày 15/3/2018 đưa Mẹ về nhà, được vài ngày sức khỏe Mẹ yếu hẳn, như gốc cây cỗi bứng vào đất khô. Mới hơn một tuần, Mẹ tôi không thể ngồi lên được, giấc ngủ nửa tỉnh nửa mê, hơi thở mệt mỏi chập chờn như ngọn nến trước gió. Bác sĩ nói : «Phải có người canh chừng ngày đêm, nếu

để sợi dây truyền oxy rơi khỏi mũi chừng nửa tiếng là cụ có thể ra đi vĩnh viễn». Chiếc quạt trần chạy vù vù suốt ngày đêm. Bên cạnh giường, cây quạt máy mở thật mạnh để gió đưa oxy từ mũi vào phổi Mẹ. Trên đầu ngón tay của Mẹ lúc nào cũng gắn thiết bị đo nồng độ oxy và nhịp tim, để theo dõi. Tôi vội báo tin cho tất cả các anh em con cháu xa gần về, để gặp Mẹ lần cuối.

Chúng tôi quá lo lắng bối rối, không biết phải làm sao ? Mời bác sĩ gia đình đến, ông nói riêng với chị Hai : «Cụ yếu lắm, gia đình nên sửa soạn tinh thần trước». Nghe như vậy chúng tôi buồn vô cùng. Nước mắt ngắn, nước mắt dài, chị Hai năn nỉ bác sĩ cố gắng giúp cách nào tốt nhất cho Mẹ. Bác sĩ đề nghị nên chuyển Mẹ qua dịch vụ săn sóc cuối đời (Hospice care) sẽ có nhóm chuyên viên y tế đến nhà chăm sóc giúp đỡ khi cần. Có cố vấn tâm lý và tâm linh cho bệnh nhân trong thời gian chờ mãn phần được thoải mái hơn. Chúng tôi hoàn toàn chưa biết gì về chương trình này, nhưng đường cùng cũng gật đầu. Thật là một quyết định khó khăn và đau lòng đối với chúng tôi, chưa đứa nào sẵn sàng chấp nhận Mẹ sẽ ra đi, mà luôn hy vọng một phép lạ đến với Mẹ.

Nhưng rồi, thủ tục và giấy xác nhận bệnh nhân trong giai đoạn hiểm nghèo của bác sĩ cũng đã xong. Hôm sau có nhân viên của Hospice đến nhà xem xét tình hình bệnh trạng của Mẹ tôi, có đủ tiêu chuẩn không, để cung cấp vật dụng. Họ đem đến một chiếc giường đặc biệt, có thể nâng lên hạ xuống tùy ý. Một chiếc bàn ăn có bánh xe, đưa cao hoặc hạ thấp được, wheel chair, gậy chống... Các máy móc như máy thở suyễn có nebulizer mask. Oxygen tank có sợi dây connector tubes quàng vào mũi và các dụng cụ cần thiết. Trong phòng Mẹ tôi đầy đủ như một bệnh viện nhỏ.

Khi vào Hospice, gia đình phải giữ vai trò quan trọng và hợp tác với các y tá, các chuyên viên của chương trình. Mỗi tuần có y tá phụ trách đến hai lần, liên lạc với bác sĩ gia đình để theo dõi bịnh tình.

Để tránh sự bất hòa từ quan niệm khác biệt, mỗi người một ý về cách phụng dưỡng mẹ già. Chúng tôi chia mỗi đứa một bổn phận, chị Hai làm leader chuyên phân công ca trực cho các em và cho Mẹ uống thuốc. Chuyên viên Hospice đến tắm một tuần ba lần rất êm ái. Những ngày không có chuyên viên, chúng tôi tự tay lo cho Mẹ. Nhờ nuôi Mẹ trong Viện điều dưỡng, chị em chúng tôi học được nhiều điều hữu ích cho việc chăm sóc Mẹ, từ cách điều chỉnh oxy, sử dụng máy thở suyễn,

đến cách thay tã, đưa mẹ đi vệ sinh, cách đỡ Mẹ ngồi lên không làm Mẹ đau...v..v...(Vì người bệnh liệt, thân xác nặng nề).

Dần dần Mẹ tôi dễ thở hơn, điều hòa được lượng đường trong máu, khiến chúng tôi an tâm hơn. Nếu có gì khẩn cấp chị Hai liên lạc với nhân viên Hospice, họ túc trực sẵn sàng 24 giờ một ngày, bảy ngày một tuần, để hỗ trợ bệnh nhân. Như có lần mẹ tôi khó thở vì đường lên cao, đã được y tá phụ trách tới ngay và chỉ cách cho cô em thứ tám thử đường và chích insulin cho mẹ. Chị thứ sáu khỏe mạnh, phụ trách cho mẹ đi vệ sinh, có hôm ba ngày Mẹ tôi không đi đại tiện, bụng Mẹ trương phình rất khó chịu, chị Hai kêu lên Hospice, liền có nhân viên đến giúp «giải quyết bầu tâm sự» Mẹ cảm thấy rất dễ chịu, ngày hôm sau họ order thuốc nhuận trường để chị Sáu làm theo chỉ dẫn. Tôi chuyên chưng yến, nấu các món vừa bổ, vừa mát, chế biến cho nhuyễn nhừ, ngon như ở Viện điều dưỡng mà Mẹ thích.

Đồng hồ sinh thái của Mẹ tôi đi sai, ban ngày ngủ mê mệt, ban đêm tỉnh táo, bảo chị Hai đọc kinh chán quay qua kể chuyện, rồi ăn uống, mỗi lần Mẹ ăn phải đút mất cả tiếng đồng hồ, vì nuốt rất chậm. Bốn tiếng phải cho Mẹ thở thuốc suyễn một lần, thay tã liên miên suốt đêm. Mẹ tôi rất hài lòng vì chúng tôi chẳng những không

mướn người ngoài, mà tự tay làm, cụ còn khen chị này giỏi hơn chị kia, làm các chị đua nhau chiều chuộng gọi dạ bảo vâng để Mẹ vui lòng. Tuy mệt đừ nhưng chúng tôi luôn trân quý từng khoảnh khắc bên Mẹ.

Ai rằng Công Mẹ như non.
Thật ra công Mẹ lại còn lớn hơn
...
Ta đi trọn kiếp con người.
Cũng không đi hết những lời Mẹ ru.

(sưu tầm)

Nhất là nhờ vấn đề tâm linh, có linh mục thiện nguyện của Hospice, mỗi đầu tháng đến sức Dầu Thánh, đọc kinh, cầu nguyện, mang lại niềm an ủi cho gia đình. Trong căn phòng ấm cúng quen thuộc, hạnh phúc trong vòng tay thương yêu của con cháu, Mẹ tôi đã hồi phục như một phép lạ. Có lẽ vì không muốn thấy các con buồn, mà bản năng sinh tồn mẹ rất can trường, chống chọi lại bệnh hoạn. Chị trước, em sau, chúng tôi đỡ Mẹ đi vòng quanh nhà bằng cây gậy khung. Tuy còn kéo theo bình oxy, nhưng mọi người rất vui mừng vì thấy mẹ bình phục.

Theo tôi nhận xét, tham gia Hospice không có nghĩa là bỏ cuộc, là xuôi tay, là giới hạn trong sáu tháng. Nhưng thực tế như trường hợp Mẹ tôi, dịch vụ này có khi lại giúp người bệnh có thể kéo dài thêm cuộc sống trong thoải mái, nhẹ nhàng.

Chúng ta đang bước vào mùa lễ Mother»s Day. Tạ ơn Chúa. Cám ơn nước Mỹ đã có nền y khoa tân tiến nhất thế giới, lại đầy lòng nhân ái dành cho con người. Dù nằm trên giường bệnh, cũng được thoải mái an lành đến ngày cuối của cuộc đời, không phân biệt hoàn cảnh hay sắc tộc. Đã giúp chúng tôi còn Mẹ ở thế gian này, trong ngày lễ truyền thống của người Mỹ, để chúng tôi có cơ hội thể hiện lòng hiếu thảo, và biết ơn đối với Mẹ.

Và biết ơn nước Mỹ.

Năng Khiếu

Người Mẹ Can Cường

Chú Chín Cali

Tác giả sinh trưởng ở Bến Tre, du học Mỹ năm 1973, trở thành một chuyên gia phát triển quốc tế của USAID, hiện đã về hưu và an cư tại Orange County. Ông tham gia VVNM năm 2015, đã nhận giải Danh Dự năm 2016 và giải á khôi «Vinh Danh Tác Phẩm» năm 2017. Bài mới của ông nhân Ngày Lễ Mẹ kể về người Mẹ thân yêu ở quê hương.

Trâm cố bơi nhanh chiếc ghe chở nặng đi ngược dòng nước ròng đang chảy xiếc để còn kịp cho ghe vào ụ trước khi trời xụp tối.

Mồ hôi nhễ nhại, Trâm hì hục quăng mấy trăm trái dừa khô lên bờ, chất thành đống trước nhà, thỉnh thoảng lại ngừng tay kéo tay áo lau mồ hôi trán. Con Mi Nô chạy lăng xăng trên bờ, quẩy đuôi mừng chủ sau một ngày không gặp. Nó là người bạn duy nhất của Trâm ở vùng thôn quê hẻo lánh này. Ngày xưa những công việc nặng nhọc này chồng Trâm đều lo cả, Trâm ở nhà lo cơm nước nuôi con. Từ ngày bị thương nặng vì trúng đạn pháo binh, chồng Trâm được di tản về tỉnh cứu cấp, còn đang trong thời kỳ dưỡng bịnh nên ở lại trên tỉnh với đám con đang đi học. Trâm phải về quê một mình

để giữ ruộng vườn không bị tịch biên vì vắng chủ và đồng thời thu hoạch huê lợi nuôi sống gia đình.

Ở đây nhà cửa lưa thưa, cách xa nhau qua mấy bờ mương, con rạch đầy lao (Saccharum spontaneum) sậy (Phragmites australis) và những mảnh ruộng um tùm với ô rô (Acanthus), cóc kèn (Derris Trifoliata), mọc hoang cao quá đầu. Trong thời buổi chiến tranh, nhà ai nấy ở, chuyện ai nấy lo, hàng xóm ít khi gặp nhau trừ khi có chuyện khẩn cấp cần sự giúp đỡ. Làng xóm buồn tẻ tiêu điều vì chiến tranh tàn phá.

Trâm ngồi trên ngạch cửa nhìn con gà mẹ «tục tục» gọi đàn con rồi dẫn nhau vào chuồng mà lòng thấy nao nao. Gà mẹ còn có con để chăm sóc còn Trâm phải xa con, nhìn đàn gà mà nhớ con đứt ruột. Đám vịt còi thiếu mẹ trèo lên tuột xuống cái bờ mương trơn trượt rồi sau cùng cũng lên được trên sân, đứng rỉa lông. Đêm đến thật nhanh. Trâm dẫn con Mi Nô vào nhà thắp sáng ngọn đèn hột vịt rồi đóng cửa gài then cẩn thận. Sống giữa vùng nông thôn hẻo lánh một mình, Trâm rất cẩn thận.

Đằng sau ánh sáng lù mù của ngọn đèn dầu hiu hắt là bóng đêm, là cả một thế giới âm u ma quái đang kéo về dầy đặc. Ngày xưa khi có vợ có chồng, Trâm không biết sợ là gì. Bây giờ lẻ loi một mình Trâm mới thấy thấm

thía thế nào là sợ hãi, là cô đơn khi thiếu cánh tay bao bọc của người chồng mà Trâm suốt đời gắn bó, đã cùng nhau chia ngọt sẻ bùi mười mấy năm nay.

Từ sáng đến giờ Trâm chỉ ăn củ khoai luộc buổi trưa nên thấy đói. Trâm cầm ngọn đèn đi xuống bếp thổi lửa nấu cơm, thỉnh thoảng lại quay nhìn lại sau lưng, cảm thấy như có ai đang theo dõi từng bước chân đi của mình. Có con Mi Nô lẩn quẩn bên chân nên Trâm thấy yên tâm phần nào. Gió đêm lành lạnh thổi rì rào bụi tre bên hông nhà, thân cây chạm nhau kêu ken két làm Trâm thấy ớn lạnh sau gáy, chạy dài trên xương sống, cảm giác như có nhiều đôi mắt trong bóng tối đang chầm chập nhìn phía sau lưng mình. Không kềm được cảm giác sợ hãi Trâm nhắc vội nồi cơm vừa chín chạy ù vô nhà, đóng sầm cánh cửa, cài then cẩn thận rồi bật quẹt đốt lên ngọn đèn bàn. Ánh sáng ấm áp của ngọn đèn dầu đẩy lui bóng tối ma quái làm Trâm thấy yên tâm phần nào.

Bụng đói cồn cào nhưng Trâm nuốt không nổi những hạt cơm có vị mặn vì nước mắt. Nhìn ánh đèn loà nhoà trong màng lệ Trâm biết rằng mình đang khóc. Đã qua mấy mùa trăng, đêm nào Trâm cũng vừa ăn cơm vừa khóc một mình như vậy. Trâm nhớ chồng, nhớ con, nhớ không khí gia đình mà đau thắt cả tim gan. Giờ này

chồng con có lẽ đang say sưa trong giấc ngủ bình yên có biết đâu nơi đây một mình Trâm trăn trọc thâu đêm !

Đêm càng về khuya càng thêm tĩnh mịch. Bên ngoài hàng vạn côn trùng đang hòa tấu cùng tiếng rên rỉ của vô số các loài sinh vật của thế giới về đêm. Tiếng chim vạc gọi đàn và tiếng chim cú kêu đêm càng làm cảnh đêm thêm não nuột. Thỉnh thoảng có đám chồn mướp chí chóe cắn nhau giành ăn. Chồn cáo thì thường về lúc nửa đêm bắt gà ăn thịt làm náo loạn trong chuồng gà và mấy con gà mái kinh hoàng la hoảng. Trâm sợ lắm kéo chăn trùm kín cả đầu, tay ôm cái chĩa ba nhưng chân cứ co rút lại, không dám bước xuống giường.

Nửa đêm có tiếng chó sủa văng vẳng từ xa, bắt đầu từ ngã ba Lộ Cái rồi kéo về xóm Cầu Kinh, chỉ cách nhà Trâm cái rạch nhỏ và dải ruộng hoang. Từ xóm Cầu Kinh, con đường mòn tách ra làm hai ngã, một rẽ về phía nhà Trâm, một đi về hướng bến đò để sang sông lớn. Trâm nín thở lắng nghe động tỉnh bên ngoài, nghe rõ mồn một tiếng đập thình thịch của tim mình càng lúc càng to.

Ngày xưa mỗi lần nghe tiếng chó sủa đêm đến gần nhà như vậy Trâm xích lại bên chồng để tìm sự che chở thì thầm :

- Mấy ổng lại về.

- Ừa, chắc vậy. Mấy ổng về hà rầm hơi đâu mà mình sợ.

Chồng Trâm xem lại cái then cửa rồi thổi tắt ngọn đèn dầu. Hai vợ chồng ngồi yên trong bóng tối, lắng nghe, đợi chờ. Trâm thấy bàn tay chồng run run trong bàn tay lạnh giá của mình.

Đêm nay Trâm chỉ có một mình thì «Mấy ổng lại về», Trâm sợ lắm nhưng tìm đâu ra bàn tay ấm áp của chồng để Trâm nắm lấy lúc này ? Tiếng chó sủa nhỏ dần rồi chuyển hướng về phía bờ sông. Họ sang sông lớn để đi qua xóm Vịnh. Trâm nới tay đang bịt mỏ con Mi Nô vì sợ nó sủa. Bàn tay lạnh ngắt ướt đẫm mồ hôi. Trâm nhớ đến cái đêm kinh hoàng khi «mấy ổng» đến gõ cửa lúc nửa đêm, bịt mắt chồng Trâm rồi dẫn đi biệt tích. Trâm đã khóc hết nước mắt lần này và đã đồng ý trả một số tiền thuế rất lớn hằng năm. Một tuần sau chồng Trâm được thả về lúc nửa đêm,, xơ xác, đói khát. Từ đấy Tâm rất sợ tiếng chó sủa về đêm.

Trâm vặn nhỏ ngọn đèn dầu nhưng không dám tắt hẳn vì nàng sợ bóng đêm. Ngọn đèn mỏi mòn rồi cũng tắt khi hết dầu lúc gần sáng cũng như Trâm mòn mỏi thiếp đi trong giấc ngủ chập chờn.

Làng Trâm ở nằm trong vùng xôi đậu, sát cạnh khu «Rừng Xanh» nên lính Quốc Gia thường đến trong những trận hành quân bất ngờ. Máy bay thám thính mà dân gọi là «Đầm Già» và đạn pháo binh không phân biệt bạn và thù. Dân chúng sống giữa hai gọng kềm, giữa hai lằn đạn nên lúc nào tai mắt cũng phải ở trong tình trạng báo động để kịp thời ứng phó.

Những đêm bị pháo kích Trâm thức trắng. Con Mi Nô đang nằm gác mỏ giữa hai chân trước lim dim ngủ bỗng bật dậy, hai lỗ tai dựng đứng nghe ngóng, rồi nó cụp đuôi chui vào hầm. Những tiếng pháo bắn «bùm bùm» văng vẳng từ xa, những tiếng rít dài của lằn đạn pháo binh bay trên đầu như cắt vào tim, tiếp theo và những tràng đạn nổ «đùng đùng» vang dội. Khi nghe được tiếng đạn nổ Trâm có thể thở phì nhẹ nhõm vì tai nạn đã qua rồi. Sợ nhất là sau tiếng bắn «bùm bùm» tiếp theo là âm thanh «xà xà» dồn dập báo hiệu đạn pháo đang trên đường đi thẳng đến ta. Không còn đủ thời gian để chui vào hầm trú ẩn nữa. Trường hợp này người dân chỉ có cách ôm đầu bịt tai, cầu nguyện Phật Trời phò hộ cho tai qua nạn khỏi.

Từ tiếng pháo bắn đầu tiên Trâm đã chui tọt nằm gọn trong hầm trú bom, tay ôm cổ con Mi Nô đang run rẩy. Hầm được xây bằng thân cây dừa cắt khúc, chất ở trên

đủ thứ đồ tạp nhạp. Cũng tại căn nhà này, một trái đạn pháo 105 ly đã rớt lạc làm nhà Trâm tan nát. Hầm bị sập. Chồng Trâm bị thương nặng nên phải tản thương về tỉnh cứu cấp bằng ghe lúc nửa đêm. Trong lúc kinh hoàng, Mi Nô bị bỏ lại một mình. Hàng xóm kể lại rằng họ thấy nó nằm gục bên căn nhà đổ nát, không ăn uống, nên đã mang nó về nuôi cho đến ngày Trâm trở lại mấy tháng sau. Từ đấy mỗi lần nghe tiếng đạn pháo nó bị kích động chui đầu vào gốc hầm để trốn. Những tràng đạn nổ kéo dài một lúc rồi im bặt, có khi êm luôn cho đến sáng, có khi trở lại nhiều đợt rồi mới im. Ruộng vườn lại bị cày xới thêm nhiều hố đạn. Ai đã là nạn nhân mới đêm nay ? Hy vọng sẽ không có những tiếng la ơi ới cầu cứu lúc nửa đêm hoặc ánh đuốc lập lòe, tiếng thuyền chèo vội vã trên sông để di tản người dân bị trúng đạn pháo binh.

Trâm vẫn không dám đi ngủ trở lại, nằm chèo queo trước miệng hầm lắng tai nghe tiếng máy bay «rì rì» khi xa khi gần rồi biến mất. Có những đêm đồn lính bị vây đánh, hỏa châu rực sáng cả một góc trời. Máy bay «bò rống» đến, rống lên từng hồi với mưa đạn bay tua tủa sáng trưng cả một góc trời. Mấy «ổng» đánh đồn. Đồn càng bị vây đánh, dân làng càng bỏ xứ mà đi, trai tráng trong làng càng thưa thớt và các bà mẹ khóc con vợ khóc chồng càng lúc càng nhiều.

Trong thời buổi nhiễu nhương này, người dân đã quen rồi với chuyện sống chết, xem nó như tai trời ách nước nên mọi người phải cam chịu không than van trách móc. Những đổ nát, tan thương, chết chóc, không phải là điều làm họ sợ. Điều mà họ sợ là sự căng thẳng đợi chờ, là câu trả lời cho câu hỏi « bao giờ sẽ đến lượt mình ?» ! Họ sống từng ngày, từng đêm trong hồi hợp nhưng không lối thoát. Miếng cơm của họ gắn liền với mái nhà tranh, với thửa ruộng, mảnh vườn, với con sông, chiếc thuyền, nên họ không thể nào bỏ xứ mà đi. Mà đi đâu rồi làm sao để sống ? Thôi họ phải đành cam chịu, nhắm mắt đưa chân. Trời kêu ai nấy dạ !

Ai có thức trắng đêm thì mới biết đêm dài. Có trằn trọc, trăn trở thâu đêm một mình mới thấm thía được sự tàn nhẫn của sự cô đơn. Nó như một loại ung thư, gặm nhấm từng tế bào trong cơ thể vốn đã quá mỏi mòn. Nó làm trái tim như ngừng đập, hơi thở tắc nghẽn, thần kinh căng thẳng muốn vỡ tung. Mỗi lần Trâm cảm thấy mình đang rơi vào tình trạng trầm cảm đến tột cùng như vậy chỉ muốn chết cho xong, Trâm chắp tay khấn vái Phật Trời cầu xin ơn trên ban bố cho nàng thêm can đảm và nghị lực để vượt qua. Bất cứ giá nào, Trâm cũng phải sống, không phải cho mình mà cho cả gia đình chồng con đang bám víu vào Trâm, vào thửa ruộng mảnh vườn.

Đêm dài vô tận rồi cũng qua khi có tiếng gà gáy sáng, con gọi, con trả lời, chuyền nhau từ nhà này sang nhà khác, từ xóm dưới sang xóm trên cho đến lúc khắp nơi gà cùng gáy rộ báo tin vui bình minh sắp đến. Đàn chim Trao Trảo gọi nhau trên cây vui mừng bình minh. Con Mi Nô lăn xăn đòi mở cửa để chạy ra ngoài sân với bầy gà vịt đang lao xao đợi Trâm vất cho nắm lúa. Mặt trời thập thò sau rặng dừa bên kia sông với những tia nắng ấm. Một ngày mới bắt đầu.

Trâm biết chắc rằng mình đã sống thêm được một đêm.

Và còn bao nhiêu đêm nữa Trâm phải trải qua ? Trâm chỉ đếm được khi thấy mặt trời lên buổi sáng, biết rằng mình con sống.

Trâm đã chiến thắng được chính mình, khắc phục mọi trở lực để sinh tồn. Đó là bản chất của Trâm, người mẹ can cường, suốt đời chiến đấu. Ngày mới cưới nhau, thay vì an phận làm dâu con, nương tựa vào cha mẹ, cặp vợ chồng son quyết tâm ra riêng tự lập và đã tạo nên sự nghiệp từ bàn tay trắng, bằng mồ hôi và ý chí kiên cường. Trong thời buổi nhiễu nhương, trong khi trẻ con ở quê đều thất học, các con của Trâm đều được đi đến nơi đến chốn. Trong khi nhiều điền chủ phải bỏ đất mà đi để bảo toàn sinh mạng, Trâm quyết ở lại bảo

vệ tài sản cho đến cùng, vì đó là mồ hôi nước mắt của vợ chồng, là tương lai sự nghiệp cho con cái.

Thử hỏi có bà mẹ nào can cường hơn Trâm ? Có sự hy sinh nào cao quý hơn sự dấn thân của Trâm ? Có lời ca tụng nào nói hết được tấm lòng của người mẹ như Trâm ?

Khi con khôn lớn thấu hiểu được tình mẫu tử và sự hy sinh của mẹ thì mẹ đã già nua, da mồi tóc bạc, tai điếc mắt mờ lụm cụm sống trong căn nhà xưa cũ. Mẹ nuôi con không đòi được trả ơn, không đợi con báo hiếu. Tuy con sống kiếp tha hương nghìn trùng xa cách nhưng tâm con lúc nào cũng hướng về quê hương, nơi có người mẹ già khắc khoải trông con. Mẹ trông con chỉ để thương để nhớ nhưng không đòi hỏi một điều gì, không muốn làm vướng bận bước con đi.

Trâm là mẹ tôi, người mẹ can cường.

Chú Chín Cali

Lá Rụng Về Cội, Mẹ Thời Nơi Đâu ?

Dong Trinh

Tác giả hiện là cư dân Arkansas, đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2017. Bà tên thật Trịnh Thị Đông, sinh năm 1951, nguyên quán Bình Dương. Nghề nghiệp : Giáo viên anh ngữ cấp 2. Với bút hiệu Dong Trinh, bà dự Viết Về Nước Mỹ từ tháng 7, 2016, và luôn cho thấy sức viết mạnh mẽ và cách viết đơn giản mà chân thành, xúc động. Sau đây, là bài mới viết về đứa con phải rời mẹ từ lúc sơ sinh năm 1975, hơn 40 năm sau khi đã thành người Mỹ ở New York vẫn khắc khoải về người mẹ bất hạnh.

Một buổi sáng của tháng 9 năm 1975. Tôi đang nằm trên võng dỗ Khương ngủ. Má tôi kêu nói, có khách nè con !

Tôi vội ẵm cháu ngồi dậy. Cạnh má tôi là bà cụ người Tàu ở cạnh nhà tôi. Xìn, con gái bà đang ôm một đứa bé còn đỏ hỏn được quấn kỹ trong cái khăn lông mới tinh và Dứng, Năm cũng đều là con của bà. Tôi ngạc nhiên nhìn hết người này đến người kia. Thật ra, tuy là hàng xóm nhưng gia đình chúng tôi chỉ mới dời về đây chừng bốn tháng nay, giao tình cũng chưa có gì gọi là thân thiết. Tôi còn đang hoang mang thì Dứng, em gái

Xìn đưa cho tôi cuốn tập học trò rồi nói :

- Chị đọc giùm cho má và tụi em nghe rồi em sẽ kể đầu đuôi chuyện này cho chị.

Tôi đưa tay cầm lấy cuốn tập, mời bà cụ cùng mấy anh em Xìn ngồi lên giường và bắt đầu mở trang giấy đầu tiên :

Kính gởi Bà...

Chắc bà rất ngạc nhiên khi đọc những dòng chữ này nhưng sau khi xem xong thì bà sẽ hết ngạc nhiên, mà bà còn muốn tìm cho ra người con gái đáng thương này, lúc đó thì chẳng còn ở trên thế gian này nữa. Đây tôi kể cho bà rõ về cuộc đời của tôi và người con trai của bà, đó là ông Hai. Trong thời gian người còn đi lính cho ngụy, kể từ tháng 12 năm 1974, y đã kết nghĩa với tôi và cho đến ngày 17-2-1975 đã trốn tôi trở về với gia đình. Lúc ra đi, y có hứa là sẽ trở lại với tôi dù cho trường hợp nào chăng nữa cũng không bỏ tôi, là vì y đã có con với tôi rồi, y phải có bổn phận phải nuôi con của y cho đến ngày y lớn khôn.

Nhưng nay, tôi chờ đợi mà chẳng thấy, cho đến ngày 1 tháng 8 AL thì tôi đã hạ sanh đứa bé này lúc 4 giờ chiều ngày trên. Sau khi sanh, vì quá đau khổ, nên bị băng huyết quá nhiều. Dù xác thân bị như vậy nhưng cũng gượng chép mấy giòng, để bà xem và nhờ người mang cháu nội của bà đến nhà nhưng tôi nghĩ là không cho bà thấy mặt, cứ để cháu và thư này trước cửa bà rõ.

Còn về sức khỏe của tôi hôm nay có phần suy đi nhiều lắm. Chắc là khó qua khỏi lắm bà ơi ! Vậy, một lần nữa, tôi van xin bà hãy bỏ lòng thương xót cho đứa cháu nội này và bà cũng nói cho anh Hai biết chuyện này và hỏi lại anh ấy có đúng như những lời tôi nói đây không.

Và tôi cũng mong bà sẽ coi cháu nội của bà như tình thương của bà đối với bé Như Lan vậy. Đừng hất hủi cháu tội nghiệp bởi vì cháu không có mẹ ở gần bên cũng như bà nói với chị N. coi cháu như là con vậy. Mấy cô Xìn, Cô Dứng các chú đều thương cháu kẽo tội nghiệp lắm.

Được như lời cầu nguyện của tôi, thì khi tôi có chết đi thì tôi cũng mãn nguyện lắm.

Chắc xem đến đây thì bà cũng như tất cả gia đình đều không còn giận tôi nữa chứ. Vì suy nghĩ cho thật kỹ thì thì mọi việc xảy ra đều do anh Hai cả, chứ chẳng phải

tự tôi mà ra đâu.

Thôi mấy dòng bà rõ, để bà còn nói lại cho anh nhiều hơn. Bây giờ thì cầu mong bà hãy vì đứa cháu nội đáng thương này mà lo cho cháu. Thời gian này, nếu anh Hai đi Rạch giá hay đi ở đâu chưa về. Sau khi chờ đợi bà nhắn tin cho ảnh về để nhìn đứa cháu nội này giống ảnh ở cái điểm nào. Nói thế chứ khi nhìn đến, mặc dù cháu quá còn nhỏ nhưng bà cũng có thể đoán ra được.

Tôi nói sơ để bà còn tìm hiểu nhiều hơn. Hiện cháu nó giống anh Hai cái đầu, điểm thứ hai là cái bàn tay và cả cái móng tay và ngoài ra là còn rất là nhiều nữa, v.v...

Thôi đến đây, tôi mệt quá, không thể viết được nhiều. Tạm dừng bút ở đây. Xin phép bà thứ lỗi cho tôi. Thành thật xin đa tạ bà rất nhiều. Cúi xin bà cũng như tất cả gia đình dành riêng cho cháu đây một tình thương vì cháu đây thiếu tình thương của mẹ, chỉ biết nhờ vào bà nội, ba, hai cô và các chú đó thôi.

Xin bà đừng từ chối mà phụ lòng của tôi bà nhé. Và cũng nhắc lại để bà khỏi quên, hãy giữ quyển sổ và tấm hình của tôi hiện anh Hai đang giữ lại để sau này cho cháu được biết người mẹ xấu số của cháu.

Xin phép bà lần nữa, tôi xin vĩnh biệt từ đây. Chúc cho con tôi được khỏe nhiều, ăn chơi và chóng lớn, sau này, cháu đền ơn cho nội.

Thôi vĩnh biệt con. Mẹ xa con mãi mãi và vĩnh biệt anh Hai.

Người mẹ xấu số, bị ba của con bỏ rơi nên mẹ không thể đem con về nhà ông bà ngoại để nuôi con được. Mẹ sẽ bị mang tiếng chửa hoang. Thôi thì từ nay con ở với bà nội và ba của con chứ mẹ không có cách nào nuôi con được nếu mẹ được sống qua cơn bệnh nặng này.

Vĩnh biệt con thơ, Mẹ của con «Lê Thị Hoài Hoa»

Ký tên

Vì bệnh nên viết hơi khó xem. Mong bà thứ lỗi.

9-9-75

Thuận Hải, ngày 1 tháng 8 AL 4 giờ chiều đúng là ngày mẹ sanh con đó. 28-8-75

(Trên đây là nguyên văn lá thơ của người mẹ xấu số, mà tôi đã được chính bên nội của cháu Tí đưa cho tôi đọc, sau khi phát giác ra cháu ngay trước cửa nhà. Nay tôi được sự chấp thuận của cháu, xin chép trở lại gởi đến các bạn, nỗi lòng của bà mẹ xấu số, trước phút lâm

chung, buộc lòng phải gởi con về cho bên nội dưỡng nuôi.)

Tôi chậm rãi đọc, như một câu chuyện huyền thoại tự thuở xa xưa nào đó...

Nội dung, người đàn bà viết một bức thơ, gởi cho bà cụ. Theo trong thư thì chị là người cư ngụ tại Thuận Hải. Trước năm 1975, do tình cờ, chị có quen một quân nhân tên Hai. Sau nhiều lần gặp gỡ, hai người yêu nhau. Kết quả là chị có mang. Ít lâu sau, anh Hai về Bình Dương bặt tin luôn.

Xìn nói với tôi :

- Chị biết hôn, sáng nào cũng vậy, đúng bốn giờ là má em thức dậy, mở cửa quét dọn hàng ba để anh Năm bưng bàn ghế ra cho tụi em bán cà phê. Sáng nay, má em vừa mở cửa thì thấy có một cái thùng giấy nằm chình ình ngay cửa. Má em ngồi xuống coi thì thấy đứa nhỏ này nè - Vừa nói, Xìn vừa đưa đứa bé tới trước mặt tôi - nó đang nằm ngủ trong thùng, má em hết hồn la lên, tụi em lật đật chạy ra coi. Ngó thấy đứa nhỏ, tụi em không biết con ai mà tự nhiên ở ngay nhà mình, tụi em sợ quá, tính kêu công an, mà bà Vứng này nè, (Xìn chỉ tay về phía Vứng) bả nói khoan kêu công an, coi có gì trong thùng nữa không ? Ông Năm mới lục lại trong đó

thì thấy cuốn tập, mà chữ viết khó đọc quá, tụi em tạm thời bưng nó vô nhà, chờ trời sáng qua hỏi coi chị tính làm sao giùm tụi em đi... thằng nhỏ thấy thương quá chị ơi, nó hỏng có la khóc gì hết, có bình sữa ở trong thùng, em lấy ra cho nó bú, nó ngủ lợi liền hà !

Nhìn thằng bé trong tay Xìn, tôi thương quá ! Nó nhỏ hơn con tôi chỉ mấy tháng thôi, chỉ là một đứa trẻ thơ yếu ớt, lẽ ra, giờ này phải được nằm trong vòng tay thương yêu của cha mẹ, được mẹ ru ngủ bằng bầu sữa ngọt ngào của mình, cớ sao ai nỡ đành tâm đem bỏ nó vậy ?

Tôi vội đi gặp cậu ba Huỳnh Mai (ngày xưa ông ở cùng dãy phố làng và cũng là chủ nhân của tiệm hủ tíu Huỳnh Mai, sau này, ông dời nhà về gần xóm đạo Ngô Quyền và làm trưởng khu phố khi miền Nam đổi đời).

Đem chuyện cháu Tí và quyển tập của mẹ cháu kèm theo, tôi hỏi cậu Ba phải làm sao. Ông suy nghĩ giây lát rồi kêu tôi đưa chị em Xìn ra phường.

Sau khi đưa Xìn ra Ủy ban nhân dân phường, Thu, bạn học ngày xưa của tôi, giờ đang làm việc nơi này, đồng ý làm khai sanh cho cháu, thế là Tí đã chính thức trở thành con cháu của gia đình bên nội.

Xin nói rõ thêm về gia đình anh Hai. Sau năm 1975, anh Hai đang kẹt tại Buôn Ma Thuột, gia đình thiếu đi người con trai trưởng tháo vát, không thể tiếp tục với tiệm bánh, trà... chị em Xìn quyết định đổi qua bán cà phê. Chỉ là một quán nhỏ, vài ba cái bàn để ngoài hàng ba. Tuy vậy mà quán rất đắt khách. Không biết vì cà phê ngon hay vì nét xinh xắn hiền hoà của Vứng. Thật vậy, hàng ngày, nhiều anh chàng đến chỉ là để ngắm cô hàng cà phê thôi. Ở một bên, thấy nhau hàng ngày, tôi biết, tánh của Xìn, cô chị rất xởi lởi, hay nói, hay cười. Vứng thì đẹp thùy mị, điềm đạm, ít nói. Cả hai chị em đều rất dễ thương, tánh tình chân chất thật thà. Trong suốt mười năm ở đó tôi chưa hề nghe tai tiếng gì về Xìn và Vứng.

Theo thời gian, Tí lớn dần trong tình yêu thương của bà, các cô, các chú. Nhất là chú Năm, thương Tí như con đẻ. Năm chưa có vợ, bản tánh hiền lành, không ra ngoài giao thiệp, cả ngày ở nhà phụ giúp hai em gái buôn bán, giờ có thêm Tí, Năm lãnh luôn phần chăm sóc cho cháu. Tí giống Năm lắm, nhìn vô như là hai cha con. Ngoại trừ anh Hai đã có vợ con và đã chia tay, con gái anh Hai thì ở bên ngoại, do đó, sự hiện hữu thật bất ngờ trong gia đình coi như món quà rất quý, đã đem đến cho bà nội và các cô chú Tí một niềm vui khôn tả. Được cưng chiều nhưng Tí vẫn luôn là đứa trẻ ngoan hiền, lối

xóm rất thương cháu.

Trước năm 1975, lúc đó anh Hai chưa đi lính. Anh được coi như là trụ cột của gia đình. Anh Hai mở một tiệm bánh tại nhà. Tiệm Quảng Nam Phát sang và đẹp, với nhiều loại bánh ngon mắt tôi thỉnh thoảng đi ngang vẫn hay ghé vô mua. Những hàng chai thủy tinh đựng bánh lạt vuông có đường, bánh nút, bánh chữ, kẹo dâu, kẹo nougat, hột dưa… rồi cà phê đủ loại, trà sen, trà móc câu...trong tiệm mở đèn sáng choang, mùi cà phê thơm ngát.

Sau 1975, anh đang kẹt tại Ban Mê Thuộc và gặp mẹ của Tí đi bán trên đây, hai người đã chung sống nhau. Tôi nghĩ chị Hoài Hoa, mẹ của Tí đã hiểu lầm anh Hai, cho rằng anh Hai phụ bạc chị. Thật ra, khi tôi về xóm đó ở, tôi không thấy anh Hai, mãi cho đến năm 1984 anh mới trở về và cho biết anh bị bắt làm tù binh hồi tháng 2 năm 1975 trên đường từ Ban Mê Thuộc về Bình Dương.

Khi được thả ra, anh đã vui mừng để đón nhận đứa con trai mà anh không ngờ rằng đã có duyên may đưa cháu về bên nội. Từ đó, anh đã cùng chung với các em lo chăm sóc mẹ già, cùng Tí, đứa con chung của các anh chị em.

Năm 1985, tôi rời Việt Nam và không còn biết tin tức gì ở xóm ngã tư piscine, nơi tôi đã sống được mười năm, thời gian không dài nhưng cũng đã cho tôi nhiều gắn bó với bạn bè, người quen.

Tí cùng lứa tuổi với con trai tôi nên hàng ngày, mấy đứa vẫn gặp nhau, cùng chung những trò chơi trẻ con.

Mới đây, khi nói chuyện với Thuỷ, cô em gái cùng xóm, sát vách nhà, tôi được biết Tí đang ở New York với anh Hai. Thật vui, tôi vội gọi cho cháu để hỏi thăm. Tí cho tôi biết, sau khi trở về Bình Dương năm 1984, anh Hai tiếp tục phụ giúp gia đình, làm ăn buôn bán. Cho đến năm 1989, anh tìm đường vượt biên. Không may cho anh, đến Thái Lan, anh bị nhà cầm quyền nơi này bắt và tạm giam. Mấy năm ở đây cực khổ, túng thiếu nên anh quyết định xin hồi hương vào năm 1996. Năm sau, nhờ bạn bè chỉ giúp, anh Hai nộp đơn xin định cư ở Hoa kỳ và được chấp thuận. Anh cùng Tí đã đặt chân đến New York kể từ đó đến nay.

Tí cho tôi biết, sau ngày rời Việt Nam, Tí đã có trở về thăm nội cùng cô, chú. Bà nội, chú Sáu đã qua đời, cô Vứng lập gia đình, được một cháu gái. Cô cũng mới mất vài năm nay, để đứa con lại cho anh em Năm và Xìn nuôi dưỡng. Hiện giờ quán cà phê không còn nữa, căn nhà cho người ta thuê phía trước để buôn bán. Nhờ

có đứa cháu gái nên anh em Năm, Xìn cũng an ủi phần nào và Tí cũng an lòng nơi xứ người.

Anh Hai, qua Mỹ được vài năm thì bị tai biến mạch máu não, may mắn được các bác sĩ cứu chữa nhưng anh bắt đầu bị lãng, khi nhớ khi quên. Vì cuộc sống, và con mọn, buộc lòng vợ chồng Tí phải đưa anh Hai vô nursing home. Tôi hỏi thăm và được biết anh rất khỏe, đã chấp nhận cuộc sống nơi đây. Tí nói mỗi lần người ta dọn thức ăn lên, anh ăn hết mâm luôn, nhân viên ở đây ai cũng cười vui vì thấy anh ăn uống tự nhiên, không kén chọn như nhiều người khác. Thỉnh thoảng, Tí nấu mì, phở hay vài món ngon đem vô, anh hỏi bao nhiêu tiền để anh trả lại, Tí nói :

- Con nấu cho ba ăn, không lấy tiền, thế là anh ăn ngon lành. Tôi hỏi sao anh lại đòi trả tiền, Tí cho tôi biết, lúc xưa, khi còn khỏe mạnh, khi anh hỏi Tí có muốn đi ra ngoài ăn với anh không, anh bao, thì hôm đó anh trả tiền, còn như chỉ rủ không thì ai ăn nấy trả... hi hi... rõ ràng là Mỹ !

Năm nay Tí đã ngoài bốn mươi, gia đình hạnh phúc nhưng lòng cháu vẫn còn một nỗi khắc khoải về mẹ. Cả đời cháu, từ lúc lọt lòng đến giờ, chưa bao giờ cảm nhận được tình mẫu tử ra sao, chưa bao giờ gọi được tiếng ‘má ơi» thương yêu trìu mến như bao đứa trẻ may

mắn trên cõi đời này. Không biết bà đã qua đời sau cơn bạo bệnh như đã viết trong thơ, hay vẫn còn hiện diện một nơi nào đó trên cõi đời này ? Tôi không hiểu, trong lúc bệnh thập tử nhất sanh, bà đã cố gắng viết thư để lại, đứt ruột mà gởi con trai về cho nội. Trong thư, chỉ kêu gọi mọi người hãy thương yêu, nuôi dưỡng cháu và mong cháu sau này sẽ đền đáp lại công ơn của nội, của cô chú. Bà không hề xin xỏ gì cho mình, ngay cả để lại địa chỉ để hầu sau này Tí lớn lên mà tìm mẹ cũng không. Tôi hỏi Tí về tấm hình bà đã trao cho anh Hai, Tí nói là có hỏi nhưng anh Hai không biết tấm hình đó ở đâu hết.

Biến cuộc xảy ra cho đất nước, đã đẩy đưa con người lâm vào nhiều hoàn cảnh thật bi thương ngang trái, con lạc mẹ, vợ xa chồng.

Trước tình cảnh này, tôi chỉ biết cầu xin ơn trên, một duyên lành đưa đến, cho Tí được tin tức về người mẹ của mình, người mẹ thật cao cả. Bà đau nặng, vì không muốn cha mẹ ruột chịu nhiều tai tiếng, lại sức đã mòn, hơi đã cạn, bà phải đành lòng gởi con về nội. Một quyết định thật sáng suốt trước phút lâm chung của bà mẹ nén lòng mà hy sinh, chịu lìa xa núm ruột của mình để cháu có cuộc sống ấm no, thật là thán phục cho sự hy sinh của bà.

Chị Hoài Hoa ơi, tôi không hề quen biết chị nhưng tôi lại có duyên được bà nội và cô chú của Tí trao thư của chị đọc khi vừa mới phát giác ra sự hiện diện của cháu. Rồi tình cờ, tôi đã liên lạc được cháu, được đọc lại lá thư mà bốn mươi ba năm trước tôi đã đọc qua. Hoàn cảnh đổi thay theo thời gian nhưng con người không thay đổi. Nếu chị đã khuất, tôi lại tin rằng chị đã tìm về bên Tí để phù hộ cho cháu có cuộc sống an lành bên vợ, bên con.

Chị viết trong thư với hy vọng bên nội sẽ tin tưởng mà thương và tin cháu là máu mủ của mình, qua cách chị nói cháu giống anh Hai từ cái đầu, từ cái móng tay... chị ơi, chị có biết rằng, tôi đã nhìn thấy cháu lớn lên, không cần phải thử DNA mọi người ai ai cũng đều tin chắc Tí là con của anh Hai. Thằng bé là bản sao của anh Hai đó chị à ! Mong rằng, sau khi tôi viết bài này, chị hãy xui khiến cho có người biết được tông tích của gia đình chị ở đâu mà chỉ giúp cho cháu, để cháu tìm về quê ngoại, chị nhé !

Fort Smith, May 01-2018

Dong Trinh

Tết Mậu Thân : Ký Ức Về Lính Mỹ

Quỳnh Nghi

Tác giả 58 tuổi, hiện sống tại Việt Nam. Bài về Tết Mậu Thân của bà là lời kể theo ký ức của cô bé 8 tuổi, dùng nhiều tiếng địa phương. Bạn đọc thấy từ ngữ lạ, xin xem phần ghi chú bổ túc.

Tác giả 58 tuổi, đang sống tại Việt Nam. Bài viết

Khi chộ tấm hình ni tui nhớ lại vì răng anh tui bị mạ đập dài dài. Lý do là đây.

Nhà tui gần chợ Thông trên Kim Long, nơi mà câu hát ru em thường được hát lên :

Kim Long có gái Mỹ miều.

Trẫm thương trẫm nhớ trẫm liều trẫm đi.

Còn quê nội tui thì tuốt dưới Bao Vinh.

Tết Mậu Thân anh tui được «biệt phái» về quê nội để tập tành làm đàn ôn lo hương khói, dù chưa tới tuổi thanh niên, Tết năm mô anh cũng phải về nhà Nội như rứa. Năm nớ tui mới tám tuổi, còn anh mười bốn.

Tui nhớ tự nhiên đang đêm súng nổ đùng đoàng, rồi cả xóm chạy loạn. Khi nớ nhà tui không có ai là người lớn ở nhà, Mạ đi chợ Đông Ba chưa về, anh bận về nội tập làm đàn ôn chưa lên, tui cũng không biết vì răng mà chị tui vắng nhà lúc nớ. Tui thấy bà con ôm áo quần chạy tui cũng chạy theo.

Tui theo cả xóm chạy lên chùa Thiên Mụ tránh đạn, rồi sau đó mạ tui tìm thấy tui, dẫn về làng Xuân Hòa núp nhờ hầm của người bà con.

Gần cả nửa tháng đầy tiếng súng rồi tình hình tạm lắng dịu, mọi người mới dắt díu nhau trở về nhà. Anh tui cũng trở về sau đó ít lâu...và tánh tình cũng ít nhiều thay đổi theo chiều hướng không tốt (mạ tui nói rứa).

Ngày đầu tiên mạ vẽ dọn cơm, anh nói :

- No, no, no !

Mạ tui nổi cơn tam bành xách cây chửi :

- Mụ cô cha thượng họ mi, có no thì cũng dọn lên cho mạ với em mi ăn chơ !

Bữa trưa nớ tuy nói no nhưng anh cũng quất sạch nồi.

Ăn xong mạ nhủ anh dọn chén đọi xuống ảng nước anh cũng đốp lại :

- No ! no ! no ! Má bi son...

Mạ tui lại trợn mắt chỉ thẳng mặt anh :

- Nằm xuống giường.

Anh líu ríu nằm xuống. Mạ tui quết liền mấy roi vừa đập vừa nói :

- Hỗn nì, nhác nì, chưa ăn cũng no, ăn rồi cũng no nì ! Còn dám nói mạ bá láp-bá xàm nì.

Anh tui vừa khóc vừa cãi :

- Dạ con có nói mạ bá láp- bá xàm mô, mạ nói oan, hu hu !

Sau một hồi giáo huấn mạ tui ra lệnh :

- Xuống rửa mặt rửa mày.

- Dét !

Rứa là anh bị lôi cổ lại :

- Mi nói ai dẹp thằng tê ? Tới đây tau trị cho cái tội tày trời quá quắt hí !

Rứa là anh ăn đòn tiếp...

Mấy ngày sau bạn anh tới chơi, anh cũng nói nhiều câu lạ hoắc.

Cũng dét, cũng no, cũng ô kê, năm bờ oan, năm bờ then.

Anh đưa cho tui và mấy đứa bạn hàng xóm của tui mấy trái ổi rồi nói :

- Xú vơ nia bé ti ti.

Mấy đứa bạn của tui cười như nắc nẻ :

- Anh mi cho có mấy trái ổi mà nói cả nia. Trái bự chát mà nói nhỏ tí ti.

Nghe mấy đứa bạn nói, anh tui cười ngặt nghẽo, rồi kể huyên thuyên về lính Mỹ đổ bộ tới Huế, rồi thì Chi Khu Hương Trà chi chi đó !

Anh kể về gần một tháng ở Bao Vinh, lính Mỹ đối với trẻ con như răng, cho trẻ con cái chi, dạy nói ra răng...

Tụi tui há hốc mồm ngồi nghe cứ tưởng anh phịa cho vui, chớ bọn tui có thấy mặt mũi mấy ôn lính Mỹ ra răng mô mà tin.

Tui ở nhà chạy loạn trối chết, còn anh ở dưới nớ sướng ru còn bày đặt mắc kẹt, về ba hoa chích chòe, bị

mạ đập cũng đáng.

Về sau khi lính Mỹ tới đóng quân gần nhà tui, tui mới tạm tin.

Hôm nay bất ngờ thấy cái hình ni chụp ở phố cổ Bao Vinh, mới biết lý do ngày xưa anh hay bị mạ đập là đúng và cũng là... oan nữa.

Từ ngày chiến trận tràn lan quanh thành phố Huế, nhà tui có nhiều cái lo cái sợ, mà cũng có cái vui lẫn cái buồn cười.

Vui khi thấy nhà đông hơn, vì làng mạ tui mất an ninh (Phú Thứ- Phú Vang- Thừa Thiên) cả hai phe chiếm đóng : ban ngày Quốc Gia ban đêm Cộng Sản, nên mấy anh chị con dì, con cậu lên ở nhà tui rất đông... vì rứa thấy vui.

Tui nhớ một chiều nọ chị tui đi mô về mà áo quần rách tả tơi chân phù nề, lở mưng mủ máu... chộ thấy dễ sợ lắm ! Mạ tui nấu nước để chị tắm rửa, sai tui pha nước muối rửa vết thương cho chị, nấu cơm cho chị ăn.

Hai mạ con thầm thì to nhỏ, tui tò mò lân la dỏng tai lắng nghe. Mạ tui nhìn thấy lo lắng lôi tuột tui vô buồng dặn dò :

- Khôn chộ, khôn biết, khôn nghe ! Ai hỏi chi cũng nói khôn biết nghe chưa !

Mà khi nớ tui có biết chi mô trời ! Sau ni tui mới biết là chị tui bị bắt đi tải thương lên núi, nghe mô cả làng nhiều thanh niên thanh nữ cũng phải đi như chị, hèn chi tui chạy loạn còn chị không biết chạy đi mô !

Đó là công việc hai người gánh một người bị thương nằm trên võng vô tận rừng sâu, khi đi có người giám sát, khi về tự đi...

Túi nớ mạ tui thắp hương đứng giữa trời khấn nguyện rất lâu, có lẽ tạ ơn trên đã che chở cho chị không bị hùm beo cọp dữ ăn thịt trên rừng.

Những ngày sau đó không khí làng xóm có vẻ yên ắng nặng nề, đi mô cũng thấy bà con thầm thì to nhỏ.

Thời gian ngắn sau đó có một đoàn người toàn đàn ôn to cao, người thì đen sì, người thì trắng bóc lông lá đầy tay, tiếng nói thì xì lô- xì la đến ở ngay nhà thờ chi của mệ tui mà cũng sát vườn nhà tui ở. Thêm mấy người lính Nghĩa quân Địa phương quân người của xã tui nữa, mấy chú nói :

- Lính Mỹ chọn nhà thờ ni làm bộ chỉ huy, tụi bay con nít đừng có lại gần súng ống hí !

Anh trai tui nói đầy vẻ tự đắc :

- Đó mi chộ người Mỹ chưa ?

Đó là lần đầu tiên tui biết người lính Hoa Kỳ.

Có một lần nớ cả mấy chị em con dì con dà nhà tui đang ngồi gọt củ nưa trước thềm, một đoàn lính Mỹ đi hành quân về vừa vứt ba lô, thì một ông Đại úy tên Le Uy qua đứng xem chỉ chỏ, hỏi xì lô- xì la chi đó.

Chị tui nói :

- Ông noái cái chi rứa bay, ai mà biết ?

Anh tui ngồi đọc sách trong nhà nói vọng ra :

- Thì chị cứ nói ăn được đi ! Ung nớ hỏi có ăn được khôn đó mà.

Một chị khác hỏi

- Nói răng ? Mi vẽ tau với ?

- Chị cứ nói : Du xạp xạp ve ri gút

Rứa là chị con dì tui sao y nguyên văn lời thằng em trời đánh, một tay vớt củ nưa từ dưới thau nước lên đưa cho ôn Mỹ đẹp trai, bây chừ tui nghĩ đó là một hành động phi nhân tính nhứt của mấy chị em nhà tui lúc nớ.

Chưa đầy một phút ôn Mỹ gào lên thè lưỡi ra đưa 5 ngón tay vô miệng cào lên lưỡi, nước miếng chảy dài như chó dại.

- Hép mi, hép mi.

Tui thấy buồn cười chưa kịp cười thì ôn Mỹ lấy súng trên vai xuống kéo cò lên đạn, mấy chị em gái mặt xanh như tàu lá chuối, có cắt chắc cũng không có hột máu mô !

Cùng lúc nớ Mạ tui đi gánh nước dưới sông lên thấy rứa chạy vô trộn một dĩa muối ớt đưa và ra dấu ông ăn đi, khi biết rõ chuyện rồi Mạ xách chổi đánh anh tui chạy quanh nhà.

Đúng là tính nhân văn con người, dù đang khốn khổ tức giận nhưng ông nớ cũng hạ súng ôm anh tui không để mạ tui khện cán chổi, rồi xổ một tràng tiếng Mỹ.

Mấy phút sau có một anh lính trẻ măng từ bộ chỉ huy mang qua một bịch màu đà.

Thấy anh vội vàng xé ra soạn, nào là lon nào là dụng cụ mở đồ hộp, nào là cà phê gói, v.v...

Anh ta mở cái lon nhỏ tạo thành cái bếp bỏ vô một cục chi đó (sau ni tui mới biết đó là xăng khô) bật cái

hộp quẹt zip pô và sau mấy phút có một ly cà phê giấy nóng hổi. Ôn Đại Úy uống liền không sợ tuột lưỡi, có lẽ ngứa quá !

Tụi tui đã qua cơn hoảng sợ đứng nhìn say sưa đầy thán phục, và tui đã tin những gì tui từng cho là anh tui ba hoa chích chòe...

Tối nọ trời mưa to, cả nhà ăn cơm xong tui làm biếng ra rửa miệng ở ảng nước ngoài trời, nên đi ra máng xối nối liền nhà trên với nhà dưới nơi nước chảy ào ạt. Ngoài trời túi om, vịt đèn dầu bàn ăn ánh sáng hắt ra không đủ sáng, chỉ thấy loang loáng ánh bạc của nước xối. Tui định đưa tay hứng rửa thì một ánh mắt trắng dã, một hàm răng trắng hếu nhe ra cười với tui, tui rụng rời vì sợ ma, hét lên «Mạ ơi !» Rồi khóc tức tưởi.

Một đống lùm xùm dịch chuyển từ ngoài vô nhà theo lối nhỏ hẹp cất tiếng «Don bi sì ke, đon bi sì ke»

Rồi cái đống đen lùm xùm nớ lên nhà trên nơi để bàn khách, cởi cái áo mưa to đùng mà anh tui kêu cái pông sô, tháo súng ra dựng bên chân bàn đi tới bên tui, móc ra một mớ kẹo đen sì từ túi áo. Tui chưa hoàn hồn mở to mắt không dám chìa tay, anh tui đứng bên nói :

- Hắn cho sô cô la tề !

Mạ tui ở ngoài hiên nói vọng vô :

- Răng kêu bằng hắn hổn rứa thằng tê ?

- Tụi hắn anh em, chú bác, O dì chi cũng kêu mi, tau hết, chị cũng du, anh cũng du mạ có kêu ung bằng chú, ung cũng kêu mạ bằng du. Con Nghi có kêu hắn bằng bác hắn cũng kêu lại bằng du.

- Rứa tau với con tau bằng nhau à ? Dễ sợ cho người Mỹ rứa bay !

Tui thấy một ôn đen sì sì với mớ kẹo vỏ đen thui, nên sợ quá leo lên giường trùm mền ngủ luôn, sau ni biết tên ôn nớ là Nét, cấp bậc Hạ sĩ.

Tuy bộ chỉ huy bên nhà thờ, nhưng mấy ôn cấp côi hay qua nhà tui ở có lẽ tránh ồn ào, nên một con bé như tui khám phá nhiều thứ : té ra người Mỹ cũng biết khóc, biết buồn, biết nhớ.

Có một bựa tui chộ Đại úy Le Uy lôi từ trong túi áo ra một tấm hình có lẽ là gia đình, có cha mẹ con cái rất đẹp, ngắm qua nghía lại một chặp rồi bật khóc.

Ơ ! Người Mỹ thổn thức cũng giống người mình, chơ có khác chi mô ? Và tui cũng âm thầm chảy nước mắt theo.

Trong cái ba lô ngó thì nhỏ mà họ có cả núi đồ tiện lợi, từ dụng cụ mang xỏ giày, đến kim chỉ, kéo, kìm cắt móng tay, mùng mền võng, đồ ăn thức uống, thuốc men...

Tui thích nhứt là cái máy chụp hình, chụp là có hình ngay, cả nhà tui cũng được đại úy LE UY chụp nhiều tấm.

Tui cũng có vài tấm riêng nhưng ốt dột không dám cho ai coi, vì hồi nớ ở dưới hầm ngủ chung bị lây chí nên mạ bắt cạo trốt trọc lóc.

Họ ở một thời gian không biết người lớn nhận xét ra răng, chơ tui thấy họ cũng tình người đầy đạo đức, cứ mỗi lần đi hành quân khi trở về tui thấy hạ sĩ Nét hay mua áo quần may sẵn ở chợ VN tặng cho mấy em nhỏ từng gặp gỡ, hay tặng bút viết cu lơ màu cho bọn con nít như tui.

Có lần ung nhảy xuống sông cứu người đuối nước, bồng lên bờ hô hấp nhân tạo, dùng miệng hà hơi, hút đờm dãi mà không cứu được nên ung Nét khóc như mưa.

Mấy ngày nhà ôn Luyện tổ chức đám tang, tui đi chợ Thông sau chùa Thiên Mụ đều thấy Hạ sĩ Nét ngồi cạnh quan tài mặt buồn rười rượi, rứa thì người Mỹ cũng vé ry gút chơ có năm bờ then mô mọi người hí !

50 năm qua đi, chừ tui đã gần 60, nhớ lại chuyện xưa mà như là ai kể chuyện cổ tích ở một thời nào đó, nơi nào đó xa xôi lắm.

Quỳnh Nghi

Chú thích : về từ nghữ địa phương

Chộ : nhìn, xem
Vẽ : chỉ bảo, dạy
Nhủ : bảo
Khôn : không
Nhà thờ chi : nhà thờ tộc họ
Ôn : ông
Ung : ông, ông ấy
Cấp côi : cấp cao
Ốt dột : mắc cỡ
Trốt : đầu

Một Đèo, Một Đèo, Lại Một Đèo

Với bài «Hành Trình Văn Hóa Việt tại UC Irvine», tác giả đã nhận Giải Việt bút Trùng Quang 2016. Ông tốt nghiệp cử nhân về Ngôn Ngữ Học tiếng Tây-Ban-Nha tại UC Irvine. Sau 5 năm rời trường để theo học tại UCLA, tốt nghiệp với hai bằng cao học và tiến sĩ về ngành Ngôn Ngữ Học các thứ tiếng gốc La-Tinh, ông trở lại trường cũ và trở thành người đầu tiên giảng dạy chương trình tiếng Việt, văn hoá Việt tại UC Irvine từ năm 2000 cho tới nay. Sau khi nhận giải Việt Bút Trùng Quang 2016, tác giả vẫn tiếp tục góp thêm bài viết về nước Mỹ.

Chắc ít ai trong chúng ta lần đầu đến nước Mỹ lại không có một ấn tượng đầu tiên mạnh mẽ đến mức phải thốt nên lời : «Nước Mỹ... to quá !» Có phải vậy không, thưa quý vị ? Từ cái xa lộ mênh mông đưa chúng ta về căn nhà trong một khu xóm rộng rãi, đến tô phở Việt nơi xứ Mỹ, với những lá rau húng quế thật lớn, mấy lát ớt xanh... vĩ đại và cái tên nghe thật hùng tráng: «tô xe lửa» !

Không lớn sao được khi nước Mỹ bao gồm 50 tiểu bang mà bang «tiểu» nhất là Rhode Island cũng có tổng diện tích gấp đôi thành phố Sài Gòn của chúng ta. Nói

cách khác, nước Mỹ thật sự là 50 nước gộp lại, bảo sao không lớn ? Không những lớn, nước Mỹ còn hùng hậu về những kích thước khác như rộng, dài, cao và sâu nữa. Muốn viết về tất cả những ví dụ để chứng minh cho các kích thước này, chắc phải cần cả một cuốn bút ký mới có thể chuyển tải được phần nào điều chúng ta muốn miêu tả. Vì vậy, bài viết này chỉ giới hạn vào một khía cạnh nhỏ của vấn đề trên. Đó là một số ngọn núi và đường đèo của trung phần California.

Nếu cùng thấy nước Mỹ là to lớn, tất nhiên mỗi chúng ta có thể để ý nhiều hơn đến một phương diện, tùy theo tính cách, cảm hứng, sở thích, tính hiếu kỳ... của mình. Riêng tôi, núi đèo quanh vùng tôi cư ngụ là Orange County đã trở thành một trong những nỗi «ám ảnh» của tôi về nước Mỹ. Số là tôi có bệnh «sợ chiều cao», mà người Mỹ gọi là «acrophobia». Quý vị nào đồng bệnh như tôi hẳn thấy tương đắc ngay khi tưởng tượng ra cảnh mình đứng trên tầng cao nhất của một tòa nhà chọc trời hay một mỏm núi cao chót vót nhìn xuống phía dưới mà tay chân thì bủn rủn, mồ hôi tuôn ra lạnh ngắt !

Trông người lại ngẫm đến ta, tôi tò mò tìm hiểu thêm về đồi núi ở Việt Nam (hồi nhỏ có học qua mà chữ đã trả lại thầy !) để tiện bề so sánh với núi đồi ở Mỹ. Tra cứu

xong, tôi biết được đỉnh núi cao nhất của Việt Nam là ở Hoàng Liên Sơn, thuộc tỉnh Lào Cai (khoảng 10.000 feet), còn đỉnh núi cao nhất của Mỹ là ngọn Denali ở tiểu bang Alaska (khoảng 20.000 feet !)Như vậy là về chiều cao của núi, nước Mỹ đã qua mặt Việt Nam mình gấp đôi rồi.

Hồi còn ở Việt Nam, ngọn đèo cao nhất mà tôi có dịp đi qua là đèo Hải Vân. Dạo ấy, tôi đáp xe đò từ Nha Trang ra Huế để thi vào Đại Học Sư Phạm. Khi xe đến Đà Nẵng, trời đã xế chiều. Nhiều người trên xe cho tôi biết là hành khách phải ngủ lại trên xe ở bến xe Đà Nẵng, đến sáng mai mới tiếp tục ra Huế vì xe không tiện qua đèo Hải Vân hiểm trở vào ban đêm. Sáng hôm sau, chiếc xe của chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình, vượt đèo Hải Vân ra Huế. Khi xe đến khu vực Lăng Cô ở ngay chân đèo, người tài xế dừng xe lại và bước xuống. Anh ta cầm một bó nhang tiến về một cái miếu gần đó rồi đốt nhang, khấn vái hồi lâu. Hỏi ra mới biết đây là một cái miếu thờ oan hồn của những người đã bỏ mạng khi đi qua đèo. Tôi nghe kể mà hồn phi phách tán. Khi xe lên đèo, mắt tôi cứ nhắm nghiền, miệng niệm Phật liên hồi, quên cả việc thử xem đèo Hải Vân có cao đến nỗi mây có thể chui vào xe như nhiều người từng nói không.

Qua đến Mỹ, tôi mới biết rằng đèo Hải Vân chẳng thấm tháp chi mô với núi đèo xứ Cờ Hoa (nói theo giọng Huế cho hợp tình hợp cảnh). Chỗ cao nhất của đèo Hải Vân cũng chỉ tới khoảng 1.600 feet. Bên nhà vợ tôi, các anh em trai rất thích du lịch, đã từng lái xe chở chúng tôi đi nhiều nơi ở California, qua nhiều núi đèo cao ngất. Sau này, gia đình nhỏ của tôi cũng có những dịp đi tour, qua nhiều ngọn đèo ở những tiểu bang láng giềng như Arizona hay Utah, cũng cao không kém. Những lần ngồi trên xe hơi trong gia đình hay trên xe buýt du lịch, tuy vẫn sợ chiều cao của đèo, tôi cũng thấy phần nào an tâm vì có người khác lái xe chứ không phải là mình. Còn khi cả nhà tôi tự lái xe đi đâu chơi, tôi đều chọn những nơi gần và... thấp, khỏi phải vượt núi trèo đèo chi cho mệt !

Cho đến một hôm... Hôm ấy, tôi nghe tin liên đoàn hướng đạo của con trai tôi sẽ đi cắm trại ở thành phố Lake Arrowhead. Nhìn lên bản đồ, tôi thấy thành phố này nằm ở lưng chừng của dãy núi San Bernardino (đường đi lên khu trượt tuyết Big Bear). Tìm thêm chi tiết của dãy núi này, tôi được biết là chỗ cao nhất của nó là hơn 11.000 feet ! Lúc ấy tôi đã khóc thầm trong bụng. Cha mẹ ơi, thế là lần này chính tôi phải lái xe chở vợ tôi và thằng bé đi cắm trại, leo đèo, vượt núi. Trong bụng rất lo, tôi vẫn phải tỏ ra điềm tĩnh trước mặt vợ

con, không thôi thì mất mặt anh hùng quá (mặc dù chưa bao giờ được chính thức phong là anh hùng cả !) Thế nhưng hình như Trời thương người ăn hiền ở lành như tôi, tự dưng cậu em vợ và cô vợ của cậu ta nghe chúng tôi đi cắm trại cũng muốn đi theo cho vui. Tất nhiên là cậu em vợ của tôi sẽ đảm nhiệm phần lái xe, vì cậu ta là một handy man thứ thiệt. Khỏi phải nói, trong lòng tôi như mở cờ, mừng hết lớn ! Vậy là tôi có thể yên chí, vui vẻ đi cắm trại với cả nhà trên núi mà khỏi phải lái xe qua đèo.

Suốt chuyến đi lên chỗ cắm trại hôm ấy, tôi ngồi bên cạnh cậu em vợ lãnh phần lái xe. Lúc ấy, tôi có dịp thưởng thức vẻ đẹp hùng vĩ của núi đèo miền California. Trời xanh ngăn ngắt, những cây thông và nhiều loại cây khác đua nhau khoe những tàng lá biếc, nổi bật trên nền trời, tạo nên một bức tranh vô cùng ngoạn mục. Bên dưới đèo, sâu thăm thẳm, cũng trùng trùng điệp điệp cây cối um tùm. Thỉnh thoảng lại thấy đôi dòng nước trắng xoá uốn quanh phía dưới như những nét chấm phá đầy thi vị vào cái nền màu xanh thẫm. Khu trại trên núi mang tên là Forest Lawn Scout Reservation. Như cái tên cho thấy, đây là vùng đất thuộc sở hữu của hướng đạo Hoa Kỳ. Khu trại có những dãy nhà khang trang để ở (chúng tôi không phải dựng lều).Chung quanh trại là cảnh đồi núi chập chùng, cây cối xanh rờn, lại có cả

một cái ao nhỏ trông thật nên thơ. Hai ngày, một đêm ở trại trôi qua thật nhanh chóng, với đầy đủ những sinh hoạt vui vẻ của các em sói con và phụ huynh.

Sáng Chủ nhật, ăn cơm trưa xong, mọi người phụ nhau dọn dẹp để xả trại và chuẩn bị ra về. Cậu em vợ tôi rất tháo vát. Chỉ mới đi trại lần đầu mà cậu ta đã hăng hái giúp thật nhiều việc, lại còn nói chuyện rôm rả với nhiều phụ huynh khác. Chẳng bù với tôi, chỉ liến thoắng khi ở nhà chứ ra ngoài phải một thời gian mới có thể thoải mái nói chuyện với mọi người. Xui làm sao, lúc dùng một con dao bén để cắt sợi dây treo tấm băng-rôn, cậu em bị đứt tay nặng, máu chảy không ngừng. Chúng tôi ai nấy tìm cách giúp cậu. Kẻ thì băng bó tạm thời chỗ chảy máu, kẻ thì đi gọi các trưởng hướng đạo để cho biết chuyện vừa xảy ra. Người băng bó tay cho cậu em vừa là một nữ trưởng hướng đạo, vừa là một y tá. Cô cho biết trong tình trạng chảy máu này, cậu em tôi cần được đưa vào bệnh viện để may chỗ bị đứt lại. Cũng may là một trưởng khác xem Google cho biết có một bệnh viện gần đó cách khoảng 15 phút lái xe (đường đèo), mở cửa 24/24.

Quý vị đã đoán người phải lái xe đưa cậu em vào bệnh viện là ai rồi chứ ? Lúc ấy, nỗi sợ lái xe đường đèo trong tôi đã bất giác nhường chỗ cho nỗi sợ không

biết bác sĩ có giúp cầm máu nổi bàn tay của cậu em hay không. Trong lúc vợ con tôi ở lại trại tiếp tục thu xếp đồ đạc, tôi lái xe chở cậu em và cô vợ đi bệnh viện. Cô cầm điện thoại coi đường, còn tôi chăm chú lái xe. Xe chạy ngoằn ngoèo qua những chỗ cua rất hiểm trở trên đèo, nhưng lúc ấy tôi dường như quên cả sợ, cứ lái xe chạy như trong một giấc mơ.Theo lời chỉ dẫn của cô em dựa vào chiếc điện thoại, xe chúng tôi đã đến được bệnh viện. Ngày cuối tuần, bệnh viện khá vắng vẻ. Chỉ có một hai người ngồi đợi. Cậu em tôi vào bên trong. Chốc chốc, cô vợ lại text ra cho tôi, cho biết tình hình bên trong diễn tiến như thế nào. Tôi ngồi đợi trước sau khoảng một tiếng đồng hồ. Thời gian nặng nề, chậm chạp trôi qua. Cuối cùng, cậu em tôi trở ra, với bàn tay khâu nhiều mũi và được băng bó thật cẩn thận.

Tôi còn một sứ mạng kế tiếp : Lái xe ngược lên trại, đón vợ con về, rồi lái xuống đèo về nhà. Cậu em tôi ái ngại, bảo để cho cậu lái. Nhưng tôi có lòng nào để cậu phải lái trong tình trạng như thế. Vậy là ba chúng tôi lại băng qua khoảng đèo lúc nãy, quay ngược lên trại. Vợ con tôi và các phụ huynh khác đang mong tin. Thấy chúng tôi về, ai cũng xúm lại hỏi thăm tíu tít. Chúng tôi cám ơn mọi người rồi từ giã ra về. Khi đi, cậu em lái xe lên đèo. Lúc về, tôi lái xe trở xuống nên lúc lên thì chậm mà lúc xuống khá nhanh. Chân tôi luôn để hờ trên

thẳng, vì xe cứ đổ dốc vun vút mà không cần tôi phải đạp ga. Tôi chỉ biết chăm chú lái, tuy lâu lâu cũng nói vài câu góp chuyện với mọi người trong xe cho ra vẻ ta đây cũng khá bình tĩnh. Thật ra trong lòng tôi rất đỗi hồi hộp, biết mình chịu một trách nhiệm nặng nề với bốn người trên xe. Trước mắt tôi là những khúc quanh thật gắt tưởng từng như không bao giờ dứt, hết khúc quanh này đến khúc quanh khác. Cảnh vật hai bên có đẹp như thế nào đi nữa tôi cũng không tâm trí nào mà thưởng thức. Thật đúng như hai câu thơ của thi sĩ Hồ Xuân Hương ngày xưa đã vô tình tiên tri về cảnh ngộ éo le của tôi : «Một đèo, một đèo, lại một đèo; khen ai khéo tạc cảnh cheo leo» ! Sau những giờ phút căng thẳng, cuối cùng chúng tôi đã trở lại với nền văn minh của nhân loại : đường đi không còn cao ngất nghểu, gập ghềnh hay quanh co nữa, mà giờ đây chỉ là đoạn xa lộ êm ru đưa chúng tôi về nhà bình an. Thật hú hồn !

Nếu trước đây gia đình chúng tôi ít đi chơi xa bằng những chuyến lái xe, thì dạo sau này tình hình có khác đi. Đó là vì thằng bé nhà tôi đã vào hướng đạo, cứ lâu lâu lại đi cắm trại xa một lần. Vợ chồng tôi có lúc đi cùng thằng bé, có lúc chỉ chở cháu đến rồi một hai hôm sau mới trở lại đón về. Cuộc cắm trại tiếp theo chuyến lái xe đường đèo bất đắc dĩ của tôi là một dịp chỉ dành cho các hướng đạo sinh, phụ huynh không tham dự. Chuyến

cắm trại kỳ này là tại Ronald W. Casper Wilderness Park, toạ lạc tại thành phố San Juan Capistrano, về phía nam của nơi chúng tôi cư ngụ. Trước khi đi, tôi in sẵn bản đồ và ghi địa chỉ vào điện thoại để không dùng cách này thì sẽ dùng cách kia. Cẩn thận như vậy mà lúc từ xa lộ vào đường trong, tôi cũng bị lạc một khúc, đi ngược hướng, phải quay xe trở lại. Đến lúc theo bảng chỉ dẫn rẽ vào một con đường khá hẻo lánh, tôi cho xe đi tiếp, mắt nhìn hai bên đường xem cái bảng tên của công viên ở đâu. Qua một đoạn đường, trong khi vợ tôi đang còn nhìn qua nhìn lại, con trai tôi và tôi đều cùng nhìn thấy một tấm bảng lớn bằng đá ghi tên công viên nằm bên phải. Tuy nhiên, chúng tôi không thấy có lối nào vào cả. Phía sau tấm bảng chỉ toàn là những hàng rào giăng kín mít. Tôi phải tiếp tục lái. Lúc ấy, chiếc điện thoại của tôi bắt đầu liên tục nói «Make a U turn, make a U turn».

Vợ tôi hoảng hồn hỏi tại sao. Tôi trấn an cô ta, bảo chắc cứ lái một chút nữa thì ắt thấy lối vào bên phải. Thế rồi tôi cứ tiếp tục lái, lái mãi, lái mãi mà vẫn không thấy lối vào của công viên nơi đâu. Chiếc xe của tôi bắt đầu đi vào vùng mất sóng điện thoại. Cái điện thoại bây giờ trở nên im lìm, không còn thúc hối tôi quay trở lại nữa. Tôi nhìn ra đằng trước mặt, rồi nhìn qua hai bên. Cha mẹ ơi, tôi đã leo lên một cái đèo khi nào không biết nữa ! Vợ tôi lo lắng ra mặt. Tôi lại trấn an vợ mình

: «Em đừng lo. Mình lạc đường rồi. Nhưng cái đèo này có vẻ thấp thôi, không sao đâu. Mình sẽ tìm một khu nhà ở bên phải, tấp vào rồi quay trở lại». Rồi tôi lại tiếp tục lái. Tôi đâu có ngờ rằng mới đầu đèo khá thấp vì chúng tôi mới ở chân đèo. Càng lái thêm thì đèo lại càng dần dần cao thêm. Thế rồi lại diễn ra cái cảnh một đèo, một đèo, lại một đèo. Lúc này thì đúng là dở khóc dở cười. Tiến thối lưỡng nan. Càng đi nữa thì càng lên đèo. Mà quay trở lại thì cực kỳ nguy hiểm.Thôi thì cứ one way to go - ủaquên - to drive, chứ biết làm sao hơn. Cũng may là lúc ấy, mùa xuân đã bắt đầu. Trời sắp về chiều, nhìn đồng hồ thấy gần sáu giờ mà ánh nắng vẫn còn phủ ngập khu đồi núi. Nếu vào mùa đông thì giờ này chắc đã tối om. Tôi không dám lái nhanh, mà xe cộ phía sau của những người đã đi quen đường đèo dường như vô cùng sốt ruột, cứ muốn qua mặt tôi. Bên lề phải, thỉnh thoảng lại thấy có một hốc đường có tấm bảng chỉ dẫn cho những kẻ lái xe đường đèo ì ạch như tôi nên tấp vào, nhường cho xe sau qua mặt. Nhưng tôi vẫn cứ lái, lái mãi. Đường đèo dài hun hút như không bao giờ chấm dứt.

Tôi đi như thế dễ đến nửa tiếng sau mới thấy được một khu nhà nằm bên phải trên đường đèo như hằng mong ước.Mừng hơn bắt được vàng, tôi tấp xe vào một cái xóm nằm êm đềm bên lưng đèo. Hỏi thăm một cô

gái trong một nhóm người có vẻ như đang du ngoạn. Cô gái này vui vẻ cho hay cô vừa đi qua một chỗ cắm trại của hướng đạo. Cả ba chúng tôi vội vàng leo lên xe đi sâu hơn vào khu xóm đó. Dừng xe lại, chúng tôi tiến đến một chỗ có nhiều căn lều, thì thấy chỉ toàn là hướng đạo Mỹ chứ không thấy bóng dáng ai quen trong liên đoàn của chúng tôi cả. Chúng tôi quyết định quay trở ra để đi ngược lại xuống đèo. Trên đường đi ra, chúng tôi thấy một người thanh niên Mỹ lái một chiếc xe Jeep. Chúng tôi dừng xe lại, đến hỏi đường anh chàng đó thêm một lần nữa cho chắc ăn. Anh chàng này thật dễ mến và thân thiện. Khi nghe tôi nói tên công viên, anh cười bảo là chúng tôi đã lố đi quá xa và hiện giờ đang ở trên độ cao hơn 5.000 feet của dãy núi Santa Ana. Anh tận tình chỉ dẫn là trên đường quay xuống, chúng tôi sẽ đi qua những chỗ nào, trước khi thấy công viên nằm bên tay phải (tức là bên trái của tôi khi đi lên mà tôi không thấy !)

Cám ơn người thanh niên tốt bụng xong, chúng tôi đi ngược lại xuống đèo. Lúc này nắng đã nhạt hơn trước, và một cơn mưa nhỏ bắt đầu đổ xuống trên triền núi. Tôi lại chăm chú, thận trọng lái xe qua những khúc quanh trên đèo như lúc đi lên. Lần đi đèo trước, tôi «bị» lái xe bất đắc dĩ, nhưng hoá ra lại là một điều hay. Nhờ có «kinh nghiệm» lái xe lần đó, lần này tôi thấy đỡ sợ hơn

nhiều.Xe chạy xuống dần, xuống dần. Rồi đường đèo trở thành đường bằng phẳng. Cuối cùng, cổng vào công viên Ronald W. Casper hiện ra sừng sững bên tay phải (đối diện với tấm bảng tên nằm bên kia đường mà tôi thấy lúc đi lên). Làm như lúc đi có ai che mắt chúng tôi vậy ! Tôi nhìn đồng hồ tay : vậy là tuy đi lạc gần một tiếng đồng hồ, chúng tôi chỉ đến trại trễ có 15 phút, nhờ chịu khó đi sớm trừ hao chuyện lạc đường.

Rẽ xe vào công viên, chúng tôi thấy các trưởng và các em hướng đạo vẫn còn đang lăng xăng dỡ đồ đạc xuống và dựng lều lên. Hai vợ chồng tôi giúp thằng bé mang đồ xuống và phụ một tay với các trưởng mang một số dụng cụ vào trại. Sau chúng tôi cũng còn một số xe khác lác đác đến trại. Nhìn chúng tôi, chắc khó có ai tưởng tượng ra được rằng hai người này vừa bị đi lạc vào chốn bồng lai - ủa quên - chốn đèo núi cheo leo, hiểm trở. Nhất là chuyến đi lạc đó lại xảy ra cho một người sợ... đèo như tôi ! Sau chuyến đi đó, tôi tò mò kiếm xem có cái tên gì chấm dứt bằng cái đuôi «phobia» để chỉ những người sợ núi đèo như tôi không. Hoá ra hầu như bệnh sợ nào cũng có một cái tên gốc Hy-lạp nghe rất kêu cả. Bệnh sợ núi đèo có cái tên rất «sang» là «orophobia» (từ tiếng Hy-lạp «oros» có nghĩa là ‘núi»). Nếu bây giờ quý vị hỏi tôi có còn sợ lái xe đường đèo hay không, tôi sẽ xin phép nữ sĩ họ Hồ cải biên thơ của

bà một chút mà thưa : «Một đèo, một đèo, lại một đèo; chê ai vẫn sợ cảnh cheo leo !»

Trần C. Trí

Khi Mùa Xuân Qua

Phan

Tháng Năm tại Âu Mỹ là mùa hoa poppi (anh túc). Ngày thứ Hai của tuần lễ cuối tháng Năm -28-5-2018- là lễ Chiến Sĩ Trận Vong. Và Memorial Day còn được gọi là Poppy Day. Tác giả Sáu Steve Brown, một cựu binh Mỹ thời chiến tranh VN, người viết văn tiếng Việt từng nhận giải văn hóa Trùng Quang trước đây đã có bài về hoa poppy trong bài thơ «In Flanders Fields». Nhân Memorial sắp tới, xin mời đọc thêm một bài viết khác về hoa poppy bởi Phan. Tác giả là nhà báo trong nhóm chủ biên một tuần báo tại Dallas, đã góp bài từ nhiều năm, từng nhận giải Vinh Danh Tác Giả Viết Về Nước Mỹ. Ông cũng là tác giả Viết Về Nước Mỹ đầu tiên có nhiều bài đạt số lượng người đọc trên dưới một triệu.

Mùa Xuân vừa qua, như lâu lắm rồi. Tuy cành non còn chưa vững gió chiều vào hạ thì tháng Năm đã về. Ôi tháng Năm của tuổi nhỏ rình rập tờ lịch trên tường từng ngày trước nghỉ hè để được tha hồ vui chơi. Rồi tháng Năm biết nhớ ngôi trường như ngục tù bao la của tuổi nhỏ mà khi xa nó thì lòng thấy bâng khuâng. Đến tháng Năm bái biệt mái trường mà lòng

thấy chơi vơi, hụt hẫng vì đã biết không trở lại nữa vào mùa thu tới.

Những tháng Năm trên vạn nẻo đường, chợt nhớ chợt quên những mùa hè cổ tích như tuỳ bút «tháng Năm rồi đó em» thì tháng Năm vẫn về...

Tháng Năm. Tôi ngang qua Paris. Chen chúc những dòng xe bất tận thật ngột ngạt. Quận 13 nổi tiếng ở Paris có nhà sách Khai Trí. Nhưng không còn hồn xưa của nhà sách Khai trí ở đại lộ Lê Lợi, Sài gòn. Nhà sách Khai trí ở quận 13 Paris nổi tiếng về món bánh mì thịt. Nhìn những quyển sách đóng bụi thời gian trên tường của cái tiệm bánh mì thịt nổi tiếng Paris, chỉ trớ trêu mang tên nhà sách Khai trí.

Những phận người dạt trôi theo vận nước đã đành. Nhưng nhìn ở một góc cạnh nào đó, văn hoá Sài gòn lưu vong cũng bụi mờ, váng nhện đến đau lòng.

Tôi rời Paris - không hẹn ngày trở lại. Bấm máy định vị và trực chỉ sang Amsterdam - Hòa lan. Tôi lái xe xuyên qua một Paris còn đó những kiến trúc cổ, lâu đài, những bức tượng điêu khắc công phu... gợi nhớ biết bao về văn học, hội hoạ và âm nhạc tây phương thời phục hưng. Và, những toà nhà kính mới mọc lên sau này, chắc chắn là mang dáng vóc hiện đại, cao ngất ngưỡng

tới chói loà tầm mắt bởi mặt trời tháng Năm.

Tiếc cho một Paris được ái mộ toàn cầu thì người đến không khỏi chạnh lòng với những lối xưa xe ngựa hồn thu thảo/ nền cũ lâu đài bóng tịch dương...

Tôi rời Paris không tiếc nuối điều gì ngoài những vạt Popies đỏ thắm. Trong cái thành phố - không có chỗ đậu xe khi tôi chở bạn bè ghé ăn tô mì ở quận 13 Paris cho biết ! Các bạn tôi ăn xong thì mua cho tôi ổ bánh mì vì tôi vẫn chưa có chỗ đậu xe để vô ăn chung với bạn bè cho vui.

Paris là những làn đường xe chạy liên tu bất tận - không biết về đâu, những đường hầm thắp đèn 24/24. Nhưng hễ lộ ra một dạ cầu, một vạt đất dốc khi qua đường hầm... thì hoa Popies tháng Năm đỏ rực.

Paris có thể thay đổi theo thời đại với những tòa nhà chọc trời bằng kính. Nhưng Paris hôm nay chỉ như khiêu vũ với bầy sói. Một Paris của muôn đời là tưởng nhớ - bất tử.

Vâng. Tháng Năm đã về. Màu hoa Poppies đỏ thắm trên cánh đồng Flanders trăm năm trước không đỏ hơn hoa Popies ở Paris nhốn nháo hôm nay, có cả đài tưởng niệm công nương Diana ! Kiến trúc có thể làm thay đổi

bộ mặt Paris, nhưng hoa Popies ở Paris thiên về tưởng nhớ thì bất tận.

Tôi qua khỏi phi trường Charles-de-Gaulle. Ngoại ô Paris như đường quốc lộ 4 về miền tây Việt nam thời xưa. Hai bên đường chỉ xanh ngắt màu lá. Đường như đường làng, khác xa, khác hẳn những xa lộ xuyên bang bên Mỹ.

Tôi trao tay lái cho cô bạn đã từng sống ở Paris khi trẻ, sau khi lập gia đình mới định cư bên Đức. Những vạt hoa Popies tù túng ở Paris ám ảnh tôi về lòng người Paris; cái hồn Paris sống trong chen chúc nhà cao tầng bằng kính thật không hợp.

Thôi thì đọc lại In Flanders Fields -Trên những cánh đồng ở Flanders trên điện thoại. Bài thơ xúc cảm này mở đầu với những bông hoa poppy nở rộ trên những cánh đồng trận địa nước Bỉ. Bông hoa poppy từ đó trở thành biểu tượng tưởng nhớ những chiến sĩ đã nằm xuống vì lý tưởng tự do. Nên từ năm 1922, những bó hoa poppy bằng giấy màu đỏ được các cựu chiến binh bày bán trên đường phố trong ngày Tưởng niệm Chiến sĩ Trận vong - Memorial Day hằng năm.

Bài thơ và tác giả của nó đã thuộc về con người và thời đại trăm năm trước. Nhưng vì sao nhân loại có tục lệ mang hoa poppy trong thời gian tưởng niệm những người chiến sĩ đã chết trên các chiến trường cả trăm năm qua và mãi mãi về sau chỉ vì lý tưởng tự do. Bài thơ Trên những cánh đồng Flanders như thế này bạn ạ !

Trên cánh đồng Flanders
Giữa những hàng hàng bia mộ
Hoa poppies nở
Dập dờn
Đánh dấu nơi chúng tôi yên nghỉ
Trên trời
Những con sơn ca vẫn can đảm hót
Tiếng hót chợt vang lên đôi lúc
Giữa tiếng đại pháo rền dưới kia
Chúng tôi là những người đã chết
Chỉ mới mấy ngày trước đây thôi
Chúng tôi vẫn sống
Cảm nhận bình minh
Thấy được ánh hoàng hôn
Yêu và được thương yêu
Và giờ đây
Chúng tôi nằm yên nghỉ
Trên những cánh đồng Flanders
Hãy tiếp nhận cuộc chiến đấu của chúng tôi chống kẻ

thù
Từ những bàn tay buông xuôi
Chúng tôi trao lại bó đuốc
Để các bạn giương cao
Ôi, nếu vì lẽ gì bạn quên lời thề, đập vỡ niềm tin
Với chúng tôi những người đã chết
Chúng tôi sẽ không bao giờ nhắm mắt
Dẫu hoa poppies vẫn nở dập dờn
Trên những cánh đồng Flanders

Bài thơ In Flanders Fields của Trung tá Quân Y John McCrae, thuộc quân đội Gia Nã Đại, là một trong những bài thơ viết về chiến tranh được lan truyền nhiều nhất theo thời gian. (Bạn chỉ cần google mấy chữ «Memorial Day - Poppy Day» là sẽ thấy bản chính Anh ngữ.)

Bài thơ này là di sản của trận chiến khốc liệt ở tuyến đầu Ypres thuộc nước Bỉ vào mùa xuân năm 1915. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh cũng khá đặc biệt là bác sĩ John đã phục vụ quân đội trong nhiều năm, đã từng phục vụ ở chiến trường Nam Phi. Nhưng Trung tá John McCrae vẫn không thể nào làm quen được với những cơn đau, những tiếng kêu thét, máu, và nước mắt ở Quân y viện.

Tại đây, ông là bác sĩ giải phẫu đã trải qua mười bảy ngày đêm liên tục chăm sóc cho các thương binh thuộc đủ mọi quốc tịch : Gia Nã Đại, Anh, Ấn Độ, Pháp và Đức. Quả thật là kinh hoàng ! Ông nghĩ mình không thể nào chịu đựng nổi. McCrae ghi lại trong hồi ký như sau : «Tôi ước mong có thể ghi lại trên trang giấy một số cảm nhận về mười bảy ngày ấy... Quả là mười bảy ngày trong Địa ngục. Nếu cuối ngày thứ nhất ở đây có ai bảo rằng chúng tôi phải trải qua mười bảy ngày như thế thì tôi sẽ chắp tay cúi đầu nói không, không thể nào chịu đựng nổi.»

Thế rồi một cái chết trong hằng hà những cái chết bởi lý tưởng tự do mà thành chiến tranh mà bác sĩ John đã thấy qua, nhưng gây ấn tượng mạnh với người trai trẻ McCrace. Chuyện rằng, Trung úy Alexis Helmer quê ở Ottawa, đã bị giết vì bom nổ trong ngày 2 tháng Năm 1915. Trung tá McCrae đã làm lễ an táng và cầu hồn cho Helmer ở một nghĩa trang nhỏ bên cạnh Quân y viện, mặc dù nơi đây không có nhà nguyện.

Ngày hôm sau, ngồi ở băng sau xe cứu thương gần Quân y viện, John McCrae bắt đầu viết. Dù không phải là việc xa lạ với McCrae, ông đã từng viết nhiều bài viết cho báo y học. Nơi ông viết nằm bên cạnh nghĩa trang và ông có thể nhìn thấy những bông poppies vươn lên

từ bờ các chiến hào của vùng trận địa Bắc u này.

Người lính trẻ nhìn thấy McCrae làm việc chính là Cyril Allison, một Trung sĩ nhất, 21 tuổi. Hôm ấy lãnh nhiệm vụ đưa thư đến cho Quân y viện. Trung tá McCrae ngẩng lên nhìn Allison rồi cúi xuống im lặng tiếp tục viết. Khuôn mặt ông lộ vẻ mệt mỏi nhưng rất yên tĩnh. Thỉnh thoảng ông lại nhìn ra ngôi mộ Alexis Helmer.

Viên Trung sĩ quân bưu vẫn đứng ở đó. Hai mươi phút sau thì xong bài thơ, McCrae ngừng viết, nhận thơ từ từ Allison mà không nói gì hết, và trao cho Allison những thơ từ cần gởi đi. Ông đưa luôn cả bài thơ mới viết cho Allison đọc. Allison hết sức cảm động khi đọc nó. «Bài thơ tả đúng y khung cảnh trước mắt chúng tôi. Ông ấy dùng từ blow (gió thổi dập dờn) rất chính xác vì sáng hôm ấy ngọn gió đông không ngớt thổi qua nghĩa trang, làm lay động những bông hoa poppies. Lúc ấy tôi không nghĩ rằng bài thơ sẽ được đăng báo !»

Quả thật bài thơ suýt nữa đã không được phổ biến. Không vừa ý với nó, McCrae vứt bỏ bài thơ, nhưng một người bạn sĩ quan nhặt lại và gởi cho các báo ở Anh. Tờ The Spectator ở London không chịu đăng, nhưng tờ Punch đã in bài thơ trong số báo ra ngày 8 tháng 12 năm 1915. Riêng Trung tá thi sĩ John McCrae không

được may mắn, ông chết vì bệnh sưng phổi năm 1918 lúc đang ở Pháp.

Bài thơ «Trên những cánh đồng Flanders» từ đó được lan truyền rộng rãi. Năm 1918 Moina Michael, làm việc cho một tổ chức thanh niên thiện nguyện phục vụ các chiến binh Hoa Kỳ trên các chiến trường. Ngày 9 tháng 11 năm 1918, xúc động khi đọc bài thơ In Flanders Fields, Michael đã tự nguyện mang một bông poppy màu đỏ trên ngực áo như một biểu tượng tưởng nhớ những chiến sĩ đã nằm xuống trong khi thực hiện niềm tin.

Sau ngày ấy, trong một buổi hội của tổ chức, Michael bày những bông hoa poppies màu đỏ tưởng niệm các chiến sĩ đã hy sinh tính mạng cho niềm tin. Và Michael bắt đầu bán những bông poppies đỏ để gây quỹ hỗ trợ các thương binh và chiến sĩ ngoài mặt trận. Chẳng bao lâu hoa poppy đỏ được biết đến và chấp nhận là biểu tượng tưởng nhớ những người con thân yêu của tổ quốc đã hy sinh trong lúc thi hành nhiệm vụ ngoài tiến tuyến.

Chúng ta không thể nào quên những người đã hy sinh xương máu cho mảnh đất tự do này. Kể từ Thế chiến thứ I đến nay đã trăm năm trôi qua; người lính cuối cùng của Đệ nhất thế chiến đã chết; cuộc chiến tranh mang tầm cỡ thế giới chỉ còn trong thư viện cho những

hậu thế nghiên cứu.

Nhưng từ đó, bao tang thương dâu biển, biến cố dập dồn, nhiều cuộc chiến tranh đã nổ ra cuốn theo bao nỗi đau, nước mắt và máu của những người lính. Họ đã chiến đấu trên toàn cầu mặt đất và cả bầu trời không biên giới... Họ chiến đấu mọi nơi để thắp sáng một niềm tin, một lý tưởng, vì tự do của loài người, vì hạnh phúc của đồng loại.

Những bông hoa poppies màu đỏ nhắc mọi người nhớ tới họ, tri ân các chiến sĩ đã dũng cảm hy sinh cho ngày hôm nay của chúng ta. Các tổ chức Cựu chiến binh Hoa kỳ đã phát động ngày Poppy Day trong thời gian từ 15 đến 21 tháng Năm năm nay để mọi người tri ân những người lính đã vị quốc vong thân.

Riêng với người Việt chúng ta trên nước Mỹ, chúng ta cũng nên xin chọn một bông poppy màu đỏ cho cha anh của chúng ta, những người chiến sĩ VNCH đã hy sinh trong cuộc chiến 20 năm trên đất nước mình. Xin các chú bác hãy yên nghỉ trong màu đỏ của hoa poppy tháng Năm là lòng tưởng nhớ của con cháu xa xứ...

Phan

Ký Ức Mậu Thân : Kẹt Giữa Hai Lằn Đạn

Nguyễn Thị Bạch Liên

Bút hiệu của tác giả là tên thật. Bà cho biết sinh ra và lớn lên ở thành phố Sài Gòn, ra trường Gia Long năm 1973. Vượt biển cuối năm 1982 đến Pulau Bidong và định cư đầu năm 1983, hiện đã nghỉ hưu và hiện sinh sống ở Menifee, Nam California.

Cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 đã qua nửa thế kỷ. Thời ấy, tôi chỉ là cô học trò bé nhỏ, mới bước vào ngưỡng cửa Trung Học. Nhưng lạ thay, trong ký ức đơn sơ, cạn hẹp, nỗi sợ hãi vẫn còn rõ nét.

Tôi đã tận mắt chứng kiến trận chiến kinh hoàng giữa Việt Cộng và quân đội Quốc Gia tại một góc ngã tư đường phố Sài Gòn khi gia đình tôi bị kẹt tại đó.

Nhà tôi ở ngay góc ngã tư đường Nguyễn Văn Thoại và Trần Quốc Toản gần khu trường đua Phú Thọ. Sát vách nhà tôi là tiệm giặt ủi Hoàng Yến. Đối diện bên kia đường là thành trì của đơn vị cảnh sát dã chiến, trại Amac. Trại có cổng chánh ra vô gần ngã ba đường Trần Quốc Toản và Nguyễn Kim. Đối diện với cổng trại là phòng mạch của Thầy Ba Cầu Bông.

Bên trong hàng rào kẽm gai thuộc phạm vi trại Amac là cái lô cốt cao mười mấy thước với chân cột tròn được xây bằng xi măng cốt sắt trông rất vững vàng. Trên đỉnh lô cốt là cái chòi canh nhô cao với những khung cửa sổ vòng quanh để người ngồi bên trong có thể quan sát được cả bốn hướng đường. Ngay giao điểm ngã tư là cái bùng binh hình tròn trồng nhiều hoa tươi.

Tết năm ấy, hầu hết khu xóm tôi ai cũng rộn ràng ăn Tết rất lớn, đốt pháo rầm trời từ sáng hôm 30. Đêm giao thừa, cả khu xóm tôi cùng rộn ràng tiếng pháo. Suốt ngày mồng một, mọi người đều hớn hở vui chơi trong bình yên. Nhưng sau nửa đêm về sáng ngày mùng hai thì cả khu phố bị đánh thức bởi những tiếng «tạch tạch, bùm bùm chóc chóc, chíu chíu chíu...» khác thường, xen lẫn những tiếng «ầm ầm !..., đùng đùng !...» vang dội chấn động cả mặt đất.

Trong cơn kinh hãi sau mấy tiếng nổ lớn, tôi nghe thấy tiếng giàn cửa gỗ bắt đầu rơi rớt lộp độp từng miếng nhỏ nằm ngổn ngang trên sân trước. Sau đó, những tràng tiếng nổ nhỏ giòn tan tiếp tục kéo dài nối đuôi nhau. Khung cửa trước nhà đã rơi tụt hết xuống đất, đứng bên trong nhà nhìn ra đường lộ tôi thấy khoảng trống thênh thang vì không còn tấm vách hoặc cửa nào chắn lối nữa. Tôi có thể thấy hết những gì đang xảy ra

ngay trước sân và ngoài đường. Vật che chắn nho nhỏ lúc bấy giờ chỉ là cái bàn thờ bằng gỗ cẩm lai được đặt ngay giữa phòng khách đã bị thủng vài lỗ đạn xuyên qua.

Tám người trong nhà vội dồn hết xuống nhà dưới, chùm nhum quây quần trong căn bếp chật hẹp,đằng sau một vách tường xây bằng gạch duy nhất ngăn chia nhà trên và nhà dưới. Ngồi núp trong nhà bếp vậy nhưng mắt tôi vẫn tò mò chú ý nhìn ra bên ngoài.

Bầu trời vẫn còn tối đen như mực. Không một ai dám bước chân ra ngoài xem xét tình hình vì mọi người đều biết đang xảy ra chuyện nghiêm trọng, một biến cố, một trận giao tranh.

Đột nhiên tôi bỗng thấy những ánh lửa của súng đại liên bắn từ lô cốt bên kia góc đường nhả đạn xối xả vào các bóng người lố nhố rải rác phía dưới đường lộ. Tại đó, nhiều cây súng AK họp chung lại bắn chĩa thẳng lên lô cốt. Tiếng súng nổ rền rĩ điếc cả tai. Sau vài phút giằng co mãnh liệt, một tiếng «bùm» chát chúa vang lên, một quả đạn, mà sau này tôi biết là B40, đã phá tung lô cốt. Tiếng đại liên từ lô cốt im bặt. Anh cảnh sát dã chiến trực đêm chắc đã anh dũng làm tròn nhiệm vụ của mình cho đến khi gục ngã. Việt Cộng đã quyết triệt hạ ổ kháng cự này. Từ khoảnh khắc ấy, góc phố

trở nên im ắng, không gian chìm vào bóng tối ghê rợn. Thỉnh thoảng có dăm ba người đi đi lại lại loanh quanh cái bùng binh tròn nằm ngay giữa giao điểm Trần Quốc Toản và Nguyễn Văn Thoại. Họ rù rì nói chuyện với nhau trong bộ dạng dò xét quan sát tình hình từ bốn ngả đường. Trong đám người đó có một phụ nữ quàng khăn rằn sọc ca rô đen trắng trên cổ, tóc thắt bím thả hai bên vai và trên tay thì lăm lăm khẩu AK.

Khoảng chừng hai giờ đồng hồ trôi qua, khung cảnh ngoài đường dường như tê liệt. Cái tĩnh lặng này khiến nhiều người ở khu vực khác chưa biết chuyện tàn khốc đang xảy ra. Vài chiếc xe gắn máy hai bánh từ xa cứ thản nhiên chầm chậm lăn bánh chạy tới ngã tư để rồi bị mấy họng súng AK bắn gục ngay lập tức. Hồn họ thoát ra khỏi xác nhưng chắc còn ngơ ngác không biết vì sao mình bị bắn chết trong đêm khuya rạng sáng ngày mồng hai Tết như vậy. Cứ như vậy, tràng đạn «tạch tạch...chóc chóc» lại vang lên, tiếng động cơ xe lại im bặt. Thêm một mạng người vừa lìa trần. Họng súng sắt máu vô tri trên tay các kẻ mang dép râu đứng lảng vảng giữa đường đã hạ gục những người vô tội.Nhiều người chết mặc quân phục VNCH. Chắc hẳn họ vừa hoàn tất xong nhiệm vụ từ một nơi nào đó và trở về sum họp với gia đình.

Bỗng dưng tôi nghe có tiếng ồn ào từ trên mái tôn nhà bếp. Tiếng động giống tiếng trì kéo lê lết những thứ gì nặng ký bằng kim loại, truyền tới từ dãy nhà phía sau nơi tiếp giáp con hẻm nhỏ. Chen trong âm thanh cứ lớn dần là lời đối thoại của những người đang gắng sức di chuyển đồ vật kềnh càng. Giọng nói của họ rất khó nghe đối với gia đình tôi vốn là người Sài Gòn,nói giọng miền Nam thuần túy. Giọng nói của người trên mái nhà thuộc các vùng miền Trung dân Quảng gì đó, trọ trẹ rất khó hiểu. Sau một lúc nghe lời trao đổi, chúng tôi mới biết là họ đang cố gắng di chuyển nhanh lẹ ổ súng cối hay là loại súng gì rất lớn để bắn xe tăng, thiết giáp. Ổ súng này về sau tôi biết là đã được họ đặt tại cái sân thượng kiên cố của căn nhà hàng xóm sát vách nhà tôi bên tay trái vì nhà này có vị trí thuận lợi nằm đầu bìa con hẻm. Tại đây họ có thể quan sát và khống chế rõ ràng bốn phía. Chủ căn nhà có sân thượng đã về quê ở Long An ăn Tết vài ngày trước nên hoàn toàn không hay biết Việt Cộng dùng cái nóc cao ráo chắc chắn của nhà của mình để đặt súng hạng nặng tầm cỡ.

Mọi người trong nhà tôi cố gắng giữ im lặng, không gây bất cứ tiếng xào xạc ồn ào nào, cố lắng nghe tất cả các động tịnh đang diễn ra trên nóc nhà. Vách tường và cửa trước nhà tôi đã bể vụn,chỉ còn khoảng trống thông suốt từ trước ra tới sau bếp. Nếu VC nhìn vô

nhà sẽ thấy rõ ràng mọi di chuyển và có thể đếm được bao nhiêu người. Đó là một điều rất nguy hiểm. Cả nhà cùng có ý nghĩ tìm cách thoát thân lánh nạn, chui qua nhà hàng xóm sát vách bên tay phải. Anh trai tôi áng chừng những người trên mái nhà đã tạm di chuyển xa dần sang phía nhà bên trái, anh liền đập nhè nhẹ vách tường ở nhà bếp cạnh nhà bên phải. Anh cẩn thận cạy gỡ lấy mấy viên gạch ống ra, tạo cái lỗ nho nhỏ chỉ vừa đủ rộng để từng người trườn chui qua.

Căn nhà bên tay phải có lợi thế là gia chủ mua hai căn nối tiếp dính liền nhau qua nhà bếp nên có lối đi ra đường hẻm rất tiện. Chúng tôi hy vọng chui qua nhà này, thoát qua cửa sau rồi chạy len theo con hẻm nhỏ độc nhất dẫn tới đường lớn Nguyễn Kim. Ở đó chắc an toàn hơn trước khi cuộc giao tranh ác liệt chắc chắn sẽ lại diễn ra.

Hơn nữa, sở dĩ chúng tôi quyết định đập tường liều lĩnh bò xuyên qua vách tại vì đã nghe và hiểu được phần nào tiếng xì xào nói chuyện. Toàn là giọng trọ trẹ phát ra từ miệng những đứa con nít non choẹt cỡ tuổi mười ba, mười bốn, mười lăm... mà lúc đó tôi đã biết chắc chúng là du kích Việt Cộng. Chúng ngồi đóng trụ ngay trên mái tôn nhà bếp, chỉ cách đầu chúng tôi khoảng ba mét nên những lời đối thoại vang lồng lộng như sát bên

tai. Ở vị trí đó, chúng có thể thả chân trèo xuống nhà bếp chừng hai thước bên dưới.

Tôi nghe chúng nói, đại khái là :

- Lé e ke bón bẻ...(lấy AK bốn bảy...)

Khi cả gia đình tôi chui qua nhà kế bên thì mọi người trong nhà này đã chạy hết ra ngoài từ lâu. Về sau mới biết họ trốn vào căn nhà hàng xóm khác cách đó vài căn có hai tầng lầu với hy vọng lớp xi măng bê tông cốt sắt sẽ là vật chắn đạn tốt hơn. Chúng tôi chạy dồn hết tới cửa sau để tính đường ra ngoài. Nhưng khi nhìn qua khe cửa sổ trông ra đường hẻm thì hỡi ôi, choáng váng sững sờ vì những súng AK đầy đặc nằm la liệt chật kín lối đi. Hồn vía chúng tôi lên mây vì quá khiếp sợ ! Mắt chúng tôi hoa lên, đi từ ngạc nhiên này tới bất ngờ kia vì trên con hẻm, ngoài rừng súng AK, chung quanh đó là những thúng xôi nếp dẻo đã được nấu từ bao giờ ! Sự thật phơi bày trước mắt quá là phũ phàng. Ai là kẻ có hành động đau lòng tiếp tế vũ khí và lương thực cho Việt Cộng thế này ?

Bất chợt tiếng súng lại bắt đầu vang vọng lớn dần, chúng tôi lật đật trở vô chui rúc xuống gầm giường trốn đỡ vì hết đường thoát thân rồi.

Khoảng mười một giờ trưa thì tiếng súng giao tranh bùng phát khốc liệt hơn. Tiếng máy bay trực thăng vang rền xuất hiện rất gần nơi chúng tôi đang co mình nằm rút người lại, lẫn lộn cùng nhiều tiếng nổ long trời lở đất hòa chung tiếng rổn rảng của gạch vụn đổ nát tứ phía.

Vẫn trong tư thế nằm trốn núp dưới gầm giường, chúng tôi nghe thấy «phành phạch, phành phạch...» tiếng máy bay trực thăng từ góc trường đua Phú Thọ nhả trái rocket xuống họng súng cối nằm trên sân thượng sát cạnh nhà bên tay trái, «Ầm !...ầm !...» Bốn bề lắc lư. Bụi cát, gạch nát rào rào phủ che khắp mọi nơi. Mái tôn rung chuyển răng rắc. Cây súng cối của Việt Cộng im bặt vì lãnh trọn quả đạn rocket. Ngay sau đó là tiếng gót giày saults hối hả chạy rầm rầm nện mạnh trên mặt đất. Tiếp theo là tiếng ấu đả vật lộn bịch bịch, giằng co hỗn chiến ngoài con hẻm, âm thanh dồn dập đấm đá xáp lá cà vì hai bên đang cận chiến.

May mà chỉ ít phút sau, tình hình có vẻ bớt căng thẳng, anh tôi hé mắt nhìn ra ngoài thì thấy nhiều anh lính quốc gia mặc quần áo rằn ri tràn ngập mọi nơi. Các anh lính của Tiểu đoàn 38 Biệt Động Quân đã nhanh chóng phong tỏa chốt đóng của du kích VC.

Cuộc phản công chớp nhoáng của các anh chiến sĩ quân lực VNCH đã giành lại khu phố trong phút chốc. Những dép râu còn may mắn sống sót thì chạy tản hàng tán loạn, mạnh ai nấy kiếm đường trối chết rút lui vô lùm cây rậm rạp trong vườn ương cây Ty Trồng Tỉa phía bên kia đường Nguyễn Văn Thoại.

Các anh chiến sĩ Biệt Động Quân gõ cửa từng nhà và nói lớn :

- Bà con an tâm trở về nhà.

Quá là mừng vui khi thấy bóng dáng người hùng mặc quần áo màu hoa rừng. Mọi người thở phào như vừa trút được quả tạ ngàn cân ra khỏi đầu. Chúng tôi bò qua lỗ vách tường chui ngược trở về nhà mình. Nhìn ra ngoài trước sân nhà, trên đường Trần Quốc Toản xuất hiện vài chiếc xe thiết giáp, xe tăng. Lực lượng của Tiểu đoàn 38 Biệt Động Quân đang trấn an mọi người. Các anh làm chủ ngã tư, còn đang quan sát kỹ lưỡng hiện trường.

Trong trận giao tranh ban đầu giữa cảnh sát dã chiến ở lô cốt và du kích VC, anh cảnh sát đã hạ gục nhiều tên du kích xung phong chiếm góc đường vào nửa khuya. Nhiều tên chết vì lửa đạn nên bị cháy xém nám đen và vài xác khác thì nằm chồng chéo cong queo. Từ trong

nhà đi xuyên qua cửa trước hướng ra đường lộ, chúng tôi phải bước ngang mấy cái xác chết mang dép râu. Nhìn kỹ, hai ngón chân cái của mỗi người đều có sợi dây buộc dính chặt lại với nhau. Đồng bọn của chúng có ý định sẽ kéo xác đi nhưng trận phản công quá thần tốc nên chúng phải chạy trối chết lấy thân. Mấy xác chết bị bỏ lại xác của lính Việt Cộng chỉ ở tuổi thiếu niên mà trước đó vài giờ còn nói chuyện chí chóe bằng giọng xứ Quảng khó nghe. Khi nhấc chân bước qua, tôi phải cẩn thận nhìn xuống đất để tránh đụng chạm vào xác người nằm cứng đơ bên vũng máu loang loáng còn tươi trên nền sân xi măng.

Sau khi được kiểm điểm, hiện trường bị phong tỏa nghiêm ngặt. Lệnh giới nghiêm toàn Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định được ban ra rất sớm, hình như là sáu hay bảy giờ chiều. Khu phố chạy dọc đối diện vườn ương cây Ty Trồng Tỉa đã bị thiêu rụi hoàn toàn (sau này là xây lại thành chung cư Nguyễn Văn Thoại.) Lửa bốc cháy tràn lan do VC trước khi tháo chạy đã châm lửa đốt sạch các khu xóm này hầu dễ dàng thoát thân. Đây là tâm điểm cuộc giao chiến nên tất cả người dân tại đó được lệnh phải di tản đi nơi khác một thời gian, chờ cho tình hình ổn định thì vòng rào kẽm gai bao quanh mới được gỡ đi. Chúng tôi vội vã tay xách nách mang trong bộ dạng xốc xếch, thất kinh hồn vía, di chuyển hướng

về đường Nguyễn Kim tới nhà người dì ở trọ.

Nhà dì ở sát hãng bia Lade Con Cọp, gần sân Vận Động Cộng Hòa. Mặt mày ai nấy đều lem luốc dính đầy lọ nghẹ quằn quện màu xám đen than củi vì toàn gia đình tám người đã chùm nhum chen chúc chui rúc vào cái hầm bếp chứa than củi nhỏ xíu có lớp bê tông xi măng cứng cáp đặt mấy ông lò với hy vọng mong manh là lớp bê tông mỏng te này sẽ cho mình chút xíu che chở khi lằn đạn bay vèo vèo tứ tung không biết đâu mà tránh đỡ.

Trên đường đi, không gian còn nặng nề mùi thuốc súng. Mùi tử khí bắt đầu xông lên từ xác chết ngổn ngang trên sân lề và trên mặt đường nhựa. Máu loang đỏ cũng khô dần lắng đọng thành vũng đen cứng trên sàn xi măng.

Thật là kỳ lạ ! Chỉ cách nhau con đường Nguyễn Kim mà hai khu xóm nằm trong hai bầu trời tương phản. Người dân bên này đường Nguyễn Kim phía chợ Nguyễn Tri Phương đã bình yên đứng nhìn qua khu nhà của chúng tôi chìm đắm trong nỗi sợ hãi khói lửa đạn bay. Tiểu đoàn 38 Biệt Động Quân được lệnh tấn công chớp nhoáng vào giải tỏa vòng vây cũng từ bộ chỉ huy hành quân đóng chốt an toàn bên này đường Nguyễn Kim.

*

Một tuần sau đó, đêm đêm có giới nghiêm, mọi người không ai dám lai vãng ngoài đường. Thưa thớt vài tên du kích dép râu còn nằm ụ rải rác trong vườn ương cây thỉnh thoảng bắn tỉa đạn AK để giết thêm vài người dân vô tội hoặc nhân viên công lực. Tình hình còn căng thẳng vì lai rai vài người bị bắn chết mỗi đêm. Đến hơn một tuần hay mười ngày thì chúng tôi mới được lệnh cho về thăm nhà. Hàng xóm ở dãy nhà phía sau cách nhà tôi ba căn là hai vợ chồng chú Pa người Tàu đang làm nghề sản xuất bàn chải đủ loại. Câu chuyện huyện Chú Pa khá lớn tuổi, vóc dáng tròn trịa phốp pháp với tướng đi chậm chạp.

Chuyện vợ chồng chú Pa về nhà sau đó được kể lại trong xóm cho biết là khi Ông chồng một mình mở cửa trước bước vô nhà loay hoay dòm ngó mọi nơi, xong ông yên bụng leo vài bậc cầu thang cây ọp ẹp để lên căn gác lửng giống như cái lồng chim cu. Ông đẩy cái bệ cây che chắn cái lỗ cửa thông lên căn gác hoài mà không làm sao xê dịch được. Có vật gì nặng trình trịch đè trên miếng ván sàn cây này. Chú Pa cố sức lắc lắc, đẩy mạnh hoài mới hé mở cái khoảng trống nho nhỏ đủ để ngoi đầu chui lên. Ông chầm chậm bước thêm từng nấc thang một vì ông cảm thấy có gì không ổn ở đây.

Bỗng một họng súng chĩa thẳng vào đầu chú Pa nói lớn với giọng dữ dằn :

- Giơ tay lên. Không được la. La sẽ chết liền !

Chú Pa run cầm cập như con thằn lằn đứt đuôi. Ông hoảng hồn muốn té xỉu, gần như muốn tắt thở :

- Ngộ...ngộ...ngộ piết dzồi ! Ngộ không la đâu. Nị... nị...nị tha cho ngộ.

Tên Việt Cộng kêu chú Pa tìm cách mang hắn ra khỏi nhà. Chú Pa sợ điếng hồn, lập bập năn nỉ xin tha mạng vì vô phương để thực hiện chuyện tày trời trong thời gian nghiêm ngặt này.

- Tha cho ngộ, ngộ không làm được, xin đừng pắn ngọ.

Sau đó chú Pa phải ở quanh quẩn lòng vòng trong nhà, mang thức ăn nước uống phục vụ cho kẻ đang hăm dọa giết chết mình bất cứ lúc nào cho đến khi hắn ta tự gục ngã. Chú Pa hoàn hồn kể hết mọi chuyện cho hàng xóm chung quanh biết những gì đã xảy ra.

Tên Việt Cộng này đã nằm ở đây hơn tuần nay rồi và luôn hy vọng có người quay trở lại mang hắn đi theo như lời hứa của đồng bọn trước khi tháo chạy. Nhưng vì

quá đói, không ăn uống gì, nên hắn kiệt sức khi mà vết thương ở chân khá nặng càng ngày càng ung thối loang lở trầm trọng. Những kẻ rút lui trốn chạy hoàn toàn vắng bóng, bặt vô âm tín, trong khi tên Việt Cộng này cứ mòn mỏi trông ngóng, mong chờ được ai đó quay lại cứu hắn ra khỏi căn gác nhỏ. Hình như anh ta là cấp chỉ huy có chức vụ. Khổ nỗi, tên này không hề hay biết, tất cả đồng đội của hắn đều đã bị quân đội và cảnh sát quốc gia càn quét sạch sẽ trước khi cho người dân lánh nạn trở về nhà.

Cuộc tổng tấn công của Việt Cộng vào thủ đô Sài Gòn và các thành phố của Việt Nam Cộng Hòa trong dịp Tết Mậu Thân 1968 mãi là dấu ấn khó quên trong trí óc người dân hiền lành miền Nam Việt Nam.

Với tôi, năm mươi năm sau Tết Mậu Thân, những ngày bom đạn đẫm máu ấy vẫn còn hằn sâu trong tâm thức của cô bé ngây thơ cho đến tận hôm nay.

Nguyễn Thị Bạch Liên

Em - Mộng Thường

Mai Hồng Thu

Mai Hồng Thu là tên Việt của tác giả Donna Nguyễn/ Donna Nguyen. Với ba bút danh này, cô đã từng góp nhiều bài Viết Về Nước Mỹ và đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2013. Sanh tại Sài Gòn, sang Mỹ năm 1985, hiện là cư dân San Jose, California, tác giả đã dịch thuật và xuất bản 3 tập truyện ngụ ngôn dành cho thiếu nhi của Thornton W. Burgess dưới bút danh Nguyễn Nhã Đan Na (Nguyễn Donna). Sau đây là bài viết mới nhất của cô.

Cô tên Nguyễn thị Thường, nhưng từ ngày sang Mỹ, được cô em gái gọi là Mộng Thường, chắc là để tăng phần thơ mộng và có vẻ tương xứng với trình độ của cô em hơn.

Mộng Thường năm ấy 36 tuổi. Cô cao 5»1 nặng 145 pounds. Cô có đôi mắt tròn sáng, mũi sửa cân đối. Nhan sắc cũng vào loại dễ nhìn khi so với các cô gái cùng trang lứa. Nhờ phước cô em cũng lấy chồng kiều bào Mỹ, nên cô được giới thiệu một ông kiều bào gần bảy mươi tuổi ở Texas bảo lãnh theo diện kết hôn.

Trước khi cô qua Mỹ, cô em thường gởi tiền về để

Mộng Thường sắm sửa và chăm chút nhan sắc. Nàng liền đi tân trang làm tóc, làm mặt, tắm trắng để lột bỏ cái xác đen đúa ủn ỉn quê mùa của người ở tỉnh lẻ miền Nam chính cống. Dù cô đã sửa mũi và lên sống ở Sài gòn mấy năm rồi.

Mộng Thường kể, lúc cô ngâm mình trong bồn nước để tắm trắng, cả người cô rát rần rần, nhiệt độ trong người tăng cao tưởng chừng như ngộp thở. Mộng Thường gần như sắp mê man ngất đi trong sự mệt mỏi. Nhưng cô ráng chịu đựng được một hồi, thì làn da bắt đầu tróc và họ xức thuốc gì đó làm cho cả người cô ta cảm thấy dịu lại. Sau lần lột da nguy hiểm may mắn này, cả người Mộng Thường trắng hẳn ra nhìn thấy sang trọng hơn nhiều. Đúng là phát tướng đổi mạng, cô lấy chồng kiều bào, và mấy tháng sau Mộng Thường đi Mỹ với nước da trắng bóc, không còn rám nắng, dính phèn Việt Nam nữa.

Qua Mỹ ở chung với chồng và đám con tuổi bằng xấp xỉ mình, Mộng Thường vẫn hồn nhiên an hưởng không hề quan tâm đến những lời xiên xỏ của đám nhỏ. «Ừ, tui ăn học chỉ có được một nắm chữ hà, ba tụi bây cưới tui mang qua đây đàng hoàng chứ bộ theo không sao mà tụi bây có quyền không nhận». Mộng Thường nghĩ thầm như thế.

Làm người hiểu ít chút vậy mà hay, có gì nói thẳng đi tụi bây, chơi phất phất ngoài ngoại thành hoài thì «bây nói bây nghe, tui có hiểu gì đâu mà care» (care - quan tâm).

Nhờ vậy mà Mộng Thường yên ổn sống chung với ông chồng già, an phận ở nhà dọn dẹp nấu ăn, khỏi cần tình yêu, tình tứ, mộng bình thường vợ chồng có nhau. Lâu lâu rãnh ông chồng cũng dẫn đi lòng vòng đây đó cho biết với người ta và sắm sửa chút chút gởi quà về nhà. Hạnh phúc con người ở chỗ là, lâu lâu có vài trăm gởi về cho bà già cho bả khoái là Mộng Thường vui lắm. Chứ ở Việt Nam vì không tài không sắc, xoay sở đủ nghề Mộng Thường cũng chỉ đủ sống là mừng rồi. Ôi, trời thương, đời con có lúc hưởng, cái hưởng thụ đơn sơ miễn sao kiếm cái nghề ổn định, sống ngon hơn lúc còn ở Việt Nam là được rồi.

Hạnh phúc đối với nhiều người không giản đơn như hạnh phúc mà Mộng Thường đang hưởng. Giấc mộng bình thường như là chờ học xong tiếng Anh, học lái xe và có được việc làm lương công nhân, để có thêm tiền bỏ ống riêng và mỗi tháng gởi về một vài trăm cho má xài, giúp các em ăn học. Vậy mà trời không thương Mộng Thường cho trọn tình. Thời gian trôi qua mới gần hai năm, chồng Mộng Thường bệnh cũ tái phát, lên tăng

xông máu dãy đành đạch thấy ghê. Sau khi được đám con đưa vào nhà thương, tuần sau ông đột ngột qua đời không một lời từ biệt, trăn trối. Mộng Thường hoảng hốt nhiều hơn là buồn vì mất chồng. Giấc mộng ngỡ là bình thường, đã không còn giản đơn như nàng nghĩ.

Từ ngày ông vào bệnh viện và mất đi, Mộng Thường bị cô lập hoàn toàn với ø gia đình chồng. Những tưởng chỉ sanh ly ai dè tử biệt. Cuộc đời lên hương chưa kịp hết lâng lâng của sự bỡ ngỡ thì Mộng Thường nay đã trở thành người quả phụ. Số vốn liếng tiếng Anh của nàng không gì nhiều hơn là mớ chữ yes yes no no, ngoài ra cái gì cũng I don»t know hết. Các con chồng của cô hầm hầm chửi rủa kẻ có số sát phu và đuổi cô ra khỏi nhà. Cô em gái đành rước nàng về Cali với một vali quần áo, và túi giấy tờ bằng tiếng Anh có được sau khi xuống máy bay. Gia tài quý giá nhất của nàng chỉ là số an sinh xã hội. Mỗi lần đi đâu làm gì, Mộng Thường đều đưa nó ra như đưa tiền bảo hộ, lá bùa hộ mạng.

Cô em ghi tên để Mộng Thường học làm móng tay ở một trường người Việt. Vốn sẵn tính siêng năng, chữ nghĩa không nhiều, Mộng Thường vui vẻ với cuộc sống mới xung quanh những người bạn Việt Nam học nghề. Họ là những người chưa giàu nên chưa biết lên mặt khinh người nghèo, ít học.

Trường mở từ 8 giờ sáng cho đến 8 giờ tối vì chia ra hai khóa sáng, chiều. Nhưng Mộng Thường thì vô tư đóng đô ở trường luôn cả hai ca, nhận khách liên tù tì không nghỉ chỉ vì chút tiền bo còm cõi ít ỏi của khách hà tiện. Khách ở đây thường thích làm đẹp với giá bèo của trường học thay vì đến tiệm thẩm mỹ. Theo Mộng Thường, lê la ở trường khỏi mắc công đi bộ về nhà thui thủi một mình để tập quen làm người Mỹ sống với bốn bức tường. Dẫu nàng có mở Tivi xem, cũng không hiểu nó nói gì trong đó. Nếu nàng xem phim bộ lồng tiếng, mỗi tuần có vài cuốn mới, không đủ giết thời gian. Ở trong trường, Thường tán dóc với người này qua người khác, ngày ngày giống y như Việt Nam. Nếu có ai thương ai ghét, ai chọt ai khều gì nàng cũng chỉ cười hề hề. Mộng Thường nhờ vậy mà yên bề...học nghệ.

Bấy giờ Mộng Thường còn nào dám «mộng mơ quyền quý cao sang». « Một căn nhà nhỏ hai trái tim vàng» chắc nàng không bao giờ dám nghĩ tới. Nàng mong sao kiếm chút tiền phụ trả tiền phòng khỏi để em gái nặng nợ là may rồi. Vài ba đồng tiền típ từ một người khách đã là những may mắn đủ để nàng cười hân hoan với đám bạn học chung.

Thấm thoát thời gian qua nhanh, khóa học gần xong nên đáng lẽ Mộng Thường vui mừng hạnh phúc hơn bao

giờ hết. Nhưng gần đây, mọi người thấy Mộng Thường có vẻ rầu rầu lo âu ra mặt.

Hỏi thăm, thì ra Mộng Thường đang lo lắng không biết mình có hội đủ điều kiện để hoàn tất thủ tục thường trú nhân vĩnh viễn và khỏi bị đuổi về nước hay không. Tất cả giấy tờ liên quan đến chồng và giấy khai tử của ông ta Mộng Thường cũng không có. Mỗi lần Mộng Thường gọi điện thoại liên lạc các con ông chồng, thường bị họ chửi cho một mách rồi cúp điện thoại cái rụp. Mộng Thường không xin được một chút giấy tờ gì để gọi là bằng chứng của ông chồng quá cố đem nộp cho sở di trú thay thế những thủ tục bình thường của người qua Mỹ theo diện kết hôn xin quyền định cư ở Mỹ. Cô em gái Mộng Thường dẫu tánh lanh lợi, nhưng cô mải mê bận rộn kiếm tiền nên không có thời gian nhiều. Cô bỏ ra $5000 ngàn trả dứt một lần để văn phòng luật sư lo làm thủ tục giùm. Không may, ông luật sư này nổi tiếng vì ngày ngày bà con nghe quảng cáo tên ông ta trên đài phát thanh tiếng Việt mấy đợt. Không biết bao nhiêu người Việt không rành tiếng Anh, thiếu kinh nghiệm ở đất khách quê người đã tìm đến văn phòng ông ta và phần lớn đều bị «tiền mất tật mang.» Mộng Thường cũng là một nạn nhân, đã lỡ dại trả hết tiền lệ phí mất rồi. Nhận tiền xong, ăn nhậu xong là mặc xác thân chủ.

Ngày giấy tờ tạm trú hết hạn lâu rồi. Sở di trú gởi giấy về đòi trục xuất hoài. Vậy mà mỗi lần gọi điện thoại vào văn phòng là bị cắt ngang, bị chờ, bị kêu gọi lại sau. Cho nên Mộng Thường bắt đầu xanh xao buồn não vì lo sợ bị đuổi về nước một ngày không xa.

Cô em của Mộng Thường là Mi, có qua lại với tôi. Nghe Mi than thở chuyện bà chị, tôi hỏi :

- Sao mi lanh lợi vậy mà không lo cho xong cái vụ thường trú cho bả đàng hoàng đi ?

- Trời ơi, tui đâu có rảnh bà, còn phải lo kiếm tiền chứ. Tui đưa cho bả $5000 ngàn là hết lòng rồi đó. Đâu ai dè tụi nó bảo đảm đủ thứ mà bây giờ hồ sơ cũng chưa có nhúc nhích gì.

- Trời ơi, ai biểu bà đưa hết năm ngàn làm gì. Họ đòi tiền đặt cọc thôi, làm tới đâu trả tới đó chứ. Đưa hết, họ ăn ngập họng rồi ngu gì sốt sắng làm chi, ở không đi kiếm mối khác chứ.

- Ai biết tụi nó lưu manh vậy đâu. Mỗi lần chạy xuống văn phòng tụi nó tui phải mất một ngày làm cho nên tui nghĩ đóng một lần khỏi mắc công chạy tới chạy lui.

- Thôi rồi, vậy bà làm ơn kiếm người khác lo dùm cho chắc ăn. Đừng ở đó mà chờ sung rụng tội nghiệp bà Mộng Thường bả khờ chết cha hà !

- Bà làm ơn giúp bả dùm cho tui coi, có gì hậu tạ sau !

- Thôi đi bà, kiểu bà thì chắc chỉ có búa tạ thôi, đừng hòng tạ lúa hay tạ gạo, không dám không dám !

Nói vậy, nhưng sau đó thấy Mộng Thường tội nghiệp lo âu rầu rĩ nên tôi đã giúp Mộng Thường xem xét lại tất cả giấy tờ. Tôi gọi qua số điện thoại bên sở di trú thành phố Houston để kiểm tra xem hồ sơ đã tiến hành ra sao. Tôi xem thử có cần bổ sung gì không. Sau đó tôi chính tay sao y bản chánh các giấy tờ cần thiết và gởi đi giùm nàng.

Khi Mộng Thường nhận được thư hồi âm, chắc chắn là không bị trục xuất về Việt Nam thì nàng mừng lắm. Nàng cám ơn tôi rối rít và cứ đòi đãi đi ăn hoài. Dạo ấy tôi rãnh nên ghé nhà Mộng Thường đang trọ phòng, ngồi tán dóc xem phim, karaoke. Ngồi chơi chung với chị chủ nhà cũng là người thích hóng chuyện cũng học hỏi thêm nhiều thứ. Thường thì gần nhà họ hay có họp chợ bán cây trái từ nông trại nên chúng tôi thường hẹn nhau đi chợ mua đồ rất tươi và rẻ.

Khi giấy tờ đã về đầy đủ, tôi xúi Mộng Thường đem tất cả đến văn phòng hối mấy cha phụ tá luật sư làm tiếp. Sau đó, nàng đã gom đủ điều kiện và giấy tờ để nộp, chỉ chờ ngày hoàn tất giấy tờ họ gởi về chứng nhận là an tâm.

Mộng Thường ra trường, xin được việc làm với bà chủ trong trường luôn vì tánh cần cù siêng năng chịu cực. Mỗi ngày làm từ sáng đến tối mịt. Một tuần sáu ngày, lãnh được hơn ba, bốn trăm bạc là Mộng Thường mừng hết lớn.

Tôi khuyên Mộng Thường, thôi ráng vài năm lấy bằng quốc tịch rồi có về Việt Nam nghỉ phép dài hạn thì thử về cho biết mùi đời. Tôi biết cuộc sống ở Việt Nam chẳng còn như xưa. Mỗi năm mỗi thay đổi và tệ hại hơn. Nhiều người mơ về. Họ về rồi sẽ thấy không hợp thì quay trở lại Mỹ. Họ đi cày tiếp kiếm chút vốn, thấy buồn vì cô lẻ, lại lê la về Việt Nam giải tỏa cơn sầu. Ở Việt Nam hơi lâu, cơn sầu kiểu khác lại xuất hiện, kiểu sầu đời không có tiền «no money no honey», họ phải về Mỹ lại thôi. Nghe tôi phân tích, nàng lại vui vẻ ôm giấc mộng bình thường mà vui vẻ dũa móng tay kiếm tiền boa.

Thời gian sau này, tôi bắt đầu bận rộn nên cũng ít qua lại thăm hỏi chị em cô. Mới đây, có dịp gặp lại Mi, hỏi thăm bà chị, Mi kể là vẫn vậy. Ngày ngày Mộng Thường đi làm về, xem phim bộ giải trí, rồi đi ngủ. Bà ấy thấy cuộc sống lẻ loi và buồn chán quá, chịu không nổi mà không biết cách thay đổi tốt hơn. Cô em còn kể là Mộng Thường có lúc đã muốn an phận muốn lấy ông bán hột vịt lộn ở chợ trời để nương tựa. Nhưng vì ông ta ra điều kiện Mộng Thường phải dọn về ở chung ở tận một khu xa xôi hẻo lánh nào đó. Nơi đó muốn về lại San Jose phải lái xe ba, bốn tiếng, không có ánh đèn màu đô thị thân quen. Vì thế, đành phải ngoảnh mặt làm ngơ, cắt đứt «dây thiều», tiếp tục hẩm hiu.

Mi còn nói tội nghiệp bà ấy, cho tới nay vẫn chạy chiếc xe cũ rích và không dám chạy ra xa lộ vì nhát. Cuộc sống hàng ngày chỉ quanh quẩn chuyện đi làm, và xem phim bộ, không dám đi shopping nhiều, vì «nói cho ngay, bả cũng biết dành dụm gởi hết phần tiền lương còn lại về Việt Nam giúp gia đình,» Mi nói, «»Lâu lâu tui cho bả theo đi quán nhậu hát karaoke cuối tuần, thế thôi.»

Nghe chuyện Mộng Thường dành dụm tiền bạc gửi về giúp gia đình bên nhà, tôi thấy thương. Mong những người thân yêu của cô bên quê nhà, biết trân trọng sự hy sinh giúp đỡ của người bên Mỹ mà sử dụng đồng tiền ấy một cách đúng mức.

Mai Hồng Thu

Nỗi Đau Vẫn Còn Đó

Triều Phong (TPN)

Tác giả từng sống ở trại tỵ nạn PFAC Phi Luật Tân gần mười một năm. Ông tên thật Trần Phương Ngôn, hiện hành nghề Nail tại South Carolina và cũng đang theo học ở trường Trident Technical College. Với bài «Niềm Đau Ơi Ngủ Yên» viết về trại tị nạn Palawan-Philippines, Triều Phong đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2014. Sau đây là bài viết mới nhất của ông.

Ngày 19 tháng 02 năm 2018 trên Facebook của thành phố Providence ở tiểu bang Rhode Island có đăng tải «video» nói về một phán quyết đầy sự nhân bản của người cầm cân nảy mực đứng đầu tại một tòa án ở thành phố này là ông chánh án «Frank Caprio» khiến mọi người vô cùng cảm động !

Số là vào tháng Năm năm 2016 có một ông cựu quân nhân thời «chiến tranh Việt Nam» bị phạt một trăm đô ở Trung Tâm Y Tế của Hội Chiến Binh tại Providence vì vi phạm chỗ đậu xe. Khi xuất hiện trong phiên xét xử, người cựu quân nhân này đồng ý là ông sẵn lòng đóng phạt nhưng ông muốn phân giải rằng tình trạng của chỗ đỗ xe ở bệnh viện; nơi ông một tuần đến khám vài lần để chữa trị các chiến thương, thì rất là «atrocious !»

Sau khi nghe người lính trình bày câu chuyện của mình xong, quan tòa Frank Caprio hứa sẽ bắt buộc bệnh viện xem lại chính sách vi phạm luật đậu xe và ông thêm rằng người cựu chiến binh này không có gì buồn bởi tuy việc vi phạm chỗ đậu xe là một vấn đề nhưng ông không cần phải đóng phạt do đi điều trị những thương tích mà ông đang mang vì đã phục vụ cho đất nước và để cho chuyện xét xử được công bằng hơn vị quan tòa chỉ muốn nói «năm từ» thôi : THANK YOU FOR YOUR SERVICE !

Có mấy vị chánh án nào xung quanh chúng ta công minh như vị này ? Băng hình kết luận !

Câu chuyện đã lâu nay được đưa lên lại trước tháng Tư là tháng đã kết thúc chiến tranh Việt Nam cách đây bốn mươi ba năm như để tri ân các cựu chiến binh Hoa Kỳ đã chiến đấu trong chiến tranh Việt Nam mà tôi tình cờ đọc được làm tôi bồi hồi mãi không thôi khi ngày đến tháng Tư buồn kia mỗi lúc một gần !

Và nó cũng là nguyên nhân làm cho tôi nhớ đến một câu chuyện đau lòng khác đã xảy ra gần chỗ tôi sinh sống rất lâu mà tình cờ bây giờ tôi mới được biết.

Tôi vốn qua Mỹ muộn màng lúc tuổi đã lớn và vì còn cha mẹ già ở quê nhà nên đã phải từ bỏ ước mơ đi học để làm «nails» nuôi thân cũng như lo cho gia đình còn ở Việt Nam lúc định cư từ tiểu bang South Carolina.

Vài năm sau tôi lập gia đình rồi chuyển về quê vợ ở Ohio sinh sống sau khi chúng tôi có được một thằng con trai năm tuổi. Tại đây tôi vẫn tiếp tục công việc của mình để mưu sinh và bà Judy là một trong số các người khách «ruột» của tôi.

Bà Judy là người Mỹ trắng, cao ráo, đẹp đẽ, vô cùng lịch sự ! Tuy đã gần bảy mươi tuổi nhưng tướng tá bà còn rất khỏe mạnh vì bà vẫn đi «Gym» đều đặn mỗi ngày. Đây chính là điều khiến bà và tôi rất hợp nhau bởi tôi cũng thường xuyên đi tập thể dục để chữa cái cột sống bị chấn thương ở trong «trại lao động cưỡng bức» hồi còn ở bên nhà năm xưa của mình.

Khoảng hai năm sau khi đã khá thân với nhau, một hôm bà hỏi «tôi từ đâu tới ?» Tôi nói cho bà biết lý do vì sao người Việt phải trốn đi bằng đường biển hay đường bộ sau khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt vào năm 1975 bất chấp mọi phong ba bão táp, hải tặc hay đói khát hoặc vô số hiểm nguy chết chóc khác luôn rình rập, sự gian nan ba chìm bảy nổi kiếm đường vượt biên của tôi từ cuối năm 1978, nỗi khổ cực bị hành hạ gần

sáu năm trong các trại lao động của cộng sản lúc bị bắt và cuối cùng là tình trạng chờ đợi suốt gần mười một năm trời trong tuyệt vọng ở bên trại tỵ nạn lúc đến đảo sau ngày đóng cửa và khi đã bị bác quyền tỵ nạn.

Từ ngạc nhiên đến thán phục sự kiên trì, quyết tâm tìm tự do để hôm nay có được một đời sống như ước nguyện trên xứ Mỹ của tôi bà cũng kể tôi nghe là bà lấy chồng khá sớm. Bà có người anh chồng đi lính năm mười chín tuổi, sang Việt Nam tham chiến sau khi cưới vợ được vài tháng, rồi chết trong một trận đánh không lâu sau đó vào năm 1969 mà không hề biết rằng vợ mình ở quê nhà đã có thai.

Người chị dâu ấy khi đó còn là một cô gái nhỏ, ngây thơ dại khờ, mới chỉ mười tám tuổi. Không biết sẽ sống ra sao trước tương lai mù mịt với đứa con nhỏ sau đó, cô ta đã sợ hãi và đem giao đứa con trai mới sinh cho ông bà nội của nó rồi ra đi biền biệt.

Đứa bé trai đó được ông bà nó đặt tên là Tom, năm nay bốn mươi tám tuổi, hiện đang ở Springfield; một thành phố nhỏ của tiểu bang Ohio. Nó lớn lên vô tư trong tình yêu thương của ông bà nội mà nó cứ tưởng là cha mẹ cho đến khi bà nó sắp sửa qua đời thì họ mới cho nó biết sự thật. Quá phẫn uất và đau lòng, từ đó Tom trở nên lầm lì. Đây cũng đúng là thời các cựu quân

nhân tham chiến tại Việt Nam trở về đang bị truyền thông trong nước bêu rếu do đó hình ảnh của họ bị xấu xí, bị ruồng bỏ, bị đối xử tệ bạc, danh dự của người lính là «cục xương khó nuốt» do ảnh hưởng của nhóm phản chiến. Tom không biết sự hy sinh của ba nó có đáng không ? Đúng hay sai ? Nó luôn tự hỏi nhưng không tìm được sự thật cho câu trả lời ấy khiến càng ngày nó càng thêm bực tức, không muốn nghe và nói đến cuộc chiến tranh này và đó là lý do Tom cũng ghét người Việt Nam !

Câu chuyện đau thương chưa bao giờ được biết của người không cùng màu da chủng tộc nhưng lại gắn liền với số phận bi thảm của đất nước mình khiến tôi mủi lòng. Ngẩng đầu lên nhìn bà Judy, tôi thắc mắc :

- Thế hài cốt của ông bố của Tom có được mang về Mỹ không ?

- Có ! Bà trả lời.

Ông ta được chôn ở Nghĩa Trang Arlington ?

- Không. Ba má của anh ta quyết định đem hài cốt của con mình về chôn tại nghĩa trang thổ mộ ở quê nhà Springfield, Ohio này nè. Nhưng tên ông ta thì có trên «Bức Tường Đá Đen ở Washington D.C.»*

Bà dứt lời, cả hai rơi vào im lặng một lúc lâu. Mỗi người theo đuổi một suy tưởng riêng. Rồi tôi nghĩ tôi nên cho bà biết về những hoạt động hỗ trợ lũ lụt, thiên tai của Cộng Đồng Việt Nam trên khắp nước Mỹ trong nhiều năm qua, các buổi nấu ăn, làm từ thiện, phát quà bánh cho người vô gia cư cả Việt lẫn Mỹ ở Cali vào mấy dịp lễ lớn như Christmas hay New Year hoặc chính nhóm chúng tôi năm vừa qua cũng đã đóng góp tài chính để mua các phẩm vật cần thiết như chăn màn, xà bông, tã, kem đánh răng... cho bệnh viện cựu chiến binh hay cơ quan giúp đỡ người vô gia cư ở Dayton này trong ngày Thanksgiving.

Vì là ngày đầu tuần tiệm vắng khách nên tôi có nhiều thời gian rảnh rỗi, tôi còn nói cho bà hay là ngày nay, bà đã có thể nói cho anh Tom cháu bà là nước My, người Mỹ đã thấy rõ cuộc chiến chống cộng tại Việt Nam năm xưa là hoàn toàn có chính nghĩa. Các cựu chiến binh Mỹ từng chiến đấu ở Việt Nam nay đã được cả chính phủ và người dân coi trọng. Và tôi cũng ngỏ ý muốn gặp người con bất hạnh chưa một lần biết mặt cha mẹ ấy để chia sẻ nỗi mất mát lớn lao mà anh đã chịu đựng cũng như cám ơn sự hy sinh của cha anh ta trong việc bảo vệ tự do cho đất nước tôi.

Bà Judy lấy làm thú vị với mấy câu chuyện tôi nói, hứa sẽ chuyển lời lại cho cháu bà. Và tôi đã chờ rồi đợi mãi nhưng chỉ nhận được sự im lặng. Một thời gian sau, bà đến làm móng tay và cho biết người cháu trai của bà chưa muốn gặp tôi. Câu chuyện dừng lại ở đó cho đến hôm nay bỗng nhiên bà bất ngờ dẫn anh ta đến đây khiến tôi vô cùng ngạc nhiên.

Tom ngồi xa xa trên dãy ghế chờ đợi dành cho khách sát với cửa ra vào trong khi tôi làm «deeping powder» cho bà. Sau khi xong tôi tiễn bà ra ngoài, bắt tay anh thật chặt khi bà Judy giới thiệu, nhìn thẳng vào mặt Tom; một người đàn ông trung niên vạm vỡ, to cao, có đôi mắt đẹp nhưng buồn với hai con ngươi màu hạt dẻ, hàm râu quai nón rậm được cắt tỉa cẩn thận. Tôi nghĩ mình sẽ nói với anh ta rằng «người Việt Nam chúng tôi vô cùng biết ơn sự hy sinh của ba anh và xin...»

Vừa nghĩ tới đây, tôi chợt thấy không biết có nên khơi lại niềm đau cô đơn vì cha mất, mẹ bỏ đi của anh ta không ? Chắc là không.

Khi nói chuyện với anh, tôi lái câu chuyện sang đề tài khác bằng cách cho anh hay năm 2017 vừa qua Chính Phủ Mỹ đã ấn định ngày 29 tháng 03 hằng năm là Ngày Cựu Chiến Binh Chiến Tranh Việt Nam Toàn Quốc của Hoa Kỳ nhằm vinh danh các người lính đã hy sinh phục

vụ cho quốc gia. Tôi cũng kể cho anh ta nghe chuyện ông chánh án Frank Caprio tỏ lòng quý trọng người cựu binh ở Việt Nam thế nào. Nghe chuyện, hình như các thớ thịt trên gương mặt của anh co giật bởi bị kích động còn bà Judy thì vui mừng vì cuối cùng nước Mỹ cũng trả lại danh dự cho những người như cha anh.

- Tôi mong muốn được viếng mộ ba anh một ngày nào đó nếu anh cho phép. Tôi nói tiếp với anh.

Tom hít một hơi thật dài, cảm kích trước những gì tôi nói và đáp :

- Maybe !

Nhìn theo bóng dáng họ khuất sau khi quẹo qua tiệm cà phê Winans trong The Green Mall, tôi nghe bâng khuâng cõi lòng và tự nhủ mình sẽ liên lạc với Tom để có thể viếng mộ và tri ân người cha của Tom.

Cuộc chiến tranh nào cũng để lại lắm mất mát cho nhiều người từ mọi phía ! Riêng cuộc chiến Việt Nam đã chấm dứt gần nửa thế kỷ nhưng xem ra vẫn còn đâu đó nhiều nỗi buồn không nguôi !

Dayton-Ohio, 30/04/2018

Triều Phong (TPN)

Chuyện Mắt Già, Mắt Cườm, Mổ Mắt

Sao Nam Trần Ngọc Bình

Tác giả từng nhận giải Viết Về Nước Mỹ 2015. Ông là cựu sĩ quan VNCH, giảng viên trường Sinh ngữ quân đội, cựu tù cải tạo. Ông cũng là tác giả sách «Hành Trình về Phương Đông» do «Xây Dựng» xuất bản năm 2010. Mới nhất, là cuốn «Within & Beyond» do tác giả viết bằng Anh ngữ và tự xuất bản. Sau đây, thêm một bài viết mới.

Trước đây, tôi chỉ nghe nói chứ không tìm hiểu kỹ về mấy loại bệnh mắt, không nắm vững chuyện mắt bị cườm hay đục thủy tinh thể, vì cứ nghĩ mình đâu có là y tá hay bác sĩ mà tìm hiểu làm gì cho thêm mệt. Nhưng rồi, khi qua tuổi «thất thập cổ lai hy,» thấy khi coi TV, mấy hàng chữ phụ đề ngày càng nhòa nhòa, lái xe đôi khi bị chói mắt, rồi nhìn quanh, thấy mấy ông bà cùng trang lứa nay phải đi mổ cataract làm tôi cũng xốn xang trong lòng ! Hỏi lý do thì ai cũng nói nếu không mổ thì bị mù.

Nghe đến chữ «mù» thì ai cũng phải sợ. Vì mù thì đúng là tàn đời trong ngõ hẹp. Mà chờ chết trong cảnh tối tăm 24/24 suốt 365 ngày thì làm sao chịu được. Thế là tôi đành phải đi khám bác sĩ mắt xem sao.

Lần này ông bác sĩ mắt sau khi khám mắt tôi xong phán một câu xanh rờn làm tôi sướng như được lên tiên:

«Cầu 10 năm nữa ông mới bị một tí ti cataract thôi. Chịu khó chăm sóc con mắt tí ti là yên tâm !»

Nói rồi ông cho tôi một toa thuốc kèm theo một «toa ăn.»

Toa thuốc là mua dầu cá với lời dặn phải uống đều mỗi ngày một viên. Ông còn nói thêm, phải mua dầu cá do Na Uy sản xuất thì mới đạt yêu cầu vì sinh tố Omega 3 của loại dầu cá này rất tốt cho mắt còn mấy thứ khác không bảo đảm.

Còn «toa ăn» ông viết cho tôi tên một loại rau là Kale đọc là «kê li.» Có thể coi theo đường dẫn sau đây :

http : //dinhduongchuan.com/cai-kale-loai-rau-sieu-dinh-duong/

Nghe theo lời ông, tôi ngoan ngoãn vừa uống dầu cá vừa ăn rau kale. Không chỉ vậy, sau khi tham khảo 2 web đính kèm theo bài này tôi còn ăn thêm rau spinach, rau Collards green cùng trứng gà.

Ba loại rau trứng này có thể làm thành món salad trộn dầu và giấm hay luộc chín chấm nước mắm thành món ăn ngon lành.

Bạn có thể mua 3 loại rau này tại chợ Wal-Mart hay chợ Aldi. Về phần tôi tôi, vì ở nơi hẻo lánh, tôi không thấy chợ Việt Nam bán ba loại rau này.

Cả ba món này đều rất thích hợp với khẩu vị của tôi và tôi cũng ước mong là quý liệt vị cũng thấy ngon khi ăn thử.

Phụ với ba loại rau này là tròng đỏ trứng gà có chất lutein bổ cho mắt nữa. Cứ mỗi sáng tôi ăn một trái trứng trụng nước sôi.

Ngoài ra tôi còn làm động tác đảo mắt cho mỗi mắt từ trái sang phải cho mắt phải và từ phải sang trái cho mắt trái. Nếu trước kia lúc còn ở trong tù cải tạo vào những năm 1980», sau khi tập Yoga xong tôi tập xoa bóp theo cuốn Phương Pháp Dưỡng Sinh của bác sĩ Nguyễn Văn Hường, tôi đảo 2 mắt mỗi mắt có 6 lần thì bây giờ tôi đảo hai mắt mỗi mắt 25 lần theo như chỉ dẫn của một ông thầy người Hoa trên internet.

Có thể nhờ vậy, đến bây giờ khi lái xe có đeo theo kiếng mát tôi không còn bị chói mắt nữa.

Khi coi TV thì hàng chữ phụ đề bằng Anh Ngữ không còn bị nhòe nữa. Phải chăng do tôi ăn 3 loại rau cùng trứng gà và tập đảo mắt nên tôi đã cải thiện được khả năng nhìn của tôi.

Đây là kinh nghiệm của tôi mong được chia sẻ cùng quý liệt vị. Một toa thuốc không thể đúng cho mọi người nhưng nếu thử tập để xem sao.

Thế rồi một ngày đẹp trời tôi đi khám mắt xem sao. Người khám mắt cho tôi lần này là một cô kỹ thuật viên chuyên đo mắt. Sau khi đo đoán sao đó, cô ấy phán tôi bị cataract và bảo tôi phải đi mổ mắt.

Trước khi ra về tôi ghé quầy bán kính đặt làm một cặp kính mới. Không ngờ cô kỹ thuật viên đo mắt cho tôi có việc đi qua cô bèn ghé lại và nói :

«Ông sẽ mổ mắt nên không cần mang kiếng nữa !»

Tôi nghe cổ nói mà không hiểu cổ muốn nói gì. Ấy là vì sự hiểu biết về mắt của tôi không bằng bề dày của một sợi tóc !

Khi về nhà, có anh bạn quen cùng hãng đến chơi, anh này mới mổ mắt, vì ù ù cạc cạc về bịnh cataract nên nhân tiện tôi bèn hỏi anh bạn là tôi có nên đi mổ mắt không rồi tôi đưa cái hồ sơ giới thiệu các bác sĩ mổ mắt

của cô chuyên viên đo mắt cho anh ta coi.

Mở ra coi anh bạn tôi nói trong vùng này có 3 ông bác sĩ mắt thì một ông lấy tiền mặt chứ không nhận bảo hiểm và anh giới thiệu tôi đến vị bác sĩ đã mổ cườm cho anh.

Anh cho biết khi đi tù cải tạo về anh đi khám mắt thì bác sĩ bảo anh bị cườm và phải mổ. Vì khi còn ở Việt Nam, không có tiền nên anh đành hẹn nợ với hai con mắt một thời gian khá lâu. Ngay ngay cả sau khi đi H.O đến Mỹ hơn 10 năm sau anh vẫn ghi nợ và mãi năm ngoái hai vợ chồng anh mới đi mổ mắt.

Anh bạn cho biết anh cũng có bảo hiểm nhưng khi mổ xong anh phải đóng thêm lối một ngàn đô nữa cho ông bác sĩ mổ mắt.

Còn bà xã của anh khi phải mổ mắt thì còn đi làm nên có bảo hiểm của hãng. Mổ xong thì bả phải trả cho ông bác sĩ mổ mắt ba ngàn đô.

Nghe xong tôi chẳng hiểu mô tê gì cả ! Đem kể chuyện này cho một bà bạn thì bả phán giản dị :

«Tùy mình thôi ! Tiền nào của ấy mà anh !» Bà bạn tôi nhấn mạnh và giải thích :

Ông bạn chỉ đóng thêm một ngàn đô nên mổ xong, ông ta vẫn phải mang kính. Còn bà xã ông ta, bả phải đóng 3 ngàn đô vì ông bác sĩ mổ đã ghép một cái thấu kính thật tốt cho bà ấy nên bà ta khỏi cần mang kính nữa.

A, vậy là chuyện mổ mắt cũng là chuyện phải tính toán tiền bạc. Tùy khả năng của bịnh nhân mà ông bác sĩ sẽ ghép cho mình một cái thấu kính nhân tạo loại tốt để mình không phải mang kính nữa hay vẫn phải mang kính nếu khả năng tài chánh của mình yếu !

Vẫn chưa thỏa mãn tôi bèn hỏi thêm anh bạn cùng học thời trung học và hiện đang ở Nam Cali thì anh cho biết kinh nghiệm của anh như sau.

Bác sĩ khám mắt cho anh có quốc tịch Mỹ gốc Nhật ông cho biết chỉ mổ con mắt bị cataract thôi.

Cứ theo luật của Cali thì bệnh nhân khi mổ phải ký vào một cái mẫu có sẵn là chỉ mổ một con mắt. Tuy vậy, đa số những người bạn Mỹ vẫn đi câu cá với anh tuy bị cataract nhưng họ đều không đi mổ họ chỉ tránh không lái xe ban đêm.

Hỏi làm sao để biết là mình bị cataract, anh nói, ‘Để tôi chỉ cho anh, nếu lấy một tay bịt một con mắt lại mà

mắt kia vẫn trông thấy như bình thường thì con mắt đó vẫn còn tốt không bị cataract. Chỉ khi nào mà con mắt kia thấy một làn sương màu trắng đục thì con mắt đó mới bị cataract. Cứ lần lượt bịt từng con mắt lại rồi thử nhìn là biết mình đã bị cườm mắt hay chưa.»

Anh bạn hàng xóm của tôi đã mổ một con mắt rồi tôi hỏi tại sao chỉ mổ một con thì anh nói vì con mắt kia vẫn còn tốt.

Ông anh họ của tôi bên Nam Cali đi khám mắt tại clinic của một bà bác sĩ người Thái tốt nghiệp khoa mắt ở Đại Học Y Harvard. Bà ấy nói với ông anh tôi là mỗi lần mổ, chỉ được mổ một con mắt thôi. Tháng sau trở lại nếu con mắt được giải phẫu tốt thì mới mổ tiếp con mắt kia, nếu con mắt kia còn tốt thì không phải giải phẫu.

Khi được hỏi thế nào là không thấy thì bà bác sĩ này cũng nói giống anh bạn đã giải thích dùm tôi : bịt một mắt lại mà mắt kia thấy một làn sương mờ trắng đục thì đúng là bị cataract nên mới phải mổ còn con mắt kia nếu thấy bình thường thì không phải mổ.

Ngoài chuyện mắt bị cườm cần mổ, Khi tuổi già tới, con mắt còn nhiều mối nguy khác. Ấy là vì con mắt có liên quan đến hệ thống thần kinh của bộ não. Nhờ

những dây thần kinh nối kết giữa hai con mắt với bộ não mà người ta nhìn thấy hình ảnh.

Nhiều người bị cao máu, sau một trận đột quỵ, con mắt bỗng nhiên không nhìn thấy như trước nữa. Nghe nói có người chỉ bị một cơn sốc nhẹ (minor stroke) vậy mà sau đó bỗng nhìn một thành hai, gọi là double vision, vì những thứ do hai con mắt thu hình không con được hiện ra đồng bộ nữa. Ấy là vì cái dây thần kinh số 3 hay số 4, liên quan tới thị giác bị trục trặc.

Dĩ nhiên, việc xử lý hay điều trị mọi thứ bệnh đều phải hỏi bác sĩ chuyên môn. Bệnh về mắt hình như còn nhiều rắc rối hơn những bệnh khác vì mắt liên quan tới cả não. Có khi chỉ một bác sĩ chuyên khoa mắt còn chưa đủ, phải hỏi thêm cả ông bác sĩ chuyên về não nữa.

Vài hàng của kẻ chẳng am hiểu gì về chuyên môn, chỉ thấy gì kể nấy, mong được chia sẻ cùng quý vị.

Hè 2018

Sao Nam Trần Ngọc Bình

Tài liệu tham khảo :

1/ Cataracts eggs are a highly bioavailable source of lutein

https : //www.news-medical.net/news/2004/08/26/4355.aspx

2/ Cataracts Lutein and Zeaxanthin - Eye-Friendly Nutrients

https : //www.aoa.org/patients-and-public/caring-for-your-vision/nutrition/lutein-and-zeaxanthin

Tấm Hình Xưa

Minh Nguyệt Graves

Tác giả cùng hai con gái tới Mỹ ngày 27 tháng Bảy năm 2001 theo diện đoàn tụ. Mười sáu năm sau, bà hiện có tiệm Nails ở Texas và kết hôn với một người Mỹ. Với sức viết giản dị mà mạnh mẽ, tác giả lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ năm 2017. Bài viết mới của bà là chuyện tấm hình một cô bé học trò 15 tuổi. Tấm hình từng qua tay kẻ trộm, trở thành bùa hộ mạng của một thuyền nhân, với những tình tiết éo le dài gần một đời người lưu lạc.

Sân bay trung chuyển Hong Kong.

Thời tiết thay đổi đột ngột, trên loa vừa thông báo có bão, các chuyến bay sẽ phải hoãn ít nhất một ngày.

Giữa đám đông ồn ào bát nháo, có 3 người khách khá lớn tuổi kiên nhẫn ngồi khá tách biệt ở góc phòng. Nhân viên của hãng bay đến trao cho họ chăn ấm và thẻ ăn để dùng trong thời gian máy bay trì hoãn.

Người đàn ông già đội mũ bê rê hỏi bâng quơ :

«Có đồ ăn Việt ở đây không nhỉ ?»

Người phụ nữ ngước mắt ngạc nhiên nhìn ông cười tủm tỉm.

Người đàn ông trong chiếc áo khoác dài cũng quay đầu nhìn và mỉm cười.

Vậy là họ làm quen.

Chỉ câu nói đơn giản đó, mà cả ba người tự xích lại ngồi gần nhau. Cả ba đều là người Việt Nam, cùng là người Huế thì đúng hơn.

Ông già đội mũ bê-rê có vẻ lớn tuổi nhất, mở mũ chào, và tự giới thiệu :

- «Tôi là n, tôi từ Mỹ về Việt Nam. Thế ông và bà đi đâu ?»

Người phụ nữ gật đầu chào :

«Tôi là Minh, cũng từ Mỹ về Việt nam chơi.»

Người đàn ông trong chiếc áo khoác dài, vừa nói vừa sắp xếp chỗ để ngả lưng :

«Tôi tên là Đức. Tôi ở Pháp, rất vui được làm quen với Ông và Bà.»

«Tình cờ gặp nhau, là cái duyên».

Cũng ông n nói lầm bầm. Không biết ông nói với chính mình hay nói với hai người bạn mới quen, nhưng cả hai người kia cũng mỉm cười gật gật đầu ra chiều thú vị lắm.

Ông nói giọng Huế khá nặng, lâu lâu ông lại nói lầm bầm, không đủ lớn để làm phiền người chung quanh, nhưng vừa đủ để hai người bạn đồng hành nghe.

Ông kể về cuộc đời khổ cực của mình những năm chiến tranh, theo cha mẹ bỏ nhà cửa ở Quảng Trị vào Huế sinh sống.

Rồi chiến tranh cũng chấm dứt, nhưng cái khổ thì vẫn đeo đẳng. Không điện không nước, ông nhớ những ngày vừa cầm vở học vừa đứng xếp hàng dưới mưa để chờ mua tem phiếu thực phẩm là những bao sắn khô, khoai khô, bo bo, còn gạo chỉ là một «đùm» nho nhỏ như để làm hương hoa cho cái nồi vẫn được gọi là nồi «Cơm» dù sau thời chiến tranh không thấy cơm đâu cả !

Ông nhớ ngày cuối năm Mạ làm mâm cỗ để cúng ông bà, đợi cả ngày để được ăn miếng thịt, nhưng rồi tới khi được phép ngồi xuống ăn cùng gia đình trên chiếc chiếu trải trên thềm nhà nhỏ, vì nhà lớn bị tịch thu do cha của ông làm việc cho chế độ cũ, thì nước mắt trào ra...

Thấy con không ăn được, bà mẹ hỏi :

«Vì sao vậy ?»

Vì dĩa Ra-gu Mạ nấu, ngoài mấy món rau củ không có thịt !»Ngán lắm, không ăn được.»

Nhớ dĩa ra gu của mẹ ông còn nghe như có nước mắt vì nghẹn...

Thời đó, ông đi học chỉ vì không có việc chi khác để làm, và vì Mạ và các anh bắt đi học, chứ ông không tin rằng mình có thể vào đại học.

Học xong lớp 12, bị kêu đi lính. Ông trốn vô Nam. Khi đi học thì tụi nó chê «Nguỵ» không cho. Còn đi lính vô chỗ chết thì «ưu tiên một», ông có ngu đâu !

Ông theo chân thằng bạn vào Nam, đi phụ xe chở gỗ bên Lào về Việt nam. Cứ tưởng cuộc sống cứ vậy mà khấm khá lên, ai dè, có bữa xe bị tai nạn, thằng bạn chết.

Mất việc, ông đi lang thang, chưa biết tính sao cho tương lai mù mịt của mình thì gặp lại một thằng bạn hồi còn học trung học ngoài Huế. Hỏi :

«Mi làm nghề chi ?»

«Ăn trộm, nhưng không ăn cướp, hê hê hê.» Thằng bạn cười vô tư.

Hôm sau, lợi dụng lúc ban ngày, người ta đi làm, thằng bạn bảo ông đi theo nó. Tới nơi nó đã nhắm sẵn trong xóm, hắn nói bây giờ mi canh tau cạy cửa. Ông ngần ngừ, vì từ hồi nào tới giờ, tuy cực khổ, nhưng chưa bao giờ ông làm điều gì phạm pháp cả. Thằng bạn quả quyết :

«Có gì đâu mà mày sợ. Mày chỉ học việc thôi, chỉ cần đứng ở ngoài trông chừng lỡ có ai về thì chọi cục đá vào cho tau biết.»

Nể bạn, ông đành làm theo nó. Đứng ngoài cửa sổ, ông nhìn vào thấy ngôi nhà tuềnh toàng, ít đồ dùng, còn thằng bạn thì ra vẻ chuyên nghiệp, xem trên ngó dưới, hai mắt láo liên, từ góc giường cho tới trên rầm nhà. Một hồi, nghe thằng bạn nói nhanh :

«Đủ rồi, biến thôi !»

Thằng bạn hí hửng với cái túi chiến lợi phẩm, gồm cái máy nghe nhạc và một cái hộp nhỏ bằng thiếc, to bằng 3 ngón tay, giống như hộp đựng thuốc lá, (hay đựng thẻ tín dụng bây giờ.) Hắn xoay qua xoay về ngắm nghía cái máy nghe nhạc, rồi lại cầm cái hộp lên :

«Tau chộp cái hộp vì ngoài ra chẳng có gì đáng giá cả. Với lại, cái hộp nhỏ chút, hy vọng có vài chiếc nhẫn vàng, chứ tiền thì để không vừa rồi, đúng không ? Nhưng mà sao tao thấy nó nhẹ hều à !»

Ông cười :

«Thì cứ mở ra coi là biết liền, đoán già đoán non làm chi mất công.»

Thằng bạn ra vẻ ta đây rành chuyện «ăn trộm» lắm, nên khoát tay :

«Thì không tin, mi cứ mở ra mà coi. Vàng thì phải nặng, tau đoán là cái hộp «không !»

Mở hộp ra, đúng là cái hộp «không» thật ! Không có tiền hay vàng, mà chỉ có vỏn vẹn tấm ảnh trắng đen nhỏ xíu, úa vàng vì hơi ẩm của nước và bụi thời gian.

Đó là tấm ảnh của một cô bé cỡ khoảng 14, 15 tuổi, tóc ngắn xõa ngang vai, phía trước tóc mái rẽ sang hai bên. Cô mặc áo trắng (giờ đã ngã ra màu ngà), tay dài, có cổ cao lên như cổ áo dài, hai hàng nút gài phía trước, và các hạt nút là những cái bông được kết bằng sợi dây vải. Có thể đoán huy hiệu của trường ở bên góc áo bên phải, và phía sau tấm ảnh có ghi tên, nó như thế này : «TNTN 1976-1977»

Trong khi ông ngắm nghía bức hình, thì thằng bạn tỏ vẻ tức giận, chửi thề luôn miệng :

«ĐM. Có tấm hình mà cũng bày đặt bỏ trong hộp, biết vậy, đừng lấy mất công ! Mi muốn làm chi với cái hộp thì tuỳ, còn tau tìm chỗ bán cái máy !»

Ông cám ơn thằng bạn, rồi chào tạm biệt nó. Ông không đồng ý với cách sống của thằng bạn cũ, ông tìm con đường khác vậy. Ông lại xin đi phụ xe tải, nhưng kỳ này chỉ là xe chạy quanh thành phố Sài Gòn thôi. Chủ xe là cặp vợ chồng rất tốt bụng, cho ông chỗ ăn ở, đối xử như người trong nhà. Một hôm, lúc ông đang đứng xi-nhan cho tài xế quay xe, thì không ngờ phía sau lưng cũng có một xe tải đang «de», tông vào ông. Ông té xuống bất tỉnh, người ta đưa ông vào nhà thương, họ nói là ông thật may mắn, vì ông chỉ bị trầy xước nhẹ, chứ lỡ xui xẻo, khi té mà cái đầu va vào thành xe thì cũng khó để toàn thây.

Ông nghĩ chắc là nhờ tấm ảnh đã đem cho ông may mắn chăng ?

Mấy tháng sau, người chủ xe đó hỏi ông có muốn về dưới Cà Mau, phụ lái thuyền, vì họ có ý định dọn về dưới đó ở; mua thuyền đánh cá. Ông đồng ý ngay, ở đâu cũng giống nhau thôi mà, làm nghề trên sông biển cũng

hay ! Nhớ thời nhỏ ở Huế, được đi biển thích lắm.

Và rồi, một đêm tối trời, trong khi ông đang đi lang thang trên bãi biển, thì một nhóm người từ đâu không biết ùa ra, vừa chạy lúp xúp vừa la :

«Chạy đi, chạy nhanh lên, theo hướng ngọn đèn ấy, tàu đang đợi ngoài kia.»

Ông có biết tàu bè gì đâu, nhưng bị mấy người kia la, rồi cuống quíu ông cũng chạy bừa theo họ. Rồi ông trèo lên chiếc xuồng nhỏ. Rồi xuồng to. Rồi thuyền lớn... Rồi ông tới trại tị nạn Hong Kong !

Đúng là nói không ai tin, nhưng đó là sự thật.

Tạm biệt quê hương, ông ra đi mà chẳng ai biết, ngay cả cha mẹ anh chị em, cũng chẳng tốn một đồng. Đúng là con người ta có cái số thật, và cái số của ông là số được «xuất ngoại !»

Ở trại tị nạn mấy tháng thì người ta cho ông qua Mỹ. Ông đoán là vì ông khai cha ông làm cho chính quyền miền Nam Việt Nam, chứ ông đâu có bà con gì ở Mỹ ?

Ngày ông đặt chân tới Mỹ, hành lý vỏn vẹn chỉ có bộ đồ mặc trong người và... cái hộp thiếc có tấm ảnh của cô bé.

Ông đã không vứt nó như lời thằng bạn dặn, ngược lại đi đâu ông cũng mang theo bên người.

Ông cũng không biết vì sao ông muốn giữ bức hình, vì ghen tức với chủ nhân của nó chăng ? Người ta có bạn, cớ sao ông chẳng có ai ? Nếu vì ông nghèo, sống lay lắt, cô đơn, không gia đình, thì ông mới chính là người cần có bạn hơn ai hết chứ ?

Hễ khi nào thấy buồn, thì ông lại lấy tấm hình ra xem, ông nhìn và tưởng tượng ra đó là một cô bé, khuôn mặt xinh xinh, chắc là hay cười, thích làm điệu, và có phần nghịch ngợm nữa.

Bao năm qua, ông mang theo tấm hình của người con gái không quen, như một tấm bùa hộ mạng, như một niềm an ủi, như một ước mơ sâu thẳm...

«Như có một người bạn luôn bên mình,» ông phân trần khi có ai hỏi.

Sau khi qua Mỹ, mặc dù cuộc sống thay đổi nhiều, ông đã có bạn, có công ăn việc làm, rồi ông bảo lãnh cho gia đình cha mẹ qua Mỹ, nhưng không vì thế mà ông quên tấm ảnh. Không biết từ bao giờ, ông có thói quen ngồi nhâm nhi ly rượu, nhìn tấm ảnh và thổ lộ tâm tư thầm kín, từ những bực bội với đồng nghiệp, lo lắng

cho công ăn việc làm, và tới cả những lần đau khổ vì bị bồ bỏ !

Ông có trở về Việt Nam vài lần, và lần nào, ông cũng tự hứa sẽ tìm lại chủ nhân của bức ảnh để trả lại, vì biết đâu, người đó cũng rất buồn vì mất nó.

Lần đầu tiên ông về, tìm gặp thằng bạn «ăn trộm», giờ đã là Giám đốc công ty xây dựng, nhà to cửa lớn, ông nhắc chuyện cái hộp thiếc và chiếc máy ảnh. Nó chẳng nhớ gì cả, còn la ông sao lẩm cẩm, chuyện cả 40 năm rồi, «Buông bỏ bớt ba chuyện vớ vẩn cho nó nhẹ người ông à.»

Sau đó ông có về thêm 2 lần nữa, nhưng hỏi ai người ta cũng bảo : «Tìm kim đáy biển !»

Gần đây, bác sĩ bảo ông bị bệnh, ung thư phổi, sợ ông không còn sống thêm được bao lâu nữa, họ dặn : «Nếu còn điều gì chưa làm được thì hãy ráng làm đi, trước khi quá muộn !»

Ông muốn tìm cô gái- chủ nhân của tấm hình trong cái hộp thiếc, hoặc người đã được cô tặng nó để trả lại. Nhưng bằng cách nào ? Ông không biết !

Rất có thể ông về Việt Nam lần này là lần cuối, «Ráng thử một lần nữa xem sao !»

Nghe người bạn bảo rằng, giờ đây nhờ Facebook nhiều người lạc nhau cả 50, 60 năm cũng tìm lại được, có thật không nhỉ ?

Quay qua 2 người bạn mới quen, ông hỏi lại

«Ông bà có nghĩ vậy không ? Tôi đoán ông bà cũng cỡ tuổi tôi thôi, mà bà là phụ nữ lớn lên ở thời đó, bà có tặng ai hình không ?»

Bà Minh cười :

«Thời đó khổ lắm, xin được tiền để chụp hình làm thẻ học sinh là nhứt rồi, làm chi có hình dư mà cho ai ? Ông đưa tui coi, cô nớ học trường mô ?»

Ông Đức đưa tay đỡ cặp mắt kiếng, thủng thẳng đáp

«Tui thì về Việt Nam kỳ này có dự họp mặt bạn bè học Đại học cũ, tui sẽ ráng hỏi giúp ông. Còn chuyện Facebook thì nếu ông muốn, tui sẽ làm giúp cho ông một cái.»

Ông n chậm chạp lục tìm trong túi áo, lôi ra cái hộp thiếc và lấy tấm ảnh đưa cho ông Đức, rồi ông Đức lại chuyền tiếp qua cho bà Minh. Tấm ảnh mờ quá, khó thấy được nét mặt, cũng khó đọc được tên của trường ở cái bảng tên, nhưng tên người và năm tháng phía sau thì

khá rõ nét. Bà Minh nhìn tấm hình mà thấy ngờ ngợ, nét chữ viết ngó quen quen. Tư lự một hồi, bà nói :

«Ông à, ông cho tui số phone, để khi về Huế rồi, tui sẽ liên lạc với ông.»

Hôm sau, trời đẹp trở lại, máy bay được phép cất cánh. Ba người chia tay nhau, sau khi đã trao đổi thông tin cá nhân để sau này còn liên lạc.

Mấy hôm sau, ông Đức đi họp mặt bạn học Đại học ở Huế, trong lúc chuyện trò đã nổi hứng kể lại câu chuyện của ông n, đi tìm người trong ảnh mặc dù chưa hề gặp mặt bao giờ ! Ngờ đâu, có một người bạn reo lên :

«Ông nói thật không đó ? Bởi vì mấy tháng trước, trong trang của một nhóm bạn ở Facebook, tôi có thấy một người đăng tin bị mất ảnh và muốn chuộc lại, tụi mình làm «mánh» ni kiếm ít chai uống đi.»

Hỏi qua hỏi lại một hồi, thì ông Đức có số phone của ông Nghĩa, người đã đăng tin tìm ảnh. Đúng là Huế nhỏ thiệt !

Vậy là ông Đức gọi điện thoại cho ông n, và ông Nghĩa. Không biết sau đó ông n và ông Nghĩa đã nói chuyện gì với nhau, nhưng một điều chắc chắn là có một buổi tiệc vào buổi tối tại khách sạn Thành Nội vào

một cuối tuần do ông Nghĩa đứng ra tổ chức, với yêu cầu duy nhất là khách nam giới phải mặc Veston, phụ nữ phải mặc áo dài.

Chiều tối cuối tuần đó là một buổi họp bạn đặc biệt. Khoảng 20 người, toàn là bạn học cũ lớp 9 của ông Nghĩa, chỉ có hai khách mời là ông n và ông Đức.

Sau mấy lời chào mừng của ông Nghĩa mở đầu buổi tiệc, ông n, người thường đội mũ Bê rê, được giới thiệu như một vị khách đặc biệt. Xuất hiện với bộ veston trang trọng và cái mũ bê rê, ông n tự sơ lược về mình, rồi qua làn nước mắt, ông nghẹn ngào nói, «Xin hoàn trả lại chủ nhân tấm ảnh tui đã mạo muội lấy cắp từ 40 năm trước.»

Thì ông Nghĩa, người bị kẻ trộm bẻ khóa vô nhà lấy mất cái hộp đựng tấm ảnh, cũng không kém phần xúc động, đã nói lời cám ơn, và tiếp :

«Còn có một điều bất ngờ nữa tui muốn dành cho ông, đó là cô bé trong bức hình cũng có mặt trong buổi tiệc tối nay !»

Ông già đội mũ Bê rê có phần sững sờ, khựng lại :

«Ông không đùa đó chứ ?»

Sau đó, ông nghe người ta gọi to tên của ai đó và rồi một người phụ nữ tiến tới phía bàn của ông.

Đó chính là người phụ nữ đã bị trì hoãn chuyến bay cùng ông !

«A, thì ra là bà. Sao bà không nói cho tui biết lúc đó ?» Ông cười bẽn lẽn.

«Tui chỉ nghi nghi, đoán qua dòng chữ ghi đằng sau, chứ bức hình cũ quá, mất hết nét, nhìn không ra, mà nói thật tình, ngay trước lúc đến dự tiệc tối nay, tui cũng vẫn không biết ai là người bị lấy mất ảnh ông à.»

Lúc này thì ông Nghĩa mới nhìn bà Minh, nói nhỏ :

«Tui tự lấy bức hình của bà trong cuốn học bạ lúc giúp Thầy chủ nhiệm ghi sổ cuối năm !»

Bí mật đã được tìm ra. Cả nhóm cười vang.

Ông n một lát sau mới tò mò hỏi bà Minh :

«Bà tên Minh, cớ sao phía sau bức hình lại ghi TNTN 1976-1977 là sao ?»

Bà Minh bảo :

«Đó là ký hiệu học sinh trường Nữ Thành Nội chuyển qua Thống Nhất của năm học đó, chứ không phải tên tôi đâu, nếu tôi nhớ không lầm.»

Buổi tiệc buffet thật là vui. Những ông bà già ở độ tuổi nghỉ hưu, xấp xỉ 60 nhắc lại kỷ niệm thuở còn đi học lớp 9, chính xác là 40 năm từ ngày họ xa nhau, niên khóa 1976-1977. Họ vẫn còn rất năng động, họ ăn uống nói cười vang cả một góc phòng, nhưng riêng bà Minh thì dường như lúc nhớ lúc quên !

Ông Nghĩa là người đầu tiên để ý đến điều đó. Lâu lâu, ông lại quay qua hỏi bà :

«Có thật bà không nhớ chuyện bức ảnh không ?» Thì bà nhìn vào mắt ông trả lời ngay :

«Không, tôi không nhớ thiệt mà. Tôi không hiểu ông lấy bức ảnh lúc nào, còn nhìn bức hình thì không cách chi đoán ra được vì nó bị hoen ố và bay nước thuốc rồi. Chỉ có mấy chữ và năm ghi đằng sau là thấy quen thôi.»

Sau buổi tối đó, ông n, ông Nghĩa, ông Đức và bà Minh còn gặp nhau thêm vài lần nữa để uống cà phê nghe nhạc, và cùng đi thăm thành phố Huế.

Ông n về Mỹ trước tiên, còn Ông Đức tiếp tục vào miền Nam thăm gia đình. Bà Minh về sau đó một tuần, dường như bà chỉ thích quanh quẩn ở Huế thôi, không đi chơi đâu xa. Nhóm bạn học lớp 9 hẹn nhau gặp lần cuối để chào tạm biệt bà Minh, trước khi bà vào lại Đà Nẵng để bay trở về Mỹ.

Ông Nghĩa hỏi dò mấy người bạn trong nhóm :

«Này, mấy ông có thấy Minh hơi khác khác, sửng sửng không ? Có cái bà ấy nhớ, có cái bà ấy quên, có khi thấy đang vui thì tự nhiên ngồi ngây người ra như đang ở trên mây ấy ! Bạn bè có nhiều người trước đây cũng rất thân thiết nhưng giờ bà ấy quên béng, mới lạ chơ !»

«Bà có sao không, chứ tui thấy bà hơi lạ. Lâu nay ở bên đó có đi bác sĩ thường không ?» Ông Nghĩa hỏi.

Bà Minh cười như trẻ con :

«Khoẻ như voi, không khoẻ mà về tới được đây à ? Hỏi vô duyên !»

Hai tháng sau thì ông Nghĩa nhận được tin ông n qua đời ở Mỹ.

Cách đây một tuần, ông nhận được email từ cô con gái của bà Minh :

«Cậu Nghĩa à, mẹ con bị bệnh Alzheimer, bệnh mất trí nhớ, bác sĩ phát hiện bữa tháng Hai, hôm đi chơi Việt Nam về. Mới có mấy tháng thôi, nhưng giờ không còn nhớ ai cả. Tụi con cố gắng chăm sóc ở nhà, nhưng đến lúc này thì phải đưa vào viện dưỡng lão, vì để ở nhà nguy hiểm quá. Có lần bà tự trèo qua cổng, rồi đi lạc, bà sợ nên trốn dưới cống, tụi con phải gọi cảnh sát, cứu thương, cứu hoả, và cả những người thiện nguyện cùng với chó nghiệp vụ mới tìm ra đó.»

Bùi ngùi nghe tin bạn bệnh, ông chợt hiểu ra lý do vì sao bạn mình không nhớ gì về bức hình ngày xưa...

Một buổi tối, khó ngủ, ông ngồi xuống bàn computer, chậm rãi ông gõ...

«Chuyện 40 năm chừ mới kể.

Hồi đó, tui với Nàng học chung lớp, ở chung xóm. Đi học tui rủ Nàng đi cùng. Nàng huyên thuyên đủ chuyện trên đường tới trường, còn tui nín thinh, im nghe, chỉ cười cười.

Năm 1978, nhà tui đi kinh tế mới.

Ngày tui đi, mấy đứa bạn cùng xóm đạp xe ra bến xe An Cựu đưa tiễn, trong đó có Nàng. Khi chia tay, Nàng tặng tui cái khăn nhỏ có gói cái chi trong đó nữa. Xe chạy xa, tui ngoái đầu nhìn lại, thấy đám bạn trai khua khua tay, hò hét, có đứa đứng lên trên cái yên sau xe đạp giơ cao hai tay lắc lắc. Còn Nàng trông thật bé bỏng, đưa bàn tay nhỏ xíu, vẫy vẫy, rồi dụi dụi vô mắt... «Chắc là do bụi với khói xe cay mắt,» Tui nghĩ rứa.

Xe đi được một lúc, tui mở khăn ra coi, thấy tấm hình của Nàng, loại hình để làm thẻ học sinh, đen trắng, chung quanh nàng viền bằng chỉ thêu rất đẹp, chừa lại hình trái tim là khuôn mặt Nàng, xinh xắn. Tui lâng lâng, lâng lâng...

Vô vùng kinh tế mới, ngày ngày tui đạp xe 9km đến trường. Luôn mang theo tấm hình của Nàng trong cặp, vì sợ để ở nhà, nhà tranh vách lá, mưa dột, bơ lỡ hư thì răng ?

Có bữa lục lọi trong cặp, tấm hình Nàng rớt ra, mấy đứa con gái cùng lớp lượm lên, hỏi ai đây. Tui nói là người yêu tui ở ngoài Huế. Tụi nó tròn xoe mắt, thán phục.

Hàng tuần, chiều thứ Bảy, tui theo ba tui đạp xe vô rẫy cách nhà hơn 20 km. Tối ở lại rẫy, ngày mai còn làm tiếp. Đêm rừng âm u, mưa rả rích, buồn, cô đơn. Nhớ Huế. Nhớ mấy đứa bạn cùng xóm. Nhớ Nàng. Tui mở hình Nàng ra coi, thấy vui vui...

Năm 1980, tui thi đậu Đại học Sư phạm, về Sài Gòn học, phải ở ký túc xá. Tui bỏ hình Nàng cùng với thư của Nàng gởi cho tui 2 năm qua, rất nhiều thư, vào một cái hộp giấy, cất kỹ trên gác, chỗ gần mái tranh còn mới, không thể bị dột.

Nhà cách Sài gòn hơn 100km. Mỗi năm tui chỉ về nhà có một lần vào dịp Tết, do không có tiền mua vé về thường được, còn hè thì phải ở lại dạy kèm kiếm thêm tiền.

Một lần về nhà, tui phát hiện có một đường đi của bọn mối lên chỗ tui để cái hộp. Hoảng hồn, tui leo lên coi, thấy mối xông đầy cái hộp. Lật đật mở ra, ui chao, toàn bộ thư của nàng bị mối xông gần hết. Kỳ lạ thay, tấm hình Nàng vẫn còn nguyên vẹn. Tươi xinh.

Lạ hè, hay là bọn mối thấy Nàng đẹp quá, để dành ngắm. Hay là răng ? Tui không biết...

Lần ni, cẩn thận hơn, tui kiếm được cái hộp bằng thiếc đựng thuốc hút, mặc dù tui không hút thuốc, bỏ tấm hình vô đó rồi đem cất vô ngăn trên cùng của cái tủ sắt.

Năm 1984, ra trường, tui được phân về dạy tại một trường cấp 3 một huyện miền núi. Trường cách nhà khá xa, tui phải ở ké nhà ông anh gần trường, trên căn gác gỗ.

Một bữa, tui đi dạy, ông anh đi làm, trộm vô viếng nhà. Tui không có chi, chỉ có cái rương đựng sách vở, bên trong có cái hộp và cái máy cassette nghe nhạc nhỏ nhỏ do một thằng bạn du học bên Đông Đức gởi về cho. Trộm lấy cái máy nhạc và cái hộp thiếc có tấm hình của Nàng. Quái, cái máy nhạc thì trộm lấy đã đành, chơ đáng giá chi cái hộp đựng thiếc mà hắn lấy của tui ? Không lẽ thằng ăn trộm cũng thấy Nàng đẹp ? Lạ chưa tề !

Thời gian trôi qua, cũng hơn 30 năm sau, (2008) tui mới bắt lại được liên lạc với Nàng. Rồi nhân dịp kỷ niệm 30 năm xa trường (2010) bọn tui có gặp lại nhau.

Nàng chừ lấy chồng xa, gia đình hạnh phúc.

Tui có vợ, 2 con, một trai, một gái đã trưởng thành, đề huề cả. Gặp nhau, chuyện trò vui vẻ, tình bạn bè thân ái vẫn như xưa.

Tháng Giêng năm nay (2018) cả nhóm bạn học lớp 9 nhứt định làm 40 năm hội ngộ ở Huế, mời Nàng về dự. Trong lúc đang chuẩn bị cho hội ngộ, tui nhận được một cú điện thoại thật bất ngờ từ Đức, bạn học cùng trường đại học. Hắn bảo rằng, có người muốn gặp tui để trao lại tui tấm ảnh, bởi vì hồi lâu nghe tui có đăng trên Facebook nhờ tìm...»Tấm hình cũ bị mất trộm.» Không biết thực hư ra sao, nhưng quá tò mò, tui quyết định lấy số điện thoại của người đó để hỏi cho ra ngọn ngành.

Tui và ông n đã có một buổi nói chuyện thiệt là dài và thú vị, không giấy bút mô diễn tả được niềm sung sướng của tui khi biết ông n là người đã nâng niu, giữ gìn bức ảnh của Nàng suốt bao năm qua ! (Chơ lỡ xui xẻo vô tay thằng súc sinh tiểu tử mô hắn đem vất vô sọt rác bảy đời vương rồi thì răng ?)

Tui tha thiết mời ông n, và cả Đức cùng tham dự buổi hội ngộ với nhóm bạn lớp 9 để gặp Nàng -Người đẹp trong tấm hình- luôn một thể. Trong buổi gặp lại, tui đã bí mật sắp xếp để Nàng xuất hiện sau vì muốn tạo sự bất ngờ. Họ đã bị bất ngờ thật ! Khi tui gọi Nàng ra gặp họ, thì chính tui cũng bị bất ngờ theo, bởi vì cả ba đã

gặp nhau trên đường về Việt nam ! Ôi, thế giới ni thiệt là nhỏ bé !

Nàng vẫn điệu đàng, xinh xắn như xưa; chỉ có điều Nàng không nhớ gì về bức hình cả, khiến tui hơi buồn !

Lúc đó tui không hiểu làm sao Nàng lại không nhớ đã tặng tui bức hình ? Tui có gợi ý hỏi Nàng có nhớ tụi mình thường gởi thư cho nhau không thì Nàng cũng chẳng nhớ luôn mới buồn chơ ! Nhưng chừ biết lý do Nàng bị bệnh, thì tui không còn buồn nữa, mà trái lại. Bởi vì mô chừ tui sợ nhứt là Nàng hỏi, «Bức hình mô rồi ?» Tui lo lắm, ơn may Phật trời nghe được lời cầu nguyện của tui, đã cho tui tìm lại được bức hình, trước lúc Nàng có cơ hội để «tra vấn» tui. Coi như cất đi một gánh nặng đè trong lòng tui bao năm qua !!!

Cám ơn ông n, thằng bạn Đức và cả những người bạn Facebook đã tạo cơ duyên cho tui có lại bức hình. Không ngờ Facebook hoạt động hiệu quả đến vậy ! Cách đây mấy tháng, lúc tui viết bài đăng lên Facebook, «Chỉ mong Ngài ăn trộm mô còn giữ tấm hình, cho tui chuộc lại, tốn mấy tiền cũng được, tui xin đội ơn,» tui đâu có ngờ có ngày nó trở thành sự thật ?

Giờ đây ông Ân đã qua đời, bạn Minh yêu dấu thì không còn nhớ ai cả, chỉ mình tui ngồi đây, nhìn lại tấm hình, nghĩ chuyện đời...

Cái Nàng cho tui, thì tui lại không giữ được ! Còn ông n; một người không quen biết, không liên hệ dây mơ rễ má chi trơn, lại có nó suốt cuộc đời !

Ai có thể lý giải dùm tui sự kỳ diệu của cuộc sống ni?»

Minh Nguyệt Graves

Ăn Welfare

Hoàng Đức

Từ 2005, tác giả Hoàng Đức, một nhà giáo hưu trí tại Westminster, góp bài «Dodautre tại Mỹ» và nhận giải đặc biệt Viết về Nước Mỹ. Mười ba năm sau, 2018, thêm một bài mới của Hoàng Đức 2018. Theo tiểu sử do tác giả mới tự sơ lược, tại Việt Nam, 1963-1975, ông là Giáo sư Trung học Đệ nhị cấp. Sau 1975 là mười năm thất nghiệp. Công việc tại Hoa Kỳ từ 1985 : High School Teacher; College Instructor, sau đó là Social Worker. Về hưu từ 2002. Mong ông tiếp tục viết và bổ túc địa chỉ liên lạc.

Trước đây tôi có viết một bài phiếm về «Ăn sáng», ăn sáng tươm tất thực sự chứ không phải như ăn sáng trong những ngày tháng chán chường sau 1975 mà dân miền Nam đã mỉa mai là «khoái ăn sang» để nói lái lại là «sáng ăn khoai». Mà có khoai để ăn là cũng khá sang lắm rồi, chứ dạo đó tôi thường để bụng trống cho cõi lòng thanh cao, trong trắng, không vướng mùi tục lụy vì ăn đầy bụng thì tâm trí mất sáng suốt. Tôi đã cố tình quên câu : «Có thực mới vực được đạo»vì trong túi chẳng có «đồng bạc cụ Hồ» nào thì lấy gì mà mua quà sáng.

Hôm nay, tôi lại xin tiếp tục nói về ăn, một món ăn mà từ khi đặt chân đến đất Mỹ tôi mới biết. Thật là quê đến 3 cục chứ không phải là 1 cục như ngày xưa chúng ta vẫn thường nghe nói khi mô tả một hành động không văn minh hay một sự hiểu biết nông cạn, không đến nơi, đến chốn của một đấng nhà quê vừa lên tỉnh. Vâng, tôi từ trại tỵ nạn Galang mới qua Hoa Kỳ thì chẳng khác nào từ nhà quê lên tỉnh, thế thì làm sao biết được cái món ăn khoái khẩu như món «Welfare».

Ký mục gia Bùi Bảo Trúc, lúc sinh thời, đã từng mỉa mai rằng Hoàng gia Anh Cát Lợi là gia đình, từ già tới trẻ đều ăn Welfare. Ngẫm suy thì thấy cũng đúng. Có ai dám ngờ rằng món ăn này là món đặc sản của các ông Hoàng, bà Chúa người «Ăng Lê». Không biết, một tháng, họ được lãnh bao nhiêu trợ cấp tiền mặt và bao nhiêu tiền Food Stamps nhỉ ? Cứ nghĩ đến giai cấp ông Hoàng, bà Chúa mà còn hưởng Welfare thì mình là dân tỵ nạn mới chân ướt, chân ráo đến một cường quốc hùng mạnh, giàu sang nhất thế giới, mình có hưởng một chút quyền lợi cũng là điều đương nhiên không có gì phải xấu hổ. Nhất là khi nghĩ rằng bà con, bạn bè mình đã nai lưng ra đóng thuế lợi tức hàng năm cho chính phủ Mỹ thì mình ăn Welfare hay lãnh tiền trợ cấp xã hội là mình lãnh tiền của thân nhân mình đóng góp, chứ mình có ăn đồng xu cắc bạc nào của chính phủ đâu mà

áy náy mà sợ lương tâm mọc răng. Vậy thì cứ «vô tư» mà vui đời tỵ nạn !

Tôi đến tiểu bang New Hampshire đúng vào cuối tháng Giêng, vạn vật phủ một màn tuyết trắng mênh mông. Vừa qua một đêm ngủ vùi sau một chuyến bay dài mệt mỏi, ngủ trong bầu không khí ấm áp chưa từng thấy trên quê hương Việt Nam yêu dấu, nhờ có máy sưởi. Sáng hôm sau, đang còn nằm nướng trong chăn đã nghe điện thoại réo gọi chuẩn bị sẵn sàng để một bà người Mỹ trong nhà thờ Lutheran Church (nhà thờ đã đứng ra bảo trợ gia đình chúng tôi) đến giúp chúng tôi làm thủ tục giấy tờ hưởng Welfare.

Tuy lúc ở trại tỵ nạn Galang đã học qua một khoá kéo dài 1 tháng rưỡi về đời sống ở Mỹ (khóa học mang tên là : «Cultural Orientation») để khỏi bỡ ngỡ lúc chân ướt chân ráo đến Mỹ, nhưng khi va chạm với thực tế mới thấy nhiêu khê, phức tạp chứ không đơn giản như những gì cô giáo người Nam Dương giảng dạy vì nghe đâu cô này cũng chỉ trình bày theo bài bản chứ chính cô ta cũng chưa hề đặt chân lên đất Mỹ.

Chỉ nội điền mấy cái mẫu đơn theo thủ tục hành chánh cũng đã mệt thiếu đường toé phở vì sở xã hội đòi biết bao nhiêu là thông tin lẩm cà, lẩm cẩm từ thuở mới ra chào đời cho đến lúc sống tại trại tỵ nạn. Tiếng Anh

tiếng u thì trong 10 tháng ở trại tỵ nạn chỉ nói chuyện với các nhân viên Cao Uỷ Tị Nạn người Nam Dương. Lâu lâu mới tiếp xúc với các nhân viên thiện nguyện chính gốc Mỹ, thế mà lúc bấy giờ phải khai báo với sở xã hội đủ 36 chuyện trên trời, dưới đất cũng chẳng khác gì lúc «làm việc» với lũ «bò vàng» trên quê hương.

Tôi không hiểu tại sao tôi lại phải khai tên họ của Mẹ tôi lúc Người chưa về với Bố tôi. Người Mỹ đâu có biết rằng đàn bà Việt Nam đầu đội Trời, chân đạp Đất, đi không đổi họ, về không đổi tên. Lấy chồng cũng xài tên móc nôi như lúc chưa có chồng. Đâu có phải như đàn bà Âu Mỹ vừa đặt bút ký vào cái giao kèo làm vợ là liền tút xuýt đổi họ theo họ của chồng, ra cái điều «xuất giá tòng phu» nhưng thay đổi chồng xoành xoạch như thay áo hoặc là «tam tòng tứ đức» theo cái kiểu «Xuất giá tòng phu nhưng phu chưa tử đã mon men tòng công tử» và rất ít khi «tòng tử» vì con cái mới vừa đến tuổi trưởng thành tức là tuổi 18 thì cha mẹ đã đuổi chúng ra khỏi nhà, bắt thân tự lập thân. Cũng hay ! Tránh khỏi cảnh ăn bám cha mẹ dài dài như trong xã hội Việt Nam chúng ta. Nhưng cũng lắm cảnh não lòng !

Hoàn tất xong hồ sơ cho cả gia đình của tôi cũng mất trọn một buổi sáng. Rồi chúng tôi theo bà bạn mới, người Mỹ đến Sở Xã hội để làm thêm một số thủ tục

khác nữa, trước khi về nhà chờ đến ngày lãnh trợ cấp xã hội mà nói nôm na là ăn Welfare.

Thật không có gì hạnh phúc bằng, tôi phải công nhận như thế. Ngồi nhà xem TV, chẳng phải làm việc gì mà có đủ tiền để trả tiền thuê nhà, tiền điện nước, tiền lò, tiền phone vv... và nhất là tiền mua lương thực tức là tiền ăn uống trong gia đình. So sánh bữa ăn trong gia đình chúng tôi và bữa ăn của ông Mỹ bảo trợ chúng tôi, (ông ta dạo đó đang hưởng trợ cấp thất nghiệp) thì mâm cơm của chúng tôi sang trọng và ngon lành hơn nhiều. Chúng tôi lại còn có tiền để mời ông ta đi ăn nhà hàng Tàu nữa, mới là «chơi cha»chứ !

Nhưng, lại chữ «nhưng» to tướng trong cuộc đời.

Chỉ sau một tháng ăn welfare thì người bảo trợ, nhà Thờ bảo trợ và Sở Xã hội đã vội vàng kiếm việc cho vợ chồng tôi để tránh gánh nặng cho ngân sách xã hội. Ăn welfare sướng lắm chứ, nhưng cũng hơi «quê» vì phải khai báo hàng tháng về Income.

Trong tháng, nếu nhà hảo tâm nào hay nhà thờ bảo trợ tặng cho gia đình một món tiền trên 50 dollars là phải «thành thật khai báo» ngay để Sở Xã hội trừ vào trợ cấp lương thực. Như thế thì xem như huề vốn chứ có được hưởng thêm đồng xu teng nào đâu. Mà lại phải

mang ơn này nọ.

Thét rồi, tôi chẳng muốn nhận tiền tặng và thấy tủi hổ nên khi có được việc làm khả dĩ có thể nuôi sống gia đình, tôi đã không ngần ngại từ bỏ ngay cái vụ ăn Welfare cho khỏi hèn người.

Thế mà chạy trời không khỏi nắng ! Tôi «mu»về Cali để tìm nắng ấm. Chân ướt, chân ráo, lại thất nghiệp, tôi lò mò đến Sở Xã hội xin welfare. Ngay khi vừa nạp đơn, tôi được trợ cấp ngay 100 dollars tiền mặt để cứu đói cấp thời vì Sở Xã hội sợ gia đình tôi chết đói trong khi chưa nhận lãnh food stamps. Thật là nhân đạo không chê vào đâu được ! Tôi cảm thấy ấm lòng và ấm túi.

Nhưng, lại chữ «nhưng» quái ác trong đời ! Chỉ một tuần sau khi lãnh được một mớ food stamps, chưa kịp vui mừng thì một sáng tinh mơ, tôi nghe tiếng gõ cửa nhà. Vội vàng ra mở cửa, một cô «đồng hương yêu dấu», đi cùng với một ông Mỹ cao to, chưa kịp để cho tôi chào hỏi lịch sự, theo phép xã giao, cô ta đã xỉa ngay vào mặt tôi tấm thẻ hành nghề và hét lớn : «Nhân viên Biện lý cuộc». Thật chẳng khác gì trong phim ! Cô này chắc là «fan» của mấy tài tử trong các phim đấm đá, xã hội đen. Tôi sững người, chẳng biết mình tội tình gì mà Biện lý cuộc đến viếng nhà.

Mời hai người vào nhà và mới biết là Biện lý cuộc đến điều tra xem tôi có gian dối gì không, khi khai báo xin trợ cấp xã hội. Cô ta hách dịch tra vấn tôi, vặn vẹo hỏi tôi có làm công việc gì lãnh tiền mặt không, vợ tôi có may vá gì không, trong nhà có máy may công nghệ không.

À thì ra thế ! Biện lý cuộc đi điều tra những người gian lận ăn welfare.

Bực mình vì thấy thái độ hống hách của cô nhân viên Biện lý cuộc và lối «mục hạ vô nhân» xem người như cỏ rác, nhất là đối với người «đồng hương» như tôi, nên tôi cũng không còn giữ đức tính khiêm nhượng nữa mà bảo với cô rằng tôi nói được tiếng Anh vì vợ chồng tôi đều tốt nghiệp đại học ở tiểu bang khác vừa mới về Cali. Lúc bấy giờ, cô mới dịu ngọt với tôi chứ không còn hoạnh hoẹ và thông dịch lời khai của tôi một cách vênh váo cho ông Mỹ đồng sự của cô ta. Cô ta cho tôi địa chỉ và số phone một vài công ty để tôi liên lạc tìm việc làm.

Sau này tôi mới biết là dân Cali nhiều người làm việc lãnh tiền mặt để có thể ăn Welfare và công việc của họ thường là lãnh hàng của các «shop» may về may lấy tiền công hoặc là đem hàng đã may xong về nhà để cắt chỉ. Phải công nhận rằng họ làm việc rất cực nhọc, đầu

tắt mặt tối nên cộng thêm vào tiền Welfare, lợi tức hàng tháng của họ khá cao và do đó đã có nhiều sự ganh ghét của hàng xóm láng giềng và thật không ít người bị tố cáo hành vi gian lận này. Nguyên nhân chính đưa đến sự tố cáo là họ đã sống không những không khiêm nhượng mà trái lại còn khoe khoang, hợm hĩnh hơi lố nên đã không thể tránh khỏi sự đố kỵ của người khác.

Có thể những người tố cáo sự gian lận Welfare không chỉ là những người thượng tôn luật pháp, ghét kẻ gian. Đôi khi họ đi tố cáo chỉ vì lòng ganh ghét cá nhân, không một mảy may liên quan gì đến bổn phận bảo vệ luật pháp. Nhìn chung, cũng nên thông cảm sự khó khăn của các nhân viên sở xã hội, khi phải xử lý việc khiếu kiện hay phòng ngừa lạm dụng welfare, như trường hợp cô đồng hương lớn giọng xưng danh biện lý cuộc mà tôi từng được gặp.

Tôi đọc thấy trên báo có một bà người Mỹ tại một tiểu bang ở miền Bắc Hoa Kỳ, bà ta lấy không biết bao nhiêu ông chồng mà trong gia đình bà ta lúc nào cũng có một nhóc tì dưới 18 tuổi để bà ta tiếp tục được ăn Welfare nhờ «ăn theo» đứa con, đều đều không ngừng nghỉ. Gần đây, Sở Xã hội biết được khe hở này có thể giúp người dân gian lận nên đã tu chỉnh luật lệ bằng cách chỉ cho hưởng tối đa 60 tháng tiền Welfare trong

suốt cuộc đời.

Ôi ! Welfare ơi hỡi Welfare ! Sinh mi làm chi mà bao người điêu đứng vì mi và sung sướng cũng nhờ mi !

Bài viết này không hề mang ý hướng dạy đời hay khuyên bảo này kia, kia nọ mà chỉ muốn trình làng một món ăn đặc biệt trên xứ Cờ Hoa để ai chưa ăn thì thử ăn chơi cho biết đủ mùi đời tỵ nạn.

Mọi lạm bàn chỉ nhằm góp vui cho câu chuyện, xin bạn đọc lượng thứ những sơ xuất khó tránh.

Hoàng Đức

Nàng Tiên Răng - Tooth Fairy

Trương Ngọc Anh

Tác giả dự Viết Về Nước Mỹ từ năm đầu, đã nhận giải bán kết 2002 với bài «Tiểu Hợp Chủng Quốc» kể về nơi cô làm việc, khi khủng bố tấn công nước Mỹ ngày 9 tháng 11 năm 2001. Bài viết gần đây là ký ức Mậu Thân của cô bé thời mới lớn. Và sau đây, thêm một bài viết mới.

Hôm bữa qua nhà con gái giữ hai đứa cháu ngoại cho tụi nó đi làm, đang lui cui «bày binh bố trận» với mấy vật dụng nhà bếp lỉnh kỉnh đong, đo, cân, đếm, khoe chức nội tướng, thì nghe tiếng khóc của thằng cháu trai, vội vàng chạy ra phòng khách, thấy cô chị, lớn hơn em trai 1 tuổi, đang vổ vổ lên lưng cậu em, còn thằng nhỏ thì khóc ròng ròng hai hàng nước mắt ràn rụa trên hai má bầu bĩnh, bà ngoại (là tui đây) vội hỏi :

- Chuyện gì đó, hai đứa đánh lộn gây lộn gì đó hả ? Chị Mai ăn hiếp con hả ?

Thiệt tình, bà ngoại đã già đầu rồi, mà cũng vẫn còn thói quen của mấy bà già xưa, cứ thấy cãi cọ là binh ngay đứa nhỏ, dù chưa biết ất giáp gì hết.

Bé Mai nhanh nhảu trả lời liền :

- Bà ngoại, cái răng của nó lung lay rồi mà nó hổng chịu nhổ ra.

Rồi quay qua thằng em, đang ngậm chặt miệng, con chị tiếp liền :

- Cưng à, nó là của «Tooth Fairy» đó.

Chắc chắn là thằng cháu nhỏ cũng đã biết rành về «Tooth Fairy» qua bà chị khôn lanh rồi, khỏi cần bà ngoại giải thích lôi thôi vụng về.

Thằng nhỏ vừa khóc thút thít, vừa bụm hai bàn tay mũm mĩm như khúc bánh mì Pháp để hơi nhiều bột nổi, che kín miệng, lắc đầu lia lịa :

- Nhưng cái răng này con thương nhứt mà, hổng nhổ đâu !

Trời thần ! cái răng cửa nhỏ xíu có nhai gì được đâu mà được «thương nhứt».

Nhẹ nhàng lấy bàn tay cháu ra, bà ngoại săm soi :

- À...ah, răng sữa gần rụng ra rồi, để bà ngoại nhổ ra cho, không đau đâu... nín nín cho bà coi chút xíu thôi nín nín con... hổng nhổ ra thì nó làm con đau...

Thằng nhỏ hả miệng cho bà ngoại coi, hai hàm răng với những chiếc răng sữa nhỏ xíu, thưa rỉnh, trắng tinh. Rờ thử, đúng là cái răng cửa hàm dưới đã lung lay sắp rời, và bên trong đã mọc ra 2 cái răng khác, méo xẹo. Thử nhổ bằng hai ngón tay nhưng không được, vì tuy lung lay mà sao vẫn còn cái chân chắc quá, đành an ủi :

- Để chiều má con về sẽ giúp con nhổ nó ra nghen, răng này là răng dành cho «nàng tiên răng» đó.

Thằng nhỏ đôi mắt còn ngấn lệ, vội vã gật đầu.

Mới mấy tháng trước, khi qua đây thì nhỏ cháu gái đã nhanh nhẩu chạy tới đón bà ngoại và há miệng ra khoe, để thấy hai hàm răng gần như là sún hết trơn. Tươi cười, thích thú, còn đòi bà ngoại chụp hình hàm răng sún nữa.

Chắc nhỏ này đã được bộn tiền từ «Nàng Tiên Răng» mua lại mấy cái răng sữa đã nhổ ra rồi cho nên mới hào hứng vậy.

Nhớ hồi hai đứa con tôi lúc còn nhỏ cỡ hai đứa cháu ngoại nầy, tôi đã được ông xã giải thích cho biết về «Nàng Tiên Răng» và dặn tôi luôn nhớ để dành mấy cái răng đã nhổ ra, cho con giấu dưới gối trước khi đi ngủ, để rồi sau khi con ngủ say, mình nhẹ lấy chiếc răng đó ra, thay bằng tờ giấy 5 đồng cho con bỏ ống. Tụi nhỏ

tin lắm, đó là Nàng Tiên Răng đã mua cái răng và trả bằng tiền.

Và bây giờ, tới thế hệ cháu nội, cháu ngoại, tụi nhỏ lớn lên vẫn tiếp tục tin tưởng ngây thơ vào nàng tiên răng mua lại những chiếc răng sữa mà mẹ chúng nói.

Theo thống kê đúng kiểÂu Mỹ, trung bình trẻ em ở Mỹ được thưởng số tiền 3 đồng 70 xu cho mỗi cái răng dành cho Nàng Tiên Răng.

Sự tích Nàng Tiên Răng trên trang Wikipedia, tạm dịch ra như sau :

«Theo nền văn hóa Tây Phương lan truyền trong nhân gian, Nàng Tiên Răng là một nhân vật thần thoại, được trẻ nhỏ tin tưởng rằng nếu giấu chiếc răng sữa ở dưới gối, Nàng Tiên Răng sẽ đến khi chúng đang ngủ, lấy chiếc răng đó đi và để lại dưới gối một món quà nhỏ hay tiền.

Thuở xa xưa, đồng tiền còn giá trị cao, một chiếc răng sữa được nàng tiên răng mua với giá 5 xu sẽ là món tiền rất lớn đối với trẻ con».

Về những chiếc răng sữa của trẻ em, thời xa xưa có nhiều niềm tin lạ lùng lắm.

Trong thời Trung cổ, có vài mê tín dị đoan phát sinh từ những chiếc răng sữa của trẻ em. Ví dụ ở Anh, trẻ em được hướng dẫn rằng nên đốt răng sữa để cứu những đứa trẻ khỏi khó khăn ở thế giới bên kia. Những đứa trẻ không gửi răng của bé cho thần lửa sẽ phải vĩnh viễn quanh quẩn tìm kiếm chiếc răng trong thế giới bên kia. Người Viking, có tục lệ trả tiền cho trẻ em để mua răng sữa.

Trong nền văn hóa Bắc u, răng của trẻ em và các đồ vật khác thuộc về trẻ em được cho là vật mang lại may mắn trong trận chiến, vì vậy các chiến binh Scandinavian thường đeo răng của trẻ em trên một sợi dây quanh cổ. Sợ phù thủy là một lý do khác để chôn hoặc đốt răng. Ở Châu u thời trung cổ, người ta tin rằng nếu một phù thủy nắm giữ răng của một người, thì sẽ có quyền lực sai khiến người đó.

Niềm tin vào Nàng Tiên Răng đã giúp cho biết bao nhiêu trẻ con vượt qua được sự sợ hãi về việc từ từ bị mất đi những chiếc răng đầu đời dùng để ăn, đổi lại thành một niềm vui rất ngây thơ, chờ đón những chiếc răng mới sau khi răng cũ rụng đi, bán cho nàng Tiên Răng để giúp trẻ em khác.

Nhớ lại, thuở còn nhỏ, mình đâu có được những niềm tin vừa ngây thơ thánh thiện, vừa tràn đầy tình nhân bản như vậy, vì văn hóa của người Á Đông hoàn toàn khác với Tây Phương. Khi mấy chiếc răng sữa lung lay, trẻ nít như chị em tôi sợ thấy mồ luôn, sợ mất răng, rồi không có răng khác để ăn, sợ nhổ rất đau, sợ mấy ông quảng cáo Sơn Đông mãi võ ngoài đường nhổ răng bằng cây kềm đen thui, máu me tùm lum, và nhứt là sợ...xấu. Thời gian có hàm răng sún, cứ ngậm miệng suốt ngày không dám cười. Thập niên 50»s, 60»s ngay tại Saigon cũng không có nhiều nha sĩ chăm sóc răng cho trẻ con, mà nếu có cũng mắc lắm, gia đình công chức, con đông như nhà tôi đâu có phương tiện lo cho từng đứa con.

Ba chúng tôi là người Triều Châu, nhưng theo Tây học, cho nên tuy rằng không giải thích mấy chuyện nhỏ nhặt như mấy cái răng sữa của bầy con, Ba cũng có cách giải quyết rất êm ái, nhẹ nhàng. Nhớ ba cột chiếc răng lung lay bằng sợi chỉ, rồi kéo nhẹ ra, chiếc răng không có gốc rễ rời ra dễ dàng. Rồi sau đó, số phận của mấy cái răng sữa đó ra sao ? Ai mà nhớ, chắc Ba Má liệng bỏ mất tiêu.

Có đứa trẻ nhỏ nào được ru bằng hình ảnh đẹp tuyệt vời của nàng Tiên Răng, nhỏ tí xíu, xinh đẹp, với đôi cánh trong vắt như thiên thần, chập chờn bay lượn, nửa

đêm tới viếng, lấy chiếc răng đi, còn để lại cho bé một món quà đầy ngạc nhiên như trẻ con sống ở những quốc gia Tây Phương như Hoa Kỳ.

Gia tài hình ảnh còn lưu giữ lại trong gia đình tôi trước năm 1968, có tấm hình lịch sử, đám 5 đứa con nít chị em, bà con, cùng ngồi trên chiếc xe xích lô máy, năm cái miệng cười hở đủ năm hàm răng sún quá đỗi dễ thương mà Ba tôi chụp.

Năm đứa nhỏ đó giờ đã thành ông bà nội, ngoại, đứa sống ở Mỹ, đứa vẫn còn ở lại bên kia trái đất, con cháu đầy đàn.

Vì vậy trẻ con ở Mỹ sướng muốn chết, quý từng cái răng sữa, như thằng cháu này mới đầu còn nói - Cái răng này con thương nhứt mà, hổng nhổ đâu ! Rồi khi nghe nói là răng dành cho nàng Tiên, nó mới hết tiếc, hết khóc và như con chị chẳng hề sợ hãi khi bị sún răng, còn cho đó là «rất đẹp», cần phải khoe cho mọi người chụp hình như cháu gái tôi.

Nhờ những chiếc răng sữa lấy ra đúng lúc, chăm sóc từ nhỏ, nên trẻ em sống ở Mỹ thường có hàm răng sạch sẽ, đẹp, ít thấy răng lòi sỉ, mọc lệch lạc, răng khểnh mà người Á Đông mình thường cho là có duyên, nhưng lại không được coi là đẹp ở những nước Tây Phương. Ai

không may có hàm răng hô, nếu có bảo hiểm sẽ có thể chỉnh sửa, ràng buộc lại cho ngay hàng thẳng lối. Ngoài ra, niềng răng cũng giúp cho trẻ có hàm răng đều đặn rất đẹp sau khi răng sữa rụng hết.

Câu chuyện Nàng Tiên Răng lấy chiếc răng sữa trả bằng tiền, bằng món quà cho trẻ em là một trong những lời nói dối trong sạch của Cha Mẹ khi dạy con, người Mỹ họ gọi là «White Lie». Những lời nói dối vô hại, mà nhiều khi còn rất có lợi trong việc dạy dỗ trẻ em, giúp chúng phát triển tâm trí và nhân cách một cách tốt đẹp, biết nghĩ tới người khác, biết quý, biết tôn trọng những gì của mình hay của người khác, là một trong những phương pháp dạy trẻ con của người Tây Phương.

Trẻ con ngày xưa, học được những điều tuy là lời nói dối từ cha mẹ, ông bà, nay lớn lên, hiểu chuyện, vẫn tiếp tục dạy cho con cái mình những thói quen tốt đẹp. Những lời nói dối trong sạch như con gái tôi đang dạy các con, tạo cho trẻ em biết sống một thế giới thần thoại từ lúc còn rất nhỏ, biết làm điều lành lánh điều dữ, làm điều thiện, điều tốt với người chung quanh, đừng làm chuyện xấu sẽ gặp hậu quả xấu...đầy dẫy trong những cuốn sách chuyện, như những câu chuyện cổ tích dành riêng cho trẻ con, cha mẹ đọc cho con nghe vào mỗi tối trước khi ngủ.

Ở nước Mỹ mấy năm gần đây thường xảy ra những vụ đem súng vào trường bắn chết người, rất đáng quan tâm. Nếu trẻ nhỏ được cha mẹ, thầy, cô, đọc cho nghe những câu chuyện thần thoại hay, dạy cho trẻ con biết tình thương bao la từ con người cho tới thú vật, cây cối bông hoa, thì chắc chắn rằng những chuyện bạo lực học đường sẽ giảm thiểu rất nhiều.

Nhưng dù sao thì ở nước Mỹ chuyện bạo lực ở trường học hay ngoài đường phố của trẻ nhỏ, giới học trò, vẫn không thấy xảy ra nhiều và càng ngày càng mất nhân tính như ở những quốc gia mà tự do bị cấm đoán, giáo dục bị thui chột lỏng lẻo từ gia đình cho tới học đường, nhân phẩm bị chà đạp, nhân quyền không có mặt. Hằng ngày, bạn có thể nhìn thấy những cảnh được quay bằng điện thoại rồi đưa lên mạng toàn cầu nhiều học trò hung dữ vây đánh dã man một cô gái, một cậu trai không thể tự bảo vệ, những đứa trẻ này chắc chưa từng biết tới những câu chuyện «White lie» thần thoại đẹp đẽ như «Nàng Tiên Răng».

Trương Ngọc Anh

Thay Thận ở Mỹ

Phạm Thị Kim Dung

Tác giả lần đầu dự Viết Về Nước Mỹ năm 2017. Bà sinh năm 1951 tại miền Bắc VN, di cư vào miền Nam 1954, là thư ký hành chánh sở Mỹ Defense Attaché Office (DAO) cho tới ngày 29 tháng Tư 1975. Vượt biển và định cư tại Mỹ năm 1980, làm thư ký văn phòng chính ngạch tại City of San Jose từ 1988-2006. Về hưu vào tuổi 55, hiện ở nhà chăm nom các cháu nội ngoại. Sau đây là bài viết thứ tư của bà.

Anh chị Lý - Phượng là bạn thân của gia đình chúng tôi từ hồi mới định cư ở Mỹ. Tuy cùng ở Thành Phố San Jose, nhưng chúng tôi cũng đã cả năm chưa gặp nhau.

Cách đây hơn một năm, Tháng Ba, năm 2017, khi biết tin chị Phượng đã thay thận hơn một tháng rồi, em Hồng Loan và tôi đã rủ nhau, gọi điện thoại hẹn với anh Lý chồng của chị để đến thăm chị.

Ôi ! Hôm gặp lại chị sao mà xúc động quá. Sắc diện chị vàng vọt thấy mà thương. Khuôn mặt chi khả ái xinh đẹp mới đó mà nay trông khác hẳn. Những ngón tay chị cong queo, hai bàn chân và những ngón chân đau nhức

không bước đi bình thường như mọi khi được. Ngôi nhà có lầu (tri-level) vợ chồng chị ở đã lâu lắm rồi, nơi mà chúng tôi đã được mời đến dự tiệc sinh nhật của song thân chị nhiều lần, đôi khi thì dự sinh nhật của thân mẫu anh ở dưới Miền Nam California lên đây thăm gia đình anh chị. Cho đến nay thì hai bên nội ngoại đã lần lượt bỏ anh chị mà ra đi, chỉ còn lại thân phụ của chị Phượng hiện đang ở chung với gia đình cậu em út của chị.

Anh chị rất vui mừng khi gặp lại chị em tôi, hai người ríu rít thay phiên nhau kể cho chúng tôi nghe tỉ mỉ từng chi tiết diễn biến về bệnh trạng và cuộc giải phẫu ghép thận của chị. Nghe chị kể là, phòng master bedroom thì ở trên lầu, nên mỗi khi muốn xuống nhà bếp ở tầng dưới hay tối đến đi lên ngủ, chồng chị cứ phải bế chị lên lên, xuống xuống như vậy mỗi ngày. Có đôi khi anh Lý vắng nhà, chị cũng phải chịu khó tự vịn cầu thang để tuột xuống từ từ hoặc bò lên một mình, nhưng rất khó khăn và lâu lắm mới lên xuống được.

Chị Phượng bị căn bệnh phong thấp, sưng thấp khớp đã lâu, chị vẫn phải uống thuốc mỗi ngày theo liều lượng của Bác Sĩ đã chỉ định cho toa mua thuốc. Rồi một hôm, tự nhiên thấy trong người yếu hẳn đi, nên chị đã xin hẹn Bác Sĩ gia đình khám bệnh thử nghiệm. Bác Sĩ cho biết kết quả thử nghiệm máu cho thấy chị đã bị

suy thận.

Bác Sĩ gia đình chuyển chị qua Bác Sĩ chuyên khoa thận để theo dõi và cho uống thuốc. Sau khoảng chừng một năm uống thuốc không hề thấy thuyên giảm, mà ngày càng thấy bệnh của chị nặng hơn.

Theo như lời anh Lý kể thì dù cho anh thường hay nhắc nhở và khuyên can chị thế nào cũng không được. Vì đau nhức quá chịu không nổi, chị đã tự ý uống tăng thêm quá nhiều liều lượng thuốc đau nhức, nên có lẽ chất thuốc này thế nào đó đã làm ảnh hưởng đến cả hai trái thận của chị bị suy yếu dần, và sau lâu ngày thận của chị gần như không còn làm việc được nữa. Bác Sĩ định bệnh là thận của chị đã đến hồi nguy kịch, có thể sẽ ngưng hoạt động bất cứ lúc nào, và không cứu vãn được nữa, phải dùng đến phương pháp thay thận Kidney Transplant.

Anh Lý thắc mắc, muốn tìm hiểu thêm về bệnh trạng thay thận, nên đã vào mạng đánh những chữ Kidney Transplant Information, thì màn ảnh hiện lên rất nhiều những chi tiết mà anh muốn biết để chia sẻ thêm với chị.

Khi Bác Sĩ cho biết thận của chị Phượng không còn hoạt động tốt nữa, cho nên Bác Sĩ đã phải quyết định cho chị đi lọc thận ở nhà thương hoặc làm ở nhà, thì anh đã xin Bác Sĩ được phép lọc thận tại nhà. Quy trình này kéo dài khoảng ba tháng. Trong thời gian lọc thận, Bác Sĩ hướng dẫn làm thủ tục ghi danh xin waiting list để thay thận.

Có bệnh thì vái tứ phương ! Trong gia đình chị có cô em gái kế chị, thương và thân với chị nhất, em Liên đã tình nguyện hiến tặng chị một trái thận. Bác sĩ cho biết là nếu xét nghiệm mà hợp, thì cả hai người đều phải có hẹn đến bệnh viện để giải phẫu cùng thời gian, bên phòng giải phẫu này lấy trái thận ra, thì trao lại cho phòng giải phẫu bên kia để Bác Sĩ sửa soạn ghép thay trái thận vào sau khi đã thử nghiệm lại. Nhưng sau đó, khi cô em đi thử nghiệm thì kết quả không phù hợp, không matching với máu trong cơ thể của chị. Mọi người trong gia đình chị Phượng đã hết sức thất vọng khi nghĩ tới sẽ có một ngày mất đi một người con yêu trong gia đình.

Chồng chị rất mực quý yêu và lo lắng về bệnh tình của chị, nên anh đã xin về hưu sớm trước vài năm để ở nhà săn sóc chị. Tên chị đã được ghi vào danh sách những người chờ được hiến thận do Bác Sĩ hướng dẫn

giúp đỡ. Người ta cho biết thẳng trước là phải đợi cả hàng nhiều năm, may ra thì mới có cái ca phù hợp với máu của mình, trái thận sẽ được gởi đến bất cứ lúc nào từ ở khắp nơi trong nước Mỹ. Trong trường hợp này người nhận và Bác Sĩ cũng không được biết trước, và cũng không biết được nguyên thuỷ nơi trái thận đến từ hoàn cảnh nào, và danh tánh của người donated trái thận còn hiện hữu hay đã ra đi trước khi dâng tặng trái thận của mình cho người chưa hề biết mặt quen tên. Đó là nghĩa cử cao đẹp để cứu đời. Cơ hội thì rất hiếm hoi mà những người bệnh đang chờ được liên lạc để thay thận lại quá nhiều, nên cũng hơi khó, nếu có được gọi đến tên cũng là chuyện ngàn năm một thuở, coi như là được trúng số độc đắc vậy.

Chị Phượng đã ghi danh waiting list xin thay thận đã được hơn sáu tháng mà chưa thấy ai liên lạc, cả hai gia đình bên nội lẫn bên ngoại của anh chị vẫn khắc khoải hồi hộp trông đợi mỏi mòn. Ở hiền thì gặp lành ! Rồi dịp may đã đến với chị vào một buổi chiều khoảng 8 : 00 pm giờ tối, trong lúc gia đình đang dùng cơm, thì bỗng có chuông điện thoại reo, anh Lý nghĩ rằng, có lẽ đó là cú điện thoại quảng cáo thương mại, nên đã không muốn nghe điện thoại. Nhưng điện thoại cứ tiếp tục reng mãi, hình như có linh tính sao đó nên chị Phượng đã đứng lên để liếc nhìn cái máy điện thoại, thì thấy tên

của bệnh viện mà chị đã ghi danh thay thận đang hiện lên trong máy. Thật bất ngờ, chị thoáng nghĩ, nếu bệnh viện mà gọi vào giờ này chắc hẳn có chuyện quan trọng lắm, nên chị đã nhấc điện thoại lên để trả lời họ.

- Một giọng người nữ từ bệnh viện gọi đến đã lên tiếng.

«Xin cho tôi nói chuyện với bà Phượng»

Sau khi chị Phượng xác nhận đúng tên của mình là người mà nhân viên của bệnh viện cần nói chuyện, thì đầu dây bên kia cô Y Tá cho biết nhà thương đã tìm thấy một trái thận có thể sẽ matching với máu của chị. Cô ta còn nói rõ là chị phải chuẩn bị sẵn sàng vì nội trong đêm nay sẽ có quyết định quan trọng nếu mọi sự sắp đặt và thử nghiệm final hợp đúng y như dữ kiện trong hồ sơ bệnh lý của chị.

Lúc ấy chị Phượng vừa mừng mà cũng vừa lo âu, bởi vì sẽ phải trải qua một cuộc giải phẫu rất nguy hiểm, mà sự sống còn như chỉ mành treo chuông.

Đêm hôm đó chị Phượng chỉ biết cầu nguyện thật nhiều, dâng hết mọi sự đau đớn khốn khó cho Chúa và Đức Mẹ Maria, trong giấc ngủ với tâm trạng hồi hộp mơ màng. Độ chừng khoảng 4 : 00 am giờ sáng thì

tiếng chuông điện thoại reo lên, chị Phượng vội nhấc điện thoại để nghe, chị đã nhận ra ngay giọng nói của cô Y Tá hồi tối hôm trước đã gọi lại cho chị để thông báo tin vui.

Cô Y Tá đã hỏi hiện bây giờ chị Phượng đang làm gì ?» Chị Phượng trả lời rằng : «Tôi đang lọc thận.» Cô tá bảo chị Phượng : «Chị hãy bảo người nhà tắt máy lọc thận và khẩn cấp chở chị đến bệnh viện ngay bây giờ. Bởi vì, từ nhà chị đi đến bệnh viện phải mất khoảng hai giờ đồng hồ lái xe».

Và rồi, anh Lý đã vội vàng lấy cái giỏ xách đựng đồ dùng cá nhân của chị đã sắp sẵn từ lâu, và dìu chị ra xe để chở chị đi đến bệnh viện. Sau hai giờ đồng hồ lái xe anh chị đã đến bệnh viện khoảng lúc 6 : 00 am giờ sáng, và đi ngay vào phòng cấp cứu của bệnh viện, nơi mà chị đã ghi danh xin thay thận.

Sau khi làm thủ tục nhập viện, Y Tá đã dẫn chị Phượng vào khu vực chờ đợi, chị được đưa ngay đến gặp Bác Sĩ (Team of Doctors) và Y Tá làm thủ tục để khám sức khỏe tổng quát trước khi giải phẫu.

Tại nơi mà chị Phượng đang phải chờ đợi, Bác Sĩ đã cho biết khoảng buổi trưa ngày hôm ấy thì mới nhận được trái thận từ ở một nơi nào đó gởi đến, mà Bác Sĩ

cũng không được biết nguồn gốc. Trong thời gian đó chị Phượng vẫn tiếp tục được Bác Sĩ, Y Tá theo dõi và khám sức khỏe liên tục suốt buổi chiều hôm ấy.

Khoảng 5 : 00 pm giờ chiều cùng ngày, có vị Bác Sĩ chuyên khoa về giải phẫu thận đến phòng và báo cho chị là trái thận đã được gởi đến nhà thương bằng đường hàng không rồi, nhưng Bác Sĩ trong phòng lab phải làm thủ tục kiểm tra xác định trái thận đó lại lần cuối, để cho Bác Sĩ biết chắc chắn trái thận mới và người nhận không có bị phản ứng gì khác. Sau khoảng năm giờ đồng, lúc đó vào khoảng 10 : 00 pm tối, thì vị Bác Sĩ và Y Tá, người mà đã đảm nhiệm ca giải phẫu tối hôm đó, đã xuống phòng chị Phượng đang nằm chờ, để báo cho biết một tin rất quan trọng là kết quả thử nghiệm mà chị đang chờ đợi, là trái thận mới và người bệnh sẽ được nhận trái thận ấy không có phản ứng (negative), nghĩa là không có phản ứng phụ (get along, no reject). Và đồng thời lúc bấy giờ Bác Sĩ nói với Y Tá là hãy chuyển bệnh nhân vào phòng giải phẫu ngay lập tức.

Sau một vài thủ tục kiểm tra danh tánh, và làm thủ tục kiểm tra lại sức khoẻ của chị thêm một lần nữa trước khi đi vào phòng giải phẫu.

Có một người Y Tá đã dẫn anh Lý xuống phòng chờ đợi. Lúc bấy giờ khoảng hơn 11 : 00 pm giờ đêm. Anh

Lý đã phải đợi ở phòng chờ đợi đến hơn 3 : 00 am giờ sáng của ngày hôm sau, thì có một vị Bác Sĩ đến báo tin vui cho anh là ca mổ đã hoàn toàn thành công. Và Bác Sĩ cũng cho biết sau khi ghép trái thận mới vào cơ thể của chị Phượng thì nó đã hoạt động ngay lập tức một cách rất bình thường. Ít phút sau thì chị Phượng được chuyển đến phòng phục hồi recovery room. Nơi đây chị Phượng được theo dõi sức khoẻ, họ cho uống thuốc mới và phải ở lại bệnh viện năm ngày.

Bác sĩ đã cho chị Phượng xuất viện sau năm ngày, anh chị đã về nhà đúng vào ngày mồng một Tết Nguyên Đán Đinh Dậu, Năm 2017; Vợ chồng chị có cảm giác như đã nhận được món quà vô giá vào đầu năm mới, năm con gà vàng thật là hên.

Sau khi xuất viện trở về nhà, chị Phượng phải uống rất nhiều loại thuốc và từ từ Bác Sĩ đã cho giảm dần số lượng thuốc và loại thuốc uống hằng ngày. Những ngày sau đó chị Phượng cảm thấy sức khoẻ đã dần dần hồi phục, ăn uống thấy ngon miệng và ăn được nhiều hơn khi chưa giải phẫu. Nhưng hiện tại chị Phượng vẫn phải đi khám định kỳ, thử nghiệm máu thì thấy rất tốt, không phải kiêng cữ gì cả, ngoại trừ phải uống thuốc đều đặn đúng giờ giấc mà Bác Sĩ đã căn dặn.

Cách đây hai tuần lễ tôi đã gọi điện thoại để thăm hỏi sức khoẻ của chị Phượng. Được biết từ khi thay thận cho đến nay, chị Phượng cảm thấy vui vẻ và yêu đời hơn, nhất là căn bệnh đau nhức của chị cũng đã giảm bớt rất nhiều, nên sự đi lại của chị cũng dễ dàng và thoải mái hơn. Chẳng bù cho lúc trước, chị thường hay thấy depress buồn chán đời và không muốn gặp bất cứ ai ngoài những người ruột thịt trong gia đình của anh chị.

Chị Phượng đã tâm sự với tôi là, trong tâm khảm chị luôn luôn biết ơn đến người ân nhân ẩn danh đã hiến thận cho chị và cả gia đình của họ nữa. Nhờ lòng nhân ái quảng đại của họ đã hiến tặng cho chị sự sống tiếp tục trên cõi đời này. Tính từ khi giải phẫu đến nay, chị đã kéo dài sự sống được hơn một năm, chị vẫn phải uống nhiều loại thuốc đúng liều, đúng lượng mỗi ngày theo toa Bác Sĩ từ sau khi phẫu thuật thay thận đã thành công. Bất cứ người nào đã thay thận, cũng phải uống một loại thuốc này đến mãn đời, để giữ cho cơ thể chống lại những phản ứng phụ.

Vợ chồng anh chị Lý, Phượng xin gởi lời cảm ơn nước Mỹ đã giàu lòng nhân ái, đón nhận gia đình anh chị theo đoàn người di tản Năm 1975 và đã được định cư ở nước Mỹ, một đất nước có tự do nhân quyền mà có lẽ biết bao nhiêu người trên thế giới đều mơ ước

được đến thăm hay sinh sống. Nước Mỹ đã cho anh chị một đời sống thăng hoa tươi đẹp, được hưởng phúc lợi y tế thật tuyệt vời và văn minh bậc nhất thế giới. Chị Phượng và gia đình luôn nhớ ơn những Bác Sĩ và những Y Tá đã ân cần săn sóc, tận tâm tận lực cứu sống chị qua khỏi căn bệnh hiểm nghèo, mà sự sống hay chết gần kề chỉ trong đường tơ kẽ tóc.

San Jose, Tháng Năm 2018.

Phạm Thị Kim Dung

Trăm Năm Hai Chữ : Vô Thường

H. Huynh

Tác giả tên thật Huỳnh Thị Huệ, 69 tuổi, đến Mỹ năm 1991 theo diện HO. hiện đang là cư dân Downey, California. Bài viết về nước Mỹ đầu tiên của bà là chuyện đau thương có thật của gia đình, khi người con trai tử nạn trên xa lộ vì bị một anh Mễ không giấy tờ say rượu lái xe.

Chồng tôi trước kia là sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, nên sau ngày mất nước bị bắt đi tù đày. Nhà tôi tài sản mất hết giữa lúc hai con còn nhỏ dại, mà tôi lại gần tới ngày sanh nở. Cuộc sống rất khổ sở.

Bảy năm sau, chồng tôi được thả trở về nhưng vẫn bị quản chế, phải sống chịu áp bức dưới chế độ cộng sản. Các con tôi đi học phải chịu ảnh hưởng xét lý lịch của cha. Tương lai đen tối.

Năm 1991, gia đình tôi may mắn được đến Mỹ theo diện HO và định cư ở California. Chúng tôi được sống trong một nước tự do. Ba đứa con trai tôi được tiếp tục đi học, vợ chồng tôi cũng có việc làm ổn định. Các con tôi ngoài giờ học còn đi tìm việc làm thêm để có

tiền mua sách vở. Năm 1999 và 2000 cả ba đứa con tốt nghiệp đại học.

Bốn năm sau con trai lớn và con trai út lập gia đình. Con trai lớn tôi ra riêng, con trai út và con trai giữa của tôi tên Đ, vẫn còn độc thân ở với vợ chồng tôi. Rồi vài năm sau Đ yêu một người tên H ở Việt Nam và đang làm đơn bảo lãnh để sang Mỹ. Đ. vì chưa có vợ, nên tôi lo cơm nước cho Đ. đem theo đi làm và chừa cơm tối. Cuộc sống gia đình êm đềm và vui vẻ... nhưng rồi một đêm vào ngày mùng 7 Tết năm 2014, trời mưa dầm sau những tuần nắng hạn. Như thường lệ, Đ. đi làm từ sáng đến 9 giờ tối mới về đến nhà, nhưng đêm hôm ấy đã 10 giờ, rồi 11 giờ mà vẫn chưa thấy.

Đến 12 giờ khuya con út tôi vào phòng nói : «Không biết anh Đ. có chuyện gì không, mà chị H gọi qua hỏi con sao chị gọi cho anh Đ. hoài mà không thấy trả lời».

H. là người vợ mới kết hôn của Đ. ở Việt Nam, đang chờ hoàn tất thủ tục để sang Mỹ với chồng.

Tôi lo sợ và chờ đợi, lắng nghe từng tiếng xe chạy trước nhà, từng tiếng động mở cửa, nhưng vẫn im lìm. Mãi tới 2 giờ khuya, bỗng tiếng chuông nhà reo, tôi vội chạy ra thì con út tôi đã chạy mở cửa rồi. Tôi giựt mình khi thấy có hai người cảnh sát đến hỏi : «Nhà

này có người tên Đ. phải không ?» con tôi trả lời «Yes, my brother», rồi mời cảnh sát vào nhà và họ đưa tôi số phone để nó chuyện với một cảnh sát khác.

Tôi lắng nghe và theo dõi nét mặt con út lúc nói chuyện nghẹn ngào, có lúc trả lời, có lúc chỉ nói «No...No...» mà nước mắt tuôn chảy. Sau khi nói chuyện phone xong, con tôi mới cho biết : «Anh Đ. bị người Mễ say rượu lái xe chạy nhanh, đụng xe anh Đ. vô tường freeway, xe bị cháy cứu không được nên anh Đ. chết rồi».

Nghe như sét đánh ngang tai, đầu óc quay cuồng, tôi ngã quỵ, những tiếng khóc nức nở vang lên. Hai người cảnh sát ái ngại nhìn chúng tôi nói : «Trong công việc làm của họ, cái khó nhất là phải đi báo tin buồn cho gia đình biết như thế này». Nói xong họ chia buồn, rồi ra về. Cả nhà từ lúc đó đầy tiếng khóc.

Sáng ra chồng và con tôi đi đến chỗ cảnh sát coi về tai nạn tối qua làm thủ tục nhận dạng, nhưng họ bảo là Đ. bị phỏng nặng, vân tay và tóc cháy không còn, nên không thể nhận dạng được, mà phải đi thử DNA để chứng nhận Đ. là liên hệ trực thuộc trong gia đình mặc dù lúc bị tai nạn chiếc bóp trong túi quần bị cháy nám, nhưng giấy tờ bằng lái xe vẫn còn tên và địa chỉ nhà.

Sở cảnh sát nói, thử DNA sẽ lâu, ngoại trừ có giấy tờ chứng minh xác thực như trùng khớp răng, thì mới cho nhận xác về nhanh.

Tôi gọi phone về Việt Nam hỏi H, thì biết năm rồi Đ. về Việt Nam có đến nha sĩ trám và nhổ 1 cái răng ở hàm dưới. H liền xin hồ sơ răng của Đ., rồi gởi sang Mỹ. Nhưng cảnh sát lại nói giấy ở Việt Nam phải cần có 1 văn phòng nha khoa ở Mỹ chuyển dịch và xác nhận. Chồng tôi đi đến mấy nơi, nhưng họ bảo không thể vì giấy tờ này cần có bằng chuyên môn mới có quyền chứng nhận được.

Chồng tôi đi thất thiểu từ nơi này đến nơi khác và sau cùng vào một phòng nha sĩ trên đường Bolsa. Sau khi nghe trình bày về tai nạn của con tôi xong thì cô nha sĩ đó xúc động và khóc nói : «Cháu có một đứa em trai cũng bị đụng xe chết cháy giống như trường hợp con của bác, nên con rất thông cảm sự đau buồn của bác. Để cháu chứng nhận cho.»

Sau khi được giấy chứng nhận, gia đình tôi liền đem đến cho phòng Cảnh sát. Họ khám thấy đúng ở hàm dưới có thiếu 1 cái răng như trên giấy, nên chấp thuận cho chuyển xác về nhà quàn.

Gia đình tôi đến nhà quàn để chọn ngày cho thăm viếng và đem thiêu. Nhưng hôm sau, ở nhà quàn gọi phone nói rằng bên phòng Cảnh sát nói vì con tôi bị phỏng nặng và để chỗ cảnh sát lâu, nên vì môi trường không tốt, phải thiêu trước, rồi mới được thăm viếng !

Quá đau buồn, nhưng phải đành tuân theo luật. Ngày đưa ra thiêu, khi các Sư cúng tụng xong, cách ngăn tấm kiếng quan tài Đ. đẩy ra, cho những người thân đến bên chào vĩnh biệt. Tôi đau đớn bước vào ôm chân quan tài mà choáng váng rồi quỵ xuống, chỉ còn biết gọi mãi tên con, mọi người liền đỡ tôi ra ngoài. Chồng tôi nước mắt ràn rụa, cúi hôn quan tài con trước khi đẩy vào trong phòng thiêu. Tôi chỉ còn biết khóc mà gọi mãi tên con.

Sau khi thiêu xong hai ngày thì cho thăm viếng. Hũ cốt được mang ra với gương mặt thương yêu, nhìn tấm hình trên hũ cốt với chữ khắc tên tuổi con, dòng lệ cứ tuôn trào. Người thăm viếng và chia buồn đến rất đông cùng với những vòng hoa, mặc dù gia đình tôi đã đăng báo : 'Xin miễn phúng điếu và vòng hoa.»

Khác hẳn với những đám ma khác vì không có quan tài, mà chỉ có hủ cốt đặt trên bàn giữa những vòng hoa và nhang đèn. Tre già khóc măng con, lá vàng đưa tiễn lá xanh, Thật quá đau lòng !

Sau lễ tang, gia đình tôi đưa hủ cốt con về an nghỉ ở chùa.

Lúc xảy ra tai nạn có đài Tivi Mỹ tới hiện trường quay phim và đăng báo. Mấy ngày sau, con tôi gọi phone cho cảnh sát, xin được đến nơi đụng xe để cúng cầu siêu cho Đ. và cảnh sát chấp thuận nhưng vì an toàn chỗ xa lộ xe cộ nhiều, nên không được đi hơn 5 người và chỉ được ở đó khoảng 10 phút. Rồi họ cho hẹn ngày giờ để hộ tống gia đình tôi tới chỗ con tôi bị nạn trên xa lộ. Nhìn những mảnh xe bị vỡ rơi rớt bên đường, những vết cháy nám cùng những vết nứt khuyết trên bờ tường mà thấy lòng quá đau xót.

Sau đó vài ngày, nhận được giấy khai tử của Đ., liền gởi về cho H ở Việt Nam để nộp đơn xin qua Mỹ. Nhiều người nói hồ sơ bảo lãnh vợ còn đang cứu xét, bây giờ chồng chết rồi khó mà chấp thuận cho đi, nhưng tôi vẫn cứ gởi giấy khai tử và những hình ảnh báo Mỹ đăng lúc ở hiện trường xảy ra tai nạn, rồi cầu nguyện hy vọng được cho đi.

Đến ngày H đi phỏng vấn thì gặp ông Mỹ hỏi : «Đi qua Mỹ để làm gì ?» H nói : «Chồng tôi bị tai nạn chết, xin đi qua Mỹ để tang cho chồng.» Rồi trình bày tất cả hình ảnh lúc tai nạn. Ông Mỹ coi xong nói chia buồn và chấp thuận cho đi Mỹ ở 6 tháng. Mừng quá H gọi báo

tin cho tôi biết và tuần lễ sau tới Mỹ. Gia đình tôi ra phi trường đón H, nhìn thấy H gầy ốm xanh xao vì quá đau buồn thương nhớ Đ., rồi H cứ đến chùa ôm vuốt hủ cốt Đ. mà khóc, nhìn thật xót xa làm sao.

Thời gian thấm thoát trôi nhanh, đã gần tới ngày hết hạn visa, H phải trở về Việt Nam. Gia đình tôi làm đơn gởi lên sở di trú xin cứu xét trường hợp đặt biệt để H. được ở lại Mỹ. Vài tháng sau nhận được thư hẹn lên Los Angeles phỏng vấn. Vợ chồng tôi đi theo hỗ trợ tinh thần vì thấy H lo lắng quá. Ngồi bên ngoài phòng chờ đợi rất lâu, một lúc sau H phỏng vấn xong đi ra ngoài với gương mặt buồn nói : «Con gặp ông người gốc Tàu, hỏi nhiều quá, có những chuyện bên Mỹ mà con thì ở Việt Nam nên không biết rõ mà trả lời, chắc bị rớt quá. Ổng bảo về nhà chờ khoảng hai tuần sẽ thư trả lời. Vì trường hợp này cần xét lại không thể quyết định ngay được.»

Chúng tôi ra về với tâm trạng lo lắng bồn chồn chỉ còn biết cầu nguyện Đ. linh thiêng thì hãy phù hộ cho vợ được ở lại Mỹ. Một tuần lễ sau nhận được thư từ sở di trú, hồi hộp mở thư, dòng chữ lớn hiện ra : «Congratulation ! Welcome to America !» Gia đình tôi quá mừng, thật cám ơn nước Mỹ đã nhân đạo mà cứu xét trường hợp của con tôi cho H được định cư ở Mỹ.

Còn người Mễ đụng xe con tôi là một người gốc Mexico, là dân cư trú bất hợp pháp, xe không có bảo hiểm, uống rượu lái xe nên đã bị bắt ngay lúc xảy ra tai nạn. Mấy tháng sau tôi nhận được thư ở tòa án gởi về cho biết ngày xử. Gia đình tôi có đến dự mấy lần, nhưng chỉ đọc tên can phạm và nói tai nạn chỉ trong vòng 10 phút, rồi cho biết ngày xử kế tiếp. Trong phiên toà xử rất nhiều người và nhiều vụ khác nhau. Có người được bail ra ngoài ngồi cùng dãy ghế với người thân, cũng có người đang bị nhốt trong khung sắt và mặc áo tù. Khoảng năm sau toà mới kết thúc phiên xử của con tôi. Khi đọc tên can phạm đi lên, bên cạnh có luật sư biện hộ. Ông tòa đọc bản án ngày gây ra tai nạn rồi sau cùng hỏi nó : «Có nhận tội hay không ?». Và nó gật đầu chịu nhận tội. Tòa tuyên án :

«Uống rượu lái xe đụng chết người là ngộ sát bị phạt 16 tháng tù, nhưng vì can phạm chịu nhận tội nên giảm án xuống phân nửa, chỉ còn 8 tháng». Ông tòa nói xong thì hai người cảnh sát đến còng tay dẫn can phạm vào trong và gia đình nó nhìn theo khóc.

Một người lái xe không có bảo hiểm, uống rượu chạy quá tốc độ, đụng chết người mà ở tù chỉ có 8 tháng được thả trở về. Còn con tôi đã ra đi vĩnh viễn, những sự mất mát, đau đớn tinh thần của gia đình tôi phải chịu đựng

và khóc đến bao giờ đây !

Trên đường trở về nhà, xe chạy qua chỗ Đ. bị tai nạn, những mảnh xe vỡ cùng những vết cháy nám đen không còn nữa, nhưng những vết loang lổ, bể vỡ trên bờ tường còn in sâu đó.

Liên tưởng đến phút giây sinh tử đó, chắc con tôi đã vùng vẫy trong tuyệt vọng bởi ngọn lửa bao trùm trước khi trút hơi thở cuối cùng. Tôi thấy tim đau thắt, nước mắt tuôn chảy. Thôi thì phần số con tôi đã như vậy, giờ đây tôi chỉ biết cầu nguyện cho hương hồn con được siêu thoát về miền cực lạc.

Đời người nào khác giọt sương,
Trăm năm hai chữ vô thường mà thôi.

Los Angeles, May 2018

H. Huynh

Chuyện Từ Một Căn Cứ Mỹ Ở AFG

Nguyễn Văn Tới

Tác giả đã nhận giải Đặc Biệt Viết Về Nước Mỹ 2017. Ông hiện sống và làm contractor (hợp đồng) ngành hàng không ở Vail, Arizona cho quân đội Mỹ, và từng tình nguyện tới chiến trường Trung Đông, sống trong trại lính, làm việc theo một hợp đồng dân sự. Chuyện làm việc ở Trung Đông, bài đầu đã được phổ biến ngày 4 tháng 5. Sau đây là bài viết thứ hai, chuyện của một dân sự gốc Việt từ căn cứ Mỹ tại Afghanistan.

Kéo mũ trùm đầu và cái zipper lên cho đỡ lạnh, tôi bước hẳn ra ngoài đường. Tuyết vẫn rơi nhẹ và đều, ngọn đèn trên cao chiếu xuống một thứ ánh sáng trắng soi rõ những viên sỏi lát đường. Tôi hít thật sâu không khí trong lành cho đầy lá phổi.

Tôi vừa trở lại vùng đất đầy biến động này thêm một lần nữa, với hợp đồng dân sự làm việc trong ba tháng. Nơi làm việc lần này là thị trấn B., một tỉnh lỵ cao nguyên phía đông bắc đất nước Afg.

Đất nước này gần 35 triệu dân, được gọi là Islamic Republic of Afg. gồm nhiều núi non và sa mạc, là một miền đất bị khóa lại (land-locked country) không có

lối ra biển và nghèo (per capita : $1888); tuy khí hậu khắc nghiệt nhưng không thiếu cảnh thiên nhiên hùng vĩ, nhiều phong cảnh đẹp đến sững sờ. Về giáo dục thì chỉ 38.2% dân biết đọc và viết, hầu hết là đàn ông.

Đa số dân Afg. sống rải rác theo lối du mục hay từng bộ lạc, từng làng nhỏ, họ chăn cừu và nuôi lạc đà, nông nghiệp không đáng kể. Trong khi đó thì toàn thể dân chúng lại bị những giáo sĩ cuồng tín cai trị và gieo vào đầu họ những tư tưởng hận thù. Họ quan niệm phương Tây, nhất là Mỹ, đều là kẻ thù, các tôn giáo khác là những kẻ lạc giáo (infidels) cần phải giết cho bằng hết.

Nơi tôi ăn ở và làm việc là một phi trường lớn của quân đội Mỹ ở đất nước này. Sở dĩ chúng tôi được trả lương hậu vì đây là vùng đất đang xảy ra chiến tranh (war zone).

Hành trình tới AFG

Nhớ lại trước ngày lên đường rời đất Mỹ, tôi phải vào khám răng và chụp X-ray trong phòng mạch một cô nha sĩ gốc Đại Hàn. Cha mẹ cô cũng là những người di dân như tôi. Cô hỏi sao tôi lại chọn đi nơi nguy hiểm như vậy, sao không ở nhà yên ấm với vợ con ? Không do dự, tôi trả lời «I owe this country», tôi thiếu nợ đất nước này. Câu trả lời làm cô và cô phụ tá im lặng hồi lâu và

tôi thấy trong mắt họ như có vài ánh lệ long lanh. Họ chúc tôi lên đường bình an và cố gắng trở về an toàn.

Từ vùng tôi sang Trung Đông lần này, vì máy bay quân sự không còn chỗ nên tôi cầm sự vụ lệnh (LOA) và đáp máy bay dân sự hãng Delta Airlines, quá cảnh Atlanta, Georgia mấy giờ đồng hồ. Chuyến bay nửa đêm đưa tôi đến xứ sở cối xay gió Hòa Lan (Netherlands), và đáp xuống phi trường Schiphol, Amsterdam.

Sau 3 tiếng chuyển tiếp, tôi tiếp tục bay đến Kuwait vào khoảng 10 giờ đêm hôm sau. Khi tôi xếp hàng qua hải quan, trình giấy, nhân viên trả lời tiếng Anh với toàn những âm «R» nghe đến «R-R-R-R-RUNG» cả màng nhĩ mà chẳng hiểu chi. Tôi phải hỏi lại 2, 3 lần, anh ta cáu, đứng dậy chỉ về hướng cầu thang và phán «Visa over there... RRRRRRRRRR».

Cái ngôn ngữ mỏi tay và biểu cảm trên khuôn mặt mới thật là dễ hiểu làm sao ! Khi lên cầu thang thấy quen quen, 6 tháng trước tôi có đến chỗ này rồi. Xuống cầu thang trở lại chỗ anh chàng lúc nãy, không thèm ngó tờ giấy, chàng ra hiệu cho đi qua. Tôi nhờ một nhân viên người Ấn Độ lấy dùm 2 cái túi quân trang và hành lý và đẩy tới quán cà phê trong khi tôi quải cái ba lô theo sau, biếu $5, anh mừng lắm, anh nói nếu chờ bạn thì cứ để hành lý trên xe, không sao cả.

Ở Trung Đông một thời gian, tôi nhân xét thấy đời sống dân chúng ở các nước dầu hỏa nói chung, và Kuwait nói riêng, khá sung sướng. Từ những bộ lạc du mục nghèo đói nay trở thành một nước giàu có văn minh nhờ «vàng đen» nên họ làm biếng chỉ lo hưởng thụ và không chịu làm việc.

Người Kuwait chỉ làm chủ, dù ở nhà không đi làm vẫn có con sen người hầu đầy đủ, tất cả mọi việc tay chân, họ đều mướn người từ các nước nghèo như Ấn, Bangladesh, Philippines, Indonesia hay Malaysia, Tibet, Nepal, Uzbekistan hay các nước Trung Á qua làm công và đứng bán hàng. Ở đây ai phạm tội ăn trộm, họ chặt tay. Dân Trung Đông thường e dè những lao động tới từ các nước cộng sản, vì theo họ người cộng sản không thật thà, đi đâu cũng mang tiếng ăn cắp.

Vì đi máy bay dân sự nên cái gì cũng phải tự lo. Liên lạc với sếp nơi sẽ đến, họ dặn dò sau khi lấy hành lý, kiếm cái bàn ngồi ở quán tên... cứ thoải mái uống mấy ly cà phê và chờ.

«Cứ kiên nhẫn chờ, khi nào thấy một người đàn ông Mỹ trẻ, mặc đồ dân sự, tay cầm laptop, ngồi xuống uống cà phê, đó là người sẽ đưa anh về trại».

Uống hết một ly cà phê và hai chai nước mà chẳng

thấy ai. Chờ cho đến gần 0200 giờ sáng mới thấy người được mô tả lừng lững đi vào. Vừa ngồi xuống là có khoảng 4 người, nãy giờ cũng ngồi đồng cà phê như tôi, ùa đến nhanh như chớp. Tôi có thấy họ sau khi lấy hành lý và đoán chắc cũng là người Mỹ đi công tác như mình, quả đúng y chang. Dân Mẽo đi công tác qua Trung Đông hầu hết làm việc cho quân đội hoặc quốc phòng. Vì có kinh nghiệm, chỉ nhìn lối ăn mặc và hành lý, nhất là cái ba lô cũng đoán được là họ vì tôi cũng sắm 1 cái ba lô y chang kiểu mẫu, chỉ khác màu mà thôi. Tôi cũng đến trao đổi và trình thẻ. Mọi người được đưa ra bãi đậu xe có tài xế đang chờ sẵn trong một chiếc mini-bus.

Chúng tôi về đến trại Arfj. khoảng 3 giờ sáng. Dọc đường, tuy màn cửa vẫn phải buông kín như thường lệ, lần này tôi bớt lo âu căng thẳng nên hé màn quan sát, ban đêm mà xa lộ Kuwait vẫn nhộn nhịp xe cộ ngược xuôi trên 4 làn đường mỗi bên. Những dãy cột đèn chiếu sáng xa lộ cách nhau chừng 70 mét và không hề có một sợi dây điện nào lòi ra, chứng tỏ họ cũng có hệ thống xa lộ tiên tiến, đẹp đẽ, êm ái không thua gì các nước Âu Mỹ. Dọc đường bảng chỉ dẫn tất cả đều được viết bằng 2 thứ tiếng Ả Rập và Anh ngữ, và đặc biệt thành phố của họ đèn thắp sáng choang, có khi còn hơn các thành phố ở Mỹ.

Sau thủ tục nhập trại, đóng dấu phiếu ăn, tôi nhận giường, lấy quần áo đi tắm cho tỉnh táo.

Trở lại phòng mà lạnh run vì thời tiết bên ngoài khoảng 10 độ C, leo lên giường nằm đó mà ngủ không được, nhìn đồng hồ 04 : 30 sáng, ráng nhắm mắt nhưng vẫn không tài nào ngủ được cho đến 0900 sáng phải ngồi dậy vì tiếng ồn ào xung quanh. Đây là trại tiếp liệu và chuyển tiếp cho lính tráng đi hoặc về nên lúc nào phòng ngủ tập thể cũng có người ra vô, khó mà ngủ thẳng giấc.

Sáng hôm đó, lên văn phòng ghi danh bay đi B., nước Afg., họ hỏi có ULN number không ? No ULN number, no flight. Tôi không có vì tự bay bằng đường dân sự nên phải tự kiếm cách để kiếm ra hay nhờ ai đó làm cho một ULN. Coi bộ việc này không dễ dàng gì khi người ra vô tấp nập như thế này.

May sao, tôi gặp một anh trung sĩ Mỹ da màu trực văn phòng, thấy tôi bối rối, anh hỏi có cần giúp gì không ? Tôi trình bày, anh lục trong cuốn sổ tay và cho tôi số phone và tên của một sĩ quan, dặn dò chỉ được gọi vào giờ nhất định thôi. Ngó đồng hồ, còn lâu mới tới giờ, nên tôi đứng tán gẫu, biết anh đến Mỹ năm 12 tuổi từ vùng Carribean Nam Mỹ. Anh tâm sự có người bạn thân Nam Hàn cũng trong quân đội nên anh tưởng tôi

cũng người Hàn.

Nhờ cùng cảnh ngộ là dân nhập cư với nhau, tôi gặp hên. Ông thiếu úy mà tôi gọi cho biết còn một chỗ trong chuyến C-17 vào trưa mai, ông sẽ dành cho tôi chỗ đó, sau khi bảo tôi viết xuống ULN number mà ông ta sắp đọc cho nghe.

Hôm sau, ra phi trường, tôi «check-in» với người lính trẻ đang ngồi làm việc, anh nói chuyến bay không thay đổi, cứ việc đi chơi hay ăn uống trong trại, nhưng phải trở lại phòng đợi trước giờ «lock-down», nếu không thì ráng chịu.

Đi bộ ra phi đạo, leo lên chiếc vận tải cơ C-17 mới thấy nó lớn cỡ nào; bên trong là những containers chứa hàng và 2 chiếc xe chiến đấu MRAP còn khá mới, hai hàng ghế hai bên dựa lưng vào thành máy bay dành cho hành khách khoảng 17 người gồm lính tráng và duy nhất tôi là dân sự. Mất 4 giờ bay, ngủ gà gật, cuối cùng tôi cũng đến B. Airfield, Afg.

Máy bay đáp xuống phi trường trong đêm đen; cái hay và tài của phi công Mỹ là họ đáp ban đêm không cần đèn pha chiếu sáng mà chỉ dùng «night goggle» (kính nhìn ban đêm). Vậy mà phi cơ vẫn đáp xuống nhẹ nhàng.

Người ra đón chở thẳng đến nhà ăn, sau đó đến văn phòng làm việc nhận nhiệm sở mới. Tôi được phân chia làm việc ca đêm và người hướng dẫn khuyên tôi nên ráng thức để hôm sau về ngủ dễ hơn. Anh ta cũng cảnh báo phải luôn sẵn sàng, khi báo động vang lên là mọi người phải mang áo giáp, nón bảo vệ, và vào ngay hầm.

Kế văn phòng tôi làm việc là một bunker (hầm tăng xê) để tránh đạn. Trần và vách hầm được đúc bê tông dày khoảng 15 inches và được che chắn thêm bằng bao cát. Thấy bao cát là «ngửi» được không khí chiến tranh. Dân VN mình không xa lạ gì những hình ảnh này.

Công việc quân sự ngoài tiền tuyến không phân biệt ngày đêm. Nhưng được phút nào thong thả, cứ thoải mái cái đã ! Xong thủ tục nhận nơi làm việc, còn một mình trong phòng, tôi buông người vào chiếc ghế bành, bỏ một hộp Keurig (cà phê) vào máy, nhấn nút, nhấp một ngụm cà phê nóng. Bên ngoài, nhiệt độ xuống -2 C.

Đại bác dàn chào

Cách phòng ngủ của tôi vài trăm mét là bức tường bê tông cao gần 20 feet, còn hằn vết đạn rocket để lại sau một vụ trại bị pháo kích.

Chỉ 5 ngày sau khi tôi nhập trại, khu căn cứ chúng tôi được phía địch dàn chào bằng một loạt đạn pháo. Khác với lần trước ở K., 10 ngày sau khi tôi tới chúng mới đánh hơi ra để chào mừng.

Bữa chúng bắn, loa hệ thống báo động có kêu đủ ba lần «Incoming»(địch bắn vô) nhưng thằng tôi đáp lại bằng tiếng ngáy «I»m snoring» (tao đang ngáy). Vẫn chưa quen với múi giờ khác biệt), nên tôi cứ vờ không nghe, tiếp tục kéo gỗ say sưa mặc cho ngoài kia súng đạn tơi bời vì tôi đơn giản nghĩ là giày dép còn có số.

Của đáng tội, tiếng nổ kỳ này nghe khá xa mãi ở đâu đâu lận, mà phòng ngủ của tôi lại sát bức tường T-wall bảo vệ. Khi an giấc trong đêm pháo kích, tôi tưởng như còn nghe đâu đây văng vẳng tiếng hát Khánh Ly một thời ở quê nhà «Đại bác đêm đêm, dội về thành phố...» Và «người say giấc nồng vẫn ngáy ro ro...».

Một hôm khác, tôi đang nằm coi phim trong phòng sau giờ làm việc, tôi nghe loa báo động «IDF Attack, Take cover» 3 lần. IDF= Indirect Fire, có nghĩa bị bắn vô. Vội bỏ ống nghe ra khỏi tai và mở cửa coi việc gì xảy ra. Thấy ai nấy vội vàng trở về phòng và đóng cửa lại. Tôi mới hay là trại đang bị pháo kích. Lần đó, nơi bị bắn ở rất xa nên chỗ chúng tôi không ảnh hưởng gì.

Ở trại này, chúng tôi thường xuyên nghe báo động mỗi tuần. Có 4 loại báo động từ thấp đến cao. Thấp thì không cần phải vào hầm hay mặc áo giáp mà chỉ cần đâu ở yên chỗ đó cho tới khi loa thông báo «All clear» thì mới được di chuyển.

Khu căn cứ được bảo vệ bằng những bức tường cao gần 20 feet che chở xung quanh. Ngoài ra, trại chúng tôi còn có Iron Dome Defense System giống như quốc gia Do Thái đã từng bảo vệ đất nước nhỏ bé của họ một cách hiệu quả khỏi tất cả đạn pháo hay hỏa tiễn từ các nước lớn như Iran. Năm 2012 Iron Dome tiêu diệt 400 hỏa tiễn từ trên cao bắn vào dân cư Israel.

Nhân đây, xin giải thích đôi chút về hệ thống bảo vệ C-RAM của phe ta. C-RAM là chữ viết tắt của hệ thống bảo vệ trại : Counter Rocket, Artillery, and Mortar, abbreviated.

Hệ thống C-RAM là loại vũ khí đặc biệt khi radar báo có đạn pháo, hỏa tiễn địch đang bắn tới, giàn súng Phalanx trong trại sẽ bắn lên hàng loạt đón đường và phá hủy chúng trước khi chạm đến mục tiêu. Khẩu Gatling Gun này bắn 75 viên/1 giây và tiếng nổ y như tiếng bò rống thật to và điếc tai. (hình bên)

Một lần nhìn hơn ngàn lần nghe hay đọc. Mời mọi người coi video sau đây để thấy sự thật và việc thật hơn.

Căn cứ B. Airfield, Afg.

Những dãy nhà ngủ hai tầng nhìn từ xa, có hàng rào kẽm gai và 2 lớp tường bê tông che chở. Xa xa những ngọn núi tuyết phủ tạo thành cảnh vật vừa hùng tráng vừa thơ mộng. Đó là căn cứ quân sự nơi chúng tôi đang sống. Vùng đất chiến trường này là nơi những người lính trẻ của chúng ta đang đối diện với nguy hiểm hằng ngày với những IED (Improvised Explosive Devices) bom mìn gài trên đường. Nhiều người lính đã tử trận hoặc phải bỏ lại một phần thân thể trên những vùng đất lạ cho quê hương hiệp chủng quốc Hoa Kỳ được an ninh, thịnh vượng.

Là một công dân Mỹ gốc Việt qua tuổi lính từ lâu, làm với bộ quốc phòng theo hợp đồng dân sự, việc tôi nhận công việc nơi tiền tuyến hoàn toàn do tình nguyện. Khi quyết định phải góp phần với đất nước đã cưu mang mình, tôi đã tự động viên mình để yên tâm làm việc trong điều kiện hung hiểm này.

Trời mùa Đông u ám nhiều ngày, tuyết vẫn nhẹ rơi, không liên tục, nhưng đủ làm người viễn chinh cô đơn ít nhiều, lạnh bên ngoài lẫn bên trong tâm hồn.

Cuộc sống thời chiến nơi trại lính tiền tuyến xa nhà, đương nhiên khác hẳn đời sống gia đình. Thiếu vắng và thấy nhớ nhiều thứ. Thiếu tiếng bà vợ ra lệnh «nhờ» đi rửa chén, giặt đồ; Nhớ cái máy massage đấm lưng mà thường tôi là operator chứ không phải nàng. Nhiều cái bình thường trong cuộc sống an bình nay chỉ còn trong mơ.

Dù sao, hãy quen và vui với nếp sống tiền tuyến.

Trại lính nơi chúng tôi đang sống, dù ngay trên đất Afg, nhưng không có người địa phương làm việc.

Ban quản lý trại đã chấm dứt mướn người địa phương sau vụ nổ bom năm ngoái. Chuyện là một tên người địa phương cuồng tín làm trong nhà bếp, ngày nào hắn cũng đem bánh trái từ nhà vào mời bạn bè ăn. Hắn khoe vợ làm bánh (homemade cake) ngon lắm nên đem vào chia sẻ với mọi người nên không ai nghi ngờ gì. Kéo dài vài năm, hắn có đủ thuốc nổ dấu trong bánh để làm một trái bom. Và vụ nổ bom tại khu chợ trời trong trại gây thương vong cho một số người, kể cả cái mạng bèo bọt của hắn.

Từ đó, những nhân viên dân sự lo về an ninh được mướn từ Ghana hay Uganda Châu Phi. Họ mang súng tiểu liên AK đứng canh bên ngoài nhà ăn, nhà giặt đồ,

và những khu buôn bán, với nhiệm vụ coi giấy tờ và thẻ của bất kỳ ai ra vô những tòa nhà đó.

Tôi rất thích tác phong và kỷ luật của các toán an ninh gốc Phi châu này, hỏi ra mới biết họ cũng gốc lính mà ra. Trời lạnh căm căm, đôi khi tuyết rơi mà họ vẫn cứ phải đứng ngoài trời hằng giờ và canh giữ an ninh. Họ được quân đội Mỹ nuôi ăn và ở như tiêu chuẩn của quân đội Mỹ. Chúng tôi ăn gì, họ ăn thứ đó. Chúng tôi ngủ trong nhà tiền chế, họ cũng thế. Vì vậy họ không thấy sự khác biệt của người đi làm thuê và công dân Mỹ.

Và cũng như hầu hết mọi người trên thế giới, họ mong ước có ngày sẽ định cư và xây dựng một gia đình riêng của họ trên đất Mỹ : American Dream. Tôi hỏi sao không là Chinese Dream ? Họ cười phá lên và nói China is number 10 với ngón tay cái trỏ xuống đất.

Ăn uống thì khỏi nói, đồ ăn thì đổ đi không hết. Quần áo, mùng mền thay ra thì bỏ vào túi lưới có tên và số của mình, đem vào nhà giặt nhờ các nàng xứ Kazakhstan, Kosovo, Serbia, hay Macedonia bỏ vô máy giặt dùm, ba ngày sau trở lại lấy, mọi thứ được các nàng gấp gọn gàng phẳng phiu.

Về các nàng từ mấy xứ sở này, phải công nhận họ rất đẹp, trắng trẻo dễ thương, có 3/4 nét tây phương và 1/4 nét Á Châu. Chắc họ rủ nhau về làm cho phòng giặt hay sao mà toàn là nghe họ nói chuyện ríu rít bằng ngôn ngữ của họ mà không lẫn một sắc dân nào khác. Đúng là buôn có bạn, bán có phường. Cũng như mấy anh Ấn Độ làm ở nhà ăn vậy. Mấy anh Chà Và này, nấu cái gì cũng bỏ cà ri, thậm chí cá hấp, rau cải kho, họ cũng tẩm mùi cà ri. Mỗi lần nhìn thực phẩm họ nấu, tôi ngán đến tận cổ, không dám đến gần.

Về việc di chuyển, trại cấp cho chúng tôi một chiếc bán tải (pick-up truck) với crew cab chở được 5 người để đi lại. Đó là chiếc Tata do Ấn Độ chế tạo mà tôi gọi là chiếc «tà tà» vì quả thật nó rất tà tà, vui thì nó nổ mà buồn thì nó im.

Mỗi lần đề máy mà thấy nó im rơ, không nghe gì hết, thì phải kêu thằng ngồi kế bên «get out». Khi cái ghế nhẹ đi vì không ai ngồi thì xe mới chịu nổ máy. Thấy êm, mới có thể lại mời thằng đi chung, get back in, xin vui lòng an tọa. Ôi cái xe Ấn Độ ! Tôi chưa bao giờ chạy xe hơi do các chú Ba chế tạo nên không thể so sánh em nào «khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang» hơn em nào.

Đặc biệt về lưu thông, tại đất nước Afg, xe Toyota chiếm đa số. Thì ra không chỉ dân Mít ta khoái xe Nhật, mà các chú Ả Rập cũng rất ưa loại xe này vì nó bền và chịu được sự văng vật của tài xế và chịu mưa nắng nóng lạnh bất thường của miền đất này.

Dù sao, với cái xe Ấn Độ tà tà, tôi đã lái nó đến được nhiều nơi khó quên, thấy được nhiều cảnh vật, nhiều câu chuyện khác thường. Hy vọng sẽ còn dịp kể thêm với bạn đọc.

Bài viết xong chiều 30 Tết Mậu Tý.

Nguyễn Văn Tới

Chuyện Tình... Hải Tặc

Nguyễn Cát Thịnh

Tác giả là một dược sĩ tại Toronto. Với bài viết đầu tiên «Hai Bà Đầm,» ông đã nhận giải đặc biệt Viết Về Nước Mỹ 2011. Ba năm sau, 2014, ông góp thêm bài «Hồi Ký Của Một Người Tên Ông.» Năm 2016, thêm bài «Bà Mẹ Tây» hay «Thằng Tàu Con của Mẹ.» Sang năm 2018, thêm bài thứ tư, «Đứa Con Lai...Hải Tặc.» Bài viết mới thứ 5 «Chuyện Tình...Hải Tặc» là phần kết của câu chuyện. Bạn đọc Viết Về Nước Mỹ trên Việtbao Online chỉ cần double click vào tên tác giả ở đầu bài, sẽ thấy bài cũ của cùng tác giả.

Bài đăng 2 kỳ. Tiếp và hết.

Giới thiệu với chú, đây là bạn gái của cháu. Cô đã cùng với thám tử tư giúp tìm ra người cha hải tặc của cháu như trong bài viết «Đứa Con Lai...Hải Tặc» của chú.

Còn đây là ông chú mà anh vẫn thường nói với em.

- Chào chú ! Chú ngạc nhiên lắm phải không ? Con đã được nghe rất nhiều về chú. Con muốn gặp chú từ lâu nên đã nhờ bạn thu xếp giúp. Con từ Thái Lan qua, đang theo học tại Michigan State University. Con

chọn trường này vì biết bạn cũng ở thành phố Detroit, Michigan.

- Chú không ngờ hai đứa lại hội ngộ ở Mỹ. Vui quá ! Nhất là cả hai đều nói tiếng Việt rất giỏi.

- Chú quá khen đấy thôi. Cháu sinh ở Mỹ, chỉ nói được tiếng Việt, giọng Bắc, nhưng đọc và viết thì chịu thua. Bạn gái cháu sinh ở Thái, nói giọng Nam ngọt như mía lùi. Viết thì hết sảy, vì được học với mẹ và học gần hai năm ở Khoa Việt Nam học - Đại học Sư Phạm Hà Nội.

- Chú bái phục cả hai cô cậu. Thôi bây giờ chúng ta tìm tiệm cà phê Starbucks gần đây. Tha hồ chúng ta nói chuyện cũ chuyện mới.

Cuộc trò chuyện thân tình, cởi mở cùng hai người trẻ với tư duy mới để lại thật nhiều ấn tượng. Họ khiến tôi phải xét lại một vài quan niệm lỗi thời.

Phong thái tự tin qua cách nói chuyện của họ cuốn hút đến nỗi tôi quên cả không gian lẫn thời gian. Quên mất cả tuổi già (một chút luyến tiếc tuổi trẻ đã qua). May còn nhớ đường về !

Sau buổi chiều thú vị này, tôi vội ghi lại hai «Chuyện Tình...Hải Tặc» độc đáo :

- Chuyện tình cũ, tiền hung hậu kiết, của một hải tặc hoàn lương với một nạn nhân hụt của hải tặc.

- Chuyện tình mới, trong sáng, của cô gái kết tinh từ duyên kỳ ngộ của đôi uyên ương trên và «Đứa Con Lai... Hải Tặc».

Lời cô gái :

Chú đã bao giờ đến Sóc Trăng chưa ? Đó là quê ngoại của con.

Trước 75 ông bà ngoại con có tiệm vàng ở trên đường Hai Bà Trưng. Ông ngoại đã mất ít lâu sau ngày đổi đời. Bà ngoại vẫn sống với các dì dượng từ đó đến nay. Má là con út trong gia đình có năm anh chị em.

Nghe má kể, gần ba mươi năm trước, Dượng Hai hùn với mấy người bạn mua ghe tổ chức vượt biên. Khi đó má đang là giáo viên, buồn chuyện tình ngang trái với một đồng nghiệp, muốn bỏ xứ đi xa nên xin một chỗ trên tàu.

Bà ngoại can ngăn nhưng má nhất quyết, bà đành để má ra đi mà trong lòng thấp thỏm. Cho đến bây giờ,

mỗi khi nghe thuật lại chuyến đi kinh hoàng ngoại vẫn còn run rẩy, vẫn chảy nước mắt.

Khách trên ghe đa số là bà con quen biết. Khởi hành từ Vĩnh Châu. Qua được hải phận quốc tế thì máy chính trục trặc không sửa được, phải chạy bằng máy phụ.

Đám đàn bà con gái xôn xao bàn tán, lo ngại vì tàu chỉ chạy quanh quẩn trong vịnh Thái Lan, e có nguy cơ gặp hải tặc. Nhiều người bàn chuyện quay lại. Thà trở về ở tù còn hơn phải đương đầu với nguy hiểm rình rập.

Trong lúc còn đang phân vân chưa quyết định có nên đi tiếp hay không thì điều lo sợ đã xảy ra, không kịp trở tay.

Hai chiếc tàu hải tặc chạy vòng quanh tàu, quan sát vài phút rồi hùng hổ tiến đến kẹp sát hai bên hông, đâm thủng một lỗ lớn. Chúng hươ hươ vũ khí. Dao dài, dao ngắn, súng, búa, rìu, đe dọa, đàn áp tinh thần mọi người.

Khi nước biển bắt đầu tràn vào phòng máy thì sự hoảng hốt lên đến cực độ.

Phần sợ ghe chìm chết đuối, phần lo hải tặc chém giết, hãm hiếp. Không ai dám lên tiếng. Đa số chấp nhận đầu hàng để mong được bảo toàn tính mệnh.

Có người vật vã than khóc, có người lâm râm cầu trời khấn Phật, có người ngơ ngác như mất trí.

Rất nhanh chóng, những tên hải tặc vạm vỡ, đứa mình trần, đứa quấn khăn rằn, nhảy lên tàu uy hiếp các thanh niên, trói lại, dồn vào một góc hoặc ném xuống hầm.

Họ bắt đầu lục soát từng người, từng vật dụng, từng chỗ nghi ngờ nơi giấu vàng bạc châu báu.

Dì Hai, vợ của Dượng, dấu đầy vàng lá khâu kỹ trong áo lót, bị chúng lột trần truồng, đạp xuống biển. Má con sợ quá, lôi trong cạp quần tất cả số vàng mang theo đưa cho chúng trước khi bị khám xét.

Sau khi biết chắc chắn đã vơ vét cạn kiệt những gì muốn tìm, chúng bắt đầu chiếu cố đến chiến lợi phẩm kế tiếp : phụ nữ !

Mặc sự giãy giụa phản kháng, các cô gái trẻ đều bị chúng kiểm soát hàng họ. Xong, tuyển chọn một số vừa mắt chuyển xuống ghe của chúng.

Má cũng không thoát khỏi.

Những người còn lại trên ghe cởi trói cho nhau, gấp rút tát nước, lấp lỗ thủng, tìm sự sống trong cõi chết.

Nhiều ngày sau tàu may mắn trôi dạt vào Côn Sơn và tất cả đều bị bắt.

Hai tàu của hải tặc chạy mất hút. Các trò khả ố đã diễn ra. Các cô gái mềm nhũn nhắm mắt chịu nhục để những con thú thỏa thuê trên các thân xác bất động.

Một tên xáp lại gần má, mắt hau háu. Má co cụm, cúi mặt, hai bàn tay nắm chặt, ngồi ôm đầu gối. Hắn giơ chân đạp, đẩy má ngã ngửa. Phản ứng tự vệ khiến má giơ tay chống đỡ. Chiếc tượng Phật bằng vàng, vật hộ mệnh ngoại trao, rớt xuống sàn. Hắn sáng mắt, cúi xuống định lượm thì nhanh như chớp, một cánh tay khỏe mạnh từ đằng sau chận lại. Người hùng đó chính là ba tương lai của con.

Sau này nhắc lại, ba nói rằng khi chiếc tượng Phật rơi ra khỏi lòng bàn tay của má, một tia sáng với hào quang vụt loé làm ba chóa mắt. Cho rằng bị phép lạ của Phật bà cảnh tỉnh, ba bỗng thấy hổ thẹn trước người con gái yếu đuối, có gương mặt thơ ngây, thánh thiện. Tưởng như hiện thân của cô bé láng giềng mất tích từ thuở nhỏ mà hình ảnh chưa bao giờ phai mờ trong tâm trí. Ba nâng má dậy, bồng vào vào cabin, săn sóc tựa người thân.

Hình như có tiếng nói của một người vô hình ra lệnh cho ba phải bảo vệ má. Dù bị đồng bọn nói xiên xỏ nhưng ba phớt lờ. Họ nể ba vì ba là thợ máy, có chút chữ nghĩa, nên để má yên.

Qua gần một tuần bị hành hạ, cuối cùng các nạn nhân khốn khổ và má được họ thả vào bãi đất hoang của làng chài Budi thuộc vùng bờ biển phía Nam, ráp ranh giới Mã Lai.

Ba trốn tàu, lên bờ, bí mật theo dõi má từng đường đi nước bước.

Cảnh sát tạm giữ tất cả, đồng thời báo cáo lên cấp trên chờ lệnh.

Cơ quan thiện nguyện được yêu cầu đem xe bus đến đón, bảo lãnh, đưa về Songkhla làm thủ tục nhập trại dù khi đó có tin đồn trại sắp bị đóng cửa vĩnh viễn.

Má được xếp ở chung chòi lá với những cô gái đơn thân.

Sống ở ngoài không lâu, ba xin được công việc bảo trì điện nước ngay trong trại tỵ nạn một cách dễ dàng vì nói được chút ít tiếng Việt căn bản.

Hàng ngày nhìn thấy má nhưng mỗi lần ba lại gần liền bị má giận dữ xua đuổi.

Một hôm đi xách nước, má trượt chân té xuống ao kêu cứu, ba ở xa trông thấy vội phóng đến, nhảy xuống kéo lên, trong khi mọi người khác chỉ đứng nhìn.

Ba làm sơ cứu, xong bồng má phi thân đến bệnh viện cách khá xa.

Khi hơi hồi tỉnh, mở mắt thấy ba đứng khép nép cuối giường với vẻ mặt ủ rũ, má chợt hiểu, chút áy náy trong lòng.

Từ đó tuy má không còn nhìn ba với con mắt thiếu thiện cảm nhưng vẫn lẩn tránh tiếp xúc. Ba chỉ còn cách âm thầm dõi theo cuộc sống của má.

Thực phẩm trong trại phân phát hầu như không thay đổi, ăn mãi một thứ cũng ngán, ba muốn tiếp tế đồ ăn mua bên ngoài nhưng má luôn luôn từ chối.

Ba nhờ người quen gởi cho má quần áo và những vật dụng hàng ngày của phụ nữ, nói dối là tặng phẩm của hội đoàn từ thiện. Má tưởng thiệt nên nhận nhưng khi biết là của ba thì má trả lại hoặc mang cho người khác.

Ba không nản chí, tìm đủ mọi cách giúp má bớt khó khăn trong điều kiện sinh hoạt rất giới hạn trong trại.

Sau 14 Tháng Ba, 1989, Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR) quyết định đóng cửa các trại tị nạn, mọi thuyền nhân phải qua thanh lọc để hoặc được tiếp tục đi định cư nước thứ ba, hoặc phải hồi hương, trở lại nơi đã ra đi.

Không may, má nằm trong diện đó.

Buồn hơn nữa, má rớt thanh lọc.

Má và những người cùng số phận được chuyển sang trại Sikiew, nơi giống như nhà tù, có canh gác nghiêm ngặt.

Nếu không được đề nghị tái xét thì chỉ còn đường xin tự nguyện hồi hương hoặc chờ bị cưỡng bách hồi hương.

Ba kiên nhẫn theo má đến tận chỗ mới. Lần này ba chỉ sống quanh quẩn bên ngoài trại.

Thỉnh thoảng mua chuộc lính canh, lọt vào bên trong, liên lạc với má.

Sự lạnh lùng thường nhật của má vẫn không làm nản lòng người tình si. Chỉ đến khi một chuyện bất ngờ xảy ra khiến quan hệ giữa hai người bước sang ngã rẽ mới.

Trong một đêm, đám lính nhậu nhẹt say sưa gây náo loạn, bắt cóc má và hai cô gái khác, lôi ra ngoài trại.

Tiếng la hét của các cô gái cầu cứu báo động vài thanh niên cảm tử đuổi theo, bất chấp lệnh giới nghiêm sau 10 giờ đêm. Lính canh nổ súng buộc các thanh niên phải trở vào.

Biết có biến vì nghe tiếng súng nổ, ba vội vàng tìm đến. Kịp nhận ra một trong ba cô gái bị lôi kéo là má. Lấy hết sức bình sinh, ba liều mạng xông pha, vùng lên như cọp dữ, đá bay tên này, đấm gục tên kia, các tên còn lại sợ quá, trốn chạy.

Má chưa hết hoàn hồn, chân tay bủn rủn không đi đứng nổi. Một lần nữa ba lại có dịp bồng má, đưa vào chỗ nghỉ.

Phải mất một ngày má mới tạm hồi phục.

Ánh mắt của má nhìn ba bây giờ đã có chiều trìu mến. Má không còn từ chối sự săn sóc của ba nữa.

Má e thẹn nhớ đến những lần «bị ba bồng», cảm giác lâng lâng dễ chịu. Tình cảm đã bắt đầu nhen nhúm.

Viễn ảnh cưỡng bách hồi hương trước mắt. Tình trạng mất an ninh trong trại. Tình yêu vừa chợt đến. Tất cả các nguyên do đó đã khiến má không có sự chọn lựa nào khác khi ba ngỏ lời đưa má ra khỏi trại, bằng cách hối lộ các quan chức có thẩm quyền.

«Ba đưa nàng về dinh» ở thành phố Bangkok.

Khi tình yêu đã chín mùi, họ đồng lòng làm lễ cưới theo Phật giáo, ước mong có sự kết hợp thiêng liêng.

Các Tỳ kheo được cung thỉnh đến tụng kinh cầu an trong căn nhà của đôi tân hôn. Theo phong tục, sáng hôm sau ba má đem thức ăn cúng dường cho chư Tăng trước khi họ tiến hành hôn lễ. Chư Tăng tiếp đó đọc kinh cầu phúc và rải nước thánh chính thức công nhận cuộc hôn nhân.

Ba má mở tiệm ăn đặt tên «Thai-Viet»(·-Ç´¹Ị), chọn nghề chân chính, làm ăn lương thiện. Khách ủng hộ mỗi ngày mỗi đông. Không giàu có nhưng sống sung túc. Gia đình ổn định theo giáo lý nhà Phật.

Hai người anh trai song sinh và con đã lần lượt ra đời và trưởng thành từ căn nhà bình yên, lúc nào cũng vang vang tiếng cười hạnh phúc.

Ba tin ở thần Ganesha, vị thần đầu voi tượng trưng cho sự hợp nhất giữa tiểu vũ trụ và đại vũ trụ, được xem là vị phúc thần đáp ứng những điều may mắn, cát tường mà ba thường cầu nguyện.

Chú ạ ! Con không có ý thuyết pháp đâu nhưng chú cho phép con nói một chút về quốc giáo của Thái Lan nhé.

Phật giáo có một vị trí vô cùng quan trọng, đã đóng góp tích cực vào đời sống của người dân Thái, không những về mặt vật chất, kinh tế mà còn đi sâu vào đời sống tinh thần của họ.

Xứ sở được biết đến như quê hương của nụ cười, đất nước của những chiếc áo cà sa. Nó nói lên một cách sâu sắc về một đạo giáo lớn mà dân tộc Thái tôn thờ.

Trong mỗi con người, ngoại trừ hải tặc và kẻ gian ác, đều có niềm tin và tín ngưỡng, đều tin tưởng và cầu nguyện cho mọi điều tốt đẹp đến với tha nhân, đến với bản thân cùng gia đình. Có tin tất có linh !

Ấy thế, từ các dân đánh cá hiền lành, một số ngư dân Thái đã bị vật chất và dục vọng cám dỗ, trở thành những tên hải tặc điên cuồng gây ra thảm kịch kinh hoàng trên biển đông suốt hai thập niên. Cả thế giới lên án. Tên và hình ảnh đất nước Thái Lan bị hoen ố. Người Việt căm hờn, thù ghét.

Con rất xấu hổ về những tội ác dã man, ghê tởm của họ. Sự thiếu hiểu biết giáo lý nhân quả nghiệp báo đã làm cho họ xa cách khuôn khổ của chánh pháp.

Con tin, đời này và đời sau họ sẽ phải trả giá, ác giả ác báo.

Với một đất nước có gần 95% người dân theo đạo Phật Nam Truyền, 4.6% đạo Hồi, 0.7% Thiên Chúa giáo, con tin các hải tặc hoặc vô thần hoặc là tín đồ hoang đạo của một trong các đạo giáo đó. Họ cũng có thể thuộc về tà giáo, tín đồ của quỷ Sa Tăng.

Con rất mừng và hãnh diện vì ba đã sớm tỉnh ngộ, đã trở lại với bản chất hiền hòa, từ ái, khiêm cung và nhã nhặn của một người dân Thái tiêu biểu. Đã thể hiện một phần nào cốt lõi Phật pháp qua cách thực hành đạo lý.

Hồi cuối năm ngoái, con đã đến Ogden thuộc tiểu bang Utah dự lễ khai trương của chùa Chaimongkol

Vararam.

Quỳ lạy trước Phật A Di Đà, con xin Ngài chứng giám cho ba, người mà một thời là hải tặc, đã nguyện sống một đời ăn năn sám hối. Con xin Ngài ban sức mạnh để ba giữ mãi sự quân bình trong tâm khảm. Con cầu chư Phật độ trì cho ba má giữ hương lửa tình yêu nồng ấm đến trọn đời.

Con cầu Ngài soi ánh đạo vàng, giải thoát những hải tặc già cũng như trẻ, ra khỏi vòng u mê, tìm thấy chánh đạo.

Con cũng không quên cầu nguyện cho những nạn nhân của hải tặc, đồng bào Việt Nam ruột thịt của má con. Cầu cho người chết được siêu thoát. Cầu cho những người sống sót tìm lại được bình an.

Lời chàng trai :

Như chú biết, cháu đã trải qua một thời gian dài ở Thái Lan, quyết tìm gã hải tặc gieo rắc hậu chứng bi thương cho gia đình cháu.

Những ngày tháng vô vọng, cháu len lỏi khắp hang cùng ngõ hẻm của các thành phố Thái, chỉ cầu may gặp sự mầu nhiệm.

Có hôm anh tài xế xe Tuk-Tuk đưa cháu vào tiệm ăn Thái-Việt ở Bangkok. Ở đấy cháu gặp và quen cô sinh viên con ông bà chủ (chồng Thái vợ Việt).

Với nụ cười tươi, tiếp đãi lịch sự ân cần, nói năng ngọt ngào, cô đã chinh phục được người khách phương xa, gây cảm tưởng tốt đẹp.

Cô có dáng dấp rất Việt Nam, tiếng Việt chuẩn mực, cách nói thu hút người nghe. Chả thế mà cháu đã trở thành thực khách trung thành suốt thời gian ở Thái.

Trong khi chờ thám tử cung cấp tin tức về người cha hải tặc, mỗi tuần ít nhất ba ngày cháu phải đến tiệm, vừa để ăn uống vừa để có dịp gặp gỡ cô gái.

Chúng cháu có thể ngồi bàn luận hàng giờ không chán, đủ mọi lãnh vực, rất tương đồng tương đắc.

Hôm nào không đến, thấy nhớ kỳ lạ.

Cháu để ý thấy cô tiếp cháu có vẻ vồn vã đặc biệt hơn các thực khách khác.

Cháu tự hỏi có phải đó là khởi đầu của tình yêu ? Chú có tin tiếng sét ái tình không ? Thú thật, ngay lần gặp đầu tiên cháu đã liêu xiêu, có phải cháu «bị» rồi không chú ?

Khi đề cập đến đời tư, chúng cháu nhận ra gia cảnh của cả hai khá giống nhau.

Ba của cô và cha của cháu đều có gốc hải tặc Thái Lan. Hai bà mẹ đều xuất thân từ những gia đình Việt Nam nền nếp.

Cô là sản phẩm của tình yêu chân chính, cháu là sản phẩm của hành vi hiếp dâm dã man.

Cha hải tặc của cô đã trở thành một Phật tử thuần thành, sống đời đạo hạnh. Cha hải tặc của cháu không tông tích.

Tình thương cao thượng của người cha nuôi vô sinh hữu dưỡng và sự hy sinh cao cả của người mẹ chưa được đền đáp thì đã qua đời làm cháu mãi ân hận.

Cháu mang điều đó tâm sự.

Cô cho biết ở Thái mọi người con trai trưởng thành đều thọ giới, phải qua một khóa tu ngắn hạn gọi là Buat Phra, có nghĩa là tu để trả ơn cho cha mẹ, đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục.

Ngay khi khoác lên người chiếc y vàng, người con đã phần nào tạo được phúc báo hồi hướng, tích phúc cho cha mẹ, còn sống hay đã mất.

Với người đã khuất núi, đi tu còn mang ý nghĩa báo hiếu để người chết được siêu độ, ra đi thanh thản.

Không bao giờ trễ nếu người con muốn mang lại vinh hạnh cho cha mẹ, cho dù ở bên kia thế giới, bằng đường tu tập gieo duyên với tam bảo.

Chú ơi ! Chưa bao giờ cháu tiếp nhận một lời khuyên chân thành hơn. Cháu sẽ chọn thời gian thuận tiện vào dịp lễ Khao Phansa là mùa an cư của Phật tử, ghi danh một khoá tu ở chùa Đại Già Lam Wat Nawamin Chararactist tại Raynham, Massachusetts, để vừa ổn định tinh thần, vừa tu tâm dưỡng tính.

Ngày qua ngày, hai đứa trở nên gần gũi hơn. Cô khóc cho phận đời oan nghiệt của cháu.

Chúng cháu định ôm nhau an ủi, theo thói quen, nhưng mặc cảm thất lễ của đứa con hải tặc ngăn lại.

Cháu tự nhắc nhở phải tôn trọng phái nữ, bất kể là ai. Không cho phép gien hải tặc có cơ hội trỗi dậy.

Cô thật lòng chia sẻ về nỗi uất hận mang nửa giòng máu hải tặc của cháu.

Cháu nói rõ mục đích đến Thái Lan chỉ để đưa người cha hải tặc ấy đối đầu công lý, cô tình nguyện trợ giúp.

Hơn sáu tháng sống ở Thái Lan đủ để chúng cháu hiểu nhau. Chưa ai mạnh miệng nói tiếng lòng nhưng cả hai cảm nhận được mối quan hệ thân thiết đã vượt qua giới hạn bạn bè.

Mỗi khi có thời gian rảnh rỗi cô hân hoan rủ cháu đi thăm viếng các danh lam thắng cảnh hoặc giới thiệu các ngôi chùa nổi tiếng như chùa Wat Arun nằm trên bờ phía tây của sông Chao Phraya, Thonburi, với lối kiến trúc đậm nét Thái và nhiều chùa khác nữa, Wat Phra Kaew, Wat Pho, Wat Benchamabophit Dusitvanaram, Wat Mahathat, Wat Saket, Wat Traimit...

Có lần cô đưa cháu đến trung tâm thương mại Central World, vào ngôi đền Trimurti. Chúng cháu cùng nhau chắp tay quỳ trước tượng thần. Ra về, hỏi cô đã cầu nguyện gì ? cô chỉ mỉm cười, má ửng hồng, thẹn thùng không nói.

Sau này cháu được biết đền thờ ấy là ngôi đền cầu tình duyên linh thiêng bậc nhất Bangkok.

Một ngày chủ nhật đẹp trời chúng cháu dắt nhau về miền quê có phong cảnh hữu tình. Cháu đã ngỏ lời yêu và thật sung sướng, cô đã chấp nhận.

Cuối cùng, thám tử đã tìm thấy người cha sinh học của cháu. Đó là một nhà sư già khắc khổ, trụ trì ngôi chùa nhỏ trong một làng chài hẻo lánh.

Thoạt tiên dân làng không biết nhà sư này từ đâu tới nhưng khi ông trút bỏ tất cả khối tài sản khổng lồ mang theo, phân phát cho mọi người trong và ngoài làng thì họ đã hiểu.

Rất ít người nhận quà tặng nên ông đã dùng vào những việc công ích như xây cất cầu đường, trường học, trạm y tế, nhà máy điện nước.v.v... Cuộc sống của dân làng nhờ thế đã được cải tiến.

Họ để yên cho ông tu hành cùng vị sư thầy cho đến lúc thầy viên tịch, ông lên thay, trụ trì ngôi chùa.

Thật ra ông chưa phải là một nhà sư chính thống vì chưa được thọ giới theo luật đạo. Gọi ông là cư sĩ thì đúng hơn.

Chúng cháu nhờ luật sư thiết lập hồ sơ sẵn sàng đưa ông ra tòa hình sự. Cháu cũng đã thỉnh ý chú và nhận được lời tư vấn đầy nghĩa tình.

Trở về Mỹ, cháu vẫn còn lưỡng lự.

Tuần lễ trước, cháu đến đón cô sau buổi học, thấy cháu trầm mặc ưu tư, cô đưa cháu vào thư viện của trường đọc sách.

Chúng cháu cùng đọc, cùng nhau nghiền ngẫm và thảo luận một vài đoạn trong cuốn sách của bà Ashley Lawton (Nhà văn, nhiếp ảnh gia và diễn giả Kitô giáo). Người dịch Hà Anh :

Thiên Chúa biến sự dữ thành sự lành. Vụ hiếp dâm đã mang tôi vào thế giới này. Tôi là con của Thiên Chúa ! Ngài đã làm cho tôi được nhận nuôi, và công trình huy hoàng của Ngài thật tốt đẹp, vững chắc và kỳ diệu. Tôi ở đây để chia sẻ tin mừng, và kế hoạch Thiên Chúa dành cho cuộc đời tôi. Tôi sống sót - không phải vì một sai lầm, mà nhờ hồng ân Thiên Chúa.

«Tạng phủ con, chính Ngài đã cấu tạo; dệt tấm hình hài trong dạ mẫu thân con. Tạ ơn Chúa đã dựng nên con cách lạ lùng, công trình Ngài xiết bao kỳ diệu ! Hồn con đây biết rõ mười mươi. Xương cốt con, Ngài không lạ lẫm gì, khi con được thành hình trong nơi bí ẩn, được thêu dệt trong lòng đất thẳm sâu.

Con mới là bào thai, mắt Ngài đã thấy; mọi ngày đời được dành sẵn cho con đều thấy ghi trong sổ sách của Ngài, trước khi ngày đầu của đời con khởi sự.» (Thánh Vịnh 139, 13-16)

Sách Ngôn sứ Jeremiah chương l, câu 5 : «Trước khi cho ngươi thành hình trong dạ mẹ, Ta đã biết ngươi; trước khi ngươi lọt lòng mẹ, Ta đã thánh hóa ngươi; Ta đặt ngươi làm ngôn sứ cho chư dân.»

Ngài biết tôi, Ngài đã dựng nên tôi, Ngài yêu tôi. Bạn thấy đấy, tôi không phải là một sản phẩm lỗi. Thiên Chúa biết điều gì sẽ xảy ra, ngài biết ngày được thành hình, và có một kế hoạch lớn lao hơn cho tôi mà không ai có thể hiểu hết được. Thậm chí cha mẹ nuôi của tôi cũng không thể hiểu được. Cha trên trời của tôi đã mặc khải cho tôi ý nghĩa của mục đích mà Ngài đã ghi khắc vào cuộc đời tôi.

Những gì Ngài đã làm cho tôi và thông qua tôi. Xin ngợi khen Thiên Chúa bởi sự mặc khải của Ngài trong sách ngôn sứ Jeremiah : «Vì chính Ta đã biết các kế hoạch Ta định làm cho ngươi - sấm ngôn của Đức Chúa - kế hoạch thịnh vượng chứ không phải tai ương, để các ngươi có một tương lai và một niềm hy vọng.» (Gr 29, 11).

Và sau cùng, thêm một nhận thức từ bài viết của Betty Michael Esene, một nghệ nhân trang điểm người Nigeria, trích từ bài Lord is my Shepherd / Chúa Trời là Người Chăn Dắt Tôi :

«Mọi trẻ em đều có một cuộc đời để sống, cách riêng, là những trẻ em được sinh ra do hậu quả của hiếp dâm. Chúng có một tương lai tươi sáng và người kiến tạo là Đức Chúa Trời - Người đã không đem chúng đến với thế giới này nếu không có mục đích. Các em không phải là «sản phẩm» của những kẻ hiếp dâm phụ nữ, mà là một công trình sáng tạo của Thượng Đế. Người đem các em đến vì một mục đích và để hoàn tất định mệnh.»

Ra khỏi thư viện, hai đứa nắm tay rảo bước trong sân trường đại học, mỗi người theo đuổi những ý nghĩ riêng tư.

Lời cô gái nói với chàng trai :

Thật sự tự đáy lòng, bây giờ, em không xem anh như là «sản phẩm» của lão hải tặc hiếp dâm mẹ anh. Em là Phật tử nhưng trong vấn đề này, giáo lý Kitô đã khiến em phải suy nghĩ.

Sự thụ thai do hiếp dâm theo giáo lý đạo Phật sẽ là một đề tài lớn thách thức em tìm hiểu.

Em nhớ, năm 2015 Miss Grand International tổ chức tại Thái Lan, Hoa hậu Anea Garcia trả lời trong phần ứng xử rất chân thành làm khán giả và ban giám khảo xúc động :

«Mẹ tôi là một nạn nhân của một vụ hiếp dâm và tôi ra đời như một việc ngoài ý muốn. Đó có thể là một cú sốc với nhiều người, nhưng nếu như không có ông ấy thì tôi đã không thể có mặt ngày hôm nay. Nếu được gặp người đàn ông ấy, tôi sẽ bước đến, ôm chặt ông và nói rằng tôi tha thứ cho ông ấy. Vì đó là cách duy nhất mà tôi có thể sống cuộc sống của mình trong sự thanh thản».

Không phải ai cũng rộng lượng như cô hoa hậu.

Em chỉ nghĩ rằng anh là đứa con của định mệnh. Anh không có trách nhiệm phải chịu liên đới về những gì đã xảy ra và có quyền được sống như mọi người lương thiện khác.

Giòng máu Việt anh hùng luân lưu trong huyết quản sẽ cho anh sức mạnh triệt tiêu giòng máu nhiễm độc hải tặc Thái.

Em mong anh có sức khỏe, nghĩa là luôn luôn có được trạng thái hoàn toàn thoải mái về thể chất và tâm thần.

Chúng ta cùng có nửa xác phàm Thái nhưng chúng ta có cả một bầu trời Việt Nam trong tâm tưởng để có thể hãnh diện tuyên xưng «chúng tôi là người Việt Nam».

Chúng ta đã khẳng định tình yêu. Em yêu anh và mãi mãi yêu anh.

Đến ngày lễ hội hoa đăng Loy Krathongy, rằm tháng chạp Thái lịch, em sẽ rủ anh về thăm quê. Suốt đêm trăng tròn, chúng ta sẽ cùng nhau đi thả đèn krathong xuống sông, để cầu cho tình nghĩa vợ chồng và tình yêu bền chặt.

Trên đây là chuyện tình của đôi trẻ được sinh ra từ hoàn cảnh bi đát của một thời bất hạnh. Câu chuyện được ghi lại, bằng lòng yêu thương và niềm tin vào tình nghĩa và phẩm giá con người.

Cầu nguyện cho lứa đôi hạnh phúc và chúc lành tương lai.

Nguyễn Cát Thịnh

Cặp Mắt Long Lanh của Cô «Thầy Bói»

Chu Tất Tiến

Tác giả là một nhà giáo, nhà báo, nhà hoạt động xã hội quen biết tại Little Saigon. Tới Mỹ theo diện Hát Ô Một từ 1990. Suốt 28 năm qua, ông không ngừng viết văn viết báo tiếng Việt, tiếng Anh. Trong năm qua, có tới 7 cuốn sách mới. Góp sức với Viết Về Nước Mỹ, ông đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ từ những năm đầu, và vẫn tiếp tục thêm bài mới.

Đang chuẩn bị soạn chương trình cho một «show» ca nhạc, chợt điện thoại rung lên. Tôi cầm máy lên và thấy tên của P, một ca sĩ trong chương trình của tôi. «Hế Lô !, cô em ! Có chiện chi dzậy ?», tôi đùa. Giọng P trầm hẳn :

- Anh biết gì không ? M chết rồi !

Tôi hoang mang :

- Em nói sao ? Cái gì chết ? Ai chết ?

- Thì M đó ! M, cô con thầy bói H là người mà anh đi tìm hoài đó !

Không tin những gì vừa nghe, tôi lắp bắp hỏi lại :

- Cái gì ? M chết ? Thật không ?

Hình như T gắt lên, giọng cô đẫm nước mắt :

- Còn hỏi ? M chết hôm qua rồi !

Tôi ngước nhìn lên trời, cánh tay tôi tự nhiên nhũn ra. Chiếc điện thoại không dây, chợt như nặng hàng chục ký khiến không còn sức để giữ nó trong tay nữa và mặc cho nó rơi xuống đất cùng với tiếng gọi giật giọng của P : «Anh T... ! Anh T...»

Như người bị tụt xuống hố sâu, tôi chợt thấy hoang mang, hụt hẫng, đầu óc tự nhiên trống rỗng... Tôi vẫn nhớ rõ khuôn mặt em, trái xoan, bầu bầu của người miền Nam, với đôi mắt linh hoạt, như hai hồ nước long lanh mà trong đó, khuôn mặt tôi chìm khuất đâu đó. Nụ cười của em, người con gái Nam Kỳ có hai lúm đồng tiền, mà mỗi khi cười thì đồng tiền lún sâu xuống, khiến gò má em căng lên, như hai trái táo thơm. Kỷ niệm từ đâu chợt về xôn xao, lồng lộng...

Năm 1968, tôi mới đi tu nghiệp ở Mỹ về, tương lai tràn trề, tươi sáng. Tôi như con chim ra ràng, thấy bầu trời cao là mê man, lúc nào cũng muốn cất cánh bay lên và không hề nghĩ rằng đời mình sẽ có lúc tàn mạt.

Nghe nói có ông Thầy bói toán hay lắm, khách hàng đông nườm nượp, tôi rủ Q, một anh bạn lớn tuổi hơn tôi nhiều :

- Ê ! Hôm nào đi coi bói chơi ! Nghe nói ông Thầy kia nói trúng phong phóc. Đi thử xem lấy được cô vợ nào..

Q đồng ý ngay :

- Đi thì đi ! Sợ gì ?

Thế là hai thằng leo lên chiếc Vespa của Q phóng một lèo tới nhà Thầy. Dựng xe trước cửa, khóa lại, rồi hùng dũng tới bấm chuông. Chừng 30 giây sau, cánh cửa sắt mở khẽ, một khuôn mặt trái xoan nhìn ra, thấy chúng tôi mặc quân phục sĩ quan, cô bé nhếch môi cười và dang tay đẩy hết cánh cửa sắt rộng ra và lùi lại, nhường cho hai đứa tôi bước vào.

Vừa nhìn thấy cô bé có cặp má bầu bầu, chừng hơn 20 tuổi, tôi đã có cảm tình ngay, vì không hiểu sao, với tôi, các cô gái Nam Kỳ có điều chi hấp dẫn mà tả không nổi. Trong sự ngây thơ, hiền hậu của các cô, vẫn có thấp thoáng một bí hiểm chi đó, một quyến rũ chi đó, cũng như những nàng công chúa Ba Tư trong chuyện 1001 đêm, chỉ có đôi mắt thăm thẳm thôi mà tráng sĩ nào

cũng như tê liệt. Cô bé con ông thầy này cũng có đôi mắt hấp dẫn lạ thường, nhất là nụ cười duyên, mỗi lần nhếch mép là hai trái táo cấm của chuyện Bạch Tuyết lại đong đưa, mời gọi. Chiếc áo bà ba trắng miền Nam, chiếc áo làm cho ngay cả những kẻ hung dữ cũng phải chùn chân, như bừng sáng lên trên một thân thể tròn lẳn, gợi cảm vô cùng.

Cố trấn tĩnh chút tình cảm xao động vừa chợt đến, tôi cười, ghẹo em liền :

- Em tên chi ?

Cô bé không vừa, đáp ngay :

- Dạ, em tên Chi. Mà anh hỏi làm chi dzậy ?

Tôi tấn công em liền :

- Anh hỏi để làm quen, có được không ? Mà có đúng em tên Chi không ?

Hai trái táo hình như hồng thêm :

- Em cũng hổng biết tên em là chi nữa ? Sao anh hỏi kỹ dzậy ? Có chiện chi muốn nói đây ?

Tôi bắt đầu lúng búng :

- À... à.. anh muốn... muốn.. coi bói ! Mà Ba có nhà không em ?

Tôi tỉnh bơ gọi ông Thầy bằng Ba để chọc em. Thật nhanh, không một chút ngần ngừ, người đẹp đáp liền :

- Ba thì hổng có nhà, chỉ có em thôi. Ba đi công chiện rồi. Anh muốn coi bói hả ? Em coi cho ! Em nói thiệt. Tên em là M. Em coi bói hổng thua ba đâu. Mà.. trước khi coi, anh.. tên chi ?

Không thể dấu, tôi xưng tên và quay qua chỉ anh bạn : «đây là anh Q.»

Thấy cặp mắt nhìn về mình, anh bạn tôi từ nãy yên lặng, giờ mới mở được lời, có chút lơi lả :

- Em coi...có ngon lành không ?

Một trái táo nhích lên :

- Dà...dà.. cũng ngon lành lắm ! Anh muốn thử, thì đưa tay đây. Em coi làm phước !

Chà, dữ a ! Cô bé này cũng không phải thứ hiền đâu. Tôi cười và xòe tay ngay trước mặt em :

- Thì làm phước cho anh một chút đi. Nè ! Tay đây ! Em coi thử xem. Nói trúng, anh thưởng... một chầu cà phê đen, không đá, không đường !

- Xí ! Tưởng gì ? Thứ đó, em hổng ham. Em hổng phải là dân cà phê đen như các anh đâu.

Tôi cười hích hích :

- Thế... em muốn gì nào ?

- Em nói rồi ! Em chỉ coi làm phước thôi ! Không muốn gì hết á !

Nói xong, em cầm tay tôi tên, nhìn chăm chú. Chợt, nét mặt em đăm chiêu hẳn lên, hai lông mày cau lại vào giữa. Hai trái táo thôi hồng vì cặp môi em cắn vào nhau. M hơi nghiêng mặt sang một bên, và nhìn xéo lên trời như muốn tìm một câu trả lời. Yên lặng nặng nề. Hai đứa tôi, vốn quậy phá như điên, cũng chợt im lặng, căng thẳng.

Chừng 1,2 phút sau, M mới thở dài, ngước cặp mắt long lanh nhìn tôi :

- Em nói thiệt nhe. Tay anh xấu lắm. Bổn mạng anh xấu lắm !

Tôi hơi nhếch môi cười gượng. Mình đang ngon lành như thế này, tương lai cứ đi lên vèo vèo, sao em lại nói xấu lắm ? Em này «man-cô-đơn» rồi ! (Hồi đó, tiếng lóng «Man» là từ tiếng Pháp ra, nghĩa là «tửng tửng»). M nhìn thẳng vào tôi :

- Tin em đi. Số mệnh anh bây giờ thì đang khá, nhưng chỉ vài năm nữa, thì đời anh tàn !

Tôi cười, có chút kiêu căng :

- Sao ? Đời anh làm sao mà tàn được ?

M lắc đầu, buồn bã :

- Thiệt đó mà ! Em hông nói giỡn đâu. Em thấy.. em thấy.. chỉ vài năm nữa, là anh thân tàn, ma dại. Mất hết tương lai, sự nghiệp. Xa vợ, xa con. Gặp nạn lớn, có thể chết vài lần. Nghĩa là.. không biết có thoát không ? Điều này thì em không chắc... Nghĩa là.. nghĩa là.. xấu lắm ! Em chưa thấy ai có số xấu bằng anh.

Tôi kêu lên, giả giọng Huế : «Trời ! Chi mà tệ rựa !»

Anh bạn tôi vội chìa tay ra :

- Em coi giùm anh xem có xấu như bạn anh không ?

Cô bé ngập ngừng, rồi cũng cầm lấy tay bạn tôi, chăm chú một lúc rồi lắc đầu :

- Không ! Số anh tốt ! Anh không bị chi cả. Đời anh thong thả, bình thường.

Tôi cố nhịn cười. Cô bé này... thiệt... quái đản ! Chưa thấy ông thầy bói nào mà dám nói xấu như thế :

- Vậy.. thì.. em xem có cách nào cứu anh không ?

- Hừm ! Để em ráng...

Cô bé bảo tôi đưa cả hai tay, nghiêng qua nghiêng lại, có lúc cúi xuống gần sát, cắn môi, suy nghĩ. Rồi đột nhiên lại lật bàn tay phải của mình lên, nhìn ngó chăm bẵm. Một thoáng yên lặng nặng nề. Rồi cô ngước lên, nhìn thẳng vào tôi, nói dõng dạc :

- Có cách cứu được anh !

Tôi cười giỡn :

- Thiệt hông ?

Em nghiêm nét mặt, trông như Ma Sơ :

- Không giỡn à nhe ! Em nói thật, chỉ có một cách cứu được anh thoát nạn đó. Có muốn nghe không ? Nghe thì

không được cười. Chịu không ? Chịu thì em mới nói.

Vội gật đầu, tôi làm bộ suy tư. Cô gái nói chậm rãi :

- Có cách.. có cách.. giải nạn.. bằng cách.. cách.. anh... phải cưới em !

Tôi muốn nhảy lên, cười rũ, nhưng thấy nét mặt em trang nghiêm quá, lại không dám, mà làm bộ tin tưởng :

- Thật chứ ? Anh phải lấy em thì mới thoát nạn hả ?

Cô bé gật đầu, rồi cúi xuống, mắc cỡ làm hai trái táo hồng lên.

Không biết nói sao, tôi im lặng một lúc cùng với anh bạn. Hai thằng nhìn nhau, cười gượng. Tôi buột miệng :

- Em xinh quá ! Lấy em là có phước cho anh lắm rồi. Nhưng anh phải.. anh phải.. phải...về hỏi mẹ anh đã nhé.. rồi anh trở lại... Cám ơn em.

Sau đó, tôi vội vã chào em, và hứa trở lại. Cô bé bây giờ trông nghiêm nghị lạ lùng, đôi mắt thăm thẳm nhìn tôi, không nói một lời.

Hai đứa tôi đi như chạy ra xe, leo lên Vespa rồi đạp máy, chạy vù đi, để lại sau lưng tiếng cửa sắt khép lại nghe «Ké...et...ét...ét...»

Đợi một lúc cho gió thổi bay đi cái không khí nặng nề vừa qua, chợt hai thằng phá lên cười như điên. Đời thiệt kỳ lạ. Ai dè cô thầy bói lại nói người xem phải lấy mình thì mới thoát nạn chết.. ha ha. . ha...

Những tưởng chuyện vui rồi qua đi, nhưng không ngờ hình bóng của cô bé mũm mĩm với hai trái táo duyên và cặp mắt trong xanh như hồ Lệ Thủy, lại bám vào hồn tôi, không rời. Cả ngày tôi cứ bị ám ảnh bởi hình dáng và giọng nói miền Nam «ngọt như đường cát, mát như đường phèn» của M.

Một tuần sau, chịu không nổi, tôi phóng xe lại gặp em. Lần này, đột nhiên không khí như trầm lắng, hai đứa ngồi nhìn nhau, bối rối. Vốn là một tay quậy, không chuyện gì bậy bạ mà không dám làm, thế mà ngồi trước M, tôi như tên nhà quê, ngớ ngẩn, chẳng biết nói gì. Còn em, thì chắc mắc cỡ với kết luận của mình nên cũng lúng túng, hai tay cứ xoắn qua, vặn lại.

Cứ thế mà một vài lần tới gặp em, tôi vẫn không thể nào dám mở miệng, rủ em đi ăn chè, ăn bánh cuốn.. như tôi vẫn làm với những em khác... Những lời giỡn đùa của tôi biến đâu mất. Tôi như bị cụt lưỡi luôn.. Vì thế, mà tôi không đến em nữa, và em cũng chẳng bao giờ gọi điện thoại cho tôi, dù tôi đã đưa cho em... Cuộc đời chầm chậm trôi qua.. đến năm 1975 !

Biến cố kinh hoàng của miền Nam làm tôi cũng như cả triệu người phục vụ cho Miền Nam bị xoáy vào cơn lốc chính trị, quân sự tít mù, khiến tôi quên mất hình bóng em, quên hết, quên thật sự, coi như một lần vui chơi, đùa giỡn, nhưng sau đó nhiều năm, nghĩ lại, thấy em quả là một thiên tài bói toán : em đã nhìn thấy trước cuộc thảm bại chính trị của miền Nam, đã nhìn thấy tôi chui vào cổng trại tù, thấy tôi xa vợ, xa con, bị đầy đọa, mất hết thân phận, và nhiều lần tưởng chết. Còn bạn tôi, thì anh vọt lẹ từ đầu tháng 5, sang Mỹ làm việc thong dong, cho đến ngày về hưu. Và em, em cũng ra đi trước cuối tháng 4. Giả sử, giả sử cho vui thôi nhé, nếu theo số phận an bài, nếu tôi lấy em, và dọt theo em cuối tháng 4 năm ấy, thì tôi đã không đi tù...

Năm tháng qua đi như «bóng câu qua cửa sổ». Tôi qua Mỹ theo diện H.O.1. Vốn tính đam mê làm việc, tôi lao vào các công việc cộng đồng, tổ chức văn nghệ H.O, rồi Tù Ca, rồi các chương trình văn nghệ gây quỹ giúp bão lụt, xây tượng đài chiến sĩ Việt Mỹ..

Từ quan hệ với các ca sĩ, tôi tình cờ biết rằng M chính là chị của một ca sĩ nổi tiếng ở miền Nam California. Một hôm, tôi gọi chàng ca sĩ này và kể chuyện xưa cho chàng nghe. Chàng buồn bã :

- Chị em bây giờ tu rồi ! Chị vẫn không lấy chồng! Trước 75, chị vẫn ở vậy, mọi người giục chị đi lấy chồng, chị chỉ cười, không nói gì. Bây giờ, em mới biết là chị.. chờ anh !

Tôi ngần ngại :

- Em... cho anh gặp chị em được không ?

- Thôi, anh, lỡ rồi ! Chị em đã tu rồi, gặp nhau làm chi nữa...

«Số mệnh đã an bài» là câu nói ở cửa miệng của nhân vật nữ trong trường thiên phóng sự của nhà văn Nguyễn Đình Thiều. Bây giờ, nghĩ lại, thấy thật đúng. Không ai tránh khỏi số phận mà Trời đã định. Với những người theo đạo Thiên Chúa, thì đúng là «ý Chúa định !»

Và rồi, tuy cái cell phone đã rơi khỏi tay tôi, nhưng tiếng gắt và giọng nói đẫm nước mắt của cô ca sĩ vẫn lùng bùng trong tai.

- Còn hỏi ? M chết hôm qua rồi !

Hỏi gì nữa và hỏi ai bây giờ. Ô hay, cái mặt nhìn trời của tôi sao không thể nhúc nhích ?

Qua cửa sổ là buổi trưa nắng nhạt. Trời cao không mây, nhưng hình như có đôi mắt long lanh, thăm thẳm...

Chu Tất Tiến

Next Home First Choice Realty.

Việt Ngữ Và Bà Ngoại Mỹ

Phương Hoa

Định cư tại Mỹ từ 1994, Phương Hoa vừa làm nail vừa học. Năm 2012, bà tốt nghiệp ngành dạy trẻ tại Chapman University khi đã 62 tuổi và trở thành bà giáo tại Marysville, thành phố cổ vùng Bắc Calif. Với loạt bài về Vietnam Museum, «Bảo Tàng Cho Những Người Lính Bị Bỏ Quên,» tác giả đã nhận giải chung kết 2014. và vẫn tiếp tục gắn bó với Viết Về Nước Mỹ. Sau đây, thêm một bài viết mới của tác giả.

Người Việt yêu tiếng Việt, là lẽ đương nhiên. Nhưng phụ huynh người Mỹ yêu tiếng Việt mới là điều đặc biệt.

Tuy dạy ngôn ngữ chính là tiếng Anh, tôi luôn khuyến khích phụ huynh người Việt và bạn bè thân hữu hãy cố gắng cho con em học tiếng Việt để bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ chúng ta nơi hải ngoại. Tôi chưa bao giờ «dụ» một người Mỹ nào cho con cái họ đi học Việt Ngữ, vậy mà có duyên may tôi lại được một người Mỹ nhờ dạy tiếng Việt cho bà và cháu ngoại.

Thường ngày ngoài thời gian đi dạy và làm việc nhà, tôi lại còn bận thêm chuyện viết lách, phải chia thời gian thật kỹ để còn tập thể dục chút đỉnh, cho nên thời gian rảnh rất hiếm hoi. Một lần anh phó hiệu trưởng của trung tâm Việt Ngữ cách thành phố tôi ở khoảng ba chục dặm gọi nhờ tôi «take over» dùm lớp tiếng Việt vì cô giáo chính đã nghỉ dạy. Tôi chỉ nhận lời dạy tạm một thời gian. Nhưng đến lớp, nhìn mười mấy cái miệng chim non mỗi ngày ê a tiếng Việt ngọng nghịu chen lẫn tiếng Anh, tôi yêu các em quá đỗi. Và tôi đành «hy sinh» các ngày thứ Bảy trong tuần để dạy luôn đến mấy mùa, cho tới khi gia đình dọn đi nơi khác.

Niên khóa mùa Thu năm đó bà con người Việt đưa con em đến ghi danh khá đông. Tôi mải mê đứng ngắm cái hàng dài phụ huynh chờ làm thủ tục, trong khi các em cặp trên vai chạy nhảy vui đùa xung quanh mà lòng bồi hồi nhớ lại những ngày tuổi thơ. Ngày tựu trường xưa tôi hớn hở trong quần áo mới, mang cặp đi nghêu ngao trên đường làng, hái hoa đuổi bướm bắt chuồn chuồn. Những ngôi trường mái ngói rêu phong, có cây đa cổ thụ rợp bóng mát cạnh đình làng. Nhớ lại để mà quý mà thương các thầy cô, ban chấp hành, các vị cố vấn, và những thiện nguyện viên đã bỏ bao công sức để cho trường Việt Ngữ được tồn tại nơi hải ngoại.

Các lớp học xưa ở quê nhà có cả một hệ thống giáo dục của chính phủ Quốc Gia ủng hộ chở che. Nhưng những lớp Việt Ngữ nơi quê hương thứ hai này, ban điều hành và mọi người đã phải «tự biên tự diễn» tự lo liệu tất cả. Hầu hết giáo viên và nhân sự ở đây đều làm thiện nguyện, chỉ một số ít nhận chút lương tượng trưng. Học phí thu vào một lần cho cả học kỳ chẳng được là bao, mà phải chi phí đủ thứ, từ dụng cụ giảng dạy đến thức ăn vặt cho bọn trẻ trong giờ chơi như bánh kẹo, nước, trái cây, rồi tốn kém cho các chương trình văn nghệ, lễ Tết này kia, làm cho ban điều hành đôi khi cũng phải chới với. May mắn là trường tiểu học thành phố cho mượn mấy phòng học trong những ngày cuối tuần nên khỏi phải trả tiền thuê địa điểm.

Ngày đầu tiên đến lớp tôi trao đổi với cô phụ giáo tên Linh về chương trình giảng dạy mà tôi soạn sẵn. Vì trường không thể cung cấp sách và truyện Việt Ngữ để dạy, nên tôi tự soạn chương trình, vẽ những hình ảnh minh hoạ theo các mẫu tự giống như trong sách tiếng Anh để cho các em dễ nhớ. Tôi cũng mua các loại truyện nhi đồng Anh Ngữ về rồi dùng bút marker ghi chữ Việt thật lớn bên cạnh những hàng chữ tiếng Anh để đọc cho các em nghe và tập các em đọc. Chỉ là «ngộ biến tùng quyền», nhưng về sau tôi thấy cách này dạy các em cũng rất hiệu quả.

Vì sách truyện các em học ở trường đều là tiếng Anh, nên dùng loại sách này dịch ra tiếng Việt đi kèm các em cảm thấy quen thuộc nên rất thích học và còn dễ nhớ nữa. Nhìn đám trẻ loi nhoi với độ tuổi từ 5 đến 6, có bé mới hơn 4 tuổi, tôi biết dạy lớp này không hề đơn giản chút nào. Là lớp vỡ lòng, phần lớn các em không biết nhiều tiếng Việt, chỉ nghe, nói, và hiểu tiếng Anh, vì ngày thường bọn trẻ đang học Mẫu Giáo hoặc lớp Một ở trường Mỹ.

Để các em cảm nhận được bầu không khí quen thuộc như ở trường Mỹ, khi phụ huynh đưa các em đến tôi và Linh ra tận cửa đón chào từng em và dắt vào chỗ ngồi. Thầy hiệu trưởng vô lớp, giới thiệu chúng tôi với đám trò nhỏ rồi đi qua các phòng khác.

Bắt đầu buổi dạy, tôi nói tiếng Việt, nhưng nhiều em ngồi ngớ ra tỏ vẻ không hiểu, nên tôi phải dùng cả hai ngôn ngữ Việt Anh để làm quen các em. Sau đó chúng tôi bày bọn trẻ tự viết tên theo tiếng Việt vào mảnh giấy nhỏ rồi giúp chúng xếp thành hình tam giác để trước mặt cho các bạn chung bàn có thể đọc và nhớ tên nhau. Bất chợt tôi nhìn ra cửa sổ và thấy một phụ nữ Mỹ đứng dán mắt nhìn chăm chú vào lớp học. Tôi đưa tay vẫy chào bà rồi trở lại làm việc với đám học trò.

Không ngờ lát sau thì có tiếng gõ cửa. Tôi ra mở và thấy người đàn bà Mỹ khi nãy dắt một đứa bé gái xin được nói chuyện với tôi. Tôi tự giới thiệu tên, bà cũng cho biết tên bà là Kathy và đứa cháu gái tên Daisy rồi bà nói bằng giọng rất tha thiết :

- Cô giáo à ! Nãy giờ từ ngoài kia tôi đã quan sát và rất thích cách dạy của cô, nói tiếng Việt bọn nhỏ không hiểu thì cô giải thích thêm bằng Anh Ngữ và tụi nó đã nghe lời, làm theo những gì cô dạy. Thật tốt quá. Vậy nên tôi đã mang đứa cháu này của tôi từ một lớp khác ở phòng bên kia sang đây nhờ cô giúp nó. Tôi chưa kịp trả lời bà đã nói tiếp giọng nài nỉ : - Làm ơn đi mà !

Tôi thấy hơi bất ngờ, hỏi bà làm như vậy có tiện không vì tôi là cô giáo mới của lớp này nên ngại quá. Bà trấn an tôi, nói không sao vì bà đã giải thích cho thầy giáo lớp bên kia hiểu rồi, vì đứa cháu của bà thuộc dạng «đặc biệt» nên bà cần phải chọn cô giáo cho nó.

Nghe nói học trò «đặc biệt» là tôi đã giật mình kêu khổ thầm. Trong thời gian đi thực tập và đi dạy tôi đã gặp nhiều em bé thuộc loại đặc biệt và vất vả không ít, như trường hợp đứa trẻ bị tổn thương chuyển sang bệnh tự kỷ tên Athan mà tôi đã từng kể trong một bài viết trước đây.

Vì không muốn làm mất lòng người giáo viên lớp bên cạnh, nơi mà bà đã lấy đứa cháu ra khỏi lớp, ngại vị đó sẽ tự ái thì không hay, tôi định từ chối. Nhưng khi nhìn bé Daisy, trái tim tôi bỗng dưng thắt lại. Bé gái này xinh như một con búp bê, mà sao thần sắc lại vô cùng bạc nhược như không còn sức sống. Dù có làn da trắng, mặt mũi bé tái xanh, đôi mắt như vô hồn nhìn tận đâu đâu, bé không đáp lại khi tôi chào bé. Tôi hỏi thêm vài câu thì được biết Kathy là bà ngoại của bé. Bà Kathy thấy tôi không phản đối biết tôi nhận lời nên ôm lấy bé vỗ vỗ vào bờ vai nó :

- Daisy, đây là cô giáo của con, hãy ở lại học nhé ! Con bé nhìn trừng trừng vào bà, rồi nhìn qua tôi mà vẫn không đáp lại lời nào. Bà xoay qua tôi : - Cô làm ơn để ý kỹ dùm cháu, dù tinh thần có chút bất ổn, bé rất ngoan chứ không quậy phá đâu. Trước đây nó là đứa trẻ bình thường, rất thông minh nhanh nhẹn và hoạt bát. Chỉ là sau khi mẹ mất tinh thần Daisy mới suy sụp trầm trọng như thế. Bé nghe thì hiểu hết, nhưng không chịu mở miệng nói chuyện, chúng tôi đã nhờ nhiều bác sĩ, chuyên gia tâm lý chạy chữa cho bé, nhưng vẫn không ăn thua.

Tôi thấy thương đứa bé đến xót xa, mới chừng này tuổi mà đã mồ côi mẹ thật là tội nghiệp. Bà Kathy cám ơn rối rít khi tôi trả lời sẽ nhận Daisy. Bà chào tôi ra về, nhưng suốt buổi học tôi thấy bà vẫn đứng ngoài cửa sổ dõi mắt nhìn vào lớp quan sát đứa cháu, làm tôi dù chăm chú dạy mà cũng có chút hơi...lúng túng, giống như ngày xưa khi dạy thực tập có các giáo sư đứng sau bức màn theo dõi chấm điểm vậy.

Điều đặc biệt làm tôi cảm động, là tấm lòng thiết tha mong muốn cháu mình học được tiếng Việt của bà ngoại Mỹ Trắng này. Mỗi thứ Bảy cuối tuần thay vì đưa cháu đi dã ngoại, đi chơi xa như phần đông những gia đình Mỹ, bà chịu khó đưa cháu đến trường Việt Ngữ, và chưa bao giờ bỏ một ngày nào.

Không phải chỉ ngày đầu, hầu như mỗi buổi học của Daisy bà Kathy đều đứng ngoài cửa kính nhìn vào, lúc lớp ra chơi thì bà lảng vảng gần đó quan sát, khi vô lớp lại thấy bà đứng bên ngoài. Mỗi khi tan lớp học, bà vào nhận cháu lúc nào cũng hỏi tôi hôm nay Daisy làm những gì, có viết, có nói được tiếng nào không, có nghe lời cô không. Cảm động vì tấm lòng của bà chúng tôi gom góp hết bài học, bài tập viết, tập vẽ của các em không bỏ sót một bài nào, cho Daisy và bọn nhỏ mang về khoe với gia đình.

Đáng buồn là học mấy tuần rồi mà tình trạng bé Daisy vẫn như ngày đầu đến lớp chứ chẳng khá hơn chút nào. Tôi và Linh rất thương con bé, luôn luôn kèm cặp, vỗ về chăm sóc đặc biệt, mua cho bé những món đồ chơi nho nhỏ, và nói chuyện với bé thường xuyên. Bé nghe và hiểu hết những gì tôi nói, kêu làm thì làm, bảo viết thì viết, vẽ cũng đẹp, cắt giấy cũng okay, viết chữ cũng rất đúng. Nhưng bé chỉ đáp lại bằng gật đầu hay lắc đầu, chứ tuyệt không mở miệng. Lúc nào con bé nhìn cũng lẻ loi, cô đơn rất tội nghiệp.

Còn vài tháng nữa thì đến Tết Trung Thu, trường Việt Ngữ tổ chức đêm văn nghệ Trăng Rằm để nhắc nhở các em về cái Tết Trăng Tròn truyền thống của trẻ em Việt Nam. Các tiết mục được chuẩn bị dàn dựng kỹ lưỡng, mỗi thầy cô lớp lớn sẽ tập dợt cho các em lớp mình trình diễn một màn. Các cô phụ trách dạy những điệu múa cổ truyền Việt Nam rộn ràng bàn tính, gửi về Việt Nam mua những chiếc gùi tí hon, đặt may trang phục đầy sắc màu cho các điệu múa của người Dân Tộc.

Lớp tôi dạy các em còn khá nhỏ nên thầy hiệu trưởng cho tôi toàn quyền quyết định chọn bất cứ màn trình diễn nào tiện cho các em. Tôi chọn tiết mục đơn giản nhất, là sẽ mở lên bài hát «Rước Đèn Tháng Tám» của nhạc sĩ Đức Quỳnh, rồi cho các em xách lồng đèn vừa

đi vòng sân khấu vừa hát theo băng đĩa. Tôi và Linh cắt dán cho mỗi em một chiếc mũ giống vương miện với đủ màu sắc. Trang phục thì em nào có gì mặc nấy, áo bà ba, áo dài truyền thống, đồng phục học sinh của trường các em đang theo học, đồ bình thường...

Bà Kathy nghe có văn nghệ Tết Trung Thu cho các em thì mừng lắm. Bà thấy có vài đứa bé mặc áo dài chữ thọ truyền thống Việt Nam thì thích thú nên nhờ tôi đến tiệm người Việt mua dùm một bộ màu hồng cho Daisy. Những ngày Chúa Nhật chúng tôi tập dợt cho các bé bà đều đưa Daisy đến và ở lại xem từ đầu đến cuối. Các em nhỏ rất hào hứng, cùng nhau đi vòng quanh phòng học và hát theo «Tết Trung Thu rước đèn đi chơi, em rước đèn đi khắp phố phường...»

Ngày đầu tập dượt, cả lớp vui vẻ. Khổ nỗi, bé Daisy nhất quyết không tham gia tập dợt dù tôi và bà ngoại bé hết sức dỗ dành. Tội nghiệp bà Kathy, cố gắng mọi cách cho bé tham gia mà vẫn không thành công. Dầu vậy bà không chịu bỏ cuộc, dù đưa bé đến chỉ để bé nhìn các bạn bà vẫn làm.

Đến giờ giải lao của buổi tập thứ hai, tôi ra ngồi nơi băng ghế ngoài sân trường canh chừng bọn nhỏ chơi đùa sau khi nhận phần quà ăn vặt và nước trái cây. Daisy cũng nhận phần bánh của mình và đứng ăn một cách từ

tốn chỗ bồn hoa. Bỗng bà Kathy bước lại và ngồi xuống cạnh tôi.

- Xin lỗi bà ! Tôi nói, mắt nhìn Daisy. - Tôi đã cố gắng để giúp Daisy hoà nhập tham gia tập luyện văn nghệ cùng với các bạn, nhưng không thành công. Dù tôi từng gặp và giúp thay đổi được nhiều học sinh có tình trạng «đặc biệt», nhưng với Daisy thì đành bó tay rồi !

- Không phải lỗi do cô đâu ! Bà nói giọng thật buồn. - Bữa giờ tôi chưa có dịp tâm sự chi tiết cùng cô về nguyên nhân đã khiến bé bị như vậy.

- Có phải bé bị bệnh tự kỷ không ? -Cuối cùng tôi cũng đã hỏi ra một câu không đáng hỏi mà tôi cố dằn lòng lâu nay. - Tôi cũng từng gặp nhiều em bị tình trạng như bé vậy. Chịu khó chăm sóc kỹ càng, đôi khi sau một thời gian thì bé sẽ khá trở lại.

Bà cười buồn :

- Cũng mong là vậy. Đã hơn sáu tháng rồi, không biết đến bao giờ đây.

- Tội nghiệp bé quá ! Tôi nói. - Tuy vậy, Daisy vẫn còn diễm phúc có bà ngoại tốt như bà. Tôi thấy bà lo lắng chăm sóc bé đủ điều đâu thua gì mẹ ruột.

- Thật ra, tôi không phải là bà ngoại ruột của Daisy đâu, ngoại ruột bé là người Việt Nam.

- Ủa ? Tôi kêu lên. - Sao bé không có vẻ gì giống người Việt hết ? Vậy bà ngoại ruột bé đâu rồi ?

- Mẹ bé Daisy là trẻ lai, con riêng của chồng tôi. Bà ngoại bé mất trước, nửa năm sau là mẹ nó mất luôn. Cho nên nếu tôi không giúp thì chẳng còn ai trên đời này giúp cho bé cả !

- Trời ! Sao mà con bé tội nghiệp đến thế ! Tôi kêu lên lần nữa và nhìn bà chăm chú.

Thấy tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, bà Kathy do dự một chút, rồi bắt đầu kể tôi nghe về thảm họa của gia đình bé Daisy. Giọng bà nghe thật buồn giữa tiếng nô đùa huyên náo của đám học trò.

Chồng bà, ông Robert từng là một cựu chiến binh Việt Nam. Bà trẻ hơn ông gần chục tuổi. Hai người kết hôn sau khi ông trở về từ Việt Nam, đi học tiếp tốt nghiệp luật sư và ra đi làm.

Thời gian chiến đấu bên Việt Nam, Robert còn là chàng trai độc thân. Năm 1974, sau khi anh rời Việt Nam trở về Mỹ, Tha, cô bạn gái người Việt nơi anh đồn trú mới biết mình có thai. Sau đó Robert gửi thư qua

Việt Nam, và cô ấy nhờ người viết dùm thư báo cho anh biết chuyện đứa con trong bụng. Robert đã hồi âm là sẽ tìm cách qua Việt Nam lần nữa để đem cô qua Mỹ. Tuy nhiên, ngay sau đó chiến tranh lan tới vùng cô ở nên sau cái thư thứ hai của Robert là họ bị mất liên lạc cho tới tháng Tư năm 1975.

Kể tới đây bà Kathy thở dài :

- Tha sinh con gái đặt tên là My, và sau chiến tranh mẹ con cô ấy bị đuổi đi vùng rừng núi sống cuộc đời vất vả đói khát, thật là tội nghiệp.

- Đúng rồi ! Tôi tiếp lời bà. - Sau 1975, những người có con lai bị chế độ mới đối xử rất tệ, cũng giống như gia đình tôi, chồng tôi là quân nhân Nam Việt Nam nên chúng tôi từ thành phố cũng bị đuổi đi vùng rừng sâu nước độc mà họ gọi là kinh tế mới để phát rừng trồng trọt mà sống !

Bà Kathy kể tiếp.

- Trong những năm con lai được đưa qua Mỹ, chồng tôi Robert cố gắng tìm kiếm mẹ con bà ấy nhưng không được. Bà Tha vì đau yếu triền miên, con gái lớn lên cơ cực không được học hành nên họ đã không còn nghĩ đến việc tìm lại ông ấy. Mãi đến sau này, hội thánh Tin

Lành giúp tìm lại được bọn họ, nhờ vào lá thư sau cùng chồng tôi gửi bà Tha còn dấu được mang theo, tuy đã cũ nát và phai màu, chỉ còn nhận ra mỗi chữ ký của Robert mà thôi. Khi chồng tôi gặp lại được họ, thì bé Daisy đã hai tuổi. Nhưng rồi vì sức yếu bà Tha đã ra đi, bỏ lại My đứa con gái còm cõi và đứa cháu ngoại tội nghiệp này.

- Chuyện quả thật ly kỳ ! Tôi nói. - Và thật là tội nghiệp ! Nhưng cũng còn may, Thượng Đế đã giúp họ tìm lại được ông ấy trước khi họ lìa đời. Cho nên bây giờ bé Daisy mới có chỗ nương thân mà không phải vào viện mồ côi. Còn cha của bé đâu hả bà ?

Bà Kathy lắc đầu :

- Chúng tôi thật tình không biết ! My bị chứng còi xương vì thuở nhỏ nuôi dưỡng trong tình trạng đói khổ nên lớn không nổi, gần bốn chục tuổi mà nhỏ xíu như đứa trẻ mười mấy, lại ốm yếu, dù mặt mũi nhìn cũng okay mà chẳng có ai thương. Nhưng rồi không biết cái đứa khốn kiếp nào đã dụ con nhỏ và làm cho nó mang bầu. Khi gặp lại chồng tôi rất giận, tra hỏi mãi muốn tìm thằng đó để trừng trị, nhưng My không chịu nói tên cha của đứa bé là ai. Gia đình họ sau đó dọn về sống cùng thành phố với chúng tôi. Tôi đã chứng kiến Daisy rất thương bà ngoại Tha và bà cũng cưng quý bé hơn bất cứ thứ gì. Bà nuôi bé kỹ càng, ngày lo cho ăn uống,

tối hát ru bé ngủ. Bé ít khi ngủ với mẹ đến khi bà ngoại mất.

- Vậy mẹ bé bị tai nạn ra sao mà mất ?

- Bị xe đụng, mới năm ngoái thôi. Hôm đó My đưa Daisy đi Walmart, đậu xe xong My dắt con bé đi vào thì một bà già lui xe đụng phải My. Thay vì đạp thắng, bà hoảng hốt đạp ga và cưỡi lên người My trước sự chứng kiến của Daisy.

- Trời đất ơi ! Tôi thấy lạnh cả người, và tôi nói như muốn khóc. - Thảo nào ! Bé đã bị hai cú sốc quá lớn, mất bà rồi lại mất mẹ trong một thời gian ngắn làm sao trái tim bé bỏng chịu nổi chứ !

Giọng bà Kathy cũng trở nên nghẹn ngào :

- Robert nhà tôi đau lòng vô kể. - Ông ấy nằm liệt giường cả tháng trời. Rồi khi dậy được thì bắt đầu uống rượu để quên. Tôi phải giúp ông ấy, đưa Daisy về ở với chúng tôi và lo cho nó, vì ngoài tôi ra không còn ai có thể giúp bé hết ! May mà hai đứa con của chúng tôi đã lớn và dọn ra ngoài hết rồi.

Tôi thật cảm phục tấm lòng nhân hậu của bà Kathy. Không có bà, Daisy tội nghiệp biết làm sao. Người ta nói người Mỹ rất lạnh lùng và rạch ròi về tình cảm

liên quan của gia đình, hay đúng hơn là «mạnh ai nấy mạnh.» Nhưng bà Kathy đã thương yêu đứa cháu ngoại của chồng mình bằng cả trái tim của người bà, người mẹ ruột. Thật là chuyện hiếm thấy. Tôi nói với bà suy nghĩ của tôi.

- Đó là chuyện tôi phải làm mà. Kathy nói với vẻ khiêm nhượng. - Chỉ có điều là từ khi vợ chồng tôi đem bé về nuôi, bé không có cơ hội nói tiếng Việt với ai hết. Đó là lý do Bác sĩ tâm lý kêu tôi cho bé đi học Việt Ngữ. Nhưng đến giờ bé cũng chưa nói được câu nào. Thật là buồn !

Nói đến đây bà Kathy chào tôi, nói bà cần đi toa lét. Tôi ngồi suy nghĩ lan man, chợt từ đâu hai đứa học sinh lớp lớn rượt đuổi nhau chạy ào qua sân trường. Một đứa bổng đâm sầm vào Daisy làm con bé ngã xuống đất, và nó khóc thét lên. Tôi vội chạy tới đỡ bé dậy, vén áo đầm bé lên thì thấy nơi đầu gối bị một vết thâm tím. Đau đớn làm bé khóc không ngừng. Tôi dắt Daisy lại chỗ bàn cung cấp thức ăn, chộp vội chai nước trái cây còn lạnh rồi đưa bé trở lại chỗ ngồi. Đặt bé ngồi trên đùi, tôi lăn nhè nhẹ chai nước lên chỗ bầm để hơi lạnh làm cho tan sưng.

Con bé có lẽ bớt đau nên nín khóc ngồi im, đầu tựa vào ngực tôi. Ôm đứa trẻ vào lòng, tôi chợt nhớ lại những gì bà Kathy vừa kể, và một niềm thương cảm dâng lên làm tôi nghẹn ngào. Tai hoạ đã giáng xuống đầu đứa bé tội nghiệp này, còn nhỏ xíu mà đã chịu mồ côi, chứng kiến cảnh mẹ mất kinh hoàng bảo sao bé không bị chấn động tâm thần cho được. Tôi từng tuổi này mà khi mất mẹ còn đau đớn vô ngần, huống chi đứa bé còn đang cần sự vỗ về của mẹ. Suy nghĩ miên man trong vô thức, tự nhiên bàn tay tôi vỗ nhè nhẹ lên vai Daisy và buột miệng hát bâng quơ nho nhỏ vài câu ru em :

- Ầu ơ... Ví dầu cầu ván đóng đinh, cầu tre lắt lẻo gập ghềnh khó đi. Khó đi mẹ dắt con đi, con thi trường học... mẹ thi trường đời...

Đột nhiên tôi giật mình vì cảm giác có một bàn tay nhỏ mềm mại sờ lên mặt tôi. Rồi có tiếng gọi :

- Cô ơi !

Tôi sững sờ, không tin vào tai mình. Đó là tiếng của bé Daisy. Tôi nhìn xuống, thì ra là bé gọi tôi, bàn tay bé vẫn còn sờ lên mặt tôi, ánh mắt bé ngước nhìn thật là thân thiện và đầy vẻ tin cậy.

- Con mới gọi cô hả ? Tôi lập cập hỏi, cảm thấy tim mình đập thật nhanh.

- Cô ơi ! Daisy gọi lần nữa. - Con... lạnh...

Chai nước trái cây trên đầu gối Daisy rời khỏi tay tôi, rơi đánh bộp xuống đất. Tôi đưa bàn tay lạnh ngắt vì nãy giờ cầm chai nước, nắm lấy bàn tay nhỏ xíu đang sờ mặt tôi và hôn lên đó. Nước mắt tôi rơi làm ướt tay con bé. Vậy là bé đã mở miệng. - Cám ơn con ! Tôi thì thầm, siết chặt bé vào lòng.

- Oh my God !

Có tiếng kêu đầy ngạc nhiên bên cạnh. Tôi quay lại thì thấy bà Kathy đang đứng mồm há hốc, mắt trợn tròn nhìn chằm chằm vào Daisy.

- Bé vừa gọi tôi «Cô ơi» bằng tiếng Việt đấy bà ạ ! Tôi la lên với bà bằng nỗi vui mừng khôn tả. Bà Kathy nghe thế thì kêu to hơn :

- God ! Chúa ơi ! Con bé đã nói được ! Bà nói xong chạy lại ngồi xuống cạnh tôi rồi choàng tay qua ôm lấy Daisy, nói trong tiếng khóc : - Oh My God ! Cháu tôi đã nói chuyện lại được rồi ! Thật không uổng công tôi đưa bé đến đây !

Và bà lấy điện thoại ra gọi ông chồng, líu lo hớn hở khoe với ông Robert về chuyện bé Daisy đã nói được, mà còn nói tiếng Việt.

Tôi cũng cảm động đến nghẹn lời. Hít sâu và thở vài hơi, tôi kể lại cho bà Kathy nghe về lời ru tiếng Việt tôi vừa hát ru để vỗ về cho bé nín khóc vì bị ngã sưng đầu gối. Lời ru mà bất cứ người mẹ, người bà Việt Nam nào cũng biết hát ru cho các bé thơ. Vậy là nhờ tiếng ru vô tình của tôi dỗ dành đã đánh thức được tâm trí của bé. Có lẽ là bà ngoại quá cố của bé hay mẹ bé cũng đã từng hát ru cho bé ngủ bằng bài hát ru này chăng ?

Bà Kathy tỏ vẻ mừng rỡ vô cùng, luôn miệng lập đi lập lại hai chữ «Thần kỳ ! Thần kỳ» (Miracle !).

Tôi cũng thấy quả đúng là thần kỳ ! Lời ru con của người mẹ Việt Nam đã đánh thức được tâm trí bị đóng băng của đứa bé. Vô lại phòng tập, tôi đội cho Daisy chiếc vương miện và đưa bé cái lồng đèn. Lần này bé không đẩy ra nữa, mà nhập vào cũng các bạn rồi cầm lồng đèn đi vòng quanh, miệng bé cũng bập bẹ hát theo bài «Rước Đèn Tháng Tám.

Lúc chào tôi ra về, bà Kathy bất chợt cầm lấy tay tôi và nói một cách thiết tha :

- Cô giáo à ! Tôi muôn vàn cám ơn cô ! (Millions thanks !) Nhờ cô, mà bé Daisy đã nói lại được. Tôi nghĩ mình cũng có lỗi, vì trong nhà mọi người đều nói tiếng Anh, đáng lý tôi phải cho bé đi học tiếng Việt sớm hơn, hoặc chí ít tôi cũng phải tìm bạn Việt Nam cho chơi với bé ! Bà do dự một chút rồi nói tiếp : - Tôi vừa nghĩ ra chuyện này, không biết cô có thể giúp tôi chăng ?

- Bà cứ nói, nếu làm được tôi sẽ không ngại đâu.

- Tôi muốn học tiếng Việt ! Bà cười vẻ bẽn lẽn. - Chắc là khó lắm đây, tôi chẳng biết có học nổi không. Nhưng tôi rất muốn học để về nhà tôi có thể nói chuyện trao đổi chút đỉnh vừa tiếng Việt vừa tiếng Anh với Daisy.

Nghĩ tới cái cảnh lâu nay bé không nói được lời nào tôi thương quá !

Tôi thật xúc động vì cái tình cảm bà Kathy dành cho Daisy. Tự nghĩ nếu mình ở vai trò «bà ngoại ghẻ» như bà không biết có đủ rộng lượng để làm như bà ấy hay không.

- Sure ! Chắc chắn rồi ! Tôi nói. - Bà là một bà ngoại tuyệt vời ! Tôi rất vui được làm điều này cho bà. Tiếng Việt học thú vị lắm chứ không khó đâu ! Bà sẽ học được!

Tôi kể bà nghe về cô ca sĩ Mỹ tóc vàng Dalena ban đầu không hề biết tiếng Việt, nhưng giờ thì hát tiếng Việt hay nổi tiếng khắp nơi, nhiều chương trình, băng đĩa, sân khấu tiếng Việt đã mời cô đến hát và cô có rất nhiều fan hâm mộ người Việt khắp nơi trên thế giới.

Bà Kathy mừng quýnh :

- Oh yeah ! Thú vị thật ! Robert chắc chắn sẽ vui lắm!

Từ đó mỗi buổi học bà Kathy đưa bé Daisy đến tôi kêu bà vô lớp ngồi học chung với Daisy. Tan học ra ngoài tôi nán lại nửa giờ đưa bà và bé Daisy vô ngồi trong xe tôi để dạy thêm cho họ. Ông xã tôi nghe kể chọc là tôi mở «Lớp học trong xe».

Tôi về soạn thêm nhiều câu đàm thoại ngắn hàng ngày và những câu chào hỏi thông thường bên trên viết tiếng Việt bên dưới tiếng Anh và đưa cho bà Kathy đem về nhà học. Bà ấy rất thông minh và ham học. Bà kể ngày xưa bà từng học tiếng Tây Ban Nha (Spanish), ngôn ngữ mà cách phát âm gần giống tiếng Việt nên bây giờ học tiếng Việt khá dễ dàng. Bà đã nói đúng, tiếng Tây Ban Nha cách dùng chữ cũng tương tự Việt Ngữ của chúng ta, tính từ luôn đứng sau danh từ chứ không phải đứng trước như tiếng Anh. (Tiếng Anh : The red house, Việt : Cái nhà đỏ, Spanish : La casa roja).

Daisy từ đó cũng siêng hơn nên tiếng bộ rất nhiều. Bà cháu học bằng cách mỗi ngày về nhà sau khi Daisy học và làm bài tập ở trường xong, thì hai bà cháu thực tập tiếng Việt với nhau. Mỗi buổi đến học bà đều khoe với tôi hai bà cháu học được bao nhiêu chữ. Bà cho tôi biết từ khi Daisy nói chuyện bình thường ông Robert đã thấy khoẻ hẳn ra và không uống rượu nữa. Hai người còn tính chuyện khi Daisy lớn lên, thế nào họ cũng sẽ đưa Daisy đi du lịch Việt nam một chuyến về thăm lại quê ngoại bé, cũng là nơi ông Robert từng đóng quân ngày xưa.

Rồi ngày văn nghệ Trung Thu cũng đến. Tối đó, sau khi sắp xếp cho tiết mục lớp tôi xong thì tôi giao lại cho cô Linh trông chừng bọn trẻ, tôi ra bên ngoài tìm ông xã. Tôi còn đang nhìn dáo dác, bỗng đâu bà Kathy đưa ông Robert lại gặp tôi, trên tay ông cầm một bó hoa. Mặc áo khoác màu lính, đầu đội mũ dìm có chữ «Viet Vet» và hàm râu quai nón, trông ông rất oai phong. Thảo nào bà Kathy lại yêu ông đến thế, tôi mỉm cười thầm nghĩ. Trong lòng tôi rất cảm động, Robert là luật sư đã về hưu, mà vẫn thích trang phục kiểu nhà binh thuở còn đi chiến đấu, chứng tỏ ông mê đời binh nghiệp hơn là cái nghề làm thầy cãi kiếm nhiều tiền sau này. Ông nghiêng mình chào và trao bó hoa cho tôi :

- Cám ơn cô thật nhiều, đã giúp cho Daisy nhà tôi trở lại trạng thái bình thường. Không thể nào nói hết lòng cám ơn của gia đình tôi đối với cô đâu !

- Dạ tôi không có công gì lớn đâu ông ! Tôi cười, quay sang bà Kathy : - Ông phải cám ơn bà nhà mới đúng ! Kathy quả là người phụ nữ thật nhân hậu. Ông có phúc lắm, bà Kathy đã thương và lo lắng chăm sóc bé Daisy rất thật lòng, lại còn chịu khó đi học tiếng Việt để còn nói chuyện với Daisy nữa chứ.

Ông cười, nụ cười tràn đầy hạnh phúc :

- Ở nhà Bà ấy và Daisy còn dạy tôi vài chữ tiếng Việt nữa đó ! Tôi ở Việt Nam hơn một năm nhưng chỉ biết được mấy chữ «Xin chao», «Cam on» thôi. Bà ấy nói học tiếng Việt thật là thú vị.

Tới đây thì loa thông báo buổi lễ sắp bắt đầu, tôi phải chào từ giã ông bà để vào cùng cô phụ giáo chuẩn bị cho tiết mục của lớp tôi.

Buổi lễ Tết Trung Thu hôm ấy thật là vui nhộn, các bài hát Trung Thu, điệu múa, kịch nói. Nhờ sự tận tâm của quý thầy cô, các em trình diễn hết mình, nhìn rất chuyên nghiệp, và nhận được nhiều tràng pháo tay vang dội.

Đến tiết mục «Rước Đèn» của lớp tôi, tôi đứng chỗ góc khán đài quan sát các em trình diễn. Chúng tôi trang điểm cho tất cả các em, kể cả con trai, bé nào cũng đều má đỏ môi hồng xinh xắn. Daisy nhìn rất dễ thương trong áo dài chữ thọ màu hồng, tay cầm lồng đèn con cá, vừa đi cùng các bạn vừa hát theo bài «Rước Đèn» trong CD. Bé bước lắc lư theo điệu nhạc, miệng hát tay ve vẩy lồng đèn, mặt mày rạng rỡ dưới ánh đèn sân khấu :

«Tết Trung Thu rước đèn đi chơi
Em rước đèn đi khắp phố phường
Lòng vui sướng với đèn trong tay
Em múa ca trong ánh trăng rằm...»

Liếc mắt qua chỗ vợ chồng bà Kathy, tôi thấy ông Robert cầm tay bà đưa lên cao vung vẩy qua lại theo nhịp bài hát của các bé, miệng hai người cười đến như không thể khép lại...

Giáng Sinh năm đó, tôi nhận được một giỏ quà với đủ loại trái cây tươi, được cắt sẵn theo những hình ngôi sao, trái tim, chim, cá... rồi nhúng vào sô cô la, của hảng «Edible Fresh Fruit Arrangements» đem giao tận nhà, có kèm theo tấm thiệp ghi bằng tiếng Việt, «Chúc Mừng Giáng Sinh Cô Giáo Linda. Học trò cô : Kathy và Daisy.»

Tết Mậu Thân Ở Cà Mau

Phạm Hồng An

Tác giả dự Viết Về Nước Mỹ ngay từ những năm đầu tiên và đã nhận giải Danh Dự Viết Về Nước Mỹ 2012. Trước 1975, ông là sĩ quan hải quân VNCH, một nhà thơ quân đội, từng tu nghiệp tại Mỹ. Sau 1975, ông trở thành người tù chính trị và định cư tại Hoa Kỳ theo diện H.O. Hồi Ức về Trận Chiến Tết Mậu Thân sau đây là chuyện khi tác giả còn là một sinh viên.

Trước năm Mậu Thân, 1968, tôi đậu Tú Tài II, tôi được Cô đưa lên Sài Gòn ghi danh vào đại học. Chỉ vài tháng sau, Tết đến, nhớ Má nhớ quê, tôi tìm ra bến xe đò, mua vé về Cà Mau, ước ao đón Tết với gia đình.

Đường từ Sài Gòn về Bạc Liêu xe chạy ngon lành, chỉ trở ngại ở bắc Mỹ Thuận và bắc Cần Thơ. Hành khách phải chờ phà qua sông, phải đợi xe lên phà, có khi mất vài giờ, xe mới bắt đầu chạy tiếp. Qua khỏi bắc, xe chạy thông thống, chỉ khi đến Bạc Liêu, mới thật sự gay go. Đoạn đường từ Bạc Liêu về Cà Mau ngắn, vỏn vẹn khoảng 60 cây số, nhưng rất vất vả và nguy hiểm. Lúc nào, đoạn đường đó cũng lởm chởm đá cục và ổ gà. Đoạn Hộ Phòng, chỗ nhà thờ Cha Trương Bửu Diệp,

sóng làm đất lở ra tới mé đường. Ban đêm, Việt Cộng lại lén ra đặt mìn. Vô phước cho chiếc xe nào chạy qua, cán lên, mìn liền nổ tung, chiếc xe sẽ khựng lại, hoặc lật úp, để lại những xác người đầy máu trên mặt đường.

Tết năm đó, may phước, tôi về Cà Mau an toàn. Nhà tôi ở xóm Huỳnh Long. Gọi là xóm Huỳnh Long, vì xóm này có rạp chiếu bóng tên đó. Nhà tôi nằm trên bờ Kinh 16, mặt ngó ra lộ, phần sau nhô ra kinh theo kiểu nhà sàn. Nhà nằm gần căn cứ quân sự của tiểu đoàn Địa Phương Quân. Căn cứ quân sự ở bên kia bờ kinh với các tòa nhà có vẻ kiên cố hơn.

Vì gần căn cứ quân sự, nên dãy nhà sàn dọc theo bờ kinh toàn là nhà vợ lính. Họ theo chồng về đây cắm dùi, biến nơi đây thành khu gia binh không chính thức. Chỉ có má tôi là dân thường, lọt vào đó để bán cà phê cho lính, lay lắt sống qua ngày.

Khi tôi về đến nhà, Má tôi đã dọn mâm cúng giao thừa. Khói nhang nghi ngút cộng với hương thơm hoa quả bay ngào ngạt khắp nhà, khiến lòng tôi bồi hồi nhớ lại tuổi thơ ấu đã qua. Ngày xưa, ba tôi là một viên chức tin cẩn của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Khi nền đệ nhất cộng hòa sụp đổ, ba tôi phải chạy trốn, lánh nạn khắp nơi, vì sợ bị tiêu diệt bởi các tướng lãnh của nền đệ nhị cộng hòa. Gia đình tôi bị suy sụp từ đó. Tuổi ấu

thơ vàng son của tôi bị mất đi từ đó. Năm nay, Tết lại đến, ba tôi ở phương trời nào, không biết có còn nhớ đến cảnh gia đình ấm cúng ngày xưa ? Bây giờ, gia đình chỉ còn lại thằng em út, nương tựa với má. Ngoài tôi thằng em kế và hai người anh lớn đều gia nhập quân đội. Người nào cũng theo đơn vị đi xa, ít có dịp về lại Cà Mau, thăm viếng má tôi.

Hồi học đệ Tứ, tôi có thằng bạn thân tên Lục. Nhà hắn ở gần Tân Lộc, cách nhà tôi khoảng vài cây số. Hắn thường đến má tôi xin học thi chung với tôi. Trước mặt người lớn, chúng tôi láp nháp vài câu lấy lệ, rồi khi má quay lưng, cả hai ngồi tư lự làm thơ, hoặc tâm sự với nhau về một người con gái tên Thiệp.

Thiệp mặn mà, tóc dài xõa vai, thường mặc áo bà ba trắng, chạy xe đạp qua lại trước cửa nhà tôi. Tôi và Lục ngồi chết trân, ngó chòng chọc theo nàng. Tưởng đó chỉ là một hình bóng để thơ thẩn, nào ngờ Lục yêu Thiệp thật. Khi lên Đệ Tam, một hôm, Lục rủ tôi ra quán rượu. Sau vài chung đế, Lục nghiêm trang nói, mai tau đi lính, trả nợ núi sông.

Tôi chưng hửng ngó hắn từ đầu tới chân. Mẹ, mày chưa tới tuổi, đi lính sao được ? Hắn nốc thêm một chung, rít thêm một hơi thuốc, lè nhè bên tai tôi «Tau sẽ tình nguyện đi Lôi Hổ, và tau đã thề, chỉ trở về Cà Mau

khi trên ngực đầy huy chương.»

Tôi vụt cười khà khà, túm áo Lục, lôi vào bóng tối. Mày đã thất tình con Thiệp, phải không ? Hắn chợt vùng vẫy, tung một cú đấm lên vai tôi. Đó chỉ là một trong những lý do tau đi lính. Nói xong, Lục hậm hực trỏ ngón tay vô mặt tôi. Tau đã tỏ tình với Thiệp, và đau đớn thay khi nghe nó nói... nó đã yêu mày. Nói xong, hắn ôm mặt khóc nức nở. Sáng hôm sau, Lục mất dạng.

Đêm giao thừa, Cà Mau trùm phủ trong bóng tối. Những ngọn đèn đường tỉnh lẻ mù mờ, dưới chút ánh sáng yếu ớt, chỉ đủ soi một khoảng nhỏ quanh trụ. Năm 1968, người ta còn xài đèn dầu. Điện chưa đủ để cung cấp khắp nơi, trong thành phố. Tôi đi lang thang kiếm bạn bè, sau khi ăn với má một buổi cơm chiều. Những bạn bè tôi cũng đang đi kiếm nhau. Tuổi đó, thời đó phải vậy. Chúng tôi thích vui tập thể hơn là ở nhà nghiêm chỉnh đón giao thừa với gia đình. Tôi gặp Thiệp trên phố. Nàng cười tươi như hoa với chiếc áo bà ba màu bông cà. Dìa hồi nào, sao hổng cho người ta hay ? Tôi nói dăm ba câu chúc Tết rồi vội vã quay lưng. Thiệp luống cuống, nói với theo «Có đi học xa, nhớ Tết dìa nghen. Tui ở nhà mình ên, chờ đó !»

Chúng tôi tập họp tại nhà thằng Bình, ước khoảng gần hai chục thằng. Căn nhà này rộng lớn, từ lâu là giang sơn của Bình, vì ba má nó bận trôi nổi bán buôn trên một chiếc ghe chài nơi xứ lạ. Đêm nay, chúng tôi tổ chức mừng Giao Thừa bằng bữa nhậu tưng bừng, với những xị đế và thức ăn được lấy cắp từ nhà của mỗi đứa. Cuộc vui bắt đầu, dưới ánh sáng yếu ớt của cây đèn cầy chưa soi tỏ mặt người.

Tiệc đang ngon lành, bỗng ngưng bặt lại, bởi tiếng nổ chát chúa vang lên. Lúc đầu, lưa thưa từng loạt. Sau đó, từng tràng. Rồi kéo dài liên tục, khắp nơi, khắp chỗ. Bình lóng tai nghe ngóng. Pháo Giao Thừa tụi bây ơi ! Tiếp tục đi, nhậu đi ! Chẳng có gì đâu !

Bỗng một thằng bạn chạy hớt hơ hớt hải vào. Mẹ, súng bắn tùm lum. Ghê quá tụi bây ơi ! Chúng tôi chưa kịp phản ứng, chợt phía sau nhà Bình, dưới con kinh 16, tiếng lội nước lõm bõm lõm bõm. Rồi từng bóng người xuất hiện, nhẹ nhàng tiến vào nhà Bình. Người nào người nấy lạ hoắc, trên vai mang đầy súng ống đạn dược và những cái túi lỉnh kỉnh. Tên đi đầu lên đạn lắc rắc, chĩa mũi súng về phía chúng tôi. Ai ở đâu, ngồi yên ở đó. Trong này, có người nào là lính không ? Chúng tôi đồng loạt mếu máo. Học trò. Chúng tôi là học trò.

Thấy họng súng đen ngòm, tôi sợ muốn té đái ra quần. Tôi cố nhắm mắt trườn xuống gầm ván, chui xuống lỗ chó, bươi đất, trườn ra bên ngoài. Nhờ mấy hôm nay trời mưa, đất ướt, nên dễ dàng cho sự thoát thân. Tôi nhẹ nhàng đứng dậy, cắm đầu cắm cổ chạy thục mạng về hướng căn cứ quân sự.

Vừa tới hàng rào kẽm gai, tôi lại nghe tiếng lên đạn lắc rắc, cùng với tiếng quát vang lên. Ai đó ? Đứng lại. Tôi cố la lên. Tôi, thằng n, con bà Sáu, đi chơi về. Tiếng kéo kẽm gai loạt soạt, tiếng người lính càm ràm. Đi đâu về khuya ? Bộ không nghe súng nổ ầm ì sao ? Tôi lẩy bẩy chỉ về hướng cầu đập «Việt Cộng dìa ! Nhiều lắm ! Mấy ổng sắp tiến về đây !»

Người lính đẩy vai tôi. Vô nhà lẹ lên. Dẫn bà Sáu xuống hầm, núp. Tôi loay quay định đốt đèn, định gọi má tôi thì nghe giọng nói quen thuộc phát lên. Má đây ! Má ở dưới hầm. Súng bắn dữ quá ! Con chui xuống đây, xuống đây. Tôi vừa phóng tới miệng hầm, thì nghe tiếng xè xè rít lên trong không gian, chẳng bao lâu, trước mặt tôi là một vùng lửa rực sáng, tung tóe nổ bùng, rung rinh cả đất trời. Tôi nghe như tiếng mưa rào rào khắp nơi, cộng với tiếng súng khắp chỗ, đua nhau vang rền bốn hướng. Má tôi đã lanh trí, nắm chân tôi, kéo vô sâu trong hầm, tránh trái pháo vừa rơi xuống căn nhà bên

cạnh.

Trời hừng sáng tiếng súng mới im bặt. Tôi bò ra miệng hầm, ngó căn nhà kế bên đã đổ sụp. May quá, gia đình bên đó đã về quê ăn Tết. Nếu không, chẳng biết hậu quả sẽ ra sao ? Đằng kia, phía chuồng heo, má tôi đang rấm rứt khóc. Bên cạnh là xác con heo cứng đơ, nằm đẫm máu trên nền nhà.

Tôi chưa kịp vỗ về má, bỗng nghe tiếng kêu khẩn thiết từ phía sau cầu tắm. Một cái đầu ướt nhem trồi lên. Hai cánh tay người đó đu lên sàn nhà, lộ ra bộ ngực trần đầy sình đất. « n ơi ! Cứu tau. Cho tau lên trốn đỡ một chút. Tụi nó đang kiếm bắt tau !» Tôi ngạc nhiên, ngó trân trân người lạ. «Trời ! thằng Lục. Mày làm gì ở đây ? Mày theo Việt Cộng hả ? Mày...»

Thằng Lục đưa ngón tay lên miệng «Suỵt. Nói nhỏ một chút. Làm ơn, cứu tau với !» Tôi lắc đầu, tội nghiệp thằng bạn. «Không được, mày phải nhanh chân đi ngay. Lội ngang qua kinh, mới mong tìm cách trốn thoát. Ở đây, xung quanh toàn là nhà lính. Trái pháo cũng vừa rớt nơi đây. Một lát, lính sẽ kéo lại kiểm soát. Mày đi đi, lẹ lên !» Thằng Lục run rẩy, chậm chạp ngụp xuống dòng kinh, rồi biến mất.

Sáng mồng một, tiếng súng im bặt hoàn toàn. Thị xã Cà Mau trở lại bình thường. Chợ búa nhộn nhịp như cũ.

Phòng thông tin phóng loa, Việt Cộng tấn công thị xã ngay giờ giao thừa, nhưng gặp sức chống trả mãnh liệt của các chiến sĩ Cộng Hòa, chúng đã hoàn toàn thất bại. Xác chết của chúng được các chiến sĩ kéo về tập trung ở phòng thông tin tỉnh. Xin đồng bào đến xem cho biết. Tôi rời nhà, lần bước về phòng thông tin. Trên đường đi, thỉnh thoảng có nhà dân bị pháo địch rơi vào tan hoang, đổ nát. Tôi thấy những mảnh khăn tang đang phất phơ, tiếng khóc đang ấm ức vang lên. Tại trường học của tôi, các bức tường bị cày nát bởi hàng trăm vết đạn. Dãy cầu tiêu trường tiểu học tan nát vì Việt Cộng đánh lầm, tưởng đó là một cái đồn. Tới phòng thông tin, tôi phải luồn giữa đám đông, chen lên phía trước, để nhìn thấy xác Việt Cộng nằm chồng lên nhau như một cái núi. Xác nào cũng trần truồng, máu me đen kịt.

Người ta nói, Việt Cộng tấn công theo lối biển người. Chúng theo lệnh, đồng loạt cởi quần áo, trần truồng tiến lên xung phong dành cho được thắng lợi. Lúc đó, tôi còn là học trò, không biết điều đó có đúng hay sai ?

Hôm nay, đã nửa thế kỷ trôi qua, mỗi khi nhớ đến Tết Mậu Thân, tôi vẫn còn rùng mình, ớn lạnh. Năm ngoái, trong buổi họp mặt đồng hương Cà Mau, tôi có gặp lại

Thiệp. Thiệp bây giờ là bà nội, bà ngoại của đàn cháu đông như một gánh hát. Hậu duệ của Thiệp có cháu đã là kỹ sư, bác sĩ, giám đốc... Nhìn Thiệp ngồi nghiêm trang và bề thế trên chiếc xe lăn, tôi không tài nào làm sống dậy một cô gái xõa tóc dài ngày xưa, thường mặc áo bà ba trắng, chạy xe đạp qua lại trước cửa nhà tôi, biết rằng tôi và Lục ngồi chết trân, ngó chòng chọc theo nàng.

Nhớ tới quá khứ, tôi không thể không nhớ Lục. Tôi gợi chuyện với Thiệp, nói về Lục. Thiệp quả quyết Lục chết lâu rồi. Từ ngày đó đến nay, Lục mất tích luôn. Sau 1975 cũng vậy. Cho đến bây giờ, không ai thấy Lục trở lại trên quê hương Cà Mau. Tôi ngậm ngùi giây lát, rồi chợt nhớ đến cái núi xác ở phòng thông tin hôm Tết Mậu Thân. Biết đâu Lục nằm trong đó. Biết đâu Lục đã trở thành cát bụi, sau cái lúc hắn cầu cứu tôi.

Tôi thở dài. Ôi ! Chiến tranh ! Chiến tranh quá bạo tàn !

Tháng Năm, 2018

Phạm Hồng An

Khung Trời Đỏ

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Cam Li là cây bút quen thuộc của Việt Báo Viết Về Nước Mỹ. Bài viết là một truyện ngắn mới, tác giả gửi tặng cho bạn đọc Việt Báo.

1.

Anh reo lên :

«Golden hour !»

Ôi, phút giây diệu kỳ mà anh ao ước, mà anh đã chuẩn bị để bắt lấy nó, trên vùng núi non này, là đây ! Anh sửng sốt. Từ tảng đá cao này, anh có thể đảo mắt theo một vòng tròn nhìn trọn vẹn quang cảnh. Một màu vàng như đột ngột đổ xuống từ trời, nhuộm hết mọi thứ: mỏm núi cao xa tít, dãy núi thấp bao quanh đường đèo, đám rừng thông chập chùng ẩn hiện. Anh ngây ngất... Đã bao nhiêu lần săn được những cảnh đẹp dưới ánh nắng chiều, chưa có lần nào được như bây giờ. Có phải là do vị trí đứng đặc biệt này ? Có phải là do cả một ngày dang nắng mệt nhọc và bây giờ được đền công ? Hay là do địa hình hùng vĩ mà thơ mộng nơi đây, với núi rừng soi bóng trên mặt hồ xanh thẫm ? Anh say sưa nhìn ngắm như thể uống hết cảnh tuyệt đẹp vào đôi mắt. Rồi

chợt bừng tỉnh, anh nhìn vào ống kính của chiếc máy ảnh đã đặt sẵn sàng trên giá, bấm máy. Anh vẫn quen theo cách của mình, chụp rất nhiều hình từ một cảnh, theo nhiều góc độ chỉ nhích khác nhau một chút xíu. Anh cũng say sưa bấm máy như muốn nhốt hết không gian và thời gian vào khung kính. Anh sẽ rất hài lòng khi về nhà được tha hồ chọn ra những tấm vừa ý.

Anh ngắm các tấm ảnh mình vừa chụp. Ở tấm cuối cùng, anh lại sững sờ. Tương phản với màu của hồ và núi rừng đang tối dần, anh đã thấy một bầu trời đỏ rực.

Khung trời đỏ !

... Có tiếng người xôn xao như từ dưới chân các tảng đá cao vọng lên. Tiếng nói rõ dần, rõ dần...

«Mau lên ! Mau lên !»

Anh nhìn xuống, nheo mắt.

«Cắm cờ lên ! Mình tới đỉnh đồi rồi !»

Ai vậy ? Anh nhận ra giọng nói của người mới chuyển đến. «Anh lính mới», người lính trẻ tuổi nhất tiểu đội, người mà lúc nào cũng nhắc tới má, chắc là chưa có người yêu. «Anh lính mới» bị chọc ghẹo nhiều nhất và cũng được cưng nhiều nhất.

Rồi có tiếng của nhiều người. Là đồng đội của mình ! Anh nhận ra tiếng của từng người. Ồ, không những thế, anh có một trí nhớ lạ lùng, anh nhớ cả nhóm máu, nhớ cả số quân của từng người lính dưới quyền mình. Điều đó khiến mọi người cảm động và biết ơn anh. Nhưng anh không tự cao. Anh dùng cái trí nhớ lạ lùng đó để làm được nhiều việc có ích và kịp thời cho anh em. Nơi nào đã đi qua, anh nhớ từng chi tiết. Bạn bè lâu ngày gặp lại, anh không quên chút gì về họ. Chuyện Đông chuyện Tây, anh đọc hoặc nghe qua một lần là nhớ luôn...

Trên nền trời đỏ rực, anh thấy lá cờ vàng bay phấp phới. Chính tay «anh lính mới» cắm ngọn cờ. Thành cổ đã chiếm lại được. Mọi người reo hò trong nước mắt. Đã hiện lại nơi đây, một mùa hè đỏ !

Và anh hơi sững khi thấy người đến trước mặt mình là cô em bạn cùng nhóm, không phải «anh lính mới». Cô khoe anh bức hình cô chụp được trong máy. Cô tấm tắc khen màu đỏ của bầu trời. Bỗng nhiên anh hoảng hốt. Anh nhớ như in gương mặt của «anh lính mới», trong trận chiến tiếp theo, nhạt nhòa trong nước mắt của anh. Anh đọc nhóm máu của người lính, nhưng không kịp làm gì để cứu em, vì em ra đi nhanh quá. Em ra đi mang theo nét cười hồn nhiên và đôi mắt trong sáng

chưa vướng chuyện tình yêu, chỉ thoáng ưu tư mỗi lần nhắc đến má.

Vâng, thời trai trẻ của anh, có những người lớn làm trẻ con, bởi chưa kịp yêu, bởi chiến tranh đi vào cuộc đời của họ sớm hơn người yêu. Như anh, già dặn nhất đơn vị, thế mà vẫn cứ làm «anh lính mồ côi». Mồ côi là vì chưa có người yêu, thế thôi. Ai có hỏi vì sao, anh chỉ mỉm cười.

«Anh sao vậy ? Anh có thấy tấm ảnh này đẹp không?» Cô bạn hỏi.

Anh giật mình.

«Ồ, đẹp ! Đẹp lắm ! Đẹp ở màu trời đỏ.»

«Vậy ư ? Em lại thấy màu xanh của hồ đẹp hơn.»

«Phải, phải. Màu xanh trông thật yên bình.»

Các bạn khác cũng đến gần bên anh, bàn với nhau về các loại ống kính. Anh cũng gật gù trả lời họ. Nhưng tâm trí của anh giờ đây lại trôi về một nẻo khác, nơi có màu xanh của con sông, dòng suối, mặt hồ... những nơi anh đã từng đi qua...

2.

«Tuần tới nhóm mình đi săn lá vàng nhé !» Anh trưởng nhóm đề nghị.

Mọi người tán thành. Chẳng là mùa thu đã về. Một chị nói vui :

«Lại đi ?»

Người khác :

«Đi chứ ! Thiên nhiên đẹp quá mà !»

«Ừ thì lại đi.»

Anh lẩm bẩm : «Lại đi !» và nghĩ đến Má. Má hiện ra trước mặt, nói :

«Lại đi !»

Câu nói của Má không có dấu chấm hỏi, mà là dấu chấm than. Bao nhiêu lần đều là như thế. Anh về với gia đình được vài ngày, rồi lại đi. Má lại gói ghém, bới xách, làm những món ăn anh thích. «Lại đi !» Câu nói chỉ vỏn vẹn hai từ nhưng ẩn chứa nỗi niềm chịu đựng. Cũng không than trách. Cũng không hối thúc. Má vui với những lúc con về, và mong ngóng khi con đi. Nhà đông con, nhưng mỗi đứa được Má thương một kiểu.

Và Má vẫn thường bênh vực những đứa nhỏ hơn, cứ như sợ họ bị anh chị ăn hiếp. Ấy thế mà những lời nói của Má từ hồi anh còn nhỏ đã ăn sâu vào trong tâm. Mỗi lần anh làm em út giận hờn, Má thường la anh : «Đừng chọc em !» Anh cũng giễu các đàn em trong đơn vị mỗi khi có dịp vui chơi, rằng «Đừng chọc em !» Mọi người thường phá lên cười. «Huynh đệ chi binh» là thế !

Anh tự hỏi : «Sao mình cứ liên tưởng từ thực tại qua quá khứ thế nhỉ ?» Đã biết bao lần anh muốn mình chỉ sống với những gì đang có, vui với những gì trước mặt. Nhưng sao thời gian cứ chảy thành dòng. Anh đang đi trên nhánh sông êm đềm, bỗng đến một ngã rẽ, dòng nước lũ từ đâu đổ ào tới. Như là các đoạn thời gian gặp nhau, đan xen, lẫn lộn vào nhau. Có lúc anh choáng váng, tưởng mình không thể đẩy lùi được quá khứ. Có lúc anh đang hân hoan với một tấm hình sáng sủa vừa chụp được, thì một điểm đen xuất hiện trên hình và lan dần, lan dần... Anh thảng thốt. Hay là mình đang mắc một chứng bệnh gì đó ? Anh đâu dám kể cho ai nghe.

Đa số các bạn trong nhóm này là những người trẻ hơn anh. Họ thuộc về một thế hệ bình yên, không biết hoặc biết rất ít về chiến tranh. Anh và họ hợp nhau trên phương diện nghệ thuật, còn tâm tư, tình cảm lại có một khoảng cách không nhỏ. Anh vào nhóm chụp hình để

tìm lại thú vui ngày còn đi học, nhân đó cũng được dịp học hỏi, chia sẻ với nhau về cách chụp những tấm ảnh đẹp, thế thôi. Ngày xưa anh nhịn ăn quà để mua được một chiếc máy ảnh cũ là cả một kỳ công. Còn chưa kể phải tốn tiền mua phim, tráng phim, rửa ảnh. Bây giờ có nhiều loại máy ảnh đắt vô cùng, nhưng người ta vẫn có thể sắm được mà không cần bỏ ống heo và chờ đợi mỏi mòn. Bây giờ không tốn tiền mua phim mà vẫn có thể bấm một lần cả mấy chục tấm. Tấm nào không ưng ý thì sau đó được «delete», bỏ đi không thương tiếc.

Trên mặt trận, anh không có thì giờ chụp ảnh. Anh phải cùng đồng đội chiến đấu. Đôi mắt là cái ống kính tuyệt vời nhất. Anh đã «chụp» được rất nhiều ảnh. Những hình ảnh không cần phải «săn», mà hiện ra bất chợt, lưu lại trong đáy mắt, sâu vào trong trí nhớ khôn nguôi. Không phải cảnh núi, đồi, sông, suối, mà là khói, bụi, lửa, mồ hôi, nước mắt và máu.

Anh thấy nhớ quá, những đồng đội, những người đã nằm lại trên chiến trường...

3

«Đêm hôm qua, em nghe anh nói trong giấc ngủ.»

«Sao ? Anh mớ à ?»

Chị bật cười :

«Phải, anh mớ, anh gọi tên cô nào ấy !»

«Chết anh rồi ! Thế... thế em có ghen không ?»

Chị lườm :

«Ghen làm chi ? Có cô nào thì cũng đã là quá khứ.»

«Sao em nghĩ là quá khứ ?»

«Em dám chắc như vậy, bởi anh lúc nào cũng nói đến chuyện xưa.»

Anh thở dài. Anh không đính chính. Chị nói đúng. Chị là người hiểu tính anh hơn ai hết. Nhưng anh thấy mình có lỗi với chị. Anh đã để cho quá khứ đan xen với hiện tại, không phải trong giấc mơ, mà ngoài đời thực.

Như sáng nay, trong lúc cả nhóm say mê chụp ảnh trong rừng aspen, anh đã bỏ mọi người để chạy theo một bóng áo tím. Tà áo ẩn hiện, có lúc nổi bật trên nền vàng của lá, có lúc biến mất cuối nẻo đường xanh.

Anh miệt mài chạy. Có lúc anh tưởng như đã đến gần, rất gần... Nhưng anh vẫn không nắm được bàn tay của nàng. Và đó là cô gái của xóm nhỏ năm xưa. Anh yêu cô nhưng không thể nói. Vì anh đi mãi không dừng. Và cũng vì khi trở về xóm nhỏ, anh không còn nhìn thấy nàng nữa. Nàng như chiếc lá bị cuốn theo cơn gió. Nàng chìm trong dòng người xuôi nam. Khu xóm nhỏ đã thành bình địa... Và như thế, gió, gió từ mọi hướng xoáy quanh anh. Anh chới với, hoảng hốt, rồi nhận ra một giọng nói quen :

«Anh làm sao vậy ? Cần em giúp gì không ?»

Thì ra anh đã trở lại điểm khởi đầu. Máy ảnh của anh còn ở yên trên giá. Anh thở dài, và bấm máy như một phản xạ. Nhưng, ôi, một cơn gió khác lại ào đến, và lá, lá rơi nhiều lắm... Những chiếc lá như dòng người. Đâu đó, trong một tấm ảnh anh chụp được, bóng áo tím đã hiện ra.

4

«Nhiều người khổ vì quên, còn tôi khổ vì nhớ, thưa bác sĩ.»

«Đúng vậy.»

«Tôi có giống như một người vô tâm, đang ăn món ăn này mà tưởng nhớ tới món khác không, thưa bác sĩ ?»

«Gần giống như vậy.»

«Tôi có bị chứng rối loạn nhận thức không ạ ?»

«Không.»

«Tôi sợ mình bị bệnh tâm thần phân liệt ạ.»

«Lại càng không.»

«Nhưng tôi thường bị màu đỏ ám ảnh.»

«Là bình thường. Tôi cũng vậy.»

Anh giật mình, trố mắt nhìn vị bác sĩ, chợt nhớ đến chuyện chị kể khi chị bị chứng đau lưng lan xuống chân, đi đến thầy thuốc Đông Y, vị thầy thuốc nói ông và các trợ tá của ông cũng đang bị chứng đau lưng lan xuống chân, ai cũng phải uống thuốc và mang băng nẹp. Anh

buồn cười.

Vị bác sĩ nói với giọng trầm xuống :

«Tôi không nói đùa. Tôi cũng bị màu đỏ ám ảnh một thời gian. Tôi biết rõ anh, vì tôi là bác sĩ của anh. Chúng ta là những người trải qua và sống sót sau cuộc chiến. Có những điều ray rứt trong lòng mình. Có những ám ảnh không nguôi. Ám ảnh vì chiến trận. Ám ảnh vì những cảnh khổ. Chưa hết, vì sống sót, chúng ta còn phải đối diện với sự quên lãng, thậm chí với sự bôi nhọ và sự phản bội. Nhưng tôi đã cố gắng chống chọi, và đã tạm thành công. Tôi biết mình sống vì cái gì. Tôi may mắn là còn được phục vụ trong ngành của mình. Mọi người đều có thể làm được. Tôi không dám khuyên anh điều gì, vì tôi tin rằng anh sẽ tự mình làm được.»

Anh bắt tay tạm biệt bác sĩ Jeffs, người bước vào và rời khỏi cuộc chiến Việt Nam khi còn rất trẻ.

5

Anh không bị bệnh gì. Anh tạm yên tâm với điều đó, và tìm cách tự thích nghi với hoàn cảnh. Anh không lo khổ vì quên, nhưng cũng sẽ không để mình khổ vì nhớ. Anh xem đó là món quà Trời ban, dù nó làm anh ray rứt, u buồn hay mòn mỏi.

Mùa xuân, anh trở lại vùng hồ, Donner Lake, một mình. Anh cũng đợi trời chiều, lúc mặt trời sắp lặn. «Golden hour !» Và như thế, anh chụp những tấm hình có mùa xuân, mặt hồ và bầu trời đỏ. Anh đứng lặng yên trên một tảng đá cao. Nơi đây, anh có được góc nhìn trọn vẹn nhất. Trước kia anh và các bạn tưởng quanh hồ chỉ là cảnh hoang sơ, nhưng ở vị trí này, anh thấy được cả một xóm nhỏ bên dưới, ven bờ hồ. Chỉ có vài ngôi nhà xinh xắn, khiến anh thốt lên những câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan mà anh thuộc lòng từ nhỏ. «Nhớ nước đau lòng con quốc quốc, thương nhà mỏi miệng cái gia gia.» Anh ngậm ngùi. Sao anh đứng đây mà vẫn luôn thấy mình còn nợ một cái gì nơi mảnh đất quê nhà?!!

Hôm qua, anh chụp hình cho thằng cháu nội. Đôi mắt trong sáng của nó khiến anh thấy hy vọng và bình an. Anh nhớ đến bác sĩ Jeffs, và anh mỉm cười...

«Những người sống và thoát qua cuộc chiến tranh, như chúng tôi, tưởng như có cuộc sống đan xen giữa hiện tại với quá khứ. Đó không phải là «phân liệt», mà gắn kết với nhau thành một. Tôi sẽ tự mình tạo cho quá khứ có một lằn mức để dừng lại, nhưng vẫn để cho các dòng thời gian gặp nhau khi cần. Tôi sẽ không phản bội chính mình. Và, kỳ diệu làm sao, không cần đến một bộ kính lọc nào cả, tôi chỉ còn thấy một tấm hình đen trắng, trong đó, một chàng trai trẻ mặc đồ lính, cười thật bình an. Là bạn tôi. Là em. Là tôi.»

Cam Li Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Mùng Một Tết Mậu Thân, Thoát Chết

Hoàng Đức

Vài hàng về tác giả : Trước 1975, là Giáo sư Trung học Đệ nhị cấp. Định cư tại Hoa Kỳ từ 1985. Công việc: High School Teacher; College Instructor, sau đó là Social Worker. Về hưu tại Westminster, từ 2002. Năm 2005, tác giả đã nhận giải đặc biệt Viết về Nước Mỹ. Sau đây là hồi ký của ông dành cho loạt bài «Tưởng nhớ 50 năm trận chiến Tết Mậu Thân 1968 - 2018.».

Tôi là dân Huế, năm 23 tuổi rời ghế nhà trường và rời xa nơi chôn nhau cắt rún, sông Hương núi Ngự để vào sinh sống một nơi cũng nổi tiếng với hai miền sông núi : thành phố Quảng Ngãi, quê hương của núi Ấn, sông Trà.

Suốt mấy tháng Hè tôi thấp thỏm chờ sự vụ lệnh bổ nhiệm đi dạy. Tôi ưu tư lắm vì chẳng biết bao giờ mới được bổ nhiệm trong lúc thời thế đang sôi động với phong trào Phật giáo miền Trung tranh đấu chống Tổng Thống Ngô Đình Diệm.Nỗi mong chờ lại càng thêm hồi hộp vì không biết nhiệm sở mới có nằm trong số ba nơi mà tôi đã chọn theo ưu tiên ghi rõ trong đơn xin ngày ra trường hay không.

Sau cùng, vào khoảng trung tuần tháng Mười năm 1963, tôi đã cầm được trong tay Sự Vụ Lệnh bổ dụng với nhiệm sở chỉ định : Quảng Ngãi, ưu tiên thứ ba theo thỉnh nguyện. Tôi chọn Quảng Ngãi vì thành phố này gần với Huế, dễ dàng cho tôi về thăm gia đình trong những dịp lễ, Tết và vì Quảng Ngãi là quê hương của một vài danh gia vọng tộc trong triều đình nhà Nguyễn mà tôi mến mộ. Chọn Quảng Ngãi vì tôi cầm tinh tuổi con rồng nên thích sông, thích núi, xa núi Ngự sông Hương thì phải kiếm một vùng có núi, có sông như núi Ấn, sông Trà để thay thế. Và sau cùng, chọn Quảng Ngãi vì tôi vốn tính «hảo ngọt» mà Quảng Ngãi là xứ kẹo Mạch Nha và đường phổi nổi tiếng khắp nước.

Chân ướt, chân ráo đến Quảng Ngãi, ngồi chưa kịp nóng chỗ thì xảy ra chính biến tháng 11 năm 1963.

Sau biến cố chính trị năm 1963, tôi lại chứng kiến thêm vụ Mậu Thân.

Tôi đã sống những ngày bấp bênh, phập phồng lo âu, không biết lúc nào sẽ là nạn nhân của những trận pháo kích bừa bãi của Việt Cộng trong dịp Tết Mậu Thân tại Quảng Ngãi. Thông thường, dân Việt Nam làm ăn sinh sống xa quê hương, ai ai cũng cố gắng dành dụm tiền bạc để về quê ăn Tết. Tôi cũng không ra ngoài tập tục này, nhất là tôi lại là con trưởng trong gia đình mà dân

Huế lại nổi tiếng về tinh thần bảo thủ nữa.

Thế nhưng, năm Mậu Thân, tôi quyết định không về Huế ăn Tết, tôi xin phép bố mẹ tôi ở lại ăn Tết với gia đình vợ tôi cũng người Huế nhưng sinh sống tại Quảng Ngãi. Lý do : vợ tôi sắp «bễ bầu» đứa con đầu lòng nên không thể đi máy bay được.

Thời đó, tuy Quảng Ngãi và Huế đường đất chẳng bao xa nhưng mấy anh du kích, con cháu «bác Cáo» thường hay lập công dâng Bác, dâng Đảng bằng cách đắp mô, đặt mìn trên quốc lộ để sát hại dân lành nên những ai có chút tiền đều di chuyển bằng máy bay thay vì đường bộ dễ làm mồi cho đạn bom, mìn bẫy và có khi lại bị bắt đem vào bưng để phục vụ «cô hồn các đảng».

Còn nhớ những ngày cận Tết, tôi đang hân hoan chuẩn bị lần đầu tiên ăn một cái Tết xa quê nhưng có niềm vui sắp được làm cha. Đùng một cái, bà chủ cho vợ chồng tôi mướn nhà yêu cầu chúng tôi cố gắng thu xếp để dời nhà sau khi ăn Tết vì bà ta cần lấy lại nhà cho cô con gái vừa theo chồng về lại Quảng Ngãi sinh sống.

Thật là tức muốn «hộc xì dầu» ! Vợ sắp sinh mà lại không có nhà, ăn Tết mà cứ âu lo chuyện thuê mướn nhà thì làm sao mà thưởng Xuân được. Tôi cáu sườn mà phải cố nén giận dù trong lòng chỉ muốn văng tục.

Gặp tình thế chẳng đặng đừng, tôi muốn cho bà chủ nhà biết tôi không thèm ở trong nhà bà, không muốn ăn Tết trong nhà bà nên tôi hộc tốc chạy chỗ này qua chỗ nọ hỏi thăm khắp mặt bạn bè thân quen để kiếm nhà thuê mướn ngay tức khắc cho an cư mà lo lạc nghiệp và nhất là để ăn Tết thoải mái.

May mắn thay, trong số tử vi của tôi, cung gia cư rất hanh thông, không biết nhờ ngôi sao nào chiếu mạng, nên tôi đã kiếm được một ngôi nhà khá khang trang và do tôi năn nỉ mà họ đã đồng ý cho tôi dọn nhà vào ngay trước Tết. Thế là, cuối năm Đinh Mùi, tôi không nhớ là ngày 29 hay 30 (vốn liếng tử vi bói toán của tôi học lóm được từ ông Nội không đủ để tính được xem năm Đinh Mùi tháng Chạp có đủ ba mươi ngày hay không.) Tôi chỉ nhớ là đúng vào ngày cuối năm, tôi đã thúc hối vợ tôi dọn nhà khi chiếc bụng bầu đã vượt mặt, chỉ trong sớm tối sẽ đến ngày mãn nguyệt khai hoa.

Đêm trừ tịch, tôi thở một hơi dài khoái trá trong căn nhà mới.Thoát được một mối âu lo tìm nhà mướn sau ba ngày Tết mà còn thỏa mãn tính «thù vặt» vì đã chứng minh cho bà chủ nhà thấy rằng tôi không cần cư ngụ trong căn nhà của bà, bà không thế nào làm khó dễ tôi được !

Sau khi soạn một mâm lễ cúng giao thừa, tiễn đưa năm Đinh Mùi, đón chào năm Mậu Thân, chúng tôi vui vẻ chuẩn bị ăn một cái Tết thật tưng bừng và an ổn thiếp vào giấc ngủ với bao nhiêu là mộng đẹp ngày Xuân.

Bỗng vào lúc gần sáng, tôi không nhớ rõ là lúc mấy giờ, chỉ nhớ là đã ngủ một giấc khá ngon lành, chúng tôi nghe tiếng súng nổ chát chúa bên tai và đạn bay nghe chíu chít trong không gian chớp sáng loè qua cửa kính. Hai vợ chồng tôi vội vã chui xuống gầm giường tránh đạn. Nhà tôi mướn nằm ở tận cuối đường, vách tường bên hông nhà tôi hướng ra một cánh đồng mía, thật trống trải, cách vài trăm mét đường chim bay là bến xe ngựa của thành phố.

Lũ Việt Cộng chẳng biết nghiên cứu địa hình, địa vật như thế nào mà lại tấn công vào bến xe ngựa đã hoang phế, và tiến quân qua đám ruộng mía để xâm nhập thành phố. Khu phố tôi ở không có một cơ quan quân sự hay hành chánh nào ngoại trừ trường trung học công lập Trần Quốc Tuấn của Quảng Ngãi mà bức tường bên hông đối diện với mặt tiền của nhà tôi. Đạn vẫn nổ rền vang, tiếng nghe chát chúa đầy tính chất sát phạt mà sau này tôi biết là tiếng súng AK, nghe sắt máu hơn loại súng M16 nhiều.

Chúng tôi vì mới dọn nhà nên chưa kịp xây hầm tránh pháo kích, đành nằm dưới gầm giường chịu trận, chỉ trông mong vào Trời, Phật, ông bà, tổ tiên phò hộ. Nhà chúng tôi sát liền vách với nhà của chủ nhà, chỉ ngăn cách bằng một cánh cửa hông, và quả thật chúng tôi được ơn trên nên trong tiếng đạn réo chúng tôi nghe tiếng gọi của cậu học trò, cháu của ông chủ nhà gọi chúng tôi mở cánh cửa hông thông qua nhà của chủ nhà để sang núp vào hầm tránh đạn. Chúng tôi bò ra khỏi gầm giường và chạy thục mạng vào căn hầm xây bằng bao cát ngay giữa nhà bên cạnh và không quên cảm ơn rối rít cậu học trò và ông chủ nhà nhân ái.

Sáng hôm sau, dứt tiếng súng, chúng tôi trở về nhà, nhìn dưới gầm giường thì thấy vết đạn lỗ chỗ trên bức tường nhà hướng về cánh đồng mía. Thật là hú hồn, hú vía, nếu không chạy được sang nhà của chủ nhà thì vợ chồng tôi đã «ô hô ai tai rồi».

Cách bức tường nhà tôi vài chục thước, nằm tênh hênh trên một bờ mương là xác của mấy ông «anh hùng cách mạng», áo quần tơi tả, mình mẩy, mặt mày sơn đen để ngụy trang, áo quần phong phanh trong cái rét của mùa Xuân ở miền Trung. Tôi chẳng hiểu quân đội của ta can thiệp vào lúc nào mà đã đẩy lui được cuộc tấn công của bọn người phi nhân đã vi phạm cuộc đình

chiến được thoả thuận trong những ngày đất trời đang mở hội mừng Xuân, trong truyền thống thiêng liêng của dân tộc.

Xác của Cộng quân nằm kế cận nhà tôi liền mấy ngày không có ai chôn cất vì sợ chúng quen thói dã man gài mìn hay lựu đạn dưới xác. Dân trong vùng sợ bệnh dịch do hơi thối của xác chết gây ra nên đã tự động đem vôi rải trên xác người.

Sau những ngày bận rộn ngăn ngừa cộng quân xâm nhập thành phố, nhà chức trách mới có thì giờ nghĩ đến chuyện mang xác của chúng đi trong nỗi kinh hoàng của chúng tôi vì xác đã sình chương, hơi thối toả khắp vùng.

Sáng mồng Một Tết, trong lúc tôi đang cùng bạn hữu thân quen tất bật lo xây một hầm bằng bao cát chống đạn pháo kích kế cận phòng ngủ của chúng tôi thì ở Huế nhận được tin vợ chồng tôi đã thiệt mạng trong căn nhà cũ mà chúng tôi vừa bị đuổi nhà. Ngôi nhà đã bị cháy và nổ tung !

Rất ít người biết là chúng tôi đã dời nhà vào ngày cuối năm. Hầu như những người thân quen đều đinh ninh là chúng tôi hiện đang cư ngụ tại đó.

Sau này tôi mới biết chuyện là người con rể của bà chủ nhà, mang cấp bậc Đại uý cảnh sát, đã mang về một lá quốc kỳ VNCH thật lớn và lộng lẫy treo ngay trước nhà để trang hoàng ba ngày Tết.

Lũ côn đồ chẳng biết là du kích hay bộ đội chính quy lạc vào thành phố, tình cờ đi ngang ngôi nhà có treo quốc kỳ, lầm tưởng là công sở hành chánh hay quân sự nên đã ném chất nổ phá huỷ căn nhà.Bà chủ nhà, một cô con gái và một cậu con trai đang độ tuổi vị thành niên đã chết oan ức.

Tôi nghe tin này mà bàng hoàng, sửng sốt, nghe lạnh toát châu thân, thấy mình đã thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Tôi vội vàng đi điếu tang, lòng thầm cầu xin bà chủ nhà tha thứ cho tôi đã một lúc nông nổi, oán giận bà. Chính nhờ bà yêu cầu tôi dọn nhà mà đã cứu sống vợ chồng tôi và đứa con trai đang nằm trong bụng vợ tôi.

Những ngày sau đó, tuy trong nhà có hầm trú ẩn khá an toàn nhưng tối nào vợ chồng tôi cũng theo gia đình vợ tôi đến trú ẩn tại một tòa nhà khang trang rộng lớn, có lầu, có tường ốc kiên cố của một nhà thầu khoán quen thân với Bố vợ tôi. Chúng tôi được đặc ân ngủ dưới hầm cầu thang nơi kiên cố nhất để tránh pháo kích. Cứ ban đêm nghe tiếng pháo kích và tiếng súng AK rền vang là

y như ngày hôm sau có tin một vài nhà bị pháo kích gây tang tóc đổ nát và một vài xác cộng quân nằm bên bờ ruộng hay ao hồ. Dân chúng lại lũ lượt đi xem và ngậm ngùi ta thán vì xác chết phần nhiều là những thiếu niên ngây thơ bị Việt Cộng dụ dỗ. Họ không bao giờ còn có dịp hiểu ra là họ đã bị Đảng dùng làm dụng cụ để giết hại dân lành vô tội, để hy sinh xương máu cho những tín điều không tưởng của chủ nghĩa Cộng Sản.

Tôi nhớ có hôm, tò mò đi xem xác Việt cộng, tôi đã thấy một cậu bé áo quần rách bươm nằm chết bên bờ ruộng mía trong tay ôm xác một con gà banh xác mà có thể cậu ta đã nhanh tay «cầm nhầm» khi vào nhà một thường dân để tìm đường cứu nước theo gương của Bác.

Từ đó, tôi không còn đi xem xác Việt Cộng nữa và ngậm ngùi thương cảm những nạn nhân của chế độ phi nhân và vô luân đang làm cho quê hương điêu linh, giang sơn tan nát.

Con trai của chúng tôi chào đời đầu tháng ba Dương lịch, vẫn đang còn trong tháng Giêng năm Mậu Thân. Lúc còn nằm tại nhà hộ sinh, cứ mỗi lần nghe đạn pháo kích của Việt Cộng câu vào thành phố là bà ngoại của cháu nằm chồm lên người thằng bé để bảo vệ cho nó chống lại hỏa tiễn 122 ly. Lòng bà thương cháu nói sao

cho xiết ! Việt Cộng có bao giờ nghĩ đến những hoàn cảnh của người dân vô tội thường xuyên bị súng đạn của chúng đe doạ hay không ? Tội ác của chúng làm sao tẩy xóa được ?

Gia đình tôi ở Huế cũng theo dân chúng tản cư về vùng có trường tiểu học Đoàn thị Điểm nơi Việt Cộng chưa chiếm giữ tại Thành Nội Huế. Họ để lại sau lưng nhà cửa điêu tàn, đổ nát vì Việt cộng pháo kích trong 26 ngày chiếm đóng thành phố Huế.

Tuy gia đình cật ruột được an toàn nhưng trong vòng thân thuộc, tôi cũng có những người thân là nạn nhân của vụ thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế. Bác tôi, trưởng ty Bưu Điện Huế đã hồi hưu, bị chôn sống tại vùng Gia Hội; Cậu tôi, sĩ quan Cảnh Sát ở vùng An Cựu gần Cung An Định mất tích hay bị thủ tiêu, đến nay vẫn chưa tìm thấy xác. Bạn đồng nghiệp của tôi cùng vợ và đứa con đang mang trong bụng chết tức tưởi trong hầm trú ẩn vì bị hơi ép của đạn pháo kích trong vùng thượng thành cửa Đông Ba và còn nhiều nhiều nữa, không kể xiết.

Biết bao nhiêu sách báo đã vạch trần tội ác của Việt cộng trong Tết Mậu Thân trên toàn cõi miền Nam nước Việt và đặc biệt trên quê hương tôi, Huế đô ngàn năm văn vật.

Xin thành kính thắp lên một nén hương lòng cho những nạn nhân của Tết Mậu Thân trên khắp quê hương.

Hoàng Đức

Hai Quê

Tố Nguyễn

Từ ngày Một tháng Bảy 2018, giải thưởng Việt Báo Viết Về Nước Mỹ sang năm thứ hai mươi. Bài viết đầu tiên của Tố Nguyễn tới vào tháng Sáu, tháng cuối của Viết Về Nước Mỹ năm thứ XIX - 2017-18. Thư gửi kèm bài tác giả viết «Tôi tên Tố Nguyễn, đang làm tax accountant ở Los Angeles, thường xuyên theo dõi mục Viết Về Nước Mỹ. Tôi rất xúc động khi đọc những câu chuyện đời của người Việt trên xứ Mỹ, giờ tôi xin góp câu chuyện thật của tôi...» Đây là chuyện một «công chức XHCN» du học và chọn nước Mỹ là quê hương thứ hai, được kể giản dị mà chân thành, xúc động. Mong Tố Nguyễn sẽ tiếp tục viết.

Gần mười lăm năm định cư trên đất Mỹ, tôi thấy mình ngày càng yêu thương và gắn bó hơn với mảnh đất đã cho tôi cơ hội, cho tôi niềm tin vào tình người.

Giữa cuộc sống bộn bề với những «deadlines» của công việc trên quê hương mới, tôi ngỡ như mình đã quên mất Việt Nam. Nhưng không dễ mà quên được quê cũ.

«Tôi lớn lên bờ Tam Giang nước mặn, những chiều không mây trắng lững lờ trôi...» Đó là lời bài hát «Hai Quê» của nhạc sĩ Đinh Miên Vũ.

May mắn hơn người nhạc sĩ tài hoa, tôi có những tháng ngày ấu thơ êm đềm bên bờ Hậu Giang nước ngọt ngào trù phú của quê cũ, rồi còn may mắn hơn, khi có thêm quê mới là nước Mỹ.

Mười lăm năm quê mới... Chỉ nhớ lại thôi đã thấy mắt cay cay.

Tôi xuống phi trường Seatac - Seattle vào một chiều mùa đông mưa gió. Ngỡ ngàng vì Mỹ sao mà khác xa với Sài Gòn nắng chói chang và náo nhiệt, nơi hai mươi giờ trước tôi vừa chia tay với bạn bè và người thân.

Không như cô chị họ được ông xã rước sang đoàn tụ, được đưa đi chơi và chăm chút từng li từng tí, tôi phải tự lo mọi thứ một mình.

Nơi ở đầu tiên của tôi là khu phố của những người «share phòng», bốn năm giờ chiều đã tối sầm trong cơn mưa rả rích. Không gian u buồn lặng lẽ ngày đông ở tiểu bang Washington càng càng làm tôi da diết nhớ Sài Gòn...

Tôi hỏi thăm và tìm đường đi xe bus lên trường college và biết là mình đã lỡ mùa học này, phải đợi hai tháng nữa. Vậy là tôi về nhà đi tìm việc làm full-time.

Chưa biết lái xe, bốn giờ sáng tôi mặc ba cái áo ra đầu đường đứng đợi chị bạn của người chủ nhà đến rước đi làm ở một hãng đồ ăn đông lạnh. Chị tên Dung, chị thấy tôi mới qua bỡ ngỡ nên mang dư một phần cơm trưa cho tôi, nhiều người khác trong hãng cũng thấy tôi mới qua nên tận tình chỉ việc. Tôi cảm thấy ấm lòng dù thật sự đuối sức khi phải đứng suốt 8 giờ dưới basement lạnh buốt.

Hai tuần sau, tôi được anh người Việt làm quản lý cho ông chủ «tiến cử» lên văn phòng giúp việc giấy tờ sổ sách vài giờ mỗi ngày. Khỏi nói tôi vui đến mức nào khi «chia tay» cái basement lạnh giá dù chỉ vài tiếng đồng hồ.

Ngày nhận cái paycheck tiền Mỹ đầu tiên, tôi đón xe bus tới tiệm Deli, định bụng «tự thưởng» cho mình một túi đồ ăn vặt. Vậy mà khi tới nơi, cầm cái bánh tiêu lên thấy để giá $1 «trời ơi cái bánh tiêu 20 ngàn VN, thôi nhịn !» Vậy là tôi đi về với một bọc hàng ở chợ để nấu cơm cho cả tuần với giá bằng số lương nửa ngày làm, lâng lâng tự hào nghĩ sao mình giỏi, cứ vậy hoài chẳng mấy chốc mà... làm giàu.

Mưa Seattle không giống mưa Sài Gòn, nó cứ lất phất dai dẳng cả ngày dưới khung trời xám xịt... Những ngày chị Dung nghỉ bệnh, tôi phải đi bộ hơn nửa dặm đường để đón xe bus. Lầm lũi bước một mình dưới mưa, tôi không biết mưa hay nước mắt cứ ướt nhòa trên mặt... Tôi nhớ Sài gòn náo nhiệt, nhớ từng góc phố, con đường, nhớ những người bạn vui buồn cùng tôi những tháng năm đại học... Tôi bỗng muốn quay về Sài Gòn, trở lại căn phòng đầy tiện nghi, tiếp tục làm một «công chức nhà nước» oai vệ và nhàn nhã...

Rồi hai tháng cũng trôi qua, tôi nói lời chia tay với chị Dung để đi tìm việc part-time. Tôi hỏi thăm thì ai cũng nói vừa đi học vừa làm thì chỉ có thể xin «chạy bàn» ban đêm hoặc làm nail cuối tuần.

Lật tờ báo VN ra kiếm việc, tôi gọi thử và nhanh chóng được nhận vào làm ở một tiệm phở gần trường đại học. Buổi trưa khách vào đông nghẹt, tôi phải học cách bưng hai tay hai tô đi thật nhanh mà không đổ, phải biết dùng giờ rảnh để cắt rau cắt ớt, pha cà phê, sinh tố, phải tươi cười bưng nước tới chăm đầy ly cho khách. Tôi ngậm ngùi nhớ lại những ngày ở Việt Nam, đi ăn tiệm, nơi khách ăn thường sai người chạy bàn lấy cái này cái nọ dù ở VN không hề cho tiền «tip», ăn xong cứ xả ra đầy bàn đầy ghế vì mình «đâu có dọn đâu

mà lo». Những tháng ngày bưng phở chai tay đã dạy cho tôi biết trân trọng những người «waiter, waitress». Sau này, đi đâu ăn tôi cũng tip thật hậu hĩnh và dọn dẹp gọn gàng trước khi ra khỏi tiệm.

Nhà hàng tôi làm đóng cửa lúc 10 giờ, dọn dẹp xong cũng gần 11 giờ đêm, tôi phải đón 2 chuyến xe bus về nhà. Sợ nhất là đi giữa downtown rộng lớn lồng lộng gió mùa đông, lúc đó chỉ có mình tôi và vài chú homeless trên đường. Tôi gần như chạy bộ cho đỡ lạnh và đỡ sợ, trùm kín mít chỉ chừa mắt và mũi. Vậy mà cũng có chú homeless hay ngồi gần trạm bus nhận ra tôi, mỗi lần thấy tôi là chú cứ gào lên «smile, smile sweetie !» Không lẽ tôi nói trời ơi hai hàm răng đánh bò cạp mà smile gì không biết !

Một buổi sáng như mọi ngày, tôi lật đật ra đầu đường đón xe bus, bỗng ngỡ ngàng trước cảnh tượng đất trời Seattle vào xuân. Hàng cây cằn cỗi gần trạm xe nẩy đầy những chồi hoa to màu hồng phấn, thứ hoa tuyệt đẹp mà tôi chưa từng thấy ở Việt Nam. Hai bên đường hoa dại bỗng từ đâu vươn lên nở đầy màu sắc, bầu trời sáng trong khác lạ. Tôi chợt nhớ hôm qua ông chủ tiệm dặn vặn đồng hồ đổi giờ, bồi hồi tự nhủ tôi đã qua được mùa đông đầu tiên trong đời, mùa đông đầu tiên trên đất Mỹ...

Rồi Seattle rộn rã vào hè với những chùm blackberry tím mọng bên hàng rào ngôi nhà tôi ở trọ... Tôi được chỉ đường ra biển Alki. Đến tận bây giờ Alki vẫn là bãi biển gây ấn tượng sâu đậm nhất trong lòng tôi vì sự chuyển giao của đất trời vào hạ.

Ngày đầu tiên tôi đến bờ biển Alki, một vùng trời biển mênh mông ngập nắng, gió mơn man thổi theo từng gợn sóng lăn tăn. Tôi cho phép mình không làm toán quy đổi tiền USD sang tiền VN đồng nữa. Bước vào tiệm Starbucks, nghe ngóng mọi người gọi cà phê sau vài phút, tôi quyết định «copy» anh người Á Châu đứng bên cạnh vì thấy gương mặt của «hắn» nhấp cà phê sao mà khoan khoái lạ thường. Tôi gỡ kiếng mát ra dõng dạc gọi một ly «grande frappuccino with whipped cream» !

Ly Starbucks đầu tiên trong đời tôi sao mà ngon chi lạ, nó khác hoàn toàn với thứ cà phê phin tôi pha uống ở nhà hay trong tiệm cho khách. Tôi ngồi lại bên bờ biển một mình đến cuối buổi hoàng hôn. Ánh đèn từ những tòa nhà cao tầng bên kia downtown lấp lánh ẩn hiện xa xa, nước Mỹ với tôi sao vẫn mênh mông xa lạ quá. Tôi lại nhớ bến sông Sài Gòn với ánh đèn «ngọn tỏ ngọn lu» bên kia cầu Khánh Hội...

Tôi mua một cái xe cũ để đi «chạy sô» vừa làm vừa học. Cái xe không có nút chỉnh kiếng tự động, máy lạnh bị hư, ngay hè là phải quay tay kiếng xuống để cho xe có «air». Có mỗi cái máy 1 CD mà cũng hư lên hư xuống, băng đĩa cũng trở nên vô dụng, lên xe là tôi cứ tự hát tự nghe. Được cái xe của tôi chưa bao giờ «phản chủ», suốt mấy năm trời xuôi ngược khắp các con dốc Seattle mà không gặp phải «sự cố» gì.

Tôi quay cuồng vừa làm vừa học, mải mê khám phá Seattle cùng «con chiến mã» của tôi, không biết từ lúc nào tôi đã bỏ thói quen so sánh Mỹ với Sài Gòn...

Sau ngày tốt nghiệp, tôi tìm được một công việc full-time sau khi trầy trật «chiến đấu» với nhiều ứng cử viên người Mỹ, giã từ những ngày «chạy sô» xuôi ngược.

Văn phòng tôi làm việc đối diện với một tòa cao ốc đang xây, một ngày hè và nhiều ngày sau đó nữa, tôi nhìn sang thì không còn thấy bóng dáng người công nhân nào cả. Tôi càng thêm bất an khi mỗi ngày lại chứng kiến thêm nhiều công trình bị bỏ dở dang trên phố... Lễ độc lập năm đó, màn bắn pháo hoa trên mặt hồ Union cũng bị cắt ngắn thời gian, cả thành phố lặng lẽ u buồn dù đang giữa mùa hè ngập nắng...

Rồi đến một ngày, nơi tôi làm việc cũng bị đóng cửa vì phải khai phá sản. Dọn thùng đồ cá nhân ra khỏi văn phòng, tôi lái xe một mình ra biển, ghé vào tiệm Starbucks thân quen. Vẫn là biển ngày hè, nhưng tôi lại nghe tràn ngập mùa đông...

Mở wifi lên, tôi tình cờ vào một trang của người Việt, càng đọc tôi càng nhận ra mười mấy năm «dưới mái trường XHCN» tôi đã bị dối lừa, hiểu tại sao nhiều người phải bỏ xác giữa biển khơi...

Ngày hôm sau, tôi lại lái xe ra biển, tiếp tục đọc say sưa về lịch sử Việt Nam, về những sự thật đau thương của dân tộc... Những cực khổ mà tôi trải qua chẳng là gì so với những gia đình đã phải lìa quê hương xứ sở ra đi sau cuộc chiến.

Cuộc sống khá đầy đủ ở Việt Nam trước đây nhờ cậy thân thế của người bác họ làm cho tôi không thấy những sự thật xung quanh mình, càng không nghĩ sẽ có ngày mình cùng làm việc chân tay cùng những người mà tôi cho là «không có học hành tử tế». Tôi xấu hổ vì mình đã từng là một phần của guồng máy vô lương tâm đó... Những tiện nghi mà tôi có được ngày còn làm việc ở Sài Gòn đánh đổi bằng tiền thuế của bao người công nhân gầy gò xanh mướt vì tăng ca, nhưng cụ già, em bé lay lắt bên vệ đường...

Tôi ngậm ngùi nhận ra mặt thật của cuộc sống ở Việt Nam. Tôi có ngờ đâu những phận người cơ cực nơi xóm nhỏ ngày xưa của tôi bao nhiêu năm vẫn chưa thấy đổi đời, không phải là do «tại số tại phần» như tôi vẫn nghĩ.

Nhấm nháp cái donut bên bờ biển, tôi chợt nhớ cô Hên, người đàn bà lam lũ mà bọn trẻ xóm tôi vẫn mong ngóng mỗi ngày vì món bánh cam ngọt ngào giòn rụm như tiếng rao «ai... bánh cam nóng giòn đê ê...» của cô. Cô tên Hên nhưng đời cô chẳng có chút hên nào. Không chồng không con, mấy chị em cô toàn đi bán hàng rong. Cô bán bánh cam từ trước ngày tôi đi mẫu giáo, cho đến khi tôi học xong ở Sài Gòn, rồi học xong ở Mỹ, cô vẫn còn bán bánh cam rong. Rồi gần đây, mẹ tôi cho biết cô Hên đổ bệnh, không còn sức để làm bánh và cũng không còn hơi để rao hàng... nên đổi qua bán vé số rong. Cô cầm xấp vé số đi khắp nơi từ sáng sớm cho đến cuối ngày chỉ mong kiếm đủ tiền cơm tiền thuốc cho cái thân thể ngày càng già nua mòn mỏi...

Còn cậu bạn tên Tùng ngày xưa học cùng tôi, nhà nghèo phải nghỉ học đi làm phụ hồ. Sau đó Tùng lấy vợ, cũng nghèo, rồi sinh ra một bầy con nheo nhóc. Bạn bè tôi nói vợ Tùng không chịu nổi khổ cực, đã bỏ lên Sài Gòn đi làm rồi bỏ luôn chồng con theo một ông Đài Loan gần bảy mươi tuổi. Bạn Tùng tôi giờ như kẻ thất

thần, lẫm lũi đi về không giao tiếp với một ai...

Mặt trời khuất dần, bờ biển lại lung linh với những ánh đèn từ bên kia thành phố. Tôi chợt thấy mình còn may mắn gấp ngàn lần bao phận đời trôi nổi không có ngày mai ở VN. Tôi biết mình phải tiếp tục con đường, tôi quay lại «chạy sô» vừa học vừa làm, cùng khóc cười với nước Mỹ đang lao đao trong cơn suy trầm kinh tế.

Một năm sau, tôi tuyên thệ làm công dân Mỹ đúng dịp July 4, Lễ Độc Lập, một ngày hè Seattle nắng trong vắt như mật ong và trời thong dong mây trắng. Vậy mà mắt tôi lại nhòa lệ ấy như ngày nào bước đi một mình dưới cơn mưa mùa đông đầu tiên trên đất Mỹ. Nhưng lần này tôi không khóc vì nhớ Sài Gòn, nhớ căn phòng nơi tôi ngồi làm «công chức», mà tôi lại nhớ buổi chiều đông tưởng phải bỏ xe giữa đường vì tuyết phủ đầy không chạy được, tôi gặp hai ông «bụt» Mỹ dừng xe lại và lái giúp tôi qua đoạn dốc trơn... nhớ những ngày «chạy bàn» được ông bếp để dành cho dĩa mì xào đặc biệt, nhớ những đêm khuya làm tài xế chở cả dàn phụ bếp về nhà, cái xe nhỏ bé nực nồng mùi hành mùi phở... nhớ ông chủ tiệm cứ nhìn đồng hồ để nhắc đến giờ đi học của tôi, đi đi kẻo trễ, nhớ cảm giác lâng lâng của lần đầu tiên nhận cái check «financial aid», nhớ cô «professor» tận tình nán lại giải thích bài học cho tôi

sau giờ lên lớp, nhớ hương thơm ly cà phê Starbucks đầu tiên bên bờ biển ngày hè...

Rồi một ngày đầu thu, tôi nhận việc làm ở Cali, bỏ lại Seattle trong cơn mưa chiều tầm tã, lá vàng rụng đầy khắp lối đi. Lái được một đoạn đường «I - 5», tôi bỗng vòng về lại downtown, nhìn thêm một lần phố xá Seattle với những đồi dốc ướt sũng nước mưa. Kia phố Queen Anne nhìn xuống ngọn tháp Space Needle sừng sững, đây chợ Pike Place với chiếc đồng hồ chăm chỉ điểm giờ.., Tôi nghe tim mình như se thắt lại, mắt tôi lại thêm một lần đẫm lệ như hòa cùng những giọt mưa nhạt nhòa trên lớp kính xe. Tôi nhận ra mình đã thuộc về «xứ lạnh tình nồng.»

Cơ duyên đã cột tôi lại ở vùng Los Angeles. Tôi cố hết mình để chứng tỏ mình «làm giỏi dù không nói giỏi». Cuộc sống tôi dần dần ổn định. Thay vì đi sắm sửa ở Goodwill như những ngày đầu đến Mỹ, bây giờ một năm vài lần tôi lại chở quần áo đến tặng Goodwill, có thể viết check donation cho vài tổ chức phi lợi nhuận.

«Mưa nắng quê người có còn tình sâu nặng...» nước Mỹ với tôi giờ không còn là «quê người» nữa. Mưa Seattle và nắng Cali đã trở nên thân thương với tôi tự bao giờ. Nhớ Seattle, tôi yêu hàng hoa đào nở rộ bên bờ hồ Washington, yêu hoa magnolia trên phố Queen

Anne nhuộm hồng cả một góc trời. Tôi lại phải lòng đô thị của những thiên thần «Los Angeles» với những tòa building tráng lệ, yêu những ngôi nhà «Spanish» cổ xưa ẩn hiện sau bờ rào rực rỡ màu hoa giấy, yêu chợ hoa Little Sài Gòn rộn rã tiếng pháo chào xuân...

Hành trình «làm lại từ đầu» của tôi trên đất Mỹ, dù sao, vẫn còn là quá dễ dàng so với nhiều gia đình tỵ nạn ngày xưa, chết đi sống lại từ đại dương mênh mông vô định, nhưng với tôi là một sự thay đổi lớn lao. Nước Mỹ đã dạy tôi thành người, cho tôi niềm tin vào sự lương thiện và chăm chỉ... khác xa với tôi hèn yếu ngày nào, kẻ chỉ mong «làm ít hưởng nhiều», sao cho mình ung dung sống giữa bao cảnh đời cơ cực.

Day dứt thương về đất Việt, lại biết rằng tôi không thể nào về lại để sống như tôi đã sống ngày xưa... Tôi mơ một ngày về không còn thấy những em bé, cụ già lê la, xiêu vẹo giữa phố đông, bên những chiếc xe sang trọng, những tòa tòa cao ốc chọc trời. Tôi mơ về thăm con sông Hậu chảy hiền hòa giữa hai hàng dừa xanh mát, nghe tiếng ru con à ơi giữa trưa he, dù biết rằng giờ chỉ còn âm vang giọng karaoke não nuột của bao chàng trai quê nghèo khóc người yêu đi lấy chồng xa...

«Ai đi không hẹn về...» tôi thì nhớ mình từng có hẹn với bạn bè là sẽ về thăm. Nhưng rồi ngày qua ngày, sau những giờ lái xe len lỏi giữa phố phường Hollywood giờ tan sở, tôi chỉ mong sớm về đến nhà ngủ để mai «cày» tiếp, quên mất đi mình từng hứa hẹn những gì...

Một đêm hè Cali, tôi ngủ mơ thấy mình ngồi sau chiếc xe đạp của ông ngoại như những ngày thơ ấu. Ông chở tôi chầm chậm trên con đường làng... qua những bụi tre già kẽo kẹt, rồi ra đến bờ đê. Một bên là dòng sông êm ả phù sa dập dềnh những nhánh hoa bần trắng, bên kia là thảm lúa cuối mùa trĩu hạt chín vàng ươm. Khói bếp nhà ai vờn trong nắng chiều hiu hắt, văng vẳng tiếng cuốc kêu gọi bạn, và xa xa là câu hát «Tôi lớn lên bên dòng Tam Giang...

Giật mình tỉnh giấc, tôi ngậm ngùi cho phận «hai quê».

Tố Nguyễn

Cháu Hãnh Diện Về Ba

Capvanto

Capvanto là một bút hiệu khác của Philato, có lẽ do lối viết cách điệu từ Tô Văn Cấp, tên thật tác giả. Ông sinh năm 1941, từng là một đại đội trưởng thuộc TĐ2/TQLC, đơn vị có biệt danh Trâu Điên. Với nhiều bài viết giá trị, ông đã nhận giải Á Khôi, Vinh Danh Tấc giả VVNM 2014. Năm mươi năm sau Mậu Thân, tác giả đã góp thêm nhiều bài viết đặc biệt. Nhân mùa Father»s Day đang tới, ông góp thêm bài viết về các cô nhi của tử sĩ VNCH hiện sống trên đất Mỹ.

Sau khi miền Nam bị chiếm (30 tháng 4 năm 1975) rất nhiều cô nhi, quả phụ của các chiến sĩ VNCH đã gặp nhiều khó khăn trong sinh hoạt và tiến thân trong xã hội mới ở Việt Nam. Cộng đồng hải ngoại cũng lãng quên họ. Ai biết được họ đã sống ra sao ? Ai biết các cô nhi đã nghĩ gì về những người cha đã hy sinh cho Tổ Quốc ?

Từ hơn nửa thế kỷ trước, đối với tôi, điều đáng sợ nhất trong đời lính là khi từ chiến trường trở về hậu cứ phải đối diện với những vành khăn tang trắng còn mới tinh trên mái tóc xộc xệch của vợ con những đồng đội đã nằm lại tại chiến trường. Những đôi mắt thơ ngây

hoen ngấn nước trên khuôn mặt các em bé mất cha luôn làm tôi đau nhói trong lòng. Càng vinh quang thì càng nhiều khăn tang, đó là những vết thương kết lại thành những vết sẹo khó phai, là tâm trạng của các cấp chỉ huy khi trở về sau những chuyến hành quân dài ngày, dù là về với chiến thắng, với thăng thưởng, cấp bậc và huy chương.

Tôi không còn nhớ ai đã gắn huy chương và huy chương loại nào, nhưng tôi nhớ mãi tên đồng đội, anh em thân thiết như ruột thịt đã hy sinh. Đằng sau những tấm huy chương là máu của họ, là nước mắt của vợ con họ. Có những đứa con còn chưa kịp rơi nước mắt khóc cha vì chúng chưa biết nói hoặc còn trong bụng mẹ.

Niềm khắc khoải đó trong tôi đã được xoa dịu phần nào khi tôi may mắn gặp được một vài cô nhi mà cha của họ là đồng đội thân thiết của tôi, nên dù ít hay nhiều tôi đã góp phần cho các cháu biết tin tức về những cha, về những giây phút cuối đời của cha đã chiến đấu và hy sinh như thế nào. Tôi đã được cùng đi một đoạn ngắn ở cuối cuộc hành trình cô đơn của các cháu trong suốt mấy mươi năm qua. Các cháu đã tìm được kết thúc, đã biết rõ và hãnh diện về cha.

1. Cô Nhi Yvonne Trần

«Cháu nhớ mãi, má cháu và cháu đứng trước vỉa hè nhà, đợi Ba cháu về. Cháu thấy xe GMC chở lính Thủy Quân Lục Chiến chạy ngang qua nhà, nhưng cháu không thấy Ba cháu về...

Cháu nhớ mãi một hôm cháu đi học về, thì thấy má cháu nằm trên ghế salon, khóc sướt mướt. Lúc đó, cháu quá nhỏ, mới 5 tuổi nên không hiểu chuyện gì xảy ra.

Rồi khi thấy một quan tài nằm trên phản ở nhà nội, thời ấy nhà quê không có đèn điện, chỉ le ngoe vài cây đèn cầy ánh sáng lập lòe. Nội cháu ngồi bên cạnh quan tài, đập đập lên quan tài rồi gào thét. Cháu khóc theo, nhưng không biết Ba mình nằm trong quan tài đó.

Chiến tranh VN, nhìn lại, nhìn khía cạnh nào cũng thấy nỗi đau.»

Đó là thư Yvonne gởi cho tôi. Yvonne là con gái của cố Đại Úy Trần Đăng Túc Tiểu Đoàn 2/TQLC. Cô định cư ở tiểu bang Virginia, là Kỹ Sư Hóa Học, từng làm việc cho Trung Tâm Nghiên Cứu Về Chiến Tranh của Hải Quân Hoa Kỳ (Naval Surface Warfare Center - NSWC) trong 16 năm. Hiện nay cô đang làm việc ở Federal Aviation Administration, Office of Commercial

Space Transportation, Washington D.C.

Trong bài «Hãy Kể Cho Tôi Nghe» gởi cho đặc san Sóng Thần TQLC 2017, Yvonne tâm sự :

«Ba tôi chết đã gần 50 năm. Khi ông chết, ông để lại bốn đứa con, từ một tuổi tới tám tuổi. Gia đình tôi khi xưa ở Thủ Đức, khoảng 20 -25 cây số phía Bắc của thủ đô Sài Gòn. Tôi không có nhiều kỷ niệm của Ba tôi. Nhưng tôi nhớ, Ba tôi không có mặt ở nhà nhiều. Ông đi biền biệt. Mỗi lần ông về, thì tôi thấy Ba tôi mặc đồ lính rằn ri. Tôi nhớ mẹ tôi nói Ba tôi có đi Hoa Kỳ một thời gian. Tôi cũng có nghe nói Ba tôi là lính Thủy Quân Lục Chiến (TQLC), và chết trong lúc đi hành quân. Khi miền Nam Việt Nam mất, lúc đó tôi đã thấy lớn nên ít nhiều tôi cũng hiểu biết những gì xảy ra, và biết cuộc sống không còn như xưa. Tôi không ngạc nhiên khi thấy những kỷ niệm đi lính của Ba tôi đã biến mất. Hình ảnh của Ba tôi mặc quân phục với mũ xanh trên bàn thờ đã thay bằng hình người mặc đồ bình thường. Thời gian trôi qua, tôi quên đi hình bóng Ba tôi mặc đồ lính rằn ri, đội mũ xanh...»

Nhưng có lẽ trong trí óc của người anh Yvonne, hình bóng người cha TQLC vẫn chưa phai nhạt. Anh vẫn tìm đọc những bài viết về TQLC, chính người anh đã bắt đầu cuộc hành trình tìm biết về Ba.

Một hôm, người anh gọi điện thoại cho Yvonne và hớn hở khoe rằng anh tìm được một người ở trong TQLC Việt Nam biết Ba của họ khi xưa. Anh chỉ cho Yvonne tìm đến website của TQLC, ở đó cô tìm được địa chỉ email của người nhắc đến tên Đại Úy Túc. Lúc đó Yvonne chỉ biết tên người ấy là cựu Đại Tá Ngô Văn Định, vị chỉ huy của cha cô khi xưa. Sau vài email qua lại, Yvonne gọi ông là bác Định.

Những trao đổi với bác Định đã biến Yvonne từ một người tưởng đã quên đi hình bóng của cha thành một người đi tìm kiếm tin tức, kỷ niệm về cha.

Một hôm, Yvonne đọc một tài liệu của những người TQLC Mỹ viết về chiến tranh Việt Nam. Tài liệu này có đề cập tới những người sĩ quan TQLC Việt Nam đều phải qua Hoa Kỳ để thực tập ở trường The Basic School tại Quantico, Virginia.

Tài liệu ấy làm Yvonne nhớ đến tấm hình của Ba cô chụp ở Baltimore, Maryland. Từ ý nghĩ đó, Yvonne tìm đọc thêm những bài viết về TQLC Việt Nam, trong đó có bài viết về trận Tiểu Đoàn 2 TQLC bị phục kích tại Phò Trạch, Huế vào ngày 29 tháng 6 năm 1966 của cựu Đại Tá Tôn Thất Soạn đăng trong «Tuyển Tập 21 Năm Chiến Trận Của TQLC» do Tổng Hội TQLC in năm 2005.

Tim cô thót lại, mắt cô mở lớn khi biết Ba cô có tham dự trận đánh đó và bị thương, cô vội vã đọc tiếp, và Yvonne đã thấy Ba cô trong tấm hình TĐ2/TQLC chụp tại trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp, Phước Tuy.

Yvonne sững sờ, cô muốn nhéo mình để xem có phải cô nằm trong mơ không ?

Sau mấy chục năm, hình ảnh oai hùng của Ba cô trở lại rõ ràng trong ký ức khiến cô xúc động nghẹn ngào như ngày xưa chạy đến nắm tay Ba mỗi khi ông đi hành quân về.

Đọc tuyển tập «21 Năm Chiến Trận» Yvonne mới biết chi tiết về chuyến đi hành quân ấy của Ba cô quá nguy hiểm, có nhiều thương vong. Tiểu Đoàn Trưởng là Trung Tá Lê Hằng Minh cùng với 42 thuộc cấp tử trận, 95 người bị thương, trong đó có Ba cô và Đại Úy Cố Vấn Thomas E. Campbell.

Cô vô cùng cảm phục và hãnh diện về Ba, nhất là khi đọc đến đoạn trong hồi ký của ông Thomas Campbell :

«Hầu hết các quân nhân trong Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn bị thương, tôi bị thương. Tôi thấy Trung Úy Túc, Ban Ba, cũng bị thương nhưng ông vẫn ném lựu đạn vào bọn chúng. Sau trận này Trung Úy Túc được tưởng thưởng

huy chương Combat V. «

Cũng nhờ đọc «21 Năm Chiến Trận» Yvonne mới biết rằng bác Định, người đang lặng lẽ bắc cầu cho cô đi ngược dòng thời gian để tìm hiểu về đời lính của cha chính là một trong những người hùng của «Mùa Hè Đỏ Lửa» 1972. Ông chính là Lữ Đoàn Trưởng TQLC đã đem quân chiếm lại Cổ Thành Quảng Trị.

Với sự giúp đỡ và hướng dẫn của bác Định, Yvonne đã gửi email cho National Archives xem họ có lưu giữ giấy tờ gì về huy chương của Ba cô không.

Tháng 12 năm 2012, cô được National Archives xác định có tin chính thức về huy chương Combat V đã được tặng cho Đại Úy Trần Đăng Túc, Tiểu Đoàn 2 TQLC. Cô bèn làm đơn xin lại huy chương của Ba cô.

Sau đó, huy chương được gởi đến tận nhà.

Yvonne viết :

«Tôi không thể tưởng tượng được, tôi đã xin lại được huy chương của một người cha đã chết. Ông không chết mười năm, hai mươi năm, mà đã chết cả nửa thế kỷ rồi. Quá khứ và hiện tại, chia cách vì thời gian, hầu như xích gần lại nhờ cái huy chương này. Nắm huy chương gọn trong tay, tôi biết nếu tôi đã lấy lại được vinh dự

của một người lính đã chết, thì tôi cũng sẽ biết đến vinh dự của những người lính còn sống.

Chiến công, tôi biết đếm, nhưng tôi không đếm được hy sinh của người lính miền Nam trong suốt 21 năm chiến tranh. Khi Hoa Kỳ đã rút lui, thì súng đạn không còn nữa, họ vẫn đánh, đánh đến khi họ phải bắt buộc đầu hàng. Khi quê hương tôi mất, họ chỉ còn là người lính bại trận. Nếu thoát được khỏi ách Cộng Sản, người lính đó trở thành một người tỵ nạn, sống âm thầm, sống lặng lẽ trên xứ người. Còn người lính kẹt lại, họ bị bắt đi tù, bị hành hạ, bi chết đói, chết rét không ai biết đến, hay họ chỉ còn là thương phế binh lạc loài, bên lề cuộc đời trên chính quê hương mình. Hình ảnh của người lính TQLC can đảm, anh hùng, nhân đạo, và sống chết cho Danh Dự- Tổ Quốc mãi mãi sẽ là hình ảnh tôi mang theo».

Trong một lá thư gửi cho tôi, Yvonne nói rằng cháu rất hãnh diện về cha, nhưng ngoài chuyện riêng tư gia đình cha con, đối với đồng đội của cha, đối với đơn vị, với binh chủng và quân đội thì sao ?

Sau đây là nguyên văn lời chia sẻ của Yvonne với tôi. Lời nói như khắc ghi trên bia đá của một cô nhi, như tấm gương soi cho những ai, thế hệ trước và sau, xem thường sự hy sinh của người lính Việt Nam Cộng Hòa.

«Hãnh diện về cha chỉ là hãnh diện cá nhân, nhưng hãnh diện nhất của cháu là biết sự thật về chiến tranh đã có những người lính miền Nam hy sinh để bảo vệ Tô Quốc và đồng bào khiến cháu không thể nào quên được.»

2. Cô Nhi Nguyễn Thành Thật

Ngày 29 tháng 4 năm 2018, tại lễ kỷ niệm 43 năm ngày Quốc Hận trước Tượng Đài Chiến Sĩ Việt-Mỹ, Westminster City, tôi đang bồi hồi nhớ lại cảm xúc khi phải nhận lệnh buông súng lúc 12 giờ trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975 tại Bộ Chỉ Huy Căn Cứ Sóng Thần (Dĩ An), thì bất ngờ anh Ngọc, một quân nhân thuộc Hội TQLC Nam California, dẫn một người trung niên đến gặp tôi.

Người này mặc bên ngoài một cái áo trận TQLC hơi cũ với huy hiệu Trâu Điên, bảng tên «THA 1», Ngọc nói với anh ta :

«Đây là bác Cấp, người mà cháu muốn tìm».

Không chờ tôi lên tiếng, hai tay anh ta nắm chặt lấy tay tôi lắc lắc, miệng chào :

«Thưa bác, con là Nguyễn Thành Thật, bố con là Nguyễn Văn Thà, ngày xưa mang máy truyền tin cho bác, con có chuyện riêng muốn thưa với bác.»

Giữa trưa nắng Little Saigon mà tôi cảm thấy lạnh xương sống khi nghe nhắc đến tên «Thà», người mang máy truyền tin C25 cho tôi, đã tử trận hơn 50 năm về trước.

Sau buổi lễ, chúng tôi đến một nơi riêng tư hơn để nói chuyện. Thật nói :

«Thưa bác, con từ Sài Gòn sang Mỹ lo việc riêng, theo lời hướng dẫn của chú Tám, con đến tìm bác để xin bác kể cho con nghe về Ba con. Cái áo con được hãnh diện mặc đến đây chính là của Ba con, tức : «THÀ Đại Đội 1».

Chi tiết rất đúng, nhưng để xác định thực hư cho chắc, tôi hỏi thêm :

«Chú Tám nào, và quen biết với cháu ra sao mà chú ấy bảo cháu đến tìm tôi ?»

«Thưa bác, con ở Gò Vấp, gần nhà chú Tám, tức chú «Tám Nhót». Con chơi thân với thằng Tâm con chú Tám. Chú Tám kể là ngày xưa Ba con và chú ấy đều mang máy cho bác. Tết Mậu Tuất 2018 vừa qua, chú Tám nhận được quà của bác gửi về để tổ chức tất niên cho mấy người cùng đại đội, con được tham dự. Khi nghe con nói sắp sang Mỹ lo việc riêng thì chú Tám

khuyên con ráng tìm cách đến Little Sài Gòn để tìm bác mà hỏi về Ba con. Chú Tám còn dặn nhớ mang theo cái áo này để bác tin. Khi đến Little Saigon con nghe radio thông báo có buổi lễ kỷ niệm 30/4 được tổ chức tại tường đài Việt Mỹ nên con tìm đến, con thấy chú Ngọc mặc quân phục TQLC nên con nhờ chú tìm bác».

Hơn 50 năm về trước, Đại Đội 1 của tôi có hai hiệu thính viên, Nguyễn Văn Thà mang máy liên lạc với tiểu đoàn, và Nguyễn Văn Tám, tự «Tám Nhót» mang máy liên lạc với các trung đội. Vì Tám có tật hay trốn đi chơi nên tôi đặt cho cậu ta cái tục danh là «Tám Nhót» (nhảy nhót). Tám có thằng con tên Tâm. Nghe Thật nói thế là đúng rồi, tôi mừng quá vội choàng tay phải qua vai Thật xiết mạnh, tay trái xoa xoa đầu Thật. Cả hai bác cháu tôi cùng bồi hồi xúc động. Hồi lâu sau Thật mới lên tiếng :

«Cái áo trận này của bố con, tuy cũ nhưng con hãnh diện và giữ mãi kể từ sau ngày bố con tử trận. Con ước ao muốn tìm hiểu xem bố con đã chiến đấu và hy sinh như thế nào, con có hỏi chú Tám nhưng chú ấy không nhớ rõ, xin bác kể lại cho con nghe».

Những lời tâm sự của Thật làm cho vết thương trong lòng tôi như lại rỉ máu. Nén xúc động tôi kể lại tóm tắt cho Thật nghe những gì đã xảy ra hơn năm mươi năm

về trước mà như đang diễn ra trước mắt tôi :

«Trong trận Bời Lời ở mật khu Hố Bò, suốt đêm 16 tháng 9 năm 1968, Việt Cộng (VC) bao vây và tấn công vào vị trí Đại Đội 1 của bác nhưng không được. Tảng sáng ngày 17 tháng 9 thì nghe chúng bắn rất mạnh và hô «xung phong», (chuyện này hay xảy ra mà tài liệu học tập trong quân trường gọi là «tấn công rạng đông»)... Lúc đó bác đang ngồi trên miệng hố cùng cố vấn Mỹ để điều khiển trực thăng Cobras tác xạ. Ngồi bên cạnh là chú Tám và Ba cháu đang liên lạc máy. Bất ngờ Ba cháu phát giác một tên VC núp trong bụi rậm gần đó cầm lựu đạn chạy tới...Vì là hiệu thính viên chỉ trang bị súng Colt 45 không kịp bắn nên Thà vội quăng ống liên hợp rồi phóng tới ôm tên VC vật ngã nó xuống. Lựu đạn tên VC cầm tay và chất nổ cài trong người hắn đã phát nổ. Tiếng nổ lớn, bùn sình cỏ cây văng tung tóe, hậu quả là xác Ba cháu nằm đè lên xác tên VC cách chỗ bác ngồi chừng mười thước. Bố Thà cháu đã hy sinh để cứu đồng đội, cứu bác, và cố vấn Mỹ. Thật là cao cả».

Tôi nhớ lại ngày xưa, mỗi khi từ vùng hành quân trở về thì hai con của Thà và Tám từ trại gia binh nằm sát doanh trại đều chạy vào đón bố. Nhìn cha con họ quyến luyến, cười đùa khiến tôi vui lây.

Nhưng sau chuyến hành quân Bời Lời ngày 17 tháng 9 năm 1968 trở về, con của Tám chạy đến ôm chân bố, còn cháu Thật đầu chít khăn tang, không thấy bố Thà nên đứng sụt sùi khóc !

Thương cháu quá, tôi vội ngồi xuống ôm cháu vào lòng. Mọi lời nói đều vô nghĩa, tôi xoa-xoa đầu cháu. Năm mươi năm sau, tôi vô tình lập lại cử chỉ đó với người đàn ông trung niên này, như tôi đã xoa đầu thằng bé bốn tuổi sau ngày Ba cháu tử trận.

Cháu Thật ngồi chăm chú nghe tôi kể chi tiết về tấm gương anh dũng của Ba và những kỷ niệm ngày xưa khiến cháu xúc động, vừa lau nước mắt vừa nói :

«Thưa bác, mất Ba là một điều vô cùng đau khổ và thiệt thòi đối với tuổi thơ chúng con, nhưng nay biết được sự hy sinh của Ba như thế, con vô cùng hãnh diện...»

3. Cô Nhi Jimmy Nguyễn Bowden

Nếu ta quan niệm rằng có những kỷ niệm để nhớ thương đã là may mắn, thì cậu bé Nguyễn Hải Phúc tức Jimmy Nguyễn Bowden lại bất hạnh hơn vì cha tử trận khi cháu mới sinh được Ba tháng nên cháu không hề nhớ mặt cha.

Cha của Hải Phúc là Trung Úy Nguyễn Văn Nhượng, Đại Đội Trưởng Đại Đội 2 Tiểu Đoàn 7. Trước khi Nhượng thuyên chuyển sang Tiểu Đoàn 7 mới thành lập thì Nhượng thuộc Tiểu Đoàn 2 nổi tiếng với biệt hiệu Trâu Điên.

Kể từ khi có trí khôn cho tới lúc trưởng thành, Hải Phúc luôn chú tâm tới việc đi tìm tung tích của cha, luôn mang theo bên mình tấm hình của cha.

Năm 2015, cậu bé Nguyễn Hải Phúc đã trở thành luật sư Jimmy Nguyễn Bowden từ Oklahoma sang Houston TX mở Law Offices. Bằng một nhân duyên kỳ diệu, người chủ cơ sở bên cạnh văn phòng của Jimmy có bạn là một TQLC. Với sự tha thiết muốn biết về cha, Jimmy như người tìm được một đầu dây. Jimmy đã lần lần tìm ra manh mối và đã gặp được chú TQLC Nguyễn Kha Lạt, hiện định cư tại Saginaw Dallas, Texas, là thuộc cấp của cha ngày xưa. Lạt đã cùng tham dự trận đánh với Nhượng và chứng kiến lúc Nhượng tử trận. Lạt kể :

«Ngày 20 tháng 6 năm 1970, khi anh Nhượng được lệnh dẫn đại đội đi hộ tống đoàn xe tiếp tế cho đồng bào tại Preyveng Campuchia thì bị VC phục kích, xạ thủ đại liên tử trận, trong lúc nguy ngập, chính anh Nhượng đã thay thế xạ thủ đại liên bắn chặn để ngăn địch quân tràn lên và anh đã tử trận. Vì quá thương tiếc và khâm phục

lòng dũng cảm của cấp chỉ huy nên tôi (Lạt) luôn để tấm hình của Trung Úy Nhượng chụp chung với Thiếu Úy Truyền trên bàn thờ. Tôi cũng đã gửi tấm hình này cho Chị Nhượng sau khi anh hy sinh. Đó cũng chính là tấm hình Jimy mang theo bên mình».

Hai chú cháu Lạt-Jimmy liên lạc với nhau, gặp nhau tại Texas để so sánh tấm hình của do chính Lạt chụp chỉ một thời gian ngắn trước khi Nhượng hy sinh. Và rồi hai người, một già một trẻ, chưa từng biết nhau, chưa từng nghe đến tên nhau đã trở thành chú, cháu.

Sau bốn mươi lăm năm tìm kiếm, Jimmy được nghe chú Lạt kể về chuyện của cha. Dù đã thành danh, nhưng Jimmy cảm thấy mình quá nhỏ bé trước hình bóng của cha trong bộ quân phục rằn ri. Đó là hình ảnh của cha trước khi cha đi vào trận chiến và đi mãi không về ! Nay Jimmy bất ngờ nghe được những chi tiết cuối đời của cha, cha như sống lại trong tim. Jimmy vội mặc chiếc áo trận của cha, đứng dưới tấm hình của cha và các bạn đồng Khóa 21 Võ Bị mà cháu vẫn trưng trong office để chụp hình.

Jimmy cười :

- I very happy now and I like to wear my father»s TQLC jacket. I share my feelings when I wear it. (Con

quá hạnh phúc khi được mặc cái áo trận TQLC của Ba con.)

Mẹ Jimmy (chị Nhượng) tâm sự :

«Tôi và Jimmy đã theo dõi những tin tức qua truyền hình và báo chí VN, tôi đã đọc những quyển đặc san các đơn vị quân đội VN để tìm hình ảnh của anh Nhượng. Nhất là Jimmy cứ ước mong tìm được đồng đội, đồng khóa của bố. Dù không nhớ mặt bố, nhưng cháu luôn luôn giữ bên mình tấm hình bố do chú Lạt chụp ngày xưa. Từ nhỏ đến nay lúc nào cháu cũng buồn mà lại thích mặc những bộ đồ hoa rừng của bố. Sau khi tìm được tin tức về bố, thay vì gọi điện thoại, thì cháu vội vã chạy từ Houston (Texas) về Oklahoma để nắm tay tôi rồi nói với tôi : «Mẹ, con đã tìm được Bố, gặp được chú Lạt cùng đơn vị với Bố rồi». Lâu lắm tôi mới nhìn thấy cháu cười khi nhắc tới Bố».

Lòng mong ước của con (Jimmy) đã tìm thấy cha cũng là ước nguyện của bà mẹ (chị Nhượng), dường như chỉ chờ có thế nên sau đó vài tháng chị Nhượng đã đột ngột «đoàn tụ» với chồng (Nguyễn Văn Nhượng.)

4. Cô Nhi Marie Tô

Marie Tô là con gái của Đại Úy Tô Thanh Chiêu. Khi Chiêu tử trận thì Marie Tô chưa ra đời. Trong một lần họp mặt gia đình, cháu Marie Tô đến hỏi tôi :

«Thưa bác, con đọc cuốn truyện «Tháng Ba Gãy Súng» của tác giả Cao Xuân Huy, thấy tác giả có viết về Ba con là Tô Thanh Chiêu. Con cũng có đọc bài : «Những Ngày Tháng Sau Cùng...» của bác, trong đó bác viết về Ba con. Con ao ước bác kể cho con nghe về Ba con đã chiến đấu và tử trận như thế nào ? Vì trong Law Offices của con có mấy bạn đồng nghiệp cứ hãnh diện khoe rằng Daddy của họ đã chiến đấu và tử trận ở Việt Nam, còn con là người Việt Nam, có Ba tử trận tại VN mà không biết gì về Ba con thì buồn quá !»

Chiêu và tôi là anh em con chú, con bác. Chúng tôi ở cùng Binh Chủng TQLC, cùng bị thương, cùng được về làm việc tại Trung Tâm Huấn Luyện tại Rừng Cấm, Thủ Đức.

Chiêu mồ côi cha mẹ từ khi còn nhỏ nên anh em Chiêu rất thương yêu và lo cho nhau. Khi Chiêu bị thương, anh ruột Chiêu là Tô Đức Hạnh, (dân biểu Quốc Hội đơn vị bầu cử Lâm Đồng) muốn đem Chiêu về tiểu khu Lâm Đồng, an toàn hơn đi tác chiến nhưng Chiêu nhất định

không chịu. Chỉ một thời gian ngắn sau, Chiêu quyết định xin ra đơn vị tác chiến là Tiểu Đoàn 4 TQLC, biệt hiệu là «Kình Ngư». Hắn nói với tôi : «Sẽ sống với Kình Ngư và chết với Kình Ngư.»

Khi nghe Marie hỏi về Chiêu, tôi mở lại những trang ký ức để kể với cháu :

Vào «Những Ngày Tháng Sau Cùng» đó, tháng 3 năm 1975, Lữ Đoàn 147 TQLC gồm các Tiểu Đoàn 3, 4, 5, 7 và Pháo Binh TQLC được lệnh rút từ Huế ra bờ biển Thuận An để tàu Hải Quân vào đón đưa về Đà Nẵng. Ngoài ra còn đồng bào và các quân nhân khác lạc đơn vị đi theo TQLC nên đoàn người lên đến hơn ba ngàn người. Vì sóng to gió lớn tàu Hải Quân không vào đón được, không được tiếp tế đạn được và lương thực, lại còn Việt Cộng thì tiếp tục pháo kích và tấn công làm cho quân ta và đồng bào bị thương và chết rất nhiều.

Khoảng 5 giờ chiều ngày 25 tháng 4 năm 1975, VC pháo kích và tấn công vào vị trí phòng thủ của Tiểu Đoàn 4 TQLC ở bãi biển Thuận An khiến Tiểu Đoàn Phó là Thiếu Tá Nguyễn Trí Nam và Đại Đội Trưởng Đại Đội 2 là Đại Úy Tô Thanh Chiêu cùng tử trận. Sau khi thương binh và tử sĩ được đem về trạm xá TQLC trong căn cứ Non Nước, tôi đến đó tìm xác em thì chỉ thấy xác Thiếu Tá Tá Nam. Đồng đội Chiêu cho biết

khi chuyển xác Chiêu lên tàu Hải Quân trong lúc hỗn loạn thì xác bị rớt trở lại xuống biển, mất tích !

Phần tôi, vào lúc 7 giờ sáng ngày 29 tháng 3 năm 1975, từ bờ biển Non Nước, tôi đành gạt nước mắt trôi dạt ra tàu Hải Quân rồi xuôi Nam, để lại xác Chiêu thì nằm đâu đó cùng nhiều đồng đội khác bên bờ biển thôn An Dương, Thuận An và Non Nước Đà Nẵng.

Cho tới năm 2012, đồng bào thôn An Dương và các thôn dọc theo bờ biển Thuận An đã thu gom được tất cả 132 bộ xương trôi dạt vào bờ, trồi lên mặt cát. Các ân nhân này đem các bộ xương này tập trung vào một khu gọi là nghĩa trang với bia đá : «Thập Loại Cô Hồn Hiển Hách Chi Mộ».

Những TQLC còn sống sót vào ngày đó đã trở lại thăm chiến trường xưa và tìm được tin tức và hình ảnh về ngôi mộ này.

Tin này đã đến với Tổng Hội TQLC Hải Ngoại. Để cám ơn tấm lòng của người dân sống dưới chế độ CS đã không quản ngại khó khăn, vẫn nhớ đến những người lính TQLC Việt Nam Cộng Hòa năm xưa mà tặng cho một mái nhà chung «Hiển Hách Chi Mộ», Tổng Hội TQLC Hải Ngoại đã gửi một số hiện kim nhờ đồng bào làm lễ cầu siêu cho các anh linh nhưng cường quyền địa

phương không cho phép.

Khi nghe tin tức về những bộ hài cốt TQLC ở thôn An Dương, nhà báo Huy Phương đã mời tôi nói chuyện trong chương trình Huynh Đệ Chi Binh trên đài truyền hình SBTN về sự kiện này và trận chiến tại bờ biển Thuận An. Trong buổi nói chuyện, trên màn hình có chiếu tên tôi và số điện thoại.

Một thời gian sau tôi nhận được tin nhắn báo cho biết ngoài những bộ xương, người dân còn nhặt được một số thẻ bài (*) trong đó có một tấm mang tên Tô Thanh Chiêu. Nhưng rất tiếc người nhắn tin này không để lại số điện thoại nên chúng tôi không thể liên lạc để biết rõ chi tiết.

Khi tôi báo cho anh ruột Chiêu là Tô Đức Hạnh và gia đình Chiêu về tin tức này thì mọi người vô cùng xúc động, bàn tính làm cách nào để đón Chiêu về với gia đình, nhất là Marie Tô mong ước có được tấm thẻ bài khắc tên Tô Thanh Chiêu. Đó là một kỷ vật vô cùng quý giá đối với Marie Tô.

Tuy nhiên, sau vài lần bàn tính, gia đình Chiêu và tôi cùng đồng ý rằng :

Nếu chỉ có một bộ xương và tấm thẻ bài thì dễ dàng, nhưng không liên lạc được với người cho biết tin về tấm thẻ bài nên không biết rõ thực hư.

Nếu trong 132 bộ xương đó có Chiêu thì bằng cách nào để xác định ? Vậy thì hãy cứ để Chiêu «sum họp» cùng đồng đội. Khi sống Chiêu chiến đấu cùng anh em dưới mái nhà «Kình Ngư», thì khi hy sinh cứ để Chiêu đoàn tụ cùng đồng đội dưới nấm mồ «Hiển Hách Chi Mộ».

Sống «Anh Hùng», chết «Hiển Hách», đó đã là một vinh dự và an ủi rồi. Hằng năm, cứ vào ngày 25 tháng 3 thì anh em con cháu Tô Thanh Chiêu xin lễ và dâng hương hoa cho Chiêu cùng 131 anh linh tử sĩ TQLC tại thôn An Dương là tốt nhất.

Thân phụ của các cô nhi kể trên là đồng đội, là anh em thân thiết của tôi, đã từng sống chết bên nhau, vì thế tôi coi các cháu như những người cùng một gia đình.

Dù thân phụ tử trận khi các cháu còn quá nhỏ hoặc chưa sinh ra, sau gần nửa thế kỷ, các cháu đã trưởng thành, đã thành công dân Mỹ, nhưng vẫn tìm về cội nguồn và hãnh diện có cha đã hy sinh cho Tổ Quốc Việt Nam. Chúng tôi cảm thấy có bổn phận kể lại cho các cháu những điều chúng tôi chúng tôi biết về cha các

cháu. Từ đó các cháu mới hiểu vì sao các cháu có mặt trên đất nước văn minh này mà nhớ ơn các người lính Việt Nam Cộng Hòa.

Nhưng còn biết bao nhiêu cô nhi tương tự khác cũng đang mong ước tìm hiểu về cha. Các cháu tìm tài liệu ở nơi đâu ? Đó là câu hỏi tôi luôn mang trong lòng và tôi hy vọng những ai là đồng đội của các tử sĩ, những người ngày nay còn đang được hít thở không khí tự do cũng có cùng câu hỏi đó./.

Capvanto

Chú Thích :

(*) Thẻ bài là miếng inox ghi tên, số quân, loại máu mà mỗi quân nhân bắt buộc phải luôn đeo vào cổ. Khi bị thương thì y tá biết ngay là loại máu nào (A, B, A+B, O) mà tiếp máu. Trong trường hợp tử thương, vì lý do xác «tan nát» hay biến dạng, không nhận diện được thì thẻ bài mang theo để nhận diện danh tánh./.

Capvanto

MỤC LỤC

Lạc Mất Mùa Xuân	4
Cô Bé và Mưa	16
Cancun, Hạ Vàng Biển Xanh	31
Hàng Hiếm Nơi Xứ Lạ	43
Cậu Bé và Người Nhặt Rác	67
Hồi Ức Mậu Thân : Xuân Này Nhớ Xuân Xưa	78
Loki Mắt Hai Màu	87
Nhịp Đập Trái Tim	101
Hưởng Thụ Mùa Đông Minnesota	115
Đối Diện Với Khó Khăn	129
Saigon 68 Và Ông Sáu Lèo	150
Năm Đó, Chị Em Tôi Mất Bố	170
Công Viên Xưa	187
Mậu Thân Trong Xóm Tôi	206
Báo Xuân, Hội Xuân, Và Khách Văn	217
Huế, Tôi và Mậu Thân	235
Đã Có Những Mùa Xuân Như Thế	269
Nó và Tôi	283
Tử Thần Bỏ Sót	306
Những Người Lính Chưa Hề Giải Ngũ	324
Người Yêu Trâu Điên	343
Anh Lính Chiến và Người Phóng Viên	354

Tháng Tư Ngậm Ngùi	372
Thương Huế Ngậm Ngùi	379
Khi Mẹ Hơn 100 Tuổi	394
Mậu Thân Và Diều Băng...	402
Maui-Hawaii Và «Ba Bà Ca Li»	411
Tuổi Thơ ở Mỹ	442
Một Chuyến Đi Tây	451
Chuyện Ba Thành Phố	478
30 Tháng Tư	488
Hồng Nhan Bạc Lẻ	501
Chuyện Tháng Tư Buồn	510
Nhóc Con «Vượt Biển Mồ Côi»	521
Tết Mậu Thân Chẳng Thể Quên	533
Sau Ngày 30 Tháng Tư	541
Bỏ Mứa !	554
Sài Gòn Chợ Lớn Tết Mậu Thân	570
Coi Bói - Xin Xăm	583
Tôi Đi Làm Việc Ở Trung Đông	595
Đứa Con Lai... Hải Tặc	607
Mẹ Chồng Tôi	626
Cái Tên Để Đời	645
Xôn Xao Tình Mẹ	666
Thế Hệ Thứ Hai, Chuyện Tháng Tư Và Mẹ	677
Chỉ Có Một Trên Đời	689
Chín Con Chăm Một Mẹ	701

Người Mẹ Can Cường	720
Lá Rụng Về Cội, Mẹ Thời Nơi Đâu ?	730
Tết Mậu Thân : Ký Ức Về Lính Mỹ	743
Một Đèo, Một Đèo, Lại Một Đèo	755
Khi Mùa Xuân Qua	768
Ký Ức Mậu Thân : Kẹt Giữa Hai Lằn Đạn	778
Em - Mộng Thường	792
Nỗi Đau Vẫn Còn Đó	803
Chuyện Mắt Già, Mắt Cườm, Mổ Mắt	811
Tấm Hình Xưa	820
Ăn Welfare	843
Nàng Tiên Răng - Tooth Fairy	852
Thay Thận ở Mỹ	861
Trăm Năm Hai Chữ : Vô Thường	872
Chuyện Từ Một Căn Cứ Mỹ Ở AFG	881
Chuyện Tình... Hải Tặc	896
Cặp Mắt Long Lanh của Cô «Thầy Bói»	920
Việt Ngữ Và Bà Ngoại Mỹ	933
Tết Mậu Thân Ở Cà Mau	956
Khung Trời Đỏ	965
Mùng Một Tết Mậu Thân, Thoát Chết	978
Hai Quê	989
Cháu Hãnh Diện Về Ba	1002